

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

大般涅槃經

TẬP VI  
(QUYỂN 31 - QUYỂN 36)

TAM TẠNG PHÁP SƯ ĐÀM VÔ SẮM Hán dịch

ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch và chú giải

NGUYỄN MINH HIỂN hiệu đính Hán văn

TÁI BẢN CÓ CHỈNH SỬA VÀ BỔ SUNG

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

願  
解  
如  
來  
真  
實  
義

我  
今  
見  
聞  
得  
受  
持



無  
上  
甚  
深  
微  
妙  
法

百  
千  
萬  
劫  
難  
遭  
遇

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Kinh Phật dạy rằng: “Thấy kinh như thấy Phật.”

Kinh điển Đại thừa hiện ở nơi đây, tức mười phương chư Phật đều hiện hữu nơi đây, chư Bồ Tát hộ pháp cũng tụ hội quanh đây. Người đọc kinh này nếu muốn hiểu được ý nghĩa nhiệm mầu sâu xa trong văn kinh, trước hết phải có lòng tin sâu như vậy, sau đó nên chí thành phát lời nguyện rằng:

“Chánh pháp Như Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được, dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp. Nay con đã nhận được Kinh điển Đại thừa Đại Bát Niết-bàn này để tu tập hành trì, nguyện khai mở trí tuệ để thấu hiểu nghĩa lý sâu xa chân thật trong từng lời thuyết giảng của đức Như Lai.”

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật

# 大般涅槃經

## 卷第三十一

### 師子吼菩薩品

#### 第十一之五

師子吼言。世尊。如經中說。若毘婆舍那能破煩惱。何故復修奢摩他耶。

佛言。善男子。汝言毘婆舍那破煩惱者。是義不然。何以故。有智慧時則無煩惱。有煩惱時則無智慧。云何而言毘婆舍那能破煩惱。善男子。譬如明時無闇闇時無明。若有說言明能破闇。無有是處。

善男子。誰有智慧。誰有煩惱。而言智慧能破煩惱。如其無者則無所破。

善男子。若言智慧能破煩惱。為到故破不到故破。若不到破者。凡夫眾生則應能破。若到故破者。初念應破。若初念不破後亦不破。若初到便破是則不到。云何說言智慧能破。若言到與不到而能破者。是義不然。

復次毘婆舍那破煩惱者。為獨能破。為伴故

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ TAM THẬP NHẤT

### SU TỬ HỒNG BỒ TÁT PHẨM

#### ĐỆ THẬP NHẤT CHI NGŨ

Su Tử Hồng ngôn: Thế Tôn! Như kinh trung thuyết, nhược tỳ-bà-xá-na năng phá phiền não, hà cố phục tu xa-ma-tha da?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ ngôn tỳ-bà-xá-na phá phiền não giả. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Hữu trí tuệ thời, tác vô phiền não; hữu phiền não thời, tác vô trí tuệ. Vân hà nhi ngôn tỳ-bà-xá-na năng phá phiền não? Thiện nam tử! Thí như minh thời, vô ám; ám thời, vô minh. Nhược hữu thuyết ngôn minh năng phá ám, vô hữu thị xứ.

Thiện nam tử! Thùy hữu trí tuệ, thùy hữu phiền não, nhi ngôn trí tuệ năng phá phiền não? Như kỳ vô giả, tác vô sở phá.

Thiện nam tử! Nhược ngôn trí tuệ năng phá phiền não, vị đao, cố phá, bất đao, cố phá? Nhược bất đao phá giả, phạm phu chúng sanh tác ưng năng phá! Nhược đao cố phá giả, sơ niệm ưng phá! Nhược sơ niệm bất phá, hậu diệt bất phá. Nhược sơ đao tiện phá, thị tác bất đao. Vân hà thuyết ngôn trí tuệ năng phá? Nhược ngôn đao dĩ bất đao, nhi năng phá giả, thị nghĩa bất nhiên.

Phục thứ, tỳ-bà-xá-na phá phiền não giả, vị độc năng phá, vị bần cố phá? Nhược độc năng phá, Bồ Tát hà cố tu Bát chánh

破。若獨能破菩薩何故修八正道。若伴故破。當知獨則不能破也。若獨不能伴亦不能。如一盲人不能見色。雖伴眾盲亦不能見。毘婆舍那亦復如是。

善男子。如地堅性火熱性水濕性風動性。而地堅性乃至風動性。非因緣作。其性自爾。如四大性煩惱亦爾。性自是斷。若是斷者。云何而言智慧能斷。以是義故。毘婆舍那決定不能破諸煩惱。

善男子。如鹽性鹹令異物鹹。蜜本性甘令異物甘。水本性濕令異物濕。智慧性滅令法滅者。是義不然。何以故。若法無滅。云何智慧彊能令滅。若言鹽鹹令異物鹹。慧滅亦爾。令異法滅者。是亦不然。何以故。智慧之性念念滅故。若念念滅。云何而言能滅他法。以是義故。智慧之性不破煩惱。

善男子。一切諸法有二種滅。一性滅。二畢竟滅。若性滅者。云何而言智慧能滅。

若言智慧能滅煩惱如火燒物。是義不然。何以故。如火燒物則有遺燼。智慧若爾應有餘燼。

如斧伐樹破處可見。智慧若爾有何可見。

慧若能令煩惱離者。如是煩惱應餘處現。如諸外道離六大城拘尸那現。若是煩惱不餘處現。則知智慧不能令離。

đạo? Nhược bạn cố phá, đương tri độc tác bất năng phá dã. Nhược độc bất năng, bạn diệt bất năng. Như nhất manh nhân bất năng kiến sắc; tuy bạn chúng manh, diệt bất năng kiến. Tỳ-bà-xá-na diệt phục như thị.

Thiện nam tử! Như địa kiên tánh, hỏa nhiệt tánh, thủy thấp tánh, phong động tánh. Nhi địa kiên tánh nãi chí phong động tánh, phi nhân duyên tác; kỳ tánh tự nhĩ. Như tứ đại tánh, phiền não diệt nhĩ, tánh tự thị đoạn. Nhược thị đoạn giả, vân hà nhi ngôn trí tuệ năng đoạn? Dĩ thị nghĩa cố, Tỳ-bà-xá-na quyết định bất năng phá chư phiền não.

Thiện nam tử! Như diêm tánh hàm, linh dị vật hàm. Mật bốn tánh cam, linh dị vật cam. Thủy bốn tánh thấp, linh dị vật thấp. Trí tuệ tánh diệt, linh pháp diệt giả; thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Nhược pháp vô diệt, vân hà trí tuệ cương năng linh diệt? Nhược ngôn diêm hàm, linh dị vật hàm; tuệ diệt diệt nhĩ, linh dị pháp diệt giả. Thị diệt bất nhiên. Hà dĩ cố? Trí tuệ chi tánh, niệm niệm diệt cố. Nhược niệm niệm diệt, vân hà nhi ngôn năng diệt tha pháp? Dĩ thị nghĩa cố, trí tuệ chi tánh bất phá phiền não.

Thiện nam tử! Nhất thiết chư pháp hữu nhị chủng diệt: nhất tánh diệt, nhị tất cánh diệt. Nhược tánh diệt giả, vân hà nhi ngôn trí tuệ năng diệt?

Nhược ngôn trí tuệ năng diệt phiền não, như hỏa thiêu vật; thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Như hỏa thiêu vật, tác hữu di tận. Trí tuệ nhược nhĩ, ưng hữu dư tận!

Như phủ phạt thụ, phá xứ khả kiến. Trí tuệ nhược nhĩ, hữu hà khả kiến?

Tuệ nhược năng linh phiền não ly giả, như thị phiền não ưng dư xứ hiện! Như chư ngoại đạo, ly lục đại thành, Câu-thi-na hiện. Nhược thị phiền não bất dư xứ hiện, tác trí trí tuệ bất năng linh ly.

善男子。一切諸法性若自空誰能令生。誰能令滅。異生異滅無造作者。

善男子。若修習定則得如是正知正見以是義故。我經中說。若有比丘修習定者。能見五陰生滅之相。

善男子。若不修定。世間之事尚不能了。況於出世。若無定者。平處顛墜。心緣異法。口宣異言。耳聞異語。心解異義。欲造異字手書異文。欲行異路身涉異徑。若有修習三昧定者。則大利益。乃至阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。菩薩摩訶薩具足二法能大利益。一定。二智。

善男子。如刈菅草執急則斷。菩薩摩訶薩修是二法。亦復如是。

善男子。如拔堅木先以手動後則易出。菩薩定慧亦復如是。先以定動後以智拔。

善男子。如浣垢衣先以灰汁後以清水衣則鮮潔。菩薩定慧亦復如是。

善男子。如先讀誦後則解義。菩薩定慧亦復如是。

善男子。譬如勇人先以鎧仗牢自莊嚴。然後禦陣能壞怨賊。菩薩定慧亦復如是。

善男子。譬如工匠鉗鞴盛金，自在隨意撓攪鎔消。菩薩定慧亦復如是。

Thiện nam tử! Nhất thiết chư pháp, tánh nhược tự không, thù năng linh sanh? Thù năng linh diệt? Dị sanh, dị diệt, vô tạo tác giả.

Thiện nam tử! Nhược tu tập định, tác đắc như thị chánh tri, chánh kiến. Dĩ thị nghĩa cố, ngã kinh trung thuyết: Nhược hữu tỳ-kheo tu tập định giả, năng kiến ngũ ấm sanh diệt chi tướng.

Thiện nam tử! Nhược bất tu định, thế gian chi sự, thượng bất năng liễu, huống ư xuất thế? Nhược vô định giả, bình xứ diên trụ: tâm duyên dị pháp, khẩu tuyên dị ngôn, nhĩ văn dị ngữ, tâm giải dị nghĩa; dục tạo dị tự, thủ thơ dị văn; dục hành dị lộ, thân thiệp dị kính. Nhược hữu tu tập tam-muội định giả, tác đại lợi ích, nãi chí A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, cụ túc nhị pháp, năng đại lợi ích: nhất định nhị trí.

Thiện nam tử! Như giải quản thảo, chấp cấp tác đoạn. Bồ Tát ma-ha-tát tu thị nhị pháp, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Như bạt kiên mộc, tiên dĩ thủ động, hậu tác dị xuất. Bồ Tát định, tuệ, diệc phục như thị; tiên dĩ định động, hậu dĩ trí bạt.

Thiện nam tử! Như hoán cấu y, tiên dĩ khô tráp, hậu dĩ thanh thủy; y tác tiên khiết. Bồ Tát định, tuệ, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Như tiên độc tụng, hậu tác giải nghĩa. Bồ Tát định, tuệ, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như dũng nhân, tiên dĩ khải, trượng, lao tự trang nghiêm, nhiên hậu ngự trận, năng hoại oán tặc. Bồ Tát định, tuệ, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như công tượng, kiêm, bị, thịnh kim; tự tại tùy ý nạo giáo, dung tiêu. Bồ Tát định, tuệ, diệc phục như thị.



善男子。譬如明鏡照了面像。菩薩定慧亦復如是。

善男子。如先平地然後下種。先從師受後思惟義。菩薩定慧亦復如是。以是義故。菩薩摩訶薩修是二法能大利益。

善男子。菩薩摩訶薩修是二法。調攝五根堪忍眾苦。所謂飢渴寒熱打擲罵辱。惡獸所嚙蚊虻所螫。常攝其心不令放逸。不為利養行於非法。客塵煩惱所不能污。不為諸邪異見所惑。常能遠離諸惡覺觀。不久成就阿耨多羅三藐三菩提。為欲成就利益眾生故。

善男子。菩薩摩訶薩修是二法。四倒暴風不能吹動。如須彌山雖為四風之所吹鼓不能令動。不為外道邪師所拔。如帝釋幢不可移轉。眾邪異術不能誑惑。常受微妙第一安樂。能解如來深祕密義。受樂不欣逢苦不感。諸天世人恭敬讚歎。明見生死及非生死。善能了知法界法性。身有常樂我淨之法。是則名為大涅槃樂。

善男子。定相者名空三昧。慧相者名無願三昧。捨相者名無相三昧。善男子若有菩薩摩訶薩善知定時慧時捨時及知非時。是名菩薩摩訶薩行菩提道。

師子吼言。世尊。云何菩薩知時非時。

Thiện nam tử! Thí như minh kính, chiếu liễu diện tượng. Bồ Tát định, tuệ, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Như tiên bình địa, nhiên hậu hạ chủng; tiên tùng sư thọ, hậu tư duy nghĩa. Bồ Tát định, tuệ, diệc phục như thị. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát ma-ha-tát tu thị nhị pháp, năng đại lợi ích.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, tu thị nhị pháp, điều nhiếp ngũ căn, kham nhẫn chúng khổ, sở vị: cơ khát, hàn nhiệt đả trích, mạ nhục, ác thú sở khiết, văn manh sở thích. Thường nhiếp kỳ tâm, bất linh phóng dật. Bất vị lợi dưỡng, hành ư phi pháp. Khách trần phiền não, sở bất năng ô; bất vi chư tà dị kiến sở hoặc. Thường năng viễn ly chư ác giác quán. Bất cử thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vị dục thành tựu lợi ích chúng sanh cố.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, tu thị nhị pháp, tứ đảo bạo phong bất năng xuy động; như Tu-di sơn, tuy vi tứ phong chi sở xuy cố, bất năng linh động. Bất vi ngoại đạo tà sư sở bạt; như Đế-thích tràng, bất khả di chuyển. Chúng tà dị thuật bất năng cưỡng hoặc; thường thọ vi diệu đệ nhất an lạc. Năng giải Như Lai thâm bí mật nghĩa. Thọ lạc bất hân, phùng khổ bất thích. Chư thiên, thế nhân cung kính tán thán. Minh kiến sanh tử cập phi sanh tử; thiện năng liễu tri pháp giới, pháp tánh, thân hữu thường, lạc, ngã, tịnh chi pháp. Thị tác danh vi Đại Niết-bàn lạc.

Thiện nam tử! Định tướng giả, danh không tam-muội. Tuệ tướng giả, danh vô nguyện tam-muội. Xả tướng giả, danh vô tướng tam-muội. Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát ma-ha-tát thiện tri định thời, tuệ thời, xả thời, cập tri phi thời, danh Bồ Tát ma-ha-tát hành Bồ-đề đạo.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Vân hà Bồ Tát tri thời, phi thời?

善男子。菩薩摩訶薩因於受樂生大憍慢。或因說法而生憍慢。或因精勤而生憍慢。或因解義善問答時而生憍慢。或因親近惡知識故而生憍慢。或因布施所重之物而生憍慢。或因世間善法功德而生憍慢。或因世間豪貴之人所恭敬故而生憍慢。當知爾時不宜修智宜應修定。是名菩薩知時非時。

若有菩薩勤修精進。未得利益涅槃之樂。以不得故生於悔心。以鈍根故不能調伏五情諸根。諸垢煩惱勢力盛故。自疑戒律有羸損故。當知爾時不宜修定宜應修智。是名菩薩知時非時。

善男子。若有菩薩定慧二法不平等者。當知爾時不宜修捨。二法若等則宜修之。是名菩薩知時非時。

善男子。若有菩薩修習定慧起煩惱者。當知爾時不宜修捨。宜應讀誦書寫解說十二部經。念佛，念法，念僧，念戒，念天，念捨。是名修捨。

善男子。若有菩薩修習如是三法相者。以是因緣得無相涅槃。

師子吼言。世尊。無十相故名大涅槃，為無相者。復以何緣。名為無生無出無作屋宅洲歸安隱滅度涅槃寂靜無諸病苦無所有耶。

佛言。善男子。無因緣故。故名無生。以無生故。故名無出。無造業故。故名無作。不入五見故

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát nhân ư thọ lạc, sanh đái kiêu mạn. Hoặc nhân thuyết pháp, nhi sanh kiêu mạn. Hoặc nhân tinh cần, nhi sanh kiêu mạn. Hoặc nhân giải nghĩa, thiện vấn đáp thời, nhi sanh kiêu mạn. Hoặc nhân thân cận, ác tri thức cố, nhi sanh kiêu mạn. Hoặc nhân bố thí sở trọng chi vật, nhi sanh kiêu mạn. Hoặc nhân thế gian thiện pháp công đức, nhi sanh kiêu mạn. Hoặc nhân thế gian hào quý chi nhân sở cung kính cố, nhi sanh kiêu mạn. Đương tri nhĩ thời, bất nghi tu trí; nghi ưng tu định. Thị danh Bồ Tát tri thời, phi thời.

Nhược hữu Bồ Tát, cần tu tinh tấn, vị đắc lợi ích Niết-bàn chi lạc. Dĩ bất đắc cố, sanh ư hối tâm. Dĩ độn căn cố, bất năng điều phục ngũ tình chư căn. Chư cấu phiền não thế lực thanh cố, tự nghi giới luật hữu luy tổn cố. Đương tri nhĩ thời, bất nghi tu định, nghi ưng tu trí. Thị danh Bồ Tát tri thời, phi thời.

Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát, định, tuệ nhị pháp bất bình đẳng giả, đương tri nhĩ thời, bất nghi tu xả. Nhị Pháp nhược đẳng, tác nghi tu chi. Thị danh Bồ Tát tri thời, phi thời.

Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát, tu tập định, tuệ khởi phiền não giả; đương tri nhĩ thời, bất nghi tu xả; nghi ưng đọc, tụng, thơ tả, giải thuyết Thập nhị bộ kinh; niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thiên, niệm xả. Thị danh tu xả.

Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát tu tập như thị tam pháp tướng giả, dĩ thị nhân duyên, đắc vô tướng Niết-bàn.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Vô thập tướng cố, danh Đại Niết-bàn, vi vô tướng giả. Phục dĩ hà duyên danh vi vô sanh, vô xuất, vô tác, ốc trạch, châu, quy, an ổn, diệt độ, Niết-bàn, tịch tĩnh, vô chư bệnh khổ, vô sở hữu da?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Vô nhân duyên cố, cố danh vô sanh. Dĩ vô sanh cố, cố danh vô xuất. Vô tạo nghiệp cố, cố danh

名屋宅。離四瀑水故名為洲。調眾生故。故名歸依。壞結賊故。故名安隱。諸結火滅故名滅度離覺觀故。故名涅槃。遠憤鬧故。名為寂靜。永斷生死故名無病。一切無故名無所有。

善男子。若菩薩摩訶薩作是觀時。即得明了見於佛性。

師子吼言。世尊。菩薩摩訶薩成就幾法。能見如是無相涅槃至無所有。

佛言。善男子。菩薩摩訶薩成就十法。則能明見無相涅槃至無所有。何等為十。

一者信心具足。云何名為信心具足。深信佛法眾僧是常。十方諸佛方便示現。一切眾生及一闍提悉有佛性。不信如來生老病死及修苦行。提婆達多真實破僧出佛身血。如來畢竟入於涅槃正法滅盡。是名菩薩信心具足。

二者淨戒具足。云何名為淨戒具足。善男子。若有菩薩自言戒淨。雖不與彼女人和合。見女人時或共嘲調言語戲笑。如是菩薩成就欲法毀破淨戒。污辱梵行令戒雜穢。不得名為淨戒具足。

復有菩薩自言戒淨。雖不與彼女人身合嘲調戲笑。於壁障外遙聞女人瓔珞環釧種種諸聲心生愛

vô tác. Bát nhập ngũ kiến, cố danh ốc trạch. Ly tứ bạo thủy, cố danh vi Châu. Điều chúng sanh cố, cố danh Quy y. Hoại kết tặc cố, cố danh an ổn. Chư kết hỏa diệt, cố danh diệt độ. Ly giác quán cố, cố danh Niết-bàn. Viễn hội não cố, danh vi tịch tĩnh. Vĩnh đoạn sanh tử, cố danh vô bệnh. Nhất thiết vô cố, danh vô sở hữu.

Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát ma-ha-tát tác thị quán thời, tức đắc minh liễu, kiến ư Phật tánh.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát thành tựu kỳ pháp, năng kiến như thị vô tướng Niết-bàn chí vô sở hữu?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thành tựu thập pháp, tác năng minh kiến vô tướng Niết-bàn chí vô sở hữu. Hà đẳng vi thập?

Nhất giả tín tâm cụ túc. Vân hà danh vi tín tâm cụ túc? Tâm tín: Phật, Pháp, chúng tăng thị thường. Thập phương chư Phật phương tiện thị hiện. Nhất thiết chúng sanh, cập nhất-xiển-đề tất hữu Phật tánh. Bất tín: Như Lai sanh, lão, bệnh, tử cập tu khổ hạnh. Đề-bà-đạt-đa chân thật phá Tăng, xuất Phật thân huyết. Như Lai tất cánh nhập ư Niết-bàn. Chánh Pháp diệt tận. Thị danh Bồ Tát tín tâm cụ túc.

Nhị giả tịnh giới cụ túc. Vân hà danh vi tịnh giới cụ túc? Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát, tự ngôn giới tịnh. Tuy bất dữ bỉ nữ nhân hòa hiệp, kiến nữ nhân thời, hoặc cộng trào điều, ngôn ngữ hý tiếu. Như thị Bồ Tát thành tựu dục pháp, hủy phá tịnh giới, ô nhục Phạm hạnh, linh giới tạp uế, bất đắc danh vi tịnh giới cụ túc.

Phục hữu Bồ Tát, tự ngôn giới tịnh. Tuy bất dữ bỉ nữ nhân thân hiệp, trào điều hý tiếu, ư bích chướng ngoại, điều văn nữ nhân anh lạc, hoàn, xuyên, chủng chủng chư thỉnh, tâm sanh



著。如是菩薩成就欲法毀破淨戒。污辱梵行令戒雜穢。不得名為淨戒具足。

復有菩薩自言戒淨。雖復不與女人和合言語嘲調聽其音聲。然見男子隨逐女時。或見女人隨逐男時。便生貪著。如是菩薩成就欲法毀破淨戒。污辱梵行令戒雜穢。不得名為淨戒具足。

復有菩薩自言戒淨。雖復不與女人和合言語嘲調聽其音聲見男女相隨。然為生天受五欲樂。如是菩薩成就欲法毀破淨戒。污辱梵行令戒雜穢。不得名為淨戒具足。

善男子。若有菩薩清淨持戒。而不為戒，不為尸羅波羅蜜。不為眾生不為利養。不為菩提不為涅槃。不為聲聞辟支佛。唯為最上第一義故護持禁戒。善男子。是名菩薩淨戒具足。

三者親近善知識。善知識者。若有能說信戒多聞布施智慧令人受行。是名菩薩善知識也。

四者樂於寂靜。寂靜者。所謂身心寂靜觀察諸法甚深法界。是名寂靜。

五者精進。精進者。所謂繫心觀四真諦設頭火然終不放捨。是名精進。

六者念具足。念具足者。所謂念佛念法念僧念戒念天念捨。是名念具足。

ái trước. Như thị Bồ Tát thành tựu dục pháp, hủy phá tịnh giới, ô nhục Phạm hạnh, linh giới tạp uế, bất đắc danh vi tịnh giới cụ túc.

Phục hữu Bồ Tát, tự ngôn giới tịnh. Tuy phục bát dũ nữ nhân hòa hiệp, ngôn ngữ trào điều, thính kỳ âm thanh; nhiên kiến nam tử tùy trực nữ thời, hoặc kiến nữ nhân tùy trực nam thời, tiện sanh tham trước. Như thị Bồ Tát thành tựu dục pháp, hủy phá tịnh giới, ô nhục Phạm hạnh, linh giới tạp uế, bất đắc danh vi tịnh giới cụ túc.

Phục hữu Bồ Tát, tự ngôn giới tịnh. Tuy phục bát dũ nữ nhân hòa hiệp, ngôn ngữ trào điều, thính kỳ âm thanh, kiến nam nữ tương tùy; nhiên vị sanh thiên, thọ ngũ dục lạc. Như thị Bồ Tát thành tựu dục pháp, hủy phá tịnh giới, ô nhục Phạm hạnh, linh giới tạp uế, bất đắc danh vi tịnh giới cụ túc.

Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát thanh tịnh trì giới, nhi bất vi giới, bất vi Thi-la Ba-la-mật; bất vị chúng sanh, bất vị lợi dưỡng, bất vị Bồ-đề, bất vị Niết-bàn, bất vị Thanh văn, Bích-chi Phật. Duy vị tối thượng Đệ nhất nghĩa cố, hộ trì Cẩm giới. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát tịnh giới cụ túc.

Tam giả, thân cận thiện tri thức. Thiện tri thức giả, nhược hữu năng thuyết: tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, linh nhân thọ hành. Thị danh Bồ Tát thiện tri thức dã.

Tứ giả, nhạo ư tịch tĩnh. Tịch tĩnh giả, sở vị thân tâm tịch tĩnh, quán sát chư pháp thậm thâm pháp giới. Thị danh tịch tĩnh.

Ngũ giả, tinh tấn. Tinh tấn giả, sở vị hệ tâm quán Tứ chân đế; thiết đầu hỏa nhiên, chung bát phóng xả. Thị danh tinh tấn.

Lục giả niệm cụ túc. Niệm cụ túc giả, sở vị: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thiên, niệm Xả. Thị danh niệm cụ túc.



七者軟語。軟語者。所謂實語，妙語，先意問訊，時語，真語。是名軟語。

八者護法。護法者。所謂愛樂正法常樂演說。讀誦書寫思惟其義。廣宣敷揚令其流布。若見有人書寫解說讀誦讚歎思惟義者。為求資生而供養之。所謂衣服飲食臥具醫藥。為護法故不惜身命。是名護法。

九者菩薩摩訶薩見有同學同戒有所乏少。轉從他乞熏鉢染衣。瞻病所須衣服飲食臥具房舍而供給之。

十者具足智慧。智慧者。所謂觀於如來常樂我淨。一切眾生悉有佛性。觀法二相。所謂空不空常無常樂無樂我無我淨不淨。異法可斷異法不可斷。異法從緣生異法從緣見。異法從緣果異法非緣果。是名具足智慧。

善男子。是名菩薩具足十法。則能明見涅槃無相。

師子吼言。世尊。如佛先告純陀。汝今已得見於佛性得大涅槃。成就阿耨多羅三藐三菩提。是義云何。

世尊。如經中說。若施畜生得百倍報。施一闍提得千倍報。施持戒者百千倍報。若施外道斷煩惱者得無量報。奉施四向及以四果至辟支佛得無量

Thất giả duyên ngữ. Duyên ngữ giả, sở vi: thật ngữ, diệu ngữ, tiên ý vấn tẩn, thời ngữ, chân ngữ. Thị danh duyên ngữ.

Bát giả hộ pháp. Hộ Pháp giả, sở vi: ái nhạo Chánh pháp; thường nhạo diễn thuyết, độc, tụng, thơ tả, tư duy kỳ nghĩa, quảng tuyên phu dương, linh kỳ lưu bố. Nhược kiến hữu nhân thơ tả, giải thuyết, độc, tụng, tán thán, tư duy nghĩa giả, vị cầu tư sanh nhi cúng dường chi, sở vi: y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược. Vị hộ pháp cố, bất tích thân mạng. Thị danh hộ pháp.

Cửu giả Bồ Tát ma-ha-tát, kiến hữu đồng học, đồng giới hữu sở pháp thiếu, chuyển tòng tha khát, huân bát, nhiễm y, chiêm bệnh sở tu; y phục, ẩm thực, ngọa cụ, phòng xá, nhi cung cấp chi.

Thập giả cụ túc trí tuệ. Trí tuệ giả, sở vi: quán ư Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh; quán pháp nhị tướng, sở vi: không, bất không; thường, vô thường; lạc, vô lạc; ngã, vô ngã; tịnh, bất tịnh; dị pháp khả đoạn, dị pháp bất khả đoạn; dị pháp tòng duyên sanh, dị pháp tòng duyên kiến; dị pháp tòng duyên quả, dị pháp phi duyên quả. Thị danh cụ túc trí tuệ.

Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát cụ túc thập pháp, tắc năng minh kiến Niết-bàn vô tướng.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Như Phật tiên cáo Thuần-đà: Nhữ kim dĩ đắc kiến ư Phật tánh, đắc Đại Niết-bàn, thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị nghĩa vân hà?

Thế Tôn! Như kinh trung thuyết: Nhược thí súc sanh, đắc bá bội báo. Thí nhất-xiển-đề, đắc thiên bội báo. Thí trì giới giả, bá thiên bội báo. Nhược thí ngoại đạo đoạn phiền não giả, đắc vô lượng báo. Phụng thí Tứ hướng cập dĩ Tứ quả, chí Bích-chi

報。施不退菩薩及最後身諸大菩薩如來世尊。所得福報無量無邊不可稱計不可思議。純陀大士。若受如是無量報者。是報無盡。何時當得阿耨多羅三藐三菩提。

世尊。經中復說。若人重心造善惡業必得果報。若現世受。若次生受。若後世受。純陀善業慳重心作。當知是業必定受報。若定受報。云何得成阿耨多羅三藐三菩提。云何復得見於佛性。

世尊。經中復說。施三種人果報無盡。一病人。二父母。三如來。

世尊。經中復說。佛告阿難。一切眾生如其無有欲界業者。即得阿耨多羅三藐三菩提。色無色業亦復如是。

世尊。如法句偈。

非空非海中。  
非入山石間。  
無有地方所。  
脫之不受報。

又阿尼樓駄言。世尊。我憶往昔以一食施。八萬劫中不墮三惡。

世尊。一食之施尚得是報。何況純陀信心施佛。具足成就檀波羅蜜。

Phật, đắc vô lượng báo. Thí bất thối Bồ Tát cập tối hậu thân chư Đại Bồ Tát, Như Lai Thế Tôn, sở đắc phước báo, vô lượng vô biên, bất khả xưng kế, bất khả tư nghị. Thuần-đà Đại sĩ nhược thọ như thị vô lượng báo giả, thị báo vô tận. Hà thời đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?

Thế Tôn! Kinh trung phục thuyết: nhược nhân trọng tâm, tạo thiện, ác nghiệp, tất đắc quả báo: nhược hiện thế thọ, nhược thứ sinh thọ, nhược hậu thế thọ. Thuần-đà thiện nghiệp, ân trọng tâm tác, đương tri thị nghiệp, tất định thọ báo. Nhược định thọ báo, vân hà đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề? Vân hà phục đắc kiến ư Phật tánh?

Thế Tôn! Kinh trung phục thuyết: Thí tam chủng nhân, quả báo vô tận: nhất bệnh nhân, nhị phụ mẫu, tam Như Lai.

Thế Tôn! Kinh trung phục thuyết: Phật cáo A-nan: Nhất thiết chúng sanh như kỳ vô hữu Dục giới nghiệp giả, tức đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Sắc, Vô sắc nghiệp, diệc phục như thị.

Thế Tôn! Như Pháp cú kệ:

Phi không, phi hải trung,  
Phi nhập sơn thạch gian,  
Vô hữu địa phương sở,  
Thoát chi bất thọ báo.

Hựu A-ni-lâu-đa ngôn: Thế Tôn! Ngã ức vãng tích, dĩ nhất thực thí, bát vạn kiếp trung, bất đọa tam ác.

Thế Tôn! Nhất thực chi thí, thượng đắc thị báo. Hà huống Thuần-đà, tín tâm thí Phật, cụ túc thành tựu Đản Ba-la-mật?

世尊。若善果報不可盡者。謗方等經犯五逆罪毀四重禁一闡提罪云何可盡。若不可盡。云何能得見於佛性成阿耨多羅三藐三菩提。

佛言。善哉善哉。善男子。唯有二人能得無量無邊功德。不可稱計不可宣說。能竭生死漂流瀑河。降魔怨敵摧魔勝幢。能轉如來無上法輪。一者善問。二者善答。

善男子。佛十力中業力最深。善男子。有諸眾生於業緣中心輕不信。為度彼故作如是說。

善男子。一切作業有輕有重。輕重二業復各有二。一決定。二不定。

善男子。或有人言惡業無果。若言惡業定有果者。云何氣噓旃陀羅而得生天。鶖掘摩羅得解脫果。以是義故。當知作業有定得果不定得果。我為除斷如是邪見。故於經中說如是語。一切作業無不得果。

善男子或有重業可得作輕。或有輕業可得作重。非一切人唯有愚智。是故當知非一切業悉定得果。雖不定得。亦非不得。

善男子。一切眾生凡有二種。一者智人。二者愚癡。有智之人以智慧力。能令地獄極重之業現世輕受。愚癡之人現世輕業地獄重受。

Thế Tôn! Nhược thiện quả báo bất khả tận giả, báng Phương đẳng kinh, phạm ngũ nghịch tội, hủy tứ trọng cấm, nhất-xiển-đề tội, vân hà khả tận? Nhược bất khả tận, vân hà năng đắc kiến ư Phật tánh, thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Duy hữu nhị nhân năng đắc vô lượng vô biên công đức, bất khả xưng kể, bất khả tuyên thuyết; năng kiệt sanh tử phiêu lưu bạo hà; hàng ma oán địch, tột ma thắng tràng, năng chuyển Như Lai vô thượng Pháp luân: nhất giả thiện vấn, nhị giả thiện đáp.

Thiện nam tử! Phật thập lực trung, nghiệp lực tối thâm. Thiện nam tử! Hữu chư chúng sanh ư nghiệp duyên trung, tâm khinh bất tín. Vị độ bỉ cố, tác như thị thuyết.

Thiện nam tử! Nhất thiết tác nghiệp, hữu khinh, hữu trọng. Khinh, trọng nhị nghiệp, phục các hữu nhị: nhất quyết định, nhị bất định.

Thiện nam tử! Hoặc hữu nhân ngôn: ‘Ác nghiệp vô quả. Nhược ngôn ác nghiệp định hữu quả giả, vân hà Khí Khư chiên-đa-la nhi đắc sanh thiên? Ương-quật-ma-la đắc giải thoát quả? Dĩ thị nghĩa cố, đương tri tác nghiệp hữu định đắc quả, bất định đắc quả.’ Ngã vị trừ đoạn như thị tà kiến, cố ư kinh trung, thuyết như thị ngữ: ‘Nhất thiết tác nghiệp, vô bất đắc quả.’

Thiện nam tử! Hoặc hữu trọng nghiệp khả đắc tác khinh; hoặc hữu khinh nghiệp khả đắc tác trọng. Phi nhất thiết nhân, duy hữu ngu, trí. Thị cố đương tri: phi nhất thiết nghiệp tất định đắc quả. Tuy bất định đắc, diệc phi bất đắc.

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh, phạm hữu nhị chủng: nhất giả trí nhân, nhị giả ngu si. Hữu trí chi nhân, dĩ trí tuệ lực, năng linh địa ngục cực trọng chi nghiệp, hiện thế khinh thọ. Ngu si chi nhân, hiện thế khinh nghiệp, địa ngục trọng thọ.

師子吼言。世尊。若如是者。則不應求清淨梵行及解脫果。

佛言。善男子。若一切業定得果者。則不應求梵行解脫。以不定故則修梵行及解脫果。

善男子。若能遠離一切惡業則得善果。若遠善業則得惡果。若一切業定得果者。則不應求修習聖道。若不修道則無解脫。一切聖人所以修道。為壞定業得輕報故。不定之業無果報故。若一切業定得果者。則不應求修習聖道。若人遠離修習聖道得解脫者。無有是處。不得解脫得涅槃者。亦無是處。

善男子。若一切業定得果者。一世所作純善之業。應當永已常受安樂。一世所作極重惡業。亦應永已受大苦惱。業果若爾則無修道解脫涅槃。人作人受。婆羅門作婆羅門受。若如是者。則不應有下姓下人。人應常人。婆羅門應常婆羅門。小時作業應小時受。不應中年及老時受。老時作惡生地獄中。地獄初身不應便受。應待老時然後乃受。若老時不殺不應壯年得壽。若無壯壽云何至老。業無失故。業若無失。云何而有修道涅槃。

善男子。業有二種。定以不定。定業有二。一者報定。二者時定。或有報定而時不定。緣合則受。或三時受。所謂現受生受後受。

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Nhược như thị giả, tác bất ưng cầu thanh tịnh Phạm hạnh cập giải thoát quả!

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược nhất thiết nghiệp định đắc quả giả, tác bất ưng cầu Phạm hạnh, giải thoát. Dĩ bất định cố, tác tu Phạm hạnh cập giải thoát quả.

Thiện nam tử! Nhược năng viễn ly nhất thiết ác nghiệp, tác đắc thiện quả. Nhược viễn thiện nghiệp, tác đắc ác quả. Nhược nhất thiết nghiệp định đắc quả giả, tác bất ưng cầu tu tập Thánh đạo! Nhược bất tu đạo, tác vô giải thoát. Nhất thiết thánh nhân sở dĩ tu đạo, vị hoại định nghiệp, đắc khinh báo cố; bất định chi nghiệp, vô quả báo cố. Nhược nhất thiết nghiệp định đắc quả giả, tác bất ưng cầu tu tập Thánh đạo. Nhược nhân viễn ly tu tập Thánh đạo, đắc giải thoát giả, vô hữu thị xứ. Bất đắc giải thoát, đắc Niết-bàn giả, diệt vô thị xứ.

Thiện nam tử! Nhược nhất thiết nghiệp định đắc quả giả, nhất thế sở tác thuần thiện chi nghiệp, ưng đương vĩnh kỷ thường thọ an lạc; nhất thế sở tác cực trọng ác nghiệp, diệt ưng vĩnh kỷ thọ đại khổ não! Nghiệp quả nhược nhĩ, tác vô tu đạo, giải thoát Niết-bàn. Nhân tác, nhân thọ; Bà-la-môn tác, Bà-la-môn thọ! Nhược như thị giả, tác bất ưng hữu hạ tánh hạ nhân. Nhân, ưng thường nhân; Bà-la-môn, ưng thường Bà-la-môn. Tiểu thời tác nghiệp, ưng tiểu thời thọ, bất ưng trung niên cập lão thời thọ! Lão thời tác ác, sanh địa ngục trung; địa ngục sơ thân, bất ưng tiện thọ, ưng đãi lão thời, nhiên hậu nãi thọ. Nhược lão thời bất sát, bất ưng tráng niên đắc thọ; nhược vô tráng thọ, vân hà chí lão? Nghiệp vô thất cố. Nghiệp nhược vô thất, vân hà nhi hữu tu đạo Niết-bàn?

Thiện nam tử! Nghiệp hữu nhị chủng: định dĩ bất định. Định nghiệp hữu nhị: nhất giả báo định, nhị giả thời định. Hoặc hữu báo định, nhi thời bất định, duyên hiệp tác thọ. Hoặc tam thời thọ, sở vị: hiện thọ, sanh thọ, hậu thọ.



善男子。若定心作善惡等業。作已深生信心歡喜。若發誓願供養三寶。是名定業。

善男子。智者善根深固難動。是故能令重業為輕。愚癡之人不善深厚。能令輕業而作重報。以是義故。一切諸業不名決定。菩薩摩訶薩無地獄業。為眾生故發大誓願生地獄中。

善男子。往昔眾生壽百年時。恒沙眾生受地獄報。我見是已即發大願受地獄身。菩薩爾時實無是業。為眾生故受地獄果。我於爾時在地獄中經無量歲。為諸罪人廣開分別十二部經。諸人聞已壞惡果報令地獄空。除一闍提。是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。

復次善男子。是賢劫中無量眾生墮畜生中受惡業果。我見是已復發誓願。為欲說法度眾生故。或作獐鹿熊羆獼猴龍象金翅鳥鵠魚鱉兔蛇牛馬之身。善男子。菩薩摩訶薩實無如是畜生惡業。以大願力為眾生故現受是身。是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。

復次善男子。是賢劫中復有無量無邊眾生生餓鬼中。或食吐汁脂肉膿血屎尿涕唾。壽命無量百千萬歲。初不曾聞漿水之名。況復眼見而得飲耶。設遙見水生意往趣。到則變成猛火膿血。或時不變則有多人手執矛槩遮護捉持不令得前。或復降雨至身

Thiện nam tử! Nhược định tâm tác thiện ác đẳng nghiệp, tác dĩ thâm sanh tín tâm hoan hỷ, nhược phát thệ nguyện cúng dường Tam bảo, thị danh định nghiệp.

Thiện nam tử! Trí giả, thiện căn thâm cố nan động, thị cố năng linh trọng nghiệp vi khinh. Ngu si chi nhân, bất thiện thâm hậu, năng linh khinh nghiệp nhi tác trọng báo. Dĩ thị nghĩa cố, nhất thiết chư nghiệp bất danh quyết định. Bồ Tát ma-ha-tát vô địa ngục nghiệp. Vị chúng sanh cố, phát đại thệ nguyện, sanh địa ngục trung.

Thiện nam tử! Vãng tích, chúng sanh thọ bá niên thời, Hằng sa chúng sanh thọ địa ngục báo. Ngã kiến thị dĩ, tức phát đại nguyện thọ địa ngục thân. Bồ Tát nhĩ thời thật vô thị nghiệp. Vị chúng sanh cố, thọ địa ngục quả. Ngã ư nhĩ thời tại địa ngục trung, kinh vô lượng tuế, vị chư tội nhân, quảng khai phân biệt Thập nhị bộ kinh. Chư nhân văn dĩ, hoại ác quả báo, linh địa ngục không, trừ nhất-xiển-đề. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát phi hiện, sanh, hậu, thọ thị ác nghiệp.

Phục thứ, thiện nam tử! Thị Hiền kiếp trung, vô lượng chúng sanh đọa súc sanh trung, thọ ác nghiệp quả. Ngã kiến thị dĩ, phục phát thệ nguyện: Vị dục thuyết pháp độ chúng sanh cố, hoặc tác chương, lộc, hùng bi, di hầu, long, tượng, kim sí điểu, cáp, ngư, biết, thỏ, xà, ngư, mã chi thân. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thật vô như thị súc sanh ác nghiệp. Dĩ đại nguyện lực, vị chúng sanh cố, hiện thọ thị thân. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát phi hiện, sanh, hậu, thọ thị ác nghiệp.

Phục thứ, thiện nam tử! Thị hiền kiếp trung, phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh sanh ngã quý trung: hoặc thực thổ trấp, chỉ nhục nung huyết, tử, niệu, thế, thóa. Thọ mạng vô lượng, bá thiên vạn tuế; sơ bát tầng văn tương thủy chi danh; huống phục nhân kiến nhi đắc ẩm da? Thiết diêu kiến thủy, sanh ý vãng thú, đao tác biến thành mãnh hỏa, nung huyết. Hoặc thời bất biến, tác hữu đa nhân, thủ chấp mâu sóc, già hộ,

成火。是名惡業果報。善男子。菩薩摩訶薩實無如是諸惡業果。為化眾生令得解脫。故發誓願受如是身。是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。

善男子。我於賢劫生屠脍家。畜養雞豬牛羊，弼獵羅網魚捕。旃陀羅舍作賊劫盜。菩薩實無如是惡業。為度眾生令得解脫。以大願力受如是身。是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。

善男子。是賢劫中復生邊地。多作貪欲瞋恚愚癡習行非法。不信三寶後世果報。不能恭敬父母親老者舊長宿。善男子。菩薩爾時實無是業。為令眾生得解脫故。以大願力而生其中。是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。

善男子。是賢劫中復受女身，惡身，貪身，瞋身，癡身，妒身，慳身，幻身，誑身，纏蓋之身。善男子。菩薩爾時亦無是業。但為眾生得解脫故。以大願力願生其中。是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。

善男子。我於賢劫受黃門身，無根，二根，及不定根。善男子。菩薩摩訶薩實無如是諸惡身業。為令眾生得解脫故。以大願力願生其中。是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。

善男子。我於賢劫復習外道尼乾子法。信受其法無施無祠無施祠報。無善惡業無善惡業報。無現

tróc trì, bất linh đắc tiên. Hoặc phục giáng vũ, chí thân thành hỏa. Thị danh ác nghiệp quả báo. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thật vô như thị chư ác nghiệp quả. Vị hóa chúng sanh, linh đắc giải thoát, cố phát thệ nguyện thọ như thị thân. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát phi hiện, sanh, hậu, thọ thị ác nghiệp.

Thiện nam tử! Ngã ư Hiền kiếp, sanh đồ khoái gia; súc dưỡng kê, trư, ngư, dương; cương lạc, la vông ngư bố; chiêm-đà-la xá, tác tặc kiếp đạo. Bồ Tát thật vô như thị ác nghiệp. Vị độ chúng sanh, linh đắc giải thoát, dĩ đại nguyện lực, thọ như thị thân. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát phi hiện, sanh, hậu, thọ thị ác nghiệp.

Thiện nam tử! Thị Hiền kiếp trung, phục sanh biên địa, đa tác tham dục, sân khuể, ngu si; tập hành phi pháp; bất tín Tam bảo, hậu thế quả báo; bất năng cung kính phụ mẫu, thân lão, kỳ cựu trưởng túc. Thiện nam tử! Bồ Tát nhĩ thời, thật vô thị nghiệp. Vị linh chúng sanh đắc giải thoát cố, dĩ đại nguyện lực, nhi sanh kỳ trung. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát phi hiện, sanh, hậu, thọ thị ác nghiệp.

Thiện nam tử! Thị Hiền kiếp trung, phục thọ nữ thân, ác thân, tham thân, sân thân, si thân, đố thân, khan thân, huyễn thân, cuống thân, triền cái chi thân. Thiện nam tử! Bồ Tát nhĩ thời, diệc vô thị nghiệp. Đản vị chúng sanh đắc giải thoát cố, dĩ đại nguyện lực, nguyện sanh kỳ trung. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát phi hiện, sanh, hậu, thọ thị ác nghiệp.

Thiện nam tử! Ngã ư Hiền kiếp, thọ hoàng môn thân: vô căn, nhị căn cập bất định căn. Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thật vô như thị chư ác thân nghiệp. Vị linh chúng sanh đắc giải thoát cố, dĩ đại nguyện lực, nguyện sanh kỳ trung. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát phi hiện, sanh, hậu, thọ thị ác nghiệp.

Thiện nam tử! Ngã ư Hiền kiếp, phục tập ngoại đạo, Ni-kiền tử pháp; tín thọ kỳ pháp; vô thí, vô từ, vô thí từ báo; vô thiện ác nghiệp; vô thiện ác nghiệp báo; vô hiện tại thế cập vị

在世及未來世。無此無彼無有聖人。無變化身無道涅槃。善男子。菩薩實無如是惡業。但為眾生令得解脫。以大願力受是邪法。是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。

善男子。我念往昔與提婆達多俱為商主。各各自有五百商人。為利益故至大海中採取珍寶。惡業緣故路遇暴風吹壞船舫伴黨死盡。爾時我與提婆達多。不殺果報長壽緣故。為風所吹俱至陸地。

時提婆達多貪惜寶貨生大憂苦發聲啼哭。我時語言提婆達多。不須啼哭。

提婆達多即語我言。諦聽諦聽譬如有人貧窮困苦。至塚墓間手捉死屍而作是言。願汝今者施我死樂。我當施汝貧窮壽命。爾時死屍即便起坐語貧人言。善男子。貧窮壽命汝自受之。我今甚樂如是死樂。實不欣汝貧窮而生。然我今日既無死樂兼復貧窮。云何而得不啼哭耶。

我復慰喻汝且莫愁。今有二珠價直無量。當分一枚以相惠施。我即分與復語之言。有命之人能得此寶。如其無命誰能得耶。

我時疲弊詣一樹下止息眠臥提婆達多貪心熾盛。為餘一珠即生惡心刺壞我目劫奪我珠。我時患瘡發聲呻號。

lai thể; vô thủ, vô bỉ, vô hữu Thánh nhân, vô biến hóa thân; vô đạo Niết-bàn. Thiện nam tử! Bồ Tát thật vô như thị ác nghiệp. Đản vị chúng sanh linh đắc giải thoát, dĩ đại nguyện lực, thọ thị tà pháp. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát phi hiện, sanh, hậu, thọ thị ác nghiệp.

Thiện nam tử! Ngã niệm vãng tích, dĩ Đề-bà-đạt-đa câu vi thương chủ; các các tự hữu ngũ bá thương nhân. Vị lợi ích cố, chí đại hải trung, thái thủ trên bảo. Ác nghiệp duyên cố, lộ ngộ bạo phong xuy hoại thuyền phùng, bạn đảng tử tận. Nhĩ thời, ngã dĩ Đề-bà-đạt-đa, bất sát quả báo, trường thọ duyên cố, vi phong sở xuy, câu chí lục địa.

Thời, Đề-bà-đạt-đa, tham tích bảo hóa, sanh đại ưu khổ, phát thính đề khốc. Ngã thời ngữ ngôn: Đề-bà-đạt-đa! Bất tu đề khắp.

Đề-bà-đạt-đa tức ngữ ngã ngôn: Đế thính! Đế thính! Thí như hữu nhân, bản cùng khốn khổ, chí trung mộ gian, thủ tróc tử thi, nhi tác thị ngôn: Nguyện nữ kim giả thí ngã tử lạc. Ngã đương thí nữ, bản cùng thọ mạng. Nhĩ thời, tử thi tức tiện khởi tọa, ngữ bản nhân ngôn: Thiện nam tử! Bản cùng thọ mạng, nữ tự thọ chi. Ngã kim thậm lạc, như thị tử lạc. Thật bất hân nữ bản cùng nhi sanh. Nhiên ngã kim nhật, ký vô tử lạc, kiêm phục bản cùng. Vân hà nhi đắc bất đề khốc da?

Ngã phục ủy dụ: Nữ thả mặc sâu. Kim hữu nhị châu, giá trị vô lượng. Đương phân nhất mai, dĩ tương tuệ thí. Ngã tức phân dĩ. Phục ngữ chi ngôn: Hữu mạng chi nhân năng đắc thủ bảo. Như kỳ vô mạng, thù năng đắc da?

Ngã thời bì tệ, nghệ nhất thọ hạ, chỉ tức miên ngộa. Đề-bà-đạt-đa, tham tâm xí thạnh, vị dư nhất châu, tức sanh ác tâm, thích hoại ngã mục, kiếp đoạt ngã châu. Ngã thời hoạn sang, phát thính thân hào.



時有一女。來至我所而問我言。仁者。何故呻號如是。我即為其廣說本事。女人聞已復重問我。汝名字何。我即答言。名為實語。女言。云何知汝為實語耶。我即立誓。若我今於提婆達多有惡心者。目當如是永為盲瞽。如其無者當還得眼。言已其目平復如故。善男子。是名菩薩摩訶薩說現世報。

善男子。我念往昔生南天竺富單那城婆羅門家。是時有王名迦羅富。其性暴惡憍慢自大。年壯色美耽著五欲。我於爾時為度眾生在彼城外寂默禪思。

爾時彼王春才花敷與其眷屬宮人嫫女出城遊觀在樹林下五欲自娛。其諸嫫女捨王遊戲遂至我所。我時欲為斷彼貪故而為說法。時王尋來即見我時。便生惡心而問我言。汝今已得羅漢果耶。我言不得。復言。獲得不還果耶。我言不得。復作是言。汝今若未得是二果。則為具足貪欲煩惱。云何自恣觀我女人。

我即答言。大王。當知我今雖未斷於貪結。然其內心實無貪著。王言。癡人世有諸仙服氣食果見色猶貪。況汝盛年未斷貪欲。云何見色而當不著。我言。大王。見色不著實不因於服氣食果。皆由繫心無常不淨。

Thời, hữu nhất nữ lai chí ngã sở, nhi vấn ngã ngôn: Nhân giả, hà cố thân hào như thị? Ngã tức vị kỳ, quảng thuyết bốn sự. Nữ nhân văn dĩ, phục trùng vấn ngã: Nhữ danh tự hà? Ngã tức đáp ngôn: Danh vi Thật Ngũ. Nữ ngôn: Vân hà tri nhữ vi thật ngũ da? Ngã tức lập thệ: Nhược ngã kim ư Đề-bà-đạt-đa hữu ác tâm giả, mục đương như thị, vĩnh vi manh cổ! Như kỳ vô giả, đương hoàn đắc nhãn! Ngôn dĩ, kỳ mục bình phục như cố. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát thuyết hiện thế báo.

Thiện nam tử! Ngã niệm vãng tích, sanh Nam Thiên Trúc, Phú-đan-na thành, Bà-la-môn gia. Thị thời, hữu vương danh Ca-la-phú, kỳ tánh bạo ác, kiêu mạn tự đại, niên tráng sắc mỹ, đam trước ngũ dục. Ngã ư nhĩ thời, vị độ chúng sanh, tại bỉ thành ngoại, tịch mặc thiên tư.

Nhĩ thời, bỉ vương, xuân tài hoa phu, dĩ kỳ quyền thuộc cung nhân thế nữ, xuất thành du quan; tại thọ lâm hạ, ngũ dục tự ngẫu. Kỳ chư thế nữ xả vương du hý, toại chí ngã sở. Ngã thời dục vị đoạn bỉ tham cố, nhi vị thuyết pháp. Thời vương tâm lai, tức kiến ngã thời, tiện sanh ác tâm, nhi vấn ngã ngôn: Nhữ kim dĩ đắc La-hán quả da? Ngã ngôn: Bất đắc. Phục ngôn: Hoạch đắc Bất hoàn quả da? Ngã ngôn: Bất đắc. Phục tác thị ngôn: Nhữ kim nhược vị đắc thị nhị quả, tắc vi cụ túc tham dục phiền não, vân hà tự tứ quan ngã nữ nhân?

Ngã tức đáp ngôn: Đại vương! Đương tri: Ngã kim tuy vị đoạn ư tham kết, nhiên kỳ nội tâm, thật vô tham trước. Vương ngôn: Si nhân! Thế hữu chư tiên phục khí thực quả, kiến sắc du tham. Huống nhữ thanh niên, vị đoạn tham dục, vân hà kiến sắc nhi đương bất trước? Ngã ngôn: Đại vương! Kiến sắc bất trước, thật bất nhân ư phục khí thực quả; giai do hệ tâm vô thường, bất tịnh.



王言。若有輕他而生誹謗。云何得名修持淨戒。

我言。大王。若有妒心則有誹謗。我無妒心云何言謗。

王言。大德。云何名戒。大王。忍名為戒。王言。若忍是戒者。當截汝耳。若能忍者知汝持戒。即截其耳。

時我被截顏色不變。時王群臣見是事已即諫王言。如是大士不應加害。王告諸臣。汝等云何知是大士。諸臣答言。見受苦時容色不變。王復語言。我當更試知變不變。即劓其鼻刖其手足。

爾時菩薩已於無量無邊世中修習慈悲愍苦眾生。時四天王心懷瞋忿雨沙礫石。王見是已心大怖畏。復至我所長跪而言。唯願哀愍聽我懺悔。

我言。大王。我心無瞋亦如無貪。王言。大德。云何得知心無瞋恨。

我即立誓我若真實無瞋恨者。令我此身平復如故。發是願已身即平復。是名菩薩摩訶薩說現世報。

善男子。善業生報後報。及不善業亦復如是。菩薩摩訶薩得阿耨多羅三藐三菩提時。一切諸業悉得現報。不善惡業得現報者。如王作惡天降惡雨。

Vương ngôn: Nhược hữu khinh tha nhi sanh phỉ báng, vân hà đắc danh tu trì tịnh giới?

Ngã ngôn: Đại vương! Nhược hữu đố tâm, tác hữu phỉ báng. Ngã vô đố tâm, vân hà ngôn báng?

Vương ngôn: Đại đức! Vân hà danh giới? Đại vương! Nhân danh vi giới. Vương ngôn: Nhược nhân thị giới giả, đương tiết nữ nhĩ. Nhược năng nhân giả, tri nữ trì giới. Túc tiết kỳ nhĩ.

Thời, ngã bị tiết, nhan sắc bất biến. Thời, vương quân thân kiến thị sự dĩ, tức gián vương ngôn: Như thị đại sĩ, bất ưng gia hại. Vương cáo chư thân: Nữ đẳng vân hà tri thị đại sĩ? Chư thân đáp ngôn: Kiến thọ khổ thời, dung sắc bất biến. Vương phục ngữ ngôn: Ngã đương cánh thí, tri biến bất biến! Túc nhị kỳ tị, ngoạt kỳ thủ túc.

Nhĩ thời, Bồ Tát dĩ ư vô lượng vô biên thế trung, tu tập từ bi, mẫn khổ chúng sanh, thời Tứ thiên vương, tâm hoài sân hận, vũ sa, lịch, thạch. Vương kiến thị dĩ, tâm đại bố úy, phục chí ngã sở, trường quý nhi ngôn: Duy nguyện ai mẫn, thỉnh ngã sám hối!

Ngã ngôn: Đại vương! Ngã tâm vô sân, diệc như vô tham. Vương ngôn: Đại đức! Vân hà đắc tri tâm vô sân hận?

Ngã tức lập thệ: Ngã nhược chân thật vô sân hận giả, linh ngã thủ thân bình phục như cố! Phát thị nguyện dĩ, thân tức bình phục. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát thuyết hiện thế báo.

Thiện nam tử! Thiện nghiệp sanh báo, hậu báo cập bất thiện nghiệp, diệc phục như thị. Bồ Tát ma-ha-tát, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thời, nhất thiết chư nghiệp tất đắc hiện báo. Bất thiện ác nghiệp đắc hiện báo giả, như vương tác ác, thiên giáng ác vũ. Diệc như hữu nhân, thị lập sư, bi xú

亦如有人示獵師熊處及寶色鹿其手墮落。是名惡業現受果報。

生報者。如一闍提犯四重禁及五逆罪。

後報者。如持戒人深發誓願。願未來世常得如是淨戒之身。若有眾生壽百年時八十年時。於中當作轉輪聖王教化眾生。

善男子。若業定得現世報者。則不能得生報後報。菩薩摩訶薩修三十二大人相業。則不能得現世報也。若業不得三種報者。是名不定。

善男子。若言諸業定得報者。則不得有修習梵行解脫涅槃。當知是人非我弟子是魔眷屬。

若言諸業有定不定。定者現報生報後報。不定者緣合則受不合不受。以是義故。應有梵行解脫涅槃。當知是人真我弟子非魔眷屬。

善男子。一切眾生不定業多決定業少。以是義故有修習道。修習道故決定重業可使輕受。不定之業非生報受。

善男子。有二種人。

一。不定作定報。現報作生報。輕報作重報。應人中受在地獄受。

cập bảo sắc lộc, kỳ thủ đọa lạc. Thị danh ác nghiệp hiện thọ quả báo.

Sanh báo giả, như Nhất-xiển-đề, phạm tứ trọng cấm cập ngũ nghịch tội.

Hậu báo giả, như trì giới nhân thâm phát thệ nguyện: Nguyện vị lai thế, thường đắc như thị tịnh giới chi thân. Nhược hữu chúng sanh, thọ bá niên thời, bát thập niên thời, ư trung đương tác Chuyển luân Thánh vương, giáo hóa chúng sanh.

Thiện nam tử! Nhược nghiệp định đắc hiện thế báo giả, tác bất năng đắc sanh báo, hậu báo. Bồ Tát ma-ha-tát, tu Tam thập nhị Đại nhân tướng nghiệp, tác bất năng đắc hiện thế báo dã. Nhược nghiệp bất đắc tam chủng báo giả, thị danh bất định.

Thiện nam tử! Nhược ngôn: Chư nghiệp định đắc báo giả, tác bất đắc hữu tu tập Phạm hạnh, giải thoát Niết-bàn. Đương tri thị nhân phi ngã đệ tử, thị ma quyến thuộc.

Nhược ngôn: Chư nghiệp hữu định, bất định. Định giả: Hiện báo, sanh báo, hậu báo. Bất định giả: duyên hiệp tác thọ, bất hiệp bất thọ. Dĩ thị nghĩa cố, ưng hữu Phạm hạnh, giải thoát Niết-bàn. Đương tri thị nhân, chân ngã đệ tử, phi ma quyến thuộc.

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh, bất định nghiệp đa, quyết định nghiệp thiểu. Dĩ thị nghĩa cố, hữu tu tập đạo. Tu tập đạo cố, quyết định trọng nghiệp, khả sử khinh thọ; bất định chi nghiệp, phi sanh báo thọ.

Thiện nam tử! Hữu nhị chủng nhân:

Nhất: Bất định, tác định báo; hiện báo, tác sanh báo; khinh báo, tác trọng báo; ưng nhân trung thọ, tại địa ngục thọ.

二。定作不定。應生受者迴為現受。重報作輕。應地獄受人中受輕。

如是二人一愚一智。智者為輕愚者令重。

善男子。譬如二人於王有罪。眷屬多者其罪則輕。眷屬少者應輕更重。愚智之人亦復如是。智者善業多故重則輕受。愚者善業少故輕則重受。

善男子。譬如二人一則肥壯一則羸瘦。俱沒深泥肥壯能出羸者則沒。

善男子。譬如二人俱共服毒。一有咒力及阿伽陀。一者無有。有咒藥者毒不能傷。其無咒藥服時即死。

善男子。譬如二人俱多飲漿。一火力勢盛一則微弱。火勢多者則能消化。火勢弱者則為其患。

善男子。譬如二人為王所繫。一有智慧一則愚癡。其有智者則能得脫。愚癡之人無有脫期。

善男子。譬如二人俱涉險路。一則有目一則盲瞽。有目之人直過無患。盲者墮落墮深坑險。

善男子。譬如二人俱共飲酒。一則多食一則少食。其多食者飲則無患。其少食者飲則成患。

善男子。譬如二人俱怨敵陣。一則鎧仗具足莊嚴一則白身。其有仗者能破怨敵。其白身者不能自勉。

Nhị: Định, tác bất định; ung sanh thọ giả, hồi vi hiện thọ; trọng báo, tác khinh; ứng địa ngục thọ, nhân trung thọ khinh.

Như thị nhị nhân: nhất ngu, nhất trí. Trí giả vi khinh; Ngu giả linh trọng.

Thiện nam tử! Thí như nhị nhân, ư vương hữu tội. Quyển thuộc đa giả, kỳ tội tác khinh; quyển thuộc thiểu giả, ung khinh cánh trọng. Ngu, trí chi nhân diệc phục như thị. Trí giả, thiện nghiệp đa cố, trọng tác khinh thọ; Ngu giả, thiện nghiệp thiểu cố, khinh tác trọng thọ.

Thiện nam tử! Thí như nhị nhân: nhất tác phì tráng, nhất tác luy sấu, câu một thâm nê. Pì tráng năng xuất, luy giả tác một.

Thiện nam tử! Thí như nhị nhân, câu cộng phục độc. Nhất hữu chú lực cập A-già-đà; nhất giả vô hữu. Hữu chú, dược giả, độc bất năng thương; kỳ vô chú, dược, phục thời tức tử.

Thiện nam tử! Thí như nhị nhân, câu đa ẩm tương. Nhất, hỏa, lực thế thanh; nhất tác vi nhược. Hỏa thế đa giả, tác năng tiêu hóa; hỏa thế nhược giả, tác vi kỳ hoạn.

Thiện nam tử! Thí như nhị nhân, vi vương sở hệ. Nhất hữu trí tuệ, nhất tác ngu si. Kỳ hữu trí giả, tác năng đắc thoát; ngu si chi nhân, vô hữu thoát kỳ.

Thiện nam tử! Thí như nhị nhân, câu thiệp hiểm lộ: nhất tác hữu mục, nhất tác manh cổ. Hữu mục chi nhân trực quá vô hoạn; manh giả đọa lạc, đọa thâm khanh hiểm.

Thiện nam tử! Thí như nhị nhân, câu cộng ẩm tửu. Nhất tác đa thực, nhất tác thiểu thực. Kỳ đa thực giả, ẩm tác vô hoạn, kỳ thiểu thực giả, ẩm tác thành hoạn.

Thiện nam tử! Thí như nhị nhân, câu oán địch trận. Nhất tác khả trượng cụ túc trang nghiêm, nhất tác bạch thân. Kỳ hữu trượng giả, năng phá oán địch; kỳ bạch thân giả, bất năng tự miễn.

復有二人糞穢污衣。一覺尋浣一覺不浣。其尋浣者衣則淨潔。其不浣者垢穢日增。

復有二人俱共乘車。一有輻軸一無輻軸。有輻軸者隨意而去。無輻軸者則不移處。

復有二人俱行曠路。一有資糧一則空往。有資糧者則得度險。其空往者則不能過。

復有二人為賊所劫。一有寶藏一則無藏。有寶藏者心無憂戚。其無藏者心則愁惱。愚智之人亦復如是。有善藏者重業輕受。無善藏者輕業重受。

師子吼菩薩言。世尊。如佛所說非一切業悉得定果。亦非一切眾生定受。

世尊。云何眾生令現輕報地獄重受。地獄重報現世輕受。

佛言。一切眾生凡有二種。一有智。二愚癡。若能修習身戒心慧。是名智者。若不能修身戒心慧。是名愚者。

云何名為不修習身。若不能攝五情諸根，名不修身。不能受持七種淨戒，名不修戒。不調心故，名不修心。不修聖行名不修慧。

復次不修身者。不能具足清淨戒體。不修戒

Phục hữu nhị nhân, phần uế ô y. Nhất giác tầm hoán, nhất giác bất hoán. Kỳ tâm hoán giả, y tắc tịnh khiết; kỳ bất hoán giả, cấu uế nhật tăng.

Phục hữu nhị nhân, câu cộng thừa xa. Nhất hữu phúc trục; nhất vô phúc trục. Hữu phúc trục giả, tùy ý nhi khứ; vô phúc trục giả, tắc bất di xứ.

Phục hữu nhị nhân, câu hành khoáng lộ. Nhất hữu tư lương nhất tắc không vãng. Hữu tư lương giả, tắc đắc độ hiểm; kỳ không vãng giả, tắc bất năng quá.

Phục hữu nhị nhân, vi tặc sở kiếp. Nhất hữu bảo tạng; nhất tắc vô tạng. Hữu bảo tạng giả, tâm vô ưu thích; kỳ vô tạng giả, tâm tắc sâu não. Ngu, trí chi nhân, diệc phục như thị. Hữu thiện tạng giả, trọng nghiệp khinh thọ; vô thiện tạng giả, khinh nghiệp trọng thọ.

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, phi nhất thiết nghiệp tắc đắc định quả, diệc phi nhất thiết chúng sanh định thọ.

Thế Tôn! Vân hà chúng sanh linh hiện khinh báo, địa ngục trọng thọ; địa ngục trọng báo, hiện thế khinh thọ?

Phật ngôn: Nhất thiết chúng sanh, phạm hữu nhị chủng: Nhất hữu trí, nhị ngu si. Nhược năng tu tập thân, giới, tâm, tuệ, thị danh trí giả. Nhược bất năng tu thân, giới, tâm, tuệ, thị danh ngu si.

Vân hà danh vi bất tu tập thân? Nhược bất năng nhiếp ngũ tình chư căn, danh bất tu thân. Bất năng thọ trì thất chủng tịnh giới, danh bất tu giới. Bất điều tâm cố, danh bất tu tâm. Bất tu Thánh hạnh, danh bất tu tuệ.

Phục thứ, bất tu thân giả, bất năng cụ túc thanh tịnh giới thể. Bất tu giới giả, thọ súc bát chủng bất tịnh chi vật. Bất tu



者。受畜八種不淨之物。不修心者。不能修習三種相故。不修慧者。不修梵行故。

復次不修身者。不能觀身不能觀色及觀色相。不觀身相不知身數。不知是身從此到彼。於非身中而生身相。於非色中而作色相。是故貪著我身身數。名不修身。

不修戒者。若受下戒不名修戒。受持邊戒，為自利戒，為自調戒，不能普為安樂眾生。非為護持無上正法，為生天上受五欲樂。不名修戒。

不修心者。心若散亂不能專一守自境界。自境界者謂四念處。他境界者所謂五欲。若不能修四念處者。名不修心。於惡業中不善護心。名不修慧。

復次不修身者。不能深觀是身無常，無住，危脆，念念滅壞，是魔境界。不修戒者。不能具足尸波羅蜜。不修心者。不能具足禪波羅蜜。不修慧者。不能具足般若波羅蜜。

復次不修身者。貪著我身及我所身。我身常恒無有變易。不修戒者。為自身故作十惡業。不修心者。於惡業中不能攝心。不修慧者。以不攝心不能分別善惡等法。

復次不修身者不斷我見。不修戒者不斷戒取。不修心者作貪瞋業趣向地獄。不修慧者不斷癡心。

tâm giả, bất năng tu tập tam chủng tướng cố. Bất tu tuệ giả, bất tu Phạm hạnh cố.

Phục thứ, bất tu thân giả, bất năng quán thân, bất năng quán sắc cập quán sắc tướng, bất quán thân tướng, bất tri thân số; bất tri thị thân từng thủ đảo bỉ; ư phi thân trung, nhi sanh thân tướng; ư phi sắc trung, nhi tác sắc tướng. Thị cố tham trước ngã thân, thân số; danh bất tu thân.

Bất tu giới giả, nhược thọ hạ giới, bất danh tu giới. Thọ trì biên giới, vị tự lợi giới, vị tự điều giới, bất năng phổ vị an lạc chúng sanh, phi vị hộ trì vô thượng Chánh pháp, vị sanh thiên thượng thọ ngũ dục lạc; bất danh tu giới.

Bất tu tâm giả, tâm nhược tán loạn, bất năng chuyên nhất, thủ tự cảnh giới. Tự cảnh giới giả, vị Tứ niệm xứ. Tha cảnh giới giả, sở vị ngũ dục. Nhược bất năng tu Tứ niệm xứ giả, danh bất tu tâm. Ư ác nghiệp trung, bất thiện hộ tâm, danh bất tu tuệ.

Phục thứ, bất tu thân giả, bất năng thâm quán thị thân: vô thường, vô trụ, nguy thuy, niệm niệm diệt hoại, thị ma cảnh giới. Bất tu giới giả, bất năng cụ túc Thi Ba-la-mật. Bất tu tâm giả, bất năng cụ túc Thiên Ba-la-mật. Bất tu tuệ giả, bất năng cụ túc Bát-nhã Ba-la-mật.

Phục thứ, bất tu thân giả, tham trước ngã thân cập ngã sở thân; ngã thân thường hằng, vô hữu biến dịch. Bất tu giới giả, vị tự thân cố, tác thập ác nghiệp. Bất tu tâm giả, ư ác nghiệp trung, bất năng nhiếp tâm. Bất tu tuệ giả, dĩ bất nhiếp tâm, bất năng phân biệt thiện ác đẳng pháp.

Phục thứ, bất tu thân giả, bất đoạn ngã kiến. Bất tu giới giả, bất đoạn giới thủ. Bất tu tâm giả, tác tham sân nghiệp, thú hướng địa ngục. Bất tu tuệ giả, bất đoạn si tâm.

復次不修身者。不能觀身雖無過咎而常是怨。善男子。譬如男子有怨常逐伺求其便。智者覺已繫心慎護。若不慎護則為其害。一切眾生身亦如是。常以飲食冷暖將養。若不如是將護守慎即當散壞。

善男子。如婆羅門奉事火天。常以香花讚歎禮拜供養奉事期滿百年。若一觸時尋燒人手。是火雖得如是供養。終無一念報事者恩。一切眾生身亦如是。雖於多年以好香花瓔珞衣服飲食臥具病瘦醫藥而供給之。若遇內外諸惡因緣即時滅壞。都不憶念往日供給衣食之恩。

善男子。譬如有王畜四毒蛇置之一篋。以付一人仰令瞻養。是四蛇中設一生瞋則能害人。是人恐怖常求飲食隨時守護。一切眾生四大毒蛇亦復如是。若一大瞋則能壞身。

善男子。如人久病應當至心求醫療治。若不勤救必死不疑。一切眾生身亦如是。常應攝心不令放逸。若放逸者則便滅壞。

善男子。譬如坏瓶不耐風雨打擲槌壓。一切眾生身亦如是。不耐飢渴寒熱風雨打擊惡罵。

Phục thú, bất tu thân giả, bất năng quán thân tuy vô quá cữu, nhi thường thị oán. Thiện nam tử! Thí như nam tử, hữu oán thường trục, tứ cầu kỳ tiện. Trí giả giác dĩ, hệ tâm thận hộ. Nhược bất thận hộ, tác vi kỳ hại. Nhất thiết chúng sanh thân diệc như thị; thường dĩ ẩm thực, lãnh noãn tương dưỡng. Nhược bất như thị tương hộ thủ thận, tức đương tán hoại.

Thiện nam tử! Như Bà-la-môn, phụng sự hỏa thiên, thường dĩ hương hoa, tán thán lễ bái, cúng dường phụng sự, kỳ mãn bá niên. Nhược nhất xúc thời, tầm thiêu nhân thủ. Thị hỏa tuy đắc như thị cúng dường, chung vô nhất niệm báo sự giả ân. Nhất thiết chúng sanh, thân diệc như thị; tuy ư đa niên dĩ hảo hương hoa, anh lạc, y phục, ẩm thực, ngọc cụ, bệnh sấu y dược nhi cung cấp chi; nhược ngộ nội ngoại chư ác nhân duyên, tức thời diệt hoại, đô bất ức niệm vãng nhật cung cấp y thực chi ân.

Thiện nam tử! Thí như hữu vương, súc tứ độc xà, trí chi nhất khiếp; dĩ phó nhất nhân, ngưỡng linh chiêm dưỡng. Thị tứ xà trung, thiết nhất sanh sân, tác năng hại nhân. Thị nhân khủng bố, thường cầu ẩm thực, tùy thời thủ hộ. Nhất thiết chúng sanh, Tứ đại độc xà diệc phục như thị. Nhược nhất đại sân, tác năng hoại thân.

Thiện nam tử! Như nhân cứu bệnh, ứng đương chí tâm cầu y liệu trị. Nhược bất cần cứu, tất tử bất nghi. Nhất thiết chúng sanh thân diệc như thị; thường ưng nhiếp tâm, bất linh phóng dật. Nhược phóng dật giả, tác tiện diệt hoại.

Thiện nam tử! Thí như phôi bình, bất nại phong vũ, đã trịch trừu áp. Nhất thiết chúng sanh, thân diệc như thị; bất nại cơ khát, hàn nhiệt phong vũ, đã kích, ác mạ.

善男子。如癰未熟常當善護不令人觸。設有觸者即大苦痛。一切眾生身亦如是。

善男子。如驪懷妊自害其軀。一切眾生身亦如是。內有風冷身則受害。

善男子。譬如芭蕉生實則枯。一切眾生身亦如是。善男子。亦如芭蕉內無堅實。一切眾生身亦如是。

善男子。如蛇鼠狼各各相於常生怨心。眾生四大亦復如是。

善男子。譬如鵝王。不樂塚墓。菩薩亦爾於身塚墓亦不貪樂。

善男子。如旃陀羅七世相繼不捨其業。是故為人之所輕賤。是身種子亦復如是。種子精血究竟不淨。以不淨故諸佛菩薩之所輕呵。

善男子。是身不如摩羅耶山生於栴檀。亦不能生優鉢羅花，芬陀利花，瞻婆花，摩利迦花，婆師迦花。九孔常流膿血不淨。生處臭穢醜陋可惡。常與諸虫共在一處。

善男子。譬如世間雖有上妙清淨園林。死屍至中則為不淨。眾生共捨之不生愛著。色界亦爾雖復淨妙以有身故。諸佛菩薩悉共捨之。

Thiện nam tử! Như ung vị thực, thường đương thiện hộ, bất linh nhân xúc. Thiết hữu xúc giả, tác đại khổ thống. Nhất thiết chúng sanh, thân diệc như thị.

Thiện nam tử! Như loa hoài nhâm, tự hại kỳ khu. Nhất thiết chúng sanh, thân diệc như thị; nội hữu phong lãnh, thân tác thọ hại.

Thiện nam tử! Thí như ba tiêu, sanh thật tác khô. Nhất thiết chúng sanh, thân diệc như thị. Thiện nam tử! Diệc như ba tiêu, nội vô kiên thật. Nhất thiết chúng sanh, thân diệc như thị.

Thiện nam tử! Như xà, thử, lang, các các tương ư thường sanh oán tâm. Chúng sanh tứ đại, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như nga vương, bất nhạo trúng mộ. Bồ Tát diệc nhĩ; ư thân trúng mộ, diệc bất tham nhạo.

Thiện nam tử! Như chiêm-đà-la, thất thế tương kế, bất xả kỳ nghiệp; thị cố vi nhân chi sở khinh tiện. Thị thân chúng tử, diệc phục như thị, chủng tử tinh huyết, cứu cánh bất tịnh. Dĩ bất tịnh cố, chư Phật, Bồ Tát chi sở khinh ha.

Thiện nam tử! Thị thân bất như Ma-la-da sơn sanh ư chiêm-đàn; diệc bất năng sanh ưu-bát-la hoa, phân-đà-ly hoa, chiêm-bà hoa, ma-ly-ca hoa, bà-sư-ca hoa. Cửu khổng thường lưu, nung huyết bất tịnh; sanh xú xú uế, xú lậu khả ố; thường dữ chư trùng cộng tại nhất xứ.

Thiện nam tử! Thí như thế gian, tuy hữu thượng diệu thanh tịnh viên lâm; tử thi chí trung, tác vi bất tịnh; chúng sanh cộng xả chi, bất sanh ái trước. Sắc giới diệc nhĩ; tuy phục tịnh diệu, dĩ hữu thân cố, chư Phật, Bồ Tát tất cộng xả chi.



善男子。若有不能作如是觀。名不修身。

不修戒者。善男子。若不能觀戒是一切善法梯  
 登。亦是一切善法根本。如地悉是一切樹木所生之  
 本。是諸善根之導首也。如彼商主導眾商人。戒是  
 一切善法勝幢。如天帝釋所立勝幢。戒能永斷一切  
 惡業及三惡道。能療惡病猶如藥樹。戒是生死險道  
 資糧。戒是摧結惡賊鎧仗。戒是滅結毒蛇良咒。戒  
 是度惡業行橋梁。若有不能如是觀者。名不修戒。

不修心者。不能觀心輕躁動轉，難捉難調。馳騁  
 奔逸如大惡象。念念迅速如彼電光。躁擾不住猶如  
 獼猴。如幻如燄乃是一切諸惡根本。五欲難滿。如  
 火獲薪。亦如大海吞受諸流。如曼陀山草木滋多。

不能觀察生死虛妄。耽惑致患如魚吞鈎。常先  
 引導諸業隨從。猶如貝母引導諸子。貪著五欲不樂  
 涅槃。如駝食蜜乃至於死。不顧芻草。深著現樂不  
 觀後過。如牛貪苗不懼杖楚。馳騁周遍二十五有。  
 猶如疾風吹兜羅鞋。所不應求求無厭足。如無智人  
 求無熱火。常樂生死不樂解脫。如絰婆蟲樂絰婆  
 樹。迷惑愛著生死臭穢。猶如獄囚樂獄卒女。亦如  
 廁豬樂處不淨。若有不能如是觀者。名不修心。

不修慧者。不觀智慧有大勢力如金翅鳥。能壞  
 惡業壞無明闇猶如日光。能拔陰樹如水漂物。焚燒

Thiện nam tử! Nhược hữu bất năng tác như thị quán, danh  
 bất tu thân.

Bát tu giới giả, thiện nam tử! Nhược bất năng quán: Giới  
 thị nhất thiết thiện pháp thê dạng. Diệc thị nhất thiết thiện  
 pháp căn bản, như địa tất thị nhất thiết thọ mộc sở sanh chi  
 bản. Thị chư thiện căn chi đạo thủ dã, như bỉ thương chủ đạo  
 chư thương nhân. Giới thị nhất thiết thiện pháp thắng tràng,  
 như thiên Đế-thích sở lập thắng tràng. Giới năng vĩnh đoạn  
 nhất thiết ác nghiệp cập tam ác đạo; năng liệu ác bệnh, do như  
 dược thọ. Giới thị sanh tử hiểm đạo tư lương. Giới thị tội kết ác  
 tác khả trừ diệt. Giới thị diệt kết độc xà lương chú. Giới thị độ  
 ác nghiệp hành kiều lương. Nhược hữu bất năng như thị quán  
 giả, danh bất tu giới.

Bát tu tâm giả, bất năng quán: tâm khinh táo động chuyển,  
 nan tróc, nan điều, trì sinh bồn dật, như đại ác tượng. Niệm  
 niệm tán tốc, như bỉ điện quang. Táo nhiễu bất trụ, do như di  
 hâu, như huyễn, như diệm. Nãi thị nhất thiết chư ác căn bản.  
 Ngũ dục nan mãn, như hỏa hoạch tân; diệc như đại hải thôn  
 thọ chúng lưu; như Mạn-đa sơn, thảo mộc tư đa.

Bất năng quán sát sanh tử hư vọng, đam hoặc trí hoạn,  
 như ngư thôn câu. Thường tiên dẫn đạo chư nghiệp tùy tùng,  
 do như bồi mẫu dẫn đạo chư tử. Tham trước ngũ dục, bất nhạo  
 Niết-bàn, như đà thực mật, nãi chí ư tử, bất cố sô thảo. Tham  
 trước hiện lạc, bất quán hậu quá, như ngư tham miêu, bất  
 cụ trượng sở; trì sinh châu biến nhị thập ngũ hữu, do như tạt  
 phong xuy đầu-la ngạc. Sở bất ứng cầu, cầu vô yếm túc, như  
 vô trí nhân cầu vô nhiệt hỏa. Thường nhạo sanh tử, bất nhạo  
 giải thoát, như nhâm-bà trùng nhạo nhâm-bà thụ. Mê hoặc  
 ái trước sanh tử xú uế, do như ngục tù nhạo ngục tốt nữ; diệc  
 như xí trừ nhạo xử bất tịnh. Nhược hữu bất năng như thị quán  
 giả, danh bất tu tâm.

Bát tu tuệ giả, bất quán: Trí tuệ hữu đại thế lực, như kim  
 sí điểu, năng hoại ác nghiệp, hoại vô minh ám, do như nhật  
 quang năng bạt âm thụ; như thủy phiêu vật. Phân thiêu tà



邪見猶如猛火。慧是一切善法根本。佛菩薩母之種子也。若有不能如是觀者。不名修慧。

善男子。第一義中若見身身相身因身果身聚身一身二此身彼身身滅身等身修修者。若有如是見者。名不修身。

善男子。若見戒戒相戒因戒果上戒下戒戒聚戒一戒二此戒彼戒戒滅戒等戒修修者戒波羅蜜。若有如是見者。名不修戒。

若見心心相心因心果心聚心及心數心一心二此心彼心心滅心等心修修者上中下心善心惡心。若有如是見者。名不修心。

善男子。若見慧慧相慧因慧果慧聚慧一慧二此慧彼慧慧滅慧等上中下慧鈍慧利慧慧修修者。若有如是見者。名不修慧。

善男子。若有不修身戒心慧。如是之人。於小惡業得大惡報。以恐怖故常生是念。我屬地獄作地獄行。

雖聞智者說地獄苦。常作是念。如鐵打鐵，石還打石，木自打木，火蟲樂火，地獄之身還似地獄。若似地獄有何苦事。譬如蒼蠅為唾所粘不能自出。是人亦爾於小罪中不能自出。心初無悔不能修善覆藏

kiến, do như mãnh hỏa. Tuệ thị nhất thiết thiện Pháp căn bản; Phật, Bồ Tát mẫu chi chủng tử dã. Nhược hữu bất năng như thị quán giả, danh bất tu tuệ.

Thiện nam tử! Đệ nhất nghĩa trung, nhược kiến thân, thân tướng, thân nhân, thân quả, thân tụ, thân nhất, thân nhị, thủ thân, bỉ thân, thân diệt, thân đẳng, thân tu, tu giả. Nhược hữu như thị kiến giả, danh bất tu thân.

Thiện nam tử! Nhược kiến giới, giới tướng, giới nhân, giới quả, thượng giới, hạ giới, giới tụ, giới nhất, giới nhị, thủ giới, bỉ giới, giới diệt, giới đẳng, giới tu, tu giả, Giới Ba-la-mật. Nhược hữu như thị kiến giả, danh bất tu giới.

Nhược kiến tâm, tâm tướng, tâm nhân, tâm quả, tâm tụ, tâm cập tâm số, tâm nhất, tâm nhị, thủ tâm, bỉ tâm, tâm diệt, tâm đẳng, tâm tu, tu giả, thượng, trung, hạ tâm, thiện tâm, ác tâm. Nhược hữu như thị giả, danh bất tu tâm.

Thiện nam tử! Nhược kiến tuệ, tuệ tướng, tuệ nhân, tuệ quả, tuệ tụ, tuệ nhất, tuệ nhị, thủ tuệ, bỉ tuệ, tuệ diệt, tuệ đẳng, thượng, trung, hạ tuệ, độn tuệ, lợi tuệ, tuệ tu, tu giả. Nhược hữu như thị kiến giả, danh bất tu tuệ.

Thiện nam tử! Nhược hữu bất tu thân, giới, tâm, tuệ như thị chi nhân, ư tiểu ác nghiệp, đắc đại ác báo. Dĩ khủng bố cố, thường sanh thị niệm: Ngã thuộc địa ngục, tác địa ngục hạnh.

Tuy văn trí giả thuyết địa ngục khổ, thường tác thị niệm: Như thiết đả thiết, thạch hoàn đả thạch, mộc tự đả mộc, hỏa trùng nhạo hỏa, địa ngục chi thân hoàn tự địa ngục. Nhược tự địa ngục, hữu hà khổ sự? Thí như thương nhặng, vi thóa sở niệm, bất năng tự xuất. Thị nhân diệt nhĩ; ư tiểu tội trung, bất năng tự xuất; tâm sơ vô hối, bất năng tu thiện, phú tàng hà tỳ.

瑕疵。雖有過去一切善業。悉為是罪之所垢污。是人所有現受輕報。轉為地獄極重惡果。

善男子。如小器水置鹽一升。其味鹹苦難可得飲。是人罪業亦復如是。

善男子。譬如有人負他一錢不能得償故身被繫縛多受眾苦。是人罪業亦復如是。

師子吼菩薩言。世尊。是人何故令現輕報轉地獄受。

佛言。善男子。一切眾生若具五事令現輕報轉地獄受。何等為五。一者愚癡故。二者善根微少故。三者惡業深重故。四者不懺悔故。五者不修本善業故。

復有五事。一者修習惡業故。二者無戒財故。三者遠離善根故。四者不修身戒心慧故。五者親近惡知識故。

善男子。是故能令現世輕報地獄重受。

師子吼言。世尊。何等人能轉地獄報現世輕受。

善男子。若有修習身戒心慧如上所說。能觀諸法同如虛空。不見智慧不見智者。不見愚癡不見愚

Tuy hữu quá khứ nhất thiết thiện nghiệp, tất vi thị tội chi sơ cấu ô. Thị nhân sở hữu hiện thọ khinh báo, chuyển vi địa ngục cực trọng ác quả.

Thiện nam tử! Như tiểu khí thủy, trí diêm nhất thăng, kỳ vị hàm khổ, nan khả đắc ẩm. Thị nhân tội nghiệp diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, phụ tha nhất tiền, bất năng đắc thường, cố thân bị hệ phục, đa thọ chúng khổ. Thị nhân tội nghiệp diệc phục như thị.

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Thị nhân hà cố linh hiện khinh báo, chuyển địa ngục thọ?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh nhược cụ ngũ sự linh hiện khinh báo, chuyển địa ngục thọ. Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả ngu si cố. Nhị giả thiện căn vi thiếu cố. Tam giả ác nghiệp thâm trọng cố. Tứ giả bất sám hối cố. Ngũ giả bất tu bốn thiện nghiệp cố.

Phục hữu ngũ sự: Nhất giả tu tập ác nghiệp cố. Nhị giả vô giới tài cố. Tam giả viễn ly thiện căn cố. Tứ giả bất tu thân, giới, tâm, tuệ cố. Ngũ giả thân cận ác tri thức cố.

Thiện nam tử! Thị cố năng linh hiện thế khinh báo, địa ngục trọng thọ.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Hà đẳng nhân năng chuyển địa ngục báo, hiện thế khinh thọ?

Thiện nam tử! Nhược hữu tu tập thân, giới, tâm, tuệ, như thượng sở thuyết, năng quán chư pháp đồng như hư không, bất kiến trí tuệ, bất kiến trí giả, bất kiến ngu si, bất kiến ngu giả, bất kiến tu tập, cập tu tập giả. Thị danh trí giả. Như thị

者。不見修習及修習者。是名智者。如是之人則能修習身戒心慧。是人能令地獄果報現世輕受。

是人設作極重惡業。思惟觀察能令輕微。作是念言我業雖重不如善業。譬如氈花雖復百斤終不能敵真金一兩。如恒河中投一升鹽水無鹹味飲者不覺。如巨富者雖多負人千萬寶物。無能繫縛令其受苦。如大香象能壞鐵鎖自在而去。智慧之人亦復如是。常思惟言我善力多惡業羸弱。我能發露懺悔除惡能修智慧。智慧力多無明力少。

如是念已親近善友修習正見。受持讀誦書寫解說十二部經。見有受持讀誦書寫解說之者。心生恭敬兼以衣食房舍臥具醫藥花香。而供養之讚歎尊重所至到處稱說其善不訟其短。供養三寶敬信方等大涅槃經。如來常恒無有變易。一切眾生悉有佛性。是人能令地獄重報現世輕受。

善男子。以是義故。非一切業悉有定果。亦非一切眾生定受。

### 大般涅槃經卷第三十一

終

chi nhân tác năng tu tập thân, giới, tâm, tuệ. Thị nhân năng linh địa ngục quả báo, hiện thế khinh thọ.

Thị nhân thiết tác cực trọng ác nghiệp, tư duy quán sát, năng linh khinh vi, tác thị niệm ngôn: Ngã nghiệp tuy trọng, bất như thiện nghiệp. Thí như điệp hoa, tuy phục bá cân, chung bất năng địch chân kim nhất lượng. Như Hằng hà trung, dầu nhất thăng diêm, thủy vô hàm vị, ẩm giả bất giác. Như cự phú giả, tuy đa phụ nhân, thiên vạn bảo vật, vô năng hệ phục, linh kỳ thọ khổ. Như đại hương tượng, năng hoại thiết tỏa, tự tại nhi khứ. Trí tuệ chi nhân diệc phục như thị. Thường tư duy ngôn: Ngã thiện lực đa, ác nghiệp luy nhược. Ngã năng phát lộ, sám hối trừ ác; năng tu trí tuệ. Trí tuệ lực đa, vô minh lực thiếu.

Như thị niệm dĩ, thân cận thiện hữu, tu tập chánh kiến; thọ trì, đọc, tụng, thơ tả, giải thuyết Thập nhị bộ kinh. Kiến hữu thọ trì, đọc, tụng, thơ tả, giải thuyết chi giả, tâm sanh cung kính; kiêm dĩ y, thực, phòng xá ngoại cụ, y dược, hoa hương nhi cúng dường chi, tán thán, tôn trọng. Sở chí đạo xứ, xưng thuyết kỳ thiện, bất tụng kỳ đoản. Cúng dường Tam bảo; kính tín Phương đẳng Đại Niết-bàn kinh, Như Lai thường hằng vô hữu biến dịch, nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Thị nhân năng linh địa ngục trọng báo, hiện thế khinh thọ.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, phi nhất thiết nghiệp tất hữu định quả; diệc phi nhất thiết chúng sanh định thọ.

### Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập nhất

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

## QUYỂN BA MƯƠI MỐT

### PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG

#### Phẩm thứ mười một - Phần năm

**B**ồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật: “Thế Tôn! Như trong kinh có nói: ‘Trí *tỳ-bà-xá-na* có thể phá trừ phiền não’, vì sao còn phải tu tập *xa-ma-tha*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông nói rằng: ‘Trí *tỳ-bà-xá-na* phá trừ phiền não.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Lúc có trí tuệ ắt không có phiền não; lúc có phiền não ắt không có trí tuệ. Làm sao ông có thể nói rằng trí *tỳ-bà-xá-na* có thể phá trừ phiền não?”

“Thiện nam tử! Ví như đang khi sáng thì không có bóng tối; đang khi tối thì không có ánh sáng. Nếu nói rằng ánh sáng có thể phá trừ bóng tối thì thật là vô lý!”

“Thiện nam tử! Ai là người có trí tuệ, ai là người có phiền não mà nói rằng ‘trí tuệ có thể phá trừ phiền não’? Nếu thật [cả hai] đều không, ắt không có chỗ phá trừ!”

“Thiện nam tử! Nếu ông nói trí tuệ có thể phá trừ phiền não, đó là đến được [giải thoát] mà phá trừ hay không đến được [giải thoát] mà phá trừ? Nếu không đến được [giải thoát] mà phá trừ [phiền não] thì phạm phu chúng sanh lẽ ra cũng đều phá trừ được! Nếu đến được [giải thoát] mà phá trừ [phiền não] thì lẽ ra ngay khi khởi niệm [tu tập] đầu tiên đã phá trừ được! Nếu niệm khởi ban đầu không phá trừ được [phiền não] thì niệm

tưởng tiếp theo sau cũng không thể phá trừ. Nếu vừa đến được [giải thoát] liền phá trừ [phiền não] ngay thì [như vậy] là không đến. Vì sao ông lại nói rằng trí tuệ có thể phá trừ [phiền não]? Còn nếu nói rằng dù đến hay không đạt đến [giải thoát] cũng đều phá trừ được [phiền não] thì thật là vô lý!

“Lại nữa, [nói rằng] trí *tỳ-bà-xá-na* phá trừ phiền não là đơn độc có thể phá trừ hay hợp sức [với các pháp khác] mà phá trừ? Nếu đơn độc có thể phá trừ, vì sao Bồ Tát phải tu tập Tám chánh đạo? Nếu nhờ có sự hợp sức mà phá trừ thì biết rằng đơn độc không đủ sức phá trừ. Nhưng nếu đơn độc không đủ sức phá trừ thì dù hợp sức cũng không thể [phá trừ phiền não]. Ví như một người mù không thấy được hình sắc, dù có [hợp sức] với những người mù khác cũng không thể thấy được. Trí *tỳ-bà-xá-na* cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như đất có tính chất cứng chắc, lửa có tính chất nóng ấm, nước có tính chất ẩm ướt, gió có tính chất chuyển động. Từ [tính chất] cứng chắc của đất cho tới [tính chất] chuyển động của gió, thủy đều không phải do nhân duyên tạo tác, đó là tánh tự nhiên như vậy. Các phiền não cũng giống như bốn đại [đất, lửa, nước, gió] kia, tính chất tự nhiên của chúng là dứt trừ. Nếu [tính chất của] chúng là dứt trừ, vì sao ông lại nói rằng trí tuệ có thể dứt trừ phiền não? Vì nghĩa ấy, trí *tỳ-bà-xá-na* chắc chắn là không thể phá được các phiền não.

“Thiện nam tử! Như tính chất của muối là mặn, có thể làm cho vật khác mặn. Tính chất của mật [ong] là ngọt, có thể làm cho vật khác ngọt. Tính chất của nước là ẩm ướt, có thể làm cho vật khác ẩm ướt. [Nếu nói rằng] tính chất của trí tuệ là diệt mất, có thể làm cho các pháp diệt mất thì nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nếu pháp là



không diệt mất, làm sao trí tuệ có thể cưỡng ép làm cho diệt mất được?

“Còn như nói rằng [tính chất của] muối là mặn nên làm cho vật khác mặn, [tính chất] diệt mất của trí tuệ cũng vậy, khiến cho các pháp khác phải tiêu diệt, nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao vậy? Vì tánh của trí tuệ là nối nhau diệt mất trong từng niệm. Nếu là diệt mất trong từng niệm, làm sao nói rằng có thể diệt trừ các pháp khác? Vì nghĩa ấy nên tánh của trí tuệ không phá trừ phiền não.

“Thiện nam tử! Tất cả pháp đều có hai cách diệt mất, một là bản tánh [của chúng] tự diệt mất, hai là [xét đến chỗ] rốt ráo thấy là diệt mất. Nếu tánh của pháp là tự diệt, sao nói rằng trí tuệ có thể diệt được [các pháp]?”

“Nếu nói rằng trí tuệ có thể diệt được phiền não, như lửa thiêu đốt vật, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Như lửa thiêu đốt vật ắt còn lại tro tàn. Nếu trí tuệ là thế, lẽ ra [diệt phiền não rồi] cũng còn lại tàn tích! Như dùng rìu chặt cây có thể thấy được vết chặt. Nếu trí tuệ là như thế thì đâu là chỗ thấy được?”

“Nếu [nói rằng] trí tuệ có thể khiến phiền não phải lìa xa, thì lẽ ra phiền não ấy phải xuất hiện ở một nơi khác! Cũng như các thầy ngoại đạo khi lìa khỏi sáu thành lớn liền xuất hiện ở thành Câu-thi-na. Nếu phiền não không xuất hiện ở nơi khác thì biết là trí tuệ không thể khiến chúng lìa xa!

“Thiện nam tử! Nếu tánh của tất cả các pháp là không thì ai có thể khiến cho [các pháp] sanh ra được? Ai có thể khiến cho [các pháp] diệt mất được? Sanh diệt biến đổi, thật không có người tạo tác.

“Thiện nam tử! Nếu tu tập định ắt sẽ đạt được sự thấy biết chân chánh như vậy. Vì nghĩa ấy, trong kinh ta có dạy rằng: ‘Nếu tỳ-kheo tu tập định ắt có thể thấy được tướng sanh diệt của năm ấm.’

“Thiện nam tử! Nếu không tu tập định thì những việc thế gian còn không thể rõ biết, huống chi đến những việc vượt ngoài thế gian? Nếu người không có định thì dù ở nơi bằng phẳng cũng bị ngã nghiêng, tâm duyên theo pháp khác, miệng nói ra lời khác, tai nghe lời khác, trong lòng hiểu nghĩa khác; [trong ý] muốn viết chữ khác mà tay lại viết ra câu văn khác; [trong ý] muốn đi con đường khác mà chân lại bước theo lối khác... Nếu người có tu tập định ắt sẽ được lợi ích lớn, cho đến [thành tựu] A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát có đầy đủ hai pháp ắt được lợi ích lớn. [Hai pháp ấy là gì?] Một là định, hai là trí [tuệ].

“Thiện nam tử! Như người cắt cỏ, một tay gom cỏ lại, tay kia cầm liềm cắt. Bồ Tát ma-ha-tát tu hai pháp [định và tuệ] cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Như người nhổ cây cứng chắc, trước phải dùng tay lay động, sau mới dễ nhổ lên. Bồ Tát tu định và tuệ cũng giống như vậy, trước dùng định lay động, sau mới dùng trí tuệ nhổ bật lên.

“Thiện nam tử! Như người giặt áo dơ, trước dùng nước tro,<sup>(1)</sup> sau dùng nước trong, áo liền được sạch sẽ. Bồ Tát [dùng] định và tuệ cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Như trước có đọc tụng rồi sau mới hiểu nghĩa. Bồ Tát [dùng] định và tuệ cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như một người dưng mảnh, trước phải tự trang bị áo giáp, binh khí, sau đó ra trận mới

thắng được quân giặc. Bồ Tát [dùng] định và tuệ cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như người thợ dùng kềm sắt, ống bễ [thổi lửa], vật chứa vàng... rồi mới tùy ý uốn nắn, nung chảy. Bồ Tát [dùng] định và tuệ cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như tấm gương [trước phải làm cho] sáng rõ [rồi sau mới] soi được khuôn mặt. Bồ Tát [dùng] định và tuệ cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Như trước phải san lấp đất đai cho bằng phẳng, rồi sau mới gieo trồng; trước phải theo thầy thọ học, rồi sau mới suy xét nghĩa lý. Bồ Tát [dùng] định và tuệ cũng giống như vậy.

“Vì những nghĩa ấy, Bồ Tát ma-ha-tát tu tập hai pháp định và tuệ có thể được lợi ích lớn lao.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tu tập hai pháp [định và tuệ] này điều phục và thâm tóm được năm căn, nhẫn chịu được mọi sự khổ như đói khát, nóng lạnh, đánh đập, mạ nhục, thú dữ cắn xé, muỗi mòng chích đốt...; thường nhiếp phục tâm không để cho buông thả; không vì lợi dưỡng mà làm việc trái với Chánh pháp; không bị bụi nhơ phiền não làm cho hoen ố; không bị những sự thấy biết khác biệt tà vạy làm cho mê hoặc; thường lìa xa mọi tâm tưởng xấu ác; không bao lâu sẽ thành tựu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề vì muốn thành tựu mọi sự lợi ích cho chúng sanh.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tu tập hai pháp [định và tuệ] này không bị lay động bởi bốn cơn gió mạnh là Bốn sự điên đảo,<sup>(2)</sup> như núi Tu-di, tuy có bốn cơn gió [từ bốn phương] thổi mạnh nhưng không thể làm cho lay động; không bị các tà sư ngoại đạo đánh đổ, như tòa [ngôi] của Đế-thích không thể chuyển dời; không bị các

tà thuật lạ lùng đối gạt, thường được hưởng sự an vui mâu nhiệm không gì bằng; có thể hiểu được nghĩa lý sâu xa kín đáo của Như Lai; dù gặp sự vui cũng không lấy làm hân hoan, dù gặp khổ não cũng chẳng lo buồn; chư thiên và người đời đều cung kính ngợi khen xưng tán; thấy rõ được sanh tử và không sanh tử; khéo rõ biết được cảnh giới các pháp và bản tánh của pháp; tự thân có đủ những pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Đó gọi là niềm vui của Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Tướng định gọi là tam-muội Không. Tướng trí tuệ gọi là tam-muội Vô nguyện. Tướng buông xả gọi là tam-muội Vô tướng.

“Thiện nam tử! Nếu có vị Bồ Tát ma-ha-tát khéo rõ biết lúc nào nên [tu tập] định, lúc nào nên [tu tập] trí tuệ, lúc nào nên [tu tập] buông xả, cũng như những lúc nào không nên [tu tập] định, hoặc trí tuệ, hoặc buông xả, đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát thực hành đạo Bồ-đề.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát rõ biết những lúc nên hoặc không nên [tu tập] định, trí tuệ, buông xả?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát nhân khi được thọ hưởng sự vui thích liền sanh lòng kiêu mạn lớn; hoặc do việc thuyết pháp được mà sanh kiêu mạn; hoặc nhân sự chuyên cần tinh tấn mà sanh kiêu mạn; hoặc nhân sự hiểu rõ nghĩa lý, khéo hỏi đáp đúng lúc thích hợp mà sanh kiêu mạn; hoặc do gần gũi bạn bè xấu ác mà sanh kiêu mạn; hoặc nhân việc bố thí vật mình quý trọng mà sanh kiêu mạn; hoặc nhân việc [được nhiều] công đức, pháp lành của thế gian mà sanh kiêu mạn; hoặc nhân việc được người giàu sang ở thế gian cung kính mà sanh kiêu mạn. Trong những lúc ấy, [Bồ Tát]

không nên tu tập trí tuệ mà cần phải tu tập định. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết lúc nào nên hoặc không nên.

“Nếu có Bồ Tát chuyên cần tinh tấn tu tập mà chưa đạt được sự lợi ích là niềm vui của [cảnh giới] Niết-bàn, vì không đạt được nên sanh lòng hối tiếc; vì cần tánh ngu độn nên không thể điều phục được năm căn;<sup>(3)</sup> vì những phiền não cấu nhiễm còn đang quá mạnh nên tự sanh lòng nghi [cho đó là] do giới luật suy kém. Trong những lúc ấy, [Bồ Tát] không nên tu tập định mà cần phải tu tập trí tuệ. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết lúc nào nên hoặc không nên.

“Thiện nam tử! Nếu hai pháp định và trí tuệ của Bồ Tát không tương đương nhau, nên biết rằng lúc ấy [Bồ Tát] không nên tu tập buông xả. Nếu hai pháp ấy tương đương nhau mới nên tu tập buông xả. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết lúc nào nên hoặc không nên.

“Thiện nam tử! Như Bồ Tát [trong khi] tu tập định và trí tuệ mà khởi sanh phiền não, nên biết rằng lúc ấy không nên tu tập buông xả, mà nên tụng đọc, sao chép, giảng nói Mười hai bộ kinh.

“[Bồ Tát tu tập] niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thiên, niệm xả. Đó gọi là tu tập buông xả.

“Thiện nam tử! Nếu có Bồ Tát nào tu tập ba tướng pháp [định, trí tuệ và buông xả] này, nhờ nhân duyên ấy sẽ đạt được Niết-bàn không có hình tướng.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Vì không có mười tướng<sup>(4)</sup> nên gọi là Đại Niết-bàn, vì không có tướng. Vậy do duyên gì mà còn gọi [Niết-bàn] là [cảnh giới] không sanh ra, không xuất hiện, không tạo tác, là chỗ nương náu, là hải đảo, là chỗ quy y, là an ổn, là diệt

độ, là Niết-bàn, vắng lặng an tĩnh, không có các bệnh khổ, không có gì hiện hữu?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì không có nhân duyên nên gọi là không sanh ra. Vì không sanh ra nên gọi là không xuất hiện. Vì không tạo nghiệp nên gọi là không tạo tác. Vì không vướng vào năm kiến chấp<sup>(5)</sup> nên gọi là chỗ nương náu. Vì lìa khỏi bốn con sông hung bạo<sup>(6)</sup> nên gọi là hải đảo. Vì điều phục chúng sanh nên gọi là chỗ quy y. Vì phá sạch giặc phiền não trói buộc nên gọi là an ổn. Vì dập tắt hoàn toàn các thứ lửa phiền não nên gọi là diệt độ. Vì lìa bỏ hết thảy mọi niệm tưởng thô kệch và tinh tế nên gọi là Niết-bàn. Vì xa lìa sự rối ren náo động nên gọi là vắng lặng an tĩnh. Vì dứt hẳn sanh tử nên gọi là không có các bệnh khổ. Vì tất cả đều là không nên gọi là không có gì hiện hữu.

“Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát ma-ha-tát quán tưởng như vậy thì lúc ấy sẽ được sáng suốt rõ ràng, thấy được tánh Phật.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát thành tựu bao nhiêu pháp mới có thể thấy được Niết-bàn không hình tướng, cho đến không có gì hiện hữu?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thành tựu mười pháp ắt có thể thấy rõ Niết-bàn không hình tướng cho đến không có gì hiện hữu.

“Những gì là mười pháp?”

“Pháp thứ nhất là đầy đủ lòng tin. Thế nào gọi là đầy đủ lòng tin? Đó là có lòng tin sâu rằng Phật, Pháp, Tăng là thường tồn; rằng chư Phật mười phương [vì] phương tiện [hóa độ chúng sanh] mà thị hiện; rằng tất



cả chúng sanh, cho đến hạng nhất-xiển-đề cũng đều có tánh Phật. Nhưng không tin rằng Như Lai thật có sanh, già, bệnh, chết và có tu khổ hạnh; không tin rằng Đề-bà-đạt-đa thật có phá hoại Tăng đoàn, làm cho thân Phật chảy máu; không tin rằng Như Lai dứt tất cả mà nhập Niết-bàn; không tin rằng Chánh pháp [có sự] dứt mất. Đó gọi là Bồ Tát đầy đủ lòng tin.

“Pháp thứ hai là trọn vẹn giới hạnh thanh tịnh. Thế nào gọi là trọn vẹn giới hạnh thanh tịnh? Thiện nam tử! Như có Bồ Tát tự nói rằng giới hạnh của mình thanh tịnh, [nhưng vị ấy] tuy không sống chung với người nữ mà khi gặp người nữ thì cùng nhau cười nói bốn cợt. Bồ Tát như vậy là phạm vào lỗi tham dục, hủy phá giới hạnh thanh tịnh, làm như nhớp Phạm hạnh, khiến cho giới hạnh trở thành hỗn tạp, ô uế, không thể gọi là trọn vẹn giới hạnh thanh tịnh.

“Lại nữa, như có Bồ Tát tự nói rằng giới hạnh của mình thanh tịnh, [nhưng vị ấy] tuy không sống chung với người nữ, cũng không cười nói bốn cợt, mà khi từ xa nghe được mọi thứ âm thanh của người nữ như tiếng chuỗi ngọc, vòng vàng va chạm... liền sanh lòng luyến ái, tham muốn, vướng mắc. Bồ Tát như vậy là phạm vào lỗi tham dục, hủy phá giới hạnh thanh tịnh, làm như nhớp Phạm hạnh, khiến cho giới hạnh trở thành hỗn tạp, ô uế, không thể gọi là trọn vẹn giới hạnh thanh tịnh.

“Lại nữa, như có Bồ Tát tự nói rằng giới hạnh của mình thanh tịnh, [nhưng vị ấy] tuy không sống chung với người nữ, cũng không cười nói bốn cợt, cũng không lắng tai nghe những âm thanh của người nữ, mà khi nhìn thấy kẻ khác theo đuổi người nữ, hoặc thấy người nữ theo đuổi người nam, liền sanh lòng tham muốn, vướng mắc. Bồ Tát như vậy là phạm vào lỗi tham dục,

hủy phá giới hạnh thanh tịnh, làm như nhớp Phạm hạnh, khiến cho giới hạnh trở thành hỗn tạp, ô uế, không thể gọi là trọn vẹn giới hạnh thanh tịnh.

“Lại nữa, như có Bồ Tát tự nói rằng giới hạnh của mình thanh tịnh, [nhưng vị ấy] tuy không sống chung với người nữ, cũng không cười nói bốn cợt, cũng không lắng tai nghe những âm thanh của người nữ, cũng chẳng nhìn thấy những cảnh nam nữ theo đuổi nhau [mà sanh lòng tham muốn], nhưng [phát tâm giữ giới chỉ vì] muốn sanh lên cõi trời, hưởng thụ sự vui thích của năm món dục. Bồ Tát như vậy là phạm vào lỗi tham dục, hủy phá giới hạnh thanh tịnh, làm như nhớp Phạm hạnh, khiến cho giới hạnh trở thành hỗn tạp, ô uế, không thể gọi là trọn vẹn giới hạnh thanh tịnh.

“Thiện nam tử! Như có Bồ Tát trì giới một cách thanh tịnh mà không cho đó là giới hoặc là Trì giới Ba-la-mật; không vì chúng sanh, không vì lợi dưỡng, không vì [để thành tựu] Bồ-đề, không vì [để đạt được] Niết-bàn, không vì [chứng đắc các quả vị] Thanh văn hay Phật Bích-chi; chỉ duy nhất vì nghĩa chân thật cao trổi nhất mà hộ trì cấm giới. Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ Tát trọn vẹn giới hạnh thanh tịnh.

“Pháp thứ ba là gần gũi các bậc thiện tri thức. Thiện tri thức là những người có thể giảng nói về lòng tin, về giới luật, về các pháp đa văn, bố thí, trí tuệ... khiến người khác nhận lãnh và thực hành theo. Như vậy gọi là thiện tri thức của Bồ Tát.

“Pháp thứ tư là ưa thích cảnh vắng lặng an tĩnh. Vắng lặng an tĩnh có nghĩa là thân tâm đều vắng lặng an tĩnh, quán sát các pháp trong cảnh giới pháp hết sức sâu xa. Đó gọi là vắng lặng an tĩnh.



“Pháp thứ năm là tinh tấn. Tinh tấn có nghĩa là chú tâm quán xét về Bốn chân đế, ví như có bị ném vào lửa nóng cũng không buông bỏ [sự chú tâm quán xét ấy]. Như vậy gọi là tinh tấn.

“Pháp thứ sáu là [tu tập] đầy đủ [sáu] niệm [xú]. Nói đầy đủ [sáu] niệm [xú] có nghĩa là [thường luôn niệm tưởng chư] Phật, niệm tưởng Chánh pháp, niệm tưởng Chư tăng, niệm tưởng giới luật, niệm tưởng chư thiên, niệm tưởng sự buông xả. Đó gọi là đầy đủ [sáu] niệm [xú].

“Pháp thứ bảy là nói lời nhu hòa dễ mến. Nói lời nhu hòa dễ mến có nghĩa là nói lời đúng thật, lời tốt đẹp, sốt sắng thăm hỏi nhau và nói ra đúng lúc thích hợp với lời chân chánh. Đó gọi là lời nói nhu hòa dễ mến.

“Pháp thứ tám là giữ gìn bảo vệ Chánh pháp. Giữ gìn bảo vệ Chánh pháp có nghĩa là ái mộ Chánh pháp, thường ưa thích sự diễn thuyết, đọc tụng, sao chép, suy xét nghĩa lý của Chánh pháp; phô bày truyền rộng, khiến cho Chánh pháp được lưu truyền khắp nơi. Nếu gặp người sao chép, đọc tụng, ngợi khen xưng tán và suy xét nghĩa lý [Chánh pháp] liền vì người ấy mà tìm kiếm những món cần thiết cho sự sanh hoạt để mang đến cúng dường, chẳng hạn như y phục, thức ăn uống, giường chiếu, thuốc men... Vì giữ gìn bảo vệ Chánh pháp mà không tiếc thân mạng. Như vậy gọi là giữ gìn bảo vệ Chánh pháp.

“Pháp thứ chín là Bồ Tát ma-ha-tát khi thấy người cùng mình tu học, cùng mình giữ giới mà có sự thiếu thốn [vật chất], liền tìm đến người khác mà xin lấy những món như bình bát, pháp phục, hoặc những thứ cần dùng để săn sóc khi có bệnh như áo quần, thức ăn uống, giường nằm, chỗ trú ngụ... để cung cấp cho người ấy.

“Pháp thứ mười là trí tuệ đầy đủ. Nói trí tuệ có nghĩa là sự quán xét về những đức thường, lạc, ngã, tịnh của

Như Lai; rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; quán xét hai tướng của pháp, chẳng hạn như không và chẳng không, thường và vô thường, lạc và vô lạc, ngã và vô ngã, tịnh và bất tịnh; những pháp có thể dứt mất và những pháp không thể dứt mất; những pháp do duyên mà sanh và những pháp do duyên mà thấy; những pháp do duyên kết thành quả và những pháp không do duyên kết thành quả. Như vậy gọi là trí tuệ đầy đủ.

“Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ Tát [thành tựu] đầy đủ mười pháp, ắt có thể thấy rõ Niết-bàn không hình tướng.”

Bồ Tát Su Tử Hồng lại thưa hỏi: “Thế Tôn! Như trước đây Phật có bảo Thuần-đà rằng: ‘Nay ông đã được thấy tánh Phật, đạt được Đại Niết-bàn, thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’ Nghĩa ấy là thế nào?”

“Bạch Thế Tôn! Như trong kinh có dạy rằng: ‘Bố thí cho súc sanh được phước báo gấp trăm lần nhiều hơn [so với vật thí]; bố thí cho hạng nhất-xiển-đề được phước báo gấp ngàn lần; bố thí cho người trì giới được phước báo gấp trăm ngàn lần; bố thí cho hàng ngoại đạo đã dứt phiền não được phước báo vô lượng; cúng dường những bậc Bốn hướng cùng Bốn quả<sup>(7)</sup> cho tới Phật Bích-chi được phước báo vô lượng; cúng dường hàng Bồ Tát không thối chuyển và thân sau cùng của các vị Đại Bồ Tát,<sup>(8)</sup> bậc Như Lai Thế Tôn, thì phước báo đạt được là vô lượng vô biên, không thể nói hết, không thể tính đếm, không thể nghĩ bàn. Nếu Đại sĩ Thuần-đà được hưởng phước báo vô lượng như vậy thì không có lúc dứt hết, vậy biết đến khi nào mới đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?’

“Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại có dạy: ‘Nếu ai hết lòng cố sức tạo các nghiệp lành hoặc nghiệp dữ thì chắc chắn đều có quả báo, hoặc nhận lấy trong đời hiện tại,

hoặc trong đời kế tiếp, hoặc trong những kiếp về sau.’ Nghiệp lành của Thuần-đà là [ông ấy] hết lòng cố sức tạo ra, vậy nên biết chắc rằng ông ấy sẽ phải nhận lấy phước báo. Nếu chắc chắn sẽ phải nhận lãnh phước báo thì làm sao thành tựu được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề? Làm sao thấy được tánh Phật?

“Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại có dạy: ‘Nếu bố thí cho ba hạng người [sau đây] sẽ được quả báo không bao giờ dứt hết. Một là những người bệnh, hai là bậc cha mẹ và ba là các đấng Như Lai.’

“Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại có dạy: ‘Phật bảo A-nan rằng: Tất cả chúng sanh, nếu không có nghiệp trong Dục giới liền đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nghiệp ở Sắc giới và Vô sắc giới cũng vậy.’

“Bạch Thế Tôn! Như trong kinh Pháp cú có kệ rằng:

*Giữa không trung, biển cả,  
Hay núi sâu hang thẳm,  
Không tránh đến nơi nào,  
Thoát khỏi được nghiệp báo.*

“Lại nữa, ông A-na-luật có nói: ‘Bạch Thế Tôn! Con nhớ thuở xưa, nhờ bố thí một bữa ăn mà trong tám muôn kiếp không hề đọa vào ba đường ác.’

“Bạch Thế Tôn! Bố thí một bữa ăn còn được phước báo như vậy, huống chi Thuần-đà lấy tâm thành tín mà cúng dường Phật, thành tựu trọn vẹn pháp Bố thí Ba-la-mật?

“Bạch Thế Tôn! Nếu quả báo của việc lành là không cùng tận, thì quả báo của những việc phỉ báng kinh Phương đẳng, phạm năm tội nghịch,<sup>(9)</sup> hủy bốn giới cấm nặng,<sup>(10)</sup> tội nhất-xiển-đề, làm sao có thể cùng tận? Nếu quả báo không thể cùng tận, làm sao [những kẻ ấy] có

thể thấy được tánh Phật, thành tựu được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Chỉ có hai hạng người được công đức vô lượng vô biên, không thể tính đếm, không thể nói hết; có thể làm cạn khô dòng sông sanh tử hung bạo, có thể hàng phục bọn ma oán đối nghịch, có thể xô ngã ngọn cờ chiến thắng của ma [đã dựng lên], có thể quay chuyển bánh xe Pháp vô lượng của Như Lai. [Hai hạng người ấy], một là người khéo hỏi, hai là người khéo đáp.

“Thiện nam tử! Trong mười [trí] lực của Phật thì trí lực thấu rõ nghiệp báo<sup>(11)</sup> là sâu xa nhất. Thiện nam tử! Có những chúng sanh đối với nghiệp duyên trong lòng xem nhẹ không tin nhận. Vì muốn hóa độ họ nên ta mới nói ra những điều như vậy.

“Thiện nam tử! Tất cả các nghiệp được tạo ra có [thể phân làm hai loại là] nghiệp nhẹ và nghiệp nặng. Trong mỗi loại nghiệp này lại phân làm hai loại nữa, một là nghiệp nhất định và hai là nghiệp không nhất định.

“Thiện nam tử! Như có người nói rằng: ‘Nghiệp ác không có quả báo. Nếu nói rằng nghiệp ác nhất định có quả báo, tại sao ông Khí Hư thuộc hạng chiên-đà-la lại được sanh lên cõi trời? Tại sao Ương-quật-ma-la được quả giải thoát? Vì nghĩa ấy nên biết rằng nghiệp tạo ra có khi nhất định có quả báo, có khi không nhất định có quả báo.’

Vì muốn dứt trừ tà kiến [cho rằng nghiệp ác không có quả báo] như vậy nên trong kinh ta mới dạy rằng: ‘Tất cả những nghiệp đã tạo ra đều phải có quả báo.’

“Thiện nam tử! Có những nghiệp nặng có thể làm cho thành nhẹ; có những nghiệp nhẹ có thể làm cho thành nặng. Không phải tất cả mọi người [đều như nhau], vì

có người ngu si, có người trí tuệ. Cho nên phải biết rằng: Không phải tất cả nghiệp đều nhất định phải có quả báo. Tuy không nhất định phải có, nhưng cũng không phải là không có.

“Thiện nam tử! Trong tất cả chúng sanh có hai hạng người: một là người trí tuệ, hai là kẻ ngu si. Nhờ sức của trí tuệ, người trí có thể làm cho nghiệp rất nặng sẽ đọa vào địa ngục chuyển thành nghiệp nhẹ phải chịu ngay trong đời này. Kẻ ngu tuy tạo nghiệp nhẹ trong đời này nhưng sẽ phải chịu quả báo nặng ở địa ngục.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu quả là như vậy thì lẽ ra không cần phải cầu được Phạm hạnh thanh tịnh và quả vị giải thoát?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu tất cả nghiệp nhất định đều phải có quả báo thì không cần phải cầu được Phạm hạnh và giải thoát. [Nhưng] vì là không nhất định nên phải tu hành Phạm hạnh và quả giải thoát.

“Thiện nam tử! Nếu có thể lìa xa tất cả nghiệp ác ắt sẽ được quả lành. Nếu lìa xa nghiệp lành ắt phải vướng lấy quả xấu ác. Nếu tất cả nghiệp nhất định phải có quả báo thì không cần phải tu tập Thánh đạo! Nếu không tu tập Thánh đạo thì không được giải thoát. Tất cả thánh nhân sở dĩ tu tập đạo là vì muốn phá trừ [hoặc chuyển hóa] những nghiệp nhất định [phải có quả báo] thành quả báo nhẹ, những nghiệp không nhất định [phải có quả báo] sẽ thành không có quả báo.

“Nếu tất cả nghiệp đều nhất định phải có quả báo, ắt không cần phải tu tập Thánh đạo. [Nhưng] nếu rời xa việc tu tập Thánh đạo mà được giải thoát thì thật vô lý! Nếu không giải thoát mà đạt được Niết-bàn, cũng là vô lý!

“Thiện nam tử! Nếu tất cả nghiệp nhất định phải có quả báo thì khi đã tạo toàn nghiệp lành trong một đời, lẽ

ra sẽ thường được hưởng sự an vui mãi mãi; khi đã tạo nghiệp ác rất nặng trong một đời, lẽ ra phải chịu khổ não nặng nề mãi mãi! Nếu nghiệp quả là như thế thì không thể có sự tu tập đạo, không thể có Niết-bàn giải thoát!

“Người nào tạo nghiệp đều phải chịu quả báo; bà-la-môn tạo nghiệp, bà-la-môn chịu quả báo! Nếu là như vậy, lẽ ra không có giai cấp thấp hèn, không có người hạ tiện. Đã được làm người thì lẽ ra sẽ làm người mãi mãi; đã là bà-la-môn thì lẽ ra sẽ là bà-la-môn mãi mãi! Lúc nhỏ tạo nghiệp, lẽ ra phải chịu quả báo lúc nhỏ, không thể chịu quả báo lúc trung niên hay lúc tuổi già! Lúc tuổi già làm việc ác, sanh vào địa ngục; khi mới mang thân địa ngục lẽ ra chưa chịu quả báo liền mà phải đợi lúc tuổi già mới chịu quả báo! Nếu lúc tuổi già giữ giới không giết hại, lẽ ra không có quả báo được tuổi thọ lúc tráng niên; nhưng nếu không có tuổi thọ lúc tráng niên, làm sao có lúc tuổi già? [Nêu ra những lý như trên là] vì nghiệp [đã tạo] không thể mất. Nếu nghiệp không thể mất, làm sao có việc tu tập đạo [để đạt được] Niết-bàn?”

“Thiện nam tử! Có hai loại nghiệp, một là nghiệp nhất định, hai là nghiệp không nhất định. Nghiệp nhất định có hai [nghĩa], một là nhất định phải chịu quả báo, hai là nhất định có lúc phải chịu quả báo; hoặc có sự nhất định phải chịu quả báo nhưng không có thời điểm nhất định thọ báo, [chỉ đợi] khi các duyên hội đủ thì quả báo đến, hoặc phải lãnh chịu [vào một] trong ba đời: đời hiện tại, đời kế tiếp và đời về sau.

“Thiện nam tử! Nếu có sự chủ tâm cố ý tạo ra những nghiệp lành dữ, rồi sau đó sanh khởi lòng tin tưởng sâu xa, mừng vui [đối với những việc làm đó]; hoặc nếu phát khởi thệ nguyện cúng dường Tam bảo. [Những việc] như thế gọi là nghiệp nhất định.



“Thiện nam tử! Người trí vốn có căn lành sâu vững, khó lay chuyển, nên có thể làm cho nghiệp nặng thành nhẹ. Kẻ ngu si tích lũy nghiệp ác sâu dày nên có thể làm cho nghiệp nhẹ tạo thành quả báo nặng. Vì nghĩa ấy, tất cả các nghiệp [này] đều không phải là nhất định.

“Bồ Tát ma-ha-tát không hề có nghiệp địa ngục, chỉ vì chúng sanh nên phát khởi nguyện lớn sanh vào địa ngục.

“Thiện nam tử! Thuở xưa, khi đời sống của chúng sanh kéo dài một trăm năm, số chúng sanh chịu quả báo nơi địa ngục nhiều như số cát sông Hằng. Ta thấy vậy liền phát nguyện lớn [tự mình] thọ thân địa ngục. Khi ấy [ta là] Bồ Tát, thật không có nghiệp báo như vậy, nhưng vì chúng sanh nên nhận chịu quả báo địa ngục.

“Lúc bấy giờ, ta trải qua vô số năm ở trong địa ngục, vì các tội nhân mà phân biệt giảng rộng Mười hai bộ kinh. Mọi người được nghe rồi liền phá trừ quả báo xấu ác, khiến cho địa ngục trở nên trống không, chỉ còn lại riêng hạng nhất-xiển-đề. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Lại nữa, thiện nam tử! Trong Hiền kiếp này có vô lượng chúng sanh đọa vào loài súc sanh, nhận chịu quả báo của nghiệp ác. Ta thấy như vậy lại phát thệ nguyện rằng: ‘Vì muốn thuyết pháp cứu độ chúng sanh, ta sẽ [tự mình] mang các thân hươu nai, gấu, khỉ, rồng, voi, chim kim sí, bồ câu, cá, rùa, thỏ, rắn, trâu bò, ngựa...

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thật không có nghiệp ác súc sanh như vậy. Vì cứu độ chúng sanh nên dùng sức đại nguyện mà thị hiện nhận chịu những thân như thế. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Lại nữa, thiện nam tử! Trong Hiền kiếp này lại có vô số chúng sanh đọa vào loài quỷ đói, chỉ ăn toàn những món như đồ nôn mửa, máu mủ từ mõ, thịt chảy ra, phân, nước tiểu, đờm dãi... Đời sống của họ kéo dài vô số trăm ngàn vạn năm nhưng chưa từng được nghe một tiếng ‘nước’, nói chi đến việc được nhìn thấy và uống [nước]? Giả sử từ xa họ nhìn thấy nước liền muốn đi đến đó, nhưng khi đến nơi thì nước ấy liền hóa thành lửa nóng, thành máu mủ. Nếu như nước ấy không biến dạng thì sẽ có nhiều người cầm gươm giáo mà ngăn chặn, níu giữ họ không cho đi tới. Hoặc có khi trời đổ mưa, giọt mưa vừa chạm thân họ liền hóa thành lửa. Đó gọi là quả báo của nghiệp ác.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thật không có những quả báo nghiệp ác như vậy. Vì muốn giáo hóa chúng sanh khiến cho họ được giải thoát nên phát thệ nguyện [tự mình] thọ thân như vậy. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Thiện nam tử! Trong Hiền kiếp này ta từng sanh ra trong nhà người đồ tể bán thịt; từng nuôi dưỡng gà, heo, bò, dê, đặt bẫy, săn thú, giăng lưới bắt cá; từng sống chung với kẻ chiêm-đà-la, giặc cướp, kẻ trộm... [Ta là] Bồ Tát ma-ha-tát thật không có những nghiệp ác như vậy, nhưng vì muốn cứu độ chúng sanh, khiến cho họ được giải thoát, nên ta dùng sức nguyện lớn mà thọ những thân như vậy. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Thiện nam tử! Trong Hiền kiếp này ta cũng từng sanh ra ở những nơi tối tăm hẻo lánh, tạo tác nhiều nghiệp tham dục, sân khuể, ngu si; quen làm những việc trái với Chánh pháp; không tin vào Tam bảo, không



tin có quả báo đời sau; không thường cung kính cha mẹ, các bậc thân quyến trưởng bối, bậc kỳ cựu lão thành... Thiện nam tử! Lúc ấy [ta là] Bồ Tát thật không có những nghiệp xấu như vậy. Nhưng vì muốn giúp cho chúng sanh được giải thoát nên ta dùng sức nguyện lớn mà [thị hiện] sanh vào những nơi ấy. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Thiện nam tử! Trong Hiền kiếp này ta cũng từng thọ thân người nữ, thân xấu ác, thân tham lam, thân sân hận, thân ngu si, thân tật đố, thân keo lặn, thân huyễn hóa, thân dối gạt, thân [phiền não] khuấy lộn. Thiện nam tử! Lúc bấy giờ, [ta là] Bồ Tát cũng không có những nghiệp [xấu ác] như thế, chỉ vì muốn giúp cho chúng sanh được giải thoát nên dùng sức nguyện lớn, tự nguyện sanh vào những nơi ấy. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Thiện nam tử! Trong Hiền kiếp này ta cũng từng mang thân hoạn căn, khuyết căn, lưỡng căn hoặc ái nam ái nữ.<sup>(12)</sup> Thiện nam tử! [Ta là] Bồ Tát ma-ha-tát, thật không có những thân do nghiệp xấu ác mang đến như vậy, nhưng vì muốn giúp cho chúng sanh được giải thoát nên ta dùng sức nguyện lớn sanh vào trong những hạng người ấy. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Thiện nam tử! Trong Hiền kiếp này ta cũng từng tu tập theo giáo pháp của ngoại đạo Ni-kiên-tử; tin và nhận lãnh giáo pháp của họ, [cho rằng] không có bố thí, không có thờ tự; không có quả báo của việc bố thí, thờ tự; không có nghiệp thiện, nghiệp ác, không có quả báo của nghiệp thiện, nghiệp ác; không có đời hiện tại,

không có đời vị lai; không có cái này, không có cái kia; không có thánh nhân, không có thân biến hóa; không có đạo [pháp dẫn đến] Niết-bàn.

“Thiện nam tử! [Ta là] Bồ Tát thật không có những nghiệp ác như vậy, chỉ vì muốn giúp cho chúng sanh được giải thoát nên dùng sức nguyện lớn mà thọ nhận các tà pháp ấy. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Thiện nam tử! Ta nhớ lại thuở xưa, ta với Đề-bà-đạt-đa đều là chủ đoàn buôn, [trong đoàn] mỗi người đều có năm trăm thương nhân. Chúng ta cùng nhau ra giữa biển cả tìm được các thứ trân bảo mang về để kiếm lợi. Trên đường về, vì những duyên nghiệp xấu ác nên gặp bão tố làm tan nát thuyền bè, người trong đoàn buôn đều chết sạch. Khi ấy, ta với Đề-bà-đạt-đa [đều đã từng giữ giới] không giết hại nên được quả báo sống lâu, [vì thế] chỉ bị gió thổi giạt vào đất liền.

“Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa tham tiếc những của báu, buồn rầu khổ não nên cất tiếng kêu khóc. Ta liền bảo rằng: ‘Đề-bà-đạt-đa! Không nên khóc lóc như vậy.’

“Đề-bà-đạt-đa liền bảo ta: ‘Ông hãy nghe cho kỹ đây! Ví như có một người nghèo cùng khốn khổ đi vào bãi tha ma, đưa tay nắm lấy một tử thi và nói rằng: Nay xin ông hãy cho tôi sự chết vui, tôi sẽ cho ông sự sống nghèo khốn. Bấy giờ, tử thi ấy liền ngồi dậy nói với người nghèo kia rằng: Sự sống nghèo khốn ông cứ tự giữ lấy, nay tôi rất vui trong sự chết vui này, thật không ham muốn sự sống nghèo khốn của ông.’<sup>(13)</sup>

“Hôm nay tôi đã không được sự chết vui, lại phải chịu sống cảnh nghèo khốn, làm sao có thể không kêu gào khóc lóc?”

“Ta liền an ủi rằng: ‘Ông đừng buồn rầu. Nay tôi có hai hạt châu giá trị vô cùng, tôi sẽ lấy một hạt tặng cho ông.’ Ta nói rồi liền đưa ngay hạt châu cho Đề-bà-đạt-đa, lại bảo ông ta rằng: ‘May còn giữ được mạng sống mới có được vật báu này. Nếu không còn mạng sống, lấy ai mà được của báu?’

“Bấy giờ ta mệt mỏi, bèn đi đến một gốc cây nằm nghỉ và ngủ rất say. Đề-bà-đạt-đa lòng tham mãnh liệt, vì thấy ta còn một hạt châu liền sanh lòng ác, đăm mù mắt ta rồi giật lấy hạt châu [chạy đi mất]. Lúc ấy ta rất đau đớn nên phát ra tiếng rên la.

“Bấy giờ có một cô gái đi đến chỗ ta hỏi rằng: ‘Ông ơi, vì sao lại rên la như vậy?’ Ta bèn kể rõ ngọn nguồn sự việc. Nàng ấy nghe rồi lại hỏi: ‘Ông tên gì?’ Ta liền đáp: ‘Tôi tên là Nói Thật.’ Cô gái nói: ‘Tôi làm sao có thể biết được là ông nói thật?’ Ta liền phát lời thề rằng: ‘Nếu nay tôi có lòng xấu ác đối với Đề-bà-đạt-đa [mà nói lời không thật] thì sẽ mãi mãi phải chịu mù lòa; như tôi không có lòng xấu ác thì mắt tôi sẽ được sáng trở lại như xưa!’

“Ta vừa nói dứt lời, đôi mắt liền bình phục như trước.

“Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát nói về quả báo đời hiện tại.

“Thiện nam tử! Ta nhớ lại thuở xưa, ta sanh trong một nhà Bà-la-môn ở thành Phú-đan-na, miền nam Thiên Trúc.<sup>(14)</sup> Thuở ấy có một vị vua tên là Ca-la-phú, tánh tình hung bạo độc ác, tự cao kiêu ngạo, thời trai tráng dung mạo xinh đẹp, đắm say trong năm món dục. Bấy giờ, vì muốn cứu độ chúng sanh, ta liền ở bên ngoài thành ấy ngồi yên tham thiền.

“Khi đó vào đầu xuân, trăm hoa đua nở, nhà vua cùng quyến thuộc và các cung nữ ra khỏi thành du ngoạn,

vào trong một rừng cây, mặc tình vui hưởng thú năm dục. Các cung nữ nhân lúc không còn vui đùa với nhà vua liền dạo chơi, sau cùng đến chỗ ta ngồi. Lúc ấy, vì muốn dứt trừ lòng tham dục của bọn họ, ta liền vì họ mà thuyết pháp.

“Bấy giờ, nhà vua đi tìm đến nơi, nhìn thấy ta liền sanh lòng ác, hỏi ta rằng: ‘Ông nay có chứng đắc quả A-la-hán hay không?’ Ta đáp: ‘Không.’ Vua lại hỏi: ‘Vậy ông có chứng quả Bát hoàn hay không?’ Ta đáp: ‘Không.’ Vua lại hỏi: ‘Nay ông chưa chứng đắc hai quả ấy, tức là vẫn còn đủ phiền não tham dục, sao lại dám buông thả tự do ngắm nhìn các cung nữ của trăm?’

“Ta liền đáp: ‘Đại vương! Ngài nên biết rằng, nay tôi tuy chưa đoạn trừ hết phiền não tham dục, nhưng trong lòng thật không có sự tham muốn vương mắc.’

“Vua giận nói: ‘Đồ ngu! Đời nay có những vị tu tiên chỉ hớp toàn khí trời, ăn trái cây, mà thấy sắc đẹp vẫn còn tham muốn, huống chi như ông đang tuổi tráng niên, chưa đoạn tham dục, làm sao thấy sắc đẹp mà không vương mắc?’

“Ta đáp: ‘Đại vương! Việc nhìn thấy sắc đẹp không vương mắc chẳng phải do nơi hớp khí trời, ăn trái cây, mà do ở sự chú tâm vào những lẽ vô thường, bất tịnh.’

“Vua nói: ‘Nếu có sự khinh thường mà phỉ báng kẻ khác, làm sao gọi là tu trì giới hạnh thanh tịnh?’

“Ta đáp: ‘Đại vương! Nếu có lòng đố kỵ mới có sự phỉ báng. Tôi không có lòng đố kỵ, sao gọi là phỉ báng?’

“Vua hỏi: ‘Đại đức! Thế nào gọi là giới?’

“Ta đáp: ‘Đại vương! Nhẫn nhục gọi là giới.’

“Vua nói: ‘Nếu nhẫn nhục tức là giới, vậy ta sẽ cắt tai của ông. Nếu ông nhẫn chịu được mới là người trì giới.’

“Nói rồi liền [sai người] cắt tai của ta.

“Bấy giờ, ta bị cắt tai mà sắc mặt vẫn không thay đổi. Quần thần của vua thấy vậy liền can gián rằng: ‘Bậc đại sĩ như thế không nên làm hại thêm nữa.’

“Vua hỏi các quan: ‘Làm sao các khanh biết ông ấy là bậc đại sĩ?’

“Các quan thưa: ‘Vì thấy đang lúc [ông ấy] chịu đau đớn mà sắc mặt vẫn không biến đổi.’

“Vua lại nói: ‘Để ta thử lần nữa mới biết là có biến đổi hay không!’

“Liền đó, vua [sai người] xẻo mũi, rồi chặt đứt tay chân của ta.

“Bấy giờ, [ta là] Bồ Tát đã trải qua vô lượng vô biên kiếp sống tu tập từ bi, thương xót chúng sanh khổ não, cho nên Bốn vị thiên vương [thấy việc ấy liền] sanh lòng phẫn nộ, đổ xuống một trận mưa toàn cát và sỏi đá. Nhà vua thấy vậy hết sức kinh sợ, liền đến chỗ ta quỳ mọp xuống thưa rằng: ‘Xin ngài thương xót cho tôi được sám hối!’

“Ta nói: ‘Đại vương! Lòng ta không hề oán giận [ngài], cũng giống như [trước đây] không hề có tham dục.’

“Vua hỏi: ‘Đại đức! Làm sao tôi biết được rằng trong lòng ngài không sân hận?’

“Ta liền lập lời thề rằng: ‘Nếu tôi quả thật không có sân hận thì khiến cho thân tôi được bình phục như cũ!’ Phát nguyện vừa xong, toàn thân liền bình phục. Đó gọi là Bồ Tát ma-ha-tát nói về quả báo đời hiện tại.

“Thiện nam tử! Về quả báo đời kế tiếp và đời sau này của các nghiệp lành và nghiệp ác cũng đều như vậy. Khi Bồ Tát ma-ha-tát đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu

Tam-bồ-đề, tất cả các nghiệp đều sẽ có quả báo trong đời hiện tại. Về những nghiệp xấu ác có quả báo trong đời hiện tại, đó là như vị vua kia làm điều ác, liền thấy trời đổ mưa hung bạo, [toàn là cát với sỏi đá]; lại cũng như người kia chỉ cho thợ săn chỗ ở của con gấu trắng, con nai có màu sắc quý, cánh tay người ấy liền [tự nhiên] rơi rụng.<sup>(15)</sup> Đó gọi là nghiệp xấu ác chịu quả báo ngay trong đời hiện tại.

“Về quả báo đời kế tiếp, đó là như những kẻ nhất-xiển-đề, kẻ phạm bốn giới cấm nặng và những kẻ phạm năm tội nghịch.

“Về quả báo đời về sau, đó là như người trì giới phát lời thệ nguyện sâu rộng: ‘Nguyện trong các đời vị lai, ta thường được thân giới hạnh trong sạch như thế này. Vào lúc chúng sanh có đời sống kéo dài một trăm năm, hoặc tám mươi năm, ta sẽ làm bậc Chuyển luân Thánh vương để giáo hóa chúng sanh.’

“Thiện nam tử! Nếu nghiệp nhất định phải có quả báo trong đời hiện tại, ắt không thể có quả báo đời kế tiếp [hoặc] đời về sau. Bồ Tát ma-ha-tát tu tập các nghiệp [duyên lành] để được Ba mươi hai tướng tốt ắt không thể có quả báo trong đời hiện tại. Nếu nghiệp không [chắc chắn rơi vào một trong] ba loại quả báo [đời hiện tại, đời kế tiếp và đời về sau], đó gọi là không nhất định.

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng: ‘Các nghiệp đều nhất định phải có quả báo nên không cần tu tập Phạm hạnh, [không cần] Niết-bàn giải thoát’, nên biết rằng [những ai nói như vậy] không phải là đệ tử của Phật, chính là quyến thuộc của ma.

“Nếu nói rằng: ‘Các nghiệp có khi nhất định có quả báo, cũng có khi không nhất định có quả báo. [Trường



hợp] nhất định [có quả báo] là phải nhận lãnh quả báo trong đời hiện tại, đời kế tiếp hoặc đời về sau. [Trường hợp] không nhất định [có quả báo] là khi [có đủ] các duyên hợp lại thì phải nhận lãnh quả báo, nếu các duyên không hợp đủ thì không phải nhận lãnh quả báo. Vì nghĩa ấy cho nên phải tu Phạm hạnh, Niết-bàn giải thoát.’ Nên biết rằng những người ấy là đệ tử chân thật của Phật, không phải quyến thuộc của ma.

“Thiện nam tử! Nghiệp không nhất định của tất cả chúng sanh rất nhiều, nghiệp nhất định rất ít. Vì nghĩa ấy nên có việc tu tập [Chánh] đạo. Nhờ tu tập [Chánh] đạo mà có thể khiến cho những nghiệp nhất định nặng nề chỉ phải nhận lãnh quả báo nhẹ; những nghiệp không nhất định thì không phải nhận lãnh quả báo trong đời kế tiếp.

“Thiện nam tử! [Trong tất cả chúng sanh] có hai hạng người. Hạng người thứ nhất luôn làm cho những nghiệp không nhất định trở thành có quả báo nhất định; những quả báo đời hiện tại trở thành quả báo đời kế tiếp; những quả báo nhẹ trở thành quả báo nặng; [những quả báo] lẽ ra phải lãnh chịu trong kiếp người lại trở thành [quả báo] phải lãnh chịu trong địa ngục.

“Hạng người thứ hai có thể làm cho những nghiệp nhất định thành ra không nhất định; những quả báo lẽ ra phải lãnh chịu vào đời kế tiếp trở thành quả báo ngay trong đời hiện tại; những quả báo nặng thành ra quả báo nhẹ; [những quả báo] lẽ ra phải lãnh chịu trong địa ngục lại trở thành [quả báo] nhẹ trong kiếp người.

“Hai hạng người ấy, một hạng là ngu si, một hạng là có trí tuệ. Hạng có trí tuệ [có thể] làm cho [quả báo nặng] trở thành nhẹ; hạng ngu si khiến cho [quả báo nhẹ] trở thành nặng.

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng đắc tội với vua. Người có đông quyến thuộc [xoay xở nói giúp] thì tội ấy [dù nặng cũng] trở thành nhẹ; người có ít quyến thuộc thì tội [dù] nhẹ [cũng] sẽ trở thành nặng.

“Kẻ ngu si và người trí tuệ cũng giống như vậy. Người trí tuệ có nhiều nghiệp lành nên tội nặng có thể chịu quả báo nhẹ; kẻ ngu si nghiệp lành quá ít nên tội nhẹ phải chịu quả báo nặng.

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng sa xuống vũng lầy sâu. Một người to khỏe, một người gầy ốm. Người to khỏe có thể ra khỏi vũng lầy, còn người gầy ốm ắt phải lún sâu chìm mất.

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng trúng thuốc độc. Một người có sức [trì niệm] thần chú và có thuốc a-già-đà;<sup>(16)</sup> người kia thì không có gì cả. Người có thần chú và thuốc hay ắt không bị tổn hại vì độc, người không có thần chú và thuốc, vừa uống thuốc độc vào phải chết ngay.

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng uống quá nhiều nước gạo. Một người có [thể trạng] hỏa vượng, mạnh mẽ; người kia thì yếu ớt. Người có [thể trạng] mạnh mẽ ắt đủ sức tiêu hóa; còn người yếu ớt ắt [không tiêu hóa được] phải thành bệnh.

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng bị vua bắt giữ. Một người có trí tuệ, một người thì ngu si. Người có trí tuệ ắt có thể thoát ra được; còn người ngu si không bao giờ thoát được!

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng đi trên con đường hiểm trở. Một người sáng mắt, một người mù lòa. Người sáng mắt thẳng đường đi qua không gặp tai



nạn gì; người mù lòa phải bị té ngã, rơi xuống hố sâu hiểm trở.

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng uống rượu. Một người ăn nhiều thức ăn, một người ăn rất ít. Người ăn nhiều thì uống rượu không [đến nổi] có hại; người ăn quá ít ắt phải thành bệnh.

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng ra trận đánh nhau với giặc. Một người trang bị đầy đủ khí giới, một người chỉ đi tay không. Người đầy đủ khí giới có thể đánh tan quân giặc; còn người đi tay không ắt không thể tự bảo vệ.

“Lại có hai người bị phần dơ dính vào áo. Một người biết vậy rồi liền đi giặt áo; một người tuy biết mà không đi giặt. Người đi giặt rồi thì áo được sạch sẽ; người không chịu giặt thì áo ngày càng dơ nhớp hơn.

“Lại như có hai người đều dùng xe để đi. Một xe có đủ trục bánh xe và nan hoa; một xe lại không có. Xe có đủ trục và nan hoa thì tùy ý ra đi; còn xe không có trục và nan hoa ắt không thể di chuyển được.

“Lại như có hai người cùng nhau đi qua đường xa vắng vẻ. Một người mang theo lương thực, một người chỉ đi tay không. Người có lương thực ắt qua khỏi được chỗ hiểm trở; còn người đi tay không ắt không thể qua được.

“Lại như có hai người cùng bị giặc cướp. Một người có kho báu chôn giấu; một người không [có gì] chôn giấu. Người có kho báu đã chôn giấu ắt không phải lo buồn; người không [có gì] chôn giấu ắt phải sanh lòng sầu não. Kẻ ngu si và người trí tuệ cũng giống như vậy. Người có kho nghiệp lành chôn giấu thì dù nghiệp nặng cũng chỉ

chịu quả báo nhẹ. Kẻ không có kho nghiệp lành thì dù nghiệp nhẹ mà phải chịu quả báo nặng.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật vừa dạy đó, không phải tất cả các nghiệp đều có quả báo nhất định, cũng không phải tất cả chúng sanh đều nhất định phải chịu quả báo.

“Bạch Thế Tôn! Làm sao chúng sanh có thể khiến cho quả báo nhẹ trong đời hiện tại lại thành ra quả báo nặng trong địa ngục? Làm sao có thể khiến cho quả báo nặng trong địa ngục chuyển thành quả báo nhẹ lãnh chịu trong đời hiện tại?”

Phật dạy: “Trong tất cả chúng sanh có hai hạng người, một là những người có trí tuệ, hai là những kẻ ngu si.

“Những ai thường tu tập thân, giới, tâm, tuệ, đó gọi là người có trí tuệ. Những ai không thường tu tập thân, giới, tâm, tuệ, đó gọi là kẻ ngu si.

“Thế nào gọi là không tu thân? Nếu không thường nhiếp phục năm căn thì gọi là không tu thân. Nếu không thường giữ theo bảy phần giới thanh tịnh,<sup>(17)</sup> đó gọi là không tu giới. Nếu không điều phục tâm, đó gọi là không tu tâm. Không tu tập Thánh hạnh gọi là không tu tuệ.

“Lại nữa, người không tu thân thì không thể được đầy đủ giới thể thanh tịnh. Người không tu giới là thọ nhận và chứa trữ tám thứ vật bất tịnh. Người không tu tâm là vì không thường tu tập ba loại tướng.<sup>(18)</sup> Người không tu tuệ là vì không tu tập Phạm hạnh.

“Lại nữa, người không tu thân thì không thể quán xét thân; không thể quán xét sắc và tướng của sắc; không quán xét tướng của thân, không biết được số lượng thân; không biết được rằng thân này từ nơi đây đi đến nơi kia;

đối với chỗ không thuộc về thân khởi lên ý tưởng cho là thân; đối với chỗ không thuộc về sắc khởi lên ý tưởng cho là sắc. Do đó mà tham muốn vướng mắc nơi thân và số lượng thân của mình. Đó gọi là không tu thân.

“Người không tu giới là nói những ai thọ nhận giới thấp kém, [như vậy] không gọi là tu giới. [Chẳng hạn] như thọ trì giới thiên lệch; giữ giới vì lợi riêng; giữ giới vì lo tính cho riêng mình, không thể làm cho khắp các chúng sanh đều được an vui; không vì sự giữ gìn bảo vệ Chánh pháp vô thượng, chỉ vì để được sanh lên cõi trời thọ hưởng khoái lạc năm dục. [Như vậy] không gọi là tu giới.

“Người không tu tâm, nếu tâm bị tán loạn thì không thể tập trung về một mối để giữ lấy cảnh giới của mình. Cảnh giới của mình tức là Bốn niệm xứ. Cảnh giới bên ngoài là nói năm món dục. Nếu không thường tu tập Bốn niệm xứ thì gọi là không tu tâm. Đối với nghiệp ác không khéo gìn giữ tâm mình, đó gọi là không tu tuệ.

“Lại nữa, người không tu thân không thể quán xét sâu xa thân này là không thường tồn, không an trụ; là mong manh dễ mất, liên tục hoại diệt trong từng niệm tưởng, chính là cảnh giới của ma.

“Người không tu giới thì không thể thành tựu trọn vẹn Trì giới Ba-la-mật. Người không tu tâm thì không thể thành tựu trọn vẹn Thiên Ba-la-mật. Người không tu tuệ thì không thể thành tựu trọn vẹn Bát-nhã Ba-la-mật.

“Lại nữa, người không tu thân thì tham muốn vướng mắc nơi [cái gọi là] thân ta và thân thuộc về của ta; [cho rằng] thân ta là thường hằng, không có sự biến đổi.

“Người không tu giới, vì [sự ham muốn của] tự thân mà tạo tác mười nghiệp ác. Người không tu tâm, đối với các nghiệp ác không thể thâm nhiếp [điều phục] được tâm. Người không tu tuệ, vì không thâm nhiếp [điều phục] được tâm nên không phân biệt được các pháp thiện, ác.

“Lại nữa, người không tu thân không dứt trừ được kiến chấp về bản ngã. Người không tu giới không dứt trừ được kiến chấp câu nệ về giới. Người không tu tâm [thường] tạo tác những nghiệp tham lam, sân hận, hướng về địa ngục. Người không tu tuệ không dứt trừ được tâm ngu si.

“Lại nữa, người không tu thân không thể quán xét rằng thân này tuy không tự có lầm lỗi, nhưng thường là kẻ thù của ta. Thiện nam tử! Ví như một chàng trai kia có kẻ thù thường theo đuổi, luôn rình rập mong có cơ hội thuận tiện [để làm hại]. Người có trí khi biết như vậy liền chú tâm cẩn thận phòng vệ. Nếu không cẩn thận phòng vệ ắt sẽ bị kẻ thù làm hại. Cái thân của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, thường phải dùng sự ăn uống, sự [điều hòa] nóng lạnh để nuôi dưỡng, giữ gìn. Nếu không thận trọng giữ gìn như vậy, ắt [thân] sẽ bị tan rã hư hoại.

“Thiện nam tử! Như người bà-la-môn thờ thần lửa, thường dùng hương hoa ngợi khen xưng tán, lễ bái, cúng dường, phụng sự suốt cả trăm năm. Nhưng một khi chạm tay vào lửa thì bàn tay liền bị [lửa] thiêu đốt. Tuy lửa được sự cúng dường như vậy nhưng không hề có một chút ý niệm báo đáp ơn người phụng sự. Thân của chúng sanh cũng giống như vậy, tuy trong suốt nhiều năm [chúng sanh] luôn dùng những hương thơm hoa

đẹp, chuỗi ngọc, áo quần, thức ăn uống, chỗ nằm ngồi, thuốc thang trị bệnh... mà phục vụ cho nó, nhưng một khi gặp phải những nhân duyên xấu ác ở trong thân hoặc ngoài thân, thân ấy liền hư hoại diệt mất, không hề nhớ tưởng đến cái ơn cung cấp sự ăn mặc trong những ngày qua!

“Thiện nam tử! Ví như một vị vua nhất bốn con rắn độc trong một cái giỏ tre, rồi giao cho một người lo việc trông nom, nuôi dưỡng. Trong bốn con rắn ấy, nếu có một con nổi giận ắt có thể hại người. Người nuôi rắn hết sức lo sợ, thường tìm đủ các thức ăn uống, tùy lúc mà giữ gìn, phòng vệ. Loài rắn độc bốn đại của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy. Nếu một đại trong bốn đại ấy nổi giận, ắt có thể làm hư hoại thân.

“Thiện nam tử! Như một người bệnh đã lâu, phải hết lòng cầu thầy chữa trị. Nếu không nỗ lực chữa trị thì chắc chắn phải chết. Thân này của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, phải thường nhiếp phục tâm, không để cho buông thả, lười nhác. Nếu buông thả, lười nhác ắt phải hư hoại.

“Thiện nam tử! Ví như cái bình đất chưa nung không chịu nổi gió mưa, đánh, ném, đẩy, ép... Thân của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, không chịu nổi dùi nhọn, gió mưa lạnh nóng, đánh đập chửi mắng...

“Thiện nam tử! Ví như ung nhọt chưa muối phải thường khéo giữ gìn không để người khác chạm vào. Nếu có ai chạm vào ung nhọt ấy thì rất đau đớn. Thân của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Như con la mang thai là tự hại thân mình.<sup>(19)</sup> Thân của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy; bên trong có [bệnh] phong lạnh ắt phải bị hại.

“Thiện nam tử! Ví như cây chuối sau khi cho trái rồi thì thân cây phải [chết đi rồi] khô héo. Thân của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Lại như trong thân cây chuối không có gì cứng chắc. Thân của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Như các loài rắn, chuột, chó sói, thường oán ghét lẫn nhau. Bốn đại của chúng sanh cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như con ngỗng chúa không thích những bãi tha ma. Bồ Tát cũng vậy, đối với cái thân như bãi tha ma này không hề ham muốn, ưa thích.

“Thiện nam tử! Ví như hạng chiêm-đà-la, qua bảy đời nối tiếp nhau không bỏ được nghiệp chiêm-đà-la nên bị người khác khinh miệt. Mâm giống của thân này cũng vậy; mâm giống là tinh huyết xét cho cùng đều là bất tịnh. Vì bất tịnh nên chư Phật, Bồ Tát khinh chê, quả trách.

“Thiện nam tử! Thân này không như núi Ma-la-da<sup>(20)</sup> sanh cây chiêm-đàn, cũng không sanh được hoa ưu-bát-la, hoa phân-đà-ly, hoa chiêm-bà, hoa ma-lợi-ca, hoa bà-sư-ca. Trong thân này có chín lỗ<sup>(21)</sup> thường chảy ra máu mủ, những chất không sạch. [Thân này] sanh ra từ nơi hôi hám, xấu xa đáng ghét, lại thường sống chung với các loài trùng.<sup>(22)</sup>

“Thiện nam tử! Ví như trong thế gian này tuy có những cảnh vườn rừng tốt đẹp thanh tịnh, nhưng nếu đem xác chết ném vào thì trở thành ô uế, ai nấy đều bỏ đi, không còn tham muốn, vướng mắc. Trong cảnh giới hình sắc cũng vậy, tuy có những cảnh tốt đẹp thanh



tịnh, nhưng vì có thân [bất tịnh] nên chư Phật, Bồ Tát đều buông bỏ.”

Thiện nam tử! Nếu ai không thể quán xét như vậy thì gọi là không tu thân.

“Thiện nam tử! Không tu giới là những ai không thể quán xét rằng: ‘Giới là nấc thang đi lên của tất cả pháp lành. Giới cũng là căn bản của tất cả các pháp lành, cũng như đất là nguồn gốc sanh ra tất cả cây cối. Giới là pháp đứng đầu dẫn dắt các căn lành, như vị thương chủ dẫn dắt đoàn người đi buôn. Giới là ngọn cờ chiến thắng của tất cả pháp lành, cũng như ngọn cờ chiến thắng của vị Đế-thích [vua] cõi trời dựng lên. Giới có thể dứt trừ mãi mãi tất cả các nghiệp ác và ba đường ác, có thể trị lành các bệnh dữ, giống như loại cây thuốc. Giới là lương thực để dùng trên con đường sanh tử hiểm trở. Giới là áo giáp và binh khí để phá trừ bọn giặc ác phiền não. Giới là thần chú linh nghiệm để diệt trừ rắn độc phiền não. Giới là cây cầu bắc ngang để đi qua các nghiệp ác.

“Những ai không thể quán xét như vậy gọi là không tu giới.

“Người không tu tâm là không thể quán xét rằng tâm luôn xao động nhanh nhẹ, khó nắm giữ, khó điều phục, chạy đuổi buông lung như con voi lớn dữ tợn; niệm niệm nối nhau nhanh chóng như tia chớp điện; xao động không yên như loài khỉ vượn, như huyễn hóa, như khí nóng, chính là nguồn gốc của tất cả mọi điều ác, năm món dục khó làm cho thỏa mãn, chỉ như lửa gặp củi, như biển cả nuốt hết các dòng sông, như núi Mạn-đà [ôm trọn] cây cỏ sum suê.

“[Người không tu tâm] không thể quán xét rằng sanh

tử là hư vọng, say đắm mê lầm đến nỗi tai hại, như con cá nuốt lưỡi câu; [tâm] thường đi trước dẫn dắt các nghiệp theo sau, như con sò mẹ dẫn dắt bầy con;<sup>(23)</sup> [vọng tâm này] tham muốn vướng mắc năm món dục, chẳng ưa thích Niết-bàn, như con lạc đà ăn mật cho đến chết cũng không ngoái nhìn tới cỏ rơm; [vọng tâm này] đắm sâu trong sự vui sướng hiện tiền, không quán xét sự nguy hại về sau, như con trâu tham ăn lúa mạ chẳng sợ nổi đau bị gậy đánh; [vọng tâm này] chạy đuổi lảng xãng khắp trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu, như gió mạnh thổi tung những cánh hoa nhẹ; đối với những việc không nên mong cầu [thì vọng tâm này] lại mong cầu không chán, như kẻ ngu si mong được thứ lửa không nóng; [vọng tâm này] thường ưa thích sanh tử, chẳng mong giải thoát, như con sâu nhâm-bà ưa thích cây nhâm-bà;<sup>(24)</sup> [vọng tâm này] mê lầm tham luyến vướng mắc chôn sanh tử xấu xa như nhớp, như kẻ tù nhân ưa thích con gái người cai ngục, lại như con lợn trong chuồng ưa sống chỗ như nhớp. Những ai không thể quán xét như vậy gọi là không tu tâm.

“Người không tu tuệ là không quán xét rằng trí tuệ có thể lực mạnh mẽ như chim kim sí, có thể phá trừ nghiệp ác, phá trừ vô minh tăm tối, như ánh sáng mặt trời đẩy lùi bóng cây, như dòng nước cuốn phăng đi mọi vật. Trí tuệ như ngọn lửa mạnh đốt cháy tà kiến. Trí tuệ là căn bản của tất cả các pháp lành. Trí tuệ là hạt giống sanh ra chư Phật, Bồ Tát. Những ai không quán xét như vậy gọi là không tu tuệ.

“Thiện nam tử! Xét theo chân lý rốt ráo, nếu ai thấy rằng có thân, có tướng của thân, nhân của thân, quả của thân, thân tích tụ, một thân, hai thân... thân này, thân



kia, thân diệt mất, thân bình đẳng, sự tu thân, người tu [thân]. Những ai có chỗ thấy như vậy gọi là không tu thân.

“Thiện nam tử! Nếu ai thấy rằng có giới, có tướng của giới, nhân của giới, quả của giới, giới cao thượng, giới thấp hèn, giới tích tụ, một giới, hai giới... giới này, giới kia, giới diệt mất, giới bình đẳng, sự tu giới, người tu [giới], Giới Ba-la-mật. Những ai có chỗ thấy như vậy gọi là không tu giới.

“Nếu thấy rằng có tâm, có tướng của tâm, nhân của tâm, quả của tâm, tâm tích tụ, tâm và tâm sở, một tâm, hai tâm... tâm này, tâm kia, tâm diệt mất, tâm bình đẳng, sự tu tâm, người tu [tâm], [thấy có] các tâm cao cả, trung bình, thấp kém, tâm thiện, tâm ác. Những ai có chỗ thấy như vậy gọi là không tu tâm.

“Thiện nam tử! Nếu ai thấy rằng có trí tuệ, có tướng trí tuệ, nhân của tuệ, quả của tuệ, tuệ tích tụ, một tuệ, hai tuệ... tuệ này, tuệ kia, tuệ diệt mất, tuệ bình đẳng, tuệ cao trổi, tuệ trung bình, tuệ thấp kém, tuệ chậm lụt, tuệ lanh lợi, sự tu tuệ, người tu [tuệ]. Những ai có chỗ thấy như vậy gọi là không tu tuệ.

“Thiện nam tử! Những ai không tu tập thân, giới, tâm, tuệ như vậy thì với nghiệp ác nhỏ cũng phải chịu quả báo xấu ác lớn lao. [Những người ấy] vì sợ sệt nên thường nghĩ rằng: ‘Ta [vốn] thuộc về địa ngục, [chỉ] làm những việc [khiến phải vào] địa ngục.’

“[Những người ấy] tuy nghe người có trí nói về sự khổ ở địa ngục nhưng lại thường tự nghĩ rằng: ‘Như sắt đập sắt, đá lại đập đá, cây tự đập vào cây, loài sâu lửa ưa thích ở trong lửa; thân địa ngục là tương tự với địa ngục. Nếu tương tự với địa ngục thì [vào địa ngục] có gì là khổ?’

“Ví như con nhặng xanh đeo dính vào bãi đầm, không tự thoát ra được; những người ấy cũng thế, tuy ở trong tội nhỏ cũng không thể tự thoát ra được, trong lòng không một chút ăn năn hối tiếc, không biết tu thiện, thường che giấu lỗi lầm. Tuy thuở quá khứ đã từng có đủ mọi nghiệp lành nhưng bị tội [nhỏ ngày nay] làm cho nhớ xấu.

“Những người không tu tập thân, giới, tâm, tuệ, tuy có quả báo nhẹ trong đời hiện tại nhưng lại chuyển thành quả báo xấu ác rất nặng phải đọa vào địa ngục!

“Thiện nam tử! Ví như bình nước nhỏ cho vào một thăng<sup>(25)</sup> muối, nước liền trở nên quá mặn không thể uống được. Nghiệp tội của những người không tu tập thân, giới, tâm, tuệ cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như người [quá nghèo] thiếu nợ kẻ khác chỉ một đồng tiền nhưng không trả nổi, vì vậy phải chịu giam cầm, đủ mọi sự khổ. Nghiệp tội của những người không tu tập thân, giới, tâm, tuệ cũng giống như vậy.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật: “Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà những người ấy lại khiến cho quả báo nhẹ trong đời hiện tại chuyển thành quả báo [nặng nề] phải lãnh chịu trong địa ngục?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh, nếu vướng đủ vào năm việc sẽ khiến quả báo nhẹ trong đời hiện tại chuyển thành quả báo [nặng nề] phải lãnh chịu trong địa ngục. Những gì là năm? Một là vì ngu si, hai là vì căn lành ít ỏi, ba là vì nghiệp ác sâu nặng, bốn là vì không biết sám hối, năm là vì không tu tập nghiệp lành căn bản.

“Lại có năm [nguyên nhân khác]. Một là vì quen học và làm theo nghiệp ác, hai là vì không hộ trì năm giới căn

bản,<sup>(26)</sup> ba là vì xa lìa các căn lành, bốn là vì không tu tập thân, giới, tâm, tuệ, năm là vì gần gũi những kẻ xấu ác.

“Thiện nam tử! Vì [những nhân duyên như trên] nên [chúng sanh] có thể làm cho quả báo nhẹ trong hiện tại chuyển thành tội nặng phải lãnh chịu trong địa ngục.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Những ai có thể làm cho tội báo [nặng nề trong] địa ngục có thể trở thành quả báo nhẹ nhận chịu ngay trong đời này?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Những ai tu tập thân, giới, tâm, tuệ như vừa nói trên, thường quán xét các pháp đồng như hư không, không thấy có [sự phân biệt] trí tuệ cùng người có trí, chẳng thấy có sự ngu si cùng kẻ ngu si, chẳng thấy có sự tu tập cùng người tu tập. Đó gọi là bậc trí, có thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ. Người như vậy có thể làm cho tội báo [nặng nề phải vào] địa ngục trở thành quả báo nhẹ nhận chịu ngay trong hiện tại.

“Người như vậy, ví như có tạo ra nghiệp ác hết sức nặng nề cũng tự suy niệm quán xét [thấy là] có thể khiến cho [nghiệp ác ấy] trở thành rất nhỏ nhặt. [Người ấy] suy nghĩ rằng: ‘Nghiệp [ác] của ta tuy nặng nhưng vẫn không bằng nghiệp [lành].’ Ví như bông vải dù nhiều đến trăm cân [giá trị] cũng không bằng một lượng vàng ròng. Như cho vào nước sông Hằng một thặng muối thì nước sông không hề có vị mặn, người uống không thể nhận biết được. Như người giàu có lớn, tuy có nợ nần kẻ khác rất nhiều, đến ngàn muôn thứ vật báu, nhưng [vẫn đủ sức trả, nên] không thể bị giam cầm hay phải chịu khổ. Như con voi to lớn đủ sức bứt đứt dây xích sắt mà ra đi tự do.

“Người có trí tuệ cũng giống như vậy, thường suy xét rằng: ‘Nghiệp lành của ta tăng thêm nhiều mạnh thì nghiệp ác phải suy tổn, yếu ớt. Ta có thể bộc lộ và sám hối để trừ đi nghiệp ác, có thể tu tập trí tuệ. [Nếu] trí tuệ tăng thêm nhiều mạnh thì vô minh tăm tối phải suy yếu đi.’

“Suy nghĩ như vậy rồi liền gần gũi những bạn lành, tu tập Chánh kiến, thọ trì, tụng đọc, sao chép, giảng nói Mười hai bộ kinh; nếu thấy ai thọ trì, tụng đọc, sao chép, giảng nói [Mười hai bộ kinh] liền sanh tâm cung kính, dùng đủ các thứ y phục, thức ăn uống, chỗ ngủ nghỉ, nằm ngồi, thuốc men, hương hoa mà cúng dường, ngợi khen xưng tán, tôn trọng. Người ấy dù đi đến đâu cũng hết lời ngợi khen chỗ hay tốt, hiền thiện của người khác, không chê bai chỗ xấu dở, khiếm khuyết. Người ấy cúng dường Tam bảo, cung kính tin theo kinh Phương đẳng Đại Niết-bàn, rằng Như Lai là thường tồn, không hề biến đổi; rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Người như vậy có thể khiến cho tội báo nặng [sẽ phải đọa] vào địa ngục trở thành quả báo nhẹ, nhận chịu ngay trong đời này.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên không phải tất cả các nghiệp đều có quả báo nhất định, cũng không phải tất cả chúng sanh đều nhất định phải nhận lãnh quả báo.”<sup>(27)</sup>

## **KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN**

### **HẾT QUYỂN BA MƯƠI MỐT**

## CHÚ GIẢI

1. Nước tro: ngày xưa khi chưa có các chất giặt tẩy như ngày nay, người ta dùng tro bếp ngâm lấy nước, để lóng trong rồi sử dụng khi giặt, rửa, tác dụng cũng tương tự như xà-phòng.
2. Bốn điên đảo: chỉ bốn kiến chấp sai lầm của phàm phu, các pháp là vô thường mà cho là thường, các pháp là khổ mà cho là vui, các pháp là vô ngã mà cho là có ngã, các pháp là bất tịnh mà cho là tịnh. Do bốn sự điên đảo này mà tạo ra mọi sự việc trái ngược với Chánh kiến.
3. Năm căn: ở đây chỉ các căn là mắt, tai, mũi, lưỡi và thân.
4. Mười tướng (Thập tướng), đã giảng rõ ở một đoạn trước, gồm tướng hình sắc, tướng âm thanh, tướng mùi hương, tướng vị nếm, tướng xúc chạm, tướng sanh ra, tướng trụ lại, tướng hoại diệt, tướng nam và tướng nữ.
5. Năm kiến chấp (ngũ kiến): sự bám chấp vào năm quan điểm sai lầm. Một là thân kiến, chấp rằng thật có thân này, có bản ngã, nên cũng gọi là ngã kiến; hai là biên kiến, quan điểm thiên lệch về một bên, chẳng hạn như chấp các pháp là thường tồn hoặc đoạn diệt; ba là tà kiến, là những quan điểm tà vạy, không đúng thật, chẳng hạn như không tin nhân quả; bốn là giới cấm thủ kiến, là sự bám chấp, câu nệ không đúng vào giới cấm, chẳng hạn như thọ nhận các giới sai lệch không phải do Phật chế định, hoặc không biết tùy nghi linh động trong những trường hợp cần thiết, đúng Chánh pháp; năm là kiến thủ kiến, cố chấp vào ý kiến đã có của mình là đúng, không lắng nghe để tiếp nhận ý kiến của người khác.
6. Bốn con sông hung bạo: chỉ bốn sự hung bạo thường lôi cuốn chúng sanh trôi lăn trong sanh tử. Đó là tham dục, chấp hữu, kiến chấp và vô minh. Về những giải thích ý nghĩa danh xưng Niết-bàn ở đoạn này, nên xem lại Tập 5, phần 1 của phẩm Bồ Tát Sư Tử Hống.
7. Bốn hướng (Tứ hướng) cùng Bốn quả (Tứ quả hay Tứ thánh quả): chỉ các địa vị chứng đắc của hàng Thanh văn từ Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán. Hướng hay hướng vị là các địa vị đã dứt trừ kiến hoặc, sắp sửa chứng đắc các thánh quả. Mỗi thánh quả có một hướng vị trước đó, như Tu-đà-hoàn hướng cho đến A-la-hán hướng.
8. Thân sau cùng: tức là lần thọ thân cuối cùng của một vị Bồ Tát trước khi thành tựu quả Phật. Vị Bồ Tát này cũng được gọi là Bồ Tát Nhất sanh bồ xứ.
9. Năm tội nghịch: là các tội giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá sự hòa hợp của Tăng đoàn và làm thân Phật chảy máu (hoặc hủy phá, làm nhơ nhớp hình tượng Phật).
10. Bốn giới cấm nặng: là các giới giết người, trộm cướp, dâm dục và nói dối rằng mình đã chứng thánh quả.
11. Mười trí lực (Thập lực hay Thập trí lực) là mười năng lực trí tuệ của Phật. Trong đó, trí lực thứ hai là Nghiệp dị thực trí lực (業異熟智力). Là năng lực trí tuệ rõ

biết tất cả nghiệp báo trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai của tất cả chúng sanh, cùng những mối quan hệ nhân quả của tất cả các nghiệp ấy.

12. Là các trường hợp cơ quan sanh dục bất thường, hoặc khiếm khuyết, hoặc không phân biệt rõ nam giới, nữ giới.
13. Đề-bà-đạt-đa kể câu chuyện này có ý nói rằng, thà chết đi còn hơn phải sống nghèo cùng khổ; như người đã chết kia thà chịu cảnh chết chứ không muốn được sống lại mà phải chịu cảnh nghèo khổ.
14. Thiên Trúc: tên gọi xưa kia được dùng để chỉ Ấn Độ.
15. Theo chuyện tiền thân của đức Phật, con gấu, con nai (là tiền thân của Phật) đều đã từng cứu mạng người kia. Thay vị trả ơn, ông ta lại dẫn thợ săn đến chỉ chỗ ở của gấu, nai. Ngay khi tên vong ân ấy vừa đưa tay chỉ, cánh tay liền đứt rời khỏi người mà rơi xuống đất.
16. A-già-đà, phiên âm từ Phạn ngữ là agada, dịch nghĩa là vô bệnh, chỉ một loại thuốc có công năng trị được bá bệnh và giải trừ được mọi thứ thuốc độc.
17. Giới luật do Phật chế định nhìn tổng quát có bảy phần, giữ gìn trọn vẹn không phạm vào gọi là bảy giới thanh tịnh. Bảy phần đó gồm có các giới: 1. Ba-la-di, 2. Tăng tàn, 3. Thâu-lan-già, 4. Ba dật dề, 5. Đề-xá-ni, 6. Đột-kiết-la, 7. Ác thuyết.
18. Ba loại tướng đã giảng ở trước, là tướng định, tướng trí tuệ và tướng buông xả.
19. Vì con la sau khi sanh con chắc chắn phải chết.
20. Ma-la-da, phiên âm từ Phạn ngữ là Malaya, cũng đọc là Ma-la-diên, là tên một ngọn núi nằm ở miền nam Ấn Độ, thuộc nước Ma-la-da. Nơi đây có nhiều gỗ thơm chiên-dàn, đặc biệt là loại chiên đàn trắng.
21. Chín lỗ: chỉ 2 mắt, 2 tai, 2 mũi, 1 miệng và 2 lỗ đại tiểu tiện.
22. Trong thân người luôn có các loại trùng ký sanh, từ những con vi trùng cực nhỏ cho đến các loài giun sán...
23. Nguyên bản Hán văn dùng bối mẫu (貝母), là cách nói tắt so với thí dụ được dẫn trong nhiều kinh luận khác là ngư vương bối mẫu (魚王貝母), đưa ra hình ảnh con cá đầu đàn hay con sò khi kiếm ăn dưới biển sâu, chúng đi đến đâu thì cả bầy theo sau đến đó, cũng như tâm ý dẫn dắt các nghiệp lành dữ theo sau.
24. Nhâm-bà, phiên âm từ Phạn ngữ là nimba, cũng đọc là nhậm-bà, nhâm-bà, là tên một loài cây hình dáng tương tự như cây xoan, có tên khoa học là azadirachtaindica.
25. Thăng: đơn vị đo lường ngày xưa, bằng một phần mười của đấu.
26. Hộ trì năm giới căn bản: nguyên bản Hán văn dùng giới tài (戒財), hàm ý “giới là tài sản quý giá của người tu tập”. Tập dị môn luận (集異門論) quyển 15, tờ 13 giải thích rằng: “Những ai lìa xa sự giết hại, lìa xa sự trộm cắp, lìa xa tà hạnh dâm dục, lìa xa lời nói dối trá, lìa xa việc uống các loại rượu; đó gọi là giới tài.”
27. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 29, bắt đầu quyển 30, phẩm Bồ Tát Sư Tử Hống phần thứ 6 (Sư Tử Hống Bồ Tát phẩm chi lục)

# 大般涅槃經

## 卷第三十二

### 師子吼菩薩品

#### 第十一之六

師子吼菩薩言。世尊。若一切業不定得果。一切眾生悉有佛性。應當修習八聖道者。何因緣故。一切眾生悉不得是大般涅槃。

世尊。若一切眾生有佛性者。即當定得阿耨多羅三藐三菩提。何須修習八聖道耶。

世尊。如此經中說有病人若得醫藥及瞻病人隨病飲食。若使不得皆悉除瘥。一切眾生亦復如是。若遇聲聞及辟支佛諸佛菩薩諸善知識。若聞說法修習聖道。若不遇不聞不修習道。悉當得成阿耨多羅三藐三菩提。何以故。以佛性故。

世尊。譬如日月無有能遮令不得至頹多山邊。四大河水不至大海。一闍提等不至地獄。一切眾生亦復如是。無有能遮令不得至阿耨多羅三藐三菩提。何以故。以佛性故。

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ TAM THẬP NHỊ

### SƯ TỬ HỒNG BỒ TÁT PHẨM

#### ĐỆ THẬP NHẤT CHI LỤC

Sư Tử Hồng Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Nhược nhất thiết nghiệp bất định đắc quả, nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh, ưng đương tu tập Bát Thánh đạo giả. Hà nhân duyên cố nhất thiết chúng sanh tất bất đắc thị Đại Bát Niết-bàn?

Thế Tôn! Nhược nhất thiết chúng sanh hữu Phật tánh giả, tức đương định đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hà tu tu tập Bát Thánh đạo da?

Thế Tôn! Như tửu kinh trung thuyết: Hữu bệnh nhân, nhược đắc y dược cập chiêm bệnh nhân, tùy bệnh ẩm thực, nhược sử bất đắc, giai tất trừ sái. Nhất thiết chúng sanh diệt phục như thị; nhược ngộ Thanh văn cập Bích-chi Phật, chư Phật, Bồ Tát, chư Thiện tri thức, nhược văn thuyết Pháp, tu tập Thánh đạo, nhược bất ngộ, bất văn, bất tu tập đạo, tất đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hà dĩ cố? Dĩ Phật tánh cố.

Thế Tôn! Thí như nhật, nguyệt, vô hữu năng già, linh bất đắc chí Át-đa sơn biên; tứ đại hà thủy, bất chí đại hải; nhất-xiển-đề đẳng, bất chí địa ngục. Nhất thiết chúng sanh diệt phục như thị; vô hữu năng già, linh bất đắc chí A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hà dĩ cố? Dĩ Phật tánh cố.



世尊。以是義故。一切眾生不須修道。以佛性力故應得阿耨多羅三藐三菩提。不以修習聖道力故。

世尊。若一闍提犯四重禁五逆罪等。不得阿耨多羅三藐三菩提者。應須修習以因佛性定當得故。非因修習然後得也。

世尊。譬如磁石去鐵雖遠。以其力故鐵則隨著。眾生佛性亦復如是。是故不須勤修習道。

佛言。善哉善哉。善男子。如恆河邊有七種人。若為洗浴恐畏寇賊。或為採花則入河中。

第一人者入水則沈。何以故。羸無勢力不習浮故。

第二人者雖沒還出出已還沒。何以故。身力大故則能還出。不習浮故出已還沒。

第三人者沒已即出出更不沒。何以故。身重故沒力大故出。先習浮故出已即住。

第四人者入已便沒沒已還出。出已即住遍觀四方。何以故。重故則沈力大故還出習浮則住。不知出處故觀四方。

第五人者入已即沈沈已便出。出已即住住已觀方。觀已即去。何以故。為怖畏故。

Thế Tôn! Dĩ thị nghĩa cố, nhất thiết chúng sanh bất tu đạo. Dĩ Phật tánh lực cố, ưng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; bất dĩ tu tập Thánh đạo lực cố.

Thế Tôn! Nhược Nhất-xiển-đề, phạm tứ trọng cấm, ngũ nghịch tội đảng bất đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, ưng tu tu tập. Dĩ nhân Phật tánh, định đương đắc cố; phi nhân tu tập, nhiên hậu đắc dã.

Thế Tôn! Thí như từ thạch, khú thiết tuy viễn; dĩ kỳ lực cố, thiết tắc tùy trước. Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị. Thị cố bất tu cần tu tập đạo.

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Như Hằng hà biên, hữu thất chủng nhân, nhược vị tẩy dục, khủng úy khấu tặc, hoặc vị thái hoa, tắc nhập hà trung:

Đệ nhất nhân giả, nhập thủy tắc trầm. Hà dĩ cố? Luy vô thể lực, bất tập phù cố.

Đệ nhị nhân giả, tuy một, hoàn xuất, xuất dĩ, hoàn một. Hà dĩ cố? Thân lực đại cố, tắc năng hoàn xuất; bất tập phù cố, xuất dĩ hoàn một.

Đệ tam nhân giả, một dĩ, tức xuất; xuất, cánh bất một. Hà dĩ cố? Thân trọng cố một; lực đại cố xuất; tiên tập phù cố, xuất dĩ tức trụ.

Đệ tứ nhân giả, nhập dĩ, tiện một, một dĩ, hoàn xuất; xuất dĩ, tức trụ; biến quan tứ phương. Hà dĩ cố? Trọng cố tắc trầm; lực đại cố hoàn xuất; tập phù tắc trụ; bất tri xuất xứ cố quan tứ phương.

Đệ ngũ nhân giả, nhập dĩ, tức trầm; trầm dĩ, tiện xuất; xuất dĩ, tức trụ; trụ dĩ, quan phương; quan dĩ, tức khú. Hà dĩ cố? Vị bố úy cố.

第六人者入已即去淺處則住。何以故。觀賊近遠故。

第七人者既至彼岸登上大山無復恐怖。離諸怨賊受大快樂。

善男子。生死大河亦復如是。有七種人畏煩惱賊故。發意欲度生死大河。出家剃髮身披法服。既出家已親近惡友。隨順其教聽受邪法。所謂眾生身者即是五蔭。五蔭者即名五大。眾生若死永斷五大。斷五大故何須修習善惡諸業。是故當知無有善惡及善惡報。如是則名一闍提也。一闍提者名斷善根。斷善根故沒生死河不能得出。何以故。惡業重故無信力故。如恒河邊第一人也。

善男子。一闍提輩有六因緣。沒三惡道不能得出。何等為六。一者惡心熾盛故。二者不見後世故。三者樂習煩惱故。四者遠離善根故。五者惡業障隔故。六者親近惡知識故。

復有五事沒三惡道。何等為五。一者於比丘邊作非法故。二者比丘尼邊作非法故。三者自在用僧鬘物故。四者母邊作非法故。五者於五部僧互生是非故。

復有五事沒三惡道。何等為五。一者常說無善惡果故。二者殺發菩提心眾生故。三者喜說法師過

Đệ lục nhân giả, nhập dĩ, tức khứ; thiển xứ, tác trụ. Hà dĩ cố? Quan tặc cận, viễn cố.

Đệ thất nhân giả, ký chí bỉ ngạn, đăng thượng đại sơn, vô phục khủng bố, ly chư oán tặc, thọ đại khoái lạc.

Thiện nam tử! Sanh tử đại hà diệc phục như thị. Hữu thất chủng nhân, úy phiền não tặc cố, phát ý dục độ sanh tử đại hà. Xuất gia thế phát, thân phi pháp phục. Ký xuất gia dĩ, thân cận ác hữu, tùy thuận kỳ giáo, thính thọ tà pháp, sở vị: chúng sanh thân giả, tức thị ngũ ám. Ngũ ám giả, tức danh ngũ đại. Chúng sanh nhược tử, vĩnh đoạn ngũ đại. Đoạn ngũ đại cố, hà tu tu tập thiện ác chư nghiệp? Thị cố đương tri vô hữu thiện ác cập thiện ác báo. Như thị tác danh nhất-xiển-đề dã. Nhất-xiển-đề giả, danh đoạn thiện căn. Đoạn thiện căn cố, một sanh tử hà, bất năng đắc xuất. Hà dĩ cố? Ác nghiệp trọng cố, vô tín lực cố; như Hằng hà biên, đệ nhất nhân dã.

Thiện nam tử! Nhất-xiển-đề bối, hữu lục nhân duyên, một tam ác đạo, bất năng đắc xuất. Hà đẳng vi lục? Nhất giả ác tâm xí thanh cố. Nhị giả bất kiến hậu thế cố. Tam giả nhạo tập phiền não cố. Tứ giả viễn ly thiện căn cố. Ngũ giả ác nghiệp chướng cách cố. Lục giả thân cận ác tri thức cố.

Phục hữu ngũ sự, một tam ác đạo. Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả ư tỳ-kheo biên, tác phi pháp cố. Nhị giả tỳ-kheo ni biên, tác phi pháp cố. Tam giả tự tại dụng Tăng man vật cố. Tứ giả mẫu biên, tác phi pháp cố. Ngũ giả ư ngũ bộ tăng, hỷ sanh thị phi cố.

Phục hữu ngũ sự, một tam ác đạo. Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả thường thuyết vô thiện, ác quả cố. Nhị giả sát phát Bồ-đề tâm chúng sanh cố. Tam giả hỷ thuyết pháp sư quá thất cố. Tứ

失故。四者法說非法非法說法故。五者為求法過而聽受故。

復有三事沒三惡道。何等為三。一謂如來無常永滅。二謂正法無常遷變。三謂僧實可滅壞故。是故常沒三惡道中。

第二人者。發意欲度生死大河。斷善根故沒不能出。所言出者親近善友則得信心。是信心者。信施果信善善果信惡惡果。信生死苦無常敗壞。是名為信。以得信心修習淨戒。受持讀誦書寫解說。常樂惠施善修智慧。以鈍根故復遇惡友。不能修習身戒心慧。聽受邪法或值惡時處惡國土斷諸善根。斷善根故常沒生死。如恒河邊第二人也。

第三人者。發意欲度生死大河。斷善根故於中沈沒。親近善友得名為出。信於如來是一切智常恒無變為眾生故說無上道。一切眾生悉有佛性如來非滅法僧亦爾無有滅壞。一闡提等不斷其法。終不能得阿耨多羅三藐三菩提。要當遠離然後乃得。以信心故修習淨戒。修習戒已受持讀誦書寫解說十二部經。為諸眾生廣宣流布。樂於惠施修習智慧。以利根故堅住信慧心無退轉。如恒河邊第三人也。

第四人者。發意欲度生死大河。斷善根故於中

假 pháp thuyết phi pháp, phi pháp thuyết pháp cố. Ngũ giả vị cầu pháp quá nhi thính thọ cố.

Phục hữu tam sự, một tam ác đạo. Hà đẳng vi tam? Nhất vị Như Lai vô thường vĩnh diệt. Nhị vị Chánh pháp Vô thường thiên biến. Tam vị Tăng thật khả diệt hoại cố. Thị cố thường một tam ác đạo trung.

Đệ nhị nhân giả, phát ý dục độ sanh tử đại hà; đoạn thiện căn cố, một bất năng xuất. Sở ngôn xuất giả, thân cận thiện hữu, tác đắc tín tâm. Tín tâm giả, tín thí, thí quả; tín thiện, thiện quả; tín ác, ác quả; tín sanh tử khổ, vô thường bại hoại. Thị danh vi tín. Dĩ đắc tín tâm, tu tập tịnh giới, thọ trì, độc, tụng, thơ tả, giải thuyết, thường lạc tuệ thí, thiện tu trí tuệ. Dĩ độ căn cố, phục ngộ ác hữu, bất năng tu tập thân, giới, tâm, tuệ, thính thọ tà Pháp; hoặc trị ác thời, xử ác quốc độ, đoạn chư thiện căn. Đoạn thiện căn cố, thường một sanh tử, như Hằng hà biên, đệ nhị nhân dã.

Đệ tam nhân giả, phát ý dục độ sanh tử đại hà; đoạn thiện căn cố, ư trung trầm một. Thân cận thiện hữu, đắc danh vi xuất. Tín ư Như Lai thị nhất thiết trí, thường hằng vô biến, vị chúng sanh cố, thuyết: vô thượng đạo nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh, Như Lai phi diệt, Pháp, Tăng diệt nhĩ, vô hữu diệt hoại, Nhất-xiển-đề đẳng, bất đoạn kỳ Pháp, chung bất năng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Yếu đương viễn ly, nhiên hậu nãi đắc. Dĩ tín tâm cố, tu tập tịnh giới. Tu tịnh giới dĩ, thọ trì, độc, tụng, thơ tả, giải thuyết Thập nhị bộ kinh; vị chư chúng sanh quảng tuyên lưu bố; nhạo ư tuệ thí, tu tập trí tuệ. Dĩ lợi căn cố, kiên trụ tín, tuệ, tâm vô thối chuyển, như Hằng hà biên, đệ tam nhân dã.

Đệ tứ nhân giả, phát ý dục độ sanh tử đại hà; đoạn thiện căn cố, ư trung trầm một. Thân cận thiện hữu, cố đắc tín tâm,

沈沒。親近善友故得信心是名為出。得信心故受持讀誦書寫解說十二部經。為眾生故廣宣流布。樂於惠施修習智慧。以利根故堅住信慧。心無退轉遍觀四方。觀四方者四沙門果。如恆河邊第四人也。

第五人者。發意欲度生死大河。斷善根故於中沈沒。親近善友故轉信心是名為出。以信心故受持讀誦書寫解說十二部經。為眾生故廣宣流布。樂於慧施修習智慧。以利根故堅住信慧心無退轉。無退轉已即便前進。前進者謂辟支佛。雖能自度不及眾生是名為去。如恆河邊第五人也。

第六人者。發意欲度生死大河。斷善根故於中沈沒。親近善友獲得信心。得信心故名之為出。以信心故受持讀誦書寫解說十二部經。為眾生故廣宣流布。樂於惠施修習智慧。以利根故堅住信慧心無退轉。無退轉已即復前進遂到淺處。到淺處已即住不去。住不去者所謂菩薩。為欲度脫諸眾生故住觀煩惱。如恆河邊第六人也。

第七人者。發意欲度生死大河。斷善根故於中沈沒。親近善友獲得信心。得信心已是名為出。以信心故受持讀誦書寫解說十二部經。為眾生故廣宣流布。樂於惠施修習智慧。以利根故堅住信慧心。

thị danh vi xuất. Đắc tín tâm cố, thọ trì, độc, tụng, thơ tả, giải thuyết Thập nhị bộ kinh; vị chúng sanh cố, quảng tuyên lưu bố; nhạo ư tuệ thí, tu tập trí tuệ. Dĩ lợi căn cố, kiên trụ tín, tuệ, tâm vô thối chuyển, biến quan tứ phương. Quan tứ phương giả: Tứ Sa-môn quả, như Hằng hà biên, đệ tứ nhân dã.

Đệ ngũ nhân giả, phát ý dục độ sanh tử đại hà; đoạn thiện căn cố, ư trung trầm một. Thân cận thiện hữu, cố chuyển tín tâm, thị danh vi xuất. Dĩ tín tâm cố, thọ trì, độc, tụng, thơ tả, giải thuyết Thập nhị bộ kinh; vị chúng sanh cố, quảng tuyên lưu bố; nhạo ư tuệ thí, tu tập trí tuệ. Dĩ lợi căn cố, kiên trụ tín, tuệ, tâm vô thối chuyển. Vô thối chuyển dĩ, tức tiện tiền tấn. Tiền tấn giả, vị Bích-chi Phật. Tuy năng tự độ, bất cập chúng sanh, thị danh vi khứ, như Hằng hà biên, đệ ngũ nhân dã.

Đệ lục nhân giả, phát ý dục độ sanh tử đại hà; đoạn thiện căn cố, ư trung trầm một. Thân cận thiện hữu, hoạch đắc tín tâm. Đắc tín tâm cố, danh chi vi xuất. Dĩ tín tâm cố, thọ trì, độc, tụng, thơ tả, giải thuyết Thập nhị bộ kinh; vị chúng sanh cố, quảng tuyên lưu bố; nhạo ư tuệ thí, tu tập trí tuệ. Dĩ lợi căn cố, kiên trụ tín, tuệ, tâm vô thối chuyển. Vô thối chuyển dĩ, tức phục tiền tấn, toại đáo thiên xứ. Đáo thiên xứ dĩ, tức trụ bất khứ. Trụ bất khứ giả, sở vị Bồ Tát. Vị dục độ thoát chư chúng sanh cố, trụ quán phiền não, như Hằng hà biên, đệ lục nhân dã.

Đệ thất nhân giả, phát ý dục độ sanh tử đại hà; đoạn thiện căn cố, ư trung trầm một. Thân cận thiện hữu, hoạch đắc tín tâm. Đắc tín tâm dĩ, thị danh vi xuất. Dĩ tín tâm cố, thọ trì, độc, tụng, thơ tả, giải thuyết Thập nhị bộ kinh; vị chúng sanh cố, quảng tuyên lưu bố; lạc ư tuệ thí, tu tập trí tuệ. Dĩ lợi căn cố, kiên trụ tín, tuệ, tâm vô thối chuyển. Vô thối chuyển dĩ, tức



無退轉。無退轉已即便前進既前進已得到彼岸登涉高山。離諸恐怖多受安樂。

善男子。彼岸山者喻於如來。受安樂者喻佛常住。大高山者喻大涅槃。

善男子。是恒河邊如是諸人。悉具手足而不能度。一切眾生亦復如是。實有佛寶法寶僧寶。如來常說諸法要義。有八聖道大般涅槃。而諸眾生悉不能得。此非我咎亦非聖道。眾生等過。當知悉是煩惱過惡。以是義故。一切眾生不得涅槃。

善男子。譬如良醫知病說藥。病者不服非醫咎也。

善男子。如有施主以其所有施一切人。有不受者非施主咎。

善男子。譬如日出幽冥皆明。盲瞽之人不見道路非日過也。

善男子。如恒河水能除渴乏。渴者不飲非水咎也。

善男子。譬如大地普生果實平等無二。農夫不種非地過也。

善男子。如來普為一切眾生廣開分別十二部經。眾生不受非如來咎。

善男子。若修道者即得阿耨多羅三藐三菩提。

tiện tiên tấn. Kỳ tiên tấn dĩ, đắc đảo bỉ ngạn, đặng thiệp cao sơn, ly chư khủng bố, đa thọ an lạc.

Thiện nam tử! Bỉ ngạn sơn giả, dụ ư Như Lai. Thọ an lạc giả, dụ Phật thường trụ. Đại cao sơn giả, dụ Đại Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thị Hằng hà biên, như thị chư nhân tất cụ thủ túc; nhi bất năng độ. Nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị. Thật hữu Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, Như Lai thường thuyết chư pháp yếu nghĩa, hữu Bát Thánh đạo, Đại Bát Niết-bàn. Nhi chư chúng sanh tất bất năng đắc. Thủ phi ngã cữu, diệc phi Thánh đạo; chúng sanh đặng quá. Đương tri tất thị phiến não quá ác. Dĩ thị nghĩa cố, nhất thiết chúng sanh bất đắc Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thí như lương y, tri bệnh, thuyết dược; bệnh giả bất phục; phi y cữu dã.

Thiện nam tử! Như hữu thí chủ, dĩ kỳ sở hữu, thí nhất thiết nhân. Hữu bất thọ giả, phi thí chủ cữu.

Thiện nam tử! Thí như nhật xuất, u minh giai minh. Manh cổ chi nhân bất kiến đạo lộ, phi nhật quá dã.

Thiện nam tử! Như Hằng hà thủy, năng trừ khát pháp. Khát giả bất ẩm, phi thủy cữu dã.

Thiện nam tử! Thí như đại địa, phổ sanh quả thật, bình đẳng vô nhị. Nông phu bất chủng, phi địa quá dã.

Thiện nam tử! Như Lai phổ vị nhất thiết chúng sanh, quảng khai phân biệt Thập nhị bộ kinh. Chúng sanh bất thọ, phi Như Lai cữu.

Thiện nam tử! Nhược tu đạo giả, tức đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

善男子。汝言眾生悉有佛性。應得阿耨多羅三藐三菩提如磁石者。

善哉善哉。以有佛性因緣力故得阿耨多羅三藐三菩提。若言不須修聖道者。是義不然。

善男子。譬如有人行於曠野渴乏遇井。其井幽深雖不見水當知必有。是人方便求覓鑿綆汲取則見。佛性亦爾一切眾生雖復有之。要須修習無漏聖道然後得見。

善男子。如有胡麻則得見油。離諸方便則不得見。甘蔗亦爾。

善男子。如三十三天北鬱單越。雖是有法若無善業神通力則不能見。

地中草根及地下水。以地覆故眾生不見。佛性亦爾不修聖道故不得見。

善男子。如汝所說世有病人。若遇瞻病良醫好藥隨病飲食。及以不遇悉得瘥者。

善男子。我為六住諸菩薩等說如是義。

善男子。譬如虛空於諸眾生非內非外。非內外故亦無罣礙。眾生佛性亦復如是。

善男子。譬如有人財在異方雖不現前隨意受

Thiện nam tử! Nhữ ngôn: Chúng sanh tất hữu Phật tánh, ưng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, như từ thạch giả.

Thiện tai! Thiện tai! Dĩ hữu Phật tánh nhân duyên lực cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nhược ngôn bất tu tu Thánh đạo giả, thị nghĩa bất nhiên.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, hành ư khoáng dã, khát pháp ngộ tỉnh. Kỳ tỉnh u thâm. Tuy bất kiến thủy, đương tri tất hữu. Thị nhân phương tiện, cầu mịch quán, cảnh; cấp thủ tác kiến. Phật tánh diệc nhĩ; nhất thiết chúng sanh tuy phục hữu chi, yếu tu tu tập vô lậu Thánh đạo; nhiên hậu đắc kiến.

Thiện nam tử! Như hữu hồ ma, tác đắc kiến du. Ly chư phương tiện, tác bất đắc kiến. Cam giá diệc nhĩ.

Thiện nam tử! Như Tam thập tam thiên, Bắc Uất-đan-việt. Tuy thị hữu pháp, nhược vô thiện nghiệp, thần thông, đạo lực, tác bất năng kiến.

Địa trung thảo căn cập địa hạ thủy, dĩ địa phú cố, chúng sanh bất kiến. Phật tánh diệc nhĩ; bất tu Thánh đạo, cố bất đắc kiến.

Thiện nam tử! Như nhữ sở thuyết: thế hữu bệnh nhân, nhược ngộ chiêm bệnh, lương y, hảo dược, tùy bệnh ẩm thực, cập dĩ bất ngộ, tất đắc sái giả.

Thiện nam tử! Ngã vị lục trụ chư Bồ Tát đẳng, thuyết như thị nghĩa.

Thiện nam tử! Thí như hư không; ư chư chúng sanh, phi nội, phi ngoại. Phi nội ngoại cố, diệc vô quái ngại. Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, tài tại dị phương. Tuy bất hiện tiền tùy ý thọ dụng, hữu nhân vấn chi, tác ngôn ngã hứa.

用。有人問之則言我許。何以故以定有故。眾生佛性亦復如是。非此非彼以定得故言一切有。

善男子。譬如眾生造作諸業若善若惡非內非外。如是業性非有非無。亦復非是本無今有。非無因出。非此作此受此作彼受。彼作彼受無作無受。時節和合而得果報。眾生佛性亦復如是。亦復非是本無今有。非內非外非有非無非此非彼。非餘處來非無因緣。亦非一切眾生不見。有諸菩薩時節因緣和合得見時節者所謂十住菩薩摩訶薩修八聖道。於諸眾生得平等心。爾時得見不名為作。

善男子。汝言如磁石者。是義不然。何以故石不吸鐵。所以者何無心業故。

善男子。異法有故異法出生。異法無故異法滅壞。無有作者無有壞者。

善男子。猶如猛火不能焚薪。火出薪壞名為焚薪。

善男子。譬如葵藿隨日而轉。而是葵藿亦無敬心無識無業。異法性故而自迴轉。

善男子。如芭蕉樹因雷增長。是樹無耳無心意識。異法有故異法增長。異法無故異法滅壞。

善男子。如阿叔迦樹。女人摩觸花為之出。是樹無心亦無覺觸。異法有故異法出生。異法無故異法滅壞。

Hà dĩ cố? Dĩ định hữu cố. Chúng sanh Phật tánh diệt phục như thị; phi thủ, phi bỉ; dĩ định đắc cố, ngôn nhất thiết hữu.

Thiện nam tử! Thí như chúng sanh tạo tác chư nghiệp, nhược thiện, nhược ác, phi nội, phi ngoại. Như thị nghiệp tánh, phi hữu, phi vô, diệt phục phi thị bốn vô kim hữu, phi vô nhân xuất, phi thủ tác thủ thọ, thủ tác bỉ thọ, bỉ tác bỉ thọ, vô tác vô thọ. Thời tiết hòa hiệp, nhi đắc quả báo. Chúng sanh Phật tánh diệt phục như thị; diệt phục phi thị bốn vô kim hữu, phi nội, phi ngoại, phi hữu, phi vô, phi thủ, phi bỉ, phi dư xứ lai, phi vô nhân duyên, diệt phi nhất thiết chúng sanh bất kiến. Hữu chư Bồ Tát, thời tiết nhân duyên hòa hiệp đắc kiến. Thời tiết giả, sở vị Thập trụ Bồ Tát ma-ha-tát, tu Bát Thánh đạo; ư chư chúng sanh, đắc bình đẳng tâm; nhĩ thời đắc kiến, bất danh vi tác.

Thiện nam tử! Nhữ ngôn: Như từ thạch giả. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Thạch bất hấp thiết. Sở dĩ giả hà? Vô tâm nghiệp cố.

Thiện nam tử! Dị pháp hữu cố, dị pháp xuất sanh; dị pháp vô cố, dị pháp diệt hoại; vô hữu tác giả, vô hữu hoại giả.

Thiện nam tử! Do như mãnh hỏa, bất năng phân tân. Hỏa xuất, tân hoại, danh vi phân tân.

Thiện nam tử! Thí như quỳ, hoắc, tùy nhật nhi chuyển. Nhi thị quỳ, hoắc diệt vô kính tâm, vô thức, vô nghiệp. Dị pháp tánh cố, nhi tự hồi chuyển.

Thiện nam tử! Như ba tiêu thọ, nhân lôi, tăng trưởng. Thị thọ vô nhĩ, vô tâm ý, thức. Dị pháp hữu cố, dị pháp tăng trưởng; dị Pháp vô cố, dị Pháp diệt hoại.

Thiện nam tử! Như a-thúc-ca thọ, nữ nhân ma xúc, hoa vị chi xuất. Thị thọ vô tâm, diệt vô giác xúc. Dị pháp hữu cố, dị pháp xuất sanh; dị pháp vô cố, dị pháp diệt hoại.



善男子。如橘得屍菓則滋多。而是橘樹無心無觸。異法有故異法滋多。異法無故異法滅壞。

善男子。如安石榴墻骨糞故果實繁茂。安石榴樹亦無心觸。異法有故異法出生。異法無故異法滅壞。

善男子。磁石吸鐵亦復如是。異法有故異法出生。異法無故異法滅壞。眾生佛性亦復如是。不能吸得阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。無明不能吸取諸行。行亦不能吸取識也。亦得名為無明緣行緣於識。有佛無佛法界常住。

善男子。若言佛性住眾生中者。善男子。常法無住若有住處即是無常。

善男子。如十二因緣無定住處。若有住處十二因緣不得名常。如來法身亦無住處。法界，法入，法陰，虛空，悉無住處。佛性亦爾都無住處。

善男子。譬如四大力雖均等。有堅有熱有濕有動。有重有輕有赤有白有黃有黑。而是四大亦無有業。異法界故各不相似。佛性亦爾異法界故時至則現。

善男子。一切眾生不退佛性故名之為有。阿毘跋致故以當有故。決定得故定當見故。是故名為一切眾生悉有佛性。

Thiện nam tử! Như quýt đắc thi, quả tắc tư đa. Nhi thị quýt thọ vô tâm, vô xúc. Dị Pháp hữu cố, dị Pháp tư đa; dị Pháp vô cố, dị Pháp diệt hoại.

Thiện nam tử! Như an-thạch-lựu, chuyên cốt phần cố, quả thật phiền mậu. An-thạch-lựu thọ diệt vô tâm xúc. Dị Pháp hữu cố, dị Pháp xuất sanh; dị Pháp vô cố, dị Pháp diệt hoại.

Thiện nam tử! Từ thạch hấp thiết, diệt phục như thị; dị pháp hữu cố, dị pháp xuất sanh; dị pháp vô cố, dị pháp diệt hoại. Chúng sanh Phật tánh diệt phục như thị; bất năng hấp đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Vô minh bất năng hấp thủ chư hành; hành diệt bất năng hấp thủ thức dã; diệt đắc danh vi vô minh duyên hành, hành duyên ư thức. Hữu Phật, vô Phật, pháp giới thường trụ.

Thiện nam tử! Nhược ngôn Phật tánh trụ chúng sanh trung giả. Thiện nam tử! Thường pháp vô trụ; nhược hữu trụ xứ, tức thị vô thường.

Thiện nam tử! Như Thập nhị nhân duyên vô định trụ xứ; nhược hữu trụ xứ, Thập nhị nhân duyên bất đắc danh thường. Như Lai Pháp thân diệt vô trụ xứ. Pháp giới, pháp nhập, pháp âm, hư không, tất vô trụ xứ. Phật tánh diệt nhĩ, đô vô trụ xứ.

Thiện nam tử! Thí như tứ đại, lực tuy quân đẳng; hữu kiên, hữu nhiệt, hữu thấp, hữu động; hữu trọng, hữu khinh, hữu xích, hữu bạch, hữu hoàng, hữu hắc. Nhi thị tứ đại diệt vô hữu nghiệp. Dị pháp giới cố, các bất tương tự. Phật tánh diệt nhĩ; dị pháp giới cố, thời chí tắc hiện.

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh bất thối Phật tánh cố, danh chi vi hữu. A-tỳ-bạt trí cố, dĩ đương hữu cố, quyết định đắc cố, định đương kiến cố, thị cố danh vi nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh.

善男子。譬如有王告一大臣。汝牽一象以示盲者。爾時大臣受王敕已。多集眾盲以象示之。時彼眾盲各以手觸。大臣即還而白王言。臣已示竟。爾時大王。即喚眾盲各各問言。汝見象耶。眾盲各言。我已得見。王言。象為何類。

其觸牙者即言象形如蘆菹根。其觸耳者言象如箕。其觸頭者言象如石。其觸鼻者言象如杵。其觸腳者言象如木白。其觸背者言象如牀。其觸腹者言象如甕。其觸尾者言象如繩。

善男子。如彼眾盲不說象體亦非不說。若是眾相悉非象者。離是之外更無別象。

善男子。王喻如來正遍知也。臣喻方等大涅槃經。象喻佛性。盲喻一切無明眾生。

是諸眾生聞佛說已。或作是言色是佛性。何以故。是色雖滅次第相續。是故獲得無上如來三十二相如來色常。如來色者常不斷故。是故說色名為佛性。譬如真金質雖遷變色常不異。或時作釧，作鏡，作盤。然其黃色初無改易。眾生佛性亦復如是質雖無常而色是常。以是故說色為佛性。

或有說言受是佛性。何以故。受因緣故獲得如來真實之樂。如來受者謂畢竟受第一義受。眾生受

Thiện nam tử! Thí như hữu vương cáo nhất đại thần: Nữ khiên nhất tượng, dĩ thị manh giả. Nhi thời đại thần thọ vương sắc dĩ, đa tập chúng manh, dĩ tượng thị chi. Thời bỉ chúng manh các dĩ thủ xúc. Đại thần tức hoàn, nhi bạch vương ngôn: Thần dĩ thị cánh. Nhi thời, đại vương tức hoán chúng manh, các các vấn ngôn: Nữ kiến tượng da? Chúng manh các ngôn: Ngã dĩ đắc kiến. Vương ngôn: Tượng vi hà loại?

Kỳ xúc nha giả, tức ngôn: Tượng hình như lô phục căn. Kỳ xúc nhĩ giả, ngôn: Tượng như ky. Kỳ xúc đầu giả, ngôn: Tượng như thạch. Kỳ xúc tị giả, ngôn: Tượng như chủ. Kỳ xúc cước giả, ngôn: Tượng như mộc cữu. Kỳ xúc bối giả, ngôn: Tượng như sàng. Kỳ xúc phúc giả, ngôn: Tượng như ủng. Kỳ xúc vĩ giả, ngôn: Tượng như thang.

Thiện nam tử! Như bỉ chúng manh bất thuyết tượng thể, diệc phi bất thuyết. Nhược thị chúng tướng tất phi tượng giả, ly thị chi ngoại, cánh vô biệt tượng.

Thiện nam tử! Vương, dụ Như Lai, Chánh biến tri dã. Thần, dụ Phương đẳng Đại Niết-bàn kinh. Tượng, dụ Phật tánh. Manh, dụ nhất thiết vô minh chúng sanh.

Thị chư chúng sanh, văn Phật thuyết dĩ, hoặc tác thị ngôn: sắc thị Phật tánh. Hà dĩ cố? Thị sắc tuy diệt, thứ đệ tương tục; thị cố hoạch đắc vô thượng Như Lai tam thập nhị tướng. Như Lai sắc thường. Như Lai sắc giả, thường bất đoạn cố, thị cố thuyết sắc danh vi Phật tánh. Thí như chân kim, chất tuy thiên biến, sắc thường bất dị, hoặc thời tác xuyên, tác bê, tác bàn; nhiên kỳ hoàng sắc, sơ vô cải dịch. chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị, chất tuy vô thường, nhi sắc thị thường. Dĩ thị cố thuyết: Sắc vi Phật tánh.

Hoặc hữu thuyết ngôn: Thọ thị Phật tánh. Hà dĩ cố? Thọ nhân duyên cố, hoạch đắc Như Lai chân thật chi lạc. Như Lai thọ giả, vị tất cánh thọ, đệ nhất nghĩa thọ. Chúng sanh thọ

性雖復無常。然其次第相續不斷。是故獲得如來常受。譬如有人姓憍尸迦。人雖無常而姓是常。經千萬世無有改易。眾生佛性亦復如是。以是故說受為佛性。

又有說言想是佛性。何以故。想因緣故獲得如來真實之想。如來想者名無想想。無想想者非眾生想非男女想。亦非色受想行識想非想斷想。眾生之想雖復無常。以想次第相續不斷。故得如來常恒之想。善男子。譬如眾生十二因緣。眾生雖滅而因緣常。眾生佛性亦復如是。以是故說想為佛性。

又有說言行為佛性。何以故。行名壽命壽因緣故。獲得如來常住壽命。眾生壽命雖復無常。而壽次第相續不斷。故得如來真實常壽。善男子。譬如十二部經。聽者說者雖復無常。而是經典常存不變。眾生佛性亦復如是。以是故說行為佛性。

又有說言識為佛性。何以故。識因緣故獲得如來平等之心。眾生意識雖復無常。而識次第相續不斷。故得如來真實常心。如火熱性火雖無常熱非無常。眾生佛性亦復如是。以是故說識為佛性。

tánh tuy phục vô thường, nhiên kỳ thứ đệ tương tục bất đoạn; thị cố hoạch đắc Như Lai thường thọ. Thí như hữu nhân, tánh Kiều-thi-ca. Nhân tuy vô thường, nhi tánh thị thường: kinh thiên vạn thế, vô hữu cải dịch. Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị; Dĩ thị cố thuyết: Thọ vi Phật tánh.

Hựu hữu thuyết ngôn: Tưởng thị Phật tánh. Hà dĩ cố? Tưởng nhân duyên cố, hoạch đắc Như Lai chân thật chi tưởng. Như Lai tưởng giả, danh vô tưởng tưởng. Vô tưởng tưởng giả, phi chúng sanh tưởng, phi nam nữ tưởng; diệc phi sắc, thọ, tưởng, hành, thức tưởng; phi tưởng đoạn tưởng. Chúng sanh chi tưởng tuy phục vô thường, dĩ tưởng thứ đệ tương tục bất đoạn; cố đắc Như Lai thường hằng chi tưởng. Thiện nam tử! Thí như chúng sanh Thập nhị nhân duyên. Chúng sanh tuy diệt, nhi nhân duyên thường. Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị; dĩ thị cố thuyết: Tưởng vi Phật tánh.

Hựu hữu thuyết ngôn: Hành vi Phật tánh. Hà dĩ cố? Hành danh thọ mạng. Thọ nhân duyên cố, hoạch đắc Như Lai thường trụ thọ mạng. Chúng sanh thọ mạng tuy phục vô thường, nhi thọ thứ đệ tương tục bất đoạn, cố đắc Như Lai chân thật thường thọ. Thiện nam tử! Thí như Thập nhị bộ kinh; tính giả, thuyết giả tuy phục vô thường, nhi thị kinh điển thường tồn bất biến. Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị; dĩ thị cố thuyết: Hành vi Phật tánh.

Hựu hữu thuyết ngôn: Thức vi Phật tánh. Hà dĩ cố? Thức nhân duyên cố, hoạch đắc Như Lai bình đẳng chi tâm. Chúng sanh ý thức tuy phục vô thường, nhi thức thứ đệ tương tục bất đoạn; cố đắc Như Lai chân thật thường tâm. Như hỏa, nhiệt tánh; hỏa tuy vô thường, nhiệt phi vô thường. Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị. Dĩ thị cố thuyết: Thức vi Phật tánh.



又有說言離陰有我我是佛性。何以故。我因緣故獲得如來八自在我。有諸外道說言。去來，見聞，悲喜，語說，為我。如是我相雖復無常，而如來我真實是常。

善男子。如陰入界雖復無常而名是常。眾生佛性亦復如是。

善男子。如彼盲人各各說象。雖不得實非不說象。說佛性者亦復如是。非即六法不離六法。善男子。是故我說眾生佛性非色不離色。乃至非我不離我。

善男子。有諸外道雖說有我而實無我。眾生我者即是五陰。離陰之外更無別我。

善男子。譬如莖葉鬚臺合為蓮花。離是之外更無別花。眾生我者亦復如是。

善男子。譬如牆壁草木和合名之為舍。離是之外更無別舍。

如佉陀羅樹波羅奢樹尼拘陀樹鬱曇鉢樹和合為林。離是之外更無別林。

譬如車兵象馬步兵和合為軍。離是之外更無別軍。

譬如五色雜線和合名之為綺。離是之外更無別綺。如四姓和合名為大眾。離是之外更無別眾。眾生我者亦復如是。離五陰外更無別我。

Hữu hữu thuyết ngôn: Ly âm hữu ngã. Ngã thị Phật tánh. Hà dĩ cố? Ngã nhân duyên cố, hoạch đắc Như Lai Bát tự tại ngã. Hữu chư ngoại đạo thuyết ngôn: khứ lai, kiến văn, bi hỷ, ngũ thuyết vi ngã. Như thị ngã tướng tuy phục vô thường, nhi Như Lai ngã chân thật thị thường.

Thiện nam tử! Như âm, nhập, giới tuy phục vô thường, nhi danh thị thường. Chúng sanh Phật tánh diệt phục như thị.

Thiện nam tử! Như bỉ manh nhân, các các thuyết tượng. Tuy bất đắc thật, phi bất thuyết tượng. Thuyết Phật tánh giả diệt phục như thị; phi tức lục pháp, bất ly lục pháp. Thiện nam tử! Thị cố ngã thuyết chúng sanh Phật tánh phi sắc, bất ly sắc, nãi chí phi ngã, bất ly ngã.

Thiện nam tử! Hữu chư ngoại đạo tuy thuyết hữu ngã, nhi thật vô ngã. Chúng sanh ngã giả tức thị ngũ âm; ly âm chi ngoại, cánh vô biệt ngã.

Thiện nam tử! Thí như hành, điệp, tu, dài hiệp vi liên hoa; ly thị chi ngoại, cánh vô biệt hoa. Chúng sanh ngã giả diệt phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như tường bích, thảo mộc hòa hiệp, danh chi vi xá; ly thị chi ngoại, cánh vô biệt xá.

Như khư-đà-la thọ, ba-la-xa thọ, ni-câu-đà thọ, uất-đàm-bát thọ hòa hiệp vi lâm; ly thị chi ngoại, cánh vô biệt lâm.

Thí như xa binh, tượng, mã, bộ binh hòa hiệp vi quân; ly thị chi ngoại, cánh vô biệt quân.

Thí như ngũ sắc tạp tuyến hòa hiệp, danh chi vi y; ly thị chi ngoại, cánh vô biệt y. Như tứ tánh hòa hiệp, danh vi đại chúng; ly thị chi ngoại, cánh vô biệt Chúng. Chúng sanh ngã giả diệt phục như thị; ly ngũ âm ngoại, cánh vô biệt ngã.

善男子。如來常住則名為我。如來法身無邊無礙不生不滅。得八自在是名為我。眾生真實無如是我及以我所。但以必定當得畢竟第一義空故名佛性。

善男子。大慈大悲名為佛性。何以故。大慈大悲常隨菩薩如影隨形。一切眾生必定當得大慈大悲。是故說言一切眾生悉有佛性。大慈大悲者名為佛性。佛性者名為如來。

大喜大捨名為佛性。何以故。菩薩摩訶薩若不能捨二十五有。則不能得阿耨多羅三藐三菩提。以諸眾生必當得故。是故說言一切眾生悉有佛性。大喜大捨者即是佛性。佛性者即是如來。

大信心者名為佛性。何以故。以信心故菩薩摩訶薩則能具足檀波羅蜜乃至般若波羅蜜。一切眾生必定當得大信心故。是故說言一切眾生悉有佛性。大信心者即是佛性。佛性者即是如來。

一子地者名為佛性。何以故。以一子地因緣故。菩薩則於一切眾生得平等心。一切眾生必定當得一子地故。是故說言一切眾生悉有佛性。一子地者即是佛性。佛性者即是如來。

第四力者名為佛性。何以故。以第四力因緣故。菩薩則能教化眾生。一切眾生必定當得第四力

Thiện nam tử! Như Lai thường trụ, tác danh vi ngã. Như Lai Pháp thân, vô biên, vô ngại, bất sanh, bất diệt, đắc Bát tự tại, thị danh vi ngã. Chúng sanh chân thật vô như thị ngã cập dĩ ngã sở. Đản dĩ tất định đương đắc tất cánh Đệ nhất nghĩa không, cố danh Phật tánh.

Thiện nam tử! Đại từ, đại bi, danh vi Phật tánh. Hà dĩ cố? Đại từ, đại bi thường tùy Bồ Tát, như ảnh tùy hình. Nhất thiết chúng sanh tất định đương đắc đại từ đại bi; thị cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Đại từ đại bi giả, danh vi Phật tánh. Phật tánh giả, danh vi Như Lai.

Đại hỷ Đại xả, danh vi Phật tánh. Hà dĩ cố? Bồ Tát ma-ha-tát nhược bất năng xả Nhị thập ngũ hữu, tác bất năng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Dĩ chư chúng sanh tất đương đắc cố, thị cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Đại hỷ Đại xả giả, tức thị Phật tánh. Phật tánh giả, tức thị Như Lai.

Đại tín tâm giả, danh vi Phật tánh. Hà dĩ cố? Dĩ tín tâm cố, Bồ Tát ma-ha-tát tác năng cụ túc đàn Ba-la-mật nãi chí Bát-nhã Ba-la-mật. Nhất thiết chúng sanh tất định đương đắc đại tín tâm cố, thị cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Đại tín tâm giả, tức thị Phật tánh. Phật tánh giả, tức thị Như Lai.

Nhất tử địa giả, danh vi Phật tánh. Hà dĩ cố? Dĩ nhất tử địa nhân duyên cố, Bồ Tát tác ư nhất thiết chúng sanh, đắc bình đẳng tâm. Nhất thiết chúng sanh tất định đương đắc Nhất tử địa cố, thị cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Nhất tử địa giả, tức thị Phật tánh. Phật tánh giả, tức thị Như Lai.

Đệ tứ lực giả, danh vi Phật tánh. Hà dĩ cố? Dĩ đệ tứ lực nhân duyên cố, Bồ Tát tác năng giáo hóa chúng sanh. Nhất

故。是故說言一切眾生悉有佛性。第四力者即是佛性。佛性者即是如來。

十二因緣名為佛性。何以故。以因緣故如來常住一切眾生定有如是十二因緣。是故說言一切眾生悉有佛性。十二因緣即是佛性。佛性者即是如來。

四無礙智名為佛性。何以故。以四無礙因緣故說字義無礙。字義無礙故能化眾生。四無礙者即是佛性。佛性者即是如來。

頂三昧者名為佛性。何以故。以修如是頂三昧故。則能總攝一切佛法。是故說言頂三昧者名為佛性。十住菩薩修是三昧未得具足。雖見佛性而不明了。一切眾生必定得故。是故說言一切眾生悉有佛性。

善男子。如上所說種種諸法。一切眾生定當得故。是故說言一切眾生悉有佛性。

善男子。我若說色是佛性者。眾生聞已則生邪倒。以邪倒故命終則生阿鼻地獄。如來說法為斷地獄。是故不說色是佛性。乃至說識亦復如是。

善男子。若諸眾生了佛性者則不須修道。十住菩薩修八聖道少見佛性。況不修者而得見耶。

thiết chúng sanh tất định đương đắc Đệ nhất lục cố, thị cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Đệ tứ lục giả, tức thị Phật tánh. Phật tánh giả, tức thị Như Lai.

Thập nhị nhân duyên, danh vi Phật tánh. Hà dĩ cố? Dĩ nhân duyên cố, Như Lai thường trụ. Nhất thiết chúng sanh định hữu như thị Thập nhị nhân duyên, thị cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Thập nhị nhân duyên, tức thị Phật tánh. Phật tánh giả, tức thị Như Lai.

Tứ vô ngại trí, danh vi Phật tánh. Hà dĩ cố? Dĩ tứ vô ngại nhân duyên cố, thuyết tự nghĩa vô ngại. Tự nghĩa vô ngại cố, năng hóa chúng sanh. Tứ vô ngại giả, tức thị Phật tánh. Phật tánh giả, tức thị Như Lai.

Đỉnh tam-muội giả, danh vi Phật tánh. Hà dĩ cố? Dĩ tu như thị đỉnh tam-muội cố, tác năng tổng nhiếp nhất thiết Phật Pháp, thị cố thuyết ngôn Đỉnh tam-muội giả danh vi Phật tánh. Thập trụ Bồ Tát tu thị tam-muội, vị đắc cụ túc, tuy kiến Phật tánh, nhi bất minh liễu. Nhất thiết chúng sanh tất định đắc cố, thị cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh.

Thiện nam tử! Như thượng sở thuyết chủng chủng chư pháp, nhất thiết chúng sanh định đương đắc cố, thị cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh.

Thiện nam tử! Ngã nhược thuyết sắc thị Phật tánh giả, chúng sanh văn dĩ, tác sanh tà đảo. Dĩ tà đảo cố, mạng chung tác sanh A-tỳ địa ngục. Như Lai thuyết pháp, vị đoạn địa ngục, thị cố bất thuyết sắc thị Phật tánh; nãi chí thuyết thức, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Nhược chư chúng sanh liễu Phật tánh giả, tác bất tu tu đạo. Thập trụ Bồ Tát tu Bát Thánh đạo, thiếu kiến Phật tánh; huống bất tu giả, nhi đắc kiến da?

善男子。如文殊師利諸菩薩等已無量世修習聖道了知佛性。云何聲聞辟支佛等能知佛性。若諸眾生欲得了知佛性者。應當一心受持讀誦書寫解說供養恭敬尊重讚歎是涅槃經。見有受持乃至讚歎如是經者。應當以好房舍衣服飲食臥具病瘦醫藥而供給之。兼復讚歎禮拜問訊。

善男子。若有已於過去無量無邊世中。親近供養無量諸佛深種善根。然後乃得聞是經名。

善男子。佛性不可思議。佛法僧寶亦不可思議。一切眾生悉有佛性而不能知是亦不可思議。如來常樂我淨之法亦不可思議。一切眾生能信如是大涅槃經亦不可思議。

師子吼菩薩言。世尊。如佛所說一切眾生能信如是大涅槃經不可思議者。

世尊。是大眾中有八萬五千億人。於是經中不生信心。是故有能信是經者。名不可思議。

善男子。如是諸人於未來世亦當定得信是經典。見於佛性得阿耨多羅三藐三菩提。

師子吼言。世尊。云何不退菩薩自知決定有不退心。

佛言。善男子。菩薩摩訶薩當以苦行自試其

Thiện nam tử! Như Văn-thù-sư-lợi, chư Bồ Tát đẳng dĩ vô lượng thế, tu tập Thánh đạo, liễu tri Phật tánh. Vân hà Thanh văn, Bích-chi Phật đẳng năng tri Phật tánh? Nhược chư chúng sanh dục đắc liễu tri Phật tánh giả, ưng đương nhất tâm thọ trì, độc tụng, thơ tả, giải thuyết, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán thị Niết-bàn kinh. Kiến hữu thọ trì nãi chí tán thán như thị kinh giả, ưng đương dĩ hảo phòng xá, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, bệnh sấu y dược nhi cung cấp chi; kiêm phục tán thán, lễ bái, vấn tán.

Thiện nam tử! Nhược hữu dĩ ư quá khứ vô lượng vô biên thế trung, thân cận cúng dường vô lượng chư Phật, thâm chủng thiện căn, nhiên hậu nãi đắc văn thị kinh danh.

Thiện nam tử! Phật tánh bất khả tư nghị. Phật, Pháp, Tăng bảo diệc bất khả tư nghị. Nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh, nhi bất năng tri, thị diệc bất khả tư nghị. Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh chi pháp diệc bất khả tư nghị. Nhất thiết chúng sanh năng tín như thị Đại Niết-bàn kinh, diệc bất khả tư nghị.

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết: Nhất thiết chúng sanh năng tín như thị Đại Niết-bàn kinh, diệc bất khả tư nghị giả.

Thế Tôn! Thị đại chúng trung, hữu bát vạn ngũ thiên ức nhân, ư thị kinh trung, bất sanh tín tâm. Thị cố hữu năng tín thị kinh giả, danh bất khả tư nghị.

Thiện nam tử! Như thị chư nhân, ư vị lai thế, diệc đương định đắc tín thị kinh điển, kiến ư Phật tánh, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Vân hà bất thối Bồ Tát tự tri quyết định hữu bất thối tâm?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát đương dĩ khổ hạnh, tự thí kỳ tâm: Nhật thực nhất hồ ma, kinh nhất thất



心。日食一胡麻經一七日。粳米菽豆麻子粟米及以白豆亦復如是。各一七日。食一麻時作是思惟。如是苦行都無利益。無利益事尚能為之。況有利益而當不作。於無利益心能堪忍不退不轉。是故定得阿耨多羅三藐三菩提。如是等日修苦行時。一切皮肉消瘦皺減如斷生瓠置之日中。其目卻陷如井底星。肉盡肋出如朽草屋。脊骨連現如重線搏。所坐之處如馬蹄跡。欲坐則伏欲起則偃。雖受如是無利益苦。然不退於菩提之心。

復次善男子。菩薩摩訶薩為破眾苦施安樂故。乃至能捨內外財物及其身命如棄芻草。若能不惜是身命者。如是菩薩自知必定有不退心。我定當得阿耨多羅三藐三菩提。

復次菩薩為法因緣。剝身為燈，疊纏皮肉酥油灌之燒以為炷。菩薩爾時受是大苦。自呵其心而作是言。如是苦者於地獄苦。百千萬分未是一分。汝於無量百千劫中受大苦惱都無利益。汝若不能受是輕苦。云何而能於地獄中救苦眾生。菩薩摩訶薩作是觀時身不覺苦。其心不退不動不轉。菩薩爾時應深自知。我定當得阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。菩薩爾時具足煩惱未有斷者。為法因緣能以頭目髓腦手足血肉施人。以釘釘身投巖赴

nhật; canh mẽ, lục đậu, ma tử, túc mẽ cập dĩ bạch đậu, diệc phục như thị. Các nhất thất nhật, thực nhất ma thời, tác thị tư duy: Như thị khổ hạnh, đô vô lợi ích. Vô lợi ích sự, thượng năng vi chi. Huống hữu lợi ích, nhi đương bất tác? Ư vô lợi ích, tâm năng kham nhẫn, bất thối bất chuyển. Thị cố định đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Như thị đẳng nhật, tu khổ hạnh thời, nhất thiết bì nhục tiêu sấu trừu giảm, như đoạn sanh hồ, trí chi nhật trung. Kỳ mục khước hãm, như tỉnh đễ tinh. Nhục tận, lạc xuất, như hủ thảo ốc. Tích cốt liên hiện, như trọng tuyến đoàn. Sở tọa chi xứ, như mã đề tích. Dục tọa, tác phục; dục khởi, tác yển. Tuy thọ như thị vô lợi ích khổ, nhiên bất thối ư Bồ-đề chi tâm.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, vị phá chúng khổ, thí an lạc cố, nãi chí năng xả nội ngoại tài vật cập kỳ thân mạng, như khí sô thảo. Nhược năng bất tích thị thân mạng giả, như thị Bồ Tát tự tri tất định hữu bất thối tâm: Ngã định đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phục thứ, Bồ Tát vị pháp nhân duyên, oan thân vi đặng, điệp triển bì nhục, tô du quán chi, thiêu dĩ vi chú. Bồ Tát nhĩ thời thọ thị đại khổ, tự ha kỳ tâm, nhi tác thị ngôn: Như thị khổ giả, ư địa ngục khổ, bá thiên vạn phần, vị thị nhất phần. Nhữ ư vô lượng bá thiên kiếp trung, thọ đại khổ não, đô vô lợi ích. Như nhược bất năng thọ thị khinh khổ, vân hà nhi năng ư địa ngục trung, cứu khổ chúng sanh? Bồ Tát ma-ha-tát, tác thị quán thời, thân bất giác khổ; kỳ tâm bất thối, bất động bất chuyển. Bồ Tát nhĩ thời ưng thâm tự tri: Ngã định đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Bồ Tát nhĩ thời cụ túc phiền não; vị hữu đoạn giả, vị pháp nhân duyên, năng dĩ đầu mục, tủy não, thủ

火。菩薩爾時雖受如是無量眾苦。若心不退不動不轉。菩薩當知我今定有不退之心。當得阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。菩薩摩訶薩為破一切眾生苦惱。願作麤大畜生之身。以身血肉施於眾生。眾生取時復生憐愍。菩薩爾時閉氣不喘示作死相。令彼取者不生殺害疑網之想。菩薩雖受畜生之身。終不造作畜生之業。何以故。善男子。菩薩既得不退心已。終不造作三惡道業。

菩薩摩訶薩若未來世有微塵等惡業果報不定受者。以大願力為眾生故而悉受之。譬如病人為鬼所著藏隱身中。以咒術力故即時相現。或語或喜或瞋或罵或啼或哭菩薩摩訶薩未來之世三惡道業亦復如是。

菩薩摩訶薩受熊身時。常為眾生演說正法。或受迦賓闍羅鳥身。為諸眾生說正法故。受瞿陀身, 鹿身, 兔身, 象身, 羖羊, 獼猴, 白鴿, 金翅鳥, 龍蛇之身。受如是等畜生身時。終不造作畜生惡業。常為其餘畜生眾生演說正法。令彼聞法速得轉離畜生身故。菩薩爾時雖受畜生身不作惡業。當知必定有不退心。

菩薩摩訶薩於飢饉世見餓眾生。作龜魚身無量由延復作是願。願諸眾生取我肉時隨取隨生。因食

túc, huyết nhục thí nhân; dĩ đĩnh đĩnh thân, đầu nham phó hỏa. Bồ Tát nhĩ thời tuy thọ như thị vô lượng chúng khổ, nhược tâm bất thối, bất động, bất chuyển, Bồ Tát đương tri: Ngã kim đĩnh hữu bất thối chi tâm, đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, vị phá nhất thiết chúng sanh khổ não, nguyện tác thô đại súc sanh chi thân, dĩ thân huyết nhục, thí ư chúng sanh. Chúng sanh thủ thời, phục sanh lân mẫn. Bồ Tát nhĩ thời bế khí bất suyễn, thị tác tử tướng, linh bỉ thủ giả bất sanh sát hại nghi võng chi tướng. Bồ Tát tuy thọ súc sanh chi thân, chung bất tạo tác súc sanh chi nghiệp. Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Bồ Tát ký đắc bất thối tâm dĩ, chung bất tạo tác tam ác đạo nghiệp.

Bồ Tát ma-ha-tát nhược vị lai thế, hữu vi trần đẳng ác nghiệp quả báo, bất đĩnh thọ giả; dĩ đại nguyện lực, vị chúng sanh cố, nhi tất thọ chi. Thí như bệnh nhân, vi quỷ sở trước, tàng ẩn thân trung. Dĩ chú thuật lực cố, túc thời tướng hiện: hoặc ngũ, hoặc hỷ, hoặc sân, hoặc mạ, hoặc đê, hoặc khóc. Bồ Tát ma-ha-tát, vị lai chi thế, tam ác đạo nghiệp diệc phục như thị.

Bồ Tát ma-ha-tát, thọ hùng thân thời, thường vị chúng sanh, diễn thuyết Chánh pháp. Hoặc thọ ca-tân-xà-la điều thân, vị chư chúng sanh, thuyết Chánh pháp cố. Thọ cồ-đa thân, lộc thân, thỏ thân, tượng thân, cổ dương, di hầu, bạch cáp, kim sí điều, long, xà chi thân. Thọ như thị đẳng súc sanh thân thời, chung bất tạo tác súc sanh ác nghiệp; thường vị kỳ dư súc sanh chúng sanh diễn thuyết Chánh pháp, linh bỉ văn pháp, tốc đắc chuyển ly súc sanh thân cố. Bồ Tát nhĩ thời tuy thọ súc sanh thân, bất tác ác nghiệp đương tri tất đĩnh hữu bất thối tâm.

Bồ Tát ma-ha-tát ư cơ căn thế, kiến nạ chúng sanh, tác quy, ngư thân, vô lượng do diên. Phục tác thị nguyện: Nguyện chư chúng sanh, thủ ngã nhục thời, tùy thủ tùy sanh; nhân

我肉離飢渴苦。一切悉發阿耨多羅三藐三菩提心。菩薩發願若有因我離飢渴者。未來之世速得遠離二十五有飢渴之患菩薩摩訶薩受如是苦心不退者。當知必定得阿耨多羅三藐三菩提。

復次菩薩於疾疫世見病苦者作是思惟。如藥樹王若有病者。取根取莖取枝取葉取花取果取皮取膚悉得愈病。願我此身亦復如是。若有病者聞聲觸身。服食血肉乃至骨髓病悉除愈。願諸眾生食我肉時不生惡心如食子肉。我治病已常為說法。願彼信受思惟轉教。

復次善男子。菩薩具足煩惱雖受身苦。其心不退不動不轉。當知必定得不退心成阿耨多羅三藐三菩提。

復次善男子。若有眾生為鬼所病。菩薩見已即作是言。願作鬼身大身健身多眷屬身。使彼聞見病得除愈。菩薩摩訶薩為眾生故勤修苦行。雖有煩惱不污其心。

復次善男子。菩薩摩訶薩雖復修行六波羅蜜。亦不求於六波羅蜜果。修行無上六波羅蜜時作是願言。我今以此六波羅蜜施一切眾生。一一眾生受我施已悉令得成阿耨多羅三藐三菩提。我亦自為六波羅蜜勤

thực ngã nhục, ly cơ khát khổ! Nhất thiết tất phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm! Bồ Tát phát nguyện: Nhược hữu nhân ngã, ly cơ khát giả, vị lai chi thế, tốc đắc viễn ly Nhị thập ngũ hữu cơ khát chi hoạn! Bồ Tát ma-ha-tát, thọ như thị khổ, tâm bất thối giả, đương tri tất định đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phục thứ, Bồ Tát ư tạt dịch thế, kiến bệnh khổ giả, tác thị tư duy: Như dược thọ vương, nhược hữu bệnh giả, thủ căn, thủ hành, thủ chi, thủ diệp, thủ hoa, thủ quả, thủ bì, thủ phu; tất đắc dữ bệnh. Nguyện ngã thủ thân diệp phục như thị! Nhược hữu bệnh giả văn thanh, xúc thân, phục thực huyết nhục nãi chí cốt tủy, bệnh tất trừ dữ. Nguyện chư chúng sanh, thực ngã nhục thời, bất sanh ác tâm, như thực tử nhục! Ngã trị bệnh dĩ, thường vị thuyết pháp. Nguyện bỉ tín thọ, tư duy, chuyển giáo!

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát cụ túc phiền não, tuy thọ thân khổ, kỳ tâm bất thối, bất động, bất chuyển. Đương tri tất định đắc bất thối tâm, thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh vi quỷ sở bệnh, Bồ Tát kiến dĩ, tức tác thị ngôn: Nguyện tác quỷ thân, đại thân, kiện thân, đa quyến thuộc thân, sử bỉ văn kiến, bệnh đắc trừ dữ! Bồ Tát ma-ha-tát, vị chúng sanh cố, cần tu khổ hạnh; tuy hữu phiền não, bất ô kỳ tâm.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, tuy phục tu hành lục Ba-la-mật, diệp bất cầu ư lục Ba-la-mật quả. Tu hành vô thượng lục Ba-la-mật thời, tác thị nguyện ngôn: Ngã kim dĩ thủ lục Ba-la-mật, thí nhất thiết chúng sanh. Nhất nhất chúng sanh, thọ ngã thí dĩ, tất linh đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Ngã diệp tự vị lục Ba-la-mật, cần tu khổ hạnh, thọ chư khổ não. Đương thọ khổ thời, nguyện ngã



修苦行受諸苦惱。當受苦時願我不退菩提之心。善男子。菩薩摩訶薩作是觀時。是名不退菩提之相。

復次善男子。菩薩摩訶薩不可思議。何以故。菩薩摩訶薩深知生死多諸罪過。觀大涅槃有大功德。為諸眾生處在生死受種種苦心無退轉。是名菩薩不可思議。

復次善男子。菩薩摩訶薩無有因緣而生憐愍。實不受恩而常施恩。雖施於恩而不求報。是故復名不可思議。

復次善男子。或有眾生為自利益修諸苦行。菩薩摩訶薩為利他故修行苦行是名自利。是故復名不可思議。

復次菩薩具足煩惱為壞怨親所受諸苦修平等心。是故復名不可思議。

復次菩薩若見諸惡不善眾生。若訶責若軟語若驅擯若捨之。有惡性者現為軟語。有憍慢者現為大慢。而其內心實無憍慢。是名菩薩方便不可思議。

復次菩薩具足煩惱少財物時。而求者多心不迕小。是名菩薩不可思議。

復次菩薩於佛出時知佛功德。為眾生故於無佛處受邊地身。如盲如聾如跛如瘓。是名菩薩不可思議。

bất thối Bồ-đề chi tâm! Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, tác thị quán thời, thị danh bất thối Bồ-đề chi tướng.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, bất khả tư nghị. Hà dĩ cố? Bồ Tát ma-ha-tát, thâm tri sanh tử đa chư tội quá, quan Đại Niết-bàn hữu đại công đức, vị chư chúng sanh, xử tại sanh tử, thọ chủng chủng khổ, tâm vô thối chuyển. Thị danh Bồ Tát bất khả tư nghị.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, vô hữu nhân duyên, nhi sanh lân mẫn; thật bất thọ ân, nhi thường thi ân. Tuy thí ư ân, nhi bất cầu báo. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Phục thứ, thiện nam tử! Hoặc hữu chúng sanh, vị tự lợi ích, tu chư khổ hạnh. Bồ Tát ma-ha-tát, vị lợi tha cố, tu hành khổ hạnh. Thị danh tự lợi. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Phục thứ, Bồ Tát cụ túc phiền não, vị hoại oán thân sở thọ chư khổ, tu bình đẳng tâm. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Phục thứ, Bồ Tát nhược kiến chư ác bất thiện chúng sanh, nhược ha trách, nhược nhuỷ ngữ, nhược khu tận, nhược xả chi. Hữu ác tánh giả, hiện vi nhuỷ ngữ. Hữu kiêu mạn giả, hiện vi đại mạn; nhi kỳ nội tâm, thật vô kiêu mạn. Thị danh Bồ Tát phương tiện bất khả tư nghị.

Phục thứ, Bồ Tát cụ túc phiền não, thiếu tài vật thời, nhi cầu giả đa, tâm bất tạc tiểu. Thị danh Bồ Tát bất khả tư nghị.

Phục thứ, Bồ Tát ư Phật xuất thời, tri Phật công đức. Vị chúng sanh cố, ư vô Phật xứ, thọ biên địa thân, như manh, như lung, như phả, như tích. Thị danh Bồ Tát bất khả tư nghị.



復次菩薩深知眾生所有罪過。為度脫故常與共行。雖隨其意罪垢不污。是故復名不可思議。

復次菩薩了了知見無眾生相無煩惱污無修習道離煩惱者。雖為菩提無菩提行。亦無成就菩提行者。無有受苦及破苦者。而亦能為眾生壞苦行菩提行。是故復名不可思議。

復次菩薩受後邊身處兜率天。是亦名為不可思議。何以故。兜率陀天欲界中勝。在下天者其心放逸。在上天者諸根闇鈍是故名勝。修施修戒得上下身。修施戒定得兜率身。一切菩薩毀此諸有破壞諸有終不造作兜率天業受彼天身。何以故。菩薩若處其餘諸有。亦能教化成就眾生。實無欲心而生欲界。是故復名不可思議。

菩薩摩訶薩生兜率天有三事勝。一者命。二者色。三者名。菩薩摩訶薩實不求於命色名稱。雖無求心而所得勝。菩薩摩訶薩深樂涅槃然有因緣三事亦勝。是故復名不可思議。

菩薩摩訶薩如是三事雖勝諸天。而諸天等於菩薩所。終不生於瞋心妒心憍慢之心常生喜心。菩薩於天亦不憍慢。是故復名不可思議。

Phục thứ, Bồ Tát thâm tri chúng sanh sở hữu tội quá. Vị độ thoát cố, thường dữ cộng hành. Tuy tùy kỳ ý, tội cấu bất ô. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Phục thứ, Bồ Tát liễu liễu tri kiến: Vô chúng sanh tướng, vô phiền não ô; vô tu tập đạo ly phiền não giả. Tuy vi Bồ-đề, vô Bồ-đề hạnh, diệt vô thành tựu Bồ-đề hạnh giả; vô hữu thọ khổ cập phá khổ giả; nhi diệt năng vị chúng sanh, hoại khổ, hành Bồ-đề hạnh. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Phục thứ, Bồ Tát thọ hậu biên thân, xứ Đâu-suất thiên, thị diệt danh vi bất khả tư nghị. Hà dĩ cố? Đâu-suất-đà Thiên, Dục giới trung thắng. Tại hạ thiên giả, kỳ tâm phóng dật, tại thượng thiên giả, chư căn ám độn. Thị cố danh thắng, tu thí, tu giới, đắc thượng, hạ thân. Tu thí, giới, định, đắc Đâu-suất thân. Nhất thiết Bồ Tát, hủy thử chư hữu, phá hoại chư hữu, chung bất tạo tác Đâu-suất thiên nghiệp, thọ bỉ thiên thân. Hà dĩ cố? Bồ Tát nhược xứ kỳ dư chư hữu, diệt năng giáo hóa thành tựu chúng sanh. Thật vô dục tâm, nhi sanh Dục giới. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Bồ Tát ma-ha-tát, sanh Đâu-suất thiên, hữu tam sự thắng: nhất giả mạng, nhị giả sắc, tam giả danh. Bồ Tát ma-ha-tát thật bất cầu ư mạng, sắc, danh xưng. Tuy vô cầu tâm, nhi sở đắc thắng. Bồ Tát ma-ha-tát thâm nhạo Niết-bàn, nhiên hữu nhân duyên, tam sự diệt thắng. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Bồ Tát ma-ha-tát, như thị tam sự, tuy thắng chư thiên, nhi chư thiên đẳng, ư Bồ Tát sở chung bất sanh ư sân tâm, đố tâm, kiêu mạn chi tâm; thường sanh hỷ tâm. Bồ Tát ư thiên, diệt bất kiêu mạn. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

菩薩摩訶薩不造命業而於彼天畢竟壽命。是名命勝。亦無色業而妙色身光明遍滿。是名色勝。菩薩摩訶薩處彼天宮不樂五欲唯為法事。是故名稱充滿十方。是名名勝。是故復名不可思議。

菩薩摩訶薩下兜率天。是時大地六種震動。是故復名不可思議。何以故。菩薩下時欲色諸天悉來侍送發大音聲讚歎菩薩。以口風氣故令地動。復有菩薩人中象王人中象王名為龍王。龍王初入胎時有諸龍王在此地下或怖或喜。是故大地六種震動。是故復名不可思議。

菩薩摩訶薩知入胎時住時出時。知父知母。不淨不污如帝釋髻青色寶珠。是故復名不可思議。

善男子。大涅槃經亦復如是不可思議。

善男子。譬如大海有八不可思議。何等為八。一者漸漸轉深。二者深難得底。三者同一鹹味。四者潮不過限。五者有種種寶藏。六者大身眾生在彼居住。七者不宿死屍。八者一切萬流大雨投之不增不減。

善男子。漸漸轉深有三事。何等三。一者眾生福力。二者順風而行。三者河水入故。乃至不增不減亦各有三。

Bồ Tát ma-ha-tát bất tạo mạng nghiệp; nhi ư bỉ thiên, tất cánh thọ mạng; thị danh mạng thắng. Diệc vô sắc nghiệp; nhi diệc sắc thân, quang minh biến mãn; thị danh sắc thắng. Bồ Tát ma-ha-tát xử bỉ thiên cung, bất nhạo ngũ dục, duy vị Pháp sự; thị cố danh xưng sung mãn Thập phương. Thị danh danh thắng. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Bồ Tát ma-ha-tát hạ Đâu-suất thiên, thị thời đại địa, lục chủng chấn động. Thị cố phục danh bất khả tư nghị. Hà dĩ cố? Bồ Tát hạ thời, Dục, Sắc chư thiên tất lai thị tống, phát đại âm thanh, tán thán Bồ Tát; dĩ khẩu phong khí, cố linh địa động. Phục hữu Bồ Tát, nhân trung tượng vương. Nhân trung tượng vương, danh vi Long vương. Long vương sơ nhập thai thời, hữu chư Long vương tại thủ địa hạ, hoặc bố, hoặc hỷ; thị cố đại địa, lục chủng chấn động. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Bồ Tát ma-ha-tát tri nhập thai thời, trụ thời, xuất thời, tri phụ, tri mẫu, bất tịnh bất ô, như Đế-thích kế thanh sắc bảo châu. Thị cố phục danh bất khả tư nghị.

Thiện nam tử! Đại Niết-bàn kinh diệc phục như thị: bất khả tư nghị.

Thiện nam tử! Thí như đại hải, hữu bát bất khả tư nghị. Hà đẳng vi bát? Nhất giả tiệm tiệm chuyển thâm. Nhị giả thâm nan đắc đế. Tam giả đồng nhất hàm vị. Tứ giả triều bất quá hạn. Ngũ giả hữu chủng chủng bảo tạng. Lục giả đại thân chúng sanh tại trung cư trụ. Thất giả bất túc tử thi. Bát giả nhất thiết vạn lưu, đại vũ đầu chi, bất tăng bất giảm.

Thiện nam tử! Tiệm tiệm chuyển thâm, hữu tam sự. Hà đẳng vi tam? Nhất giả chúng sanh phước lực. Nhị giả thuận phong nhi hành. Tam giả hà thủy nhập cố. Nãi chí bất tăng bất giảm, diệc các hữu tam.

是大涅槃微妙經典亦復如是有八不可思議。

一者漸漸深。所謂優婆塞戒沙彌戒比丘戒菩薩戒。須陀洹果斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛果菩薩果阿耨多羅三藐三菩提果。是涅槃經說如是等法。是名漸漸深。是故此經名漸漸深。

二者深難得底。如來世尊不生不滅。不得阿耨多羅三藐三菩提不轉法輪。不食不受不行惠施。是故名為常樂我淨。一切眾生悉有佛性。佛性非色不離於色。非受想行識乃至不離於識。是常可見了因非作因。須陀洹乃至辟支佛當得阿耨多羅三藐三菩提。亦無煩惱亦無住處。雖無煩惱不名為常。是故名深。

復有甚深。於是經中或時說我或說無我。或時說常或說無常。或時說淨或說不淨。或時說樂或時說苦。或時說空或說不空。或說一切有或說一切無。或說三乘或說一乘。或說五陰即是佛性。金剛三昧及以中道。首楞嚴三昧，十二因緣。第一義空，慈悲平等於諸眾生，頂智，信心，知諸根力，一切法中無罣礙智。雖有佛性不說決定。是故名深。

三者一味。一切眾生同有佛性皆同一乘。同一解脫一因一果同一甘露。一切當得常樂我淨。是名一味。

Thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển, diệc phục như thị; hữu bát bất khả tư nghị.

Nhất giả tiệm tiệm thâm. sở vị: Ưu-bà-tắc giới, Sa-di giới, Tỳ-kheo giới, Bồ Tát giới; Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả, Bích-chi Phật quả, Bồ Tát quả, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề quả. Thị Đại Niết-bàn kinh, thuyết như thị đẳng pháp, thị danh tiệm tiệm thâm. Thị cố thủ kinh danh tiệm tiệm thâm.

Nhị giả thâm nan đắc đế. Như Lai Thế Tôn bất sanh bất diệt, bất đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, bất chuyển Pháp Luân, bất thực bất thọ, bất hành tuệ thí. Thị cố danh vi thường, lạc, ngã, tịnh. Nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Phật tánh phi sắc, bất ly ư sắc; phi thọ, tưởng, hành, thức; nãi chí bất ly ư thức. Thị thường khả kiến, liễu nhân, phi tác nhân. Tu-đà-hoàn nãi chí Bích-chi Phật đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, diệc vô phiền não, diệc vô trụ xứ. Tuy vô phiền não, bất danh vi thường. Thị cố danh thâm.

Phục hữu thậm thâm, ư thị kinh trung, hoặc thời thuyết ngã, hoặc thuyết vô ngã; hoặc thời thuyết thường, hoặc thuyết vô thường; hoặc thời thuyết tịnh, hoặc thuyết bất tịnh; hoặc thời thuyết lạc, hoặc thời thuyết khổ; hoặc thời thuyết không, hoặc thuyết bất không; hoặc thuyết nhất thiết hữu, hoặc thuyết nhất thiết vô; hoặc thuyết nhị thừa, hoặc thuyết nhất thừa; hoặc thuyết ngũ âm tức thị Phật tánh, Kim cang tam-muội cập dĩ trung đạo, Thủ-lăng-nghiêm tam-muội, Thập nhị nhân duyên, Đệ nhất nghĩa không, từ bi bình đẳng ư chư chúng sanh, đỉnh trí, tín tâm, tri chư căn lực; nhất thiết pháp trung, vô quái ngại trí. Tuy hữu Phật tánh, bất thuyết quyết định. Thị cố danh thâm.

Tam giả, nhất vị. Nhất thiết chúng sanh đồng hữu Phật tánh, giai đồng nhất thừa, đồng nhất giải thoát, nhất nhân nhất quả, đồng nhất cam lộ. Nhất thiết đương đắc thường, lạc, ngã, tịnh. Thị danh nhất vị.

四者潮不過限。如是經中制諸比丘。不得受畜八不淨物。若我弟子有能受持讀誦書寫解說分別是大涅槃微妙經典。寧失身命終不犯之。是名潮不過限。

五者有種種寶藏。是經即是無量寶藏。所言寶者。謂四念處四正勤四如意足五根五力七覺分八聖道分。嬰兒行聖行梵行天行。諸善方便眾生佛性。菩薩功德如來功德聲聞功德緣覺功德。六波羅蜜無量三昧無量智慧。是名寶藏。

六者大身眾生所居住處。大身眾生者謂佛菩薩。大智慧故名大眾生。大身故大心故。大莊嚴故大調伏故。大方便故大說法故。大勢力故大徒眾故。大神通故大慈悲故。常不變故一切眾生無罣礙故。容受一切諸眾生故。是名大身眾生所居住處。

七者不宿死屍。死屍者。謂一闍提犯四重禁五無間罪誹謗方等。非法說法法說非法。受畜八種不淨之物。佛物僧物隨意而用或於比丘比丘尼所作非法事。是名死屍。是涅槃經離如是等。是故名為不宿死屍。

八者不增不減。無邊際故無始終故。非色故非

Tứ giả, triều bất quá hạn. Như thị kinh trung, chế chư tỳ-kheo bất đắc thọ súc Bát bát tịnh vật. Nhược ngã đệ tử, hữu năng thọ trì, đọc, tụng, thơ tả, giải thuyết phân biệt thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển, ninh thất thân mạng, chung bất phạm chi. Thị danh triều bất quá hạn.

Ngũ giả, hữu chủng chủng bảo tạng. Thị kinh tức thị vô lượng bảo tạng. Sở ngôn bảo giả, vị: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, Bát Thánh đạo phần, anh nhi hạnh, Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, chư thiện phương tiện, chúng sanh Phật tánh, Bồ Tát công đức, Như Lai công đức, Thanh văn công đức, Duyên giác công đức, lục Ba-la-mật, vô lượng tam-muội, vô lượng trí tuệ. Thị danh bảo tạng.

Lục giả, đại thân chúng sanh sở cư trụ xứ. Đại thân chúng sanh giả, vị Phật, Bồ Tát. Đại trí tuệ cố, danh đại chúng sanh. Đại thân cố, đại tâm cố, đại trang nghiêm cố, đại điều phục cố, đại phương tiện cố, đại thuyết pháp cố, đại thế lực cố, đại đồ chúng cố, đại thân thông cố, đại từ bi cố, thường bất biến cố, nhất thiết chúng sanh vô quái ngại cố, dung thọ nhất thiết chư chúng sanh cố, thị danh đại thân chúng sanh sở cư trụ xứ.

Thất giả, bất túc tử thi. Tử thi giả, vị: nhất-xiển-đề, phạm tứ trọng cấm, ngũ vô gián tội, phỉ báng Phương đẳng, phi Pháp thuyết Pháp, Pháp thuyết phi Pháp, thọ súc bát chủng bát tịnh chi vật; Phật vật, tăng vật, tùy ý nhi dụng; hoặc ư tỳ-kheo, tỳ-kheo ni sở, tác phi Pháp sự. Thị danh tử thi. Thị Niết-bàn kinh ly như thị đẳng. Thị cố danh vi bất túc tử thi.

Bát giả, bất tăng bất giảm. Vô biên tế cố, vô thủy chung cố, phi sắc cố, phi tác cố, thường trụ cố, bất sanh diệt cố, nhất



作故。常住故不生滅故。一切眾生悉平等故。一切佛性同一性故。是名不增不減。

是故此經如彼大海有八不思議。

師子吼言。世尊。若言如來不生不滅名為深者。一切眾生有四種生卵生胎生濕生化生。是四種生人中具有。如施婆羅比丘。優婆施婆羅比丘。彌迦羅長者母。尼拘陀長者母。半闍羅長者母。各五百子同於卵生。當知人中則有卵生。濕生者如佛所說。我於往昔作菩薩時作頂生王及手生王。如今所說菴羅樹女迦不多樹女。當知人中則有濕生。劫初之時一切眾生皆悉化生。如來世尊得八自在。何因緣故不化生耶。

佛言。善男子。一切眾生四生所生。得聖法已不得如本卵生濕生。

善男子。劫初眾生皆悉化生。當爾之時佛不出世。

善男子。若有眾生遇病苦時須醫須藥。劫初之時眾生化生。雖有煩惱其病未發。是故如來不出其世。劫初眾生身心非器。是故如來不出其世。

善男子。如來世尊所有事業勝諸眾生。所謂種姓眷屬父母。以殊勝故凡所說法人皆信受。是故如來不受化生。

thiết chúng sanh tất bình đẳng cố, nhất thiết Phật tánh đồng nhất tánh cố. Thị danh bất tăng bất giảm.

Thị cố thủ kinh như bỉ đại hải, hữu bát bất tư nghi.

Sư Tử Hống ngôn: Thế Tôn! Nhược ngôn Như Lai bất sanh bất diệt, danh vi thâm giả, nhất thiết chúng sanh, hữu tứ chủng sanh: noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh. Thị tứ chủng sanh, nhân trung cụ hữu. Như Thi-bà-la tỳ-kheo, Ưu-bà-thi-bà-la tỳ-kheo; Di-ca-la trưởng giả mẫu, Ni-câu-đa trưởng giả mẫu, Bán-xà-la trưởng giả mẫu, các ngũ bá tử đồng ư noãn sanh. Đương tri nhân trung, tác hữu noãn sanh. Thấp sanh giả, như Phật sở thuyết: Ngã ư vãng tích, tác Bồ Tát thời, tác Đỉnh Sanh vương cập Thủ Sanh vương; như kim sở thuyết: Am-la thọ nữ, Ca-bát-đa thọ nữ. Đương tri nhân trung, tác hữu thấp sanh. Kiếp sơ chi thời, nhất thiết chúng sanh giai tất hóa sanh. Như Lai Thế Tôn đắc Bát tự tại, hà nhân duyên cố, bất hóa sanh da?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh, tứ sanh sở sanh, đắc Thánh pháp dĩ, bất đắc như bốn noãn sanh, thấp sanh.

Thiện nam tử! Kiếp sơ chúng sanh giai tất hóa sanh. Đương nhĩ chi thời, Phật bất xuất thế.

Thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh ngộ bệnh khổ thời, tu y, tu dược. Kiếp sơ chi thời, chúng sanh hóa sanh, tuy hữu phiền não, kỳ bệnh vị phát. Thị cố Như Lai bất xuất kỳ thế. Kiếp sơ chúng sanh, thân tâm phi khí. Thị cố Như Lai bất xuất kỳ thế.

Thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn, sở hữu sự nghiệp, thắng chư chúng sanh; sở vị: chủng tánh, quyền thuộc, phụ mẫu. Dĩ thù thắng cố, phạm sở thuyết pháp, nhân giai tín thọ. Thị cố Như Lai bất thọ hóa sanh.

善男子。一切眾生父作子業子作父業。如來世尊若受化身則無父母。若無父母云何能令一切眾生作諸善業。是故如來不受化身。

善男子。佛正法中有二種護。一者內。二者外。內護者所謂戒禁。外護者族親眷屬。若佛如來受化身者則無外護。是故如來不受化身。

善男子。有人恃姓而生憍慢。如來為破如是慢故。生在貴姓不受化身。

善男子。如來世尊有真父母。父名淨飯母名摩耶。而諸眾生猶言是幻。云何當受化生之身。若受化身云何得有碎身舍利。如來為益眾生福德。故碎其身而令供養。是故如來不受化身。一切諸佛悉無化生。云何獨令我受化身。

爾時師子吼菩薩。合掌長跪右膝著地以偈讚佛。

如來無量功德聚  
我今不能廣宣說  
今為眾生演一分  
唯願哀愍聽我說  
眾生無明闇中行  
具受無邊百種苦  
世尊能令遠離之  
是故世稱為大悲

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh, phụ tác tử nghiệp, tử tác phụ nghiệp. Như Lai Thế Tôn nhược thọ hóa thân, tác vô phụ mẫu. Nhược vô phụ mẫu, vân hà năng linh nhất thiết chúng sanh tác chư thiện nghiệp? Thị cố Như Lai bất thọ hóa thân.

Thiện nam tử! Phật Chánh pháp trung, hữu nhị chủng hộ: nhất giả nội, nhị giả ngoại. Nội hộ giả, sở vị cấm giới; ngoại hộ giả, tộc thân quyến thuộc. Nhược Phật Như Lai thọ hóa thân giả, tác vô ngoại hộ. Thị cố Như Lai bất thọ hóa thân.

Thiện nam tử! Hữu nhân thị tánh, nhi sanh kiêu mạn. Như Lai vị phá như thị mạn cố, sanh tại quý tánh; bất thọ hóa thân.

Thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn hữu chân phụ mẫu: phụ danh Tịnh Phạn, mẫu danh Ma-da, nhi chư chúng sanh du ngôn thị huyễn. Vân hà đương thọ hóa sanh chi thân? Nhược thọ hóa thân, vân hà đắc hữu toái thân xá-lợi? Như Lai vị ích chúng sanh phước đức, cố toái kỳ thân, nhi linh cúng dường. Thị cố Như Lai bất thọ hóa thân. Nhất thiết chư Phật tất vô hóa sanh, vân hà độc linh ngã thọ hóa thân?

Nhĩ thời, Sư Tử Hống Bồ Tát hiệp chưởng trường quy, hữu tất trước địa, dĩ kệ tán Phật:

Như Lai vô lượng công đức tụ,  
Ngã kim bất năng quảng tuyên thuyết;  
Kim vị chúng sanh diễn nhất phần,  
Duy nguyện ai mãn thính ngã thuyết.  
Chúng sanh vô minh ám trung hành,  
Cụ thọ vô biên bá chủng khổ;  
Thế Tôn năng linh viễn ly chi,  
Thị cố thế xưng vi Đại bi.

眾生往返生死繩  
 放逸迷荒無安樂  
 如來能施眾安樂  
 是故永斷生死繩  
 佛能施眾安樂故  
 自於已樂不貪樂  
 為諸眾生修苦行  
 是故世間興供養  
 見他受苦身顫動  
 處在地獄不覺痛  
 為諸眾生受大苦  
 是故無勝無有量  
 如來為眾修苦行  
 成就具足滿六度  
 心處邪風不傾動  
 是故能勝世大士  
 眾生常欲得安樂  
 而不知修安樂因  
 如來能教令修習  
 猶如慈父愛一子  
 佛見眾生煩惱患  
 心苦如母念病子  
 常思離病諸方便  
 是故此身繫屬他  
 一切眾生行諸苦  
 其心顛倒以為樂  
 如來演說真苦樂

Chúng sanh vãng phản sanh tử thàng,  
 Phóng dật, mê hoang, vô an lạc;  
 Như Lai năng thí chúng: an lạc,  
 Thị cố vĩnh đoạn sanh tử thàng.  
 Phật năng thí chúng an lạc cố,  
 Tự ư kỷ lạc bất tham nhạo;  
 Vị chư chúng sanh tu khổ hạnh,  
 Thị cố thế gian hưng cúng dường.  
 Kiến tha thọ khổ, thân chiến động,  
 Xử tại địa ngục, bất giác thống;  
 Vị chư chúng sanh thọ đại khổ,  
 Thị cố vô thắng, vô hữu lượng.  
 Như Lai vị chúng, tu khổ hạnh,  
 Thành tựu cụ túc mãn lục độ;  
 Tâm xử tà phong, bất khuynh động,  
 Thị cố năng thắng thế đại sĩ.  
 Chúng sanh thường dục đắc an lạc,  
 Nhi bất tri tu an lạc nhân;  
 Như Lai năng giáo linh tu tập,  
 Do như từ phụ ái nhất tử!  
 Phật kiến chúng sanh phiền não hoạn,  
 Tâm khổ như mẫu niệm bệnh tử;  
 Thường tư ly bệnh chư phương tiện,  
 Thị cố thủ thân hệ thuộc tha.  
 Nhất thiết chúng sanh hành chư khổ,  
 Kỳ tâm điên đảo dĩ vi lạc;  
 Như Lai diễn thuyết chân khổ, lạc,

是故稱佛為大悲  
 世間皆處無明殼  
 無有智嘴能破之  
 如來智嘴能啄壞  
 是故名為最大母  
 不為三世所攝持  
 無有名字及假號  
 覺知涅槃甚深義  
 是故稱佛為大覺  
 有河洄復沒眾生  
 無明所盲不知出  
 如來自度能度彼  
 是故稱佛大船師  
 能知一切諸因果  
 亦復通達盡滅道  
 常施眾生病苦藥  
 是故世稱大醫王  
 外道邪見說苦行  
 因是能得無上樂  
 如來演說真樂行  
 能令眾生受快樂  
 如來世尊破邪道  
 開示眾生正真路  
 行是道者得安樂  
 是故稱佛為導師  
 非自非他之所作  
 亦非共作無因作

Thị cố xưng Phật vi Đại bi.  
 Thế gian giai xử vô minh xác,  
 Vô hữu trí chủy năng phá chi;  
 Như Lai trí chủy năng trác hoại,  
 Thị cố danh vi Tối đại Mẫu.  
 Bất vi tam thế sở nhiếp trì,  
 Vô hữu danh tự cập giả hiệu;  
 Giác tri Niết-bàn thậm thâm nghĩa,  
 Thị cố xưng Phật vi Đại giác.  
 Hữu hà hồi phục, một chúng sanh,  
 Vô minh sở manh, bất tri xuất;  
 Như Lai tự độ, năng độ bỉ,  
 Thị cố xưng Phật Đại thuyền sư.  
 Năng tri nhất thiết chư nhân quả,  
 Diệt phục thông đạt tận diệt đạo;  
 Thường thí chúng sanh bệnh khổ được,  
 Thị cố thế xưng Đại y vương.  
 Ngoại đạo tà kiến thuyết khổ hạnh,  
 Nhân thị, năng đắc vô thượng lạc;  
 Như Lai diễn thuyết chân lạc hạnh,  
 Năng linh chúng sanh thọ khoái lạc.  
 Như Lai Thế Tôn phá tà đạo,  
 Khai thị chúng sanh chánh chân lộ;  
 Hành thị đạo giả đắc an lạc,  
 Thị cố xưng Phật vi Đạo sư.  
 Phi tự, phi tha chi sở tác,  
 Diệt phi cộng tác, vô nhân tác;



如來所說苦受事  
勝於一切諸外道  
成就具足戒定慧  
亦以此法教眾生  
以法施時無妒慳  
是故稱佛無緣悲  
無所造作無因緣  
獲得無因無果報  
是故一切諸智者  
稱說如來不求報  
常共世間放逸行  
而身不為放逸行  
是故名為不思議  
世間八法不能汙  
如來世尊無怨親  
是故其心常平等  
我師子吼讚大悲  
能吼無量師子吼

大般涅槃經卷第三十二

終

Như Lai sở thuyết khổ thọ sự,  
Thắng ư nhất thiết chư ngoại đạo.  
Thành tựu cụ túc giới, định, tuệ,  
Diệt dĩ thủ Pháp giáo chúng sanh;  
Dĩ Pháp thí thời, vô đồ lận,  
Thị cố xưng Phật Vô duyên từ.  
Vô sở tạo tác, vô nhân duyên,  
Hoạch đắc vô nhân, vô quả báo;  
Thị cố nhất thiết chư trí giả,  
Xưng thuyết Như Lai bất cầu báo.  
Thường cộng thế gian phóng dật hành,  
Nhi thân bất vi phóng dật hạnh;  
Thị cố danh vi Bát tư nghị,  
Thế gian Bát Pháp bất năng ô.  
Như Lai Thế Tôn vô oán thân,  
Thị cố kỳ tâm thường bình đẳng;  
Ngã Sư Tử Hống tán Đại bi,  
Năng hống vô lượng Sư Tử Hống.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập nhị

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

## QUYỂN BA MƯƠI HAI

### PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG

#### Phẩm thứ mười một - Phần sáu

**B**ồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các nghiệp đều không nhất định có quả, nếu tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, lẽ ra phải tu tập Tám Thánh đạo. Vậy do duyên có gì mà tất cả chúng sanh đều không đạt được Đại Niết-bàn?”

“Bạch Thế Tôn! Nếu như tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, nhất định rồi sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vậy cần gì phải tu tập Tám Thánh đạo?”

“Bạch Thế Tôn! Như trong kinh này đã dạy, có những bệnh nhân dù gặp thầy gặp thuốc, có người chăm sóc, tùy bệnh mà cho ăn uống; hoặc không có được [những điều kiện ấy], rồi cũng đều khỏi bệnh. Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy; dù có được gặp hàng Thanh văn, Phật Bích-chi, Bồ Tát, các bậc thiện tri thức, được nghe thuyết pháp, tu tập Thánh đạo; hoặc không được gặp, không được nghe, không tu tập đạo, rồi cũng đều sẽ được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì sao vậy? Vì [họ đều] có tánh Phật.

“Bạch Thế Tôn! Ví như không ai có thể ngăn chặn mặt trời, mặt trăng không cho đi về phía núi Át-đa; cũng không ai có thể ngăn chặn bốn con sông cái không cho chảy vào biển cả; cũng không ai có thể ngăn chặn

hạng nhất-xiển-đề khiến họ không vào địa ngục. Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, không ai có thể ngăn chặn khiến họ không đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì sao vậy? Vì [họ đều] có tánh Phật.

“Bạch Thế Tôn! Vì nghĩa ấy, tất cả chúng sanh không cần tu tập đạo. Vì nhờ sức của tánh Phật mà có thể đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề chứ không cần đến sức tu tập Thánh đạo.

“Bạch Thế Tôn! Nếu như hạng nhất-xiển-đề, những kẻ phạm Bốn trọng cấm, phạm Năm tội nghịch đều không thể đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thì mới nên tu tập. Nhưng nhờ có tánh Phật nên chắc chắn rồi bọn họ cũng đều sẽ đạt được [A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề]; không phải nhân nơi việc tu tập rồi sau mới đạt được.

“Bạch Thế Tôn! Ví như đá nam châm, tuy ở xa [mặt] sắt, nhưng do sức hút mà [mặt] sắt phải hướng theo nó. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, nên không cần phải tu tập [Thánh] đạo.”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Như ven bờ sông Hằng có bảy hạng người vì muốn tắm rửa, hoặc vì sợ giặc cướp, hoặc vì hái hoa mà [nhảy] xuống nước [để qua] sông.

“Hạng người thứ nhất vừa nhảy xuống nước thì bị chìm hẳn. Vì sao vậy? Vì yếu ớt không sức lực, không luyện tập bơi lội.

“Hạng người thứ nhì tuy bị chìm xuống nhưng rồi lại nổi lên; nổi lên rồi lại chìm hẳn xuống. Vì sao vậy? Vì có sức lực mạnh mẽ nên nổi lên được, nhưng không luyện tập bơi lội nên nổi lên rồi lại chìm trở xuống.

“Hạng người thứ ba chìm xuống rồi nổi lên; nổi lên rồi thì không chìm xuống nữa. Vì sao vậy? Vì thân thể nặng nên [vừa xuống liền bị] chìm, nhưng có sức lực mạnh mẽ nên nổi lên được, và nhờ có luyện tập bơi lội nên nổi lên rồi thì có thể ở lại trên mặt nước.

“Hạng người thứ tư tuy bị chìm xuống nhưng rồi lại nổi lên; nổi lên rồi thì ở yên trên mặt nước; rồi sau đó quay nhìn khắp bốn hướng. Vì sao vậy? Vì thân thể nặng nên chìm; vì có sức lực mạnh nên nổi trở lên; vì có luyện tập bơi lội nên ở lại được trên mặt nước, nhưng vì không biết mình nổi lên ở chỗ nào nên quay nhìn khắp bốn hướng.

“Hạng người thứ năm xuống nước liền chìm, chìm rồi lại nổi; nổi lên rồi thì ở lại trên mặt nước; sau đó quay nhìn các hướng rồi bơi đi. Vì sao vậy? Vì có lòng sợ sệt.

“Hạng người thứ sáu rơi xuống nước rồi liền bơi đi, gặp chỗ cạn liền dừng lại. Vì sao vậy? Để nhìn xem giặc cướp ở gần hay ở xa.

“Hạng người thứ bảy bơi được đến bờ bên kia rồi liền đi lên núi cao, không còn lo sợ nữa, xa lìa khỏi bọn giặc thù, [an ổn nên] hưởng được niềm vui sướng lớn.

“Thiện nam tử! Dòng sông lớn sanh tử cũng giống như vậy. Ở đó có bảy hạng người vì sợ bọn giặc cướp phiền não nên khởi ý muốn vượt qua sông lớn sanh tử.

“[Có những người] xuất gia, cạo tóc, mặc y phục người tu. Nhưng xuất gia rồi lại gần gũi bạn xấu, làm theo lời dạy của những kẻ ấy, nghe và thọ nhận những tà pháp như là: ‘Thân của chúng sanh tức là năm ấm. Năm ấm tức là năm đại. Nếu chúng sanh chết đi thì mãi mãi dứt bỏ năm đại. Vì năm đại đã dứt, cần gì phải tu tập các

nghiệp thiện ác? Vì vậy nên phải biết rằng không có việc thiện, việc ác cùng những quả báo thiện, ác.’ [Tin hiểu] như vậy gọi là nhất-xiển-đề. Nhất-xiển-đề gọi là dứt mất căn lành. Vì dứt mất căn lành nên chìm hẳn xuống dòng sông sanh tử không thể nổi lên. Vì sao vậy? Vì nghiệp ác nặng và không có sức mạnh của đức tin. Cũng giống như hạng người thứ nhất ở ven sông Hằng [vừa nói ở trên].

“Thiện nam tử! Hạng nhất-xiển-đề có sáu nhân duyên khiến cho phải chìm sâu trong ba đường ác không thể ra khỏi. Những gì là sáu? Một là vì tâm xấu ác quá mạnh; hai là vì không thấy [có] đời sau; ba là vì ưa thích tích tập phiền não; bốn là vì lìa xa các căn lành; năm là vì nghiệp ác ngăn che cách trở; sáu là vì gần gũi những kẻ xấu ác.

“Lại nữa, có năm việc khiến cho [chúng sanh] phải chìm sâu trong ba đường ác. Những gì là năm? Một là vì ở bên cạnh vị tỳ-kheo mà làm việc trái Chánh pháp; hai là vì ở bên cạnh vị tỳ-kheo ni mà làm việc trái Chánh pháp; ba là vì tự do sử dụng những đồ vật cúng dường [cho chư Tăng],<sup>(1)</sup> bốn là vì ở bên cạnh mẹ mình mà làm việc trái Chánh pháp, năm là vì đối với năm bộ Tăng<sup>(2)</sup> gây ra những chuyện thị phi tranh cãi qua lại.

“Lại nữa, có năm việc khiến cho [chúng sanh] phải chìm sâu trong ba đường ác. Những gì là năm? Một là vì thường nói rằng không có quả báo thiện ác. Hai là vì giết hại những chúng sanh phát tâm Bồ-đề. Ba là vì vui thích nói ra những chuyện lầm lỗi của người thuyết pháp. Bốn là vì đối với việc đúng pháp mà nói là không đúng pháp, đối với việc không đúng pháp lại nói là đúng pháp. Năm là vì câu tìm những pháp sai lầm để thọ nhận.

“Lại nữa, có ba việc khiến cho [chúng sanh] phải chìm sâu trong ba đường ác. Những gì là ba? Một là cho rằng Như Lai là vô thường, diệt mất mãi mãi. Hai là cho rằng Chánh pháp là vô thường, biến đổi. Ba là cho rằng Tăng-già thật có thể hoại diệt. Vì ba điều đó nên thường chìm sâu trong ba đường ác.

“Hạng thứ nhì là những người khởi ý muốn vượt qua dòng sông sanh tử, nhưng vì dứt mất căn lành nên phải chìm sâu không sao thoát ra được. Nói thoát ra được là chỉ cho việc gần gũi bạn lành, ắt sẽ có được lòng tin. Có lòng tin nghĩa là tin ở việc bố thí và quả báo [tốt đẹp] của việc bố thí, tin ở việc lành và quả báo [tốt đẹp] của việc lành, tin ở việc ác và quả báo [đáng sợ] của việc ác, tin rằng chốn sanh tử là khổ não, vô thường, bại hoại. Đó gọi là lòng tin. Có lòng tin rồi, lại tu tập theo giới hạnh thanh tịnh, thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói [Mười hai bộ kinh], thường ưa thích làm việc bố thí, khéo tu trí tuệ.

“[Những người này tuy đã được như vậy,] nhưng vì căn trí ngu độn, lại gặp những bạn xấu ác nên không thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ; nghe nhận theo các pháp tà; hoặc khi gặp thời xấu ác, cõi nước xấu ác liền dứt mất các căn lành. Vì dứt mất các căn lành nên thường phải chìm sâu trong chốn sanh tử. Những người này cũng giống như hạng người thứ nhì ở ven sông Hằng [vừa nói ở trên].

“Hạng thứ ba là những người khởi ý muốn vượt qua dòng sông sanh tử, nhưng vì dứt mất các căn lành nên vẫn phải chìm đắm trong đó. [Vì họ] gần gũi bạn lành nên được gọi là thoát ra khỏi. Những người này tin rằng Như Lai là bậc có trí rõ biết tất cả, thường hằng không

biến đổi, vì chúng sanh nên mới thuyết diễn những lẽ cao trổi nhất của Chánh đạo; rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; rằng Như Lai không hề hoại mất, Pháp và Tăng cũng là như thế, không hề hoại mất; rằng bọn nhất-xiển-đề nếu không dứt bỏ pháp xấu ác tà kiến thì không bao giờ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cần phải lìa xa những pháp xấu ác ấy thì sau đó mới đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Những người này sau khi khởi lòng tin rồi liền tu tập theo giới hạnh thanh tịnh. Tu tập giới thanh tịnh rồi liền thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói Mười hai bộ kinh, truyền bá rộng ra khắp nơi cho các chúng sanh; họ lại ưa thích làm việc bố thí, tu tập trí tuệ. Nhờ căn trí lanh lợi nên họ [tuy chưa thoát khỏi sanh tử nhưng được] an trụ vững vàng trong đức tin và trí tuệ, tâm không còn thối chuyển. Những người này giống như hạng người thứ ba ở ven sông Hằng, [nổi lên rồi có thể ở lại trên mặt nước].

“Hạng thứ tư là những người khởi ý muốn vượt qua dòng sông sanh tử, nhưng vì dứt mất các căn lành nên vẫn phải chìm đắm trong đó. Nhờ gần gũi bạn lành nên có được lòng tin, gọi là thoát ra khỏi. Những người này có được lòng tin rồi liền thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói Mười hai bộ kinh, truyền rộng ra khắp nơi cho chúng sanh; họ lại ưa thích làm việc bố thí, tu tập trí tuệ. Nhờ căn trí lanh lợi nên họ an trụ vững vàng trong đức tin và trí tuệ, tâm không còn thối chuyển, [có thể] ngoái nhìn khắp bốn phương. Bốn phương đó tức là bốn quả sa-môn: [Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán]. Những người này cũng giống như hạng người thứ tư ở ven sông Hằng [vừa nói ở trên].



“Hạng thứ năm là những người khởi ý muốn vượt qua dòng sông sanh tử, nhưng vì dứt mất các căn lành nên vẫn còn phải chìm đắm trong đó. Nhờ gần gũi bạn lành nên thay đổi có được lòng tin, gọi là thoát ra khỏi. Những người này có được lòng tin rồi liền thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói Mười hai bộ kinh, truyền rộng ra khắp nơi cho chúng sanh; họ lại ưa thích làm việc bố thí, tu tập trí tuệ. Nhờ căn trí lanh lợi nên họ an trụ vững vàng trong lòng tin và trí tuệ, tâm không còn thoái chuyển. Nhờ không thoái chuyển nên vượt lên phía trước. Vượt lên phía trước là nói [quả] Phật Bích-chi. Tuy có thể tự cứu độ mình nhưng không thể cứu độ hết chúng sanh, nên gọi là ‘bơi đi’. Những người này cũng giống như hạng người thứ năm ở ven sông Hằng [vừa nói ở trên].

“Hạng thứ sáu là những người khởi ý muốn vượt qua dòng sông sanh tử, nhưng vì dứt mất các căn lành nên vẫn còn phải chìm đắm trong đó. Nhờ gần gũi bạn lành nên đạt được lòng tin, gọi là thoát ra khỏi. Những người này có được lòng tin rồi liền thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói Mười hai bộ kinh, truyền rộng ra khắp nơi cho chúng sanh; họ lại ưa thích làm việc bố thí, tu tập trí tuệ. Nhờ căn trí lanh lợi nên họ an trụ vững vàng trong lòng tin và trí tuệ, tâm không còn thoái chuyển. Nhờ không thoái chuyển nên vượt lên phía trước rồi đi đến chỗ cạn. Đi đến chỗ cạn rồi liền trụ yên không đi nữa. ‘Trụ yên không đi nữa’ là nói hàng Bồ Tát, vì muốn độ thoát chúng sanh nên trụ yên quán xét các phiền não. Những người này cũng giống như hạng người thứ sáu ở ven sông Hằng [vừa nói ở trên].

“Hạng thứ bảy là những người khởi ý muốn vượt qua dòng sông sanh tử, nhưng vì dứt mất các căn lành nên

vẫn còn phải chìm đắm trong đó. Nhờ gần gũi bạn lành nên đạt được lòng tin. Đạt được lòng tin rồi, gọi là thoát ra khỏi. Vì có lòng tin nên liền thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói Mười hai bộ kinh, truyền rộng ra khắp nơi cho các chúng sanh; họ lại ưa thích làm việc bố thí, tu tập trí tuệ. Nhờ căn trí lanh lợi nên họ an trụ vững vàng trong lòng tin và trí tuệ, tâm không còn thoái chuyển. Nhờ không thoái chuyển nên vượt lên phía trước. Vượt lên phía trước rồi liền sang đến bờ bên kia, thẳng đường lên núi cao, lìa khỏi mọi sự sợ sệt, hưởng được nhiều sự an vui.

“Thiện nam tử! Núi ở bờ bên kia là ví với Như Lai; hưởng được nhiều sự an vui là ví với Phật thường an trụ. Đỉnh núi cao kia là ví với Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Những người ở ven sông Hằng ấy đều có đủ tay chân nhưng không thể bơi qua khỏi sông. Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, quả thật sẵn có Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, những yếu nghĩa của các pháp mà Như Lai thường thuyết; có Tám Thánh đạo, Đại Niết-bàn, nhưng đều không thể đạt được những điều ấy. Đó không phải lỗi của Như Lai, cũng không phải lỗi nơi Thánh đạo, mà là lỗi của chúng sanh. Nên biết rằng đó đều là những tai hại xấu ác của phiền não. Vì nghĩa ấy nên tất cả chúng sanh không đạt đến Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Ví như vị lương y biết rõ bệnh, chỉ bày phương thuốc, nhưng người bệnh không uống, đó chẳng phải lỗi của lương y.

“Thiện nam tử! Ví như có vị thí chủ, dùng những vật sở hữu của mình thí cho tất cả mọi người, nhưng nếu có kẻ không nhận thì đó chẳng phải lỗi của vị thí chủ.

“Thiện nam tử! Ví như mặt trời mọc lên, những chỗ tối tăm đều trở nên sáng rõ, nhưng người mù không thấy đường đi, đó chẳng phải lỗi của mặt trời.

“Thiện nam tử! Như nước sông Hằng trừ được sự khát, nhưng nếu kẻ khát không chịu uống, đó chẳng phải lỗi của nước sông Hằng.

“Thiện nam tử! Ví như mặt đất sanh ra đủ mọi thứ quả, hạt, vốn là bình đẳng không phân biệt, nhưng nếu người nông phu không gieo trồng, đó chẳng phải lỗi của đất.

“Thiện nam tử! Như Lai vì tất cả chúng sanh, mở bày phân biệt giảng giải Mười hai bộ kinh, nhưng nếu chúng sanh không thọ nhận, đó chẳng phải lỗi của Như Lai.

“Thiện nam tử! Nếu tu tập theo Chánh đạo tất nhiên sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Như lời ông nói: ‘Chúng sanh đều có tánh Phật, lẽ ra đều đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; [vì] tánh Phật ấy cũng như đá nam châm [sẵn có tính chất hút magnet].’

“Lành thay, lành thay! Nhờ có sức nhân duyên tánh Phật mà đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nhưng nếu nói rằng không cần tu Thánh đạo thì nghĩa ấy không đúng.

“Thiện nam tử! Ví như có một người đi qua vùng hoang vắng, đang khát nước và gặp được một cái giếng. Giếng ấy sâu tối, tuy không thấy được nước nhưng người ấy biết chắc rằng dưới giếng có nước, bèn dùng phương tiện tìm thùng, kiếm dây, móc lên và thấy được nước.

“Tánh Phật cũng như thế. Tất cả chúng sanh tuy có tánh Phật, nhưng cần phải tu tập Thánh đạo vô lậu, sau đó mới thấy được tánh Phật.

“Thiện nam tử! Ví như có mè ắt được dầu mè. Nhưng nếu lia bỏ các phương tiện [ép dầu] thì không thấy được

dầu. Ví như cây mía cũng vậy, [tuy sẵn có đường nhưng nếu không có phương tiện thì không có được đường.]

“Thiện nam tử! Như cõi trời Ba mươi ba và châu Uất-đan-việt ở phương bắc tuy là thật có, nhưng nếu không có thiện nghiệp, thần thông, đạo lực thì không thể thấy được.

“Cũng như rễ cỏ dưới mặt đất và nước ngầm nằm sâu dưới đất, vì mặt đất che lấp nên chúng sanh không thấy được. Tánh Phật cũng vậy, vì chúng sanh không tu tập Thánh đạo nên không thể thấy được.

“Thiện nam tử! [Như ông có thắc mắc về nghĩa này]: ‘Có những bệnh nhân cho dù được gặp thầy thuốc, được người săn sóc, dùng thuốc tốt, tùy bệnh mà ăn uống [thích hợp], hoặc là không gặp được những điều kiện ấy cũng đều khỏi bệnh.’

“Thiện nam tử! Ta vì hàng Bồ Tát trụ ở sáu địa vị đầu tiên mà nói nghĩa như vậy.

“Thiện nam tử! Như đối với chúng sanh thì hư không chẳng phải ở trong, cũng chẳng phải ở ngoài. Vì chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài nên không có sự ngăn ngại. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như có người hiện cất giữ tiền bạc ở nơi xa; tuy hiện thời không thể tùy ý sử dụng, nhưng có người hỏi đến ắt có thể hứa cho. Vì sao vậy? Vì đã chắc chắn là có tiền. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, chẳng phải ở chỗ này, chẳng phải ở chỗ kia, nhưng vì chắc chắn sẽ có được nên ta nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.

“Thiện nam tử! Ví như chúng sanh tạo tác các nghiệp, hoặc thiện, hoặc ác, đều không phải ở trong, cũng không phải ở ngoài. Tánh của các nghiệp như thế là chẳng phải

có, chẳng phải không, cũng chẳng phải trước không mà sau có, lại chẳng phải không do nhân mà có; chẳng phải tạo tác thế này thọ nhận thế này, hoặc tạo tác thế này thọ nhận thế ấy; hoặc tạo tác thế ấy thọ nhận thế ấy, hoặc không tạo tác, không thọ nhận. Do có đủ các điều kiện hòa hợp và thời điểm thích hợp mà có quả báo.

“Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, cũng chẳng phải trước không mà sau có, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài; chẳng phải có, chẳng phải không; chẳng phải chỗ này, chẳng phải chỗ kia, chẳng phải từ chỗ khác đến; chẳng phải không có nhân duyên; cũng chẳng phải tất cả chúng sanh đều không thấy. Có các vị Bồ Tát khi hội đủ các điều kiện nhân duyên hòa hợp liền thấy được tánh Phật. Các điều kiện, đó là nói hàng Đại Bồ Tát ở địa vị Thập trụ, tu tập Tám Thánh đạo, đạt được tâm bình đẳng đối với các chúng sanh, khi ấy thấy được tánh Phật, không gọi là tạo tác.

“Thiện nam tử! Như đưa ra ví dụ rằng [tánh Phật] giống như đá nam châm, nghĩa ấy chẳng đúng. Vì sao vậy? Đá không hút [mạt] sắt. Vì lý do gì? Vì nghiệp [của đá ấy] là không có tâm.

“Thiện nam tử! Có những pháp hiện hữu nên các pháp khác sanh ra; có những pháp không hiện hữu nên các pháp khác hoại diệt; [thật] không có ai làm cho chúng sanh ra, [cũng] không có ai làm cho chúng hoại diệt.

“Thiện nam tử! Như ngọn lửa mạnh thật không thể thiêu mất củi, chỉ vì khi lửa hiện ra, củi hoại mất, nên gọi là thiêu mất củi.

“Thiện nam tử! Ví như hoa hướng dương xoay theo mặt trời, nhưng hoa ấy không hề có lòng cung kính,

không có nhận thức, cũng không có nghiệp. Chỉ vì có tánh pháp riêng biệt nên tự nhiên xoay theo.

“Thiện nam tử! Như cây chuối, nhân tiếng sấm mà lớn lên. Nhưng loài cây này không có tai nghe, cũng không có tâm ý, nhận thức. Chỉ vì có pháp này hiện hữu mà pháp kia tăng trưởng; vì pháp này không hiện hữu mà pháp kia hoại diệt.

“Thiện nam tử! Như cây a-thúc-ca, khi có nữ nhân chạm vào thì hoa nó nở ra. Cây ấy không có tâm ý, cũng không có cảm giác về sự đụng chạm. Chỉ vì có pháp này hiện hữu mà pháp kia sanh ra; vì pháp này không hiện hữu mà pháp kia hoại diệt.

“Thiện nam tử! Như cây quít dùng xác thú vật làm phân bón thì rất sai trái. Nhưng cây quít ấy không có tâm ý, cũng không có cảm xúc. Chỉ vì có pháp này hiện hữu mà pháp kia sanh ra; vì pháp này không hiện hữu mà pháp kia hoại diệt.

“Thiện nam tử! Như cây an-thạch-lựu, nhờ dùng xương nung làm phân bón nên trái sai hạt nhiều. Nhưng cây an-thạch-lựu cũng không hề có tâm ý, cảm xúc. Chỉ vì có pháp này hiện hữu mà pháp kia sanh ra; vì pháp này không hiện hữu mà pháp kia hoại diệt.

“Thiện nam tử! Đá nam châm hút mạt sắt cũng giống như vậy: vì có pháp này hiện hữu mà pháp kia sanh ra; vì pháp này không hiện hữu mà pháp kia hoại diệt. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, không thể do sức cuốn hút [của tánh Phật] mà đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Vô minh không thể hấp dẫn các hành; các hành cũng không thể hấp dẫn các thức; nhưng có



thể nói là vô minh duyên với hành, hành duyên với thức. Dầu có hay không có Phật, cõi pháp vẫn là thường trụ [diễn tiến như vậy].

“Thiện nam tử! Pháp thường tồn là không có chỗ trụ. Nếu nói rằng tánh Phật trụ nơi chúng sanh, ấy là có chỗ trụ, tức là vô thường.

“Thiện nam tử! Như Mười hai nhân duyên không có chỗ trụ nhất định; nếu có chỗ trụ thì Mười hai nhân duyên ấy không gọi là thường. Pháp thân của Như Lai cũng không có chỗ trụ. Các pháp giới, nhập, ấm<sup>(3)</sup> và hư không, thủy đều không có chỗ trụ. Tánh Phật cũng thế, hoàn toàn không có chỗ trụ.

“Thiện nam tử! Ví như bốn đại tuy có năng lực cân bằng nhau, nhưng trong đó có chất cứng, có chất nóng, có chất ướt, có chất chuyển động; lại có nặng có nhẹ, có đỏ có trắng, có vàng có đen... Nhưng bốn đại ấy thật không có nghiệp, vì thuộc về các pháp khác nhau nên mỗi loại đều chẳng giống nhau. Tánh Phật cũng thế, vì thuộc về pháp khác nhau, nên đến lúc thích hợp ắt sẽ hiện ra.

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh vì không thối chuyển đối với tánh Phật nên gọi là có tánh Phật. Vì có trí tuệ không thối chuyển, nên sẽ có tánh Phật. Vì chắc chắn rồi sẽ được, nhất định rồi sẽ thấy, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.

“Thiện nam tử! Ví như có vị vua sai quan đại thần: ‘Hãy dắt một con voi đến cho những người mù xem.’ Bấy giờ, viên quan nhận lệnh vua, tập trung nhiều người mù lại rồi đưa voi đến cho họ. Những người mù ấy đều dùng tay để sờ voi. Viên quan đại thần trở về tâu lên vua rằng: ‘Thần đã cho họ xem voi rồi.’ Nhà vua liền cho gọi những

người mù ấy đến, hỏi từng người rằng: ‘Các ông có thấy voi chẳng? Những người mù ấy thủy đều đáp: ‘Tôi đã thấy rồi.’ Vua hỏi: ‘Con voi giống như vật gì?’

“Người mù đã sờ ngà voi liền đáp: ‘Con voi có hình dạng như củ cải.’ Người mù đã sờ nhằm tai voi tâu: ‘Con voi có hình dạng [tròn dẹp] như cái nĩa.’ Người mù sờ đầu voi lại nói: ‘Con voi hình dạng [to và cứng] như khối đá.’ Người mù đã sờ vòi voi nói: ‘Con voi có hình dạng [tròn và dài] như cái chày. Người mù sờ chân voi lại nói: ‘Con voi có hình dạng như cái cối gỗ.’ Người mù đã sờ lưng voi lại nói: ‘Con voi có hình dạng như cái giường nằm.’ Người mù sờ bụng voi thì nói: ‘Con voi có hình dạng [tròn to] như cái lu. Người sờ nhằm đuôi voi lại nói: ‘Con voi có hình dạng như sợi dây thừng lớn.’

“Thiện nam tử! Những người mù ấy thật không nói được [đủ] hình thể của con voi, nhưng cũng không phải là không nói được. Nếu là các tướng trạng [như họ nói] thì chẳng phải voi, nhưng lìa khỏi các tướng trạng ấy cũng không riêng có voi.

“Thiện nam tử! Vị vua ấy ví với đức Như Lai, bậc Chánh biến tri; viên quan đại thần là ví với kinh Phương đẳng Đại Niết-bàn; con voi là ví với tánh Phật; những người mù là ví với tất cả chúng sanh còn mê muội.

“Các chúng sanh ấy sau khi nghe Phật thuyết dạy, có kẻ liền nói rằng: ‘Hình sắc là tánh Phật. Vì sao vậy? Hình sắc này tuy diệt nhưng vẫn tuần tự nối nhau không dứt, do đó mới đạt được Ba mươi hai tướng cao trội nhất của Như Lai. Sắc của Như Lai là thường, vì sắc của Như Lai là thường trụ, không dứt mất, cho nên nói rằng hình sắc là tánh Phật. Ví như vàng thật, tuy hình dạng thay



đổi nhưng màu sắc vẫn không đổi khác; hoặc dùng làm vòng đeo tay, làm lược, làm mâm... nhưng màu sắc vẫn không thay đổi. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, hình chất tuy là vô thường nhưng sắc vẫn là thường. Cho nên nói rằng hình sắc là tánh Phật.’

“Lại có người nói rằng: ‘Cảm thọ là tánh Phật. Vì sao vậy? Do nhân duyên là cảm thọ mới đạt được sự vui chân thật của Như Lai. Cảm thọ của Như Lai là cảm thọ rất ráo, là cảm thọ chân thật đệ nhất. Cảm thọ của chúng sanh tuy tánh là vô thường nhưng tuần tự tiếp nối không dứt nên mới có thể đạt đến cảm thọ thường tồn của Như Lai. Ví như có người mang họ Kiều-thi-ca, người tuy vô thường nhưng họ ấy là thường, dù trải qua muôn đời vẫn không thay đổi. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, cho nên nói rằng cảm thọ là tánh Phật.’

“Lại có người nói rằng: ‘Tưởng là tánh Phật. Tại sao vậy? Nhờ nhân duyên là niệm tưởng mà có thể đạt được tưởng chân thật của Như Lai. Cái tưởng của Như Lai gọi là cái tưởng không có niệm tưởng. Cái tưởng không có niệm tưởng đó chẳng phải niệm tưởng chúng sanh, chẳng phải niệm tưởng nam nữ, cũng chẳng phải niệm tưởng thuộc về sắc, thọ, tưởng, hành, thức; cũng chẳng thuộc về những niệm tưởng dứt đoạn. Niệm tưởng của chúng sanh tuy là vô thường, nhưng nhờ niệm tưởng ấy tuần tự nối tiếp không dứt nên mới có thể đạt được cái tưởng thường tồn của Như Lai.<sup>(4)</sup> Ví như Mười hai nhân duyên của chúng sanh; chúng sanh tuy diệt mất nhưng nhân duyên vẫn là thường. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy; cho nên nói rằng tưởng là tánh Phật.’

“Lại có người nói rằng: ‘Hành là tánh Phật. Vì sao vậy? Hành là thọ mạng. Do nhân duyên thọ mạng này

mà đạt được thọ mạng thường trụ của Như Lai. Thọ mạng của chúng sanh tuy là vô thường nhưng tuần tự nối tiếp không dứt, nên [nhờ đó] mới đạt được cái thọ mạng thường trụ, chân thật của Như Lai.<sup>(5)</sup> Ví như Mười hai bộ kinh, tuy kẻ nghe kinh và người giảng kinh đều là vô thường, nhưng kinh điển ấy vẫn là thường tồn, không biến đổi. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, cho nên nói rằng hành là tánh Phật.’

“Lại có người nói rằng: ‘Thức là tánh Phật. Vì sao vậy? Do nhân duyên là thức mà đạt được tâm bình đẳng của Như Lai. Ý thức của chúng sanh tuy là vô thường nhưng tuần tự tiếp nối không dứt, nên mới có thể đạt được tâm thường hằng và chân thật của Như Lai. Ví như tính chất của lửa là nóng ấm. Lửa ấy tuy vô thường nhưng tánh nóng chẳng phải vô thường. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, cho nên nói rằng thức là tánh Phật.’

“Lại có người nói rằng: ‘Lìa các ấm thì có ngã, ngã ấy là tánh Phật. Vì sao vậy? Do nhân duyên là ngã mà đạt được cái ngã có Tám đức tự tại của Như Lai. Có những ngoại đạo nói rằng: Những sự đi lại, thấy nghe, buồn vui, nói năng giảng thuyết... là ngã. Những tướng ngã ấy tuy là vô thường, nhưng cái ngã của Như Lai chân thật là thường.<sup>(6)</sup> Như ấm, nhập, giới tuy là vô thường nhưng cũng gọi là thường. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy.’

“Thiện nam tử! Như những người mù kia, mỗi người đều nói về con voi. Tuy chưa đạt đến sự thật, nhưng quả thật đều là nói về con voi. Những kẻ nói về tánh Phật [như trên] cũng giống như vậy. Tánh Phật không phải là sáu pháp [sắc, thọ, tưởng, hành, thức và ngã], nhưng cũng không lìa ra ngoài sáu pháp ấy.

“Thiện nam tử! Cho nên ta có dạy rằng: ‘Tánh Phật của chúng sanh chẳng phải sắc, chẳng lìa sắc... cho đến chẳng phải ngã, chẳng lìa ngã.’<sup>(7)</sup>

“Thiện nam tử! Có những ngoại đạo tuy nói có ngã nhưng thật là vô ngã. Cái ngã [giả tạm] của chúng sanh tức là năm ấm; lìa ra ngoài năm ấm không riêng có ngã.

“Thiện nam tử! Ví như cọng sen, cánh sen, tua sen, gương sen cùng hợp lại thành đóa hoa sen; lìa khỏi các thứ này thì không riêng có hoa sen nào khác. Cái ngã của chúng sanh cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như những tường vách, cây cột, cỏ lợp [thành mái]... cùng hợp lại gọi là cái nhà; lìa khỏi những thứ ấy không riêng có cái nhà nào khác!

“Như các loại cây khư-đà-la, ba-la-xa, ni-câu-đà, uất-đàm-bát... cùng hợp lại thành khu rừng, lìa khỏi các thứ cây ấy không riêng có khu rừng nào khác.

“Ví như các loại quân dùng xe, quân cưỡi voi, quân cưỡi ngựa, quân đánh bộ cùng hợp thành quân đội; lìa khỏi các loại quân ấy không riêng có quân đội nào khác.

“Ví như những sợi chỉ dệt xen lẫn năm màu hòa hợp gọi là tấm lụa thêu; lìa khỏi những sợi chỉ năm màu ấy không riêng có tấm lụa thêu nào khác.

“Như cả bốn chủng tánh<sup>(8)</sup> hợp lại gọi là đại chúng; lìa khỏi các chủng tánh ấy không riêng có đại chúng nào khác.

“Cái ngã của chúng sanh cũng giống như vậy; lìa khỏi năm ấm thì không riêng có cái ngã nào khác!

“Thiện nam tử! Đấng Như Lai thường trụ, ắt gọi là ngã. Pháp thân Như Lai không giới hạn, không ngăn ngại, không sanh, không diệt, có Tám đức tự tại, đó gọi

là ngã. Chúng sanh quả thật không có cái ngã [chân thật] và những đức thuộc về ngã như vậy, chỉ vì chắc chắn họ sẽ đạt được nghĩa không chân thật rốt ráo đệ nhất, cho nên gọi là [có] tánh Phật.

“Thiện nam tử! Đại từ, đại bi gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì đại từ, đại bi thường theo Bồ Tát như bóng theo hình. Tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được đại từ, đại bi, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Đại từ, đại bi gọi là tánh Phật. Tánh Phật gọi là Như Lai.

“Đại hỷ, đại xả gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì nếu Bồ Tát ma-ha-tát không thể buông xả Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu ắt không thể đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được quả ấy nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Đại hỷ, đại xả tức là tánh Phật. Tánh Phật tức là Như Lai.

“Đức tin lớn lao gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì nhờ đức tin mà Bồ Tát ma-ha-tát thể đạt được đầy đủ từ Bồ thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Vì tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ có được đức tin nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Đức tin lớn lao tức là tánh Phật. Tánh Phật tức là Như Lai.

“Địa vị Nhất tử [của hàng Bồ Tát]<sup>(9)</sup> gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì nhờ nhân duyên là địa vị này, Bồ Tát đạt được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Vì tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt đến địa vị Nhất tử, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Địa vị Nhất tử tức là tánh Phật. Tánh Phật tức là Như Lai.

“Trí lực thứ tư [trong Thập lực]<sup>(10)</sup> gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì nhờ nhân duyên là trí lực này, Bồ Tát có thể

giáo hóa chúng sanh. Vì tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được trí lực thứ tư này, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Trí lực thứ tư tức là tánh Phật. Tánh Phật tức là Như Lai.

“Mười hai nhân duyên gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì nhờ những nhân duyên ấy mà Như Lai thường trụ. Vì tất cả chúng sanh chắc chắn đều có Mười hai nhân duyên như vậy nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Mười hai nhân duyên tức là tánh Phật. Tánh Phật tức là Như Lai.

“Bốn trí không ngăn ngại<sup>(11)</sup> gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì nhờ nhân duyên là Bốn trí không ngăn ngại mà có thể giảng nói ý nghĩa từ ngữ một cách không ngăn ngại. Nhờ không ngăn ngại đối với ý nghĩa của từ ngữ nên có thể giáo hóa chúng sanh. Bốn trí vô ngại tức là tánh Phật. Tánh Phật tức là Như Lai.

“Đỉnh tam-muội<sup>(12)</sup> gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì tu tập pháp Đỉnh tam-muội ấy ắt có thể tổng nhiếp tất cả pháp Phật. Cho nên nói rằng Đỉnh tam-muội là tánh Phật. Hàng Bồ Tát Thập trụ tu tập phép tam-muội ấy nhưng chưa đạt được đầy đủ, nên tuy thấy được tánh Phật mà chưa được sáng rõ. Vì lẽ tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được phép Đỉnh tam-muội nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.

“Thiện nam tử! Như trên ta vừa giảng qua đủ mọi pháp khác nhau, [những pháp ấy] tất cả chúng sanh chắc chắn đều sẽ đạt được, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.

“Thiện nam tử! Nếu ta dạy rằng sắc là tánh Phật, chúng sanh nghe vậy ắt khởi sanh lòng tà vạy điên đảo.

Vì tà vạy điên đảo nên khi mạng chung ắt phải sanh vào địa ngục A-tỳ. Như Lai thuyết pháp là muốn trừ dứt trừ [nghiệp] địa ngục, cho nên không nói rằng sắc là tánh Phật, cho đến [cũng không] nói thức [là tánh Phật].<sup>(13)</sup>

“Thiện nam tử! Nếu các chúng sanh thấy rõ tánh Phật ắt không cần tu tập Chánh đạo. [Nhưng] hàng Bồ Tát Thập trụ tu tập Tám Thánh đạo còn chỉ thấy được đôi chút tánh Phật, huống chi những kẻ không tu tập lẽ nào lại thấy được hay sao?

“Thiện nam tử! Như Văn-thù-sư-lợi và các vị Bồ Tát đã trải qua vô lượng kiếp tu tập Thánh đạo mới rõ biết tánh Phật, làm sao hàng Thanh văn và Phật Bích-chi có thể biết được tánh Phật? Nếu chúng sanh muốn rõ biết tánh Phật, cần phải hết lòng thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng thuyết, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán kinh Niết-bàn này. Như thấy ai thọ trì, đọc tụng... cho đến tôn trọng, tán thán kinh này thì nên dùng những thứ tốt đẹp như phòng ốc, y phục, thực phẩm, giường nằm, thuốc men... để cung cấp cho người ấy, cũng như phải ngợi khen xưng tán, lễ bái, thường đến thăm hỏi.

“Thiện nam tử! Những ai đã từng trải qua vô lượng vô biên kiếp quá khứ gần gũi cúng dường vô lượng chư Phật, trồng sâu căn lành, mới có thể được nghe đến danh hiệu kinh này.

“Thiện nam tử! Tánh Phật là không thể nghĩ bàn; Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo cũng là không thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật nhưng không biết được, việc này cũng là không thể nghĩ bàn. Các pháp thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai cũng là không thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sanh có thể tin vào kinh Đại Niết-bàn này, điều đó cũng là không thể nghĩ bàn.”



Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật vừa nói: ‘Tất cả chúng sanh có thể tin vào kinh Đại Niết-bàn này, điều đó cũng là không thể nghĩ bàn.’

“Thế Tôn! Trong đại chúng này có tám vạn năm ngàn ức người không sanh lòng tin đối với kinh này. Cho nên nếu ai có thể tin vào kinh này, đó gọi là không thể nghĩ bàn.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Những người [không sanh lòng tin] như vậy, trong đời vị lai chắc chắn rồi cũng sẽ có được lòng tin đối với kinh này, sẽ thấy được tánh Phật, đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Làm sao vị Bồ Tát không thối chuyển tự biết chắc chắn rằng mình có tâm không thối chuyển?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát nên dùng sự khổ hạnh mà tự nghiệm biết tâm mình. Mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, trải qua bảy ngày; rồi tiếp đến là gạo, đậu xanh, hạt gai, lúa nếp, đậu trắng, mỗi thứ như vậy cũng chỉ ăn mỗi ngày một hạt trong suốt bảy ngày. Trong mỗi một giai đoạn bảy ngày như vậy đều giống như trong khi ăn mỗi ngày một hạt mè, Bồ Tát thường suy nghĩ rằng: ‘Khổ hạnh như thế này hoàn toàn không có lợi ích gì cả. Việc không lợi ích mà [ta] còn làm được, huống chi những việc có lợi ích lẽ nào lại không làm? Đối với việc không lợi ích mà tâm [ta] có thể nhẫn chịu, không hề thối chuyển, cho nên nhất định [ta] sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’

“Những ngày tu hành khổ hạnh như vậy, tất cả da thịt Bồ Tát đều gầy tóp, nhăn nheo, như trái bầu tươi cắt đem phơi nắng; hố mắt lõm sâu vào [chỉ còn lấp lánh] như ngôi sao [nhìn thấy] dưới đáy giếng; thân không còn

thịt, xương sườn lộ ra, như căn nhà tranh mục nát [bày ra các sườn tre]; các đốt xương sống liền nhau hiện ra, trông như một sợi dây thừng lớn xoắn lại; khi ngồi nơi nào thì [xương bàn tọa] lún vào mặt đất như hình móng chân ngựa; khi muốn ngồi thì gục xuống, khi muốn đứng lại ngã lãn. Tuy chịu đựng những nỗi khổ vô ích như vậy, nhưng Bồ Tát không hề thối mất tâm Bồ-đề.

“Lại nữa, Bồ Tát ma-ha-tát vì muốn phá trừ mọi sự khổ não, ban phát sự an vui, nên có thể xả bỏ hết mọi thứ quý giá ở trong và ngoài thân, cho đến cả thân mạng, như người ta vất bỏ nắm cỏ rơm. Nếu có thể không tham tiếc thân mạng, thì Bồ Tát tự biết rằng mình chắc chắn có tâm không thối chuyển, biết chắc rằng mình sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Lại nữa, Bồ Tát vì nhân duyên Chánh pháp mà khoét thân mình làm đèn, dùng da thịt đắp quanh nhiều lớp, tưới dầu vào mà đốt, dùng thân mình làm tim đèn. Bảy giờ, Bồ Tát nhận chịu sự khổ não lớn lao như vậy lại tự quở trách lòng mình rằng: ‘Sự khổ này so với sự khổ ở địa ngục chưa được một phần trong trăm ngàn muôn phần. Dù ta có chịu khổ não lớn lao trong vô lượng trăm ngàn kiếp cũng hoàn toàn không có lợi ích gì, nhưng nếu không chịu đựng được nỗi khổ nhỏ này, làm sao có thể ở trong địa ngục mà cứu khổ cho chúng sanh?’

“Đại Bồ Tát quán niệm như vậy rồi, tự thân không còn thấy khổ; tâm không thối lui, không lay động, không chuyển đổi. Khi ấy Bồ Tát nên tự rõ biết sâu xa rằng chắc chắn mình sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Lúc bấy giờ, vì Bồ Tát chưa trừ dứt được nên vẫn còn đủ các phiền não, nhưng vì nhân duyên



Chánh pháp mà Bồ Tát có thể dùng đầu mắt, tủy não, tay chân, máu thịt của mình để bố thí cho kẻ khác; hoặc dùng đinh nhọn đóng vào thân, hoặc nhảy vào lửa đỏ. Lúc ấy, tuy Bồ Tát chịu đựng vô lượng khổ não, nhưng nếu tâm không thối lui, không lay động, không chuyển đổi thì Bồ Tát nên biết chắc rằng đã có được tâm không thối chuyển, chắc chắn sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát vì muốn trừ hết khổ não cho tất cả chúng sanh nên nguyện [sanh] làm thân súc vật to lớn thô kệch để dùng máu thịt của chính thân mình mà bố thí cho chúng sanh. Khi chúng sanh bắt được mình, Bồ Tát lại sanh lòng thương xót họ, liền tự mình nín thở, hiện tướng như đã chết, để những kẻ bắt giữ Bồ Tát không phải sanh tâm lo ngại rằng đã phạm tội giết hại. Tuy Bồ Tát thọ thân súc sanh nhưng thật không hề có tạo nghiệp súc sanh. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Bồ Tát đã được tâm không thối chuyển rồi thì không bao giờ tạo tác nghiệp [để phải sanh vào] trong ba đường ác.

“Nếu trong đời vị lai Bồ Tát ma-ha-tát có những quả báo của nghiệp ác nhiều như số hạt bụi nhỏ, cũng không nhất định phải thọ nhận, nhưng Bồ Tát dùng sức nguyện lớn, vì tất cả chúng sanh mà thọ nhận tất cả. Ví như người bệnh bị loài quỷ mị nhập vào, ẩn nấp trong thân [không ai thấy được]. Nhờ sức chú thuật liền hiện ra các tướng, hoặc nói năng, hoặc vui mừng, hoặc giận dữ, hoặc chửi mắng, hoặc kêu khóc. Những nghiệp [ác phải sanh] trong ba đường ác vào đời vị lai của Bồ Tát ma-ha-tát cũng giống như vậy.

“Vị Đại Bồ Tát khi thọ thân loài gấu vẫn thường giảng thuyết Chánh pháp với chúng sanh; hoặc thọ thân loài

chim trĩ<sup>(14)</sup> cũng là vì để giảng thuyết Chánh pháp với chúng sanh; hoặc thọ thân cô-đà, thân hươu, thân thỏ, thân voi, thân dê đen, thân khỉ, thân bò câu trắng, thân chim kim sí, các thân rồng, rắn... Đang khi thọ các thân súc sanh như vậy nhưng Bồ Tát không hề tạo tác các nghiệp ác của súc sanh, thường vì những chúng sanh súc sanh khác mà giảng thuyết Chánh pháp, khiến họ nghe pháp rồi liền được nhanh chóng chuyển hóa, lìa bỏ thân súc sanh. Bấy giờ, tuy Bồ Tát thọ thân súc sanh nhưng không hề tạo tác các nghiệp ác nên biết chắc rằng đã có được tâm không thối chuyển.

“Gặp thời đói kém, Bồ Tát ma-ha-tát nhìn thấy chúng sanh đói khổ bèn sanh làm thân rùa, thân cá, dài đến vô lượng do-diên; lại phát nguyện rằng: ‘Nguyện khi chúng sanh cắt lấy thịt trong thân ta, liền ngay khi ấy sanh ra thịt khác; nhờ ăn thịt ta mà thoát được nỗi khổ đói khát, rồi tất cả đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề!’

“Bồ Tát phát nguyện rằng: ‘Những ai nhờ ta mà được lìa khỏi đói khát, nguyện cho trong đời vị lai cũng sẽ nhanh chóng được lìa xa nạn đói khát trong Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu!’

“Bồ Tát ma-ha-tát thọ khổ như vậy mà tâm không thối chuyển, nên biết chắc chắn rằng sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Lại nữa, gặp thời có dịch bệnh lan tràn, Bồ Tát nhìn thấy những kẻ bệnh khổ liền suy nghĩ rằng: ‘Như cây thuốc chúa, nếu người bệnh được dùng rễ, thân hay cành lá, hoa, quả của cây ấy đều được khỏi bệnh. Nguyện cho thân ta đây cũng giống như vậy! Nếu người có bệnh nghe được tiếng ta, chạm vào thân ta, hoặc ăn

thịt, uống máu ta, cho đến dùng xương tủy của ta đều sẽ được khỏi bệnh. Nguyên cho các chúng sanh trong khi ăn thịt ta không sanh tâm độc ác, [thương xót] như ăn thịt con mình! Ta trị bệnh cho chúng sanh rồi lại thường vì họ thuyết pháp, nguyện cho họ sẽ tin nhận, suy xét và mang giáo pháp dạy cho những người khác!

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát vẫn còn đủ các phiền não, tuy thân chịu khổ nhưng tâm không thối lùi, không lay động, không chuyển đổi, nên biết chắc rằng đã được tâm không thối chuyển, sẽ thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu có những chúng sanh bị quỷ mị làm cho mắc bệnh, Bồ Tát thấy vậy rồi liền nói: ‘Ta nguyện làm thân quỷ to lớn, dũng kiện, có nhiều quyền thuộc, khiến những người kia hoặc nghe hoặc thấy [thân ta] liền được khỏi bệnh!’ Bồ Tát ma-ha-tát vì chúng sanh mà siêng tu khổ hạnh, tuy có phiền não nhưng không hề bị nhiễm ô trong tâm.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tuy cũng tu hành sáu pháp ba-la-mật nhưng không cầu được [hưởng] quả của sáu pháp ba-la-mật. Trong khi tu hành sáu pháp ba-la-mật không gì hơn được, Bồ Tát phát nguyện rằng: ‘Nay ta dùng sáu pháp ba-la-mật này bố thí cho tất cả chúng sanh. Nguyên cho mỗi chúng sanh sau khi thọ nhận bố thí của ta rồi đều được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Chính ta cũng thực hành sáu pháp ba-la-mật, siêng tu khổ hạnh, nhận chịu các khổ não. Đang khi thọ nhận khổ não, ta nguyện không thối chuyển tâm Bồ-đề!’ Thiện nam tử! Khi Bồ Tát ma-ha-tát quán tưởng như thế thì gọi là tướng Bồ-đề không thối chuyển.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát là không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Bồ Tát ma-ha-tát rõ biết sâu xa rằng cuộc sanh tử có nhiều tai hại, nhìn thấy Đại Niết-bàn có công đức lớn. Dù vậy, Bồ Tát vì chúng sanh mà thường ở chốn sanh tử, nhận chịu mọi thứ khổ não nhưng tâm không hề thối chuyển. Cho nên gọi là Bồ Tát không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát không cần có nhân duyên gì mà vẫn sanh lòng thương xót [tất cả chúng sanh]; Bồ Tát không chịu [ơn] mà thường làm ơn [với kẻ khác]. Tuy Bồ Tát làm ơn nhưng không cầu sự báo đáp. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Hoặc có những chúng sanh vì lợi ích riêng mình mà tu hành khổ hạnh. Bồ Tát ma-ha-tát chỉ vì lợi ích cho người khác mà tu hành khổ hạnh, xem đó là lợi ích cho chính mình. Cho nên cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, Bồ Tát tuy còn đủ mọi phiền não, nhưng vì muốn phá trừ sự khổ não cho cả kẻ oán lẫn người thân, liền tu tập tâm bình đẳng. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, nếu Bồ Tát thấy những chúng sanh độc ác, không hiền lành, liền quả trách nặng nề, hoặc dùng lời dịu ngọt [khuyên răn], hoặc xua đuổi cách ly, hoặc bỏ mặc. Đối với kẻ tánh tình độc ác thì dùng lời dịu ngọt; đối với kẻ kiêu mạn thì tỏ vẻ kiêu mạn hơn [cả họ], nhưng trong lòng thật không có chút kiêu mạn nào. Đó gọi là phương tiện của Bồ Tát không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, Bồ Tát tuy còn đủ mọi phiền não, trong khi chỉ có ít tài vật mà kẻ đến xin lại rất nhiều, lòng cũng không hẹp hòi. Đó gọi là Bồ Tát không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, vào lúc có Phật ra đời, Bồ Tát rõ biết công đức của Phật. Bồ Tát lại vì chúng sanh mà sanh ra ở những nơi không có Phật, thọ thân ở những vùng xa vắng tối tăm; hoặc làm những người đui, điếc, què, cụt... Đó gọi là Bồ Tát không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, Bồ Tát rõ biết sâu xa những tội lỗi, sai lầm của chúng sanh, nhưng vì muốn độ thoát chúng sanh nên thường cùng họ làm việc. Tuy thường tùy theo ý chúng sanh nhưng không bị tội lỗi xấu ác làm ô nhiễm. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, Bồ Tát thấy biết rõ ràng là không có tướng chúng sanh, không có phiền não nhiễm ô, không có kẻ tu tập Chánh đạo lìa xa phiền não. Tuy tu tập Bồ-đề nhưng không có hạnh Bồ-đề, cũng không có người thành tựu Bồ-đề; không có người chịu khổ và không có người phá trừ sự khổ. Dù vậy, Bồ Tát vẫn có thể vì chúng sanh mà phá trừ sự khổ, thực hành hạnh Bồ-đề. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, Bồ Tát thọ thân gần cuối<sup>(15)</sup> ở cõi trời Đâu-suất, đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Cõi trời Đâu-suất là tốt đẹp hơn hết trong Dục giới.<sup>(16)</sup> Những cõi trời thấp hơn thì có tâm buồn thả, lười nhác; những cõi trời cao hơn thì các căn ám độn. Cho nên cõi trời Đâu-suất là hơn hết. Những ai tu tập bố thí, trì giới sẽ được sanh về những cõi trời ở bên trên hoặc bên dưới. Những ai tu tập bố thí, trì giới, thiền định mới được sanh về cõi trời Đâu-suất. Hết thấy Bồ Tát đều đã trừ bỏ những cảnh hiện hữu ấy, dứt hết các cảnh hiện hữu, không hề tạo tác những nghiệp sanh về cõi trời Đâu-suất [nhưng vẫn] thọ thân chư thiên ở cõi trời ấy. Vì

sao vậy? Bồ Tát dù ở các cảnh giới hiện hữu khác cũng có thể giáo hóa thành tựu cho chúng sanh. Bồ Tát thật không có lòng tham dục nhưng vẫn sanh ra ở Dục giới, đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Bồ Tát ma-ha-tát sanh ở cõi trời Đâu-suất có ba việc vượt trội [hơn chư thiên ở đó]: một là thọ mạng, hai là hình sắc, ba là danh xưng. Bồ Tát ma-ha-tát thật không mong cầu được thọ mạng, hình sắc, danh xưng. Tuy không có tâm mong cầu nhưng vẫn có được những sự vượt trội ấy. Bồ Tát ma-ha-tát chỉ hết lòng ưa thích Niết-bàn, nhưng khi có nhân duyên thì cũng có ba việc vượt trội ấy. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Tuy Bồ Tát ma-ha-tát vượt trội hơn hẳn chư thiên về ba việc ấy, nhưng chư thiên đối với Bồ Tát không hề sanh tâm sân hận, đố kỵ, kiêu mạn, chỉ thường sanh tâm hoan hỷ. Bồ Tát đối với chư thiên cũng không có lòng kiêu mạn. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Bồ Tát ma-ha-tát không tạo nghiệp dẫn đến thọ mạng nhưng cũng hưởng trọn thọ mạng ở cõi trời kia, gọi là thọ mạng vượt trội. Bồ Tát cũng không có các nghiệp [tạo thành] hình sắc, nhưng vẫn được thân hình tốt đẹp kỳ diệu, tỏa sáng khắp nơi, gọi là hình sắc vượt trội. Bồ Tát ma-ha-tát ở nơi cung điện của cõi trời Đâu-suất không hề ưa thích năm món dục, chỉ vì thực hành những việc thuộc về Chánh pháp mà thôi, vì thế mà danh xưng đầy khắp mười phương, gọi là danh xưng vượt trội. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Khi Bồ Tát ma-ha-tát từ cõi trời Đâu-suất giáng hạ thì cõi đất chấn động sáu cách, nên cũng gọi là không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vào lúc Bồ Tát giáng hạ, chư thiên các cõi trời [thuộc] Dục giới và Sắc giới đều đến



tiễn đưa, phát ra những âm thanh lớn xung tán ngợi khen Bồ Tát; hơi gió phát ra từ miệng [chư thiên] làm cho cõi đất phải chấn động. Lại có vị Bồ Tát là bạc [cao quý nhất như] voi chúa giữa loài người. Bạc cao quý nhất như voi chúa giữa loài người được tôn xưng là Long vương. Khi [Bồ Tát] Long vương ấy mới nhập thai thì có các vị long vương ở bên dưới cõi đất ấy, hoặc kinh sợ, hoặc vui mừng. Vì thế mà cõi đất chấn động sáu cách. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Bồ Tát ma-ha-tát tự rõ biết lúc nhập thai, lúc ở trong thai, lúc ra khỏi thai; rõ biết cha, mẹ; không trong sạch cũng không ô nhiễm, như hạt châu quý màu xanh trên búi tóc của Đế-thích. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Thiện nam tử! Kinh Đại bát Niết-bàn cũng giống như vậy, cũng là không thể nghĩ bàn.

“Thiện nam tử! Ví như biển cả có tám điều không thể nghĩ bàn. Những gì là tám? Một là từ [trong bờ] cạn mà [ra xa bờ] dần dần sâu thêm.<sup>(17)</sup> Hai là đáy sâu khôn dò. Ba là [khấp trong biển] đều cùng một vị mặn. Bốn là thủy triều [lên xuống đều đặn] không bao giờ sai trễ. Năm là chứa đủ mọi thứ kho báu. Sáu là có những loài chúng sanh thân hình to lớn sống trong đó. Bảy là không chứa giữ xác chết.<sup>(18)</sup> Tám là tất cả những dòng nước chảy, những cơn mưa lớn đều đổ vào trong biển cả, nhưng biển cũng không tăng thêm hay giảm bớt.

“Thiện nam tử! Có ba việc gọi là dần dần sâu thêm. Những gì là ba? Một là phước lực của chúng sanh. Hai là [thuyền buồm] thuận gió mà đi [ra xa bờ]. Ba là nước sông chảy vào [biển cả].

“Đối với những điều [khác, từ đáy sâu khôn dò] cho đến không tăng thêm hay giảm bớt, mỗi điều cũng đều có ba việc như thế.

“Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng giống như vậy, cũng có tám điều không thể nghĩ bàn.

“Điều thứ nhất: dần dần sâu thêm là nói [tuần tự từ] các giới ưu-bà-tắc, giới sa-di, giới tỳ-kheo, cho đến giới Bồ Tát; từ quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Phật Bích-chi, quả Bồ Tát, cho đến quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Kinh Đại Niết-bàn này dạy đủ các pháp như thế, gọi là dần dần sâu thêm. Cho nên kinh này gọi là [có tánh chất] dần dần sâu thêm.

“Điều thứ hai: đáy sâu khôn dò là [ví như] Như Lai Thế Tôn không sanh không diệt, không chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, không chuyển Pháp luân, không ăn uống, không thọ nhận, không thực hành bố thí; cho nên gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Tánh Phật không phải sắc, cũng không lìa ngoài sắc; không phải thọ, tướng, hành, thức; cũng không lìa ngoài thọ, tướng, hành, thức; là thường có thể thấy, là nhân thành tựu, không phải nhân tạo tác. Từ hàng Tu-đà-hoàn cho đến hàng Phật Bích-chi đều sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; cũng không có phiền não, cũng không có chỗ trụ. Tuy không có phiền não nhưng không gọi là thường. Vì thế nên gọi là sâu xa.

“Lại nữa, có chỗ rất sâu xa. Trong kinh này khi thì nói ngã, khi lại nói vô ngã; khi thì nói thường, có lúc lại nói vô thường; có khi nói tịnh, có khi lại nói bất tịnh; có khi nói lạc, có khi lại nói khổ; hoặc khi nói không, hoặc khi nói chẳng phải không; hoặc nói tất cả là có, hoặc nói tất cả là không; hoặc nói Hai thừa, hoặc nói Nhất thừa; hoặc nói năm ấm là tánh Phật; hoặc thuyết tam-muội Kim cang cùng với Trung đạo, tam-muội Thủ-lăng-nghiêm,



Mười hai nhân duyên, Đệ nhất nghĩa không, từ bi, bình đẳng đối với tất cả chúng sanh; hoặc thuyết đỉnh trí, tín tâm, rõ biết các căn, lực, trí tuệ không vướng ngại đối với tất cả các pháp. Tuy nói có tánh Phật nhưng không nói nhất định. Vì vậy nên gọi là sâu xa.

“Điều thứ ba: cùng một vị [mạn là ví với] tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, đều cùng một giáo pháp, cùng một sự giải thoát, một nhân, một quả, cùng một [vị] cam lộ; tất cả đều sẽ đạt được thường, lạc, ngã, tịnh. Đó gọi là cùng một vị.

“Điều thứ tư: thủy triều [lên xuống] không bao giờ sai trễ [là ví] như trong kinh này chế định các tỳ-kheo không được thọ nhận và tích chứa tám vật bất tịnh, nếu trong các đệ tử của ta, những ai có thể thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng giải phân biệt kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này, thà chịu mất thân mạng chứ không bao giờ phạm vào sự cấm chế ấy. Đó gọi là thủy triều không bao giờ sai trễ.

“Điều thứ năm: chứa đủ mọi thứ kho báu [là ví như] kinh này là kho báu vô lượng. Cửa báu [trong kho] ấy là nói Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy phần giác, Tám phần Thánh đạo, Anh nhi hạnh, Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, các phương tiện thiện xảo, tánh Phật của chúng sanh, công đức của Bồ Tát, công đức của Thanh văn, công đức của Duyên giác, Sáu pháp Ba-la-mật, vô số tam-muội, vô lượng trí tuệ. Đó gọi là [chứa đủ mọi thứ] kho báu.

“Điều thứ sáu: chúng sanh thân hình to lớn sống trong đó. Chúng sanh thân hình to lớn là ví với Phật và Bồ Tát. Vì các ngài có trí tuệ lớn nên gọi là chúng sanh

to lớn. Lại vì các ngài có thân lớn lao, có tâm lớn lao, vì [các ngài] trang nghiêm rất mực, vì [các ngài] điều phục mạnh mẽ, vì [các ngài có] phương tiện to lớn, vì [các ngài] thuyết pháp rộng khắp, vì [các ngài có] thể lực mạnh mẽ, vì [các ngài có] đồ chúng rộng lớn, vì [các ngài có] thân thông lớn mạnh, vì [các ngài có] lòng từ bi trải khắp, vì [các ngài] là thường trụ không biến đổi, vì [các ngài] không vướng ngại đối với tất cả chúng sanh, vì [các ngài] bao dung thọ nhận tất cả chúng sanh, cho nên gọi là chúng sanh thân hình to lớn sống trong đó.

“Điều thứ bảy: [biển cả] không chứa giữ xác chết. Xác chết là ví với những kẻ nhất-xiển-đề, phạm vào bốn giới cấm nặng, <sup>(19)</sup> năm tội vô gián, <sup>(20)</sup> phỉ báng kinh Phương đẳng, điều không đúng Chánh pháp mà nói là Chánh pháp, điều đúng Chánh pháp lại nói là không đúng Chánh pháp, thọ nhận và tích chứa tám thứ vật bất tịnh, tùy ý sử dụng tài sản [được cúng dường] Phật, [cúng dường] chúng tăng, làm những việc không đúng Chánh pháp đối với các vị tỳ-kheo hoặc tỳ-kheo ni. [Những kẻ như thế] gọi là xác chết. Kinh Niết-bàn này là khỏi những kẻ ấy nên gọi là không chứa giữ xác chết.

“Điều thứ tám: không tăng thêm hay giảm bớt [là ví như kinh này] vì không có giới hạn, vì không có điểm khởi đầu hay kết thúc, vì không thuộc về hình sắc, vì không do tạo tác, vì là thường trụ, vì không sanh diệt, vì tất cả chúng sanh đều bình đẳng, vì tất cả tánh Phật là cùng một tánh; cho nên gọi là không tăng thêm hay giảm bớt.

“Vì [tất cả những ý nghĩa như] thế, kinh này cũng giống như biển cả, có đủ tám điều không thể nghĩ bàn.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu nói Như Lai không sanh không diệt là sâu xa, còn tất cả chúng sanh đều có đủ bốn cách sanh ra: sanh ra từ trứng, sanh ra từ bào thai, sanh ra từ sự ảm thấp, sanh ra từ sự biến hóa.<sup>(21)</sup> Trong loài người cũng có đủ bốn cách sanh ấy. Như tỳ-kheo Thi-bà-la, tỳ-kheo Ưu-bà-thi-bà-la; lại như các bà mẹ của trưởng giả Di-ca-la, trưởng giả Ni-câu-đà, trưởng giả Bán-xà-la, mỗi bà này đều có năm trăm đứa con sanh ra từ trứng. Vậy nên biết rằng trong loài người cũng có cách sanh ra từ trứng. Nói về việc sanh ra từ sự ảm thấp, thì như Phật có kể chuyện thuở xưa khi còn làm Bồ Tát từng là vua Đỉnh Sanh và vua Thủ Sanh; hoặc như hiện nay Phật có nói về cô Am-la và cô Ca-bất-đa. Vậy nên biết rằng trong loài người cũng có cách sanh ra từ sự ảm thấp. Vào thuở Kiếp sơ,<sup>(22)</sup> tất cả chúng sanh đều sanh ra từ sự biến hóa. Như Lai Thế Tôn đã đạt được Tám đức tự tại, do nhân duyên gì không chọn cách hóa sanh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh được sanh ra do bốn cách sanh. Nhưng sau khi đã chứng đắc Thánh pháp rồi thì không còn sanh ra bằng những cách noãn sanh, thấp sanh... như trước.

“Thiện nam tử! Vào thuở Kiếp sơ chúng sanh đều là hóa sanh; thuở ấy không có Phật ra đời.

“Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh mang bệnh khổ mới cần đến thầy thuốc. Vào thuở Kiếp sơ chúng sanh đều do sự biến hóa mà sanh ra, tuy có phiền não nhưng bệnh chưa bộc phát, vì thế Như Lai không ra đời vào thuở ấy. Thuở Kiếp sơ, thân tâm chúng sanh không chứa đựng [được Phật pháp] nên Như Lai không ra đời vào thời ấy.

“Thiện nam tử! Những gì liên quan đến Như Lai Thế Tôn bao giờ cũng thù thắng hơn tất cả chúng sanh, chẳng hạn như dòng họ, quyến thuộc, cha mẹ... Do có sự thù thắng hơn nên những giáo pháp do ngài thuyết giảng đều được mọi người tin nhận. Vì [thù thắng hơn] nên Như Lai không chọn cách hóa sanh [giống như chúng sanh].

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều tạo nghiệp theo cách cha con trong gia đình noi theo nhau. Nếu Thế Tôn chọn cách hóa thân thì không có cha mẹ. Nếu không có cha mẹ thì làm sao có thể khiến cho tất cả chúng sanh [noi theo để] làm mọi nghiệp lành? Vì thế nên Như Lai không chọn cách hóa thân.

“Thiện nam tử! Trong Chánh pháp của Phật có hai sự phòng hộ, một là sự phòng hộ từ bên trong, hai là sự phòng hộ bên ngoài. Sự phòng hộ từ bên trong là nói các giới cấm; sự phòng hộ bên ngoài là [nhờ vào] thân tộc, quyến thuộc. Nếu Như Lai chọn cách hóa thân thì không có sự phòng hộ bên ngoài. Vì thế nên Như Lai không chọn cách hóa thân.

“Thiện nam tử! Có những người cậy nơi dòng họ [cao quý] của mình mà sanh ra kiêu mạn. Như Lai vì muốn phá trừ sự kiêu mạn như thế nên sanh ra trong dòng họ cao quý, không chọn cách hóa thân.

“Thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn thật có cha mẹ, cha tên Tịnh Phạm, mẹ tên Ma-da, thế mà có chúng sanh còn gọi [Như Lai] là huyễn hóa,<sup>(23)</sup> vậy sao có thể chọn thân hóa sanh? Nếu Như Lai chọn cách hóa thân, làm sao [sau khi diệt độ] có thể để lại xá-lợi [cho chúng sanh]? Như Lai vì muốn cho chúng sanh được tăng thêm phước đức nên [thị hiện có] thân tan rã [để lại xá-lợi]

cho chúng sanh cứng dường. Vì thế nên Như Lai không chọn cách hóa thân.

“Tất cả chư Phật đều không hóa sanh, vì sao riêng ta lại có thể chọn cách hóa thân?”

Lúc ấy, Bồ Tát Sư Tử Hống liền chấp tay quỳ xuống, đầu gối phải sát đất, đọc kệ xưng tán Phật rằng:

Công đức Như Lai thật vô lượng,  
Nay con không thể nói cho cùng;  
Xin vì chúng sanh lược đôi nét,  
Nguyện Phật từ bi, mở lòng nghe.

Chúng sanh đi giữa màn tăm tối,  
Nhận chịu vô vàn trăm nỗi khổ;  
Thế Tôn cứu giúp xa lìa hết,  
Nên đời xưng ngài bậc Đại bi.  
Chúng sanh trói buộc trong sanh tử,  
Buông thả, mê lầm, không an vui;  
Như Lai mang an vui rộng thí,  
Khiến mãi dứt lìa sợi tử sanh.

Vì Phật mang an vui rộng thí,  
Không chuộng niềm vui cho riêng mình;  
Vì khắp chúng sanh, tu khổ hạnh,  
Nên người thế gian vui cứng dường.

Thấy người chịu khổ, lòng rung động,  
Dù vào địa ngục không đón đau;  
Vì khắp chúng sanh, chịu khổ lớn,  
Nên chẳng ai hơn, thật khôn lường!

Như Lai vì chúng, tu khổ hạnh,  
Thành tựu đủ sáu ba-la-mật;  
Tâm giữa gió tà không lay động,  
Nên hơn cả đại sĩ thế gian.

Chúng sanh thường muốn được an vui,  
Nhưng chẳng biết tu nhân an vui;  
Như Lai dạy dỗ khiến tu tập,  
Như đấng cha lành yêu con một!

Phật thấy nạn phiền não chúng sanh,  
Lòng khổ như mẹ lo con bệnh;  
Thường nghĩ đủ mọi cách trị liệu,  
Nên [biết] thân hệ thuộc ngoài thân.

Chúng sanh tạo tác mọi sự khổ,  
Tâm thường điên đảo ngộ là vui;  
Như Lai dạy: khổ, vui chân thật,  
Nên tôn xưng Phật là Đại bi.

Thế gian bực giữa trứng vô minh,  
Không sức trí tuệ phá vỡ bọc,  
Trí tuệ Như Lai phá vỡ trứng,  
Nên xưng là Mẹ cao quý nhất.

Không còn hệ thuộc trong ba đời,  
Chẳng có tên gọi, danh xưng giả;  
Rõ biết nghĩa Niết-bàn sâu thẳm,  
Nên tôn xưng Phật là Đại giác.

Chúng sanh chìm đắm sông luân hồi,  
Vô minh mù tối không vượt thoát;  
Phật tự sang sông, đưa người sang,  
Nên tôn xưng Phật: Đại thuyền sư.

Phật rõ biết hết mọi nhân quả,  
Lại cũng thông đạt đạo tịch diệt;  
Ban cho chúng sanh thuốc trị khổ,  
Nên đời xưng là Đại y vương.

Ngoại đạo tà kiến nói khổ hạnh,  
Bảo rằng nhờ đó được vui nhất;  
Như Lai giảng hạnh vui chân thật,  
Khiến chúng sanh được sự vui thích.

Như Lai phá dẹp đường sai lệch,  
Chỉ bày chúng sanh đường chân chánh;  
Đi theo đường ấy được an vui,  
Nên tôn xưng Phật là Đạo sư.

Ta không, người cũng không tạo tác,  
Không cùng tạo tác hoặc không nhân,  
Như Lai giảng thuyết việc chịu khổ,  
Vượt hơn tất cả các ngoại đạo.

Thành tựu đầy đủ giới, định, tuệ,  
Lại đem pháp ấy dạy chúng sanh;  
Rộng ban giáo pháp không tiếc giữ,  
Nên tôn xưng Phật: Vô duyên từ.

Không chỗ tạo tác, không nhân duyên,  
Đạt thấu không nhân, không quả báo;  
Cho nên tất cả bậc trí giả,  
Tôn xưng Như Lai: Bất cầu báo.

Thường sống cùng những kẻ buông thả,  
Nhưng tự thân không hề buông thả;  
Nên gọi là: không thể nghĩ bàn,  
Tám pháp thế gian không ô nhiễm.

Như Lai Thế Tôn không oán, thân,  
Nên tâm bình đẳng không phân biệt;  
Nay con, Sư Tử Hồng tán Phật,  
Muôn tiếng rền vang, sư tử rống.<sup>(24)</sup>

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN BA MƯƠI HAI



## CHÚ GIẢI

1. Nguyên bản Hán văn dùng “tăng-man vật” (僧鬘物), phiên âm từ Phạn ngữ, đời Đường dịch nghĩa là “đối diện thí”, được giải thích là “hiện tiền đối diện chi thí”. Từ điển Bách khoa Phật học xếp đây là một trong sáu loại “Tăng vật”, nghĩa là tài sản của Tăng-già. Vì thế, ở đây được hiểu là những đồ vật được trực tiếp cúng dường cho Tăng-già.
2. Năm bộ Tăng: chỉ Tăng-già bao gồm Sa-di, Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni và Bồ Tát Tăng.
3. Các pháp giới, nhập, ám: chỉ chung 18 giới (thập bát giới), 12 nhập (thập nhị nhập) và 5 ám (ngũ ám). Đây là tất cả các pháp hòa hợp thành sự hiện hữu của tất cả chúng sanh.
4. Bản Hán văn có ba chữ “Thiện nam tử” ở vị trí này, nhưng xét văn cảnh không thích hợp nên chúng tôi đã bỏ đi, vì thấy không có ảnh hưởng gì đến ý nghĩa đoạn văn.
5. Chỗ này trong bản Hán văn cũng có ba chữ “Thiện nam tử”, nhưng cũng như đoạn trên, vì đây không phải lời Phật dạy trực tiếp nên những chữ này có lẽ là thừa.
6. Ở đây cũng thừa ba chữ “Thiện nam tử”, trong khi ở đoạn ngay trên không có. Vì thế chúng tôi đã bỏ đi khi dịch.
7. Câu này nói tóm lược về cả sáu pháp trên đều như vậy.
8. Tức là bốn giai cấp của Ấn Độ vào thời Phật tại thế, gồm các giai cấp Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Thủ-đà-la và Phệ-xá.
9. Địa vị Nhất tử: địa vị chứng đắc của hàng Bồ Tát, đạt được tâm bình đẳng thương yêu tất cả chúng sanh như con một của mình. Cũng được đề cập đến trước đây với tên Cực ái nhất tử địa.
10. Trí lực thứ tư (đệ tứ lực) trong Thập lực, tức Tri chúng sanh tâm tánh trí lực. Đạt được trí lực này, vị Bồ Tát có thể rõ biết tâm tánh của tất cả chúng sanh, nhờ đó mà dễ dàng tùy duyên hóa độ.
11. Bốn trí không ngại (Tứ vô ngại trí), gồm Pháp vô ngại trí, Nghĩa vô ngại trí, Từ vô ngại trí và Nhạo thuyết vô ngại trí.
12. Đỉnh tam-muội: phép tam-muội cao trổi nhất của hàng Bồ Tát Thập địa, thâm nhiếp tất cả các phép tam-muội khác.
13. Câu này nói tóm ý từ sắc cho đến thức, nghĩa là gồm cả năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Tóm lại, Phật không dạy rằng năm ấm là tánh Phật.
14. Nguyên bản Hán văn dùng ca-tân-xà-la, là tên phiên âm từ Phạn ngữ kapiṅjara. Danh nghĩa tập, quyển 2 có đoạn viết: “Ca-tân-xà-la, thử vân trí.” (迦頻闍羅, 此云雉。 - Ca-tân-xà-la, xứ này gọi là [chim] trí.)

15. Thân gần cuối (hậu biên thân): là thân gần kề với thân tối hậu, sau chót của một vị Bồ Tát. Bồ Tát sau khi thọ thân này rồi mới thọ thân tối hậu và thành Phật.
16. Sáu cõi trời trong Dục giới được kể từ dưới lên như sau: 1. Tứ thiên vương thiên, 2. Đao-lý thiên, 3. Tô-dạ-ma thiên, 4. Đâu-suất thiên, 5. Hóa lạc thiên, 6. Tha hóa Tự tại thiên.
17. Tuy bản Hán văn chỉ nói “tiệm tiệm chuyển thâm” (漸漸轉深) nhưng nếu hiểu là “dần dần sâu thêm” thì rất tối nghĩa. So sánh thêm với đoạn ví dụ được nêu ra tiếp theo thì hiểu ở đây ý nói “biển sâu dần từ trong bờ ra ngoài khơi”, cũng như giới luật từ ưu-bà-tắc cho đến tỳ-kheo, như quả vị từ Thanh văn, Duyên giác cho đến quả Phật.
18. Nguyên bản Hán văn là “bất túc tử thi” (不宿死屍), nhưng nếu hiểu là “không chứa tử thi” thì rất mơ hồ. Ở đây thật ra muốn nói là “không chứa giữ lại”, vì tất cả những xác chết rơi xuống biển đều có khuynh hướng bị sóng xô đẩy dần vào bờ, nên nói là biển “không chứa giữ lại”.
19. Bốn giới cấm nặng (tứ trọng cấm): gồm các tội giết người, trộm cắp, dâm dục và nói dối rằng mình đã chứng quả thánh.
20. Năm tội vô gián (ngũ vô gián tội), tức năm tội nghịch (ngũ nghịch tội): giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng và làm thân Phật chảy máu. Vì năm tội này chắc chắn sẽ phải đọa vào địa ngục Vô gián (tức địa ngục A-tỳ) nên gọi là năm tội vô gián.
21. Bốn cách sanh này được gọi là noãn sanh, thai sanh, thấp sanh và hóa sanh.
22. Kiếp sơ: thuở ban sơ, kiếp sơ khai của một thế giới.
23. Đây nói đến sự gièm pha của ngoại đạo, dựa vào tên của hoàng hậu Ma-da (Māyā) có nghĩa là “huyễn ảo, không thật” nên nói với mọi người rằng Phật chỉ là một nhà ảo thuật giỏi, chuyên làm ra những sự huyễn hóa không thật mà thôi.
24. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 30, bắt đầu quyển 31, phẩm Bồ Tát Ca-diếp thứ 24, phần đầu tiên (Ca-diếp Bồ Tát phẩm đệ nhị thập tứ chi nhất).

# 大般涅槃經

## 卷第三十三

### 迦葉菩薩品

#### 第十二之一

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來憐愍一切眾生。不調能調不淨能淨。無歸依者能作歸依。未解脫者能令解脫。得八自在為大醫師作大藥王。

善星比丘是佛菩薩時子。出家之後受持讀誦分別解說十二部經。壞欲界結獲得四禪。云何如來記說善星。是一闍提廝下之人。地獄劫住不可治人。如來何故不先為其演說正法後為菩薩。如來世尊若不能救善星比丘。云何得名有大慈悲有大方便。

佛言。善男子。譬如父母唯有三子。其一子者有信順心恭敬父母。利根智慧於世間事能速了知。其第二子不敬父母無信順心。利根智慧於世間事能速了知。其第三子不敬父母無信順心。鈍根無智父母若欲教告之時。應先教誰先親愛誰當先教誰知世間事。

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ TAM THẬP TAM

### CA DIẾP BỒ TÁT PHẨM

#### Đệ thập nhị chi nhất

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai lân mẫn nhất thiết chúng sanh: bất điều, năng điều, bất tịnh, năng tịnh; vô quy y giả, năng tác quy y; vị giải thoát giả, năng linh giải thoát. Đắc bát tự tại, vi Đại y sư, tác Đại dược vương.

Thiện Tinh tỳ-kheo, thị Phật Bồ Tát thời tử, xuất gia chi hậu, thọ trì, đọc, tụng, phân biệt, giải thuyết, Thập nhị bộ kinh, hoại dục giới kết, hoạch đắc tứ thiên. Vân hà Như Lai ký thuyết Thiện Tinh thị nhất-xiển-đề, ty hạ chi nhân, địa ngục kiếp trụ, bất khả trị nhân? Như Lai hà cố bất tiên vị kỳ diễn thuyết Chánh pháp, hậu vị Bồ Tát? Như Lai Thế Tôn nhược bất năng cứu Thiện Tinh tỳ-kheo, vân hà đắc danh hữu đại từ bi, hữu đại phương tiện?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thí như phụ mẫu, duy hữu tam tử: Kỳ nhất tử giả hữu tín thuận tâm, cung kính phụ mẫu, lợi căn trí tuệ; ư thế gian sự, năng tốc liễu tri. Kỳ đệ nhị tử bất kính phụ mẫu, vô tín thuận tâm, lợi căn trí tuệ; ư thế gian sự, năng tốc liễu tri. Kỳ đệ tam tử bất kính phụ mẫu, vô tín thuận tâm, độn căn vô trí. Phụ mẫu nhược dục giáo cáo chi thời, ưng tiên giáo thù? Tiên thân ái thù? Đương tiên giáo thù, tri thế gian sự?

迦葉菩薩白佛言。世尊。應先教授有信順心恭敬父母。利根智慧知世事者。其次第二後及第三。而彼二子雖無信順恭敬之心。為愍念故次復教之。

善男子。如來亦爾。其三子者。初喻菩薩中喻聲聞後喻一闍提。如十二部經修多羅中微細之義。我先已為諸菩薩說。淺近之義為聲聞說。世間之義為一闍提五逆罪說。現在世中雖無利益以憐愍故。為生後世諸善種子。

善男子。如三種田。一者渠流便易。無諸沙鹵。瓦石棘刺種一得百。二者雖無沙鹵瓦石棘刺。渠流難險收實減半。三者渠流險難。多諸沙鹵瓦石棘刺。種一得一為稟草故。

善男子。農夫春月先種何田。

世尊。先種初田次第二田後及第三。

初喻菩薩次喻聲聞後喻一闍提。

善男子。譬如三器。一者完二者漏三者破。若欲盛置乳酪水酥。先用何者。

世尊。應用完者次用漏者後及破者。

其完淨者喻菩薩僧，漏喻聲聞僧，破喻一闍提。

善男子。如三病人俱至醫所。一者易治。二者難治。三者不可治。

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ứng tiên giáo thọ hữu tín thuận tâm, cung kính phụ mẫu, lợi căn trí tuệ, tri thế sự giả. Kỳ thứ đệ nhị, hậu cập đệ tam. Nhi bỉ nhị tử tuy vô tín thuận, cung kính chi tâm; vị mẫn niệm cố, thứ phục giáo chi.

Thiện nam tử! Như Lai diệc nhĩ. Kỳ tam tử giả: sơ, dụ Bồ Tát; trung, dụ Thanh văn; hậu, dụ Nhất-xiển-đề. Như Thập nhị bộ kinh, Tu-đa-la trung: vi tế chi nghĩa, ngã tiên dĩ vị chư Bồ Tát thuyết; thiển cận chi nghĩa, vị Thanh văn thuyết; thế gian chi nghĩa, vị nhất-xiển-đề, ngũ nghịch tội thuyết. Hiện tại thế trung, tuy vô lợi ích; dĩ lân mẫn cố, vị sanh hậu thế chư thiện chủng tử.

Thiện nam tử! Như tam chủng điền: Nhất giả, cừ lưu tiện dị, vô chư sa lổ, ngổa thạch, cúc thích; chủng nhất đắc bá. Nhị giả, tuy vô sa lổ, ngổa thạch, cúc thích; cừ lưu nan hiểm; thâm thật giảm bán. Tam giả, cừ lưu hiểm nan, đa chư sa lổ, ngổa thạch, cúc thích; chủng nhất đắc nhất, vị cỏ, thảo cố.

Thiện nam tử! Nông phu xuân nguyệt, tiên chủng hà điền?

Thế Tôn! Tiên, chủng sơ điền. Thứ, đệ nhị điền. Hậu cập đệ tam.

Sơ, dụ Bồ Tát. Thứ, dụ Thanh văn. Hậu, dụ nhất-xiển-đề.

Thiện nam tử! Thí như tam khí: nhất giả hoàn; nhị giả lậu; tam giả phá. Nhược dục thanh trí nhũ, lạc, thủy, tô, tiên dụng hà giả?

Thế Tôn! Ứng dụng hoàn giả. Thứ dụng lậu giả. Hậu cập phá giả.

Kỳ hoàn tịnh giả, dụ Bồ Tát Tăng. Lậu dụ Thanh văn Tăng. Phá dụ Nhất-xiển-đề.

Thiện nam tử! Như tam bệnh nhân, câu chí y sở: nhất giả dị trị. Nhị giả nan trị. Tam giả bất khả trị.

善男子。醫若治者當先治誰。

世尊。應先治易次及第二後及第三。

何以故為親屬故。其易治者喻菩薩僧。其難治者喻聲聞僧。不可治者喻一闍提。現在世中雖無善果。以憐愍故為種後世諸善種子故。

善男子。譬如大王有三種馬。一者調壯大力。二者不調齒壯大力。三者不調羸老無力。王若乘者當先乘誰。

世尊。應當先乘調壯大力。次乘第二後及第三。

善男子。調壯大力喻菩薩僧。其第二者喻聲聞僧。其第三者喻一闍提。現在世中雖無利益。以憐愍故為種後世諸善種子。

善男子。如大施時有三人來。一者貴族聰明持戒。二者中姓鈍根持戒。三者下姓鈍根毀戒。善男子。是大施主應先施誰。

世尊。應先施於貴姓之子利根持戒。次及第二後及第三。

其第一者喻菩薩僧。其第二者喻聲聞僧。其第三者喻一闍提。

善男子。如大師子殺香象時皆盡其力。殺兔亦爾不生輕想。諸佛如來亦復如是。為諸菩薩及一闍提。演說法時功用無二。

Thiện nam tử! Y nhược trị giả, đương tiên trị thù?

Thế Tôn! Ứng tiên trị dị. Thứ cập đệ nhị. Hậu cập đệ tam.

Hà dĩ cố? Vị thân thuộc cố. Kỳ dị trị giả, dụ Bồ Tát Tăng. Kỳ nan trị giả, dụ Thanh văn Tăng. Bất khả trị giả, dụ nhất-xiển-đề. Hiện tại thế trung, tuy vô thiện quả; dĩ lân mẫn cố, vị chủng hậu thế chư thiện chủng tử cố.

Thiện nam tử! Thí như đại vương hữu tam chủng mã: Nhất giả điều, tráng, đại lực. Nhị giả bất điều, xỉ tráng, đại lực. Tam giả bất điều, luy lão, vô lực. Vương nhược thừa giả, đương tiên thừa thù?

Thế Tôn! Ứng đương tiên thừa điều, tráng, đại lực. Thứ, thừa đệ nhị. Hậu, cập đệ tam.

Thiện nam tử! Điều, tráng, đại lực, dụ Bồ Tát Tăng. Kỳ đệ nhị giả, dụ Thanh văn tăng. Kỳ đệ tam giả, dụ Nhất-xiển-đề. Hiện tại thế trung, tuy vô lợi ích; dĩ lân mẫn cố, vị chủng hậu thế chư thiện chủng tử.

Thiện nam tử! Như đại thí thời, hữu tam nhân lai: Nhất giả quý tộc, thông minh, trì giới. Nhị giả trung tánh, độn căn, trì giới. Tam giả hạ tánh, độn căn, hủy giới. Thiện nam tử! Thị đại thí chủ, ứng tiên thí thù?

Thế Tôn! Ứng tiên thí ư quý tánh chi tử, lợi căn, trì giới. Thứ cập đệ nhị. Hậu cập đệ tam.

Kỳ đệ nhất giả, dụ Bồ Tát Tăng. Kỳ đệ nhị giả, dụ Thanh văn Tăng. Kỳ đệ tam giả, dụ nhất-xiển-đề.

Thiện nam tử! Như đại sư tử, sát hương tượng thời, giai tận kỳ lực. Sát thỏ diệt nhĩ; bất sanh khinh tượng. Chư Phật Như Lai diệt phục như thị; vị chư Bồ Tát cập nhất-xiển-đề, diễn thuyết pháp thời, công dụng vô nhị.



善男子。我於一時住王舍城。善星比丘為我給使。我於初夜為天帝釋演說法要。弟子法應後師眠臥。爾時善星以我久坐心生惡念。時王舍城小男小女若啼不止。父母則語汝若不止。當將汝付薄拘羅鬼。爾時善星反被拘執而語我言。速入禪室薄拘羅來。

我言癡人汝常不聞如來世尊無所畏耶。

爾時帝釋即語我言。世尊。如是人等亦復得入佛法中耶。我即語言。憍尸迦。如是人者得入佛法。亦有佛性當得阿耨多羅三藐三菩提。

我雖為是善星說法。而彼都無信受之心。

善男子。我於一時在迦尸國，尸婆富羅城。善星比丘為我給使。我時欲入彼城乞食。無量眾生虛心渴仰欲見我跡。善星比丘尋從我後而毀滅之。既不能滅而令眾生生不善心。

我入城已於酒家舍。見一尼乾躡脊蹲地飡食酒糟。

善星比丘見已而言。世尊。世間若有阿羅漢者是人最勝。何以故。是人所說無因無果。

我言癡人。汝常不聞阿羅漢者。不飲酒不害人不欺誑不偷盜不婬佚。是人殺害父母食噉酒糟。云

Thiện nam tử! Ngã ư nhất thời, trụ Vương Xá thành, Thiện Tinh tỳ-kheo vi ngã cấp sử. Ngã ư sơ dạ, vị Thiên Đế-thích diễn thuyết pháp yếu. Đệ tử pháp ưng hậu sư miên ngoạ. Nhĩ thời, Thiện Tinh dĩ ngã cửu tọa, tâm sanh ác niệm. Thời, Vương Xá thành, tiểu nam, tiểu nữ nhược đề bất chỉ, phụ mẫu tác ngữ: Nhữ nhược bất chỉ, đương tương nhữ phó Bạc-câu-la quý. Nhĩ thời, Thiện Tinh phản bị câu chấp, nhi ngữ ngã ngôn: Túc nhập thiên thất, Bạc-câu-la lai!

Ngã ngôn: Si nhân! Nhữ thường bất văn Như Lai Thế Tôn vô sở úy da?

Nhĩ thời, Đế-thích tức ngữ ngã ngôn: Thế Tôn! Như thị nhân đẳng diệc phục đắc nhập Phật pháp trung da? Ngã tức ngữ ngôn: Kiêu-thi-ca! Như thị nhân giả đắc nhập Phật Pháp, diệc hữu Phật tánh, đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Ngã tuy vị thị Thiện Tinh thuyết pháp, nhi bỉ đô vô tín thọ chi tâm!

Thiện nam tử! Ngã ư nhất thời, tại Ca-thi quốc, Thi-bà-phú-la thành; Thiện Tinh tỳ-kheo vi ngã cấp sử. Ngã thời dục nhập bỉ thành khát thực. Vô lượng chúng sanh, hư tâm khát ngưỡng, dục kiến ngã tích. Thiện Tinh tỳ-kheo tâm từng ngã hậu, nhi hủy diệt chi. Ký bất năng diệt, nhi linh chúng sanh sanh bất thiện tâm.

Ngã nhập thành dĩ, ư tửu gia xá, kiến nhất Ni-kiên, quyền tích tôn địa, xan thực tửu tào.

Thiện Tinh tỳ-kheo kiến dĩ, nhi ngôn: Thế Tôn! Thế gian nhược hữu A-la-hán giả, thị nhân tối thắng. Hà dĩ cố? Thị nhân sở thuyết: vô nhân, vô quả.

Ngã ngôn: Si nhân! Nhữ thường bất văn A-la-hán giả bất ảm tửu, bất hại nhân, bất khi cưỡng, bất du đạo, bất dâm dật? Thị nhân sát hại phụ mẫu, thực hám tửu tào, vân hà nhi ngôn thị

何而言是阿羅漢。是人捨身必定當墮阿鼻地獄。阿羅漢者永斷三惡。云何而言是阿羅漢。

善星即言。四大之性猶可轉易。欲令其人必墮阿鼻無有是處。

我言癡人。汝常不聞諸佛如來誠言無二。

我雖為是善星說法。而彼絕無信受之心。

善男子。我於一時與善星比丘住王舍城。爾時城中有一尼乾名曰苦得常作是言眾生煩惱無因無緣。眾生解脫亦無因緣。

善星比丘復作是言。世尊。世間若有阿羅漢者苦得為上。

我言。癡人，苦得尼乾實非羅漢。不能解了阿羅漢道。

善星復言。何故羅漢於阿羅漢而生嫉妒。

我言癡人。我於羅漢不生嫉妒。而汝自生惡邪見耳。若言苦得是羅漢者。卻後七日當患宿食腹痛而死。死已生於食吐鬼中。其同學輩當舁其屍置寒林中。

爾時善星即往苦得尼乾子所語言。長老。汝今知不。沙門瞿曇記汝。七日當患宿食腹痛而死。死已生於食吐鬼中。同學同師當舁汝屍置寒林中。

A-la-hán? Thị nhân xả thân, tất định đương đọa A-tỳ Địa ngục. A-la-hán giả vĩnh đoạn tam ác; vân hà nhi ngôn thị A-la-hán?

Thiện Tinh tức ngôn: Tứ đại chi tánh du khả chuyển dịch, dục linh kỳ nhân tất đọa A-tỳ, vô hữu thị xứ!

Ngã ngôn: Si nhân! Nhữ thường bất văn chư Phật Như Lai thành ngôn vô nhị?

Ngã tuy vị thị Thiện Tinh thuyết pháp, nhi bỉ tuyệt vô tín thọ chi tâm!

Thiện nam tử! Ngã ư nhất thời dĩ Thiện Tinh tỳ-kheo trụ Vương Xá thành. Nhĩ thời, thành trung, hữu nhất Ni-kiên danh viết Khổ Đắc, thường tác thị ngôn: Chúng sanh phiền não, vô nhân vô duyên. Chúng sanh giải thoát, diệc vô nhân duyên.

Thiện Tinh tỳ-kheo phục tác thị ngôn: Thế Tôn! Thế gian nhược hữu A-la-hán giả, Khổ Đắc vi thượng!

Ngã ngôn: Si nhân! Khổ Đắc Ni-kiên thật phi La-hán, bất năng giải liễu A-la-hán đạo.

Thiện Tinh phục ngôn: Hà cố La-hán, ư A-la-hán, nhi sanh tật đố?

Ngã ngôn: Si nhân! Ngã ư La-hán, bất sanh tật đố. Nhi nữ tự sanh ác tà kiến nhĩ. Nhược ngôn Khổ Đắc thị La-hán giả, khước hậu thất nhật, đương hoạn túc thực, phúc thống nhi tử. Tử dĩ, sanh ư thực thổ quỷ trung. Kỳ đồng học bối đương dư kỳ thi, trí hàn lâm trung.

Nhĩ thời, Thiện Tinh tức vãng Khổ Đắc Ni-kiên tử sở, ngữ ngôn: Trưởng lão! Nhữ kim tri phủ? Sa-môn Cồ-đàm ký nữ thất nhật đương hoạn túc thực, phúc thống nhi tử. Tử dĩ, sanh ư thực thổ quỷ trung. Đồng học đồng sư đương dư nữ thi, trí hàn lâm trung.

長老。好善思惟作諸方便。當令瞿曇墮妄語中。

爾時苦得聞是語已即便斷食。從初一日乃至六日。滿七日已便食黑蜜。食黑蜜已復飲冷水飲冷水已腹痛而終。終已同學舁其屍喪置寒林中。即受食吐餓鬼之形在其屍邊。

善星比丘聞是事已。至寒林中見苦得身。受食吐鬼形在其屍邊躡脊蹲地。善星語言。大德死耶。苦得答言。我已死矣。

云何死耶。答言。因腹痛死。

誰出汝屍。答言。同學。

出置何處。答言。癡人汝今不識是寒林耶。

得何等身。答言。我得食吐鬼身。

善星。諦聽如來善說真語時語義語法語。

善星。如來口出如是實語。汝於爾時云何不信。若有眾生不信如來真實語者。彼亦當受如我此身。

爾時善星即還我所作如是言。世尊。苦得尼乾命終之後生三十三天。

我言癡人。阿羅漢者無有生處。云何而言苦得生於三十三天。

Trưởng lão! Hảo thiện tư duy, tác chư phương tiện, đương linh Cô-dàm đọa vọng ngữ trung.

Nhĩ thời, Khổ Đắc văn thị ngữ dĩ, tức tiện đoạn thực, tòng sơ nhất nhật nãi chí lục nhật. Mãn thất nhật dĩ, tiện thực hắc mật. Thực hắc mật dĩ, phục ẩm lãnh thủy. Ẩm lãnh thủy dĩ, phúc thống nhi chung. Chung dĩ, đồng học dư kỳ thi, táng trí hàn lâm trung. Tức thọ thực thổ ngạ quỷ chi hình, tại kỳ thi biên.

Thiện Tinh tỳ-kheo, văn thị sự dĩ, chí hàn lâm trung, kiến Khổ Đắc thân, thọ thực thổ quỷ hình, tại kỳ thi biên, quyền tích tôn địa. Thiện Tinh ngữ ngôn: Đại đức tử da? Khổ Đắc đáp ngôn: Ngã dĩ tử hỹ.

Vân hà tử da? Đáp ngôn: Nhân phúc thống tử.

Thùy xuất nhữ thi? Đáp ngôn: Đồng học.

Xuất trí hà xứ? Đáp ngôn: Si nhân! Nhữ kim bất thức thị hàn lâm da?

Đắc hà đẳng thân? Đáp ngôn: Ngã đắc thực thổ quỷ thân.

Thiện Tinh! Đế thính: Như Lai thiện thuyết chân ngữ, thời ngữ, nghĩa ngữ, pháp ngữ.

Thiện Tinh! Như Lai khẩu xuất như thị thật ngữ. Nhữ ư nhĩ thời, vân hà bất tín? Nhược hữu chúng sanh bất tín Như Lai chân thật ngữ giả, bỉ diệc đương thọ như ngã tử thân.

Nhĩ thời, Thiện Tinh tức hoàn ngã sở, tác như thị ngôn: Thế Tôn! Khổ Đắc Ni-kiên, mạng chung chi hậu, sanh Tam thập tam thiên.

Ngã ngôn: Si nhân! A-la-hán giả, vô hữu sanh xứ. Vân hà nhi ngôn: Khổ Đắc sanh ư Tam thập tam thiên?

世尊。實如所言苦得尼乾。實不生於三十三天。今受食吐餓鬼之身。

我言癡人。諸佛如來誠言無二。若言如來有二言者無有是處。

善星即言。如來爾時雖作是說我於是事都不生信。

善男子。我亦常為善星比丘說真實法。而彼絕無信順之心。

善男子。善星比丘雖復讀誦十二部經獲得四禪。乃至不解一偈一句一字之義。親近惡友退失四禪。失四禪已生惡邪見。作如是說無佛無法無有涅槃。沙門瞿曇善知相法。是故能得知他人之心。

我於爾時告善星言。我所說法初中後善。其言巧妙字義真正。所說無雜具足成就清淨梵行。

善星比丘復作是言。如來雖復為我說法。而我真實謂無因果。

善男子。汝若不信如是事者。善星比丘今者近在尼連禪河，可共往問。

爾時如來即與迦葉往善星所。善星比丘遙見我來。見已即生惡邪之心。以惡心故生身陷入阿鼻地獄。

善男子。善星比丘雖入佛法無量寶聚空無所獲。

Thế Tôn! Thật như sở ngôn: Khổ Đắc Ni-kiền thật bất sanh ư Tam thập tam thiên. Kim thọ thực thổ ngạ quỷ chi thân.

Ngã ngôn: Si nhân! Chư Phật Như Lai thành ngôn vô nhị. Nhược ngôn Như Lai hữu nhị ngôn giả, vô hữu thị xứ!

Thiện Tinh tức ngôn: Như Lai nhĩ thời tuy tác thị thuyết, ngã ư thị sự, đô bất sanh tín.

Thiện nam tử! Ngã diệc thường vị Thiện Tinh tỳ-kheo, thuyết chân thật pháp, nhi bỉ tuyệt vô tín thuận chi tâm!

Thiện nam tử! Thiện Tinh tỳ-kheo tuy phục độc tụng Thập nhị bộ kinh, hoạch đắc Tứ thiên; nãi chí bất giải nhất kệ, nhất cú nhất tự chi nghĩa. Thân cận ác hữu, thối thất Tứ thiên. Thối Tứ thiên dĩ, sanh ác tà kiến, tác như thị thuyết: Vô Phật, vô Pháp, vô hữu Niết-bàn. Sa-môn Cổ-đàm thiện tri tướng pháp, thị cố năng đắc tri tha nhân tâm.

Ngã ư nhĩ thời cáo Thiện Tinh ngôn: Ngã sở thuyết pháp: sơ, trung, hậu thiện. Kỳ ngôn xảo diệu, tự nghĩa chân chánh, sở thuyết vô tạp, cụ túc thành tựu thanh tịnh Phạm hạnh.

Thiện Tinh tỳ-kheo phục tác thị ngôn: Như Lai tuy phục vị ngã thuyết pháp, nhi ngã chân thật vị vô nhân quả.

Thiện nam tử! Nhữ nhược bất tín như thị sự giả, Thiện Tinh tỳ-kheo kim giả cận tại Ni-liên-thiên hà; khả cộng vãng vấn.

Nhĩ thời, Như Lai tức dĩ Ca-diếp vãng Thiện Tinh sở. Thiện Tinh tỳ-kheo dao kiến ngã lai. Kiến dĩ, tức sanh ác tà chi tâm. Dĩ ác tâm cố, sanh thân hãm nhập A-tỳ Địa ngục.

Thiện nam tử! Thiện Tinh tỳ-kheo tuy nhập Phật pháp vô lượng bảo tụ, không vô sở hoạch; nãi chí bất đắc nhất pháp chi



乃至不得一法之利。以放逸故惡知識故。譬如有人雖入大海多見眾寶而無所得以放逸故。又如入海雖見寶聚自戮而死。或為羅刹惡鬼所殺。善星比丘亦復如是。入佛法已為惡知識羅刹大鬼之所殺害。

善男子。是故如來以憐愍故常說善星多諸放逸。

善男子。若本貧窮於是人所雖生憐愍其心則薄。若本巨富後失財物。於是人所生於憐愍其心則厚。善星比丘亦復如是。受持讀誦十二部經獲得四禪。然後退失甚可憐愍。是故我說善星比丘多諸放逸。多放逸故斷諸善根。我諸弟子有見聞者。於是人所無不生於重憐愍心。如初巨富後失財者。

我於多年常與善星共相隨逐。而彼自生惡邪之心。以惡邪故不捨惡見。

善男子。我從昔來見是善星有少善根如毛髮許。終不記彼斷絕善根是一闍提廡下之人地獄劫住。以其宣說無因無果無有作業。爾乃記彼永斷善根。是一闍提廡下之人地獄劫住。

善男子。譬如有人沒圍廁中。有善知識以手撓之。若得首髮便欲拔出。久求不得爾乃息意。我亦如是求覓善星微少善根便欲拔濟。終日求之乃至不得如毛髮許。是故不得拔其地獄。

lợi, dĩ phóng dật cố, ác tri thức cố. Thí như hữu nhân, tuy nhập đại hải, đa kiến chúng bảo; nhi vô sở đắc, dĩ phóng dật cố. Hựu như nhập hải, tuy kiến bảo tụ, tự lục nhi tử, hoặc vi La-sát ác quỷ sở sát. Thiện Tinh tỳ-kheo diệc phục như thị; nhập Phật Pháp dĩ, vi ác tri thức La-sát đại quỷ chi sở sát hại.

Thiện nam tử! Thị cố Như Lai dĩ lân mẫn cố, thường thuyết Thiện Tinh đa chư phóng dật.

Thiện nam tử! Nhược bản bần cùng; ư thị nhân sở, tuy sanh lân mẫn, kỳ tâm đắc bạc. Nhược bản cự phú, hậu thất tài vật; ư thị nhân sở, sanh ư lân mẫn, kỳ tâm tắc hậu. Thiện Tinh tỳ-kheo diệc phục như thị; thọ trì, độc, tụng, Thập nhị bộ kinh, hoạch đắc Tứ Thiên; nhiên hậu thối thất, thậm khả lân mẫn! Thị cố ngã thuyết Thiện Tinh tỳ-kheo đa chư phóng dật. Đa phóng dật cố, đoạn chư thiện căn. Ngã chư đệ tử, hữu kiến văn giả, ư thị nhân sở, vô bất sanh ư trọng lân mẫn tâm, như sơ cự phú, hậu thất tài giả.

Ngã ư đa niên, thường dĩ Thiện Tinh cộng tương tùy trục; nhi bỉ tự sanh ác tà chi tâm. Dĩ ác tà cố, bất xả ác kiến.

Thiện nam tử! Ngã từng tích lai, kiến thị Thiện Tinh hữu thiếu thiện căn như mao, phát hứa; chung bất ký bỉ đoạn tuyệt thiện căn, thị nhất-xiển-đề ty hạ chi nhân, địa ngục kiếp trụ. Dĩ kỳ tuyên thuyết vô nhân vô quả, vô hữu tác nghiệp, nhĩ nãi ký bỉ vĩnh đoạn thiện căn, thọ nhất-xiển-đề ty hạ chi nhân, địa ngục kiếp trụ.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, một thanh xí trung; hữu thiện tri thức, dĩ thủ náo chi. Nhược đắc thủ phát, tiện dục bạt xuất; cứu cầu bất đắc, nhĩ nãi tức ý. Ngã diệc như thị; cầu mịch Thiện Tinh vi thiếu thiện căn tiện dục bạt tế, chung nhật cầu chi, nãi chí bất đắc như mao, phát hứa. Thị cố bất đắc bạt kỳ địa ngục.

迦葉菩薩言。世尊。如來何故記彼當墮阿鼻地獄。

善男子。善星比丘多有眷屬。皆謂善星是阿羅漢是得道果。我欲壞彼惡邪心故。記彼善星以放逸故墮於地獄。

善男子。汝今當知如來所說真實無二。何以故。若佛所記當墮地獄。若不墮者無有是處。聲聞緣覺所記荊者。則有二種或虛或實。如目犍連在摩伽陀國遍告諸人。卻後七日天當降雨時竟不雨。復記牯牛當生白犢。及其產時乃產駁犢。記生男者後乃生女。

善男子。善星比丘常為無量諸眾生等。宣說一切無善惡果。爾時永斷一切善根。乃至無有如毛髮許。

善男子。我久知是善星比丘當斷善根。猶故共住滿二十年畜養共行。我若遠棄不近左右。是人當教無量眾生造作惡業。是名如來第五解力。

世尊。一闍提輩以何因緣無有善法。

善男子。一闍提輩斷善根故眾生悉有信等五根。而一闍提輩永斷滅故。以是義故。殺害蟻子猶得殺罪。殺一闍提無有殺罪。

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Như Lai hà cố ký bỉ đương đọa A-tỳ địa ngục?

Thiện nam tử! Thiện Tinh tỳ-kheo đa hữu quyến thuộc, giai vị Thiện Tinh thị A-la-hán, thị đắc đạo quả. Ngã dục hoại bỉ ác tà tâm cố, ký bỉ Thiện Tinh dĩ phóng dật cố, đọa ư địa ngục.

Thiện nam tử! Nhữ kim đương tri Như Lai sở thuyết chân thật vô nhị. Hà dĩ cố? Nhược Phật sở ký đương đọa địa ngục, nhược bất đọa giả, vô hữu thị xứ. Thanh văn, Duyên giác sở ký biệt giả, tác hữu nhị chủng: hoặc hư, hoặc thật. Như Mục-kiền-liên, tại Ma-già-đà quốc, biến cáo chư nhân: khước hậu thất nhật, thiên đương giáng vũ. Thời cánh bất vũ, phục ký: tứ ngư đương sanh bạch độc. Cập kỳ sản thời, nãi sanh bác độc. Ký sanh nam giả; hậu nãi sanh nữ.

Thiện nam tử! Thiện Tinh tỳ-kheo thường vị vô lượng chư chúng sanh đẳng, tuyên thuyết nhất thiết vô thiện, ác quả. Nhĩ thời vĩnh đoạn nhất thiết thiện căn, nãi chí vô hữu như ma, phát hứa.

Thiện nam tử! Ngã cửu tri thị Thiện Tinh tỳ-kheo đương đoạn thiện căn, du cố cộng trụ, mãn nhị thập niên, súc dưỡng cộng hành. Ngã nhược viễn khí, bất cận tả hữu, thị nhân đương giáo vô lượng chúng sanh tạo tác ác nghiệp. Thị danh Như Lai đệ ngũ giải lực.

Thế Tôn! Nhất-xiển-đề bối, dĩ hà nhân duyên, vô hữu thiện pháp?

Thế Tôn! Nhất-xiển-đề bối, đoạn thiện căn cố. Chúng sanh tất hữu tín đẳng ngũ căn; nhi nhất-xiển-đề bối, vĩnh đoạn diệt cố. Dĩ thị nghĩa cố, sát hại nghĩ tử, du đắc sát tội; sát nhất-xiển-đề, vô hữu sát tội!

世尊。一闍提者終無善法。是故名為一闍提耶。  
佛言。如是如是。

世尊。一切眾生有三種善。所謂過去未來現在。一闍提輩亦不能斷未來善法。云何說言斷諸善法名一闍提耶。

善男子。斷有二種。一者現在滅。二者現在障於未來。一闍提輩具足二斷。是故我言斷諸善根。

善男子。譬如有人沒園廁中。唯有一髮毛頭未沒。雖復一髮毛頭未沒。而一毛頭不能勝身。一闍提輩亦復如是。雖未來世當有善根。而不能救地獄之苦。未來之世雖可救拔。現在之世無如之何。是故名為不可救濟。以佛性因緣則可得救。佛性者非過去非未來非現在。是故佛性不可得斷。如朽敗子不能生芽。一闍提輩亦復如是。

世尊。一闍提輩不斷佛性佛性亦善。云何說言斷一切善。

善男子。若諸眾生現在世中有佛性者。則不得名一闍提也。如世間中眾生我性。佛性是常三世不攝。三世若攝名為無常。佛性未來以當見故。故言眾生悉有佛性。以是義故。十住菩薩具足莊嚴乃得少見。

Thế Tôn! Nhất-xiển-đề giả, chung vô thiện pháp. Thị cố danh vi nhất-xiển-đề da?

Phật ngôn: Như thị, như thị.

Thế Tôn! Nhất thiết chúng sanh hữu tam chủng thiện, sở vị: quá khứ, vị lai, hiện tại. Nhất-xiển-đề bối diệt bất năng đoạn vị lai thiện pháp, vân hà thuyết ngôn đoạn chư thiện pháp danh nhất-xiển-đề da?

Thiện nam tử! Đoạn hữu nhị chủng: nhất giả hiện tại diệt, nhị giả hiện tại chướng ư vị lai. Nhất-xiển-đề bối cụ túc nhị đoạn, thị cố ngã ngôn đoạn chư thiện căn.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân một thanh xí trung. Duy hữu nhất phát mao đầu vị một. Tuy phục nhất phát mao đầu vị một, nhi nhất mao đầu bất năng thắng thân. Nhất-xiển-đề bối diệt phục như thị; tuy vị lai thế đương hữu thiện căn; nhi bất năng cứu địa ngục chi khổ. Vị lai chi thế, tuy khả cứu bạt, hiện tại chi thế, vô như chi hà? Thị cố danh vi bất khả cứu tế. Dĩ Phật tánh nhân duyên, tắc khả đắc cứu. Phật tánh giả, phi quá khứ, phi vị lai, phi hiện tại; thị cố Phật tánh bất khả đắc đoạn. Như hủ bại tử bất năng sanh nha; nhất-xiển-đề bối diệt phục như thị.

Thế Tôn! Nhất-xiển-đề bối bất đoạn Phật tánh, Phật tánh diệt thiện; vân hà thuyết ngôn đoạn nhất thiết thiện?

Thiện nam tử! Nhược chư chúng sanh, hiện tại thế trung, hữu Phật tánh giả, tắc bất đắc danh nhất-xiển-đề dã. Như thế gian trung, chúng sanh ngã tánh, Phật tánh thị thường, tam thế bất nhiếp. Tam thế nhược nhiếp, danh vi vô thường. Phật tánh, vị lai dĩ đương kiến cố, cố ngôn chúng sanh tất hữu Phật tánh. Dĩ thị nghĩa cố, Thập trụ Bồ Tát, cụ túc trang nghiêm, nãi đắc thiểu kiến.

迦葉菩薩言。世尊。佛性者常猶如虛空。何故如來說言未來。如來若言一闍提輩無善法者。一闍提輩於其同學同師父母親族妻子。豈當不生愛念心耶。如其生者非是善乎。

佛言。善哉善哉。善男子。快發斯問。佛性者猶如虛空。非過去非未來非現在。一切眾生有三種身。所謂過去未來現在。眾生未來具足莊嚴清淨之身得見佛性。是故我言佛性未來。善男子。我為眾生或時說因為果。或時說果為因。是故經中說命為食見色為觸。未來身淨故說佛性。

世尊。如佛所說義如是者。何故說言一切眾生悉有佛性。

善男子。眾生佛性雖現在無不可言無。如虛空性雖無現在不得言無。一切眾生雖復無常而是佛性常住無變。是故我於此經中說。眾生佛性非內非外。猶如虛空非內非外。如其虛空有內外者。虛空不名為一為常。亦不得言一切處有。虛空雖復非內非外。而諸眾生悉皆有之。眾生佛性亦復如是。

如汝所言一闍提輩有善法者。是義不然。何以故。一闍提輩若有身業, 口業, 意業, 取業, 求業, 施業, 解業, 如是等業悉是邪業。何以故。不求因果故。

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Phật tánh giả thường, do như hư không. Hà cố Như Lai thuyết ngôn vị lai? Như Lai nhược ngôn nhất-xiển-đề bối vô thiện pháp giả; nhất-xiển-đề bối, ư kỳ đồng học, đồng sư, phụ mẫu, thân tộc, thê tử, khởi đương bất sanh ái niệm tâm da? Như kỳ sanh giả, phi thị thiện hồ?

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Khoái phát tư vấn! Phật tánh giả, do như hư không: phi quá khứ, phi vị lai, phi hiện tại. Nhất thiết chúng sanh hữu tam chủng thân, sở vị: quá khứ, vị lai, hiện tại. Chúng sanh vị lai, cụ túc trang nghiêm thanh tịnh chi thân, đắc kiến Phật tánh. Thị cố ngã ngôn Phật tánh vị lai. Thiện nam tử! Ngã vị chúng sanh, hoặc thời thuyết nhân vi quả, hoặc thời thuyết quả vi nhân. Thị cố kinh trung thuyết mạng vi thực; kiến sắc vi xúc; vị lai thân tịnh, cố thuyết Phật tánh.

Thế Tôn! Như Phật sở thuyết nghĩa như thị giả, hà cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh?

Thiện nam tử! Chúng sanh Phật tánh, tuy hiện tại vô, bất khả ngôn vô; như hư không tánh, tuy vô hiện tại, bất đắc ngôn vô. Nhất thiết chúng sanh tuy phục vô thường, nhi thị Phật tánh thường trụ vô biến. Thị cố ngã ư thủ kinh trung thuyết: chúng sanh Phật tánh phi nội, phi ngoại; do như hư không phi nội, phi ngoại. Như kỳ hư không hữu nội, ngoại giả, hư không bất danh vi nhất, vi thường, diệc bất đắc ngôn nhất thiết xứ hữu. Hư không tuy phục phi nội, phi ngoại, nhi chư chúng sanh tất giai hữu chi. Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị.

Như nữ sở ngôn: Nhất-xiển-đề bối hữu thiện pháp giả, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Nhất-xiển-đề bối nhược hữu thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, thủ nghiệp, cầu nghiệp, thí nghiệp, giải nghiệp, như thị đẳng nghiệp tất thị tà nghiệp. Hà dĩ cố? Bất cầu nhân quả cố.



善男子。如訶梨勒菓根莖枝葉花實悉苦。一闍提業亦復如是。

善男子。如來具足知諸根力。是故善能分別眾生上中下根。能知是人轉下作中。能知是人轉中作上。能知是人轉上作中。能知是人轉中作下。是故當知眾生根性無有決定。以無定故或斷善根斷已還生。若諸眾生根性定者。終不先斷斷已復生。亦不應說一闍提輩墮於地獄壽命一劫。

善男子。是故如來說一切法無有定相。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來具足知諸根力。定知善星當斷善根。以何因緣。聽其出家。

佛言。善男子。我於往昔初出家時。吾弟難陀。從弟阿難。調婆達多。子羅睺羅。如是等輩皆悉隨我出家修道。我若不聽善星出家。其人次當得紹王位。其力自在當壞佛法。以是因緣我便聽其出家修道。

善男子。善星比丘若不出家亦斷善根。於無量世都無利益。今出家已雖斷善根。能受持戒供養恭敬耆舊長宿有德之人。修習初禪乃至四禪。是名善因。如是善因能生善法。善法既生能修習道。既修習道當得阿耨多羅三藐三菩提。是故我聽善星出家。

Thiện nam tử! Như ha-lê-lặc, quả, căn, hành, chi, diệp, hoa, thật tất khổ. Nhất-xiển-đề nghiệp diệp phục như thị.

Thiện nam tử! Như Lai cụ túc tri chư căn lực, thị cố thiện năng phân biệt chúng sanh thượng, trung, hạ căn; năng tri thị nhân chuyển hạ tác trung, năng tri thị nhân chuyển trung tác thượng; năng tri thị nhân chuyển thượng tác trung; năng tri thị nhân chuyển trung tác hạ. Thị cố đương tri chúng sanh căn tánh vô hữu quyết định. Dĩ vô định cố, hoặc đoạn thiện căn, đoạn dĩ hoàn sanh. Nhược chư chúng sanh căn tánh định giả, chung bất tiên đoạn, đoạn dĩ phục sanh! Diệp bất ưng thuyết nhất-xiển-đề bối đọa ư địa ngục, thọ mạng nhất kiếp.

Thiện nam tử! Thị cố Như Lai thuyết nhất thiết pháp vô hữu định tướng.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai cụ túc tri chư căn lực, định tri Thiện Tinh đương đoạn thiện căn; dĩ hà nhân duyên thính kỳ xuất gia?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã ư vãng tích, sơ xuất gia thời, ngô đệ Nan-đa, tùng đệ A-nan, Điều-bà-đạt-đa, tử La-hầu-la, như thị đẳng bối giai tất tùy ngã, xuất gia tu đạo. Ngã nhược bất thính Thiện Tinh xuất gia, kỳ nhân thứ đương đắc thiệu vương vị; kỳ lực tự tại, đương hoại Phật pháp. Dĩ thị nhân duyên, ngã tiện thính kỳ xuất gia tu đạo.

Thiện nam tử! Thiện Tinh tỳ-kheo nhược bất xuất gia, diệp đoạn thiện căn, ư vô lượng thế, vô lợi ích. Kim xuất gia dĩ, tuy đoạn thiện căn, năng thọ trì giới; cúng dường cung kính kỳ cựu trưởng túc, hữu đức chi nhân; tu tập sơ thiên nãi chí Tứ thiên. Thị danh thiện nhân. Như thị thiện nhân năng sanh thiện pháp. Thiện pháp ký sanh, năng tu tập đạo. Ký tu tập đạo, đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị cố ngã thính Thiện Tinh xuất gia.

善男子。若我不聽善星比丘出家受戒。則不得稱我為如來具足十力。

善男子。佛觀眾生具足善法及不善法。是人雖具如是二法。不久能斷一切善根具不善根。何以故。如是眾生不親善友不聽正法不善思惟不如法行。以是因緣能斷善根具不善根。

善男子。如來復知是人現世若未來世少壯老時。當近善友聽受正法苦集滅道。爾時則能還生善根。

善男子。譬如有泉去村不遠。其水甘美具八功德。有人熱渴欲往泉所。邊有智者觀是渴人。必定無疑當至水所。何以故。無異路故。如來世尊。觀諸眾生亦復如是。是故如來名為具足知諸根力。

爾時世尊取地少土置之爪上。告迦葉言。是土多耶。十方世界地土多乎。

迦葉菩薩白佛言。世尊。爪上土者。不比十方所有土也。

善男子。有人捨身還得人身。捨三惡身得受人身。諸根完具生於中國。具足正信能修習道。修習道已能修正道。修正道已能得解脫。得解脫已能入涅槃如爪上土。

Thiện nam tử! Nhược ngã bất thính Thiện Tinh tỳ-kheo xuất gia thọ giới, tắc bất đắc xưng ngã vi Như Lai cụ túc Thập lực.

Thiện nam tử! Phật quan chúng sanh cụ túc thiện pháp cập bất thiện pháp. Thị nhân tuy cụ như thị nhị pháp, bất cứu năng đoạn nhất thiết thiện căn, cụ bất thiện căn. Hà dĩ cố? Như thị chúng sanh bất thân thiện hữu, bất thính Chánh pháp, bất thiện tư duy, bất như pháp hành; dĩ thị nhân duyên, năng đoạn thiện căn, cụ bất thiện căn.

Thiện nam tử! Như Lai phục tri thị nhân hiện thế, nhược vị lai thế, thiếu, tráng, lão thời, đương cận thiện hữu, thính thọ Chánh pháp: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Nhĩ thời tắc năng hoàn sanh thiện căn.

Thiện nam tử! Thí như hữu tuyên, khứ thôn bất viễn. Kỳ thủy cam mỹ, cụ bát công đức. Hữu nhân nhiệt khát, dục vãng tuyên sở. Biên hữu trí giả, quan thị khát nhân, tất định vô nghi, đương chí thủy sở. Hà dĩ cố? Vô dị lộ cố. Như Lai Thế Tôn quan chư chúng sanh, diệc phục như thị. Thị cố Như Lai danh vi cụ túc tri chư căn lực.

Nhĩ thời, Thế Tôn thủ địa thiếu thổ, trí chi traỏ thượng; cáo Ca-diếp ngôn: Thị thổ đa da? Thập phương thế giới địa thổ đa hồ?

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Traỏ thượng thổ giả bất tỷ thập phương sở hữu thổ dã.

Thiện nam tử! Hữu nhân xả thân, hoàn đắc nhân thân; xả tam ác thân, đắc thọ nhân thân, chư căn hoàn cụ, sanh ư trung quốc, cụ túc chánh tín, năng tu tập đạo. Tu tập đạo dĩ, năng tu chánh đạo. Tu chánh đạo dĩ, năng đắc giải thoát. Đắc giải thoát dĩ, năng nhập Niết-bàn; như traỏ thượng thổ.

捨人身已得三惡身。捨三惡身得三惡身。諸根不具生於邊地。信邪倒見修習邪道。不得解脫常樂涅槃。如十方界所有地土。

善男子。護持禁戒精勤不懈。不犯四重不作五逆不用僧鬘物。不作一闍提不斷善根。信如是等涅槃經典。如爪上土。

毀戒懈怠犯四重禁作五逆罪用僧鬘物。作一闍提斷諸善根。不信是經如十方界所有地土。

善男子。如來善知眾生如是上中下根。是故稱佛具知根力。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來具足是知根力。是故能知一切眾生上中下根利鈍差別。知現在世眾生諸根。亦知未來眾生諸根。如是眾生於佛滅後作如是說。如來畢竟入於涅槃。或不畢竟入於涅槃。或說有我或說無我。或有中陰或無中陰。或說有退或說無退。或言如來身是有為。或言如來身是無為。或有說言十二因緣是有為法。或說因緣是無為法。或說心是有常。或說心是無常。或有說言受五欲樂能障聖道或說不遮。或說世第一法唯是欲界或說三界。

或說布施唯是意業。或有說言即是五陰。或有說言有三無為。或有說言無三無為。復有說言或有

Xả nhân thân dĩ, đắc tam ác thân; xả tam ác thân, đắc tam ác thân, chư căn bất cụ, sanh ư biên địa, tín tà đảo kiến, tu tập tà đạo; bất đắc: giải thoát, thường, lạc, Niết-bàn; như thập phương giới sở hữu địa thổ.

Thiện nam tử! Hộ trì cấm giới, tinh cần bất giải, bất phạm tứ trọng, bất tác ngũ nghịch, bất dụng tăng-man vật, bất tác nhất-xiển-đề, bất đoạn thiện căn, tín như thị đẳng Niết-bàn kinh điển; như trảo thượng thổ.

Hủy giới giải đãi, phạm tứ trọng cấm, tác ngũ nghịch tội, dụng tăng man vật, tác Nhất-xiển-đề, đoạn chư thiện căn, bất tín thị kinh; như thập phương giới sở hữu địa thổ.

Thiện nam tử! Như Lai thiện tri chúng sanh như thị thượng, trung, hạ căn, thị cố xưng Phật, cụ tri căn lực.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai cụ túc thị tri căn lực, thị cố năng tri nhất thiết chúng sanh thượng, trung, hạ căn; lợi, độn sai biệt; tri hiện tại thế chúng sanh chư căn, diệt tri vị lai chúng sanh chư căn. Như thị chúng sanh, ư Phật diệt hậu, tác như thị thuyết: Như Lai tất cánh nhập ư Niết-bàn; hoặc: Bất tất cánh nhập ư Niết-bàn. Hoặc thuyết: hữu ngã; hoặc thuyết: Vô ngã; hoặc: Hữu trung ám; hoặc: Vô trung ám. Hoặc thuyết: Hữu thối; hoặc thuyết: vô thối. Hoặc ngôn: Như Lai thân thị hữu vi; hoặc ngôn: Như Lai thân thị vô vi. Hoặc hữu thuyết ngôn: Thập nhị nhân duyên thị hữu vi pháp; hoặc thuyết: Nhân duyên thị vô vi pháp. Hoặc thuyết: tâm thị hữu thường; hoặc thuyết: Tâm thị vô thường. Hoặc hữu thuyết ngôn: Thọ ngũ dục lạc năng chướng Thánh đạo; hoặc thuyết: Bất già. Hoặc thuyết: Thế đệ nhất pháp duy thị Dục giới; hoặc thuyết: Tam giới.

Hoặc thuyết: Bồ thí duy thị ý nghiệp; Hoặc hữu thuyết ngôn: Túc thị ngũ ám. Hoặc hữu thuyết ngôn: Hữu tam vô vi; hoặc hữu thuyết ngôn: Vô tam vô vi. Phục hữu thuyết ngôn:



造色。復有說言或無造色。或有說言有無作色。或有說言無無作色。或有說言有心數法。或有說言無心數法。或有說言有五種有。或有說言有六種有。或有說言八戒齋法。優婆塞戒具足受得。或有說言不具足受得。或說比丘犯四重已比丘戒在。或說不在。或有說言須陀洹人斯陀含人阿那含人阿羅漢人皆得佛道。或言不得。或說佛性即眾生有。或說佛性離眾生有。或有說言犯四重禁作五逆罪一闍提等皆有佛性。或說言無。或有說言有十方佛。或有說言無十方佛。如其如來具足成就知根力者。何故今日不決定說。

佛告迦葉菩薩。善男子。如是之義非眼識知。乃至非意識知。乃是智慧之所能知。若有智者我於是人終不作二。是亦謂我不作二說。於無智者作不定說而是無智亦復謂我作不定說。

善男子。如來所有一切善行悉為調伏諸眾生故。譬如醫王所有醫方悉為療治一切病苦。

善男子。如來世尊為國土故為時節故為他語故為度人故為眾根故。於一法中作二種說。於一名法說無量名。於一義中說無量名。於無量義說無量名。

云何一名說無量名。猶如涅槃亦名涅槃。亦名

Hoặc hữu tạo sắc; Phục hữu thuyết ngôn: Hoặc vô tạo sắc. Hoặc hữu thuyết ngôn: Hữu vô tác sắc; hoặc hữu thuyết ngôn: Vô vô tác sắc. Hoặc hữu thuyết ngôn: Hữu tâm sở pháp; hoặc hữu thuyết ngôn: Vô tâm sở pháp. Hoặc hữu thuyết ngôn: Hữu ngũ chủng hữu; hoặc hữu thuyết ngôn: Hữu lục chủng hữu. Hoặc hữu thuyết ngôn: Bát giới trai pháp, Ưu-bà-tắc giới cụ túc thọ đắc. Hoặc hữu thuyết ngôn: Bát cụ túc thọ đắc. Hoặc thuyết: Tỳ-kheo phạm Tứ trọng dĩ, Tỳ-kheo giới tại; hoặc thuyết: Bát tại. Hoặc hữu thuyết ngôn: Tu-dà-hoàn nhân, Tư-dà-hàm nhân, A-na-hàm nhân, A-la-hán nhân giai đắc Phật đạo; hoặc ngôn: Bất đắc. Hoặc thuyết: Phật tánh tức chúng sanh hữu; hoặc thuyết: Phật tánh ly chúng sanh hữu. Hoặc hữu thuyết ngôn: Phạm tứ trọng cấm, tác ngũ nghịch tội, Nhất-xiển-đề đẳng, giai hữu Phật tánh; hoặc thuyết ngôn: Vô. Hoặc hữu thuyết ngôn: Hữu thập phương Phật; hoặc hữu thuyết ngôn: Vô thập phương Phật. Như kỳ Như Lai cụ túc thành tựu tri căn lực giả, hà cố kim nhật bất quyết định thuyết?

Phật cáo Ca-diếp Bồ Tát: Thiện nam tử! Như thị chi nghĩa, phi nhân thức tri, nãi chí phi ý thức tri; nãi thị trí tuệ chi sở năng tri. Nhược hữu trí giả, ngã ư thị nhân, chung bất tác nhị; thị diệc vị ngã bất tác nhị thuyết. Ư vô trí giả, tác bất định thuyết; nhi thị vô trí diệc phục vị ngã tác bất định thuyết.

Thiện nam tử! Như Lai sở hữu nhất thiết thiện hạnh, tất vị điều phục chư chúng sanh cố. Thí như Y vương sở hữu y phương, tất vị liệu trị nhất thiết bệnh khổ.

Thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn, vị quốc độ cố, vị thời tiết cố, vị tha ngữ cố, vị độ nhân cố, vị chúng căn cố, ư nhất pháp trung, tác nhị chủng thuyết; ư nhất danh pháp, thuyết vô lượng danh; ư nhất nghĩa trung, thuyết vô lượng danh; ư vô lượng nghĩa, thuyết vô lượng danh.

Vân hà nhất danh, thuyết vô lượng danh? Do như Niết-bàn, diệc danh Niết-bàn, diệc danh vô sanh, diệc danh vô



無生亦名無出。亦名無作亦名無為。亦名歸依亦名窟宅。亦名解脫亦名光明。亦名燈明亦名彼岸。亦名無畏亦名無退。亦名安處亦名寂靜。亦名無相亦名無二。亦名一行亦名清涼。亦名無闇亦名無礙。亦名無諍亦名無濁。亦名廣大亦名甘露亦名吉祥。是名一名作無量名。

云何一義說無量名。猶如帝釋亦名帝釋。亦名憍尸迦。亦名婆蹉婆。亦名富蘭陀羅。亦名摩法婆。亦名因陀羅。亦名千眼。亦名舍脂夫。亦名金剛。亦名寶頂。亦名寶幢。是名一義說無量名。

云何於無量義說無量名。如佛如來亦名如來，義異名異。亦名阿羅呵義異名異亦名三藐三佛陀義異名異。亦名船師。亦名導師。亦名正覺。亦名明行足。亦名大師子王。亦名沙門。亦名婆羅門。亦名寂靜。亦名施主。亦名到彼岸。亦名大醫王。亦名大象王。亦名大龍王。亦名施眼。亦名大力士。亦名大無畏。亦名寶聚。亦名商主。亦名得脫。亦名大丈夫。亦名天人師。亦名大分陀利。亦名獨無等侶。亦名大福田。亦名大智慧海。亦名無相。亦名具足八智。如是一切義異名異。善男子。是名無量義中說無量名。

復有一義說無量名。所謂如陰亦名為陰。亦名

xuất, diệc danh vô tác, diệc danh vô vi, diệc danh quy y, diệc danh quật trạch, diệc danh giải thoát, diệc danh Quang minh, diệc danh Đăng minh, diệc danh bỉ ngạn, diệc danh vô úy, diệc danh vô thôi, diệc danh An xử, diệc danh tịch tĩnh, diệc danh Vô tướng, diệc danh Vô nhị, diệc danh Nhất hạnh, diệc danh Thanh lương, diệc danh Vô âm, diệc danh Vô ngại, diệc danh Vô tranh, diệc danh Vô trước, diệc danh Quảng đại, diệc danh Cam lộ, diệc danh Kiết tường. Thị danh nhất danh, tác vô lượng danh.

Vân hà nhất nghĩa, thuyết vô lượng danh? Do như Đế-thích, diệc danh Đế-thích, diệc danh Kiều-thi-ca, diệc danh Bà-sa-bà, diệc danh Phú-lan-đà-la, diệc danh Ma-pháp-bà, diệc danh Nhân-đà-la, diệc danh Thiên nhân, diệc danh Xá-chỉ-phụ, diệc danh Kim cang, diệc danh Bảo đỉnh, diệc danh Bảo tràng. Thị danh nhất nghĩa, thuyết vô lượng danh.

Vân hà ư vô lượng nghĩa, thuyết vô lượng danh? Như Phật Như Lai, diệc danh Như Lai, nghĩa dị, danh dị; diệc danh A-la-ha, nghĩa dị, danh dị; diệc danh Tam-miệu Tam-phật-đà, nghĩa dị, danh dị; diệc danh Thuyền sư, diệc danh Đạo sư, diệc danh Chánh giác, diệc danh Minh hạnh túc, diệc danh Đại sư tử vương, diệc danh Sa-môn, diệc danh Bà-la-môn, diệc danh Tịch tĩnh, diệc danh Thí chủ, diệc danh Đáo bỉ ngạn, diệc danh Đại y vương, diệc danh Đại tượng vương, diệc danh Đại long vương, diệc danh Thí nhân, diệc danh Đại lực sĩ, diệc danh Đại vô úy, diệc danh Bảo trụ, diệc danh Thương chủ, diệc danh Đắc thoát, diệc danh Trượng phu, diệc danh Thiên nhân sư, diệc danh Đại phân-đà-ly, diệc danh Độc vô đẳng lữ, diệc danh Đại phước điền, diệc danh Đại trí tuệ hải, diệc danh Vô tướng, diệc danh Cụ túc bát trí. Như thị nhất thiết nghĩa dị, danh dị. Thiện nam tử! Thị danh vô lượng nghĩa trung, thuyết vô lượng danh.

Phục hữu nhất nghĩa, thuyết vô lượng danh. Sở vị như âm, diệc danh vi âm, diệc danh diên đảo, diệc danh vi đế, diệc danh

顛倒。亦名為諦。亦名四念處。亦名四食。亦名四識住處。亦名為有。亦名為道。亦名為時。亦名眾生。亦名為世。亦名第一義。亦名三修謂身戒心。亦名因果。亦名煩惱。亦名解脫。亦名十二因緣。亦名聲聞。辟支佛。佛。亦名地獄餓鬼畜生人天。亦名過去現在未來。是名一義說無量名。

善男子。如來世尊為眾生故廣中說略略中說廣。第一義諦說為世諦。說世諦法為第一義諦。

云何名為廣中說略。如告比丘我今宣說十二因緣。云何名為十二因緣。所謂因果。

云何名為略中說廣。如告比丘我今宣說苦集滅道。苦者所謂無量諸苦。集者所謂無量煩惱。滅者所謂無量解脫。道者所謂無量方便。

云何名為第一義諦說為世諦。如告比丘吾今此身有老病死。

云何名為世諦說為第一義諦。如告憍陳如汝得法故名阿若憍陳如。

是故隨人隨意隨時。故名如來知諸根力。

善男子。我若當於如是等義作定說者。則不得稱我為如來具知根力。

善男子。有智之人當知香象所負非驢所勝。一

Tứ niệm xứ, diệc danh Tứ thực, diệc danh Tứ thức trụ xứ, diệc danh vi hữu, diệc danh vi đạo, diệc danh vi thời, diệc danh chúng sanh, diệc danh vi thế, diệc danh Đệ nhất nghĩa; diệc danh tam tu, vị: thân, giới, tâm; diệc danh nhân quả, diệc danh phiền não, diệc danh giải thoát, diệc danh Thập nhị nhân duyên, diệc danh Thanh văn, Bích-chi Phật, Phật, diệc danh Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân thiên, diệc danh quá khứ, hiện tại, vị lai. Thị danh nhất nghĩa, thuyết vô lượng danh.

Thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn, vị chúng sanh cố, quảng trung thuyết lược, lược trung thuyết quảng; Đệ nhất nghĩa đế thuyết vi Thế đế; thuyết Thế đế pháp vi Đệ nhất nghĩa đế.

Vân hà danh vi quảng trung, thuyết lược? Như cáo tỳ-kheo: Ngã kim tuyên thuyết Thập nhị nhân duyên. Vân hà danh vi Thập nhị nhân duyên? Sở vị nhân quả.

Vân hà danh vi lược trung, thuyết quảng? Như cáo tỳ-kheo: Ngã kim tuyên thuyết khổ, tập, diệt, đạo. Khổ giả, sở vị vô lượng chư khổ... tập giả, sở vị: vô lượng phiền não... Diệt giả, sở vị: vô lượng giải thoát...Đạo giả, sở vị: vô lượng phương tiện...

Vân hà danh vi Đệ nhất nghĩa đế thuyết vi Thế đế? Như cáo tỳ-kheo: Ngô kim thủ thân, hữu lão, bệnh, tử.

Vân hà danh vi Thế đế, thuyết vi Đệ nhất nghĩa đế? Như cáo Kiều-trần-như: Nhữ đắc pháp cố, danh A-nhã Kiều-trần-như.

Thị cố tùy nhân, tùy ý, tùy thời, cố danh Như Lai tri chư căn lực.

Thiện nam tử! Ngã nhược đương ư như thị đẳng nghĩa, tác định thuyết giả, tác bất đắc xưng ngã vi Như Lai, cụ tri căn lực.

Thiện nam tử! Hữu trí chi nhân, đương tri hương tượng sở phụ, phi lư sở thắng. Nhất thiết chúng sanh sở hành vô lượng,

切眾生所行無量。是故如來種種為說無量之法。何以故。眾生多有諸煩惱故。若使如來說於一行。不名如來具足成就知諸根力。是故我於餘經中說。五種眾生不應還為說五種法。為不信者不讚正信。為毀禁者不讚持戒。為慳貪者不讚布施。為懈怠者不讚多聞。為愚癡者不讚智慧。

何以故。智者若為是五種人說是五事。當知說者不得具足知諸根力。亦不得名憐愍眾生。何以故。是五種人聞是事已。生不信心惡心瞋心。以是因緣於無量世受苦果報。是故不名憐愍眾生具知根力。

是故我先於餘經中告舍利弗。汝慎勿為利根之人廣說法語鈍根之人略說法也。舍利弗言。世尊。我但為憐愍故說。非是具足知根力故說。

善男子。廣略說法是佛境界。非諸聲聞緣覺所知。

善男子。如汝所言佛涅槃後。諸弟子等各異說者。是人皆以顛倒因緣不得正見。是故不能自利利他。

善男子。是諸眾生非唯一性一行一根一種國土一善知識。是故如來為彼種種宣說法要。以是因緣十方三世諸佛如來。為眾生故開示演說十二部經。

thị cố Như Lai chủng chủng vị thuyết vô lượng chi pháp. Hà dĩ cố? Chúng sanh đa hữu chư phiền não cố. Nhược sử Như Lai thuyết ư nhất hạnh, bất danh Như Lai, cụ túc thành tựu tri chư căn lực. Thị cố ngã ư dư kinh trung, thuyết: ngũ chủng chúng sanh, bất ưng hoàn vị thuyết ngũ chủng pháp: vị bất tín giả, bất tán chánh tín; vị hủy cấm giả, bất tán trì giới; vị khan tham giả, bất tán bố thí; vị giải đãi giả, bất tán đa văn; vị ngu si giả, bất tán trí tuệ.

Hà dĩ cố? Trí giả nhược vị thị ngũ chủng nhân, thuyết thử ngũ sự, đương tri thuyết giả bất đắc cụ túc tri chư căn lực; diệt bất đắc danh lân mẫn chúng sanh. Hà dĩ cố? Thị ngũ chủng nhân, văn thị sự dĩ, sanh bất tín tâm, ác tâm, sân tâm. Dĩ thị nhân duyên, ư vô lượng thế, thọ khổ quả báo. Thị cố bất danh lân mẫn chúng sanh, cụ tri căn lực.

Thị cố ngã tiên, ư dư kinh trung, cáo Xá-lợi-phất: Nhữ thận vật vị lợi căn chi nhân, quảng thuyết pháp ngũ; độn căn chi nhân, lược thuyết pháp dã. Xá-lợi-phất ngôn: Thế Tôn! Ngã dẫn vị lân mẫn cố thuyết, phi thị cụ túc tri căn lực cố thuyết.

Thiện nam tử! Quảng, lược thuyết pháp, thị Phật cảnh giới; phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri.

Thiện nam tử! Như nhữ sở ngôn: Phật Niết-bàn hậu, chư đệ tử đẳng, các dị thuyết giả. Thị nhân giai dĩ diên đảo nhân duyên, bất đắc chánh kiến. Thị cố bất năng tự lợi, lợi tha.

Thiện nam tử! Thị chư chúng sanh, phi duy nhất tánh, nhất hạnh, nhất căn, nhất chủng quốc độ, nhất thiện tri thức. Thị cố Như Lai vị bỉ, chủng chủng tuyên thuyết pháp yếu. Dĩ thị nhân duyên, Thập phương tam thế chư Phật Như Lai, vị chúng sanh cố, khai thị diễn thuyết Thập nhị bộ kinh.

善男子。如來說是十二部經。非為自利但為利他。是故如來第五力者名為解力。是二力故如來深知是人現在能斷善根。是人後世能斷善根。是人現在能得解脫。是人後世能得解脫。是故如來名無上力士。

大般涅槃經卷第三十三

終

Thiện nam tử! Như Lai thuyết thị Thập nhị bộ kinh, phi vị tự lợi, đản vị lợi tha. Thị cố Như Lai đệ ngũ lực giả, danh vi giải lực. Thị nhị lực cố, Như Lai thâm tri: thị nhân hiện tại năng đoạn thiện căn, thị nhân hậu thế năng đoạn thiện căn; thị nhân hiện tại năng đắc giải thoát, thị nhân hậu thế năng đắc giải thoát. Thị cố Như Lai, danh vô thượng lực sĩ.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập tam

Chung



# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN BA MƯƠI BA

## PHẨM BỒ TÁT CA DIẾP

### Phẩm thứ mười hai - Phần một

**B**ồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai thương xót tất cả chúng sanh, những kẻ chưa điều phục có thể khiến cho điều phục; những kẻ chưa thanh tịnh có thể khiến cho thanh tịnh; những kẻ không quy y có thể khiến cho quy y; những kẻ chưa giải thoát có thể khiến cho giải thoát. Ngài đã đạt được Tám đức tự tại, làm bậc Đại y sư, làm Đại dục vương.

“Khi Phật còn là Bồ Tát, tỳ-kheo Thiện Tinh từng là con trai của Phật,<sup>(1)</sup> sau khi xuất gia liền thọ trì, đọc tụng, phân biệt giảng thuyết được Mười hai bộ kinh, phá trừ hết phiền não Dục giới, tu tập chứng đắc Bốn thiên. Vì sao Như Lai có lời báo trước rằng Thiện Tinh là nhất-xiển-đê, là người hèn kém trọn kiếp sống trong địa ngục, là kẻ không thể sửa trị? Vì sao Như Lai không vì Thiện Tinh mà diễn thuyết Chánh pháp trước tiên, sau mới vì các Bồ Tát? Nếu Như Lai Thế Tôn không thể cứu độ tỳ-kheo Thiện Tinh, làm sao có thể xưng là có lòng từ bi lớn lao, có phương tiện lớn lao?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ví như cha mẹ có ba người con. Người thứ nhất biết tin nhận và vâng lời, cung kính cha mẹ, trí tuệ căn tánh lạnh lợi, đối với mọi việc ở đời đều có thể nhanh chóng rõ biết. Người thứ nhì không

cung kính, không tin nhận và vâng lời cha mẹ, nhưng trí tuệ căn tánh lạnh lợi, đối với mọi việc ở đời cũng đều có thể nhanh chóng rõ biết. Người thứ ba không cung kính, cũng không tin nhận và vâng lời cha mẹ, lại là kẻ ngu si đần độn. Vậy khi cha mẹ muốn dạy bảo thì trước nhất nên dạy bảo đứa con nào? Nên gần gũi thương yêu đứa con nào trước? Trước nhất nên dạy bảo cho đứa con nào cho rõ biết mọi việc đời?”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Trước nhất nên dạy bảo người con biết tin nhận và vâng lời, cung kính cha mẹ, trí tuệ căn tánh lạnh lợi, hiểu biết việc đời. Kế đó nên dạy cho người con thứ nhì; sau rốt mới dạy người con thứ ba. Tuy hai đứa con này không biết tin nhận và vâng lời, không cung kính cha mẹ, nhưng vì lòng thương con nên sau đó cũng [từ từ] dạy bảo chúng.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đức Như Lai cũng vậy. Trong ba người con ấy, người thứ nhất ví với hàng Bồ Tát, người thứ nhì ví với hàng Thanh văn, người thứ ba ví với hạng nhất-xiển-đê. Như kinh Tu-đa-la trong Mười hai bộ kinh, trước tiên Phật dùng những nghĩa vi tế giảng nói với hàng Bồ Tát; sau lại dùng những nghĩa cạn hơn để giảng nói với hàng Thanh văn; cuối cùng mới dùng những nghĩa thế tục để giảng nói với hạng nhất-xiển-đê, những kẻ phạm năm tội nghịch. Tuy trong đời hiện tại không có lợi ích gì, nhưng Phật vì thương xót mà gieo trồng hạt giống lành cho họ trong những đời sau.

“Thiện nam tử! Ví như có ba loại ruộng. Thứ nhất là ruộng dẫn nước ra vào dễ dàng, không có cát, phèn, sỏi đá, gai góc, có thể gặt hái gấp trăm lần số giống gieo trồng. Thứ hai là ruộng không có cát, phèn, sỏi đá, gai

góc, nhưng khó khăn trong việc dẫn nước ra vào nên chỉ có thể gặt hái được phân nửa so với loại ruộng thứ nhất. Thứ ba là ruộng dẫn nước ra vào khó khăn, có nhiều cát, phèn, sỏi đá, gai góc, chỉ có thể gặt hái bằng với số giống đã gieo, vì xen lẫn rất nhiều cây khô, cỏ dại.

“Thiện nam tử! Đến thời vụ gieo trồng mùa xuân, người nông dân trước hết nên gieo trồng loại ruộng nào?”

Bồ Tát Ca-diếp thưa: “Bạch Thế Tôn! Trước hết nên gieo trồng ở loại ruộng thứ nhất. Kế đó gieo trồng ở loại ruộng thứ nhì. Sau chót mới tới loại ruộng thứ ba.”

Phật dạy: “Loại ruộng thứ nhất ví với hàng Bồ Tát, loại ruộng thứ nhì ví với hàng Thanh văn, loại ruộng thứ ba ví với hạng nhất-xiển-đề.

“Thiện nam tử! Ví như có ba cái bát. Cái thứ nhất nguyên vẹn, cái thứ nhì rỉ chảy, cái thứ ba đã vỡ. Nếu muốn dùng đựng sữa, kem sữa, bơ hay nước, trước hết nên chọn dùng cái bát nào?”

Bồ Tát Ca-diếp thưa: “Bạch Thế Tôn! Trước hết nên dùng cái bát nguyên vẹn. Kế đó mới dùng cái bát rỉ chảy. Cuối cùng mới phải dùng đến cái bát đã vỡ.”

Phật dạy: “Cái bát nguyên vẹn ví với hàng Bồ Tát Tăng, cái bát rỉ chảy ví với hàng Thanh văn, cái bát đã vỡ ví với hạng nhất-xiển-đề.

“Thiện nam tử! Ví như có ba người bệnh cùng đến chỗ một vị lương y. Người thứ nhất có bệnh dễ trị. Người thứ nhì có bệnh khó trị. Người thứ ba thật không thể trị.

“Thiện nam tử! Vị lương y nếu điều trị thì nên chọn người nào trước?”

Bồ Tát Ca-diếp thưa: “Bạch Thế Tôn! Trước nhất nên điều trị người dễ nhất. Kế đó đến người thứ nhì. Sau

cùng mới trị cho người thứ ba. Vì sao vậy? Là vì những người thân thuộc [của họ].”

Phật dạy: “Bệnh nhân dễ trị là ví với hàng Bồ Tát Tăng. Bệnh nhân khó trị là ví với hàng Thanh văn Tăng. Bệnh nhân không thể trị là ví với hạng nhất-xiển-đề. Tuy không có quả lành trong đời hiện tại, nhưng Phật vì thương xót mà gieo trồng hạt giống lành cho họ trong những đời sau.

“Thiện nam tử! Ví như vị đại vương có ba loại ngựa. Loại thứ nhất đã thuần phục, còn đang non tơ, sức lực mạnh mẽ. Loại thứ nhì chưa thuần phục, trẻ khỏe, sức lực mạnh mẽ. Loại thứ ba chưa thuần phục, lại già yếu, không có sức lực. Như vua muốn cưỡi ngựa thì trước hết nên chọn loại ngựa nào?”

Bồ Tát Ca-diếp thưa: “Bạch Thế Tôn! Trước hết nên chọn cưỡi loại ngựa đã thuần phục, còn đang non tơ, sức lực mạnh mẽ. Kế đó đến loại ngựa thứ nhì. Sau cùng mới dùng đến loại ngựa thứ ba.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ngựa đã thuần phục, còn đang non tơ, sức lực mạnh mẽ là ví với hàng Bồ Tát Tăng. Loại ngựa thứ nhì ví với hàng Thanh văn Tăng. Loại ngựa thứ ba ví với hạng nhất-xiển-đề. Tuy trong đời hiện tại không có lợi ích gì, nhưng Phật vì thương xót mà gieo trồng hạt giống lành cho họ trong những đời sau.

“Thiện nam tử! Như khi mở hội lớn bố thí cúng dường, có ba người đến thọ nhận. Người thứ nhất thuộc dòng quý tộc, thông minh, tu hành trì giới. Người thứ hai thuộc dòng trung lưu, ngu độn, nhưng cũng tu hành trì giới. Người thứ ba thuộc dòng dõi thấp kém hạ tiện, lại ngu độn, hủy phạm giới cấm. Thiện nam tử! Vị đại thí chủ mở hội ấy nên cúng dường trước tiên cho người nào?”

Bồ Tát Ca-diếp thưa: “Bạch Thế Tôn! Trước tiên nên cúng dường cho người thuộc dòng quý tộc, căn tánh lành lợi, tu hành trì giới. Kế đó cúng dường người thứ nhì. Sau cùng mới đến người thứ ba.”

Phật dạy: “Người thứ nhất là ví với hàng Bồ Tát Tăng. Người thứ nhì ví với hàng Thanh văn Tăng. Người thứ ba ví với hạng nhất-xiển-đề.”

“Thiện nam tử! Như sư tử lớn những khi giết con voi tơ phải cố hết sức, nhưng khi giết con thỏ cũng vậy, không hề có ý khinh thường. Chư Phật Như Lai cũng thế, cho dù thuyết pháp với hàng Bồ Tát hay với hạng nhất-xiển-đề, sự dụng công cũng không khác gì nhau.

“Thiện nam tử! Khi ta ở tại thành Vương Xá, tỳ-kheo Thiện Tinh làm thị giả. Lúc đầu hôm, ta vì Thiên Đế-thích diễn thuyết yếu nghĩa Chánh pháp. Theo phép tắc thì đệ tử [thị giả] phải chờ đi nghỉ sau thầy. Bấy giờ, Thiện Tinh thấy ta ngồi lâu liền sanh lòng xấu ác. Thuở ấy, mỗi khi trẻ con ở thành Vương Xá khóc mãi không dỗ nín được thì cha mẹ thường dọa rằng: ‘Nếu còn khóc nữa ta sẽ đem giao mày cho quỷ Bạc-câu-la.’ Bấy giờ, Thiện Tinh bị bó buộc [theo phép tắc không đi nghỉ được], liền bảo ta rằng: ‘Thầy mau vào thiên thất đi, quỷ Bạc-câu-la đến kia!’

“Ta đáp: ‘Ông thật là si mê! Ông chẳng thường nghe rằng Như Lai Thế Tôn là bậc không còn sợ hãi điều gì cả hay sao?’

“Bấy giờ, Đế-thích bạch rằng: ‘Thế Tôn! Những người như vậy mà cũng được vào trong pháp Phật hay sao?’ Ta đáp: ‘Kiền-thi-ca! Những người như vậy được vào pháp Phật, cũng có tánh Phật, rồi sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’

“Tuy ta vì Thiện Tinh thuyết pháp, nhưng ông ấy hoàn toàn không có lòng tin nhận!

“Thiện nam tử! Khi ta ở tại thành Thi-bà-phú-la, nước Ca-thi, tỳ-kheo Thiện Tinh cũng làm thị giả. Lúc ấy, ta muốn vào thành khát thực. Vô số chúng sanh ở đó đều hết lòng khát ngưỡng, muốn được nhìn thấy dấu chân ta. Tỳ-kheo Thiện Tinh đi theo sau liền cố ý xóa hết những dấu chân của ta đi. Nhưng rồi ông ta cũng không thể xóa hết, chỉ làm cho chúng sanh khởi tâm bất thiện.

“Ta vào thành rồi, thấy ở một nhà nấu rượu có người ngoại đạo Ni-kiền ngồi xổm dưới đất mà ăn hèm rượu.

“Tỳ-kheo Thiện Tinh thấy vậy liền nói: ‘Thế Tôn! Nếu thế gian có bậc A-la-hán thì người này là vị A-la-hán cao trội nhất. Vì sao vậy? Vì người này dạy rằng không có nhân, không có quả.’

“Ta quả trách rằng: ‘Ông thật là si mê! Ông chẳng thường nghe rằng vị A-la-hán không uống rượu, không hại người, không dối trá, không trộm cướp, không dâm dục hay sao? Người này giết hại cha mẹ, mê ăn hèm rượu, sao có thể gọi là A-la-hán? Người này sau khi chết chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ. Vị A-la-hán đã dứt trừ mãi mãi ba đường ác, sao có thể gọi người này là A-la-hán?’

“Thiện Tinh liền nói ngay: ‘Tánh của bốn đại còn có thể thay đổi, nhưng nếu muốn cho người này chắc chắn phải đọa địa ngục A-tỳ là điều không thể có!’

“Ta bảo: ‘Ông thật si mê! Ông chẳng thường nghe rằng lời nói của chư Phật Như Lai là thành thật không thay đổi hay sao?’



“Tuy ta vì Thiện Tinh thuyết pháp, nhưng ông ấy tuyệt nhiên không có lòng tin nhận!

“Thiện nam tử! Khi ta cùng với tỳ-kheo Thiện Tinh ở thành Vương Xá, trong thành có một người ngoại đạo Ni-kiên tên là Khổ Đắc thường nói rằng: ‘Phiền não của chúng sanh không có nhân, không có duyên; sự giải thoát của chúng sanh cũng không có nhân, không có duyên.’

“Tỳ-kheo Thiện Tinh lại nói rằng: ‘Thế Tôn! Nếu thế gian có A-la-hán thì Khổ Đắc là bậc cao nhất!’

“Ta quả trách rằng: ‘Ông thật si mê! Ni-kiên Khổ Đắc ấy thật không phải A-la-hán, không thể hiểu rõ được đạo A-la-hán.’

“Thiện Tinh lại nói rằng: ‘Vì sao A-la-hán lại sanh lòng tật đố với A-la-hán?’

“Ta đáp: ‘Ông thật si mê! Ta đối với A-la-hán không hề sanh lòng tật đố, chỉ là do ông tự sanh ra chỗ thấy biết xấu ác, tà vạy. Nếu nói rằng Khổ Đắc là A-la-hán thì [hãy chờ xem,] sau bảy ngày nữa [ông ấy] sẽ bị trúng thực, đau bụng mà chết; sau khi chết sẽ sanh vào loài quỷ ăn đồ nôn mửa; những bạn đồng học của ông ta sẽ khiêng xác chết bỏ vào trong rừng tha ma.’<sup>(2)</sup>

“Bấy giờ, Thiện Tinh liền đến chỗ người Ni-kiên Khổ Đắc, bảo rằng: ‘Trưởng lão! Nay ông đã biết việc này chưa? Sa-môn Cồ-đàm nói trước rằng sau bảy ngày nữa ông sẽ bị trúng thực, đau bụng mà chết, sau khi chết sanh vào loài quỷ ăn đồ nôn mửa, các bạn cùng học một thầy sẽ khiêng xác ông bỏ vào trong rừng tha ma. Trưởng lão! Ông hãy khéo suy tư quán xét, dùng đủ các phương tiện [thay đổi sự việc], khiến cho Cồ-đàm phải rơi vào chỗ nói lời hư dối.’

“Lúc ấy, Khổ Đắc nghe lời ấy rồi liền nhịn ăn từ ngày thứ nhất cho đến ngày thứ sáu. Vào cuối ngày thứ bảy mới ăn đường đen vào, sau đó lại uống nước lạnh. Sau khi uống nước lạnh liền bị đau bụng mà chết. Sau khi chết rồi, các bạn đồng học liền khiêng xác ông ta đem vất trong rừng tha ma. Khi ấy ông liền thọ thân của loài quỷ đói ăn đồ nôn mửa, ở kề bên xác chết ấy.

“Tỳ-kheo Thiện Tinh nghe biết việc ấy rồi liền đi vào rừng tha ma, nhìn thấy Khổ Đắc thọ thân quỷ đói ăn đồ nôn mửa, đang ngồi xồm dưới đất bên cạnh xác chết. Thiện Tinh liền hỏi: ‘Đại đức đã chết rồi sao?’

“Khổ Đắc đáp: ‘Tôi đã chết rồi.’

“Lại hỏi: ‘Vì sao chết?’

“Đáp: ‘Vì đau bụng mà chết.’

“Lại hỏi: ‘Ai mang xác ông đi?’

“Đáp: ‘Các bạn đồng học.’

“Lại hỏi: ‘Mang bỏ nơi nào?’

“Khổ Đắc nói: ‘Đồ ngu! Ông chẳng biết đây là rừng tha ma hay sao?’

“Thiện Tinh lại hỏi: ‘Ông [chết rồi] thọ thân gì?’

“Đáp: ‘Tôi thọ thân quỷ đói ăn đồ nôn mửa. Nay Thiện Tinh! Ông hãy nghe cho kỹ đây: Đức Như Lai khéo nói ra những lời chân thật, đúng lúc, có ý nghĩa, đúng Chánh pháp. Thiện Tinh! Đức Như Lai nói ra lời chân thật như vậy, vì sao lúc ấy ông lại không tin? Nếu chúng sanh nào không tin lời chân thật của Như Lai, rồi sẽ phải thọ thân [quỷ đói] như tôi đây.’

“Lúc ấy, Thiện Tinh liền trở về chỗ ta, nói rằng: ‘Thế Tôn! Người Ni-kiên Khổ Đắc sau khi mạng chung đã sanh lên cõi trời Ba mươi ba.’



“Ta liền quả trách rằng: ‘Ông thật ngu si! Bậc A-la-hán không có chỗ sanh ra, sao ông nói rằng Khổ Đắc sanh lên cõi trời Ba mươi ba?’<sup>(3)</sup>

“Thiện Tinh liền thú thật: ‘Bạch Thế Tôn! Quả như lời Phật dạy, người Ni-kiền Khổ Đắc thật chẳng sanh lên cõi trời Ba mươi ba. Hiện ông ấy đã thọ thân quý đỏi ăn đồ nôn mửa.’

“Phật dạy: ‘Ông thật si mê! Chư Phật Như Lai nói ra lời thành thật, không thay đổi. Nếu bảo rằng Như Lai nói hai lời, thật không thể có.’

“Thiện Tinh liền nói: ‘Lúc ấy tuy Như Lai đã nói như vậy, nhưng đối với việc ấy tôi hoàn toàn không sanh lòng tin.’

“Thiện nam tử! Ta cũng thường vì tỳ-kheo Thiện Tinh giảng nói pháp chân thật, nhưng ông ấy tuyệt nhiên không có lòng tin theo.

“Thiện nam tử! Tỳ-kheo Thiện Tinh tuy cũng đọc tụng Mười hai bộ kinh, chứng đắc Bốn thiên, nhưng thậm chí không hiểu được ý nghĩa của một bài kệ hay một câu, một chữ [trong kinh]. Vì gần gũi những bạn xấu nên dần sa sút mất cả Bốn thiên. Mất cả Bốn thiên rồi liền sanh tà kiến xấu ác, nói rằng: ‘Không có Phật, không có Pháp, không có Niết-bàn. Sa-môn Cồ-đàm chỉ nhờ khéo biết được tướng pháp nên rõ được tâm ý người khác đó thôi.’

“Lúc đó, ta bảo Thiện Tinh rằng: ‘Những pháp do Như Lai thuyết, dù là ban đầu, khoảng giữa hay về sau đều là hiền thiện, tốt lành. Lời của Như Lai là khéo léo, nhiệm mầu, từ ngữ chân chánh, chỗ thuyết giảng không lẫn lộn, thành tựu trọn vẹn Phạm hạnh thanh tịnh.’

“Tỳ-kheo Thiện Tinh lại nói rằng: ‘Tuy Như Lai vì tôi thuyết pháp, nhưng tôi thật lòng cho rằng không có nhân quả.’

“Thiện nam tử! Nếu ông không tin có những việc như vậy, thì hiện nay tỳ-kheo Thiện Tinh đang ở gần đây, nơi bờ sông Ni-liên-thiên, chúng ta hãy cùng đến đó mà hỏi.”

Lúc đó, đức Như Lai cùng với Ca-diếp đi đến chỗ Thiện Tinh. Tỳ-kheo Thiện Tinh từ xa đã trông thấy Phật. Vừa thấy rồi liền sanh lòng xấu ác, tà vạy. Vì lòng xấu ác đó mà lập tức sa vào địa ngục A-tỳ ngay trong khi đang sống!

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tuy tỳ-kheo Thiện Tinh được vào trong pháp Phật có vô lượng món báu, nhưng không thu hoạch được gì, thậm chí không có được lợi ích của một pháp nào cả! Đó là do sự buông thả, lười nhác; do [gần gũi] những bạn bè xấu ác, hiểu biết sai lầm.

“Ví như người đi vào biển cả, nhìn thấy nhiều thứ trân bảo, nhưng không lấy được gì cả chỉ vì lười nhác. Lại ví như người đi vào biển cả, tuy nhìn thấy trân bảo chất đống, nhưng vì đuối sức nên chết, hoặc bị ác quỷ la-sát giết chết. Thiện Tinh cũng vậy, tuy vào được trong pháp Phật rồi nhưng lại bị quỷ la-sát lớn là những bạn hữu xấu ác giết hại.

“Thiện nam tử! Cho nên Như Lai vì lòng thương xót thường dạy rằng: ‘Thiện Tinh có nhiều sự buông thả, lười nhác.’

“Thiện nam tử! Như người vốn dĩ bản cùng nghèo khó, người khác nhìn thấy tuy có đem lòng thương xót nhưng không sâu đậm. Với kẻ vốn xưa hết sức giàu có, sau bị mất hết tài sản, người khác nhìn thấy ắt sanh lòng thương xót rất sâu đậm.

“Tỳ-kheo Thiện Tinh cũng vậy. Ông ấy đã từng thọ trì, đọc tụng Mười hai bộ kinh, đạt được Bốn thiên, nhưng về sau lại sa sút mất đi, thật đáng thương thay! Cho nên ta nói: ‘Tỳ-kheo Thiện Tinh có nhiều sự buông thả, lười nhác. Vì có nhiều sự buông thả, lười nhác nên dứt mất các căn lành. Đối với ông ấy, những đệ tử của ta nghe biết đến thấy đều đem lòng thương xót một cách sâu đậm, cũng như người ta thương xót kẻ hết sức giàu có lại trở nên nghèo khổ.’

“Thiện Tinh đi theo ta trong suốt nhiều năm, nhưng ông ấy tự sanh lòng tà vạy, xấu ác. Vì lòng tà vạy, xấu ác, ông ấy không buông bỏ được chỗ thấy biết xấu ác.

“Thiện nam tử! Từ trước tới nay ta luôn thấy căn lành của Thiện Tinh rất ít ỏi, chỉ như mấy lông, sợi tóc mà thôi, nhưng ta chưa hề nói rằng ông ấy đã dứt hẳn căn lành, rơi vào hạng nhất-xiển-đề, là kẻ hèn hạ thấp kém, sẽ đọa vào địa ngục trọn kiếp. Chỉ vì ông ấy nói ra thuyết không nhân không quả, không có nghiệp tạo tác, nên ta mới nói rằng Thiện Tinh đã dứt hẳn căn lành, rơi vào hạng nhất-xiển-đề, là kẻ hèn hạ thấp kém, sẽ đọa vào địa ngục trọn kiếp.

“Thiện nam tử! Ví như có người ngã xuống hố xí, có bậc thiện tri thức đưa tay xuống dò tìm [để cứu lên]. Nếu sờ chạm được tóc trên đầu người ấy mới kéo lên được; như tìm lâu không được sẽ từ bỏ ý định cứu vớt.

“Như Lai cũng thế, nếu tìm thấy Thiện Tinh có chút ít căn lành mới có thể cứu vớt ông ta, nhưng tìm kiếm mãi cũng không thấy được chút căn lành nào, dù chỉ như mấy lông, sợi tóc; cho nên không thể cứu vớt ông ấy thoát khỏi địa ngục.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch rằng: “Thế Tôn! Vì sao Như Lai phải nói trước rằng ông ấy sẽ đọa địa ngục A-tỳ?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tỳ-kheo Thiện Tinh có nhiều quyến thuộc. Những người ấy đều cho rằng Thiện Tinh là A-la-hán, đã chứng đắc đạo quả. Vì muốn phá trừ lòng tà vạy xấu ác như thế nên ta mới phải nói trước rằng: ‘Vì buông thả, lười nhác, Thiện Tinh sẽ đọa vào địa ngục.’

“Thiện nam tử! Nay ông nên biết rằng lời nói của đức Như Lai là chân thật, không thay đổi. Vì sao vậy? Nếu Phật đã nói trước là sẽ đọa địa ngục mà không đúng thật như vậy là điều vô lý!

“Hàng Thanh văn, Duyên giác khi nói trước điều gì thì có hai khả năng: hoặc sai, hoặc đúng. Như Mục-kiền-liên khi ở nước Ma-già-đà nói với mọi người rằng: ‘Bây giờ nửa trời sẽ đổ mưa.’ Thời hạn ấy đã trôi qua nhưng chẳng có mưa! Lại có lần, Mục-kiền-liên nói trước việc con bò sẽ sanh con màu trắng. Đến khi sanh ra lại là bò có lông nhiều màu! Lại có lần nói trước việc sanh con trai, nhưng sau người mẹ ấy lại sanh ra con gái!

“Thiện nam tử! Tỳ-kheo Thiện Tinh thường giảng nói với vô số chúng sanh rằng: ‘Hoàn toàn không có quả lành, quả dữ.’ Vào lúc giảng nói như vậy, tất cả căn lành của ông ấy đều dứt hẳn, không còn chút nào, dù chỉ như mấy lông, sợi tóc.

“Thiện nam tử! Ta đã biết trước từ lâu rằng tỳ-kheo Thiện Tinh sẽ dứt mất căn lành, nhưng ta vẫn sống chung với ông ấy. Trong suốt hai mươi năm ta vẫn nuôi dưỡng, cùng làm mọi việc với ông ấy. Nếu ta xa lìa không gần gũi bên cạnh thì ông ấy sẽ [có điều kiện để] dạy bảo

cho vô số chúng sanh tạo tác các nghiệp xấu ác. Đó gọi là Giải lực thứ năm<sup>(4)</sup> của Như Lai.”

Bồ Tát Ca-diếp lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà hạng nhất-xiển-đề không có các pháp lành?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì hạng nhất-xiển-đề đã dứt mất căn lành. Mọi chúng sanh đều có đủ năm căn như tín căn, tinh tấn căn...<sup>(5)</sup> nhưng hạng nhất-xiển-đề thì vĩnh viễn dứt mất cả năm căn ấy. Vì nghĩa ấy nên giết một con kiến cũng mang tội giết hại, nhưng giết kẻ nhất-xiển-đề không mang tội giết hại!”

Bồ Tát Ca-diếp lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Có phải vì hạng nhất-xiển-đề mãi mãi chẳng bao giờ có được pháp lành nên mới gọi họ là nhất-xiển-đề hay chăng?”

Phật đáp: “Đúng vậy, đúng vậy.”

Bồ Tát Ca-diếp lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sanh có ba loại giống lành. Đó là giống lành trong quá khứ, tương lai và hiện tại. [Dù là] hạng nhất-xiển-đề cũng không thể dứt mất pháp lành trong tương lai, sao có thể nói rằng dứt hết pháp lành nên gọi là nhất-xiển-đề?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có hai cách dứt mất. Một là dứt mất ngay trong hiện tại, hai là do sự việc hiện tại làm ngăn trở tương lai. Hạng nhất-xiển-đề có đủ hai cách dứt mất ấy, cho nên ta nói rằng họ đã dứt hết các căn lành.

“Thiện nam tử! Ví như có người ngã xuống hố xí, đã chìm hẳn chỉ còn mỗi một sợi tóc trên đầu nhô lên. Tuy còn lại một sợi tóc trên đầu nhô lên, nhưng sợi tóc ấy không chịu nổi sức nặng toàn thân. Hạng nhất-xiển-đề cũng vậy, tuy trong đời vị lai cũng sẽ có chút căn lành nhưng không cứu nổi sự khổ địa ngục. Tuy trong đời vị lai

có thể được cứu vớt, nhưng trong đời hiện tại thật chẳng biết làm sao [để cứu vớt]. Cho nên gọi là không thể cứu vớt. Do nhân duyên là tánh Phật thì có thể cứu được, vì tánh Phật không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại, cho nên không thể dứt mất. Nhưng cũng giống như hạt giống đã hư mất thì không thể nảy mầm, hạng nhất-xiển-đề cũng giống như vậy đó!”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Hạng nhất-xiển-đề không dứt mất tánh Phật, nhưng tánh Phật cũng là [pháp] lành, vì sao nói rằng hạng nhất-xiển-đề dứt mất tất cả [pháp] lành?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu chúng sanh nào trong đời hiện tại có tánh Phật thì không gọi là nhất-xiển-đề. Cũng như tánh ngã của chúng sanh trong thế gian, tánh Phật là thường, không thuộc về ba đời. Nếu thuộc về ba đời [hiện tại, quá khứ và vị lai] thì gọi là vô thường. Vì trong tương lai chúng sanh sẽ thấy được tánh Phật, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Vì nghĩa ấy, hàng Bồ Tát Thập trụ đầy đủ [công hạnh] trang nghiêm mới thấy được đôi chút tánh Phật.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch rằng: “Thế Tôn! Tánh Phật là thường, cũng như hư không, vì sao Như Lai lại nói đến tương lai? Nếu Như Lai nói rằng hạng nhất-xiển-đề không có pháp lành, nhưng hạng nhất-xiển-đề ấy đối với những bạn bè cùng học một thầy, đối với cha mẹ, thân tộc, vợ con, lẽ nào không sanh lòng thương yêu? Nếu có sanh lòng thương yêu, đó chẳng phải là pháp lành hay sao?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông đã nêu được câu hỏi thú vị thay! Tánh Phật dường như



hư không, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Tất cả chúng sanh đều có ba loại thân: thân quá khứ, thân vị lai và thân hiện tại. Trong đời vị lai, nếu chúng sanh có được thân đầy đủ [công hạnh] trang nghiêm và thanh tịnh thì sẽ thấy được tánh Phật. Cho nên ta nói tánh Phật trong tương lai.

“Thiện nam tử! Như Lai vì chúng sanh nên có khi dạy rằng nhân là quả, có khi dạy rằng quả là nhân. Cho nên trong kinh có nói mạng sống là vật thực, hoặc nói nhìn thấy hình sắc tức là xúc chạm; vì thân trong tương lai sẽ thanh tịnh nên ta nói tánh Phật [trong tương lai].”

Bồ Tát Ca-diếp bạch rằng: “Thế Tôn! Như Phật vừa nói nghĩa như vậy, vì sao nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh tuy hiện tại không có, nhưng không thể nói là không có. Cũng như tánh của hư không tuy hiện tại là không có, nhưng không thể nói là không có. Tất cả chúng sanh tuy là vô thường, nhưng tánh Phật này là thường trụ, không biến đổi. Cho nên trong kinh này ta có nói: ‘Tánh Phật của chúng sanh chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, cũng như hư không chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài. Nếu hư không có ở trong, ở ngoài, thì hư không không gọi là một, là thường, cũng không nói rằng hư không ở khắp mọi nơi. Tuy hư không chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, nhưng chúng sanh đều có hư không. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy.’

“Như lời ông vừa nói, rằng ‘hạng nhất-xiển-đề có pháp lành’, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Hạng nhất-xiển-đề nếu như có những nghiệp của thân, của miệng, của ý; những nghiệp nắm giữ, mong cầu; những

ngiệp bố thí, giải thoát... tất cả những nghiệp như thế của họ đều là nghiệp tà vạy. Vì sao vậy? Vì họ [hiểu biết tà vạy] không [tin] cầu nhân quả.

“Thiện nam tử! Như cây ha-lê-lặc, từ trái cây, rễ cây, thân cây, cành lá, hoa quả đều có vị đắng; nghiệp của hạng nhất-xiển-đề cũng giống như vậy, [tất cả đều là tà vạy].

“Thiện nam tử! Như Lai có đầy đủ sức rõ biết các hạng căn tánh, nên khéo phân biệt được những căn tánh bậc cao, bậc vừa, bậc thấp của chúng sanh; biết được những người [như thế] này có thể chuyển từ bậc thấp lên bậc vừa; người [như thế] này có thể chuyển từ bậc vừa lên bậc cao; người [như thế] này sẽ phải chuyển từ bậc cao xuống bậc vừa; người [như thế] này sẽ phải chuyển từ bậc vừa xuống bậc thấp.

“Nên phải biết rằng căn tánh của chúng sanh không nhất thiết là cố định. Vì không cố định nên có khi dứt mất căn lành, nhưng dứt rồi vẫn có thể sanh ra lại. Nếu căn tánh của chúng sanh nhất thiết là cố định thì không thể có sự dứt mất trước đó rồi sau lại sanh ra; cũng không thể nói rằng hạng nhất-xiển-đề sẽ đọa vào địa ngục, đời sống kéo dài mãi mãi trong đó.

“Thiện nam tử! Cho nên Như Lai dạy rằng tất cả các pháp không có tướng nhất định.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai có đầy đủ sức rõ biết các hạng căn tánh, biết chắc rằng Thiện Tinh sẽ dứt mất căn lành, vậy do nhân duyên gì lại cho phép ông ấy xuất gia?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ngày xưa, khi ta mới xuất gia, em ta là Nan-đà, em họ ta là A-nan, Đề-bà-đạt-



đa,<sup>(6)</sup> con ta là La-hầu-la... thấy đều theo ta xuất gia tu hành. Nếu ta không cho phép Thiện Tinh xuất gia, ông ấy sẽ nổi ngôi vua, có được thế lực tùy ý rồi sẽ phá hoại Phật pháp. Vì nhân duyên ấy, ta liền cho phép ông ấy xuất gia tu hành.

“Thiện nam tử! Nếu tỳ-kheo Thiện Tinh không xuất gia, ông ấy cũng dứt mất căn lành, trong vô lượng kiếp không được lợi ích gì! Nay ông ấy đã xuất gia rồi, dù dứt mất căn lành nhưng có thể thọ nhận và giữ giới, cúng dường cung kính những bậc kỳ cựu tôn túc, những người đức độ; rồi tu tập từ Sơ thiên cho đến Tứ thiên. Đó gọi là [gieo] nhân lành. Nhân lành ấy có thể sanh ra pháp lành. Pháp lành đã sanh thì có thể tu tập Chánh đạo. Đã tu tập Chánh đạo thì sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì thế ta cho phép Thiện Tinh xuất gia.

“Thiện nam tử! Nếu ta không cho phép Thiện Tinh xuất gia thọ giới thì không xứng đáng được tôn xưng là bậc Như Lai có đủ Mười trí lực.

“Thiện nam tử! Phật quán xét thấy chúng sanh có đủ pháp lành và pháp chẳng lành. Thấy rõ được những người như thế này tuy có đủ hai pháp ấy, nhưng không bao lâu nữa sẽ dứt mất tất cả căn lành, chỉ còn toàn những căn chẳng lành mà thôi. Vì sao vậy? Vì những chúng sanh này không gần gũi bạn lành, không nghe Chánh pháp, không khéo suy xét thực hành theo đúng Chánh pháp. Vì nhân duyên ấy nên sẽ dứt hết căn lành, chỉ còn lại tất cả những căn chẳng lành.

“Thiện nam tử! Như Lai lại cũng rõ biết được những người như thế này, trong đời hiện tại hoặc đời vị lai, lúc còn nhỏ tuổi hoặc khi trưởng thành, già cả, rồi sẽ gần

gũi bạn hữu tốt lành, lắng nghe và thọ nhận Chánh pháp: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Vào lúc ấy, các căn lành sẽ có thể sanh ra lại.

“Thiện nam tử! Ví như có một con suối ở cách thôn xóm không xa, nước suối ấy ngon ngọt, đầy đủ tám công đức. Có người nóng khát muốn đi đến chỗ con suối. Gần đó có bậc trí giả quan sát người khát nước ấy, liền biết chắc rằng sẽ đi tới chỗ con suối. Vì sao vậy? Vì không còn con đường nào khác. Như Lai Thế Tôn quán sát chúng sanh cũng giống như vậy. Cho nên tôn xưng Như Lai là Bậc có đầy đủ sức rõ biết các hạng căn tánh.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn lấy một chút đất để trên móng tay, hỏi Bồ Tát Ca-diếp: “Ca-diếp! Chút đất này là nhiều hay đất ở khắp các thế giới trong mười phương là nhiều?”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Đất trên móng tay không thể so với đất trong khắp mười phương.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có những người sau khi bỏ thân này rồi được sanh trở lại làm người; hoặc sau khi bỏ thân trong ba đường ác được thọ thân người, có đủ các căn, được sanh ra giữa nơi văn minh tiến bộ, đầy đủ đức tin chân chánh, có thể tu tập đạo. Tu tập đạo rồi có thể [nhận ra được đê] tu theo Chánh đạo. Tu theo Chánh đạo rồi có thể đạt được giải thoát. Được giải thoát rồi có thể nhập Niết-bàn. Số người như vậy [rất ít], chỉ như chút đất trên móng tay này.

“Lại có những kẻ sau khi bỏ thân người rồi phải sanh vào ba đường ác; bỏ thân trong ba đường ác rồi lại sanh trở lại vào đó nữa; [hoặc sanh làm người thì] các căn không đầy đủ, sanh ra nơi những vùng xa xôi hẻo lánh, tối tăm

chậm tiến; đặt niềm tin vào những kiến giải sai lầm, điên đảo; tu tập tà đạo, không đạt được những đức: giải thoát, thường, lạc, Niết-bàn. Số người như vậy [rất nhiều], cũng như đất trong các thế giới ở khắp mười phương.

“Thiện nam tử! [Có những người] bảo vệ giữ gìn giới cấm, tinh tấn chuyên cần không biếng nhác, không phạm vào bốn giới cấm nặng, không làm năm tội nghịch, không dùng tài vật cúng dường Tam bảo [làm của riêng], không làm kẻ nhất-xiển-đề, không dứt mất căn lành, có lòng tin vào những kinh điển như kinh Niết-bàn này. Số người như vậy [rất ít], chỉ như chút đất trên móng tay.

“[Lại có những người] phá hủy giới cấm, biếng nhác trì trệ, phạm vào bốn giới cấm nặng, làm năm tội nghịch, sử dụng tài vật cúng dường Tam bảo, làm kẻ nhất-xiển-đề, dứt mất căn lành, không có lòng tin nơi kinh [Đại Bát Niết-bàn] này. Số người như vậy [rất nhiều], cũng như đất trong các thế giới ở khắp mười phương.

“Thiện nam tử! Như Lai khéo léo rõ biết những căn tánh bậc cao, bậc vừa, bậc thấp như vậy của chúng sanh, nên tôn xưng Phật là bậc đầy đủ sức rõ biết các căn tánh.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai có đủ sức rõ biết các căn tánh nên biết được căn tánh bậc cao, bậc vừa, bậc thấp của tất cả chúng sanh; rõ biết sự khác biệt giữa căn tánh lành lợi và ngu độn; rõ biết các căn của chúng sanh đời hiện tại, cũng rõ biết các căn của chúng sanh đời vị lai.

“[Như Lai rõ biết] những chúng sanh [như thế này thì] sau khi Phật diệt độ sẽ nói: ‘Như Lai đã dứt bỏ tất cả mà vào Niết-bàn’; hoặc [những chúng sanh như thế này] sẽ nói: ‘Như Lai không dứt bỏ tất cả mà vào Niết-bàn’; hoặc

[những chúng sanh như thế này] sẽ nói: ‘Có ngã’; hoặc [những chúng sanh như thế này] sẽ nói: ‘Không có ngã’. Hoặc nói: ‘Có thân trung ấm’; hoặc nói: ‘Không có thân trung ấm’; hoặc nói: ‘Có thối chuyển’; hoặc nói: ‘Không có thối chuyển’; hoặc nói: ‘Thân Như Lai là hữu vi’; hoặc nói: ‘Thân Như Lai là vô vi’; hoặc nói: ‘Mười hai nhân duyên là pháp hữu vi’; hoặc nói: ‘Nhân duyên là pháp vô vi’; hoặc nói: ‘Tâm là vô thường’; hoặc nói: ‘Sự hưởng thụ năm món dục lạc có thể ngăn trở Thánh đạo’; hoặc nói: ‘Không hề ngăn trở’; hoặc nói: ‘Pháp cao nhất trong thế gian chỉ là Dục giới mà thôi’; hoặc nói: ‘Là cả Tam giới’; hoặc nói: ‘Bố thí chỉ là nghiệp của ý mà thôi’; hoặc nói: ‘[Bố thí] tức là năm ấm’; hoặc nói: ‘Có ba pháp vô vi’;<sup>(7)</sup> hoặc nói: ‘Không có ba pháp vô vi’; hoặc nói: ‘Có sắc được tạo thành’; hoặc nói: ‘Không có sắc được tạo thành’; hoặc nói: ‘Có hình sắc không do tạo tác mà có’; hoặc nói: ‘Tất cả hình sắc đều do tạo tác mà có’; hoặc nói: ‘Có pháp là đối tượng của tâm’; hoặc nói: ‘Không có pháp là đối tượng của tâm’; hoặc nói: ‘Có năm cách hiện hữu’; hoặc nói: ‘Có sáu cách hiện hữu’; hoặc nói: ‘Phải thọ đủ giới ưu-bà-tắc mới được truyền pháp Bát [quan] trai’; hoặc nói: ‘Không thọ đủ cũng truyền được’; hoặc nói: ‘Tỳ-kheo sau khi phạm Bốn giới cấm nặng rồi, giới tỳ-kheo vẫn còn’; hoặc nói: ‘Không còn nữa’; hoặc nói: ‘Các vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán đều đạt đến Phật đạo’; hoặc nói: ‘Không đạt đến’; hoặc nói: ‘Tánh Phật do nơi chúng sanh mà có’; hoặc nói: ‘Không có chúng sanh cũng có tánh Phật’; hoặc nói: ‘Những kẻ phạm Bốn giới cấm nặng, làm Năm tội nghịch, cùng hạng nhất-xiển-đề, thảy đều có tánh Phật’; hoặc nói: ‘Không có’; hoặc nói: ‘Có chư Phật trong mười phương’; hoặc nói: ‘Không có chư Phật trong mười phương’...

“Bạch Thế Tôn! Nếu đức Như Lai đã thành tựu đầy đủ sức rõ biết các hạng căn tánh [của chúng sanh], vì sao hôm nay không giảng thuyết rõ ràng xác định [những nghĩa như trên]?”

Phật dạy Bồ Tát Ca-diếp: “Thiện nam tử! Những nghĩa như vậy không phải dùng nhãn thức [mà có thể] rõ biết, cho đến cũng không phải dùng ý thức [mà có thể] rõ biết,<sup>(8)</sup> chính là chỗ rõ biết của trí tuệ. Đối với người có trí ta không bao giờ nói ra hai nghĩa; người ấy cũng [tự] biết rằng ta không nói hai nghĩa. Với người không có trí ta phải nói nghĩa không xác định, mà người không có trí cũng biết là ta nói nghĩa không xác định.

“Thiện nam tử! Tất cả hạnh lành của Như Lai đều là để điều phục chúng sanh, cũng như các phương thuốc của Bậc y vương đều là để điều trị tất cả bệnh khổ.

“Thiện nam tử! Đức Như Lai Thế Tôn do [sự khác biệt về] quốc độ, tùy theo điều kiện nhân duyên, vì lời nói của kẻ khác, vì muốn hóa độ người, vì [thích hợp với] nhiều hạng căn tánh nên đối với một pháp mà giảng nói hai thuyết [khác nhau], đối với một tên gọi của pháp mà nói ra vô số tên gọi, đối với một nghĩa mà giảng nói vô số tên gọi, đối với vô số nghĩa cũng nói ra vô số tên gọi.

“Thế nào là đối với một tên gọi mà nói ra vô số tên gọi? Ví dụ như Niết-bàn, vừa gọi là Niết-bàn, vừa gọi là vô sanh, cũng gọi là vô xuất, cũng gọi là vô tác, cũng gọi là vô vi, cũng gọi là quy y, cũng gọi là nơi nương náu, cũng gọi là giải thoát, cũng gọi là quang minh, cũng gọi là đèn sáng, cũng gọi là bờ bên kia, cũng gọi là không sợ hãi, cũng gọi là không thối chuyển, cũng gọi là trụ yên, cũng gọi là rộng không vắng lặng, cũng gọi là vô tướng,

cũng gọi là vô nhị, cũng gọi là một hạnh duy nhất, cũng gọi là trong trẻo mát mẻ, cũng gọi là không tối tăm, cũng gọi là không ngăn ngại, cũng gọi là không tranh chấp, cũng gọi là không uế trước, cũng gọi là rộng lớn, cũng gọi là cam lộ, cũng gọi là tốt đẹp an lành... Đó là do một tên gọi mà tạo ra vô số tên gọi.

“Thế nào là đối với một nghĩa mà giảng nói vô số tên gọi? Ví như Đế-thích, vừa gọi là Đế-thích, vừa gọi là Kiền-thi-ca, cũng gọi là Bà-sa-bà, cũng gọi là Phú-lan-đà-la, cũng gọi là Ma-pháp-bà, cũng gọi là Nhân-đà-la, cũng gọi là Thiên nhân, cũng gọi là Xá-chỉ-phu, cũng gọi là Kim cang, cũng gọi là Bảo đỉnh, cũng gọi là Bảo tràng... Đó gọi là đối với một nghĩa mà giảng nói vô số tên gọi.

“Thế nào là đối với vô số nghĩa nói ra vô số tên gọi? Như đức Phật Như Lai cũng gọi là Như Lai, nghĩa khác, danh xưng khác; cũng gọi là A-la-ha, nghĩa khác, danh xưng khác; cũng gọi là Tam-miệu Tam-phật-đà, nghĩa khác, danh xưng khác; cũng gọi là Thuyền sư, cũng gọi là Đạo sư, cũng gọi là Chánh giác, cũng gọi là Minh hạnh túc, cũng gọi là Đại Sư tử vương, cũng gọi là Sa-môn, cũng gọi là Bà-la-môn, cũng gọi là Tịch tĩnh, cũng gọi là Thí chủ, cũng gọi là Đáo bỉ ngạn, cũng gọi là Đại y vương, cũng gọi là Đại tượng vương, cũng gọi là Đại long vương, cũng gọi là Thí nhân, cũng gọi là Đại lực sĩ, cũng gọi là Đại vô úy, cũng gọi là Bảo tự, cũng gọi là Thương chủ, cũng gọi là Đắc thoát, cũng gọi là Đại trượng phu, cũng gọi là Thiên nhân sư, cũng gọi là Đại phân-đà-ly, cũng gọi là Độc vô đẳng lữ, cũng gọi là Đại phước điền, cũng gọi là Đại trí tuệ, cũng gọi là Vô tướng, cũng gọi là Cụ túc bát trí... Như vậy là tất cả nghĩa đều khác, danh xưng cũng khác.



“Thiện nam tử! Đó gọi là đối với vô số nghĩa nói ra vô số tên gọi.

“Lại có khi đối với một nghĩa mà nói ra vô số tên gọi. Như nói về âm, vừa gọi là âm, vừa gọi là diên đảo, cũng gọi là sự thật, cũng gọi là Bốn niệm xứ, cũng gọi là Bốn cách ăn, cũng gọi là Chỗ trụ của bốn thức, cũng gọi là hiện hữu, cũng gọi là đạo, cũng gọi là thời, cũng gọi là chúng sanh, cũng gọi là thế gian, cũng gọi là đệ nhất nghĩa, cũng gọi là Ba pháp tu, là nói tu thân, tu giới, tu tâm; cũng gọi là nhân quả, cũng gọi là phiền não, cũng gọi là giải thoát, cũng gọi là Thập nhị nhân duyên; cũng gọi là Thanh văn, Phật Bích-chi, Phật; cũng gọi là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân, thiên; cũng gọi là quá khứ, hiện tại, vị lai...

“Đó gọi là đối với một nghĩa mà nói ra vô số tên gọi.

“Thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn vì chúng sanh nên [có khi] đối với việc [có nghĩa] rộng mà diễn thuyết sơ lược; đối với việc [có nghĩa] sơ lược mà diễn thuyết mở rộng; [có khi] đối với Đệ nhất nghĩa để mà nói là Thế đế,<sup>(9)</sup> đối với pháp Thế đế lại nói là Đệ nhất nghĩa đế.

“Thế nào là đối với việc rộng diễn thuyết sơ lược? Như Phật bảo các tỳ-kheo rằng: ‘Hôm nay ta giảng nói Mười hai nhân duyên. Thế nào gọi là Mười hai nhân duyên? Đó là nói nhân quả.’

“Thế nào là đối với việc sơ lược, diễn thuyết mở rộng? Như Phật bảo các tỳ-kheo rằng: ‘Hôm nay ta giảng nói về khổ, tập, diệt, đạo. Khổ là nói vô lượng các khổ... Tập là nói vô lượng phiền não... Diệt là nói vô lượng giải thoát... Đạo là nói vô lượng phương tiện...’

“Thế nào là đối với Đệ nhất nghĩa để nói là Thế đế? Như Phật bảo các tỳ-kheo rằng: ‘Thân này của ta hiện nay có đủ già, bệnh, chết.’

“Thế nào là đối với Thế đế nói là Đệ nhất nghĩa để? Như Phật bảo Kiều-trần-như: ‘Vì ông đã đắc pháp nên gọi tên là A-nhã Kiều-trần-như.’<sup>(10)</sup>

“Như vậy là [Như Lai thuyết pháp] tùy nơi người [nghe], tùy ý [muốn nói], tùy thời điểm [thích hợp], đó gọi là sức rõ biết các hạng căn tánh của Như Lai.

“Thiện nam tử! Nếu đối với các nghĩa như trên mà giảng nói một cách cứng nhắc thì không thể tôn xưng là Như Lai, có sức rõ biết đủ các hạng căn tánh.

“Thiện nam tử! Người có trí nên biết rằng sức chuyên chở của con lừa không thể hơn sức con voi tơ. Hành vi [tạo tác] của tất cả chúng sanh là vô lượng, nên Như Lai cũng vì chúng sanh mà thuyết giảng đủ mọi pháp vô lượng. Vì sao vậy? Vì chúng sanh có nhiều phiền não. Nếu Như Lai chỉ giảng nói một công hạnh duy nhất thì không thể gọi là Như Lai thành tựu trọn vẹn sức rõ biết các hạng căn tánh. Cho nên trong những kinh khác ta có dạy rằng: ‘Có năm hạng chúng sanh không nên giảng nói năm việc. Đó là: Với kẻ không có lòng tin không ngợi khen lòng tin chân chánh; với kẻ hủy phạm giới cấm không ngợi khen việc trì giới; với kẻ tham tiếc keo lặn không ngợi khen sự bố thí; với kẻ lười nhác biếng trễ không ngợi khen sự nghe nhiều học rộng; với kẻ ngu si không ngợi khen trí tuệ.’

“Vì sao vậy? Nếu người có trí giảng nói năm việc trên với năm hạng người ấy, thì nên biết rằng người giảng nói như vậy là không đạt được đầy đủ sức rõ biết các hạng căn tánh, cũng không gọi là người thương xót



chúng sanh. Vì sao vậy? Năm hạng người ấy khi nghe những việc như vậy rồi ắt sẽ đánh mất lòng tin, sanh tâm xấu ác, sân hận. Vì nhân duyên ấy mà trong vô lượng kiếp sẽ phải chịu quả báo khổ não. Cho nên người giảng nói như vậy không thể gọi là thương xót chúng sanh, [không gọi] là có sức rõ biết đủ các căn tánh.

“Vì thế, trước đây trong một kinh khác ta có dạy Xá-lợi-phất: ‘Ông phải thận trọng, đối với người căn tánh lạnh lợi đừng thuyết pháp mở rộng; đối với kẻ ngu độn chậm lụt đừng thuyết pháp sơ lược.’ Xá-lợi-phất bạch rằng: ‘Thế Tôn! Con vì lòng thương xót nên thuyết pháp, chưa phải đạt được sức rõ biết các hạng căn tánh mà thuyết pháp.’

“Thiện nam tử! [Việc tùy nghi] thuyết pháp mở rộng hay sơ lược là cảnh giới của chư Phật, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể rõ biết được.

“Thiện nam tử! Như lời ông nói, sau khi Phật vào Niết-bàn, các đệ tử mỗi người đều sẽ thuyết giảng khác nhau. Những người ấy đều do nhân duyên điên đảo, không có Chánh kiến, nên không thể làm lợi ích cho mình và người khác.

“Thiện nam tử! Chúng sanh không phải chỉ có một tánh, một hạnh, một căn, một loại quốc độ, một thiện tri thức. Cho nên Như Lai vì chúng sanh mà tuyên thuyết mọi thứ pháp yếu. Do nhân duyên ấy mà ba đời chư Phật Như Lai trong mười phương đều vì chúng sanh mở bày thuyết giảng Mười hai bộ kinh.

“Thiện nam tử! Như Lai thuyết giảng Mười hai bộ kinh chẳng phải vì sự lợi ích cho mình, chỉ vì lợi ích cho chúng sanh mà thôi. Cho nên trí lực thứ năm của Như Lai gọi

là Giải lực. Lại do trí lực thứ hai [là Tri tam thế nghiệp báo trí lực] nên Như Lai rõ biết sâu xa rằng những người [như thế] này trong hiện tại có thể dứt mất căn lành; những người [như thế] này trong đời tương lai sẽ dứt mất căn lành; những người [như thế] này trong đời hiện tại có thể đạt được giải thoát; những người [như thế] này trong đời tương lai có thể đạt được giải thoát... Cho nên Như Lai được tôn xưng là Đấng Vô thượng Lực sĩ.

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN BA MƯƠI BA

## CHÚ GIẢI

1. Pháp Hoa huyền tán, quyển 1, dẫn kinh văn nói rằng (vào thuở ấy) Phật có 3 người con trai, một là Thiện Tinh, hai là Ưu-bà-ma-da và người thứ ba là La-hầu.
2. Rừng tha ma: khu rừng ở ngoài thành Vương Xá được dùng làm bãi tha ma vất xác người chết. Bản Hán văn dùng hàn lâm (寒林), nghĩa là khu rừng lạnh lẽo, dịch ý từ Phạn ngữ là *Śitavana*, thường phiên âm là Thi-đà hay Thi-đa-bà-na.
3. Ở đây đức Phật chỉ rõ Thiện Tinh vì nói dối nên đã tự mâu thuẫn với chính mình. Trước đó ông ta tin rằng Khổ Đắc là bậc A-la-hán, nay lại nói dối rằng Khổ Đắc đã sanh lên cõi trời Ba mươi ba (Tam thập tam thiên, tức Đao-lợi thiên), nhưng thật là bậc A-la-hán đã đoạn dứt phiền não thì không còn phải tái sanh, làm sao có chỗ sanh ra?
4. Giải lực thứ năm (Đệ ngũ giải lực), tức Tri chủng chủng giải trí lực, là trí lực thứ năm trong mười trí lực của Phật, có thể rõ biết căn trí của tất cả chúng sanh và biết cách giáo hóa thích hợp.
5. Năm căn được nói ở đây bao gồm: tín căn (tức lòng tin, đức tin), tinh tấn căn (lòng tinh tấn, chuyên cần), niệm căn (năng lực nhớ nghĩ, tưởng niệm), định căn (năng lực tập trung tư tưởng, định tâm không tán loạn) và tuệ căn (năng lực trí tuệ sáng suốt).
6. Bản Hán văn dùng Điều-bà-đạt-đa, phiên âm từ Phạn ngữ Devadatta, chúng tôi chuyển dịch dùng cách đọc Đề-bà-đạt-đa quen thuộc và phổ biến hơn.
7. Ba pháp vô vi (Tam vô vi): 1. Trạch diệt vô vi: hay Sở diệt vô vi, do năng lực trí tuệ phân biệt giản trạch tất cả các pháp hữu vi mà đạt đến Diệt đế, thể của tịch diệt tức là Niết-bàn, nên gọi là Trạch diệt vô vi; 2. Phi trạch diệt vô vi: hay Phi sở diệt vô vi, quán chiếu tất cả các pháp hữu vi do nhân duyên mà có, không dùng đến trí tuệ phân biệt giản trạch, chỉ y theo lý nhân duyên, nhân duyên diệt thì tất cả các pháp hữu vi đều diệt, đạt đến chỗ thực thể hiển bày, các tướng hữu vi đều tịch diệt, nên gọi là Phi trạch diệt vô vi; 3. Hư không vô vi, là vượt ngoài cả hai pháp vô vi nói trên, lấy vô ngại làm thể tánh, vốn không bị ngăn ngại cũng

không ngăn ngại pháp khác; thể tánh vô vi này đầy khắp như hư không của thế gian nên gọi là Hư không vô vi.

8. Câu này nói tóm cả sáu thức, gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.
9. Thế đế: chỉ chân lý tương đối nằm trong phạm trù suy luận, khái niệm của thế gian.
10. A-nhã Kiều-trần-như: phiên âm từ Phạn ngữ *Ājñāta Kauṇḍinya*. Kiều-trần-như là họ của vị này, nên theo đây mà xét thì tên A-nhã là do đức Phật đặt cho sau khi vị này hiểu đạo. Chữ A-nhã được dịch sang chữ Hán là giải, dĩ tri hay liễu bổn tế, đều có nghĩa là “người đã thấu rõ, đã hiểu biết”.

# 大般涅槃經

## 卷第三十四

### 迦葉菩薩品

#### 第十二之二

善男子。若言如來畢竟涅槃不畢竟涅槃。是人不解如來意故作如是說。

善男子。是香山中有諸仙人五萬三千。皆於過去迦葉佛所。修諸功德未得正道親近諸佛聽受正法。如來欲為如是人故告阿難言。過三月已吾當涅槃。諸天聞已其聲展轉乃至香山。諸仙聞已即生悔心作如是言。云何我等得生人中不親近佛。諸佛如來出世甚難如優曇花。我今當往至世尊所聽受正法。

善男子。爾時五萬三千諸仙即來我所。我時即為如應說法。諸大士。色是無常何以故。色之因緣是無常故。無常因生色云何常。乃至識亦如是。爾時諸仙聞是法已。即時獲得阿羅漢果。

善男子。拘尸那竭有諸力士三十萬人無所繫屬。自恃憍恣色力命財狂醉亂心。善男子。我為調

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ TAM THẬP TỨ

### CA-DIỆP BỒ TÁT PHẨM

#### ĐỆ THẬP NHỊ CHI NHỊ

Thiện nam tử! Nhược ngôn Như Lai tất cánh Niết-bàn; bất tất cánh Niết-bàn, thị nhân bất giải Như Lai ý cố, tác như thị thuyết.

Thiện nam tử! Thị hương sơn trung, hữu chư tiên nhân, ngũ vạn tam thiên; giai ư quá khứ, Ca-diếp Phật sở, tu chư công đức; vị đắc chánh đạo, thân cận chư Phật, thỉnh thọ Chánh Pháp. Như Lai dục vị như thị nhân cố, cáo A-nan ngôn: Quá tam nguyệt dĩ, ngô đương Niết-bàn. Chư thiên văn dĩ, kỳ thỉnh triển chuyển nãi chí Hương sơn. Chư tiên văn dĩ, tức sanh hối tâm, tác như thị ngôn: Vân hà ngã đẳng đắc sanh nhân trung, bất thân cận Phật? Chư Phật Như Lai xuất thế thậm nan, như Ưu-đàm hoa. Ngã kim đương vãng chí Thế Tôn sở, thỉnh thọ Chánh pháp.

Thiện nam tử! Nhĩ thời, ngũ vạn tam thiên chư tiên tức lai ngã sở. Ngã thời tức vị như ứng thuyết Pháp: Chư Đại sĩ! Sắc thị vô thường. Hà dĩ cố? Sắc chi nhân duyên thị vô thường cố. Vô thường nhân sanh, sắc vân hà thường? Nãi chí thức diệt như thị. Nhĩ thời, chư Tiên văn thị Pháp dĩ, tức thời hoạch đắc A-la-hán quả.

Thiện nam tử! Câu-thi-na-kiệt, hữu chư lực sĩ, tam thập vạn nhân, vô sở hệ thuộc, tự thị kiêu tú, sắc, lực, mạng, tài,

伏諸力士故告目連言。汝當調伏如是力士。時目連連敬順我教。於五年中種種教化。乃至不能令一力士受法調伏。是故我復為彼力士告阿難言。過三月已吾當涅槃。

善男子。時諸力士聞是語已。相與集聚平治道路過三月已。我時便從毘舍離國至拘尸那城。中路遙見諸力士輩。即自化身為沙門像。往力士所作如是言。諸童子。作何事耶。力士聞已皆生瞋恨作如是言。沙門。汝今云何謂我等輩為童子耶。我時語言。汝今大眾三十萬人盡其身力。不能移此微末小石。云何不名為童子乎。諸力士言。汝若謂我為童子者。當知汝即是大人也。

善男子。我於爾時以足二指掘出此石。是諸力士見是事已。即於己身生輕劣想復作是言。沙門。汝今復能移徙此石令出道不。我言童子。何因緣故嚴治此道諸力士言。沙門。汝不知耶。釋迦如來當由此路至娑羅林入於涅槃。以是因緣我等平治。

我時讚言。善哉童子。汝等已發如是善心。吾當為汝除去此石。我時以手舉擲高至阿迦尼吒。時諸力士見石在空。皆生驚怖尋欲四散。我復告言。諸力士等。汝今不應生恐怖心各欲散去。諸力士言。沙門。若能救護我者我當安住。

cuồng túy loạn tâm. Thiện nam tử! Ngã vị điều phục chư lực sĩ cố, cáo Mục-liên ngôn: Nhữ đương điều phục như thị Lực sĩ. Thời Mục-kiên-liên kính thuận ngã giáo, ư ngũ niên trung, chủng chủng giáo hóa; nãi chí bất năng linh nhất lực sĩ thọ pháp điều phục. Thị cố ngã phục vị bỉ lực sĩ, cáo A-nan ngôn: Quá tam nguyệt dĩ, ngô đương Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thời chư lực sĩ, văn thị ngữ dĩ, tương dữ tập tụ, bình trị đạo lộ. Quá tam nguyệt dĩ, ngã thời tiện tùng Tỳ-xá-ly quốc, chí Câu-thi-na thành. Trung lộ dao kiến chư lực sĩ bối, tức tự hóa thân, vi sa-môn tượng, vãng lực sĩ sở, tác như thị ngôn: Chư đồng tử bối! Tác hà sự da? Lực sĩ văn dĩ, giai sanh sân hận, tác như thị ngôn: Sa-môn! Nhữ kim vân hà vị ngã đẳng bối vi đồng tử da? Ngã thời ngữ ngôn: Nhữ đẳng đại chúng, tam thập vạn nhân, tận kỳ thân lực, bất năng di thủ vi mạt tiểu thạch. Vân hà bất danh vi đồng tử hồ? Chư lực sĩ ngôn: Nhữ nhược vị ngã vi đồng tử giả, đương tri nhữ tức thị đại nhân dã!

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời dĩ tức nhị chỉ, quật xuất thủ thạch. Thị chư lực sĩ, kiến thị sự dĩ, tức ư kỷ thân, sanh khinh liệt tưởng. Phục tác thị ngôn: Sa-môn! Nhữ kim phục năng di tử thủ thạch, linh xuất đạo phủ? Ngã ngôn: Đồng tử! Hà nhân duyên cố, nghiêm trị thủ đạo? Chư Lực-sĩ ngôn: Sa-môn! Nhữ bất tri da? Thích-ca Như Lai đương do thủ lộ, chí Ta-la lâm, nhập ư Niết-bàn. Dĩ thị nhân duyên, ngã đẳng bình trị.

Ngã thời tán ngôn: Thiện tai đồng tử! Nhữ đẳng dĩ phát như thị thiện tâm, ngô đương vị nhữ trừ khử thủ thạch. Ngã thời dĩ thủ, cử trịch cao chí A-ca-ni-trá. Thời, chư lực sĩ kiến thạch tại không, giai sanh kinh bố, tâm dục tứ tán. Ngã phục cáo ngôn: Chư lực sĩ đẳng! Nhữ kim bất ưng sanh khủng bố tâm, các dục tán khứ. Chư lực sĩ ngôn: Sa-môn! Nhược năng cứu hộ ngã giả, ngã đương an trụ.



爾時我復以手接石置之右掌。力士見已心生歡喜復作是言。沙門。是石常耶是無常乎。我於爾時以口吹之。石即散壞猶如微塵。力士見已唱言。沙門。是石無常。即生愧心而自考責。云何我等恃怙自在色力命財而生憍慢。我知其心即捨化身還復本形而為說法。力士見已一切皆發菩提之心。

善男子。拘尸那竭有一工巧名曰純陀。是人先於迦葉佛所發大誓願。釋迦如來入涅槃時我當最後奉施飲食。是故我於毘舍離國顧命比丘優婆摩那。善男子。過三月已吾當於彼拘尸那竭娑羅雙樹入般涅槃。汝可往告純陀令知。

善男子。王舍城中有五通仙名須跋陀。年百二十常自稱是一切智人生大憍慢。已於過去無量佛所種諸善根。我亦為欲調伏彼故告阿難言。過三月已吾當涅槃。須跋聞已當來我所生信敬心。我當為彼說種種法。其人聞已當得盡漏。

善男子。羅閱耆王頻婆娑羅。其王太子名曰善見。業因緣故生惡逆心欲害其父而不得便。爾時惡人提婆達多亦因過去業因緣故。復於我所生不善心欲害於我。即修五通不久獲得。與善見太子共為親友。為太子故現作種種神通之事。從非門出從門而

Nhĩ thời, ngã phục dĩ thủ tiếp thạch, trí chi hữu chướng. Lực-sĩ kiến dĩ, tâm sanh hoan hỷ, phục tác thị ngôn: Sa-môn! Thị thạch thường da? Thị vô thường hồ? Ngã ư nhĩ thời, dĩ khẩu xuy chi. Thạch tức tán hoại, do như vi trần. Lực-sĩ kiến dĩ, xướng ngôn: Sa-môn! Thị thạch vô thường. Tức sanh quý tâm, nhi tự khảo trách: Vân hà ngã đẳng thị hồ tự tại, sắc, lực, mạng, tài, nhi sanh kiêu mạn? Ngã tri kỳ tâm, tức xả hóa thân, hoàn phục bốn hình, nhi vị thuyết Pháp. Lực sĩ kiến dĩ, nhất thiết giai phát Bồ-đề chi tâm.

Thiện nam tử! Câu-thi-na-kiệt, hữu nhất công xảo, danh viết Thuần-đà. Thị nhân tiên ư Ca-diếp Phật sở, phát đại thệ nguyện: Thích-ca Như Lai nhập Niết-bàn thời, ngã đương tối hậu phụng thí ẩm thực! Thị cố ngã ư Tỳ-xá-ly quốc, cố mạng Tỳ-kheo Ưu-bà-ma-na: Thiện nam tử! Quá tam nguyệt dĩ, ngô đương ư bỉ Câu-thi-na-kiệt, Ta-la song thọ, nhập Bát Niết-bàn. Nhũ khả vãng cáo Thuần-đà linh tri.

Thiện nam tử! Vương Xá thành trung, hữu ngũ thông tiên, danh Tu-bạt-đa, niên bá nhị thập, thường tự xưng thị nhất thiết trí nhân; sanh đại kiêu mạn. Dĩ ư quá khứ vô lượng Phật sở, chủng chư thiện căn. Ngã diệc vị dục điều phục bỉ cố, cáo A-nan ngôn: Quá tam nguyệt dĩ, ngô đương Niết-bàn. Tu-bạt văn dĩ, đương lai ngã sở, sanh tín kính tâm. Ngã đương vị bỉ, thuyết chủng chủng pháp. Kỳ nhân văn dĩ, đương đắc tận lậu.

Thiện nam tử! La-duyet-kỳ vương, Tần-bà-sa-la; kỳ vương Thái tử, danh viết Thiện Kiến, nghiệp nhân duyên cố, sanh ác nghịch tâm dục hại kỳ phụ, nhi bất đắc tiện. Nhĩ thời, ác nhân, Đề-bà-đạt-đa, diệc nhân quá khứ nghiệp nhân duyên cố, phục ư ngã sở, sanh bất thiện tâm, dục hại ư ngã; tức tu ngũ thông, bất cứu hoạch đắc. Dĩ Thiện Kiến Thái tử cộng vi thân hữu. Vị Thái tử cố, hiện tác chủng chủng thần thông chi sự: từng phi

入。從門而出非門而入。或時示現象馬牛羊男女之身。善見太子見已。即生愛心喜心敬信之心。為是事故嚴設種種供養之具而供養之又復白言。大師聖人。我今欲見曼陀羅花。

時提婆達多即便往至三十三天。從彼天人而求索之。其福盡故都無與者。既不得花作是思惟。曼陀羅樹無我我所。我若自取當有何罪。即前欲取便失神通。還見已身在王舍城。心生慚愧不能復見善見太子。復作是念我今當往至如來所求索大眾。佛若聽者我當隨意教詔敕使舍利弗等。

爾時提婆達多便來我所作如是言。唯願如來。以此大眾付囑於我。我當種種說法教化令其調伏。我言癡人。舍利弗等聰明大智世所信伏。我猶不以大眾付囑。況汝癡人食唾者乎。

時提婆達復於我所倍生惡心作如是言。瞿曇。汝今雖復調伏大眾。勢亦不久當見磨滅。作是語已大地即時六返震動。提婆達多尋時蹙地。於其身邊出大暴風吹諸塵土而汙塗之。提婆達多見惡相已。復作是言。若我此身現世必入阿鼻地獄。我要當報如是大怨。

時提婆達多尋起往至善見太子所。善見見已即

môn xuất, từng môn nhi nhập; từng môn nhi xuất, phi môn nhi nhập hoặc thời thị hiện tượng, mã, ngư, dương, nam, nữ chi thân. Thiện kiến Thái tử kiến dĩ, tức sanh ái tâm, hỷ tâm, kính tín chi tâm. Vị thị sự cố, nghiêm thiết chủng chủng cúng dường chi cụ, nhi cúng dường chi. Hựu phục bạch ngôn: Đại sư Thánh nhân. Ngã kim dục kiến mạn-đà-la hoa.

Thời, Đề-bà-đạt-đa tức tiện vãng chí Tam thập tam thiên từng bỉ thiên nhân nhi cầu sách chi. Kỳ phước tận cố, đô vô dữ giả. Kỳ bất đắc hoa, tác thị tư duy: Mạn-đà-la thọ vô ngã, ngã sở. Ngã nhược tự thủ, đương hữu hà tội? Tức tiên dục thủ, tiện thất thân thông, hoàn kiến kỷ thân tại Vương xá thành. Tâm sanh tầm quý, bất năng phục kiến Thiện Kiến Thái tử. Phục tác thị niệm: Ngã kim đương vãng chí Như Lai sở, cầu sách Đại chúng. Phật nhược thính giả, ngã đương tùy ý giáo chiếu sắc sử Xá-lợi-phất đẳng.

Nhĩ thời, Đề-bà-đạt-đa tiện lai ngã sở, tác như thị ngôn: Duy nguyện Như Lai dĩ thủ Đại chúng, phó chúc ư ngã. Ngã đương chủng chủng thuyết pháp giáo hóa, linh kỳ điều phục. Ngã ngôn: Si nhân! Xá-lợi-phất đẳng, thông minh đại trí, thế sở tín phục. Ngã do bất dĩ Đại chúng phó chúc; huống nhữ si nhân, thực thóa giả hồ?

Thời, Đề-bà-đạt-đa phục ư ngã sở, bội sanh ác tâm, tác như thị ngôn: Cô-dàm! Nhữ kim tuy phục điều phục Đại chúng, thế diệc bất cứu, đương kiến ma diệt. Tác thị ngữ dĩ, Đại địa tức thời lục phản chấn động. Đề-bà-đạt-đa tầm thời tỵ địa, ư kỳ thân biên, xuất đại bạo phong, xuy chư trần thổ nhi ô bộn chi. Đề-bà-đạt-đa, kiến ác tướng dĩ, phục tác thị ngôn: Nhược ngã thủ thân hiện thế tất nhập A-tỳ địa ngục, ngã yếu đương báo như thị đại oán!

Thời Đề-bà-đạt-đa tầm khởi vãng chí Thiện Kiến thái tử sở. Thiện Kiến kiến dĩ, tức vấn: Thánh nhân hà cố nhan dung

問。聖人。何故顏容憔悴有憂色耶。提婆達言。我常如是汝不知乎。善見答言。願說其意何因緣爾。

時提婆達多言。我今與汝極成親愛。外人罵汝以為非理。我聞是事。豈得不憂。善見太子復作是言。國人云何罵辱於我。提婆達言。國人罵汝為未生怨。

善見復言。何故名我為未生怨誰作此名。

提婆達多言。汝未生時一切相師皆作是言。是兒生已當殺其父。是故外人皆悉號汝為未生怨。一切內人護汝心故謂為善見。韋提夫人聞是語已。既生汝身於高樓上棄之於地壞汝一指。以是因緣人復號汝為婆羅留枝。我聞是已心生愁憤。而復不能向汝說之。

提婆達多以如是等種種惡事教令殺父。若汝父死，我亦能殺瞿曇沙門。

善見太子問一大臣名曰雨行。大臣，大王何故為我立字作未生怨。大臣即為說其本末如提婆達所說無異。

善見聞已即與大臣收其父王閉之城外。以四種兵而守衛之。韋提夫人聞是事已即至王所。所守王人遮不聽入。爾時夫人生瞋恚心便呵罵之。

tiêu tụy, hữu ưu sắc da? Đề-bà-đạt-đa ngôn: Ngã thường như thị, nữ bát tri hô? Thiện Kiến đáp ngôn: Nguyên thuyết kỳ ý. Hà nhân duyên nhĩ?

Thời, Đề-bà-đạt-đa ngôn: Ngã kim dĩ nữ cực thành thân ái. Ngoại nhân mạ nữ, dĩ vi phi lý. Ngã văn thị sự, khởi đắc bát ưu? Thiện Kiến thái tử phục tác thị ngôn: Quốc nhân vân hà mạ nhục ư ngã? Đề-bà-đạt-đa ngôn: Quốc nhân mạ nữ vi Vị sanh oán.

Thiện Kiến phục ngôn: Hà cố danh ngã vi Vị sanh oán? Thùy tác thử danh?

Đề-bà-đạt-đa ngôn: Nữ vị sanh thời, nhất thiết tướng sư giai tác thị ngôn: Thị nhi sanh dĩ, đương sát kỳ phụ. Thị cố ngoại nhân giai tất hiệu nữ vi Vị sanh oán. Nhất thiết nội nhân, hộ nữ tâm cố, vị vi Thiện Kiến. Vi-đề phu nhân văn thị ngữ dĩ, ký sanh nữ thân, ư cao lâu thượng, khí chi ư địa, hoại nữ nhất chỉ. Dĩ thị nhân duyên, nhân phục hiệu nữ vi Bà-la-lưu-chi. Ngã văn thị dĩ, tâm sanh sâu hội, nhi phục bất năng hướng nữ thuyết chi.

Đề-bà-đạt-đa dĩ như thị đẳng chủng chủng ác sự, giáo linh sát phụ. Nhược nữ phụ tử, ngã diệc năng sát Cồ-đàm Sa-môn.

Thiện Kiến thái tử vấn nhất đại thân danh viết Vũ Hành: Đại thân! Đại vương hà cố vị ngã lập tự, tác Vị sanh oán? Đại thân tức vị thuyết kỳ bổn mạng, như Đề-bà-đạt-đa sở thuyết vô dị.

Thiện Kiến văn dĩ, tức dĩ đại thân, thân kỳ phụ vương, bế chi thành ngoại; dĩ tứ chủng binh nhi thủ vệ chi. Vi-đề phu nhân văn thị sự dĩ, tức chí vương sở. Sở thủ vương nhân già bất thính nhập. Nhĩ thời, phu nhân sanh sân khuể tâm, tiện ha mạ chi.

時諸守人即告太子。大王夫人欲得往見父王。不審聽不。善見聞已復生瞋嫌即往母所前牽母髮拔刀欲斫。

爾時耆婆白言。大王。有國已來罪雖極重。不及女人況所生母。

善見太子聞是語已。為耆婆故即便放捨。遮斷父王衣服臥具飲食湯藥。過七日已王命便終。善見太子見父喪已方生悔心。

雨行大臣復以種種惡邪之法而為說之。大王。一切業行都無有罪。何故今者而生悔心。

耆婆復言。大王。當知如是業者罪兼二者。一者殺害父王。二者殺須陀洹。如是罪者除佛更無能除滅者。

善見王言。如來清淨無有穢濁。我等罪人云何得見。

善男子我知是事故告阿難。過三月已吾當涅槃。善見聞已即來我所。我為說法重罪得薄獲無根信。

善男子。我諸弟子聞是說已。不解我意故作是言。如來定說畢竟涅槃。

善男子。菩薩二種。一者實義。二者假名。

Thòi, chư thủ nhân tức cáo Thái tử: Đại vương! Phu nhân dục đắc vãng kiến phụ vương, bất thẩm thính phủ? Thiện Kiến văn dĩ, phục sanh sân hiêm, tức vãng mẫu sở, tiên khiên mẫu phát, bạt đao dục chức.

Nhĩ thời, Kỳ-bà bạch ngôn: Đại vương! Hữu quốc dĩ lai, tội tuy cực trọng, bất cập nữ nhân, hưởng sở sanh mẫu!

Thiện Kiến thái tử, văn thị ngữ dĩ, vị Kỳ-bà cố, tức tiện phóng xả; già đoạn phụ vương y phục, ngọa cụ, ẩm thực thang dược. Quá thất nhật dĩ, vương mạng tiện chung. Thiện Kiến thái tử, kiến phụ táng dĩ, phương sanh hối tâm.

Vũ Hành đại thần phục dĩ chủng chủng ác tà chi pháp nhi vị thuyết chi: Đại vương! Nhất thiết nghiệp hạnh đồ vô hữu tội. Hà cố kim giả nhi sanh hối tâm?

Kỳ-bà phục ngôn: Đại vương! Đương tri như thị nghiệp giả, tội kiêm nhị giả: nhất giả sát hại phụ vương, nhị giả sát Tu-đà-hoàn. Như thị tội giả, trừ Phật, cánh vô năng trừ diệt giả.

Thiện Kiến vương ngôn: Như Lai thanh tịnh, vô hữu uế trước. Ngã đẳng tội nhân, vân hà đắc kiến?

Thiện nam tử! Ngã tri thị sự, cố cáo A-nan: Quá tam nguyệt dĩ, ngô đương Niết-bàn. Thiện Kiến văn dĩ, tức lai ngã sở. Ngã vị thuyết pháp, trọng tội đắc bạc, hoạch vô căn tín.

Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, cố tác thị ngôn: Như Lai định thuyết tất cánh Niết-bàn.

Thiện nam tử! Bồ Tát nhị chủng: nhất giả thật nghĩa, nhị giả giả danh.



假名菩薩聞我三月當入涅槃。皆生退心而作是言。如其如來無常不住，我等何為。為是事故，無量世中受大苦惱。如來世尊成就具足無量功德。尚不能壞如是死魔。況我等輩當能壞耶。

善男子。是故我為如是菩薩而作是言。如來常住無有變易。

善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來終不畢竟入於涅槃。

善男子。有諸眾生於斷見作如是言。一切眾生身滅之後。善惡之業無有受者。我為是人作如是言。善惡果報實有受者。

云何知有。善男子。過去之世拘尸那竭。有王名曰善見。作童子時經八萬四千歲。作太子時八萬四千歲。及登王位亦八萬四千歲。於獨處坐作是思惟。眾生薄福壽命短促。常有四怨而隨逐之。不自覺知猶故放逸。是故我當出家修道斷絕四怨生老病死。即敕有司於其城外作七寶堂。作已便告群臣百官宮內后妃諸子眷屬。汝等當知我欲出家能見聽不。

爾時大臣及其眷屬各作是言。善哉大王。今正是時。

Giả danh Bồ Tát, văn ngã tam nguyệt đương nhập Niết-bàn, giai sanh thối tâm, nhi tác thị ngôn: Như kỳ Như Lai vô thường bất trụ, ngã đẳng hà vi? Vị thị sự cố, vô lượng thế trung, thọ đại khổ não. Như Lai Thế Tôn, thành tựu cụ túc vô lượng công đức, thượng bất năng hoại như thị tử ma; huống ngã đẳng bối đương năng hoại da?

Thiện nam tử! Thị cố ngã vị như thị Bồ Tát, nhi tác thị ngôn: Như Lai Thường trụ, vô hữu biến dịch.

Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai chung bất tất cánh nhập ư Niết-bàn.

Thiện nam tử! Hữu chư chúng sanh, sanh ư đoạn kiến, tác như thị ngôn: Nhất thiết chúng sanh, thân diệt chi hậu, thiện ác chi nghiệp, vô hữu thọ giả. Ngã vị thị nhân, tác như thị ngôn: Thiện ác quả báo, thật hữu thọ giả.

Vân hà tri hữu? Thiện nam tử! Quá khứ chi thế, Câu-thi-na-kiệt, hữu vương danh viết Thiện Kiến. Tác đồng tử thời, kinh bát vạn tứ thiên tuế. Tác thái tử thời, bát vạn tứ thiên tuế. Cập đăng vương vị, diệt bát vạn tứ thiên tuế. Ư độc xử tọa, tác thị tư duy: Chúng sanh bạc phước, thọ mạng đoản xúc. Thường hữu tứ oán nhi tùy trục chi; bất tự giác tri, do cố phóng dật. Thị cố ngã đương xuất gia tu đạo, đoạn tuyệt tứ oán: Sanh, lão, bệnh, tử. Tức sắc hữu tư, ư kỳ thành ngoại, tác thất bảo đường. Tác dĩ, tiện cáo quần thần bá quan, cung nội hậu phi, chư tử quyến thuộc: Nhữ đẳng đương tri: ngã dục xuất gia, năng kiến thánh phủ?

Nhĩ thời, đại thân cập kỳ quyến thuộc, các tác thị ngôn: Thiện tai Đại vương! Kim chánh thị thời.

時善見王將一使人獨往堂上。復經八萬四千年中修習慈心。是慈因緣於後八萬四千世中。次第得作轉輪聖王。三十世中作釋提桓因。無量世中作諸小王。

善男子。爾時善見豈異人乎。莫作斯觀即我身是。

善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來定說有我及有我所。

又我一時為諸眾生說言。我者即是性也。所謂內外因緣。十二因緣眾生五陰。心界世間功德業行自在天世。即名為我。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來定說有我。

善男子。復於異時有一比丘。來至我所作如是言。世尊。云何名我。誰是我耶。何緣故我。我時即為比丘說言。比丘。無我我所。我者即是本無今有已有還無。其生之時無所從來。及其滅時亦無所至。雖有業果無有作者。無有捨陰及受陰者。如汝所問云何名我。我即期也。誰是我耶。即是業也。何緣故我即是愛也。

比丘。譬如二手相拍聲出其中。我亦如是眾生業愛三因緣故。名之為我。

比丘。一切眾生色不是我。我中無色色中無我。乃至識亦如是。

Thời, Thiện Kiến vương tương nhất sứ nhân, độc vãng đường thượng. Phục kinh bát vạn tứ thiên niên trung, tu tập từ tâm. Thị từ nhân duyên ư hậu bát vạn tứ thiên thế trung, thứ đệ đắc tác Chuyển Luân Thánh vương. Tam thập thế trung, tác Thích-đề-hoàn nhân. Vô lượng thế trung, tác chư tiểu vương.

Thiện nam tử! Nhĩ thời Thiện Kiến khởi dị nhân hồ? Mạc tác tứ quán, tức ngã thân thị.

Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai định thuyết hữu ngã cập hữu ngã sở.

Hựu ngã nhất thời, vị chư chúng sanh, thuyết ngôn: Ngã giả, tức thị tánh dã. Sở vị: nội ngoại nhân duyên, Thập nhị nhân duyên, chúng sanh ngũ ấm, Tâm giới thế gian, công đức nghiệp hạnh, Tự tại Thiên thế, tức danh vi ngã. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai định thuyết hữu ngã.

Thiện nam tử! Phục hữu dị thời, hữu nhất tỳ-kheo lai chí ngã sở, tác như thị ngôn: Thế Tôn! Vân hà danh ngã? Thùy thị ngã da? Hà duyên cố ngã? Ngã thời tức vị tỳ-kheo thuyết ngôn: Tỳ-kheo! Vô ngã, ngã sở. Ngã giả, tức thị bốn vô kim hữu, dĩ hữu hoàn vô. Kỳ sanh chi thời, vô sở tùng lai; cập kỳ diệt thời, diệt vô sở chí. Tuy hữu nghiệp quả, vô hữu tác giả. Vô hữu xả ấm cập thọ ấm giả. Như nhữ sở vấn, vân hà danh ngã? Ngã, tức kỳ dã. Thùy thị ngã da? Tức thị nghiệp dã. Hà duyên cố ngã? Tức thị ái dã.

Tỳ-kheo! Thí như nhị thủ tương phách, thanh xuất kỳ trung. Ngã diệt như thị; chúng sanh, nghiệp ái: tam nhân duyên cố, danh chi vi ngã.

Tỳ-kheo! Nhất thiết chúng sanh, sắc bất thị ngã; ngã trung, vô sắc; sắc trung, vô ngã; nãi chí thức diệt như thị.

比丘。諸外道輩雖說有我終不離陰。若說離陰別有我者。無有是處。一切眾生行如幻化熱時之焰。

比丘。五陰皆是無常無樂無我無淨。

善男子。爾時多有無量比丘。觀此五陰無我我所得阿羅漢果。

善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說無我。

善男子。我於經中復作是言。三事和合得受是身。一父二母三者中陰。是三和合得受是身。或時復說阿那含人現般涅槃。或於中陰入般涅槃。或復說言中陰身根具足明了。皆因往業如淨醍醐。

善男子。我或時說弊惡眾生所受中陰。如世間中麤澀麁濁。純善眾生所受中陰。如波羅奈所出白疊。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說有中陰。

善男子。我復為彼逆罪眾生而作是言。造五逆者捨身直入阿鼻地獄。我復說言曇摩留枝比丘。捨身直入阿鼻地獄。於其中間無止宿處。我復為彼犢子梵志說言。梵志。若有中陰則有六有。我復說言無色眾生無有中陰。

善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言佛說定無中陰。

Tỳ-kheo! Chư ngoại đạo bói tuy thuyết hữu ngã, chung bất ly ám. Nhược thuyết ly ám, biệt hữu ngã giả, vô hữu thị xứ. Nhất thiết chúng sanh, hành như huyễn hóa, nhiệt thời chi diệm.

Tỳ-kheo! Ngũ ấm giai thị vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Thiện nam tử! Nhĩ thời, đa hữu vô lượng tỳ-kheo quán thủ ngũ ấm vô ngã, ngã sở; đắc A-la-hán quả.

Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai định thuyết vô ngã.

Thiện nam tử! Ngã ư kinh trung, phục tác thị ngôn: Tam sự hòa hiệp, đắc thọ thị thân: Nhất phụ, nhị mẫu, tam giả trung ám. Thị tam hòa hiệp, đắc thọ thị thân. Hoặc thời phục thuyết: A-na-hàm nhân hiện Bát Niết-bàn; hoặc ư trung ám, nhập Bát Niết-bàn. Hoặc phục thuyết ngôn: Trung ám thân căn cụ túc minh liễu, giai nhân vãng nghiệp, như tịnh đề-hồ.

Thiện nam tử! Ngã hoặc thời thuyết: Tệ ác chúng sanh sở thọ trung ám, như thế gian trung thô sấp lữ hạt. Thuần thiện chúng sanh sở thọ trung ám, như Ba-la-nại sở xuất bạch điệp. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết hữu trung ám.

Thiện nam tử! Ngã phục vị bỉ nghịch tội chúng sanh, nhi tác thị ngôn: Tạo ngũ nghịch giả, xả thân, trực nhập A-tỳ Địa ngục. Ngã phục thuyết ngôn: Đàm-ma-lưu-chi Tỳ-kheo, xả thân, trực nhập A-tỳ Địa ngục; ư kỳ trung gian, vô chỉ túc xứ. Ngã phục vị bỉ Độc-tử Phạm-chí, thuyết ngôn: Phạm-chí! Nhược hữu trung ám, tắc hữu Lục hữu. Ngã phục thuyết ngôn: Vô sắc chúng sanh vô hữu trung ám.

Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý xướng ngôn: Phật thuyết định vô trung ám.

善男子。我於經中復說有退何以故。因於無量懈怠懶惰諸比丘等不修道故。說退五種。一者樂於多事。二者樂說世事。三者樂於睡眠。四者樂近在家。五者樂多遊行。以是因緣令比丘退。說退因緣復有二種。一內二外。阿羅漢人雖離內因不離外因。以外因緣故生煩惱。生煩惱故則便退失。

復有比丘名曰瞿壇。六返退失退已慚愧復更進修。第七即得得已恐失以刀自害。我復或說有時解脫或說六種阿羅漢等。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來定說有退。

善男子。經中復說。譬如焦炭不還為木。亦如瓶壞更無瓶用。煩惱亦爾阿羅漢斷終不還有。亦說眾生煩惱因凡有三種。一者未斷煩惱。二者不斷因緣。三者不善思惟。而阿羅漢無二因緣。謂斷煩惱，無不善思惟。

善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來定說無退。

善男子。我於經中說如來身凡有二種。一者生身。二者法身。

言生身者。即是方便應化之身。如是身者。可得言是生老病死長短黑白。是此是彼是學無學。

Thiện nam tử! Ngã ư kinh trung, phục thuyết: Hữu thối. Hà dĩ cố? Nhân ư vô lượng giải đãi lại nọa chư tỳ-kheo đẳng bất tu đạo cố, thuyết Thối ngũ chủng: Nhất giả nạo ư đa sự. Nhị giả nạo thuyết thế sự. Tam giả nạo ư thụy miên. Tứ giả nạo cận tại gia. Ngũ giả nạo đa du hành. Dĩ thị nhân duyên linh tỳ-kheo thối. Thuyết thối nhân duyên phục hữu nhị chủng: nhất nội, nhị ngoại. A-la-hán nhân tuy ly nội nhân, bất ly ngoại nhân. Dĩ ngoại nhân duyên, cố sanh phiền não. Sanh phiền não cố, tắc tiện thối thất.

Phục hữu Tỳ-kheo, danh viết Cồ-đàn, lục phản thối thất. Thối dĩ tầm quý, phục cánh tấn tu. Đệ thất, tức đắc. Đắc dĩ, khủng thất, dĩ dao tự hại. Ngã phục hoặc thuyết: Hữu thời giải thoát. Hoặc thuyết: Lục chủng A-la-hán đẳng. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai định thuyết hữu thối.

Thiện nam tử! Kinh trung phục thuyết: Thí như tiêu thán, bất hoàn vi mộc; diệc như bình hoại, cánh vô bình dụng. Phiền não diệc nhĩ; A-la-hán đoạn, chung bất hoàn hữu. Diệc thuyết: chúng sanh sanh phiền não nhân, phạm hữu tam chủng: Nhất giả vị đoạn phiền não. Nhị giả bất đoạn nhân duyên. Tam giả bất thiện tư duy. Nhi A-la-hán vô nhị nhân duyên, vị: đoạn phiền não, vô bất thiện tư duy.

Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý xướng ngôn: Như Lai định thuyết vô thối.

Thiện nam tử! Ngã ư kinh trung thuyết: Như Lai thân, phạm hữu nhị chủng: nhất giả sanh thân, nhị giả Pháp thân.

Ngôn: sanh thân giả, tức thị phương tiện ứng hóa chi thân. Như thị thân giả, khả đắc ngôn thị sanh, lão, bệnh, tử; trường, đoản, hắc, bạch, thị thủ, thị bỉ, thị học, vô học.



我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來。定說佛身是有為法。

法身即是常樂我淨。永離一切生老病死。非白非黑非長非短。非此非彼非學非無學。若佛出世及不出世。常住不動無有變易。

善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來定說佛身是無為法。

善男子。我經中說云何名為十二因緣。從無明生行。從行生識。從識生名色。從名色生六入。從六入生觸。從觸生受。從受生愛。從愛生取。從取生有。從有生生。從生則有老死憂苦。

善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說十二緣定是有為。

我又一時告喻比丘而作是言。十二因緣有佛無佛性相常住。

善男子。有十二緣不從緣生。有從緣生非十二緣。有從緣生亦十二緣。有非緣生亦非十二緣。

有十二緣非緣生者。謂未來世十二支也。有從緣生非十二緣者。謂阿羅漢所有五陰。有從緣生亦十二緣者。謂凡夫人所有五陰十二因緣。有非緣生非十二緣者。謂虛空涅槃。

Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai định thuyết Phật thân thị hữu vi pháp.

Pháp thân tức thị thường, lạc, ngã, tịnh; vĩnh ly nhất thiết sanh, lão, bệnh, tử; phi bạch, phi hắc, phi trường, phi đoản, phi thủ, phi bỉ, phi học, phi vô học. Nhược Phật xuất thế cập bất xuất thế, thường trụ bất động, vô hữu biến dịch.

Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai định thuyết Phật thân thị vô vi pháp.

Thiện nam tử! Ngã kinh trung thuyết: Vân hà danh vi Thập nhị nhân duyên? Tùng vô minh, sanh hành. Tùng hành, sanh thức. Tùng thức, sanh danh sắc. Tùng danh sắc, sanh lục nhập. Tùng lục nhập, sanh xúc. Tùng xúc, sanh thọ. Tùng thọ, sanh ái. Tùng ái, sanh thủ. Tùng thủ, sanh hữu. Tùng hữu, sanh sanh. Tùng sanh, tác hữu lão tử ưu khổ.

Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết Thập nhị nhân duyên, định thị hữu vi.

Ngã hựu nhất thời cáo dụ tỳ-kheo, nhi tác thị ngôn: Thập nhị nhân duyên, hữu Phật, vô Phật, tánh tướng thường trụ.

Thiện nam tử! Hữu Thập nhị duyên bất tùng duyên sanh; hữu tùng duyên sanh phi Thập nhị duyên; hữu tùng duyên sanh, diệt Thập nhị duyên; hữu phi duyên sanh, diệt phi Thập nhị duyên.

Hữu thập nhị duyên, phi duyên sanh giả; vị vị lai thế thập nhị chi dã. Hữu tùng duyên sanh, phi thập nhị duyên giả; vị A-la-hán sở hữu ngũ ấm. Hữu tùng duyên sanh, diệt thập nhị duyên giả; vị phàm phu nhân, sở hữu ngũ ấm, Thập nhị nhân duyên. Hữu phi duyên sanh, phi thập nhị duyên giả, vị hư không Niết-bàn.

善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說十二緣定是無為。

善男子。我經中說一切眾生作善惡業捨身之時。四大於此即時散壞。純善業者心即上行。純惡業者心即下行。善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說心定常。

善男子。我於一時為頻婆娑羅王而作是言。大王。當知色是無常。何以故。從無常因而得生故。是色若從無常因生。智者云何說言是常。若色是常不應壞滅生諸苦惱。今見是色散滅破壞。是故當知色是無常。乃至識亦如是。善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說心定斷。

善男子。我經中說我諸弟子受諸香花金銀寶物妻子奴婢八不淨物獲得正道。得正道已亦不捨離。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說受五欲不妨聖道。

又我一時復作是說。在家之人得正道者無有是處。善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說受五欲定遮正道。

善男子。我經中說遠離煩惱未得解脫。猶如欲

Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết Thập nhị duyên, định thị vô vi.

Thiện nam tử! Ngã kinh trung thuyết: Nhất thiết chúng sanh tác thiện, ác nghiệp, xả thân chi thời, tứ đại ư thủ túc thời tán hoại. Thuần thiện nghiệp giả, tâm tức thượng hành; thuần ác nghiệp giả, tâm tức hạ hành. Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết tâm định thường.

Thiện nam tử! Ngã ư nhất thời, vị Tần-bà-sa-la vương nhi tác thị ngôn: Đại vương! Đương tri sắc thị vô thường. Hà dĩ cố? Tùng vô thường nhân nhi đắc sanh cố. Thị sắc nhược tùng vô thường nhân sanh, Trí giả vân hà thuyết ngôn thị thường? Nhược sắc thị thường, bất ưng hoại diệt, sanh chư khổ não. Kim kiến thị sắc tán diệt phá hoại, thị cố đương tri sắc thị vô thường. Nãi chí thức, diệt như thị. Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết tâm định đoạn.

Thiện nam tử! Ngã kinh trung thuyết: Ngã chư đệ tử, thọ chư hương hoa, kim ngân bảo vật, thê tử nô tỳ, bát bất tịnh vật; hoạch đắc Chánh đạo. Đắc Chánh đạo dĩ, diệt bất xả ly. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết thọ ngũ dục, bất phòng Thánh đạo.

Hựu ngã nhất thời phục tác thị thuyết: Tại gia chi nhân đắc Chánh đạo giả, vô hữu thị xứ. Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết thọ ngũ dục, định già Chánh đạo.

Thiện nam tử! Ngã kinh trung thuyết: Viễn ly phiền não, vị đắc giải thoát, do như Dục giới tu tập thế gian Đệ nhất pháp dã.

界修習世間第一法也。善男子。我諸弟子聞作是說不解我意。唱言如來說第一法唯是欲界。

又復我說暖法頂法忍法世第一法。在於初禪至第四禪。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說如是法在於色界。

又復我說諸外道等。先已得斷四禪煩惱。修習暖法頂法忍法世第一法。觀四真諦得阿那含果。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說第一法在無色界。

善男子。我經中說四種施中有三種淨。一者施主信因果信施。受者不信因果與施。二者受者信因果施。施主不信因果及施。三者施主受者二俱有信四者施主受者二俱不信。是四種施初三種淨。我諸弟子聞是說已不解我意唱言如來說施唯意。

善男子。我於一時復作是說。施者施時以五事施。何等為五。一者施色。二者施力。三者施安。四者施命。五者施辯。以是因緣施主還得五事果報。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言佛說施即五陰。

善男子。我於一時宣說。涅槃即是遠離。煩惱永盡滅無遺餘。猶如燈滅更無法生涅槃亦爾。言虛空者即無所有。譬如世間無所有故名為虛空。非智緣滅即無所有。如其有者應有因緣。有因緣故應有

Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết Đệ nhất Pháp, duy thị Dục giới.

Hựu phục ngã thuyết: Noãn pháp, Đỉnh pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp, tại ư Sơ thiên chí Đệ tứ thiên. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết như thị pháp, tại ư Sắc giới.

Hựu phục ngã thuyết: Chư ngoại đạo đẳng, tiên dĩ đắc đoạn Tứ thiên phiên não, tu tập Noãn pháp, Đỉnh pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp, quán Tứ chân đế, đắc A-na-hàm quả. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết Đệ nhất pháp, tại Vô sắc giới.

Thiện nam tử! Ngã kinh trung thuyết: Tứ chủng thí trung, hữu tam chủng tịnh: Nhất giả, thí chủ tín nhân, tín quả, tín thí; thọ giả bất tín nhân, quả dữ thí. Nhị giả thọ giả tín nhân, quả, thí; thí chủ bất tín nhân, quả cập thí. Tam giả thí chủ, thọ giả, nhị câu hữu tín. Tứ giả tín chủ, thọ giả, nhị câu bất tín. Thị tứ chủng thí, sơ tam chủng tịnh. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết thí duy ý.

Thiện nam tử! Ngã ư nhất thời phục tác thị thuyết: Thí giả thí thời, dĩ ngũ sự thí. Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả thí sắc. Nhị giả thí lực. Tam giả thí an. Tứ giả thí mạng. Ngũ giả thí biện. Dĩ thị nhân duyên, thí chủ hoàn đắc ngũ sự quả báo. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Phật thuyết thí tức ngũ âm.

Thiện nam tử! Ngã ư nhất thời tuyên thuyết: Niết-bàn tức thị viễn ly, phiền não vĩnh tận, diệt vô di dư. Do như đăng diệt, cánh vô pháp sanh; Niết-bàn diệt nhĩ. Ngôn: hư không giả, tức vô sở hữu. Thí như thế gian, vô sở hữu cố, danh vi hư không.

盡滅。以其無故無有盡滅。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言佛說無三無為。

善男子。我於一時為目犍連而作是言。目連。夫涅槃者。即是章句，即是足跡。是畢竟處，是無所畏。即是大師，即是大果。是畢竟智，即是大忍，無礙三昧。是大法界，是甘露味，即是難見。

目連。若說無涅槃者。云何有人生誹謗者墮於地獄。善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說有涅槃。

復於一時我為目連而作是說。目連。眼不牢固。至身亦爾皆不牢固。不牢固故名為虛空。食下迴轉消化之處。一切音聲皆名虛空。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來決定說有虛空無為。

復於一時為目連說。目連。有人未得須陀洹果住忍法時。斷於無量三惡道報。當知不從智緣而滅。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來決定說有非智緣滅。

善男子。我又一時為跋波比丘說。跋波若比丘觀色若過去若未來若現在。若近若遠若麤若細。如是等色非我我所。若有比丘如是觀已能斷色愛。跋波又

Phi trí duyên diệt tức vô sở hữu. Như kỳ hữu giả, ứng hữu nhân duyên. Hữu nhân duyên cố, ứng hữu tận diệt. Dĩ kỳ vô cố, vô hữu tận diệt. Ngã chú đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Phật thuyết vô tam vô vi.

Thiện nam tử! Ngã ư nhất thời, vị Mục-kiên-liên, nhi tác thị ngôn: Mục-liên! Phù Niết-bàn giả, tức thị chương cú, tức thị túc tích, thị tất cánh xú, thị vô sở úy, tức thị đại sư, tức thị đại quả, thị tất cánh trí, tức thị đại nhân, vô ngại tam-muội, thị đại pháp giới, thị cam lộ vị, tức thị nan kiến.

Mục-liên! Nhược thuyết vô Niết-bàn giả, vân hà hữu nhân sanh phỉ báng giả, đọa ư Địa ngục? Thiện nam tử! Ngã chú đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết hữu Niết-bàn.

Phục ư nhất thời, ngã vị Mục-liên, nhi tác thị thuyết: Mục-liên! Nhân bất lao cố. Chí thân diệt nhĩ, giai bất lao cố. Bất lao cố cố, danh vi hư không. Thực hạ hồi chuyển, tiêu hóa chi xú. Nhất thiết âm thanh, giai danh hư không. Ngã chú đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai quyết định thuyết hữu hư không vô vi.

Phục ư nhất thời, vị Mục-liên thuyết: Mục-liên! Hữu nhân vị đắc Tu-đà-hoàn quả, trụ nhẫn pháp thời, đoạn ư vô lượng tam ác đạo báo. Đương tri bất tùng trí duyên nhi diệt. Ngã chú đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai quyết định thuyết hữu phi trí duyên diệt.

Thiện nam tử! Ngã hựu nhất thời, vị Bạt-ba Tỳ-kheo, thuyết: Bạt-ba! Nhược Tỳ-kheo quán sắc, nhược quá khứ, nhược vị lai, nhược hiện tại, nhược cận, nhược viễn, nhược thô, nhược tế; như thị đẳng sắc, phi ngã, ngã sở. Nhược hữu Tỳ-kheo như thị quán dĩ, năng đoạn sắc ái. Bạt-ba hựu ngôn: Vân



言。云何名色。我言四大名色，四陰名名。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來決定說言色是四大。

善男子。我復說言譬如因鏡則有像現。色亦如是因四大造。所謂麤細澀滑青黃赤白。長短方圓斜角輕重。寒熱飢渴煙雲塵霧。是名造色猶如響像。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說有四大則有造色。或有四大無有造色。

善男子。往昔一時菩提王子作如是言。若有比丘護持禁戒若發惡心。當知是時失比丘戒。我時語言。菩提王子。戒有七種從於身口有無作色。以是無作色因緣故。其心雖在惡無記中。不名失戒猶名持戒。以何因緣名無作色。非異色因不作異色因果。

善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言佛說有無作色。

善男子。我於餘經作如是言。戒者即是遮制惡法。若不作惡是名持戒。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來決定宣說無無作色。

善男子。我於經中作如是說。聖人色陰乃至識陰。皆是無明因緣所出。一切凡夫亦復如是從無明生愛。當知是愛即是無明。從愛生取當知是取即無明愛。從取生有是有即是無明愛取。從有生受當知是

hà danh sắc? Ngã ngôn: Tứ đại danh sắc. Tứ âm danh danh. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai quyết định thuyết ngôn sắc thị tứ đại.

Thiện nam tử! Ngã phục thuyết ngôn: Thí như nhân kính, tác hữu tượng hiện. Sắc diệc như thị; nhân tứ đại tạo, sở vị: thô tế, sáp, hoạt; thanh, hoàng, xích, bạch; trường đoản, phương, viên; tà, giác, khinh, trọng; hàn, nhiệt, cơ, khát; yên, vân, trần, vụ. Thị danh tạo sắc; do như hưởng tượng. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết hữu tứ đại tác hữu tạo sắc, hoặc hữu tứ đại vô hữu tạo sắc.

Thiện nam tử! Vãng tích nhất thời, Bồ-đề vương tử tác như thị ngôn: Nhược hữu tỳ-kheo hộ trì cấm giới, nhược phát ác tâm. Đương tri thị thời, thất tỳ-kheo giới. Ngã thời ngứ ngôn: Bồ-đề vương tử! Giới hữu thất chủng: tùng ư thân, khẩu, hữu vô tác sắc. Dĩ thị vô tác sắc nhân duyên cố, kỳ tâm tuy tại ác vô ký trung, bất danh thất giới, do danh trì giới. Dĩ hà nhân duyên danh vô tác sắc? Phi dị sắc nhân, bất tác dị sắc nhân quả.

Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Phật thuyết hữu Vô tác sắc.

Thiện nam tử! Ngã ư dư kinh, tác như thị ngôn: Giới giả, túc thị già chế ác pháp. Nhược bất tác ác, thị danh trì giới. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai quyết định tuyên thuyết vô Vô tác sắc.

Thiện nam tử! Ngã ư kinh trung, tác như thị thuyết: Thánh nhân sắc âm nãi chí thức âm, giai thị vô minh nhân duyên sở xuất. Nhất thiết phàm phu diệc phục như thị; tùng vô minh, sanh ái. Đương tri thị ái tức thị vô minh. Tùng ái sanh thủ, đương tri thị thủ tức vô minh, ái. Tùng thủ sanh Hữu. Thị Hữu tức thị vô minh, ái, thủ. Tùng hữu sanh thọ, đương tri thị thọ

受即是行有。從受因緣生於名色，無明，愛，取，有，行，受，觸，識，六入等。是故受者即十二支。善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說無心數。

善男子。我於經中作如是說。從眼色明惡欲等四則生眼識。言惡欲者即是無明。欲性求時即名為愛。愛因緣取取名為業。業因緣識。識緣名色。名色緣六入。六入緣觸。觸緣想受愛信精進定慧。如是等法因觸而生然非是觸。善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說有心數。

善男子。我或時說唯有一有。或說二，三，四，五，六，七，八，九，至二十五。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說有五有或言六有。

善男子。我往一時住迦毘羅衛尼拘陀林時。釋摩男來至我所作如是言。云何名為優婆塞也。我即為說若有善男子，善女人。諸根完具受三歸依。是則名為優婆塞也。釋摩男言。世尊。云何名為一分優婆塞。我言。摩男。若受三歸及受一戒。是名一分優婆塞也。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說優婆塞戒不具受得。

善男子。我於一時住恒河邊。爾時迦旃延來至

túc thị hành, hữu. Tùng thọ nhân duyên, sanh ư danh sắc. Vô minh, ái, thủ, hữu, hành, thọ, xúc, thức, lục nhập đẳng. Thị cố thọ giả túc thập nhị chi. Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết vô tâm số.

Thiện nam tử! Ngã ư kinh trung, tác như thị thuyết: Tùng nhãn, sắc, minh, ác dục đẳng tứ, tác sanh nhãn thức. Ngôn ác dục giả, túc thị vô minh. Dục tánh cầu thời, túc danh vi ái. Ái nhân duyên thủ. Thủ danh vi nghiệp. Nghiệp nhân duyên thức. Thức duyên danh sắc. Danh sắc duyên Lục nhập. Lục nhập duyên xúc. Xúc duyên tưởng, thọ, ái. Tín, tinh tấn, định, tuệ, như thị đẳng pháp nhân xúc nhi sanh; nhiên phi thị xúc. Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết hữu tâm số.

Thiện nam tử! Ngã hoặc thời thuyết: Duy hữu nhất hữu. Hoặc thuyết: nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu, chí nhị thập ngũ. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết hữu ngũ hữu, hoặc ngôn lục hữu.

Thiện nam tử! Ngã vãng nhất thời, trụ Ca-tỳ-la-vệ, Ni-câu-đà lâm. Thời, Thích-ma-nam lai chí ngã sở, tác như thị ngôn: Vân hà danh vi ưu-bà-tắc dã? Ngã tức vị thuyết: Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, chư căn hoàn cụ, thọ tam quy y, thị tác danh vi ưu-bà-tắc dã? Thích-ma-nam ngôn: Thế Tôn! Vân hà danh vi nhất phần ưu-bà-tắc? Ngã ngôn: Ma-nam! Nhược thọ tam quy cập thọ nhất giới, thị danh nhất phần ưu-bà-tắc dã? Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết ưu-bà-tắc giới, bất cụ thọ đắc.

Thiện nam tử! Ngã ư nhất thời, trụ Hằng hà biên. Nhĩ thời, Ca-chiên-diên lai chí ngã sở, tác như thị ngôn: Thế Tôn! Ngã

我所作如是言。世尊。我教眾生令受齋法。或一日或一夜。或一時或一念。如是之人成齋不耶。我言。比丘。是人得善不名得齋。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說八戒齋具受乃得。

善男子。我於經中作如是說。若有比丘犯四重已。不名比丘名破比丘亡失比丘。不復能生善牙種子。譬如焦種不生果實。如多羅樹頭若斷壞則不生果。犯重比丘亦復如是。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說諸比丘犯重禁已失比丘戒。

善男子。我於經中為純陀說四種比丘。一者畢竟到道。二者示道。三者受道。四者污道。犯四重者即是污道。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說諸比丘犯四重已不失禁戒。

善男子。我於經中告諸比丘。一乘一道一行一緣。如是一乘乃至一緣。能為眾生作大寂靜。永斷一切繫縛愁苦，苦及苦因。令一切眾生到於一乘。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說須陀洹。乃至阿羅漢人皆得佛道。

善男子。我於經中說須陀洹人人間天上七返往來便般涅槃。斯陀含人一受人天便般涅槃。阿那含人凡有五種。或有中間般涅槃者。乃至上流般涅槃者。阿

giáo chúng sanh, linh thọ trai pháp: hoặc nhất nhật, hoặc nhất dạ, hoặc nhất thời, hoặc nhất niệm. Như thị chi nhân thành trai phủ da? Ngã ngôn: Tỳ-kheo! Thị nhân đắc thiện, bất danh đắc trai. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết Bát giới trai, cụ thọ nãi đắc.

Thiện nam tử! Ngã ư kinh trung, tác như thị thuyết: Nhược hữu tỳ-kheo phạm tứ trọng dĩ, bất danh tỳ-kheo; danh phá tỳ-kheo, vong thất tỳ-kheo; bất phục năng sanh thiện nha chủng tử. Thí như tiêu chủng, bất sanh quả thật; như đa-la thọ, đầu nhược đoạn hoại, tắc bất sanh quả. Phạm trọng tỳ-kheo diệt phục như thị. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết chư tỳ-kheo, phạm trọng cấm dĩ, thất tỳ-kheo giới.

Thiện nam tử! Ngã ư kinh trung, vị Thuần-đà thuyết tứ chủng tỳ-kheo: nhất giả tất cánh đạo; nhị giả thị đạo, tam giả thọ đạo, tứ giả ô đạo. Phạm tứ trọng giả, tức thị ô đạo. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết chư tỳ-kheo, phạm tứ trọng dĩ, bất thất cấm giới.

Thiện nam tử! Ngã ư kinh trung cáo chư tỳ-kheo: nhất thừa, nhất đạo, nhất hạnh, nhất duyên. Như thị nhất thừa nãi chí nhất duyên, năng vị chúng sanh, tác đại tịch tĩnh, vĩnh đoạn nhất thiết hệ phục sâu khổ, khổ cập khổ nhân; linh nhất thiết chúng sanh đạo ư nhất thừa. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết Tu-đà-hoàn nãi chí A-la-hán nhân, giai đắc Phật đạo.

Thiện nam tử! Ngã ư kinh trung, thuyết: Tu-đà-hoàn nhân, nhân gian thiên thượng, thất phản vãng lai, tiện bát Niết-bàn. Tư-đà-hàm nhân, nhất thọ nhân, thiên, tiện bát Niết-bàn. A-na-hàm nhân, phạm hữu ngũ chủng: hoặc hữu trung gian, bát Niết-bàn giả, nãi chí thượng lưu, bát Niết-bàn giả. A-la-hán nhân,



羅漢人凡有二種。一者現在。二者未來。現在亦斷煩惱五陰。未來亦斷煩惱五陰。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說須陀洹至阿羅漢不得佛道。

善男子。我於此經說言佛性具有六事。一常二實三真四善五淨六可見。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言佛說眾生佛性離眾生有。

善男子。我又說言眾生佛性猶如虛空。虛空者非過去非未來非現在非內非外。非是色聲香味觸攝佛性亦爾。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言佛說眾生佛性離眾生有。

善男子。我又復說眾生佛性。猶如貧女宅中寶藏。力士額上金剛寶珠。轉輪聖王甘露之泉。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言佛說眾生佛性離眾生有。

善男子。我又復說犯四重禁一闡提人謗方等經作五逆罪皆有佛性。如是眾生都無善法佛性是善。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言佛說眾生佛性離眾生有。

善男子。我又復說眾生者即是佛性。何以故。若離眾生不得阿耨多羅三藐三菩提。是故我與波斯匿王說於象喻。如盲說象雖不得象然不離象。眾生

phàm hữu nhị chủng: nhất giả hiện tại, nhị giả vị lai. Hiện tại diệc đoạn phiền não ngũ ấm; vị lai diệc đoạn phiền não ngũ ấm. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Như Lai thuyết Tu-đà-hoàn chí A-la-hán bất đắc Phật đạo.

Thiện nam tử! Ngã ư thủ kinh, thuyết ngôn: Phật tánh cụ hữu lục sự: nhất thường, nhị thật, tam chân, tứ thiện, ngũ tịnh, lục khả kiến. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Phật thuyết chúng sanh Phật tánh, ly chúng sanh hữu.

Thiện nam tử! Ngã hựu thuyết ngôn: Chúng sanh Phật tánh, do như hư không. Hư không giả, phi quá khứ, phi vị lai, phi hiện tại; phi nội, phi ngoại; phi thị sắc, thanh, hương, vị, xúc nhiếp. Phật tánh diệc nhĩ. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Phật thuyết chúng sanh Phật tánh, ly chúng sanh hữu.

Thiện nam tử! Ngã hựu phục thuyết: chúng sanh Phật tánh, do như bản nữ trạch trung bảo tạng, lực sĩ ngạch thượng kim cang bảo châu, Chuyển Luân Thánh vương Cam lộ chi tuyên. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Phật thuyết chúng sanh Phật tánh, ly chúng sanh hữu.

Thiện nam tử! Ngã hựu phục thuyết: Phạm tứ trọng cấm, Nhất-xiển-đề nhân, báng Phương đẳng kinh, tác ngũ nghịch tội, giai hữu Phật tánh. Như thị chúng sanh vô thiện pháp. Phật tánh thị thiện. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Phật thuyết chúng sanh Phật tánh, ly chúng sanh hữu.

Thiện nam tử! Ngã hựu phục thuyết: Chúng sanh giả, tức thị Phật tánh. Hà dĩ cố? Nhược ly chúng sanh, bất đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị cố ngã dĩ Ba-tư-nặc vương thuyết ư tượng dụ. Như manh thuyết tượng, tuy bất đắc tượng, nhiên bất ly tượng. Chúng sanh thuyết sắc, nãi chí thuyết thức thị Phật



說色乃至說識。是佛性者亦復如是。雖非佛性非不佛性。如我為王說筌筴喻佛性亦爾。善男子。我諸弟子聞是說已。不解我意作種種說。如盲問乳佛性亦爾。以是因緣或有說言犯四重禁謗方等經作五逆罪一闡提等。悉有佛性或說言無。

善男子。我於處處經中說言。一人出世多人利益。一國土中二轉輪王。一世界中二佛出世。無有是處。一四天下八四天王乃至二他化自在天。亦無是處。然我乃說從閻浮提阿鼻地獄上至阿迦膩吒天。我諸弟子聞是說已不解我意。唱言佛說無十方佛。我亦於諸大乘經中說有十方佛。

### 大般涅槃經卷第三十四

終

tánh giả, diệc phục như thị; tuy phi Phật tánh, phi bất Phật tánh. Như ngã vị vương, thuyết không hầu dụ. Phật tánh diệc nhĩ. Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, tác chủng chủng thuyết. Như manh vấn nhữ; Phật tánh diệc nhĩ. Dĩ thị nhân duyên. Hoặc hữu thuyết ngôn: Phạm tứ trọng cấm, báng Phương đẳng kinh, tác ngũ nghịch tội, Nhất-xiển-đề đẳng, tất hữu Phật tánh; hoặc thuyết ngôn vô.

Thiện nam tử! Ngã ư xứ xứ, kinh trung, thuyết ngôn: nhất nhân xuất thế, đa nhân lợi ích; nhất quốc độ trung, nhị Chuyển Luân vương; nhất thế giới trung, nhị Phật xuất thế; vô hữu thị xứ. Nhất Tứ thiên hạ, bát Tứ thiên vương, nãi chí nhị tha hóa tự tại Thiên, diệc vô thị xứ. Nhiên ngã nãi thuyết: tùng Diêm-phù-đề, A-tỳ Địa ngục thượng chí A-ca-ni-trá thiên. Ngã chư đệ tử, văn thị thuyết dĩ, bất giải ngã ý, xướng ngôn: Phật thuyết vô thập phương Phật. Ngã diệc ư chư Đại thừa kinh trung, thuyết hữu thập phương Phật.

### Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập tứ

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

## QUYỂN BA MƯƠI BỐN

### PHẨM BỒ TÁT CA-DIỆP

Phẩm thứ mười hai - Phần hai

**T**hiện nam tử! Nếu ai nói rằng Như Lai dứt hết tất cả mà vào *Niết-bàn*, hoặc Như Lai không dứt tất cả mà vào *Niết-bàn*, những người ấy đều không hiểu được ý Như Lai nên mới nói ra những thuyết như vậy.

“Thiện nam tử! Trong Hương sơn có năm mươi ba ngàn vị tiên nhân, đều là những người vào thuở quá khứ đã tu các công đức nơi chỗ đức Phật Ca-diếp. Họ chưa chứng đắc Thánh đạo, chưa được gần gũi chư Phật để nghe và thọ nhận Chánh pháp. Như Lai vì những người này mới bảo A-nan rằng: ‘Sau ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn.’ Chư thiên nghe được rồi bèn truyền tin ấy đến tận Hương sơn. Các vị tiên nhân kia nghe được tin ấy liền sanh lòng hối tiếc rằng: ‘Vì sao chúng ta được sanh trong loài người mà không được gần gũi Phật? Chư Phật Như Lai ra đời là việc rất khó gặp, cũng như hoa Ưu-đàm. Nay chúng ta nên đến chỗ Phật Thế Tôn để nghe và thọ nhận Chánh pháp.’

“Thiện nam tử! Bấy giờ, năm mươi ba ngàn tiên nhân liền đến chỗ ta. Ta thuyết pháp thích hợp với họ: ‘Chư đại sĩ! Sắc là vô thường. Vì sao vậy? Vì nhân duyên của sắc là vô thường. Do nhân duyên vô thường sanh ra nên sắc làm sao có thể là thường?... Cho đến thức<sup>(1)</sup> cũng giống như vậy.’ Bấy giờ, các tiên nhân nghe pháp ấy rồi tức thời chứng đắc quả A-la-hán.

“Thiện nam tử! Ở thành Câu-thi-na có tộc họ Lực-sĩ<sup>(2)</sup> khoảng ba trăm ngàn người. Họ không chịu phụ thuộc ai, thường tự thị, kiêu căng với hình sắc, sức mạnh, thân mạng và tài sản mà họ có được; tâm ý họ rối loạn, cuồng say. Thiện nam tử! Vì muốn điều phục những người họ Lực-sĩ ấy, ta bảo Mục-kiên-liên rằng: ‘Ông nên điều phục những người họ Lực-sĩ ấy.’

“Bấy giờ, Mục-kiên-liên kính vâng lời dạy của ta, trong suốt năm năm trời cố dùng mọi cách để giáo hóa họ, nhưng không thể khiến cho một người nào [trong số họ] thọ pháp, được điều phục. Cho nên, ta lại vì những người họ Lực-sĩ ấy mà bảo A-nan rằng: ‘Còn ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn.’

“Thiện nam tử! Bấy giờ, nghe được lời ấy, những người họ Lực-sĩ liền rủ nhau tụ tập, sửa dọn đường sá. Qua ba tháng rồi, ta bèn từ giã thành Tỳ-xá-ly, đi đến thành Câu-thi-na. Giữa đường, trông thấy những người họ Lực-sĩ từ xa, ta liền tự hóa thân làm một thầy sa-môn, đi thẳng đến chỗ bọn họ rồi hỏi rằng: ‘Bọn trẻ các con đang làm gì đó?’

Nghe hỏi như vậy, những người họ Lực-sĩ đều sanh tâm sân hận, trách mắng rằng: ‘Sa-môn! Sao ông dám gọi chúng tôi là bọn trẻ?’ Ta đáp: ‘Các con số đông đến ba trăm ngàn người, cùng đem hết sức mình mà chẳng dời được hòn đá nhỏ này, chẳng đáng gọi là bọn trẻ hay sao?’ Những người họ Lực-sĩ nói rằng: ‘Nếu ông dám gọi chúng tôi là bọn trẻ, hẳn ông phải là một bậc đại nhân!’

“Thiện nam tử! Bấy giờ, ta chỉ dùng hai ngón chân hất văng hòn đá lên. Thấy việc ấy rồi, những người họ Lực-sĩ ấy liền đối với thân mình tự sanh lòng chê trách là yếu ớt. Họ lại hỏi: ‘Sa-môn! Nay ông có thể dẹp hòn

đá này ra khỏi đường đi chẳng?’ Ta hỏi: ‘Này các con! Do nhân duyên gì mà các con sửa dọn đường này?’ Những người họ Lục-sĩ thưa rằng: ‘Sa-môn! Ông chẳng biết gì sao? Đức Thích-ca Như Lai sẽ theo con đường này đi đến rừng Sa-la để nhập Niết-bàn. Vì nhân duyên ấy nên chúng tôi dọn dẹp đường sá cho cho bằng phẳng.’

“Ta liền ngợi khen họ: ‘Lành thay! Các con đã phát lòng lành như vậy, ta sẽ giúp trừ bỏ hòn đá này cho các con.’ Ta bèn dùng tay nhắc hòn đá, ném lên tận cõi trời A-ca-ni-trá.<sup>(3)</sup>

“Bấy giờ, thấy hòn đá còn đang lơ lửng trên không, những người họ Lục-sĩ đều lấy làm kinh sợ, muốn bỏ chạy. Ta liền bảo họ rằng: ‘Những người họ Lục-sĩ các con, nay chớ sanh lòng hoảng hốt muốn chạy trốn.’ Những người họ Lục-sĩ thưa rằng: ‘Sa-môn! Nếu ngài có thể cứu giúp bảo vệ chúng tôi, chúng tôi mới dám đứng yên nơi đây.’

“Bấy giờ, ta liền đưa tay ra đón lấy hòn đá, đặt trên lòng bàn tay mặt. Thấy vậy rồi, những người họ Lục-sĩ sanh lòng hoan hỷ, hỏi rằng: ‘Sa-môn! Hòn đá này là thường còn chẳng? Là vô thường chẳng?’

“Lúc ấy, ta dùng miệng thổi vào hòn đá. Tức thời, hòn đá tan nát thành bụi nhỏ. Thấy vậy rồi, những người họ Lục-sĩ cùng nói rằng: ‘Sa-môn! Đá này là vô thường.’ Họ liền sanh lòng hổ thẹn, tự trách mình rằng: ‘Tại sao chúng ta lại dựa vào sự tự tại, hình sắc, sức lực, mạng sống, tài sản của chúng ta mà sanh lòng kiêu mạn?’

“Biết rõ tâm ý của họ rồi, ta liền bỏ thân biến hóa, hiện nguyên hình [Phật] và thuyết pháp với họ. Những người họ Lục-sĩ được thấy nghe như vậy rồi, tất cả đều phát tâm Bồ-đề.

“Thiện nam tử! Tại thành Câu-thi-na,<sup>(4)</sup> có một người thợ khéo tên là Thuần-đà. Người này thuở trước từng ở chỗ đức Phật Ca-diếp phát lời thệ nguyện lớn rằng: ‘Đến khi đức Thích-ca Như Lai nhập Niết-bàn, tôi sẽ là người sau cùng phụng thí ẩm thực!’ Vì vậy nên khi còn ở thành Tỳ-xá-ly, ta có bảo tỳ-kheo Ưu-bà-ma-na rằng: ‘Thiện nam tử! Còn ba tháng nữa ta sẽ đến thành Câu-thi-na, trong rừng cây sa-la mọc sồng đôi mà nhập Niết-bàn. Ông nên đến báo cho Thuần-đà được biết.’

“Thiện nam tử! Tại thành Vương Xá có vị tiên nhân ngũ thông<sup>(5)</sup> tên là Tu-bạt-đà, sống thọ đến một trăm hai mươi tuổi, thường tự xưng là bậc Nhất thiết trí [rõ biết tất cả], sanh lòng kiêu mạn lớn. Người ấy đã từng đối trước vô lượng chư Phật quá khứ gieo trồng thiện căn. Vì muốn điều phục người ấy, ta bảo A-nan rằng: ‘Còn ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn.’ Nghe được lời ấy, Tu-bạt-đà ắt sẽ tìm đến chỗ ta, sanh tâm tín kính. Ta sẽ vì ông ấy mà thuyết giảng đủ mọi pháp lành. Nghe pháp rồi, người ấy sẽ được dứt hết phiền não [chứng quả A-la-hán].

“Thiện nam tử! Ở thành La-duyet-kỳ có vị vua là Tần-bà-sa-la. Thái tử con vua tên là Thiện Kiến,<sup>(6)</sup> vì nghiệp nhân duyên nên sanh lòng ác nghịch, muốn làm hại cha, nhưng chưa có cơ hội thuận tiện. Bấy giờ, kẻ xấu ác là Đề-bà-đạt-đa cũng do nghiệp nhân duyên quá khứ nên sanh lòng dữ, muốn làm hại ta. Đề-bà-đạt-đa liền tu tập Ngũ thông, chẳng bao lâu đạt được năm phép thần thông ấy. Sau đó, Đề-bà-đạt-đa kết thân với thái tử Thiện Kiến, vì thái tử mà biến hóa mọi phép thần thông: không đi qua cửa mà vẫn ra ngoài được, lại theo cửa mà vào; hoặc đi qua cửa mà ra, lại không qua

cửa mà vẫn vào được; hoặc thị hiện thân voi, thân ngựa, thân bò, thân dê, thân nam, thân nữ...

“Thấy vậy, thái tử Thiện Kiến sanh lòng ái mộ, vui vẻ kính tin theo [Đề-bà-đạt-đa]. Vì thế, thái tử Thiện Kiến liền bày biện nghiêm trang các món phẩm vật mà dâng hiến cho Đề-bà-đạt-đa, lại thưa rằng: ‘Đại sư Thánh nhân! Tôi muốn được thấy hoa mạn-đà-la.’

Đề-bà-đạt-đa tức thời hiện lên cõi trời Dao-lợi hỏi xin hoa ấy. Nhưng Đề-bà-đạt-đa là người đã hết phước nên chư thiên ở đó chẳng ai cho. Xin hoa không được, Đề-bà-đạt-đa bèn suy nghĩ rằng: ‘Cây mạn-đà-la vốn không tự có bản ngã, cũng không sở hữu các pháp khác; nếu ta tự lấy hoa ấy cũng không có tội gì.’ Đề-bà-đạt-đa liền bước tới toan hái hoa, tức thời mất hết thần thông, nhìn lại thấy mình [đã rơi xuống] giữa thành Vương Xá. Lòng sanh hổ thẹn, Đề-bà-đạt-đa không dám đến viếng thái tử Thiện Kiến, lại nảy ra ý nghĩ rằng: ‘Nay ta nên đến chỗ Như Lai, xin ngài giao lại đại chúng [chư tăng] cho ta. Nếu Phật ứng thuận, ta sẽ có thể tùy ý dạy bảo, sai khiến những người như Xá-lợi-phất.’

“Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa đi đến chỗ ta, nói rằng: ‘Xin Như Lai đem đại chúng này mà phó chúc cho tôi. Tôi sẽ dùng mọi cách thuyết pháp giáo hóa, khiến họ được điều phục.’ Ta đáp: “Ông thật ngu si! Người thông minh đại trí, được người đời tin phục như Xá-lợi-phất còn chưa được ta đem cả đại chúng mà phó chúc, huống gì ông là kẻ ngu si, chỉ biết lặp lại những lời người khác đã nói?”<sup>(7)</sup>

“Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa đối với ta càng sanh tâm xấu ác, liền nói: ‘Cồ-đàm! Nay tuy ông điều phục được đại chúng, nhưng thế lực chẳng tồn tại được lâu, chắc chắn

rồi sẽ tàn diệt.’ Đề-bà-đạt-đa vừa nói ra lời ấy, toàn cõi đất này liền chấn động sáu lần. Đề-bà-đạt-đa đứng trở trên đất, bên thân ông ấy có luồng gió cực mạnh thổi qua, làm cho bụi bặm, đất cát bám dơ cả người. Đề-bà-đạt-đa thấy tướng dữ ấy rồi lại nói rằng: ‘Nếu thân đời này của ta phải vào địa ngục A-tỳ, thế nào ta cũng phải trả mỗi oán thù sâu nặng này [với Cồ-đàm]!’

“Liên đó, Đề-bà-đạt-đa đến chỗ thái tử Thiện Kiến. Vừa thấy người, thái tử hỏi rằng: ‘Thánh nhân! Tại sao dung nhan ngài tiêu tụy, ưu sầu?’ Đề-bà-đạt-đa nói rằng: ‘Tôi vẫn thường như vậy, thái tử chẳng biết sao?’ Thiện Kiến đáp rằng: ‘Xin ngài nói rõ ý, vì nhân duyên chi vậy?’

Đề-bà-đạt-đa liền nói: ‘Nay tôi với ngài rất thân thiết, người bên ngoài nói xấu ngài, thật là vô lý. Tôi nghe biết việc ấy, lại có thể không ưu sầu hay sao?’ Thái tử Thiện Kiến liền hỏi: ‘Người trong nước nói xấu thế nào? Đề-bà-đạt-đa đáp: ‘Người trong nước nói xấu ngài, gọi ngài là Vị sanh oán, [nghĩa là kẻ oán thù từ lúc chưa sanh].’<sup>(8)</sup> Thái tử Thiện Kiến lại hỏi: ‘Tại sao họ gọi tôi là Vị sanh oán? Ai đã đặt tên ấy?’

“Đề-bà-đạt-đa đáp: ‘Khi ngài chưa sanh ra, tất cả các thầy tướng đều nói rằng: ‘Đứa trẻ ấy về sau sẽ giết cha nó.’ Vì vậy, nên người bên ngoài đều gọi ngài là Vị sanh oán. Tất cả người trong cung vì muốn được lòng ngài nên gọi ngài là Thiện Kiến. Phu nhân Vi-đề nghe lời thầy tướng rồi, sau khi sanh ra liền từ trên lầu cao ném ngài rơi xuống đất, làm ngài gãy mất một ngón tay. Vì nhân duyên ấy, người ta lại gọi ngài là Bà-la-lưu-chi.’<sup>(9)</sup> Tôi nghe những điều như vậy lấy làm buồn rầu bán loạn, nhưng không thể mang ra nói thẳng với ngài.’



“Đề-bà-đạt-đa đem những việc xấu ác như vậy kể ra để xúi giục thái tử giết cha, nói rằng: ‘Nếu cha ngài đã chết, tôi cũng có thể giết chết sa-môn Cồ-đàm.’”

“Thái tử Thiện Kiến liền hỏi một đại thần tên Vũ Hành:<sup>(10)</sup> ‘Đại thần! Tại sao Đại vương đặt tên cho tôi là Vị sanh oán?’ Đại thần liền kể nguồn gốc câu chuyện, cũng y như Đề-bà-đạt-đa đã nói, không khác chi cả.

“Nghe rồi, Thiện Kiến liền sai đại thần Vũ Hành đi bắt vua cha, giam ở ngoài thành, sai bốn loại quân<sup>(11)</sup> canh giữ cẩn thận. Phu nhân Vi-đề<sup>(12)</sup> nghe việc ấy rồi, liền đi đến chỗ giam vua. Những người canh giữ ngăn cản không cho bà vào. Khi ấy, phu nhân nổi giận, liền quả mắng bọn họ.

“Bấy giờ, những người canh giữ liền đến báo với thái tử Thiện Kiến: ‘Đại vương! Nay phu nhân Vi-đề muốn vào thăm vua, chẳng biết có nên cho vào hay không?’ Thiện Kiến vừa nghe liền sanh lòng giận tức, đi thẳng đến chỗ mẹ, nắm tóc bà kéo lên, vung đao muốn chém.

“Lúc ấy, [đại thần ngự y là] Kỳ-bà<sup>(13)</sup> tâu rằng: ‘Đại vương! Từ khi lập quốc đến nay, dù tội rất nặng cũng không hại đến phụ nữ, huống chi là mẹ ruột của mình!’

“Nghe lời ấy rồi, thái tử Thiện Kiến liền vì Kỳ-bà mà buông tha mẹ, nhưng ra lệnh cấm tuyệt không để bà đem áo quần, mũm mền, đồ ăn uống, thuốc thang cho vua cha. Sau bảy ngày, vua liền mạng chung. Thái tử Thiện Kiến khi ấy mới sanh lòng hối hận.

“Đại thần Vũ Hành lại dùng đủ mọi pháp tà ác mà tâu lên: ‘Đại vương! Tất cả các hành vi tạo nghiệp đều không có tội, nay vì sao ngài lại sanh lòng hối hận?’

“Ngự y Kỳ-bà [nghe như thế] liền tâu: ‘Đại vương! Ngài nên biết rằng việc [ngài đã làm] như vậy phạm vào hai tội: một là giết hại vua cha, hai là giết vị Tu-đà-hoàn.<sup>(14)</sup> Những tội nặng như vậy, trừ đức Phật ra thì không ai có thể trừ diệt được.’

“Vua Thiện Kiến liền hỏi: ‘Như Lai là bậc thanh tịnh, không chút bợn nhơ; ta là người có tội, làm sao có thể gặp ngài?’

“Thiện nam tử! Ta biết rõ việc ấy nên bảo A-nan: ‘Còn ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn.’ Thiện Kiến nghe được lời ấy rồi liền tức thời tìm đến chỗ ta. Ta vì vua ấy thuyết pháp, khiến tội nặng được thành nhẹ, đạt được đức tin vô căn.<sup>(15)</sup>

“Thiện nam tử! Các đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta nên cho rằng: ‘Như Lai đã nói chắc sẽ buông bỏ tất cả mà nhập Niết-bàn.’

Thiện nam tử! Có hai hạng Bồ Tát: một là hạng Bồ Tát đúng nghĩa chân thật, hai là hạng Bồ Tát giả danh.

“Hạng Bồ Tát giả danh nghe nói rằng còn ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn, thấy đều sanh lòng thối chuyển, nói rằng: ‘Đức Như Lai còn là vô thường, chẳng trụ, thì chúng ta đây làm được gì? Vì sự vô thường ấy mà trong vô số kiếp chúng ta phải chịu khổ não lớn, nay Như Lai Thế Tôn thành tựu đầy đủ vô lượng công đức còn không trừ được ma chết, huống chi bọn ta lại trừ nổi hay sao?’

“Thiện nam tử! Cho nên vì hạng Bồ Tát ấy mà ta nói rằng: ‘Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi.’

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta liền bảo rằng: ‘Như Lai rốt cùng không hề buông bỏ tất cả mà nhập Niết-bàn.’

“Thiện nam tử! Có những chúng sanh sinh khởi quan điểm đoạn diệt, nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh sau khi thân mạng dứt rồi thì không có ai thọ nhận các nghiệp thiện ác.’ Ta vì những người ấy ta nên nói rằng: ‘Quả báo thiện ác thật có người thọ nhận.’

“Vì sao biết là có? Thiện nam tử! Vào thuở quá khứ, tại thành Câu-thi-na có một vị vua tên là Thiện Kiến. Thời niên thiếu của vua ấy kéo dài đến tám mươi bốn ngàn năm. Đến thời gian ngài làm thái tử cũng kéo dài tám mươi bốn ngàn năm. Cho đến khi ngài lên ngôi vua, thời gian trị nước cũng kéo dài tám mươi bốn ngàn năm.

“Đức vua ấy trong khi ngồi một mình ở nơi vắng vẻ tự suy xét rằng: ‘Chúng sanh phước mỏng, sống đời ngắn ngủi, thường có bốn mối oán thù đeo đuổi mà không tự biết nên mãi buông thả, lười nhác. Vì thế ta nên xuất gia tu hành, trừ dứt bốn mối oán thù là sanh, già, bệnh, chết.’

“Vua liền sai quan hữu tư<sup>(16)</sup> làm một tòa nhà bằng thất bảo ở phía ngoài thành. Sau khi làm xong, vua tuyên cáo với tất cả quần thần, bá quan, hậu phi trong cung, cùng tất cả con cái và quyến thuộc rằng: ‘Mọi người nên biết, nay ta muốn xuất gia. Mọi người có thuận ý hay không?’

“Bấy giờ, tất cả đại thân và quyến thuộc của vua thấy đều tâu lên rằng: ‘Lành thay, Đại vương! Nay chính là lúc thích hợp.’

“Vua Thiện Kiến liền cùng với một người hầu đến ở tòa nhà ấy, trải qua suốt tám mươi bốn ngàn năm tu tập tâm từ. Nhờ nhân duyên của đức từ ấy mà về sau ngài được liên tiếp làm Chuyển Luân Thánh vương trong tám mươi bốn ngàn đời, lại làm Thích-đề-hoàn-nhân trong ba mươi đời, và làm tiểu vương trong vô số kiếp.

“Thiện nam tử! Vua Thiện Kiến thuở ấy nào phải ai xa lạ? Cũng không cần quán tưởng [tìm hiểu] việc ấy, [vì] chính là ta ngày nay đây.

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo rằng: ‘Như Lai nói chắc rằng có ngã và ngã sở.’<sup>(17)</sup>

“Lại có lần ta vì chúng sanh mà nói rằng: ‘Ngã tức là tánh. Chẳng hạn như: nhân duyên trong và ngoài, Mười hai nhân duyên, năm ấm của chúng sanh, cảnh giới tâm thức của thế gian, mọi công đức, hạnh nguyện, tác nghiệp, đời sống ở cõi trời Tự tại... đó gọi là ngã.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy không hiểu được ý ta, liền bảo rằng: ‘Như Lai nói chắc rằng có ngã.’

“Thiện nam tử! Lại một lần khác, có vị tỳ-kheo đi đến chỗ ta hỏi rằng: ‘Thế Tôn! Sao gọi là ngã? Ngã đó là ai? Vì duyên có gì mà có ngã?’ Ta liền vì tỳ-kheo ấy mà dạy rằng: ‘Tỳ-kheo! Thật không có ngã và ngã sở. Nói ngã đó tức là vốn trước không mà sau thành có, rồi từ có trở lại thành không. Khi cái ngã ấy sanh ra, chẳng từ đâu đến; khi nó diệt đi, cũng chẳng về đâu. Tuy có nghiệp quả nhưng không có người tạo tác. Không có người lìa bỏ năm ấm [cũ] và thọ nhận năm ấm [mới]. Như lời ông hỏi: Sao gọi là ngã? Ngã đó chính là các giai đoạn, thời kỳ [chuyển biến khác nhau].’ Lại hỏi: ‘Ngã đó là ai?’ ‘Chính là các nghiệp [thiện ác đã tạo].’ Lại hỏi: ‘Vì duyên có gì mà có ngã?’ ‘Chính là do nơi tham ái.’

“Tỳ-kheo! Ví như hai bàn tay vỗ lại, âm thanh do nơi đó mà sanh ra; cái ngã cũng vậy, do ba nhân duyên là chúng sanh, nghiệp [lực] và tham ái [mà sanh ra] nên gọi đó là ngã.

“Tỳ-kheo! Hình sắc của tất cả chúng sanh chẳng phải ngã; trong ngã không có sắc, trong sắc không có ngã; cho đến đối với thức cũng vậy.<sup>(18)</sup>

“Tỳ-kheo! Những người ngoại đạo tuy nói rằng có ngã, nhưng rốt cùng không lìa khỏi năm ấm. Nếu nói rằng lìa khỏi năm ấm mà riêng có ngã thì thật là vô lý! Hành vi [tạo tác] của tất cả chúng sanh đều như huyễn hóa, như những gợn sóng lung linh hiện ra khi trời nắng gắt.

“Tỳ-kheo! Năm ấm đều là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.’

“Thiện nam tử! Lúc bấy giờ có vô số tỳ-kheo quán xét lẽ năm ấm là không có ngã và ngã sở, nhờ đó chứng đắc quả vị A-la-hán.

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy không hiểu được ý ta, liền bảo rằng: ‘Như Lai nói chắc rằng không có ngã.’

“Thiện nam tử! Trong các kinh ta lại có dạy rằng: ‘Có ba việc hòa hợp nên [chúng sinh] có thân này: một là cha, hai là mẹ, ba là thân trung ấm.’ Có đủ ba việc ấy hòa hợp mới có được thân này. Có khi ta lại dạy rằng bậc A-na-hàm nhập Niết-bàn ngay trong đời hiện tại, hoặc nói là nhập Niết-bàn với thân trung ấm, hoặc lại nói rằng: ‘Thân căn trung ấm được sáng tỏ trọn vẹn, đều do nơi nghiệp đời trước trong sạch tinh khiết như chất đề-hồ.’

“Thiện nam tử! Có lúc ta dạy rằng: ‘Thân trung ấm mà những chúng sanh xấu ác nhận lấy giống như cái áo vải thô cũ rách, thân trung ấm mà chúng sanh thuần thiện nhận lấy giống như lụa trắng tốt được làm ra ở Ba-la-nại.’ Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng có [thân] trung ấm.’

“Thiện nam tử! Ta lại vì những chúng sanh phạm [năm] tội nghịch mà dạy rằng: ‘Những kẻ tạo năm tội nghịch, khi bỏ thân này liền vào thẳng địa ngục A-tỳ.’ Ta lại dạy rằng: ‘Tỳ-kheo Đàm-ma-lưu-chi vừa xả thân liền vào thẳng trong địa ngục A-tỳ, khoảng giữa không có một chút thời gian ngừng nghỉ.’ Ta lại vì ông Phạm-chí Độc Tử<sup>(19)</sup> mà dạy rằng: ‘Phạm-chí! Nếu có thân trung ấm, ắt có sáu cảnh giới hiện hữu.’<sup>(20)</sup> Ta lại có dạy rằng: ‘Chúng sanh cõi Vô sắc không có thân trung ấm.’

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng không có [thân] trung ấm.’

“Thiện nam tử! Trong các kinh ta lại dạy rằng có sự thối chuyển. Vì sao vậy? Do nơi vô số những tỳ-kheo biếng nhác, trì trệ, không tu tập Chánh đạo, nên ta thuyết dạy rằng có năm loại [nhân duyên] thối chuyển: một là ưa thích nhiều việc, hai là ưa bàn nói việc đời, ba là ưa thích ngủ nghỉ, bốn là ưa thích gận gũi người thế tục, năm là ưa thích việc đi chơi đây đó. Do những nhân duyên này mà vị tỳ-kheo sanh ra thối chuyển.

“Ta cũng dạy rằng nhân duyên thối chuyển có hai loại, một là nhân duyên bên trong, hai là nhân duyên bên ngoài. Bậc A-la-hán tuy lìa khỏi nhân duyên bên trong nhưng chưa lìa dứt nhân duyên bên ngoài. Do nhân duyên bên ngoài nên sanh phiền não. Vì sanh phiền não, nên phải thối chuyển.

“Lại có vị tỳ-kheo tên là Cô-dàn, sáu lần thối chuyển. Sau mỗi lần thối chuyển đều lấy làm hổ thẹn, trở lại tinh tấn tu tập. Đến lần thứ bảy thì chứng đắc. Chứng đắc rồi lại sợ thối chuyển nên dùng dao mà tự hại [mạng]



sống]. Có khi ta [phân biệt] nói [các quả vị] giải thoát tùy thời,<sup>(21)</sup> hoặc nói về sáu hạng A-la-hán.<sup>(22)</sup> Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng có sự thối chuyển.’

“Thiện nam tử! Trong kinh lại có dạy rằng: ‘Ví như đốt cây thành than, than ấy không thể trở lại thành cây; như cái bình đã vỡ không thể dùng được nữa. Phiền não cũng vậy, khi vị A-la-hán đã dứt trừ [phiền não] rồi thì phiền não không bao giờ sanh khởi trở lại.’

“Trong kinh cũng có dạy: ‘Các nhân sanh ra phiền não của chúng sanh có ba loại: một là chưa dứt trừ phiền não, hai là không dứt nhân duyên, ba là không khéo suy xét. Nhưng vị A-la-hán không có hai [trong số ba] nhân duyên vừa nói, vì [vị ấy] đã dứt trừ phiền não và biết khéo suy xét.

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng không có sự thối chuyển.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta dạy rằng: ‘Thân Như Lai có hai loại, một là thân được sanh ra, hai là Pháp thân.

“Nói thân được sanh ra tức là thân phương tiện ứng hóa. Thân này có thể nói là có sanh, già, bệnh, chết, cao, thấp, đen, trắng; có cái này, cái kia; có học hỏi, có vô học. Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng thân Phật là pháp hữu vi.’

“Còn Pháp thân là thường, lạc, ngã, tịnh, vĩnh viễn là khỏi mọi điều sanh, già, bệnh, chết; chẳng phải trắng, chẳng phải đen; chẳng phải cao, chẳng phải thấp; chẳng phải cái này, chẳng phải cái kia; chẳng phải học hỏi,

chẳng phải vô học. Dù Phật có ra đời hay không, thân ấy vẫn là thường trụ không lay động, không có sự biến đổi.

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng thân Phật là pháp vô vi.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘Thế nào gọi là Mười hai nhân duyên? Do vô minh sanh ra hành; do hành sanh ra thức; do thức sanh ra danh sắc; do danh sắc sanh ra sáu nhập; do sáu nhập sanh ra xúc chạm; do xúc chạm sanh ra cảm thọ; do cảm thọ sanh ra tham ái; do tham ái sanh ra chấp thủ; do chấp thủ sanh ra hiện hữu; do hiện hữu mà có sanh; do sanh mà có già, có chết, các mối lo khổ.

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng Mười hai nhân duyên nhất định là pháp hữu vi.’

“Lại có lần ta dạy các tỳ-kheo rằng: ‘Dù có Phật hay không có Phật, tánh và tướng của Mười hai nhân duyên vẫn là thường trụ.’

“Thiện nam tử! Có [pháp thuộc về] Mười hai duyên, không do duyên sanh ra; lại có [pháp] do duyên sanh ra, không thuộc Mười hai duyên; lại có [pháp] do duyên sanh ra, cũng thuộc về Mười hai duyên; lại có [pháp] không do duyên sanh ra, cũng không thuộc về Mười hai duyên.

“[Các pháp thuộc về] Mười hai duyên, không do duyên sanh ra, đó là nói Mười hai chi của đời vị lai. [Các pháp] do duyên sanh ra, không thuộc về Mười hai duyên, đó là nói năm ấm của vị A-la-hán. [Các pháp] do duyên sanh ra, cũng thuộc về Mười hai duyên, đó là nói năm ấm, Mười hai nhân duyên của phàm phu. [Các pháp] không



do duyên sanh ra, cũng không thuộc về Mười hai duyên, đó là nói hư không, Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng Mười hai duyên nhất định là pháp vô vi.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘Tất cả chúng sanh tạo ra những nghiệp lành, dữ, khi vừa bỏ thân thì bốn đại liền tan rã. Những người tạo toàn nghiệp lành thì tâm đi lên [cảnh giới] cao; những kẻ tạo toàn nghiệp dữ thì tâm đi xuống [cảnh giới] thấp.’<sup>(23)</sup>

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng tâm thức nhất định là thường tồn.’

“Thiện nam tử! Có lần ta bảo vua Tần-bà-sa-la rằng: ‘Đại vương nên biết, sắc là vô thường. Vì sao vậy? Vì sắc ấy do nhân vô thường sanh ra. Nếu sắc ấy do nhân vô thường sanh ra, người có trí làm sao có thể nói rằng đó là thường? Nếu sắc là thường, hẳn nó không thể hoại diệt, sanh các khổ não. Nay thấy rằng sắc ấy là tiêu tan, hư hoại, nên biết rằng sắc là vô thường... Cho đến thức cũng giống như vậy.’<sup>(24)</sup>

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng tâm thức nhất định là đoạn diệt.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘Đệ tử Phật tuy thọ nhận các món hương hoa, vàng bạc, châu báu, vợ con, tôi tớ, tám thứ vật bất tịnh... nhưng vẫn đạt được Chánh đạo; đạt được Chánh đạo rồi cũng chẳng lìa bỏ những thứ ấy.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu

được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng sự hưởng thụ năm món dục không trở ngại Thánh đạo.’

“Lại có lần ta dạy rằng: ‘Người tại gia không có lý nào lại đạt được Chánh đạo.’ Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng sự hưởng thụ năm món dục nhất định là ngăn trở che chướng Chánh đạo.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘Lìa xa phiền não nhưng chưa đạt được giải thoát cũng giống như tu tập Thế đệ nhất pháp.’ Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng Đệ nhất pháp chỉ ở tại Dục giới.’

“Ta lại có dạy rằng: ‘Noãn pháp, Đỉnh pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp đều ở từ Sơ thiên cho đến Đệ tứ thiên. Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Những pháp Như Lai nói đó đều ở tại Sắc giới.’

“Ta lại có dạy rằng: ‘Những người ngoại đạo trước đã dứt trừ phiền não trong cảnh giới Tứ thiên, tu tập Noãn pháp, Đỉnh pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp, quán xét Bốn chân đế, chứng đắc quả A-na-hàm.

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng Đệ nhất pháp ở tại Vô sắc giới.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘Trong bốn trường hợp bố thí, có ba trường hợp được thanh tịnh. Bốn trường hợp bố thí gồm có: Một là người bố thí tin vào nhân quả và sự bố thí, nhưng người nhận bố thí không tin vào nhân quả và sự bố thí; hai là người nhận bố thí tin vào nhân quả và sự bố thí nhưng người bố thí

không tin vào nhân quả và sự bố thí; ba là cả người bố thí và người nhận bố thí đều có lòng tin [vào nhân quả và sự bố thí]; và bốn là cả người bố thí và người nhận bố thí đều không có lòng tin [vào nhân quả và sự bố thí].

“Trong bốn trường hợp bố thí ấy, ba trường hợp trước là thanh tịnh. Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng việc bố thí chỉ do nơi tâm ý.’

“Thiện nam tử! Có lần ta dạy rằng: ‘Người thực hành bố thí dùng đến năm món để bố thí. Những gì là năm? Một là bố thí vật chất; hai là bố thí công sức; ba là bố thí sự an ổn; bốn là bố thí mạng sống; năm là dùng biện tài để bố thí. Do [năm] nhân duyên này, người bố thí có được năm loại quả báo.

“Những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng bố thí tức là năm ấm.’

“Thiện nam tử! Có lần ta dạy rằng: ‘Niết-bàn là xa lìa [tất cả], vĩnh viễn dứt trừ phiền não, không còn chút vết tích nào. Như ngọn đèn đã tắt, không còn pháp nào sanh ra nữa; Niết-bàn cũng vậy. Nói hư không tức là không có gì cả. Ví như người thế gian, vì không có gì cả nên gọi là hư không. Không phải do dứt mất đối tượng nhận biết mà gọi là không có. Nếu đã là có, ắt phải có nhân duyên. Vì có nhân duyên nên phải có sự diệt mất. Vì không có nhân duyên nên không có sự diệt mất.

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng không có Ba vô vi.’<sup>(25)</sup>

“Thiện nam tử! Có lần ta vì Mục-kiền-liên thuyết dạy rằng: ‘Mục-kiền-liên! Niết-bàn đó chính là theo kinh

văn giảng giải, là dấu tích [của bậc giải thoát], là nơi đến rốt ráo [của người tu tập], là không còn sợ sệt, là bậc thầy lớn [để nương theo], là kết quả lớn lao, là trí tuệ rốt ráo trọn vẹn, là sức kham nhẫn lớn, là pháp tam-muội không ngăn ngại, là cõi pháp minh mông, là vị cam lộ [bất tử],<sup>(26)</sup> là rất khó thấy biết.

“Mục-kiền-liên! Nếu nói rằng không có Niết-bàn, vì sao những kẻ phỉ báng Niết-bàn lại đọa vào địa ngục?”

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng thật có Niết-bàn.’

“Lại có lần ta vì Mục-kiền-liên thuyết dạy rằng: ‘Mục-kiền-liên! Con mắt không bền chắc..., cho đến thân<sup>(27)</sup> cũng đều không bền chắc. Vì không bền chắc nên gọi là hư không, chỉ là chỗ để thức ăn đi vào xoay chuyển tiêu hóa. Tất cả âm thanh đều gọi là hư không.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng có hư không vô vi.’

“Lại có lần ta vì Mục-kiền-liên thuyết dạy rằng: ‘Mục-kiền-liên! Có người khi chưa đắc quả Tu-đà-hoàn, đang trụ ở Nhẫn pháp, dứt trừ được vô lượng quả báo trong ba đường ác, nên biết rằng [người ấy] không do nhân duyên trí tuệ mà diệt [được vô lượng quả báo xấu ác].’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng có Phi trí duyên diệt.’<sup>(28)</sup>

“Thiện nam tử! Lại có lần ta vì tỳ-kheo Bạt-ba thuyết dạy rằng: ‘Bạt-ba! Vị tỳ-kheo [khi] quán xét hình sắc,

như hình sắc trong quá khứ, vị lai hoặc hiện tại; như hình sắc ở gần hoặc ở xa; như hình sắc thô ráp hoặc tinh tế; [thì thấy rằng] mọi thứ hình sắc như thế đều không phải là ngã, ngã sở. Nếu tỳ-kheo quán xét như vậy rồi thì có thể dứt trừ sự tham ái đối với hình sắc.’

“Bạt-ba lại thưa hỏi rằng: ‘Thế nào gọi là danh và sắc?’ Ta đáp: ‘Bốn đại gọi là sắc; bốn ấm [còn lại] gọi là danh.<sup>(29)</sup> Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng sắc là bốn đại.

“Thiện nam tử! Ta lại có dạy rằng: ‘Ví như nhân có gương soi ắt phải có hình bóng hiện ra [trong đó]. Hình sắc cũng như vậy, nhân nơi bốn đại tạo nên; chẳng hạn như: thô, mịn, nhám, trơn; xanh, vàng, đỏ, trắng; dài, ngắn, vuông, tròn; tà, nhọn, nhẹ, nặng; lạnh, nóng, đói, khát; khói mây, bụi bặm, mù sương... Đó gọi là hình sắc được tạo ra, cũng giống như tiếng dội [của âm thanh], hình bóng [hiện trong gương].’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng có bốn đại ắt có tạo ra hình sắc, thật không có bốn đại thì không tạo ra hình sắc.’

“Thiện nam tử! Trước đây có lần Vương tử Bồ-đề nói rằng: ‘Như có vị tỳ-kheo hộ trì cấm giới mà phát khởi tâm xấu ác, nên biết rằng ngay khi ấy liền mất giới tỳ-kheo.’ Ta liền dạy: ‘Vương tử Bồ-đề! Giới có bảy loại, do nơi thân và miệng, có hình sắc không biểu lộ.<sup>(30)</sup> Do nhân duyên là hình sắc không biểu lộ, nên dù tâm xấu ác, trong chỗ vô ký cũng không gọi là mất giới, vẫn là trì giới. Do nhân duyên gì gọi là hình sắc không biểu lộ?’

Vì không có nhân từ những hình sắc khác, không tạo thành quả là những hình sắc khác.

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng có hình sắc không biểu lộ.’

“Thiện nam tử! Trong các kinh khác ta có dạy rằng: ‘Giới tức là ngăn cấm, chế ngự các pháp xấu ác. Nếu không làm việc ác thì gọi là trì giới.’ Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai giảng thuyết nhất định rằng không có hình sắc không biểu lộ.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘Sắc ấm cho đến thức ấm của bậc thánh nhân cũng đều do nhân duyên là vô minh sanh ra. Tất cả phàm phu cũng vậy; từ nơi vô minh sanh ra tham ái, nên biết rằng tham ái tức là vô minh. Từ nơi tham ái sanh ra chấp thủ, nên biết rằng chấp thủ tức là vô minh, tham ái. Từ nơi chấp thủ sanh ra hữu; hữu ấy tức là vô minh, tham ái, chấp thủ. Từ nơi hữu sanh ra thọ, nên biết rằng thọ ấy tức là hành, hữu. Do nhân duyên là thọ mà sanh ra danh sắc, vô minh, ái, thủ, hữu, hành, thọ, xúc, thức, sáu nhập... các thứ, cho nên thọ đó chính là Mười hai nhân duyên.<sup>(31)</sup> Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng không có các tâm sở.’<sup>(32)</sup>

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘Từ nơi bốn yếu tố là con mắt, hình sắc, ánh sáng và sự tham muốn xấu, ắt phải sanh ra nhãn thức. Nói tham muốn xấu đó tức là vô minh. Đang khi tham muốn mong cầu gọi là tham ái. Tham ái làm nhân duyên cho chấp thủ. Chấp



thủ gọi là nghiệp. Nghiệp làm nhân duyên cho thức. Thức làm duyên cho danh sắc. Danh sắc làm duyên cho sáu nhập. Sáu nhập làm duyên cho xúc. Xúc làm duyên cho tưởng, thọ, ái. Các pháp như tín, tinh tấn, định, tuệ đều nhân nơi xúc mà sanh ra, nhưng không phải là xúc.’

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo rằng: ‘Như Lai nói rằng thật có các tâm sở.’

“Thiện nam tử! Có khi ta dạy rằng: ‘Chỉ có duy nhất một cảnh giới hiện hữu.’ Lại có khi ta dạy là có hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín... cho đến hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo rằng: ‘Như Lai nói rằng có năm cảnh giới hiện hữu, hoặc nói rằng có sáu cảnh giới hiện hữu...’

“Thiện nam tử! Có một lần ta đang ở trong rừng Ni-câu-đà tại Ca-tỳ-la-vệ. Lúc ấy, Thích-ma-nam<sup>(33)</sup> đến chỗ ta thưa hỏi rằng: ‘Thế nào gọi là ưu-bà-tắc?’<sup>(34)</sup> Ta liền vì ông ấy thuyết giảng: ‘Nếu có thiện nam tử<sup>(35)</sup> đầy đủ các căn, thọ Tam quy y thì gọi là ưu-bà-tắc.’ Thích-ma-nam lại thưa hỏi: ‘Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc không trọn vẹn?’ Ta đáp: ‘Ma-nam! Nếu ai thọ Tam quy y và chỉ thọ trì một giới thì gọi là ưu-bà-tắc không trọn vẹn.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng giới ưu-bà-tắc có thể không cần thọ đủ.’

“Thiện nam tử! Có lần ta đang ở bên bờ sông Hằng, Ca-chiên-diên<sup>(36)</sup> tìm đến chỗ ta thưa rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Con giáo hóa chúng sanh, khiến họ thọ Tám giới

traì<sup>(37)</sup> trong một ngày, hoặc trong một đêm, hoặc trong một lúc, hoặc chỉ trong một niệm. Những người như vậy có thành tựu Tám giới trai hay không?’ Ta đáp: ‘Tỳ-kheo! Những người như vậy làm được điều lành chứ không thành tựu Tám giới trai.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng Tám giới trai buộc phải thọ đủ mới được.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘Tỳ-kheo nào đã phạm Bốn trọng cấm<sup>(38)</sup> rồi thì không nên gọi là tỳ-kheo nữa, nên gọi đó là tỳ-kheo phá giới, tỳ-kheo hư hỏng, không thể trở lại sanh khởi hạt giống lành. Ví như hạt giống đã bị cháy thì không sanh quả hạt, như cây đa-la<sup>(39)</sup> bị chặt ngọn không thể sanh trái. Tỳ-kheo phạm vào các trọng cấm cũng giống như vậy.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng các tỳ-kheo đã phạm các trọng cấm thì mất giới tỳ-kheo.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có vì Thuần-đà nói về bốn hạng tỳ-kheo. Một là các tỳ-kheo rốt cùng sẽ đạt được Chánh đạo; hai là các tỳ-kheo chỉ bày Chánh đạo [cho chúng sanh]; ba là các tỳ-kheo thọ nhận Chánh đạo; bốn là các tỳ-kheo làm ô uế Chánh đạo. Tỳ-kheo phạm vào Bốn trọng cấm chính là hạng làm ô uế Chánh đạo.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng các tỳ-kheo đã phạm vào Bốn trọng cấm không mất giới cấm.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy các tỳ-kheo về một thừa duy nhất, một đạo, một hạnh, một duyên. Từ một thừa cho tới một duyên ấy, có thể vì chúng sanh mà



tạo ra sự vắng lặng an tĩnh, dứt trừ vĩnh viễn mọi sầu khổ trôi buộc, khổ và nguyên nhân của khổ, khiến cho tất cả chúng sanh đều đạt đến một thừa duy nhất. Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng từ hàng Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, thầy đều đạt được đạo của Phật.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘Hàng Tu-đà-hoàn sau bảy lần tái sanh trong cõi người và cõi trời sẽ nhập Niết-bàn. Hàng Tư-đà-hàm chỉ còn thọ thân một lần trong cõi người hoặc cõi trời, rồi sẽ nhập Niết-bàn. Hàng A-na-hàm có năm hạng:<sup>(40)</sup> hoặc ở trong khoảng trung gian mà nhập Niết-bàn, cho đến sanh lên những cõi cao nhất của Sắc giới<sup>(41)</sup> mà nhập Niết-bàn.<sup>(42)</sup> Hàng A-la-hán có hai hạng, một là hiện tại, hai là vị lai. A-la-hán hiện tại dứt phiền não năm ấm, A-la-hán vị lai cũng dứt phiền não năm ấm.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng từ hàng Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán đều không đạt được đạo của Phật.’

“Thiện nam tử! Trong kinh này ta có dạy rằng: ‘Tánh Phật có đủ sáu đức: thường còn, đúng thật, chân chánh, hiền thiện, thanh tịnh và có thể thấy.’ Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng tánh Phật của chúng sanh là khỏi chúng sanh vẫn có.’

“Thiện nam tử! Ta lại có dạy rằng: ‘Tánh Phật của chúng sanh như hư không. Hư không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại; chẳng phải trong, chẳng phải

ngoài; không chịu sự chi phối bởi hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm. Tánh Phật cũng như thế.’ Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng tánh Phật của chúng sanh là khỏi chúng sanh vẫn có.’

“Thiện nam tử! Ta lại có dạy rằng: ‘Tánh Phật của chúng sanh như của báu chôn giấu trong nhà người đàn bà nghèo; như hạt châu kim cương quý ẩn giữa trán người lực sĩ; như suối nước cam lộ của vị Chuyển Luân Thánh vương.’ Những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng tánh Phật của chúng sanh là khỏi chúng sanh vẫn có.’

“Thiện nam tử! Ta lại có nói: ‘Những kẻ phạm bốn trọng cấm, nhất-xiển-đề, phỉ báng kinh Phương đẳng, làm năm tội nghịch đều có tánh Phật. Những chúng sanh như vậy đều không có pháp lành. Tánh Phật là lành.’ Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng tánh Phật của chúng sanh là khỏi chúng sanh vẫn có.’

“Thiện nam tử! Ta lại có dạy: ‘Chúng sanh tức là tánh Phật. Vì sao vậy? Là khỏi chúng sanh thì không có sự chúng đắc quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Cho nên ta đưa ra ví dụ người mù sờ voi với vua Ba-tư-nặc. Như những người mù mô tả con voi, tuy [người nghe] không nhận ra được con voi, nhưng cũng không ra ngoài [hình thể] con voi. Chúng sanh nói rằng sắc là tánh Phật, cho đến thức là tánh Phật, cũng giống như vậy; tuy không phải tánh Phật nhưng cũng không ra ngoài tánh Phật. Như ta vì nhà vua nói ví dụ về cây đàn không hầu.<sup>(43)</sup> Tánh Phật cũng như thế.’

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền đưa ra đủ mọi thuyết. Cũng như người mù hỏi về sữa,<sup>(44)</sup> tánh Phật cũng thế. Vì nhân duyên ấy, có người nói rằng: ‘Những kẻ phạm bốn trọng cấm, phỉ báng kinh Phương đẳng, làm năm tội nghịch, hạng nhất-xiển-đề, thấy đều có tánh Phật.’ Hoặc có người nói rằng: ‘Những người như vậy không có tánh Phật.’

“Thiện nam tử! Ở nhiều nơi trong các kinh điển ta có nói rằng: ‘Một người ra đời mà nhiều người được lợi ích, một quốc độ mà có hai Chuyển luân vương, một thế giới mà có hai vị Phật ra đời; những việc như vậy đều không thể có. Trong một cõi Tứ thiên hạ mà có tám vị Tứ thiên vương, cho đến có hai cõi trời Tha hóa tự tại; cũng là không thể có.’ Nhưng ta có đề cập đến từ địa ngục A-tỳ [bên dưới] cõi Diêm-phù-đề lên đến cõi trời A-ca-ni-trá.<sup>(45)</sup> Những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng không có mười phương chư Phật.’ [Nhưng] trong các kinh Đại thừa ta thật có nói đến mười phương chư Phật.<sup>(46)</sup>

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN BA MƯƠI BỐN

## CHÚ GIẢI

1. Câu này nói tóm cả năm ấm, gồm từ sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm cho đến thức ấm.
2. Lực-sĩ: danh xưng này là tên riêng của một tộc họ thuộc giai cấp Sát-đế-ly, phiên âm từ tiếng Phạn là Licchavī, đã được giải thích rõ ở phần mở đầu kinh này (Tập 1, quyển 1). Một số nơi khác cũng phiên âm là Ly-xa. Vì thế, nó không thực sự mang ý nghĩa “lực sĩ” (người có sức mạnh).
3. Túc cõi trời Sắc Cứu Cánh, tên gọi A-ca-ni-trá là phiên âm từ Phạn ngữ Akaniṣṭha.
4. Trong một số đoạn văn, nguyên bản dùng Câu-thi-na-kiệt, cũng là cách phiên âm khác của Câu-thi-na, từ Phạn ngữ là Kuśinagara. Để đọc giả tiện theo dõi, chúng tôi dùng một tên thống nhất là Câu-thi-na.
5. Tiên nhân ngũ thông: người tu theo tiên đạo đã đạt được năm phép thần thông.
6. Vị này về sau là vua A-xà-thế đã nói trong phần trước đây. Xem lại chuyện vua A-xà-thế, thuộc phẩm Hạnh thanh tịnh.
7. Nguyên bản dùng chữ “thực thóa”, nghĩa đen là “ăn đờm dãi, nước miếng”, được dùng để chỉ kẻ chỉ biết lặp lại lời người xưa mà hoàn toàn không hiểu được ý nghĩa trong đó.
8. Vị sanh oán: kẻ oán thù từ lúc chưa sanh, dịch nghĩa từ Phạn ngữ Ajātaśatru, phiên âm là A-xà-thế, sau là vương hiệu khi vị thái tử này lên ngôi.
9. Bà-la-lưu-chi, phiên âm từ Phạn ngữ Balaruci, dịch nghĩa là ‘chiết chỉ’ (gãy ngón tay).
10. Đại thần Vũ Hành, tên Phạn ngữ là Varṣakāra, dịch âm là Bà-lợi-ca, cũng đọc là Bà-lợi-sa-ca-la.
11. Bốn loại quân ở đây là quân dùng ngựa (kỵ binh), quân dùng voi (tượng binh), quân dùng xe (xa binh) và quân đánh bộ (bộ binh).
12. Phu nhân Vi-đề, tức phu nhân Vi-đề-hy, phiên âm từ Phạn ngữ Vaidehī, dịch nghĩa là Tư Thắng hay Thắng Thân, Thắng Diệu Thân. Vị phu nhân này là mẹ vua A-xà-thế (tức thái tử Thiện Kiến), hoàng hậu của vua Tần-bà-sa-la. Bà có tín tâm mãnh liệt, cảm được đức Phật thuyết kinh Quán Vô lượng thọ, dạy 16 phép quán về cõi Tịnh độ phương Tây của đức Phật A-di-đà. Bà nhờ đó được vãng sanh Tịnh độ.
13. Kỳ-bà, tên Phạn ngữ là Jivakajiva, cũng đọc là Kỳ-vực, là một vị ngự y rất tài ba lúc đó. Ông vốn là con không chính thức của vua Tần-bà-sa-la với một kỹ nữ.

14. Vua Tần-bà-sa-la nghe Phật thuyết pháp đã được chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn.
15. Đức tin vô căn (vô căn tín): đức tin phát khởi ban đầu nhờ sức gia trì của Phật, không có bất cứ nền tảng, cội rễ nào trước đó nên gọi là “vô căn”. Vua A-xà-thế sau khi nghe Phật thuyết pháp sinh khởi đức tin, liền bạch Phật rằng: “Nói không có cội rễ là vì [trước đây] con không biết cung kính Như Lai, không tin Chánh pháp, Chư tăng. Như vậy gọi là không có cội rễ [của lòng tin].”
16. Hữu tư: cũng đọc là hữu ty, chỉ chức quan được giao phó chuyên trách một việc gì.
17. Ngã và ngã sở: kiến chấp mê lầm cho rằng có một bản ngã tồn tại độc lập (ngã) và các đối tượng thuộc về bản ngã ấy (ngã sở).
18. Câu này nói tóm gọn từ sắc ấm cho đến thức ấm, tức là chỉ chung cả năm ấm sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều như vậy.
19. Phạm chí Độc Tử: một tu sĩ ngoại đạo, tên Phạn ngữ là Vātsī, dịch âm là Bà-tư. Vị này về sau quy y Phật, nên cũng gọi là tỳ-kheo Độc Tử.
20. Sáu cảnh giới hiện hữu: chỉ sáu cảnh giới thọ sanh là cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.
21. Chỉ các quả vị giải thoát nhưng chưa đủ tự lực, tùy theo những lúc có thuận duyên thì được giải thoát, nếu gặp nghịch duyên thì phải thối chuyển, đánh mất đạo tâm. Phật dạy trong sáu hạng A-la-hán thì có đến năm hạng thuộc về loại này.
22. Sáu hạng A-la-hán: 1. Thối pháp A-la-hán: khi gặp nghịch duyên có thể sanh phiền não, thối chuyển đạo tâm, đánh mất chỗ sở đắc; 2. Tư pháp A-la-hán: tuy được giải thoát nhưng thường lo sợ sự thối chuyển, thường nghĩ cách tự đoạn dứt mạng sống; 3. Hộ pháp A-la-hán: được giải thoát rồi thì hoan hỷ phòng hộ chỗ chứng đắc của mình; 4. An trụ pháp A-la-hán: đạt được giải thoát và trụ yên vững vàng, không cần phòng hộ cũng không có thối chuyển, nhưng không được tăng tiến; 5. Kham đạt pháp A-la-hán: đạt được giải thoát và đủ sức nhận lãnh giáo pháp cao siêu, tu tập tinh tấn để đạt đến quả vị rốt ráo; 6. Bất động pháp A-la-hán: đạt được giải thoát rốt ráo và vững vàng không thể xao động, không thể lay chuyển, thối thất.
23. Nội dung này được giảng rất rõ trong kinh Thủ Lăng Nghiêm.
24. Cho đến thức cũng giống như vậy: Câu này nói tóm ý từ sắc đến thức, nghĩa là gồm cả sắc, thọ, tưởng, hành và thức.
25. Ba vô vi (Tam vô vi), Phạn ngữ tri-asamkrta, là ba nhận thức chân thật về thực tại, bao gồm: 1. Hư không vô vi (ākāśasamkrta): hư không không có sự ngăn ngại, không có sự nhiễm ô, là tánh thật của tất cả các pháp, có thể dung nhiếp được vạn vật mà vẫn biến hiện khắp mọi nơi; 2. Trạch diệt vô vi (pratisamkhyā-nirodhāsamkrta): hàng Thanh văn tu tập dùng trí tuệ giản trạch, phân biệt, xa lìa được tất cả phiền não trói buộc, chứng đắc lý tịch diệt chân không; 3. Phi trạch diệt vô vi (aprisamkhyā-nirodhāsamkrta), cũng gọi là Phi sở diệt vô vi hay Phi trí duyên diệt vô vi: vị Thanh văn sau khi chứng quả, các phiền não đã

dứt sạch không còn khởi lên trở lại, tự nhiên khế ngộ được lý chân không tịch diệt, không cần đến sự tư duy giản trạch. Ba vô vi này thuộc về pháp Tiểu thừa, được đề cập đến trong Câu-xá luận (quyển 1), Thành Duy thức luận (quyển 2), Đại Tỳ-bà-sa luận (quyển 32), Nhập A-tỳ-đạt-ma luận (quyển hạ), vốn không đồng nhất với những điều Phật vừa giảng về Niết-bàn ở đoạn này, chỉ vì người nghe không hiểu được ý Phật nên nhầm lẫn.

26. Cam lộ (amṛta), phiên âm là a-mật-lý-da (阿蜜哩多), chỉ loại nước mà chư thiên dùng để uống, nên cũng gọi là thiên tửu. Cam lộ có vị ngọt, được tin là uống vào sẽ được sống lâu, thân thể an ổn khỏe mạnh, nên cũng gọi là bất tử dược.
27. Câu này nói tóm ý từ mắt cho đến thân, bao gồm: mắt, tai, mũi, lưỡi và thân, tức năm căn, giúp tâm ý giao tiếp với ngoại cảnh.
28. Phi trí duyên diệt: pháp thứ ba trong Ba vô vi (Tam vô vi) vừa đề cập ở một đoạn trước. Cần chú ý khái niệm này của Tiểu thừa không đồng nhất với ý nghĩa đức Phật đang giảng giải ở đây.
29. Sắc chỉ tất cả hình thể vật chất nhận biết được bằng các giác quan; danh chỉ các tên gọi được hình thành để chuyển tải khái niệm nhận biết phân biệt về từng đối tượng trong thực tại. Do đó, trong năm ấm thì sắc thuộc về hình thể vật chất, bốn ấm còn lại là thọ, tưởng, hành, thức đều không có hình thể vật chất, nên thuộc về danh.
30. Hình sắc không biểu lộ: nguyên bản Hán văn dùng 無作色 (vô tác sắc), dịch từ Phạn ngữ là avijñapti-rūpa, cũng dịch là vô biểu sắc, vô biểu nghiệp; vì là không có biểu hiện bằng hình thể vật chất, người ngoài không thể nhận biết được nên gọi là vô biểu. Dựa theo ý nghĩa được giảng giải từ Phạn ngữ nên chúng tôi dịch là hình sắc không biểu lộ.
31. Nguyên bản Hán văn ở đây dùng Thập nhị chi, cũng là tên khác của Mười hai nhân duyên.
32. Nguyên bản Hán văn dùng 心數 (tâm số), dịch từ Phạn ngữ là caitasikā, cách dịch mới (tân dịch) về sau dịch là tâm sở (心所), đều chỉ các trạng thái khác nhau của tâm. Vì tâm có rất nhiều trạng thái nên gọi là tâm số. Các thuật ngữ tâm vương, tâm sở... hiện quen thuộc với nhiều người hơn nên chúng tôi chọn dùng thay cho tâm số.
33. Thích-ma-nam: một vị tỳ-kheo trước vốn là vương tử dòng họ Thích, là con người chú ruột của thái tử Tất-đạt-đa. Vị này cũng là một trong số năm tỳ-kheo thuộc nhóm ông Kiều-trần-như, được nghe Phật thuyết pháp trước tiên tại Lộc Uyển.
34. Ưu-bà-tắc (upāsaka): cư sĩ nam, cũng gọi là cận sự nam, chỉ người nam giới quy y Phật và tu tập tại gia, trong điều kiện sống với gia đình.
35. Nguyên bản Hán văn dùng 善男子, 善女人 (thiện nam tử, thiện nữ nhân). Chúng tôi e là người khắc bản theo quán tính đã khắc thừa, vì ở đây đang giảng về cư sĩ nam, không thể có ‘thiện nữ nhân’. Danh xưng dùng cho vị cư sĩ nữ là ưu-bà-di (upāsikā).

36. Ca-chiên-diên (*Kātyāyana*): một trong Thập đại đệ tử của Phật, là vị có danh xưng Luận nghị đệ nhất (論議第一).
37. Tám giới trai (Bát trai giới hoặc Bát quan trai giới): pháp tu do Phật chế định dành cho người Phật tử tại gia, người tu có thể được truyền giới và trì giới trong suốt một ngày một đêm. Tám giới trai bao gồm Năm giới (không giết hại, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu) và ba giới khác nữa là: không dùng các loại hương thơm, đồ trang sức để tô điểm thân thể; không ca múa và xem người khác ca múa; không ngồi nằm trên giường ghế cao đẹp. Cần lưu ý, giới thứ ba trong Năm giới của người cư sĩ là không tà dâm (không hành dâm với người không phải vợ hoặc chồng mình) nhưng khi thọ trì Tám giới trai sẽ chuyển thành không dâm dục, nghĩa là dứt hẳn sự hành dâm.
38. Bốn trọng cấm: bốn giới cấm nặng: 1. Giết người; 2. Trộm cắp; 3. Dâm dục; 4. Nói dối rằng mình đã chứng thánh quả.
39. Cây đa-la (*tāla*) là loại cây khi bị chặt đứt ngọn thì không thể mọc lên được nữa, cũng như cây dừa, cây cau... Trong giới luật, đức Phật dùng cây này để ví dụ những trường hợp phạm tội không thể cải hối.
40. A-na-hàm (*anāgāmin*) dịch nghĩa là Bất hoàn hoặc Bất lai, vì người chứng đắc quả vị này không còn tái sinh trong Dục giới, sau khi xả thân này liền thọ thân ở Sắc giới hoặc Vô sắc giới rồi nhập Niết-bàn. Người chứng đắc quả vị A-na-hàm tùy theo trạng thái sẽ nhập Niết-bàn mà phân ra năm hạng, gọi chung là Ngũ chủng Bất hoàn (五種不還), gồm có: Trung bát (中般 - *antara-pariṇirvāyin*), Sanh bát (生般 - *up-apādyā-pa*), Hữu hành bát (有行般 - *sabhisamkāra-pa*), Vô hành bát (無行般 - *anabhisamkāra-pa*) và Thượng lưu bát (上流般 - *ūrdhvasrota-pa*).
41. Đây chỉ các cõi trời Sắc cứu cánh hoặc Hữu đỉnh, là những cõi cao nhất của Sắc giới. Vị A-na-hàm sanh lên các cõi này rồi mới nhập Niết-bàn được gọi là Thượng lưu bát (上流般 - *ūrdhvasrota-pa*).
42. Câu này nói tóm ý về cả năm hạng A-na-hàm, từ hạng Trung bát cho đến Thượng lưu bát như vừa chú giải ở trên.
43. Không hầu (箜篌), tên Phạn ngữ là *vīṇā*, một loại nhạc khí thời cổ đại có 23 dây, nay không còn nữa. Ví dụ đàn không hầu được nêu ra trong quyển 26, phẩm 10, phần thứ 6.
44. Ví dụ về mô tả sữa được đưa ra để so sánh với sự mô tả tánh Phật ở quyển 29, phẩm 11, phần thứ 3. Trong ví dụ này, hình thể và tính chất của sữa được mô tả với một người “chưa từng thấy sữa” (sơ bất kiến nhũ) chứ không dùng “người mù hỏi về sữa” (manh vấn nhũ) như trong nguyên bản Hán văn ở đoạn này. Tuy nhiên, ý nghĩa sai lệch này cũng không quan trọng.
45. Cõi trời A-ca-ni-trá (*Akaniṣṭha*), dịch nghĩa là Sắc cứu cánh thiên, là cõi trời cao nhất trong Sắc giới.
46. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 31, bắt đầu quyển 32, phẩm Bồ Tát Ca-diếp phần thứ hai (Ca-diếp Bồ Tát phẩm chi nhị).



# 大般涅槃經

## 卷第三十五

### 迦葉菩薩品

#### 第十二之三

善男子。如是爭訟是佛境界。非諸聲聞緣覺所知。若人於是生疑心者猶能摧壞。無量煩惱如須彌山。若於是中生決定者。是名執著。

迦葉菩薩白佛言。世尊。云何執著。

佛言。善男子。如是之人若從他聞。若自尋經。若他故教。於所著事不能放捨。是名執著。

迦葉復言。世尊。如是執著為是善耶是不善乎。

善男子。如是執著不名為善。何以故。不能摧壞諸疑網故。

迦葉復言。世尊。如是人者本自不疑。云何說言不壞疑網。

善男子。夫不疑者即是疑也。

世尊。若有人謂須陀洹人不墮三惡。是人亦當名著名疑。

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ TAM THẬP NGŨ

### CA-DIỆP BỒ TÁT PHẨM

#### ĐỆ THẬP NHỊ CHI TAM

Thiện nam tử! Như thị tránh tụng, thị Phật cảnh giới; phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri. Nhược nhân ư thị sanh nghi tâm giả, do năng tội hoại vô lượng phiền não như Tu-di sơn. Nhược ư thị trung, sanh quyết định giả, thị danh chấp trước.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà chấp trước?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như thị chi nhân, nhược tụng tha văn, nhược tụng tâm kinh, nhược tha cố giáo; ư sở trước sự, bất năng phóng xả; thị danh chấp trước.

Ca-diếp phục ngôn: Thế Tôn! Như thị chấp trước, vị thị thiện da? Thị bất thiện hồ?

Thiện nam tử! Như thị chấp trước, bất danh vi thiện. Hà dĩ cố? Bất năng tội hoại chư nghi vãng cố.

Ca-diếp phục ngôn: Thế Tôn! Như thị nhân giả, bổn tụng bất nghi. Vân hà thuyết ngôn bất hoại nghi vãng?

Thiện nam tử! Phù bất nghi giả, tức thị nghi dã.

Thế Tôn! Nhược hữu nhân vị Tu-đà-hoàn nhân bất đọa tam ác, thị nhân diệt đương danh trước, danh nghi.

善男子。是可名定不得名疑。何以故。善男子。譬如有人先見人樹。後時夜行遙見杌根。便生疑想人耶樹耶。善男子。如人先見比丘梵志。後時於路遙見比丘即生疑想。是沙門耶是梵志乎。

善男子。如人先見牛與水牛。後遙見牛便生疑想。彼是牛耶是水牛乎。

善男子。一切眾生先見二物後便生疑。何以故。心不了故。我亦不說須陀洹人有墮三惡不墮三惡。是人何故生於疑心。

迦葉言。世尊。如佛所說要先見已然後疑者。有人未見二種物時亦復生疑。何等是耶。所謂涅槃。

世尊。譬如有人路遇濁水。然未曾見而亦生疑。如是水者深耶淺耶。是人未見云何生疑。

善男子。夫涅槃者即是斷苦。非涅槃者即是苦也。一切眾生見有二種見苦非苦。苦非苦者即是飢渴寒熱瞋喜。病瘦安隱老壯生死。繫縛解脫恩愛別離怨憎聚會。眾生見已即便生疑。當有畢竟遠離如是苦惱事不。是故眾生於涅槃中而生疑也。汝意若謂是人先來未見濁水云何疑者。是義不然。何以故。是人先於餘處見已。是故於此未曾到處而復生疑。

Thiện nam tử! Thị khả danh định, bất đắc danh nghi. Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, tiên kiến nhân, thọ. Hậu thời dạ hành, dao kiến ngột căn, tiện sanh nghi tưởng: Nhân da? Thọ da? Thiện nam tử! Như nhân tiên kiến tỳ-kheo, Phạm chí. Hậu thời ư lộ, dao kiến tỳ-kheo, tức sanh nghi tưởng: Thị sa-môn da? Thị Phạm chí hồ?

Thiện nam tử! Như nhân tiên kiến ngưu dữ thủy ngưu. Hậu dao kiến ngưu, tiện sanh nghi tưởng: Bĩ thị ngưu da? Thị thủy ngưu hồ?

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh, tiên kiến nhị vật, hậu tiện sanh nghi. Hà dĩ cố? Tâm bất liễu cố. Ngã diệc bất thuyết Tu-đà-hoàn nhân hữu đọa tam ác, bất đọa tam ác. Thị nhân hà cố sanh ư nghi tâm?

Ca-diếp ngôn: Thế Tôn! Như Phật thuyết, yếu tiên kiến dĩ, nhiên hậu nghi giả. Hữu nhân vị kiến nhị chủng vật thời, diệc phục sanh nghi. Hà đẳng thị da? Sở vị Niết-bàn.

Thế Tôn! Thí như hữu nhân, lộ ngộ trước thủy, nhiên vị tăng kiến, nhi diệc sanh nghi: Như thị thủy giả, thâm da? Thiển da? Thị nhân vị kiến, vân hà sanh nghi?

Thiện nam tử! Phù Niết-bàn giả, tức thị đoạn khổ. Phi Niết-bàn giả, tức thị khổ dã. Nhất thiết chúng sanh, kiến hữu nhị chủng: Kiến khổ, phi khổ. Khổ, phi khổ giả, tức thị: cơ, khát, hàn, nhiệt, sân, hỷ, bệnh sáu, an ổn, lão, tráng, sanh, tử, hệ phục, giải thoát, ân ái biệt ly, oán tắng tụ hội. Chúng sanh kiến dĩ, tức tiện sanh nghi: Đương hữu tất cánh viễn ly như thị khổ não sự phủ? Thị cố chúng sanh, ư Niết-bàn trung, nhi sanh nghi dã. Nhữ ý nhược vị: Thị nhân tiên lai vị kiến trước thủy, vân hà nghi giả? Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Thị nhân tiên ư dư xứ kiến dĩ. Thị cố ư thử, vị tăng đáo xứ, nhi phục sanh nghi.

世尊。是人先見深淺處時已不生疑。於今何故而復生疑。

佛言。善男子。本未行故所以生疑。是故我言不了故疑。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說疑即是著著即是疑。為是誰耶。

善男子。斷善根者。

迦葉言。世尊。何等人輩能斷善根。

善男子。若有聰明黠慧利根能善分別。遠離善友不聽正法。不善思惟不如法住。如是之人能斷善根。

離是四事心自思惟無有施物。何以故。施者即是捨離財物。若施有報當知施主常應貧窮。何以故。子果相似故。是故說言無因無果。若如是說無因無果。是則名為斷善根也。

復作是念施主受者及以財物。三事無常無有停住。若無停住云何說言此是施主受者財物。若無受者云何得果。以是義故無因無果。若如是說無因無果。當知是人能斷善根。

復作是念施者施時有五事施。受者受已或時作善或作不善。而是施主亦復不得善不善果。如世間

Thế Tôn! Thị nhân tiên kiến thâm, thiển xú thời, dĩ bất sanh nghi; ư kim hà cố nhi phục sanh nghi?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Bản vị hành cố, sở dĩ sanh nghi. Thị cố ngã ngôn: Bất liễu cố nghi.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết: Nghi, tức thị trước; trước tức thị nghi. Vị thị thù da?

Thiện nam tử! Đoạn thiện căn giả.

Ca-diếp ngôn: Thế Tôn! Hà đẳng nhân bối năng đoạn thiện căn?

Thiện nam tử! Nhược hữu thông minh, hiệt tuệ lợi căn, năng thiện phân biệt, viễn ly thiện hữu, bất thính Chánh pháp, bất thiện tư duy, bất như pháp trụ; như thị chi nhân năng đoạn thiện căn.

Ly thị tứ sự, tâm tự tư duy: Vô hữu thí vật. Hà dĩ cố? Thí giả, tức thị xả ly tài vật. Nhược thí hữu báo, đương tri thí chủ thường ưng bản cùng. Hà dĩ cố? Tử, quả tương tự cố. Thị cố thuyết ngôn vô nhân vô quả. Nhược như thị thuyết vô nhân vô quả, thị tắc danh vi đoạn thiện căn dã.

Phục tác thị niệm: Thí chủ, thọ giả cập dĩ tài vật, tam sự vô thường, vô hữu đình trụ. Nhược vô đình trụ, vân hà thuyết ngôn thủ thị thí chủ, thọ giả, tài vật? Nhược vô thọ giả, vân hà đắc quả? Dĩ thị nghĩa cố, vô nhân vô quả. Nhược như thị thuyết vô nhân vô quả, đương tri thị nhân năng đoạn thiện căn.

Phục tác thị niệm: Thí giả thí thời, hữu ngũ sự thí. Thọ giả thọ dĩ, hoặc thời tác thiện, hoặc tác bất thiện. Nhi thị thí chủ diệc phục bất đắc thiện, bất thiện quả. Như thế gian pháp, từng tử sanh quả; quả hoàn tác tử. Nhân, tức thí chủ; quả, tức thọ

法從子生果，果還作子。因即施主，果即受者。而是受者不能以此善不善法令施主得。以是義故無因無果。若如是說無因無果。當知是人能斷善根。

復作是念無有施物。何以故施物無記。若是無記云何而得善果報耶。無善果報即是無記。財若無記當知則無善惡果報。是故無施無因無果。若如是說無因無果當知是人能斷善根。

復作是念施者即意。若是意者，無見，無對，非是色法。若非是色云何可施。是故無施無因無果。若如是說無因無果。當知是人能斷善根。

復作是念施主若為佛像天像命過父母。而行施者則無受者。若無受者應無果報。若無果報是為無因。若無因者是為無果。若如是說無因無果。當知是人能斷善根。

復作是念無父無母。若言父母是眾生因生眾生者。理應常生無有斷絕。何以故因常有故。然不常生是故當知無有父母。

復作是念無父無母何以故。若眾生身因父母有。一人應具男女二根。然無具者當知眾生非因父母。

復作是念非因父母而生眾生。何以故。眼見眾生不似父母。謂身色心威儀進止。是故父母非眾生因。

giả. Nhi thị thọ giả bất năng dĩ thủ thiện, bất thiện pháp, linh thí chủ đắc. Dĩ thị nghĩa cố, vô nhân vô quả. Nhược như thị thuyết vô nhân vô quả, đương tri thị nhân năng đoạn thiện căn.

Phục tác thị niệm: Vô hữu thí vật. Hà dĩ cố? Thí vật vô ký. Nhược thị vô ký, vân hà nhi đắc thiện quả báo dã? Vô thiện quả báo, tức thị vô ký. Tài nhược vô ký, đương tri tức vô thiện, ác quả báo. Thị cố vô thí, vô nhân, vô quả. Nhược như thị thuyết vô nhân vô quả, đương tri thị nhân năng đoạn thiện căn.

Phục tác thị niệm: Thí giả, tức ý. Nhược thị ý giả, vô kiến vô đối, phi thị sắc pháp. Nhược phi thị sắc, vân hà khả thí? Thị cố vô thí, vô nhân vô quả. Nhược như thị thuyết vô nhân vô quả, đương tri thị nhân năng đoạn thiện căn.

Phục tác thị niệm: Thí chủ nhược vị Phật tượng, Thiên tượng, mạng quá phụ mẫu nhi hành thí giả, tác vô thọ giả. Nhược vô thọ giả, ưng vô quả báo. Nhược vô quả báo, thị vi vô nhân. Nhược vô nhân giả, thị vi vô quả. Nhược như thị thuyết vô nhân vô quả, đương tri thị nhân năng đoạn thiện căn.

Phục tác thị niệm: Vô phụ vô mẫu. Nhược ngôn phụ mẫu thị chúng sanh nhân sanh chúng sanh giả, lý ưng thường sanh, vô hữu đoạn tuyệt. Hà dĩ cố? Nhân thường hữu cố. Nhiên bất thường sanh, thị cố đương tri vô hữu phụ mẫu.

Phục tác thị niệm: Vô phụ vô mẫu. Hà dĩ cố? Nhược chúng sanh thân, nhân phụ mẫu hữu, nhất nhân ưng cụ nam, nữ nhị căn. Nhiên vô cụ giả, đương tri chúng sanh phi nhân phụ mẫu.

Phục tác thị niệm: Phi nhân phụ mẫu nhi sanh chúng sanh. Hà dĩ cố? Nhân kiến chúng sanh bất tự phụ mẫu, vị: thân sắc, tâm, oai nghi tấn chỉ. Thị cố phụ mẫu phi chúng sanh nhân.



復作是念一切世間有四種無。一者未生名無。如泥團時，未有瓶用。二者滅已名無。如瓶壞已是名為無。三者各異互無。如牛中無馬馬中無牛。四者畢竟名無。如兔角龜毛。眾生父母亦復如是同此四無。若言父母眾生因者。父母死時子不必死。是故父母非眾生因。

復作是念若言父母眾生因者。應因父母常生眾生。然而復有化生濕生。是故當知非因父母生眾生也。

復作是念自有眾生非因父母而得生長。譬如孔雀聞雷震聲而便得身。又如青雀飲雄雀淚而便得身。如命命鳥見雄者舞即便得身。作是念時如其不遇善知識者。當知是人能斷善根。

復作是念一切世間無善惡果。何以故。有諸眾生具十善法。樂於惠施勤修功德。是人亦復疾病集身中年夭喪。財物損失多諸憂苦。有行十惡慳貪嫉妒懶惰懈怠不修諸善。身安無病終保年壽。多饒財寶無諸愁苦。是故當知無善惡果。

復作是念我亦曾聞諸聖人說。有人修善命終多墮三惡道中。有人行惡命終生於人天之中。是故當知無善惡果。

Phục tác thị niệm: Nhất thiết thế gian hữu tứ chủng vô: Nhất giả vị sanh danh vô; như nê đoàn thời, vị hữu bình dụng. Nhị giả diệt dĩ danh vô; như bình hoại dĩ, thị danh vi vô. Tam giả các dị hỗ vô; như ngư trung vô mã, mã trung vô ngư. Tứ giả tất cánh danh vô; như thổ giác, quy mao. Chúng sanh phụ mẫu diệc phục như thị; đồng tử tứ vô. Nhược ngôn phụ mẫu, chúng sanh nhân giả, phụ mẫu tử thời, tử bất tất tử. Thị cố phụ mẫu phi chúng sanh nhân.

Phục tác thị niệm: Nhược ngôn phụ mẫu, chúng sanh nhân giả, ưng nhân phụ mẫu thường sanh chúng sanh, nhiên nhi phục hữu hóa sanh, thấp sanh. Thị cố đương tri phi nhân phụ mẫu, sanh chúng sanh dã.

Phục tác thị niệm: Tự hữu chúng sanh, phi nhân phụ mẫu nhi đắc sanh trưởng. Thí như khổng tước, văn lôi chấn thính, nhi tiện đắc thân. Hựu như thanh tước ẩm hùng tước lệ, nhi tiện đắc thân. Như mạng mạng điểu, kiến hùng giả vũ, tức tiện đắc thân. Tác thị niệm thời, như kỳ bất ngộ thiện tri thức giả, đương tri thị nhân năng đoạn thiện căn.

Phục tác thị niệm: Nhất thiết thế gian, vô thiện ác quả. Hà dĩ cố? Hữu chư chúng sanh cụ thập thiện pháp, nhạo hành tuệ thí, cần tu công đức, thị nhân diệc phục tậ bệnh tập thân, trung niên yếu táng, tài vật tổn thất, đa chư ưu khổ. Hữu hành thập ác, khan tham tậ đố, lại nọa giải đãi, bất tu chư thiện; thân an vô bệnh, chung bảo niên thọ, đa nhiều tài bảo, vô chư sầu khổ. Thị cố đương tri vô thiện, ác quả.

Phục tác thị niệm: Ngã diệc tăng văn chư thánh nhân thuyết: Hữu nhân tu thiện, mạng chung đa đọa tam ác đạo trung. Hữu nhân hành ác, mạng chung sanh ư nhân, thiên chi trung. Thị cố đương tri vô thiện, ác quả.

復作是念一切聖人有二種說。或說殺生得善果報。或說殺生得惡果報。是故當知聖說不定。聖若不定我云何定。是故當知無善惡果。

復作是念一切世間無有聖人。何以故。若言聖人應得正道。一切眾生具煩惱時修正道者。當知是人正道煩惱一時俱有。若一時有當知正道不能破結。若無煩惱而修道者。如是正道為何所作。是故具煩惱者道不能壞。不具煩惱道則無用。是故當知一切世間無有聖人。

復作是念無明緣行乃至生緣老死。是十二因緣一切眾生等共有之。八聖道者其性平等。亦應如是一人得時一切應得。一人修時應一切苦滅。何以故。煩惱等故而今不得。是故當知無有正道。

復作是念聖人皆有同凡夫法。所謂飲食行住坐臥。睡眠喜笑飢渴寒熱憂愁恐怖。若同凡夫如是事者。當知聖人不得聖道。若得聖道應當永斷如是等事。如是等事如其不斷。當知無道。

復作是念聖人有身受五欲樂。亦復罵辱撻打於人嫉妒憍慢受於苦樂作善惡業。是因緣故知無聖人。若有道者應斷是事。是事不斷當知無道。

Phục tác thị niệm: Nhất thiết thánh nhân, hữu nhị chủng thuyết: Hoặc thuyết sát sanh đắc thiện quả báo. Hoặc thuyết sát sanh đắc ác quả báo. Thị cố đương tri Thánh thuyết bất định. Thánh nhược bất định, ngã vân hà định? Thị cố đương tri vô thiện, ác quả.

Phục tác thị niệm: Nhất thiết thế gian, vô hữu thánh nhân. Hà dĩ cố? Nhược ngôn thánh nhân ưng đắc Chánh đạo, nhất thiết chúng sanh cụ phiền não thời, tu Chánh đạo giả; đương tri thị nhân Chánh đạo, phiền não, nhất thời câu hữu. Nhược nhất thời hữu, đương tri Chánh đạo bất năng phá kết. Nhược vô phiền não, nhi tu đạo giả, như thị Chánh đạo, vi hà sở tác? Thị cố cụ phiền não giả, đạo bất năng hoại, bất cụ phiền não, đạo tắc vô dụng. Thị cố đương tri nhất thiết thế gian, vô hữu thánh nhân.

Phục tác thị niệm: Vô minh duyên hành, nãi chí sanh duyên lão, tử. Thị Thập nhị nhân duyên, nhất thiết chúng sanh, đẳng cộng hữu chi. Bát thánh đạo giả, kỳ tánh bình đẳng, diệc ưng như thị; nhất nhân đắc thời, nhất thiết ưng đắc; nhất nhân tu thời, ưng nhất thiết khổ diệt. Hà dĩ cố? Phiền não đẳng cố. Nhi kim bất đắc. Thị cố đương tri vô hữu Chánh đạo.

Phục tác thị niệm: Thánh nhân giai hữu, đồng phạm phu pháp, sở vị: ẩm thực, hành trụ tọa ngọa, thụy miên, hỷ tiếu, cơ khát hàn nhiệt, ưu sầu, khủng bố. Nhược đồng phạm phu như thị sự giả, đương tri thánh nhân bất đắc thánh đạo. Nhược đắc thánh đạo, ưng đương vĩnh đoạn như thị đẳng sự. Như thị đẳng sự, như kỳ bất đoạn, đương tri vô đạo.

Phục tác thị niệm: Thánh nhân hữu thân, thọ ngũ dục lạc; diệc phục mạ nhục, qua đả ư nhân, tật đồ kiêu mạn, thọ ư khổ lạc, tác thiện, ác nghiệp. Thị nhân duyên cố, tri vô thánh nhân. Nhược hữu đạo giả, ưng đoạn thị sự. Thị sự bất đoạn, đương tri vô đạo.

復作是念多憐愍者名為聖人。何因緣故名為聖人。道因緣故名為聖人。若道性憐愍便應愍念一切眾生。不待修已然後方得。如其無愍何故聖人因得聖道能憐愍耶。是故當知世無聖道。

復作是念一切四大不從因生。眾生等有是四大性。不觀眾生是邊應到彼不應到。若有聖道性應如是。然今不爾是故當知世無聖人。

復作是念若諸聖人有一涅槃。當知是則無有聖人。何以故。不可得故。常住之法理不可得不可取捨。若諸聖人涅槃多者是則無常。何以故。可數法故。涅槃若一。一人得時一切應得。涅槃若多是則有邊。如其有邊云何名常。若有說言涅槃體一，解脫是多。如蓋是一。牙舌是多者。是義不然。何以故。一一所得非一切得。以有邊故是應無常。若無常者云何得名為涅槃耶。涅槃若無誰為聖人。是故當知無有聖人。

復作是念聖人之道非因緣得。若聖人道非因緣得。何故一切不作聖人。若一切人非聖人者。當知是則無有聖人及以聖道。

復作是念聖說正見有二因緣。一者從他聞法。

Phục tác thị niệm: Đa lân mẫn giả, danh vi thánh nhân. Hà nhân duyên cố, danh vi thánh nhân? Đạo nhân duyên cố, danh vi thánh nhân. Nhược đạo tánh lân mẫn, tiện ứng mẫn niệm nhất thiết chúng sanh; bất đãi tu dĩ, nhiên hậu phương đắc. Như kỳ vô mẫn, hà cố thánh nhân, nhân đắc thánh đạo, năng lân mẫn da? Thị cố đương tri thế vô thánh đạo.

Phục tác thị niệm: Nhất thiết tứ đại bất tùng nhân sanh. Chúng sanh đẳng hữu, thị tứ đại tánh bất quan chúng sanh. Thị biên ứng đáo, bỉ bất ứng đáo. Nhược hữu thánh đạo, tánh ứng như thị; nhiên kim bất nhĩ. Thị cố đương tri thế vô thánh nhân.

Phục tác thị niệm: Nhược chư thánh nhân hữu nhất Niết-bàn, đương tri thị tắc vô hữu thánh nhân. Hà dĩ cố? Bất khả đắc cố. Thường trụ chi pháp, lý bất khả đắc, bất khả thủ xả. Nhược chư thánh nhân, Niết-bàn đa giả, thị tắc vô thường. Hà dĩ cố? Khả sở pháp cố. Niết-bàn nhược nhất, nhất nhân đắc thời, nhất thiết ứng đắc. Niết-bàn nhược đa, thị tắc hữu biên. Như kỳ hữu biên, vân hà danh thường? Nhược hữu thuyết ngôn: Niết-bàn thể nhất, giải thoát thị đa, như cái thị nhất, nha thiết thị đa giả. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Nhất nhất sở đắc, phi nhất thiết đắc. Dĩ hữu biên cố, thị ứng vô thường. Nhược vô thường giả, vân hà đắc danh vi Niết-bàn da? Niết-bàn nhược vô, thù vi thánh nhân. Thị cố đương tri vô hữu thánh nhân.

Phục tác thị niệm: Thánh nhân chi đạo, phi nhân duyên đắc. Nhược thánh nhân đạo, phi nhân duyên đắc, hà cố nhất thiết bất tác thánh nhân? Nhược nhất thiết nhân phi thánh nhân giả, đương tri thị tắc vô hữu thánh nhân cập dĩ thánh đạo.

Phục tác thị niệm: Thánh thuyết chánh kiến, hữu nhị nhân duyên: nhất giả tùng tha văn pháp, nhị giả nội tự tư

二者內自思惟。是二因緣若從緣生。所從生者復從緣生。如是展轉有無窮過。若是二事不從緣生。一切眾生何故不得。作是觀時能斷善根。

善男子。若有眾生深見如是無因無果。是人能斷信等五根。

善男子。斷善根者非是下劣愚鈍之人。亦非天中及三惡道。破僧亦爾。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如是之人何時當能還生善根。

佛言。善男子。是人二時還生善根。初入地獄出地獄時。

善男子。善有三種。過去現在未來。若過去者其性自滅。因雖滅盡果報未熟。是故不名斷過去果。斷三世因故名斷。

迦葉菩薩白佛言。世尊。若斷三世因名斷善根。斷善根人即有佛性。如是佛性。為是過去為是現在為是未來為遍三世。若過去者云何名常。佛性亦常是故當知非過去也。若未來者云何名常。何故佛說一切眾生必定當得。若必定得云何言斷。若現在者復云何常。何故復言必定可見。如來亦說佛性有六。一常二真三實四善五淨六可見。若斷善根有

duy. Thị nhị nhân duyên nhược tùng duyên sanh, sở tùng sanh giả phục tùng duyên sanh. Như thị triển chuyển, hữu vô cùng quá. Nhược thị nhị sự bất tùng duyên sanh, nhất thiết chúng sanh hà cố bất đắc? Tác thị quán thời, năng đoạn thiện căn.

Thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh thâm kiến như thị vô nhân vô quả, thị nhân năng đoạn tín đẳng ngũ căn.

Thiện nam tử! Đoạn thiện căn giả, phi thị hạ liệt ngu độn chi nhân, diệc phi thiên trung cập tam ác đạo. Phá tạng diệc nhĩ.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như thị chi nhân, hà thời đương năng hoàn sanh thiện căn?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thị nhân nhị thời, hoàn sanh thiện căn: sơ nhập địa ngục, xuất địa ngục thời.

Thiện nam tử! Thiện hữu tam chủng: quá khứ, hiện tại, vị lai. Nhược quá khứ giả, kỳ tánh tự diệt; nhân tuy diệt tận, quả báo vị thực. Thị cố bất danh đoạn quá khứ quả. Đoạn tam thế nhân, cố danh vi đoạn.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược đoạn tam thế nhân, danh đoạn thiện căn, đoạn thiện căn nhân, tức hữu Phật tánh. Như thị Phật tánh, vi thị quá khứ, vi thị hiện tại, vi thị vị lai, vi biến tam thế? Nhược quá khứ giả, vân hà danh thường? Phật tánh diệc thường. Thị cố đương tri phi quá khứ dã. Nhược vị lai giả, vân hà danh thường? Hà cố Phật thuyết nhất thiết chúng sanh tất định đương đắc? Nhược tất định đắc, vân hà ngôn đoạn? Nhược hiện tại giả, phục vân hà thường? Hà cố phục ngôn tất định khả kiến? Như Lai diệc thuyết Phật tánh hữu lục: nhất thường, nhị chân, tam thật, tứ thiện, ngũ tịnh, lục khả kiến. Nhược đoạn thiện căn, hữu Phật tánh giả, tác bất đắc danh đoạn thiện căn dã. Nhược vô Phật



佛性者。則不得名斷善根也。若無佛性云何復言一切眾生悉有佛性。若言佛性亦有亦斷。云何如來復說是常。

佛言。善男子。如來世尊為眾生故有四種答。一者定答。二者分別答。三者隨問答。四者置答。

善男子。云何定答。若問惡業得善果耶不善果乎。是應定答得不善果。善亦如是。若問如來一切智不。是應定答是一切智。若問佛法是清淨不。是應定答必定清淨。若問如來弟子如法住不。是應定答有如法住。是名定答。

云何分別答。如我所說四真諦法。云何為四。苦集滅道。何謂苦諦。有八苦故名曰苦諦。云何集諦。五陰因故名為集諦。云何滅諦。貪欲瞋癡畢竟盡故名為滅諦。云何道諦。三十七助道法故名為道諦。是名分別答。

云何隨問答。如我所說一切法無常。復有問言如來世尊為何法故說於無常。答言如來為有為法故說無常。無我亦爾。如我所說一切法燒。他又問言如來世尊為何法故說一切燒。答言如來為貪瞋癡說一切燒。

善男子。如來十力四無所畏大慈大悲三念處首

tánh, vân hà phục ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh? Nhược ngôn Phật tánh diệc hữu, diệc đoạn, vân hà Như Lai phục thuyết thị thường?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn, vị chúng sanh cố, hữu tứ chủng đáp: nhất giả định đáp, nhị giả phân biệt đáp, tam giả tùy vấn đáp, tứ giả trí đáp.

Thiện nam tử! Vân hà định đáp? Nhược vấn: ác nghiệp, đắc thiện quả da, bất thiện quả hô? Thị ung định đáp: Đắc bất thiện quả. Thiện diệc như thị. Nhược vấn: Như Lai, Nhất thiết trí phủ? Thị ung định đáp: Thị nhất thiết trí. Nhược vấn: Phật pháp thị thanh tịnh phủ? Thị ung định đáp: Tất định thanh tịnh. Nhược vấn: Như Lai đệ tử, như pháp trụ phủ? Thị ung định đáp: Hữu như pháp trụ. Thị danh định đáp.

Vân hà phân biệt đáp? Như ngã sở thuyết Tứ chân đế pháp. Vân hà vi tứ? Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Hà vị Khổ-đế? Hữu bát khổ cố, danh viết Khổ đế. Vân hà Tập đế? Ngũ ấm nhân cố, danh vi Tập đế. Vân hà diệt đế? Tham dục, sân, si, tất cánh tận cố, danh vi diệt đế. Vân hà đạo đế? Tam thập thất trợ đạo Pháp cố, danh vi đạo đế. Thị danh phân biệt đáp.

Vân hà tùy vấn đáp? Như ngã sở thuyết: Nhất thiết pháp vô thường. Phục hữu vấn ngôn: Như Lai Thế Tôn, vị hà pháp cố, thuyết ư vô thường? Đáp ngôn: Như Lai vị hữu vi pháp, cố thuyết vô thường. Vô ngã diệc nhĩ. Như ngã sở thuyết: Nhất thiết pháp thiêu. Tha hựu vấn ngôn: Như Lai Thế Tôn, vị hà pháp cố, thuyết nhất thiết thiêu? Đáp ngôn: Như Lai vị tham, sân, si, thuyết nhất thiết thiêu.

Thiện nam tử! Như Lai thập lực, tứ vô sở úy, đại từ đại bi, tam niệm xứ, Thủ-lăng-nghiêm đẳng, Bát vạn ức chư tam-muội

楞嚴等。八萬億諸三昧門。三十二相八十種好五智印等。三萬五千諸三昧門金剛定等。四千二百諸三昧門方便三昧無量無邊。如是等法是佛佛性。如是佛性則有七事。一常二我三樂四淨五真六實七善。是名分別答。

善男子。後身菩薩佛性有六。一常二淨三真四實五善六少見。是名分別答。

如汝先問斷善根人有佛性者。是人亦有如來佛性。亦有後身佛性。是二佛性障未來故得名為無。畢竟得故得名為有。是名分別答。

如來佛性非過去非現在非未來。後身佛性現在未來。少可見故得名現在。未具見故名為未來。如來未得阿耨多羅三藐三菩提時佛性因故亦是過去現在未來果則不爾。有是三世有非三世。後身菩薩佛性因故亦是過去現在未來果亦如是。是名分別答。

九住菩薩佛性六種。一常二善三真四實五淨六可見。佛性因故亦是過去現在未來果亦如是。是名分別答。

八住菩薩下至六住佛性五事。一真二實三淨四善五可見。佛性因故亦是過去現在未來果亦如是。是名分別答。

môn, tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, ngũ trí ấn đẳng, tam vạn ngũ thiên chư tam-muội môn, kim cang định đẳng, tứ thiên nhị bá chư tam-muội môn, phương tiện tam-muội, vô lượng vô biên như thị đẳng pháp, thị Phật Phật tánh. Như thị Phật tánh tác hữu thất sự: nhất thường, nhị ngã, tam lạc, tứ tịnh, ngũ chân, lục thật, thất thiện. Thị danh phân biệt đáp.

Thiện nam tử! Hậu thân Bồ Tát, Phật tánh hữu lục: nhất Thường, nhị Tịnh, tam Chân, tứ Thật, ngũ Thiện, lục Thiểu kiến. Thị danh phân biệt đáp.

Như nữ tiên vấn, đoạn thiện căn nhân hữu Phật tánh giả; thị nhân diệt hữu Như Lai Phật tánh, diệt hữu hậu thân Phật tánh. Thị nhị Phật tánh, chướng vị lai cố, đắc danh vi vô; tất cánh đắc cố, đắc danh vi hữu. Thị danh phân biệt đáp.

Như Lai Phật tánh phi quá khứ, phi hiện tại, phi vị lai. Hậu thân Phật tánh, hiện tại, vị lai. Thiểu khả kiến cố, đắc danh hiện tại; vị cụ kiến cố, danh vi vị lai. Như Lai vị đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thời, Phật tánh nhân cố, diệt thị quá khứ, hiện tại, vị lai; quả tác bất nhĩ: hữu thị tam thế, hữu phi tam thế. Hậu thân Bồ Tát, Phật tánh nhân cố, diệt thị quá khứ, hiện tại, vị lai; quả diệt như thị. Thị danh phân biệt đáp.

Cửu trụ Bồ Tát, Phật tánh lục chủng: nhất thường, nhị thiện, tam chân, tứ thật, ngũ tịnh, lục khả kiến. Phật tánh nhân cố, diệt thị quá khứ, hiện tại, vị lai; quả diệt như thị. Thị danh phân biệt đáp.

Bát trụ Bồ Tát hạ chí lục trụ, Phật tánh ngũ sự: nhất Chân, nhị Thật, tam Tịnh, tứ Thiện, ngũ Khả kiến. Phật tánh nhân cố, diệt thị quá khứ, hiện tại, vị lai; quả diệt như thị. Thị danh phân biệt đáp.

五住菩薩下至初住佛性五事。一真二實三淨四可見五善不善。

善男子。是五種佛性六種佛性七種佛性。斷善根人必當得故。故得言有。是名分別答。

若有說言斷善根者定有佛性定無佛性。是名置答。

迦葉菩薩言。世尊。我聞不答乃名置答。如來今者何因緣答而名置答。

善男子。我亦不說置而不答乃說置答。善男子。如是置答復有二種。一者遮止。二者莫著。以是義故得名置答。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說云何名因亦是過去現在未來。果亦過去現在未來。非是過去現在未來。

佛言。善男子。五陰二種。一者因。二者果。是因五陰是過去現在未來。是果五陰亦是過去現在未來。亦非過去現在未來。

善男子。一切無明煩惱等結悉是佛性。何以故。佛性因故從無明行及諸煩惱得善五陰。是名佛性從善五陰。乃至獲得阿耨多羅三藐三菩提。是故我於經中先說。眾生佛性如雜血乳。血者即是無明

Ngũ trụ Bồ Tát hạ chí sơ trụ, Phật tánh ngũ sự: nhất chân, nhị thật, tam tịnh, tứ khả kiến, ngũ thiện, bất thiện.

Thiện nam tử! Thị ngũ chủng Phật tánh, lục chủng Phật tánh, thất chủng Phật tánh, đoạn thiện căn nhân tất đương đắc cố, cố đắc ngôn: hữu. Thị danh phân biệt đáp.

Nhược hữu thuyết ngôn: đoạn thiện căn giả định hữu Phật tánh, định vô Phật tánh. Thị danh trí đáp.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Ngã văn bất đáp, nãi danh trí đáp. Như Lai kim giả, hà nhân duyên đáp, nhi danh trí đáp?

Thiện nam tử! Ngã diệc bất thuyết: trí nhi bất đáp, nãi thuyết trí đáp. Thiện nam tử! Như thị trí đáp, phục hữu nhị chủng: nhất giả già chỉ, nhị giả mạc trước. Dĩ thị nghĩa cố, đắc danh trí đáp.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết. Vân hà danh nhân diệc thị quá khứ, hiện tại, vị lai; quả diệc quá khứ, hiện tại, vị lai, phi thị quá khứ, hiện tại, vị lai?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngũ ấm nhị chủng: nhất giả nhân, nhị giả quả. Thị nhân ngũ ấm diệc thị quá khứ, hiện tại, vị lai; thị quả ngũ ấm diệc thị quá khứ, hiện tại, vị lai. Diệc phi quá khứ, hiện tại, vị lai.

Thiện nam tử! Nhất thiết vô minh, phiền não đẳng kết tất thị Phật tánh. Hà dĩ cố? Phật tánh nhân cố. Tòng vô minh, hành cập chư phiền não, đắc thiện ngũ ấm; thị danh Phật tánh. Tòng thiện ngũ ấm, nãi chí hoạch đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị cố ngã ư kinh trung, tiên thuyết: Chúng sanh Phật tánh, như tạp huyết nhũ. Huyết giả, tức thị vô minh, hành đẳng, nhất thiết phiền não. Nhũ giả, tức thị thiện ngũ ấm dã. Thị cố ngã thuyết:

行等一切煩惱。乳者即是善五陰也。是故我說從諸煩惱及善五陰得阿耨多羅三藐三菩提。如眾生身皆從精血而得成就。佛性亦爾。須陀洹人斯陀含人斷少煩惱佛性如乳。阿那含人佛性如酪。阿羅漢人猶如生酥。從辟支佛至十住菩薩猶如熟酥。如來佛性猶如醍醐。

善男子。現在煩惱為作障故。令諸眾生不得睹見。如香山中有忍辱草非一切牛皆能得食。佛性亦爾。是名分別答。

迦葉菩薩白佛言。世尊。五種六種七種佛性若未來有者。云何說言斷善根人有佛性耶。

佛言。善男子。如諸眾生有過去業。因是業故眾生現在得受果報。有未來業以未生故終不生果有現在煩惱。若無煩惱一切眾生應當了了現見佛性。是故斷善根人。以現在世煩惱因緣能斷善根。未來佛性力因緣故還生善根。

迦葉言。世尊。未來云何能生善根。

善男子。猶如燈日雖復未來亦能破闇。未來之性能生眾生未來佛性，亦復如是。是名分別答。

迦葉菩薩白佛言。世尊。若言五陰是佛性者。云何說言眾生佛性非內非外。

Tùng chư phiền não cập thiện ngũ ấm, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Như chúng sanh thân, giai tùng tinh huyết nhi đắc thành tựu. Phật tánh diệc nhĩ. Tu-đà-hoàn nhân, Tư-đà-hàm nhân đoạn thiểu phiền não, Phật tánh như nhũ. A-na-hàm nhân, Phật tánh như lạc. A-la-hán nhân, do như sanh tô. Tùng Bích-chi Phật chí Thập trụ Bồ Tát, do như thực tô. Như Lai Phật tánh, do như đề-hồ.

Thiện nam tử! Hiện tại phiền não, vị tác chướng cố, linh chư chúng sanh bất đắc đở kiến. Như Hương sơn trung, hữu nhân nhục thảo, phi nhất thiết ngư giai năng đắc thực. Phật tánh diệc nhĩ. Thị danh phân biệt đáp.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngũ chủng, Lục chủng, thất chủng Phật tánh, nhược vị lai hữu giả, vân hà thuyết ngôn đoạn thiện căn nhân hữu Phật tánh da?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như chư chúng sanh hữu quá khứ nghiệp. Nhân thị nghiệp cố, chúng sanh hiện tại đắc thọ quả báo. Hữu vị lai nghiệp; dĩ vị sanh cố, chung bất sanh quả, hữu hiện tại phiền não. Nhược vô phiền não, nhất thiết chúng sanh ưng đương liễu liễu hiện kiến Phật tánh. Thị cố đoạn thiện căn nhân, dĩ hiện tại thế phiền não nhân duyên, năng đoạn thiện căn. Vị lai Phật tánh lực nhân duyên cố, hoàn sanh thiện căn.

Ca-diếp ngôn: Thế Tôn! Vị lai vân hà năng sanh thiện căn?

Thiện nam tử! Do như đăng, nhật, tuy phục vị lai, diệc năng phá ám. Vị lai chi tánh năng sanh chúng sanh vị lai Phật tánh, diệc phục như thị. Thị danh phân biệt đáp.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược ngôn ngũ ấm thị Phật tánh giả, vân hà thuyết ngôn chúng sanh Phật tánh phi nội, phi ngoại?



佛言。善男子。何因緣故如是失意。我先不說眾生佛性是中道耶。

迦葉言。世尊。我實不失意。直以眾生於此中道不能解故。故發斯問。

善男子。眾生不解即是中道。或時有解或有不解。善男子。我為眾生得開解故。說言佛性非內非外。何以故。凡夫眾生或言佛性住五陰中如器中有果。或言離陰而有猶如虛空。是故如來說於中道。眾生佛性非內六入非外六入。內外合故名為中道。是故如來宣說佛性即是中道。非內非外故名中道。是名分別答。

復次善男子。云何名為非內非外。

善男子。或言佛性即是外道。何以故。菩薩摩訶薩於無量劫在外道中。斷諸煩惱調伏其心教化眾生。然後乃得阿耨多羅三藐三菩提。是以佛性即是外道。

或言佛性即是內道。何以故。菩薩雖於無量劫中修習外道。若離內道則不能得阿耨多羅三藐三菩提。是以佛性即是內道。

是故如來遮此二邊。說言佛性非內非外亦名內外。是名中道是名分別答。

Phật ngôn: Thiện nam tử! Hà nhân duyên cố như thị thất ý? Ngã tiên bất thuyết chúng sanh Phật tánh thị trung đạo da?

Ca-diếp ngôn: Thế Tôn! Ngã thật bất thất ý. Trục dĩ chúng sanh, ư thủ Trung đạo, bất năng giải cố, cố phát tư vấn.

Thiện nam tử! Chúng sanh bất giải, tức thị trung đạo. Hoặc thời hữu giải, hoặc hữu bất giải. Thiện nam tử! Ngã vị chúng sanh đắc khai giải cố, thuyết ngôn Phật tánh phi nội, phi ngoại. Hà dĩ cố? Phạm phu chúng sanh, hoặc ngôn: Phật tánh trụ ngũ ấm trung, như khí trung hữu quả. Hoặc ngôn: lý ấm nhi hữu, do như hư không. Thị cố Như Lai thuyết ư trung đạo: chúng sanh Phật tánh phi nội lục nhập, phi ngoại lục nhập; nội, ngoại hiệp cố, danh vi trung đạo. Thị cố Như Lai tuyên thuyết: Phật tánh tức thị trung đạo. Phi nội, phi ngoại; cố danh trung đạo. Thị danh phân biệt đáp.

Phục thứ, thiện nam tử! Vân hà danh vi phi nội, phi ngoại?

Thiện nam tử! Hoặc ngôn: Phật tánh, tức thị ngoại đạo. Hà dĩ cố? Bồ Tát ma-ha-tát, ư vô lượng kiếp, tại ngoại đạo trung, đoạn chư phiền não, điều phục kỳ tâm, giáo hóa chúng sanh; nhiên hậu nãi đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị dĩ Phật tánh, tức thị ngoại đạo.

Hoặc ngôn: Phật tánh, tức thị nội đạo. Hà dĩ cố? Bồ Tát tuy ư vô lượng kiếp trung, tu tập ngoại đạo; nhược lý nội đạo, tắc bất năng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị dĩ Phật tánh, tức thị nội đạo.

Thị cố Như Lai già thử nhị biên, thuyết ngôn: Phật tánh phi nội, phi ngoại, diệc danh nội ngoại; thị danh Trung đạo. Thị danh phân biệt đáp.

復次善男子。或言佛性即是如來金剛之身三十二相八十種好。何以故。不虛誑故。

或言佛性即是十力四無所畏大慈大悲及三念處首楞嚴等一切三昧。何以故。因是三昧生金剛身三十二相八十種好故。

是故如來遮此二邊。說言佛性非內非外亦名內外。是名中道是名分別答。

復次善男子。或有說言佛性即是內善思惟。何以故。離善思惟則不能得阿耨多羅三藐三菩提故。是故佛性即是內善思惟。

或有說言佛性即是從他聞法。何以故。從他聞法則能內善思惟。若不聞法則無思惟。是以佛性即是從他聞法。

是故如來遮此二邊。說言佛性非內非外亦名內外。是名中道。

復次善男子。復有說言佛性是外。謂檀波羅蜜從檀波羅蜜得阿耨多羅三藐三菩提。是以說言檀波羅蜜即是佛性。

或有說言佛性是內謂五波羅蜜。何以故。離是五事當知則無佛性因果。是以說言五波羅蜜即是佛

Phục thứ, thiện nam tử! Hoặc ngôn: Phật tánh, tức thị Như Lai kim cang chi thân, tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo. Hà dĩ cố? Bất hư cuống cố.

Hoặc ngôn: Phật tánh, tức thị thập lực, Tứ vô sở úy, Đại từ, Đại bi cập tam niệm xứ, Thủ-lăng-nghiêm đẳng nhất thiết tam-muội. Hà dĩ cố? Nhân thị tam-muội, sanh Kim cang thân, Tam thập nhị tướng, Bát thập chủng hảo cố.

Thị cố Như Lai già thử nhị biên, thuyết ngôn: Phật tánh phi nội, phi ngoại; diệc danh nội, ngoại; thị danh Trung đạo. Thị danh phân biệt đáp.

Phục thứ, thiện nam tử! Hoặc hữu thuyết ngôn: Phật tánh, tức thị nội thiện tư duy. Hà dĩ cố? Ly thiện tư duy, tác bất năng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề cố. Thị dĩ Phật tánh, tức thị nội thiện tư duy.

Hoặc hữu thuyết ngôn: Phật tánh, tức thị tùng tha văn pháp. Hà dĩ cố? Tùng tha văn pháp, tác năng nội thiện tư duy. Nhược bất văn pháp, tác vô tư duy. Thị dĩ Phật tánh, tức thị tùng tha văn pháp.

Thị cố Như Lai già thử nhị biên, thuyết ngôn: Phật tánh phi nội, phi ngoại; diệc danh nội, ngoại; thị danh Trung đạo.

Phục thứ, thiện nam tử! Phục hữu thuyết ngôn: Phật tánh thị ngoại, vị Đàn Ba-la-mật. Tùng Đàn Ba-la-mật, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị dĩ thuyết ngôn: Đàn Ba-la-mật, tức thị Phật tánh.

Hoặc hữu thuyết ngôn: Phật tánh thị nội, vị ngũ Ba-la-mật. Hà dĩ cố? Ly thị ngũ sự, đương tri tác vô Phật tánh nhân quả. Thị

性。是故如來遮此二邊。說言佛性非內非外亦內亦外。是名中道。

復次善男子。或有說言佛性在內。譬如力士額上寶珠。何以故。常樂我淨如寶珠故。是以說言佛性在內。或有說言佛性在外如貧女寶藏。何以故。方便見故。佛性亦爾在眾生外。以方便故而得見之。是故如來遮此二邊。說言佛性非內非外亦內亦外。是名中道。

善男子。眾生佛性非有非無。所以者何。佛性雖有非如虛空。何以故。世間虛空雖以無量善巧方便不可得見。佛性可見是故雖有非如虛空。佛性雖無不同兔角。何以故。龜毛兔角雖以無量善巧方便不可得生。佛性可生是故雖無不同兔角。是故佛性非有非無亦有亦無。云何名有。一切悉有是諸眾生不斷不滅猶如燈焰。乃至得阿耨多羅三藐三菩提。是故名有。云何名無。一切眾生現在未有一切佛法常樂我淨。是故名無。有無合故即是中道。是故佛說眾生佛性非有非無。

善男子。如有人問是種子中有菓無耶。應定答言亦有亦無。何以故。離子之外不能生菓是故名

dĩ thuyết ngôn: Ngũ Ba-la-mật, tức thị Phật tánh. Thị cố Như Lai già thử nhị biên, thuyết ngôn: Phật tánh phi nội, phi ngoại; diệc nội, diệc ngoại; thị danh Trung đạo.

Phục thứ, thiện nam tử! Hoặc hữu thuyết ngôn: Phật tánh tại nội, thí như lục sĩ ngạch thượng bảo châu. Hà dĩ cố? Thường, lạc, ngã, tịnh, như bảo châu cố. Thị dĩ thuyết ngôn: Phật tánh tại nội. Hoặc hữu thuyết ngôn: Phật tánh tại ngoại, như bần nữ bảo tạng. Hà dĩ cố? Phương tiện kiến cố. Phật tánh diệc nhĩ; tại chúng sanh ngoại, dĩ phương tiện cố, nhi đắc kiến chi. Thị cố Như Lai già thử nhị biên, thuyết ngôn: Phật tánh phi nội, phi ngoại; diệc nội, diệc ngoại; thị danh Trung đạo.

Thiện nam tử! Chúng sanh Phật tánh phi hữu, phi vô. Sở dĩ giả hà? Phật tánh tuy hữu, phi như hư không. Hà dĩ cố? Thế gian hư không, tuy dĩ vô lượng thiện xảo phương tiện, bất khả đắc kiến. Phật tánh khả kiến. Thị cố tuy hữu, phi như hư không. Phật tánh tuy vô, bất đồng thố giác. Hà dĩ cố? Quy mao, thố giác, tuy dĩ vô lượng thiện xảo phương tiện, bất khả đắc sanh. Phật tánh khả sanh. Thị cố tuy vô, bất đồng thố giác. Thị cố Phật tánh phi hữu, phi vô; diệc hữu, diệc vô. Vân hà danh hữu? Nhất thiết tất hữu. Thị chư chúng sanh, bất đoạn, bất diệt, do như đăng diệm, nãi chí đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị cố danh hữu. Vân hà danh vô? Nhất thiết chúng sanh, hiện tại vị hữu nhất thiết Phật pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Thị cố danh vô. Hữu, vô hiệp cố, tức thị trung đạo. Thị cố Phật thuyết: Chúng sanh Phật tánh phi hữu, phi vô.

Thiện nam tử! Như hữu nhân vấn: Thị chủng tử trung, hữu quả, vô da? Ứng định đáp ngôn: Diệc hữu, diệc vô. Hà dĩ cố? Ly tử chi ngoại, bất năng sanh quả; thị cố danh hữu, tử vị xuất nha, thị

有。子未出芽是故名無。以是義故。亦有亦無。所以者何。時節有異其體是一。眾生佛性亦復如是。若言眾生中別有佛性者。是義不然。何以故。眾生即佛性。佛性即眾生。直以時異有淨不淨。

善男子。若有問言是子能生果不。是果能生子不。應定答言亦生不生。

世尊。如世人說乳中有酪是義云何。

善男子。若有說言乳中有酪是名執著。若言無酪是名虛妄。離是二事應定說言亦有亦無。何故名有。從乳生酪因即是乳果即是酪。是名為有。云何名無。色味各異服用不同。熱病服乳冷病服酪。乳生冷病酪生熱病。

善男子。若言乳中有酪性者。乳即是酪酪即是乳其性是一。何因緣故乳在先出酪不先生。若有因緣一切世人何故不說。若無因緣何故酪不先出。若酪不先出誰作次第乳酪生酥熟酥醍醐。是故知酪先無今有。若先無今有是無常法。

善男子。若有說言乳有酪性能生於酪。水無酪性故不生酪。是義不然。何以故。水草亦有乳酪之性。所以者何。因於水草則出乳酪。若言乳中定有

cố danh vô. Dĩ thị nghĩa cố, diệc hữu, diệc vô. Sở dĩ giả hà? Thời tiết hữu dị, kỳ thể thị nhất. Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị. Nhược ngôn: Chúng sanh trung, biệt hữu Phật tánh giả. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Chúng sanh tức Phật tánh; Phật tánh tức chúng sanh. Trục dĩ thời dị, hữu tịnh, bất tịnh.

Thiện nam tử! Nhược hữu vấn ngôn: Thị tử năng sanh quả phủ? Thị quả năng sanh tử phủ? Ứng định đáp ngôn: diệc sanh, bất sanh.

Thế Tôn! Như thế nhân thuyết: Nhũ trung hữu lạc. Thị nghĩa vân hà?

Thiện nam tử! Nhược hữu thuyết ngôn: Nhũ trung hữu lạc, thị danh chấp trước. Nhược ngôn: vô lạc, thị danh hư vọng. Ly thị nhị sự, ứng định thuyết ngôn: diệc hữu, diệc vô. Hà cố danh hữu? Tùng nhũ sanh lạc. Nhân tức thị nhũ; quả tức thị lạc. Thị danh vi hữu. Vân hà danh vô? Sắc, vị các dị; phục, dụng bất đồng. Nhiệt bệnh phục nhũ, lãnh bệnh phục lạc. Nhũ sanh lãnh bệnh; lạc sanh nhiệt bệnh.

Thiện nam tử! Nhược ngôn: Nhũ trung, hữu lạc tánh giả. Nhũ tức thị lạc, lạc tức thị nhũ. Kỳ tánh thị nhất, hà nhân duyên cố nhũ tại tiên xuất, lạc bất tiên sanh? Nhược hữu nhân duyên, nhất thiết thế nhân hà cố bất thuyết? Nhược vô nhân duyên, hà cố lạc bất tiên xuất? Nhược lạc bất tiên xuất, thù tác thứ đệ; nhũ, lạc, sanh tô, thực tô, đề-hồ? Thị cố tri lạc tiên vô kim hữu. Nhược tiên vô kim hữu, thị vô thường pháp.

Thiện nam tử! Nhược hữu thuyết ngôn: Nhũ hữu lạc tánh, năng sanh ư lạc; thủy vô lạc tánh, cố bất sanh lạc. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Thủy, thảo diệc hữu nhũ, lạc chi tánh. Sở dĩ giả hà? Nhân ư thủy, thảo, tác sanh nhũ, lạc. Nhược ngôn: Nhũ trung,



酪性水草無酪性。是名虛妄。何以故心不等故。故言虛妄。

善男子。若言乳中定有酪者。酪中亦應定有乳性。何因緣故乳中出酪酪不出乳。若無因緣當知是酪本無今有。是故智者應言乳中非有酪性非無酪性。

善男子。是故如來於是經中說如是言。一切眾生定有佛性是名為著。若無佛性是名虛妄。智者應說眾生佛性亦有亦無。

善男子。四事和合生於眼識。何等為四。眼色明欲。是眼識性非眼非色非明非欲。從和合故便得出生如是眼識本無今有已有還無。是故當知無有本性。乳中酪性亦復如是。

若有說言水無酪性故不出酪。是故乳中定有酪性。是義不然。何以故。善男子。一切諸法異因異果。亦非一因生一切果。非一切果從一因生。

善男子。如從四事生於眼識。不可復說從此四事應生耳識。

善男子。離於方便乳中得酪酪出生酥。不得如是要須方便。善男子。智者不可見離方便從乳得酪。謂得生酥亦應如是。離方便得。善男子。是故我於是經中說。因生故法有。因滅故法無。

định hữu lạc tánh; thủy, thảo, vô lạc tánh. Thị danh hư vọng. Hà dĩ cố? Tâm bất đẳng cố, cố danh hư vọng.

Thiện nam tử! Nhược ngôn: Nhũ trung, định hữu lạc giả; lạc trung, diệc ứng định hữu nhũ tánh. Hà nhân duyên cố nhũ trung xuất lạc; lạc bất xuất nhũ? Nhược vô nhân duyên, đương tri thị lạc, bốn vô kim hữu. Thị cố trí giả ứng ngôn: Nhũ trung, phi hữu lạc tánh, phi vô lạc tánh.

Thiện nam tử! Thị cố Như Lai, ư thị kinh trung, thuyết như thị ngôn: Nhất thiết chúng sanh định hữu Phật tánh, thị danh vi trước; nhược vô Phật tánh, thị danh hư vọng. Trí giả ứng thuyết: Chúng sanh Phật tánh diệc hữu, diệc vô.

Thiện nam tử! Tứ sự hòa hiệp, sanh ư nhãn thức. Hà đẳng vi tứ? Nhãn, sắc, minh, dục. Thị nhãn thức tánh phi nhãn, phi sắc, phi minh, phi dục. Tòng hòa hiệp cố, tiện đắc xuất sanh. Như thị nhãn thức, bốn vô kim hữu, dĩ hữu hoàn vô. Thị cố đương tri vô hữu bốn tánh. Nhũ trung lạc tánh, diệc phục như thị.

Nhược hữu thuyết ngôn: Thủy vô lạc tánh, cố bất xuất lạc; thị cố nhũ trung, định hữu lạc tánh. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Nhất thiết chư pháp, dị nhân, dị quả; diệc phi nhất nhân, sanh nhất thiết quả; phi nhất thiết quả, tòng nhất nhân sanh.

Thiện nam tử! Như tòng tứ sự, sanh ư nhãn thức. Bất khả phục thuyết: tòng thủ tứ sự, ứng sanh nhĩ thức.

Thiện nam tử! Ly ư phương tiện, nhũ trung đắc lạc, lạc xuất sanh tô, bất đắc như thị. Yếu tu phương tiện. Thiện nam tử! Trí giả bất khả kiến ly phương tiện, tòng nhũ đắc lạc. Vị đắc sanh tô, diệc ứng như thị, ly phương tiện đắc. Thiện nam tử! Thị cố ngã ư thị kinh trung, thuyết: nhân sanh, cố pháp hữu; nhân diệt, cố pháp vô.

善男子。如鹽性鹹能令非鹹使鹹。若非鹹物先有鹹性。世人何故便非鹽耶。若先無者當知先無今有。以餘緣故而得鹹也。若言一切不鹹之物皆有鹹性。微故不知由此微性鹽能令鹹。若本無性雖復有鹽不能令鹹。譬如種子自有四大。緣外四大而得增長芽莖枝葉。鹽性亦爾者。是義不然。何以故。不鹹之物先有鹹性者。鹽亦應有微不鹹性。是鹽若有如是二性。何因緣故離不鹹物不可獨用。是故知鹽本無二性。如鹽一切不鹹之物亦復如是。

若言外四大種力能增長內四大者。是義不然。何以故。次第說故不從方便。乳中得酪生酥，乃至一切諸法皆亦如是非方便得。四大亦復如是。

若說從外四大增內四大。不見從內四大增外四大。如尸利沙菓先無形質。見昴星時菓則出生足長五寸。如是菓者實不因於外四大增。

善男子。如我所說十二部經。或隨自意說。或隨他意說。或隨自他意說。

云何名為隨自意說。如五百比丘問舍利弗。大德。佛說身因何者是耶。舍利弗言。諸大德。汝等亦各得正解脫自應識之。何緣方作如是問耶。有比

Thiện nam tử! Như diêm tánh hàm, năng linh phi hàm sử hàm. Nhược phi hàm vật tiên hữu hàm tánh, thế nhân hà cố tiện phi diêm da? Nhược tiên vô giả, đương tri tiên vô kim hữu; dĩ dư duyên cố, nhi đắc hàm dã. Nhược ngôn: Nhất thiết bát hàm chi vật giai hữu hàm tánh, vi cố bất tri; do thủ vi tánh, diêm năng linh hàm. Nhược bốn vô tánh, tuy phục hữu diêm, bất năng linh hàm. Thí như chủng tử, tự hữu tứ đại, duyên ngoại tứ đại, nhi đắc tăng trưởng nha, hành, chi, diệp. Diêm tánh diệp nhĩ dã. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Bát hàm chi vật, tiên hữu hàm tánh giả, diêm diệp ứng hữu vi bất hàm tánh. Thị diêm nhược hữu như thị nhị tánh, hà nhân duyên cố lý bát hàm vật, bất khả độc dụng? Thị cố tri diêm, bốn vô nhị tánh. Như diêm, nhất thiết bát hàm chi vật diệp phục như thị.

Nhược ngôn: Ngoại tứ đại chủng, lực năng tăng trưởng nội tứ đại giả. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Thứ đệ thuyết cố, bất tòng phương tiện. Nhũ trung, đắc lạc, sanh tô. Nãi chí nhất thiết chư pháp, giai diệp như thị; phi phương tiện đắc. Tứ đại diệp phục như thị.

Nhược thuyết: Tòng ngoại tứ đại, tăng nội tứ đại. Bất kiến tòng nội tứ đại, tăng ngoại tứ đại. Như thi-ly-sa quả, tiên vô hình chất; kiến Mão tinh thời, quả tặc xuất sanh, túc trường ngũ thốn. Như thị quả giả, thật bất nhân ư ngoại tứ đại tăng.

Thiện nam tử! Như ngã sở thuyết: Thập nhị bộ kinh, hoặc tùy tự ý thuyết; hoặc tùy tha ý thuyết; hoặc tùy tự, tha ý thuyết.

Vân hà danh vi tùy tự ý thuyết? Như ngũ bá Tỳ-kheo vấn Xá-lợi-phát: Đại đức! Phật thuyết thân nhân, hà giả thị da? Xá-lợi-phát ngôn: Chư Đại đức! Nhữ đẳng diệp các đắc chánh giải thoát; tự ứng thức chi. Hà duyên phương tác như thị vấn da? Hữu tỳ-kheo ngôn: Đại đức! Ngã vị hoạch đắc chánh giải thoát thời,

丘言。大德。我未獲得正解脫時意謂。無明即是身因。作是觀時得阿羅漢果。復有說言。大德。我未獲得正解脫時。謂受無明即是身因。作是觀時得阿羅漢果。或有說言。行識名色六入觸受愛取有生飲食五欲即是身因。

爾時五百比丘。各各自說已所解已共往佛所。稽首佛足右遶三帀禮拜畢已卻坐一面。各以如上已所解義向佛說之。

舍利弗白佛言。世尊。如是諸人誰是正說。誰不正說。

佛告舍利弗。善哉善哉一一比丘無非正說。

舍利弗言。世尊。佛意云何。

佛言舍利弗。我為欲界眾生說言。父母即是身因。如是等經名隨自意說。

云何名為隨他意說。如把吒羅長者。來至我所作如是言。瞿曇。汝知幻不。若知幻者即大幻人。若不知者非一切智。我言。長者。知幻之人名幻人耶。

長者言。善哉善哉。知幻之人即是幻人。佛言。長者。舍衛國內波斯匿王有旃陀羅名曰氣噓。汝知不耶。

ý vị vô minh, tức thị thân nhân. Tác thị quán thời, đắc A-la-hán quả. Phục hữu thuyết ngôn: Đại đức! Ngã vị hoạch đắc Chánh giải thoát thời, vị: thọ vô minh, tức thị thân nhân. Tác thị quán thời, đắc A-la-hán quả. Hoặc hữu thuyết ngôn: Hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, ẩm thực, ngũ dục, tức thị thân nhân.

Nhĩ thời, ngũ bá tỳ-kheo, các các tự thuyết kỹ sở giải dĩ, cộng vãng Phật sở, khể thủ Phật túc, hữu nhiều tam táp. Lễ bái tất dĩ, khước tọa nhất diện. Các dĩ như thượng kỹ sở giải nghĩa, hướng Phật thuyết chi.

Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như thị chư nhân, thù thị chánh thuyết? Thù bất chánh thuyết?

Phật cáo Xá-lợi-phất: Thiện tai! Thiện tai! Nhất thiết tỳ-kheo, vô phi chánh thuyết.

Xá-lợi-phất ngôn: Thế Tôn! Phật ý vân hà?

Phật ngôn: Xá-lợi-phất! Ngã vị Dục giới chúng sanh, thuyết ngôn: phụ mẫu, tức thị thân nhân. Như thị đẳng kinh, danh tùy tự ý thuyết.

Vân hà danh vi tùy tha ý thuyết? Như Bà-trá-la trưởng giả, lai chí ngã sở, tác như thị ngôn: Cồ-đàm! Nhữ tri huyễn phủ? Nhược tri huyễn giả, tức đại huyễn nhân. nhược bất tri giả, phi nhất thiết trí. Ngã ngôn: Trưởng giả! Tri huyễn chi nhân, danh huyễn nhân da?

Trưởng giả ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Tri huyễn chi nhân, tức thị huyễn nhân. Phật ngôn: Trưởng giả! Xá-vệ quốc nội, Ba-tư-nặc vương, hữu chiên-đà-la, danh viết Khí Hư. Nhữ tri phủ da?

長者答言。瞿曇。我久知之。佛言。汝久知者可得即是旃陀羅不。長者言。瞿曇。我雖知是旃陀羅。然我此身非旃陀羅。佛言。長者。汝得是義知旃陀羅非旃陀羅。我今何故不得知幻而非幻乎。

長者。我實知幻，知幻人，知幻果報，知幻伎術。我知殺知殺人知殺果報知殺解脫。乃至知邪見知邪見人知邪見果報知邪見解脫。

長者。若說非幻之人名為幻人。非邪見人說邪見人得無量罪。

長者言。瞿曇。如汝所說我得大罪。我今所有悉以相上。幸莫令彼波斯匿王知我此事。

佛言。長者。是罪因緣不必失財。乃當因是墮三惡道。

是時長者聞惡道名心生恐怖。白佛言。聖人。我今失意獲得大罪。聖人。今者是一切智應當了知獲得解脫。我當云何得脫地獄餓鬼畜生。

爾時我為說四真諦。長者。聞已得須陀洹果心生慚愧向佛懺悔。我本愚癡佛非幻人而言是幻。我從今日歸依三寶。佛言。善哉善哉。長者。是名隨他意說。

云何名為隨自他意說。如我所說，一切世間智者說有我亦說有。智人說無我亦說無。世間智人說五

Trưởng giả đáp ngôn: Cồ-đàm! Ngã cửu tri chi. Phật ngôn: Nhữ cửu tri giả, khả đắc tức thị Chiên-đà-la phủ? Trưởng giả ngôn: Cồ-đàm! Ngã tuy tri thị chiên-đà-la, nhiên ngã thủ thân, phi chiên-đà-la. Phật ngôn: Trưởng giả! Nhữ đắc thị nghĩa: Tri chiên-đà-la, phi chiên-đà-la. Ngã kim hà cố bất đắc: tri huyễn, nhi phi huyễn hồ?

Trưởng giả! Ngã thật tri huyễn, tri huyễn nhân, tri huyễn quả báo, tri huyễn kỹ thuật. Ngã tri sát, tri sát nhân, tri sát quả báo, tri sát giải thoát. Nãi chí tri tà kiến, tri tà kiến nhân, tri tà kiến quả báo, tri tà kiến giải thoát.

Trưởng giả! Nhược thuyết: phi huyễn chi nhân, danh vi huyễn nhân, phi tà kiến nhân, thuyết tà kiến nhân, đắc vô lượng tội.

Trưởng giả ngôn: Cồ-đàm! Như nhữ sở thuyết, ngã đắc đại tội. Ngã kim sở hữu, tất dĩ tương thượng. Hạnh mạng linh bỉ Ba-tư-nặc vương tri ngã thủ sự.

Phật ngôn: Trưởng giả! Thị tội nhân duyên, bất tất thất tài; nãi đương nhân thị, đọa tam ác đạo.

Thị thời, trưởng giả văn ác đạo danh, tâm sanh khủng bố, bạch Phật ngôn: Thánh nhân! Ngã kim thất ý, hoạch đắc đại tội. Thánh nhân kim giả thị nhất thiết trí, ưng đương liễu tri hoạch đắc giải thoát. Ngã đương vân hà đắc thoát địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh?

Nhĩ thời, ngã vị thuyết Tứ chân đế. Trưởng giả văn dĩ, đắc Tu-đà-hoàn quả, tâm sanh tầm quý, hướng Phật sám hối. Ngã bổn ngu si. Phật phi huyễn nhân, nhi ngôn thị huyễn. Ngã tòng kim nhật, quy y Tam bảo. Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Trưởng giả. Thị danh tùy tha ý thuyết.

Vân hà danh vi tùy tự, tha ý thuyết? Như ngã sở thuyết: Nhất thiết thế gian, trí giả thuyết hữu; ngã diệc thuyết hữu. Trí nhân thuyết vô; ngã diệc thuyết vô. Thế gian trí nhân thuyết ngũ dục



欲樂有無常苦無我可斷我亦說有。世間智人說五欲樂有常樂我淨無有是處。我亦如是說無是處。是名隨自,他意說。

善男子。如我所說十住菩薩少見佛性。是名隨他意說。何故名少見。十住菩薩得首楞嚴等三昧三千法門。是故了了自知當得阿耨多羅三藐三菩提。不見一切眾生定得阿耨多羅三藐三菩提。是故我說十住菩薩少見佛性。

善男子。我常宣說一切眾生悉有佛性。是名隨自意說。一切眾生不斷不滅乃至得阿耨多羅三藐三菩提。是名隨自意說。

一切眾生悉有佛性。煩惱覆故不能得見。我說如是汝說亦爾。是名隨自他意說。

善男子。如來或時為一法故說無量法。如經中說一切梵行因善知識。一切梵行因雖無量。說善知識則已攝盡。

如我所說一切惡行邪見為因。一切惡行因雖無量。若說邪見則已攝盡。

或說阿耨多羅三藐三菩提信心為因。是菩提因雖復無量。若說信心則已攝盡。

lạc, hữu vô thường, khổ, vô ngã khả đoạn; ngã diệt thuyết hữu. Thế gian trí nhân thuyết ngũ dục lạc, hữu thường, lạc, ngã, tịnh; vô hữu thị xứ. Ngã diệt như thị, thuyết vô thị xứ. Thị danh tùy tự, tha ý thuyết.

Thiện nam tử! Như ngã sở thuyết. Thập trụ Bồ Tát thiếu kiến Phật tánh. Thị danh tùy tha ý thuyết. Hà cố danh thiếu kiến? Thập trụ Bồ Tát đắc Thủ-lăng-nghiêm đẳng tam-muội, tam thiên pháp môn, thị cố liễu liễu tự tri đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Bất kiến nhất thiết chúng sanh định đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị cố ngã thuyết: Thập trụ Bồ Tát thiếu kiến Phật tánh.

Thiện nam tử! Ngã thường tuyên thuyết: nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Thị danh tùy tự ý thuyết. Nhất thiết chúng sanh, bất đoạn, bất diệt, nãi chí đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị danh tùy tự ý thuyết.

Nhất thiết chúng sanh, tất hữu Phật tánh; phiền não phú cố, bất năng đắc kiến. Ngã thuyết như thị, nữ thuyết diệt nhĩ. Thị danh tùy tự, tha ý thuyết.

Thiện nam tử! Như Lai hoặc thời, vị nhất pháp cố, thuyết vô lượng pháp. Như kinh trung thuyết: Nhất thiết Phạm hạnh, nhân thiện tri thức. Nhất thiết Phạm hạnh, nhân tuy vô lượng; thuyết thiện tri thức, tác dĩ nhiếp tận.

Như ngã sở thuyết: Nhất thiết ác hạnh, tà kiến vi nhân. Nhất thiết ác hạnh, nhân tuy vô lượng; nhược thuyết tà kiến, tác dĩ nhiếp tận.

Hoặc thuyết A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tín tâm vi nhân. Thị Bồ-đề nhân, tuy phục vô lượng; nhược thuyết tín tâm, tác dĩ nhiếp tận.

善男子。如來雖說無量諸法以為佛性。然不離於陰入界也。

善男子。如來說法為眾生故有七種語。一者因語。二者果語。三者因果語。四者喻語。五者不應說語。六者世流布語。七者如意語。

云何名因語。現在因中說未來果如我所說。善男子。汝見眾生樂殺乃至樂行邪見。當觀是人即地獄人。善男子。若有眾生不樂殺生乃至邪見。當觀是人即是天人。是名因語。

云何果語。現在果中說過去因如經中說。善男子。如汝所見貧窮眾生顏貌醜陋不得自在。當知是人定有破戒妒心瞋心無慚愧心。若見眾生多財巨富諸根完具威德自在。當知是人定有戒施精勤慚愧無有妒瞋。是名果語。

云何因果語。如經中說。善男子。眾生現在六入觸因。是名過去業果。如來亦說名之為業。是業因緣得未來果。是名因果語。

云何喻語。如說師子王者即喻我身。大象王，大龍王，波利質多羅樹，七寶聚，大海，須彌山，大地，大雨，船師，導師，調御丈夫，力士，牛王，婆羅門，沙門，大城，多羅樹。如是喻經，名為喻語。

Thiện nam tử! Như Lai tuy thuyết vô lượng chư pháp, dĩ vi Phạt tánh; nhiên bất ly ư âm, nhập, giới dã.

Thiện nam tử! Như Lai thuyết pháp, vị chúng sanh cố, hữu thất chủng ngữ: nhất giả nhân ngữ, nhị giả quả ngữ, tam giả nhân quả ngữ, tứ giả dụ ngữ, ngũ giả bất ưng thuyết ngữ, lục giả thế lưu bố ngữ, thất giả như ý ngữ.

Vân hà danh nhân ngữ? Hiện tại nhân trung, thuyết vị lai quả. Như ngã sở thuyết: Thiện nam tử! Nhữ kiến chúng sanh nhạo sát, nãi chí nhạo hành tà kiến, đương quan thị nhân tức địa ngục nhân. Thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh bất nhạo sát sanh nãi chí tà kiến, đương quan thị nhân tức thị thiên nhân. Thị danh nhân ngữ.

Vân hà quả ngữ? Hiện tại quả trung, thuyết quá khứ nhân. Như kinh trung thuyết: Thiện nam tử! Như nhữ sở kiến: bản cùng chúng sanh nhan mạo xú lậu, bất đắc tự tại. Đương tri thị nhân định hữu phá giới, đố tâm, sân tâm, vô tâm quý tâm. Nhược kiến chúng sanh đa tài cự phú, chư căn hoàn cụ, oai đức tự tại, đương tri thị nhân định hữu giới, thí, tinh cần, tâm quý; vô hữu đố, sân. Thị danh quả ngữ.

Vân hà nhân quả ngữ? Như kinh trung thuyết: Thiện nam tử! Chúng sanh hiện tại, lục nhập, xúc nhân, thị danh quả khứ nghiệp quả. Như Lai diệc thuyết, danh chi vi nghiệp. Thị nghiệp nhân duyên, đắc vị lai quả. Thị danh nhân quả ngữ.

Vân hà dụ ngữ? Như thuyết Sư tử vương giả, tức dụ ngã thân. Đại tượng vương, Đại long vương, ba-ly-chất-đa-la thọ, thất bảo tụ, đại hải, Tu-di sơn, đại địa, đại vũ, thuyên sư, đạo sư, Điều ngự Trưng phu, lực sĩ, ngưi vương, bà-la-môn, sa-môn, đại thành, đa-la thọ, như thị dụ kinh, danh vi dụ ngữ.

云何不應語。我經中說天地可合，河不入海。如為波斯匿王說四方山來。如為鹿母優婆夷說。若娑羅樹能受八戒。則得受於人天之樂。寧說十住菩薩有退轉心。不說如來有二種語。寧說須陀洹人墮三惡道。不說十住有退轉心。是名不應語。

云何世流布語。如佛所說男女大小去來坐臥。車乘房舍瓶衣。眾生常樂我淨。軍林城邑僧坊合散。是名世流布語。

云何如意語。如我呵責毀禁之人。令彼自責護持禁戒。如我讚歎須陀洹人。令諸凡夫生於善心。讚歎菩薩為令眾生發菩提心。說三惡道所有苦惱。為令修習諸善法故。說一切燒唯為一切有為法故無我亦爾。說諸眾生悉有佛性。為令一切不放逸故。是名如意語。

## 大般涅槃經卷第三十五

終

Vân hà bát ứng ngữ? Ngã kinh trung thuyết: Thiên địa khả hiệp. Hà bất nhập hải. Như vị Ba-tư-nặc vương, thuyết tứ phương sơn lai. Như vị Lộc-mẫu ưu-bà-di, thuyết: Nhược Ta-la thọ năng thọ bát giới, tác đắc thọ ư nhân, thiên chi lạc. Ninh thuyết Thập trụ Bồ Tát hữu thối chuyển tâm; bất thuyết Như Lai hữu nhị chủng ngữ. Ninh thuyết Tu-đà-hoàn nhân đọa tam ác đạo; bất thuyết Thập trụ hữu thối chuyển tâm. Thị danh bát ứng ngữ.

Vân hà thế lưu bố ngữ? Như Phật sở thuyết: Nam nữ, đại tiểu, khứ lai tọa ngọa, xa thặng, phòng xá, bình, y, chúng sanh, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, quân, lâm, thành, ấp, tăng phường, hiệp tán. Thị danh Thế lưu bố ngữ.

Vân hà như ý ngữ? Như ngã ha trách hủy cấm chi nhân, linh bỉ tự trách hộ trì cấm giới. Như ngã tán thán Tu-đà-hoàn nhân, linh chư phạm phu sanh ư thiện tâm; tán thán Bồ Tát, vị chúng sanh phát Bồ-đề tâm. Thuyết tam ác đạo sở hữu khổ não, vị linh tu tập chư thiện pháp cố. Thuyết nhất thiết thiêu, duy vị nhất thiết hữu vi pháp cố; vô ngã diệc nhĩ. Thuyết chư chúng sanh tất hữu Phật tánh, vị linh nhất thiết bất phóng dật cố. Thị danh như ý ngữ.

## Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập ngũ

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

## QUYỂN BA MƯƠI LĂM

### PHẨM BỒ TÁT CA-DIỆP

Phẩm thứ mười hai - Phần ba

**T**hiện nam tử! Những chỗ sai khác phân biệt biện giải như vậy là cảnh giới của Phật, không phải chỗ biết của hàng Thanh văn, Duyên giác. Như ai đối với những điều [sai lầm] nói trên sanh tâm nghi ngờ, may ra còn có thể phá hoại được phiền não [kiên cố] như núi *Tu-di*. Nếu ai sanh tâm quyết định tin chắc những điều ấy thì gọi là *chấp trước*.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào là chấp trước?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Những người [sanh tâm quyết định tin chắc] như vậy, dù được nghe biết [những điều ấy] từ người khác, hoặc tự tìm học trong kinh điển, hoặc được người khác ra công dạy bảo, nhưng đối với những điều [đã tin chắc thì] vướng mắc không thể buông bỏ, đó gọi là chấp trước.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Chấp trước như vậy là thiện hay bất thiện?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Chấp trước như vậy không thể gọi là thiện. Vì sao vậy? Vì không thể phá tan được các mối nghi ngờ.”

Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Những người [sanh tâm quyết định tin chắc] như vậy, vốn không

có lòng nghi, sao nói rằng không thể phá tan các mối nghi ngờ?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Phàm người không có lòng nghi, chính là đang nghi [mà không biết] đó thôi.”

Bồ Tát Ca-diếp thưa: “Bạch Thế Tôn! [Như vậy] nếu có người bảo rằng vị Tu-đà-hoàn không đọa vào ba đường ác, hẳn phải gọi đó là người vướng mắc, có lòng nghi?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đó gọi là có lòng [tin] quyết định, không phải là có lòng nghi. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Ví như có người trước đã nhìn thấy người ta và cây cối; về sau khi đi đêm trông thấy ở xa có một cái cây đã bị đốn ngang, bèn sanh lòng nghi hoặc: ‘Không biết đó là hình người hay thân cây?’

“Thiện nam tử! Như người trước đã được thấy các vị tỳ-kheo, Phạm chí.<sup>(1)</sup> Về sau, khi đi đường trông thấy một vị tỳ-kheo từ xa liền sanh lòng nghi hoặc: ‘Không biết đó là tỳ-kheo hay Phạm chí?’

“Thiện nam tử! Như người trước đã nhìn thấy bò và trâu. Về sau, khi thấy một con bò từ đằng xa liền sanh lòng nghi hoặc: ‘Không biết đó là bò hay trâu?’

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh, trước có được nhìn thấy hai vật [khác nhau] thì sau đó mới sanh lòng nghi. Vì sao vậy? Vì trong lòng không biết rõ. Ta không hề nói [phân biệt hai điều khác nhau] rằng vị Tu-đà-hoàn có đọa vào ba đường ác và không đọa vào ba đường ác.<sup>(2)</sup> Như vậy, người mà ông nói đó làm sao lại sanh lòng nghi?”

Bồ Tát Ca-diếp bạch rằng: “Thế Tôn! Như lời Phật dạy, trước phải được nhìn thấy [hai vật khác nhau] rồi



sau mới sanh lòng nghi. Nhưng có những người khi chưa được thấy hai vật [khác nhau] cũng sanh lòng nghi. Đó là nói điều gì? Chẳng hạn như Niết-bàn.

“Bạch Thế Tôn! Ví như có người đi đường gặp dòng nước đục, dù trước đó chưa từng thấy nhưng cũng sanh lòng nghi: ‘Không biết dòng nước này sâu hay cạn?’ Người ấy chưa từng thấy, vì sao lại sanh lòng nghi?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Niết-bàn là dứt khổ. Không phải Niết-bàn tức là khổ. Chỗ thấy của tất cả chúng sanh đều có hai loại: thấy khổ và thấy không khổ. Khổ và không khổ đó là: đói, khát, lạnh, nóng, hờn giận, vui mừng, ốm bệnh, an ổn, già nua, trai tráng, sanh ra, chết đi, trói buộc, giải thoát, lìa xa người yêu thương luyến mến, gần gũi kẻ oán ghét thù nghịch. Chúng sanh thấy vậy rồi liền sanh lòng nghi: ‘Liệu có sự xa lìa rốt ráo những khổ não ấy chăng?’ Vì thế mà chúng sanh đối với Niết-bàn có sanh lòng nghi.

“Như ông hỏi rằng: ‘Người ấy từ trước chưa từng thấy dòng nước đục, sao lại sanh lòng nghi?’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Người ấy đã từng thấy [sự việc tương tự] ở nơi khác rồi, nên ở nơi chưa từng đến mới sanh lòng nghi.”

Bồ Tát Ca-diếp lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Trước đây khi thấy chỗ sâu, chỗ cạn, người ấy đã không sanh lòng nghi; vì sao nay nhìn thấy lại sanh lòng nghi?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì là nơi chưa từng đi qua nên mới sanh nghi. Vì vậy ta có nói: ‘Không biết rõ nên nghi.’”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Theo như lời Phật dạy, nghi tức là vướng mắc, vướng mắc tức là nghi. Đó là nói hạng người nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đó là những kẻ dứt mất căn lành.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Những hạng người nào có thể dứt mất căn lành?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có những người thông minh lanh lợi, trí tuệ sáng suốt, khéo biết phân biệt, nhưng (1) lìa xa bạn tốt, (2) không nghe Chánh pháp, (3) không khéo suy xét, (4) không thực hành đúng pháp; những người như vậy có thể dứt mất căn lành.

“Ngoài bốn điều vừa nói,<sup>(3)</sup> [những người này] trong lòng còn tự suy xét rằng: ‘Không có vật bố thí. Vì sao vậy? Bố thí tức là lìa bỏ tài vật. Nếu việc bố thí có quả báo, nên biết rằng người bố thí thường phải nghèo khổ. Vì sao vậy? Vì hạt giống và quả [của nó] là tương tự như nhau. Cho nên nói rằng không có nhân, không có quả.’ Nếu người nói không có nhân quả theo cách như vậy, đó gọi là dứt mất căn lành.

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Người bố thí, người nhận bố thí và tài vật bố thí, ba điều ấy là vô thường, không lúc nào trụ yên. Nếu không trụ yên, sao có thể nói được đâu là người bố thí, là người nhận bố thí, là tài vật bố thí? Nếu không có người nhận bố thí, làm sao có được quả báo? Vì nghĩa ấy nên không có nhân, không có quả.’ Nếu người nói không có nhân quả theo cách như vậy, nên biết rằng người ấy có thể dứt mất căn lành.

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Trong khi người thực hành việc bố thí, dùng đến năm sự bố thí.<sup>(4)</sup> Người nhận bố thí rồi, có khi làm điều thiện, có khi làm điều bất thiện, nhưng người đã bố thí lại không nhận được

quả thiện hoặc quả bất thiện. Như lẽ thường ở thế gian, do hạt giống sanh ra quả, quả ấy lại tạo thành hạt giống. Nhân tức là người bố thí; quả tức là người nhận bố thí. Nhưng người nhận bố thí không thể dùng những pháp thiện hoặc bất thiện để làm cho thí chủ đạt được [quả báo]. Vì nghĩa ấy nên không có nhân, không có quả.’ Nếu người nói không có nhân quả theo cách như vậy, nên biết rằng người ấy có thể dứt mất căn lành.

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Không có vật bố thí. Vì sao vậy? Vì vật bố thí là vô ký.<sup>(5)</sup> Nếu là vô ký, làm sao có thể được quả báo thiện? Không có quả báo thiện, tức là vô ký. Nếu tài vật là vô ký, nên biết rằng không có quả báo thiện, ác. Cho nên không có việc bố thí, không có nhân, không có quả.’ Nếu người nói không có nhân quả theo cách như vậy, nên biết rằng người ấy có thể dứt mất căn lành.

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Bố thí là ý niệm. Nếu là ý niệm thì không nhìn thấy, không có đối tượng, không thuộc pháp hình sắc. Nếu không phải là hình sắc, làm sao có thể bố thí? Cho nên không có việc bố thí, không có nhân, không có quả.’ Nếu người nói không có nhân quả theo cách như vậy, nên biết rằng người ấy có thể dứt mất căn lành.

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Nếu người bố thí vì hình tượng Phật, thiên thần, hoặc vì cha mẹ đã qua đời mà làm việc bố thí, ắt không có người thọ nhận. Nếu không có người thọ nhận, lẽ ra không có quả báo. Nếu không có quả báo, tức là không có nhân. Nếu không có nhân, tức là không có quả.’ Nếu người nói không có nhân quả theo cách như vậy, nên biết rằng người ấy có thể dứt mất căn lành.

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Không có cha mẹ. Nếu nói cha mẹ là nhân của chúng sanh, là bậc sanh ra chúng sanh, thì theo lý phải thường sanh mãi, không có sự dứt mất. Vì sao vậy? Vì nhân là thường có. Nhưng vì không thường sanh mãi, nên biết rằng không có cha mẹ.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Không có cha mẹ. Vì sao vậy? Nếu thân của chúng sanh là nhân nơi cha mẹ mà có, lẽ ra mỗi người đều phải có đủ hai căn<sup>(6)</sup> nam, nữ. Nhưng vì không có đủ [hai căn] nên biết rằng chúng sanh chẳng phải nhân nơi cha mẹ mà có.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Chẳng phải nhân nơi cha mẹ sanh ra chúng sanh. Vì sao vậy? Trước mắt nhìn thấy chúng sanh không giống hệt cha mẹ, như về thân thể, hình sắc, tâm tánh, cách đi đứng... Cho nên cha mẹ chẳng phải là nhân sanh ra chúng sanh.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Tất cả những thứ thế gian gọi là ‘không’ được phân làm bốn loại. Một là vì chưa sanh ra nên gọi là không, như khi đất sét mới nhồi thành khối, chưa có công dụng của cái bình. Hai là diệt mất rồi nên gọi là không, như khi cái bình đã bể nát thì gọi là không [có cái bình]. Ba là khác biệt nhau nên có cái này thì không có cái kia, như trong con bò không có con ngựa, trong con ngựa không có con bò. Bốn là hoàn toàn không có nên gọi là không, như sừng thỏ, như lông rùa... Cha mẹ của chúng sanh cũng vậy, đồng với bốn loại không có ấy. Nếu nói rằng cha mẹ là nhân của chúng sanh, khi cha mẹ chết sao con không nhất định chết theo? Cho nên cha mẹ chẳng phải là nhân sanh ra chúng sanh.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Nếu nói cha mẹ là nhân của chúng sanh, lẽ ra phải thường nhân nơi cha mẹ sanh ra chúng sanh. Nhưng lại có những loài do

biến hóa sanh ra, do ẩm ướt sanh ra, vì thế nên biết rằng chẳng phải nhân nơi cha mẹ sanh ra chúng sanh.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Chúng sanh là tự có, chẳng phải nhân nơi cha mẹ mà sanh ra, lớn lên. Ví như loài chim khổng tước<sup>(7)</sup> nghe tiếng sấm mà sanh chim con; như loài chim thanh tước, chim mái uống nước mắt chim trống mà sanh chim con; như loài chim mạng mạng,<sup>(8)</sup> chim mái nhìn thấy chim trống múa mà sanh chim con.’

“Đang khi suy nghĩ [những điều] như thế, nếu không gặp được bậc thiện tri thức, nên biết rằng người như thế có thể dứt mất căn lành.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Thế gian hoàn toàn không có quả báo thiện, ác. Vì sao vậy? Vì [trước mắt thấy] có những chúng sanh thực hành đầy đủ mười điều lành, vui thích làm việc bố thí, siêng tu công đức, nhưng lại mang nhiều tật bệnh nơi thân, tuổi trung niên chết yểu, hoặc hao tổn tài vật, vướng phải nhiều sự lo âu buồn khổ. Lại [thấy] có những chúng sanh làm đủ mười điều ác, tham lam bủn xỉn, ganh ghét đố kỵ, lừa dối trù trệ, chẳng tu mọi pháp lành, nhưng lại được thân thể an ổn không bệnh, mạng sống dài lâu, được nhiều tiền của, không gặp phải những lo âu sầu khổ. Vì thế nên biết rằng không hề có quả báo thiện, ác.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Ta từng nghe các bậc thánh nhân dạy: Có người tu thiện, khi mạng chung thì phần nhiều đọa vào ba đường ác. Có những kẻ làm ác, khi mạng chung lại sanh vào cõi người, cõi trời. Vì thế nên biết rằng không hề có quả báo thiện, ác.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Lời dạy của tất cả thánh nhân phân làm hai loại: Một là nói rằng kẻ sát

sanh được quả báo thiện; hai là nói rằng kẻ sát sanh chịu quả báo ác. Vì thế nên biết rằng lời dạy của bậc thánh là không nhất định. Nếu [lời dạy của] bậc thánh đã không nhất định, ta làm sao [tin tưởng] nhất định? Vì thế nên biết rằng không hề có quả báo thiện, ác.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Trong khắp thế gian không có bậc thánh nhân. Vì sao vậy? Nếu là thánh nhân ắt phải đạt được Chánh đạo. Tất cả chúng sanh đang khi có đủ phiền não, tu tập Chánh đạo, nên biết rằng những người ấy cùng lúc có cả Chánh đạo và phiền não. Nếu cùng lúc có cả hai, nên biết rằng Chánh đạo không thể phá trừ phiền não. Nếu không có phiền não mà tu Chánh đạo, thì Chánh đạo ấy có tác dụng gì? Như vậy, với người có đầy đủ phiền não thì Chánh đạo không thể phá trừ; với người không có phiền não thì Chánh đạo ắt là vô dụng. Vì thế nên biết rằng trong khắp thế gian không có bậc thánh nhân!’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Vô minh làm duyên cho hành, cho đến sanh làm duyên cho già, chết. Mười hai nhân duyên ấy, tất cả chúng sanh đều có đủ. Tánh của Tám Thánh đạo là bình đẳng, nên lẽ ra [tất cả chúng sanh cũng đều có đủ] như vậy; khi một người đạt được, lẽ ra tất cả mọi người cũng được; khi một người tu tập, lẽ ra tất cả mọi người đều diệt được khổ. Vì sao vậy? Vì phiền não là như nhau. Nhưng nay không được [như vậy], nên biết rằng không có Chánh đạo.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Thánh nhân đều có những pháp đồng với phàm phu, như là: ăn uống, đi đứng, nằm ngồi, ngủ nghỉ, vui cười, đói khát, lạnh nóng, lo sầu, sợ sệt... Nếu đồng với phàm phu những việc như



vậy thì nên biết rằng thánh nhân không đạt được Thánh đạo. Nếu đạt được Thánh đạo, lẽ ra phải vĩnh viễn dứt hẳn những việc như vậy. Những việc như vậy nếu không dứt trừ thì nên biết rằng không có Thánh đạo.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Thánh nhân có thân, hưởng thụ năm món dục lạc, lại cũng nhục mạ, đánh đập người khác, cũng ganh ghét đố kỵ, kiêu mạn, thọ nhận mọi sự khổ, vui, tạo tác các nghiệp thiện, ác. Vì nhân duyên ấy nên biết rằng không có thánh nhân. Nếu là người có đạo, lẽ ra phải mãi mãi dứt hẳn những việc ấy. Những việc ấy không dứt trừ nên biết rằng không có Thánh đạo.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Người giàu lòng thương xót thì gọi là thánh nhân. Do nhân duyên gì gọi là thánh nhân? Do nhân duyên là Thánh đạo nên gọi là thánh nhân. Nếu tánh của Thánh đạo là thương xót, lẽ ra phải thương xót, nhớ nghĩ đến tất cả chúng sanh, chẳng đợi tu tập rồi mới có được sự thương xót ấy. Nếu là không có lòng thương xót, vì sao thánh nhân do nơi việc đạt được Thánh đạo rồi mới có lòng thương xót? Vì thế nên biết rằng thế gian không có thánh nhân.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Tất cả bốn đại không do nhân mà sanh ra, chúng sanh đều có đủ như nhau. Tánh của bốn đại ấy không phân biệt chúng sanh, bên này nên tới, bên kia chẳng nên tới... Nếu có Thánh đạo, lẽ ra cũng phải có tánh [không phân biệt] như vậy; nhưng nay không phải thế, [vì có kẻ được người không,] vì thế nên biết rằng trong thế gian không có thánh nhân.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Nếu như các bậc thánh nhân chỉ có [chung] một Niết-bàn, nên biết như

vậy ắt là không có thánh nhân. Vì sao vậy? Vì [Niết-bàn ấy] không thể đạt được! Theo lý thì pháp thường trụ là không thể đạt được, không thể nắm bắt, không thể buông bỏ. Nếu các bậc thánh nhân có nhiều Niết-bàn thì đó là vô thường. Vì sao vậy? Vì là pháp có thể tính đếm. Nếu Niết-bàn là một thì khi một người đạt được, lẽ ra hết thấy mọi người đều đạt được. Nếu Niết-bàn là nhiều, ắt có ranh giới phân biệt. Nếu có ranh giới, làm sao gọi là thường? Nếu như nói rằng thể của Niết-bàn là một nhưng giải thoát là nhiều, cũng như đầu người là một nhưng răng, lưỡi là nhiều. Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Chỗ đạt được của mỗi người không phải chỗ đạt được của tất cả mọi người. Vì có ranh giới phân biệt nên lẽ ra là vô thường. Nếu là vô thường, sao có thể gọi là Niết-bàn? Nếu không có Niết-bàn thì ai là thánh nhân? Vì thế nên biết rằng không có thánh nhân.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Đạo của thánh nhân không phải do nhân duyên mà đạt được. Nếu đạo của thánh nhân không phải do nhân duyên đạt được, vì sao tất cả mọi người không làm thánh nhân? Nếu tất cả mọi người không phải thánh nhân, thì nên biết rằng không có thánh nhân cũng như Thánh đạo.’

“Hoặc [có người] lại suy xét rằng: ‘Thánh nhân dạy rằng sự thấy biết chân chánh có hai nhân duyên. Một là được nghe Chánh pháp từ người khác, hai là tự trong lòng mình suy xét [biết được]. Hai nhân duyên này nếu là do duyên [khác] sanh ra, thì duyên [khác] ấy cũng lại là do duyên khác nữa sanh ra. Cứ xoay vần tiếp nối mãi như thế, không bao giờ dứt. Nhưng nếu hai [nhân duyên thấy biết chân chánh] ấy không phải do duyên sanh, thì tại sao tất cả chúng sanh lại không [tự nhiên] đạt được sự thấy biết chân chánh?’



“Trong khi quán xét những điều như trên thì [người ta] có thể dứt mất căn lành.

“Thiện nam tử! Nếu chúng sanh nào thấy biết sâu xa những lý không nhân quả [theo cách] như vậy, thì người ấy có thể dứt mất năm căn lành như tín căn, [tinh tấn căn] v.v...<sup>(9)</sup>

“Thiện nam tử! Những kẻ dứt mất căn lành không phải là hạng người hèn hạ thấp kém, ngu độn; cũng không phải hàng chư thiên cõi trời hay những chúng sanh trong ba đường ác. Những kẻ phá hoại Tăng đoàn cũng vậy.”

Bồ Tát Ca-diếp thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Những người như vậy, đến khi nào sẽ có thể sanh trở lại căn lành?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Những người ấy có hai thời điểm [có thể] sanh trở lại căn lành, một là khi vừa mới vào địa ngục, hai là khi ra khỏi địa ngục.

“Thiện nam tử! Pháp lành có ba loại: quá khứ, hiện tại và vị lai. Nếu là quá khứ thì tánh tự diệt mất; [nguyên] nhân tuy diệt mất nhưng quả báo chưa chín muồi, vì thế nên không gọi là dứt mất quả của quá khứ. [Chỉ người] dứt hết cả nhân [lành] trong quá khứ, hiện tại và vị lai mới gọi là dứt mất [căn lành].”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu dứt hết cả nhân [lành] trong ba đời gọi là dứt mất căn lành, thì người dứt căn lành tức nhiên có tánh Phật. Tánh Phật như vậy là quá khứ, là hiện tại, là vị lai, hay là khắp trong ba đời?

“Nếu [tánh Phật] là quá khứ, làm sao gọi là thường? Tánh Phật là thường, nên biết là không phải quá khứ.

“Nếu [tánh Phật] là vị lai, làm sao gọi là thường? Vì sao Phật nói rằng tất cả chúng sanh nhất định sẽ đạt được [tánh Phật]? Nếu nhất định sẽ đạt được, sao lại nói là [có thể] dứt mất?

“Nếu [tánh Phật] là hiện tại, làm sao lại gọi là thường? Vì sao Phật nói rằng nhất định có thể thấy được?

“Như Lai cũng dạy rằng tánh Phật có sáu đức: thường tồn, chân chánh, đúng thật, hiền thiện, thanh tịnh và có thể thấy. Nếu những kẻ dứt mất căn lành mà có tánh Phật, ắt không thể gọi là dứt mất căn lành. Còn nếu họ không có tánh Phật, vì sao nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật? Nếu nói rằng tánh Phật lại khi có khi mất thì tại sao Như Lai nói rằng [tánh Phật là] thường?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn vì chúng sanh nên dùng đến bốn phương thức trả lời. Một là trả lời bằng cách xác định chắc chắn, [gọi là định đáp]; hai là trả lời bằng cách phân biệt giải thích, [gọi là phân biệt đáp]; ba là trả lời [thích hợp] tùy theo câu hỏi, [gọi là tùy vấn đáp]; bốn là trả lời bằng cách phớt lờ, xem như không nghe, [gọi là trí đáp].<sup>(10)</sup>

“Thiện nam tử! Thế nào là trả lời bằng cách xác định chắc chắn? Như hỏi rằng: ‘Tạo nghiệp ác sẽ được quả thiện hay quả bất thiện?’ Như vậy nên đáp một cách chắc chắn rằng: ‘Sẽ phải chịu quả bất thiện.’ Đối với việc tạo nghiệp lành cũng [nên trả lời chắc chắn] như vậy: ‘Sẽ được quả báo tốt lành.’

“Như hỏi rằng: ‘Như Lai có phải là bậc Nhất thiết trí [rõ biết tất cả] hay chẳng? Như vậy nên đáp một cách chắc chắn rằng: ‘Đúng là bậc Nhất thiết trí.’ Như hỏi rằng: ‘Phật pháp có thanh tịnh chẳng?’ Như vậy

nên đáp một cách chắc chắn rằng: “Nhất định là thanh tịnh.” Như hỏi rằng: ‘Đệ tử của Như Lai có làm theo đúng pháp chăng?’ Như vậy nên đáp một cách chắc chắn rằng: ‘Có làm theo đúng pháp.’

“Như thế gọi là trả lời bằng cách xác định chắc chắn.

“Thế nào là trả lời bằng cách phân biệt giải thích? Như ta có giảng về giáo pháp Bốn chân đế. Thế nào là bốn? Đó là khổ, tập, diệt, đạo. Thế nào là Khổ đế? Vì có tám nỗi khổ<sup>(11)</sup> nên gọi là Khổ đế. Thế nào là Tập đế? Vì năm ấm là nhân [hợp lại] nên gọi là Tập đế. Thế nào là Diệt đế? Vì tham, sân, si đều dứt hết nên gọi là Diệt đế. Thế nào là Đạo đế? Vì có Ba mươi bảy pháp trợ đạo nên gọi là Đạo đế...

“Như thế gọi là trả lời bằng cách phân biệt giải thích.

“Thế nào là trả lời [thích hợp] tùy theo câu hỏi? Như ta có dạy rằng: ‘Tất cả các pháp đều vô thường.’ Lại có người hỏi: ‘Như Lai Thế Tôn vì những pháp gì mà nói lý vô thường?’ Liên đáp rằng: ‘Vì pháp hữu vi nên Như Lai nói lý vô thường.’ Đối với lý vô ngã cũng thế.

“Như Phật có dạy: ‘Tất cả các pháp [thế gian] đều như lửa dữ thiêu đốt.’ Kẻ khác lại hỏi: ‘Như Lai Thế Tôn vì những pháp gì mà nói rằng tất cả các pháp [thế gian] như lửa dữ thiêu đốt?’ Liên đáp rằng: ‘Vì tham, sân, si nên Như Lai nói rằng tất cả pháp [thế gian] đều như lửa dữ thiêu đốt.’

“Như thế gọi là trả lời [thích hợp] tùy theo câu hỏi.

“Thiện nam tử! Như Lai có đủ các pháp như Mười lục, Bốn vô sở úy, Đại từ, Đại bi, Ba niệm xứ, tám vạn ức các môn tam-muội như [tam-muội] Thủ-lăng-nghiêm, Ba mươi hai tướng tốt, Tám mươi vẻ đẹp, ba mươi lăm ngàn

các môn tam-muội như tam-muội Ngũ trí ấn, bốn ngàn hai trăm các môn tam-muội như tam-muội Kim cang, tam-muội Phương tiện... Vô lượng vô biên các pháp như vậy đều là tánh Phật của Phật. Tánh Phật ấy có bảy đức: thường, ngã, lạc, tịnh, chân, thật và thiện. Như thế gọi là trả lời bằng cách phân biệt giải thích.

“Thiện nam tử! Tánh Phật của vị Bồ Tát thọ thân sau cùng<sup>(12)</sup> có sáu đức: thường, tịnh, chân, thật, thiện, thấy được phần nhỏ. Như thế gọi là trả lời bằng cách phân biệt giải thích.

“Theo như câu hỏi của ông trước đây: ‘Những kẻ dứt mất căn lành có tánh Phật hay không? Những kẻ ấy cũng có tánh Phật của Như Lai, cũng có tánh Phật của [Bồ Tát] thọ thân sau cùng. Vì hai tánh Phật ấy bị che lấp ở đời vị lai nên gọi là không; vì rốt cùng rồi sẽ đạt được tánh Phật nên gọi là có. Như thế gọi là trả lời bằng cách phân biệt giải thích.

“Tánh Phật của Như Lai không thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai. Tánh Phật của vị Bồ Tát thọ thân sau cùng là thuộc về hiện tại và vị lai. Vì thấy được một phần nhỏ tánh Phật nên gọi là hiện tại; vì chưa thấy được trọn vẹn nên gọi là vị lai. Nhân tánh Phật của Như Lai khi chưa chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai; nhưng quả thì không như vậy, có thuộc về ba đời, cũng có không thuộc về ba đời. Nhân tánh Phật của vị Bồ Tát thọ thân sau cùng cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai; và quả cũng giống như vậy. Như thế gọi là trả lời bằng cách phân biệt giải thích.

“Với hàng Bồ Tát trụ ở địa vị thứ chín, tánh Phật có sáu đức: thường, thiện, chân, thật, thanh tịnh, có thể thấy. Nhân tánh Phật của vị này cũng thuộc về quá

khứ, hiện tại, vị lai; và quả cũng giống như vậy. Như thế gọi là trả lời bằng cách phân biệt giải thích.

“Từ hàng Bồ Tát trụ ở địa vị thứ tám xuống đến hàng trụ ở địa vị thứ sáu, tánh Phật có năm đức: chân, thật, tịnh, thiện, có thể thấy. Nhân tánh Phật của các vị này cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai; và quả cũng giống như vậy. Như thế gọi là trả lời bằng cách phân biệt giải thích.

“Từ hàng Bồ Tát trụ ở địa vị thứ năm xuống đến hàng sơ trụ, tánh Phật có năm đức: một là chân, hai là thật, ba là tịnh, bốn là có thể thấy, năm là thiện và bất thiện.

“Thiện nam tử! Tánh Phật có năm đức, sáu đức, hoặc bảy đức ấy, những kẻ dứt mất căn lành cuối cùng rồi cũng sẽ đạt được, vì vậy nên có thể nói rằng họ có tánh Phật. Như thế gọi là trả lời bằng cách phân biệt giải thích.

“Như có người nói rằng: ‘Kẻ dứt mất căn lành nhất định là có tánh Phật’, hoặc nói rằng: ‘Nhất định là không có tánh Phật.’ Đó là [trường hợp cần phải] trả lời bằng cách phớt lờ, xem như không nghe.”

Bồ Tát Ca-diếp thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Con nghe nói rằng: Không đưa ra câu trả lời mới gọi là trả lời bằng cách phớt lờ. Nay vì nhân duyên gì Như Lai thật có trả lời mà gọi là phớt lờ?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta cũng không nói rằng gạt sang một bên không trả lời mới gọi là trả lời bằng cách phớt lờ. Thiện nam tử! Trả lời bằng cách phớt lờ có hai ý nghĩa: Một là ngăn chặn [vấn đề, không cho phát triển thêm]; hai là không vướng mắc [vào vấn đề ấy]. Do những nghĩa đó nên mới gọi là trả lời bằng cách phớt lờ.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Theo lời Phật dạy thì thế nào là nhân cũng thuộc về quá khứ,

hiện tại, vị lai; quả cũng thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai; lại cũng không thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Năm ấm có hai loại, một là nhân, hai là quả. Nhân của năm ấm này là thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai; quả của năm ấm này cũng thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai; mà cũng không thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai.

“Thiện nam tử! Hết thấy vô minh, phiền não trói buộc... đều là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì là nhân của tánh Phật. Do nơi vô minh, hành... và các phiền não mà được năm ấm hiền thiện, gọi là tánh Phật. Do nơi năm ấm hiền thiện [mà tu tiến] cho đến đạt được quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Cho nên trước đây, trong kinh ta có dạy rằng: ‘Tánh Phật của chúng sanh như máu lẫn với sữa.’ Máu, đó là vô minh, hành... tất cả phiền não. Sữa, đó là năm ấm hiền thiện. Cho nên ta dạy rằng: ‘Do nơi phiền não và năm ấm hiền thiện mà đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’ Như thân của chúng sanh đều do nơi tinh huyết mà thành. Tánh Phật cũng vậy. Hàng Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm dứt trừ được một ít phiền não, tánh Phật [nơi họ] ví như sữa tươi. Tánh Phật ở hàng A-na-hàm ví như kem sữa. Tánh Phật ở các vị A-la-hán ví như bơ sống. Từ các vị Phật Bích-chi lên đến Bồ Tát trụ ở địa vị thứ mười, tánh Phật ví như bơ chín. Tánh Phật ở Như Lai ví như đề-hồ.

“Thiện nam tử! Vì phiền não hiện tại làm chướng ngại nên chúng sanh không thấy được tánh Phật. Ví như ở Hương sơn có loài cỏ nhẩn nhục nhưng không phải tất cả bò đều được ăn cỏ ấy. Tánh Phật cũng vậy.

“Như thế gọi là trả lời bằng cách phân biệt giải thích.”



Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Tánh Phật có năm đức, sáu đức, bảy đức, nếu đến đời vị lai mới có, vì sao nói rằng những kẻ dứt mất căn lành có tánh Phật?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như các chúng sanh đều có nghiệp quá khứ. Do nghiệp ấy làm nhân nên trong hiện tại phải chịu quả báo; lại có nghiệp vị lai, nhưng vì nghiệp ấy chưa sanh nên chưa có quả báo; lại có phiền não trong hiện tại, nếu không có phiền não ấy thì lẽ ra tất cả chúng sanh đều thấy rõ được tánh Phật ngay trước mắt. Vì thế, những kẻ dứt mất căn lành là do nhân duyên phiền não trong đời hiện tại khiến cho dứt mất căn lành. Nhờ sức của tánh Phật trong đời vị lai làm nhân duyên nên căn lành [có thể] được sanh trở lại.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Làm thế nào mà [những kẻ đã dứt mất căn lành] trong đời vị lai có thể sanh lại căn lành?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ví như ngọn đèn và mặt trời tuy chưa xuất hiện nhưng tính chất của chúng vẫn là có thể phá trừ sự tối tăm. Tự tánh trong tương lai có thể sanh ra tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy.

“Như thế gọi là trả lời bằng cách phân biệt giải thích.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu nói rằng năm ấm là tánh Phật, vì sao lại dạy rằng tánh Phật của chúng sanh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Do nhân duyên gì mà ông lại có sự sơ ý đến thế? Trước đây ta chẳng đã nói rằng tánh Phật của chúng sanh là trung đạo đó sao?”

Bồ Tát Ca-diếp thưa: “Bạch Thế Tôn! Con thật không

phải sơ ý, chỉ vì những chúng sanh đối với nghĩa trung đạo không hiểu nổi nên con mới phải thưa hỏi lại.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Chỗ mà chúng sanh không hiểu đó tức là trung đạo. Hoặc có lúc có người hiểu được, có người không hiểu được.

“Thiện nam tử! Ta vì những chúng sanh có thể hiểu được nên nói rằng tánh Phật chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Vì sao vậy? Những chúng sanh phạm phu, hoặc nói rằng tánh Phật ở trong năm ấm, như trong cái bát có đựng trái cây; hoặc nói rằng [tánh Phật] lìa khỏi năm ấm, như hư không. Do đó Như Lai thuyết dạy lý trung đạo: Tánh Phật của chúng sanh không ở trong sáu nhập, không ở ngoài sáu nhập; trong ngoài hợp nhau nên gọi là trung đạo. Vì thế Như Lai dạy rằng: ‘Tánh Phật tức là trung đạo.’ Chẳng phải trong, chẳng phải ngoài nên gọi là trung đạo.

“Như thế gọi là trả lời bằng cách phân biệt giải thích.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào gọi là chẳng phải trong, chẳng phải ngoài?”

“Thiện nam tử! Có người nói: ‘Tánh Phật tức là ngoại đạo. Vì sao vậy? Vì Bồ Tát ma-ha-tát trải qua vô lượng kiếp ở trong ngoại đạo, dứt trừ các phiền não, điều phục tự tâm, giáo hóa chúng sanh, sau đó mới đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì vậy, tánh Phật tức là ngoại đạo.’

“Hoặc có người nói: ‘Tánh Phật tức là ở trong Chánh đạo. Vì sao vậy? Vì Bồ Tát tuy trải qua vô lượng kiếp tu tập ngoại đạo, nhưng nếu lìa ngoài Chánh đạo ắt không thể đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì vậy, tánh Phật tức là ở trong Chánh đạo.’



“Do đó, Như Lai vì ngăn chặn cả hai ý kiến sai lệch như thế mà nói rằng: ‘Tánh Phật chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng là trong, ngoài; đó gọi là trung đạo.’

“Như thế gọi là trả lời bằng cách phân biệt giải thích.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có người nói: ‘Tánh Phật tức là thân kim cang của Như Lai, có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vì sao vậy? Vì [thân Phật] không hư dối.’

“Hoặc có người nói: ‘Tánh Phật tức là Mười sức, Bốn vô sở úy, Đại từ, Đại bi, Ba niệm xứ, Thủ-lăng-nghiêm và tất cả tam-muội... Vì sao vậy? Vì nhân nơi các tam-muội ấy sanh ra thân [Phật] kim cang, có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.’

“Do đó, Như Lai vì ngăn chặn cả hai ý kiến sai lệch như thế mà nói rằng: ‘Tánh Phật chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng là trong, ngoài; đó gọi là trung đạo.’

“Như thế gọi là trả lời bằng cách phân biệt giải thích.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có người nói: ‘Tánh Phật là sự suy xét khéo léo trong lòng. Vì sao vậy? Vì nếu lìa khỏi sự suy xét khéo léo thì Bồ Tát không thể đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì thế, tánh Phật là sự suy xét khéo léo trong lòng.’

“Hoặc có người nói: ‘Tánh Phật là được nghe pháp từ người khác. Vì sao vậy? Vì được nghe pháp từ người khác ắt có thể suy xét khéo léo trong lòng. Nếu không được nghe pháp ắt không thể suy xét. Vì thế, tánh Phật là được nghe pháp từ người khác.’

“Do đó, Như Lai vì ngăn chặn cả hai ý kiến sai lệch như thế mà nói rằng: ‘Tánh Phật chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng là trong, ngoài; đó gọi là trung đạo.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Có người nói: ‘Tánh Phật là bên ngoài, ấy là Bồ thí Ba-la-mật. Nhờ pháp Bồ thí Ba-la-mật mà đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Cho nên nói rằng: Bồ thí Ba-la-mật tức là tánh Phật.’

“Hoặc có người nói: ‘Tánh Phật là bên trong, ấy là năm pháp Ba-la-mật còn lại.<sup>(13)</sup> Vì sao vậy? Vì lìa khỏi năm pháp này không có nhân và quả của tánh Phật. Vì thế nên nói rằng: Năm pháp Ba-la-mật này tức là tánh Phật.’

“Do đó, Như Lai vì ngăn chặn cả hai ý kiến sai lệch như thế mà nói rằng: ‘Tánh Phật chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng là trong, ngoài; đó gọi là trung đạo.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Có người nói: ‘Tánh Phật ở bên trong, như hạt bảo châu ẩn nơi trán của người lực sĩ. Vì sao vậy? Vì thường, lạc, ngã, tịnh [của tánh Phật] giống như bảo châu. Vì thế nên nói rằng: Tánh Phật ở bên trong.’

“Hoặc có người nói: ‘Tánh Phật ở bên ngoài, như kho báu của người đàn bà nghèo. Vì sao vậy? Vì nhờ có phương tiện mới thấy được [kho báu ấy]. Tánh Phật cũng như thế, ở bên ngoài chúng sanh, nhờ dùng phương tiện mới có thể thấy được.’

“Do đó, Như Lai vì ngăn chặn cả hai ý kiến sai lệch như thế mà nói rằng: ‘Tánh Phật chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng là trong, ngoài; đó gọi là trung đạo.’

“Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh chẳng phải có, chẳng phải không. Vì sao vậy? Tánh Phật tuy là có, nhưng chẳng phải như hư không. Vì sao vậy? Vì hư không ở thế gian, dù có dùng đến vô lượng phương tiện khéo léo cũng không nhìn thấy được; còn tánh Phật là có thể thấy.

“Vì thế, tuy tánh Phật là có nhưng chẳng phải như hư không. Tánh Phật tuy là không, nhưng chẳng giống như sừng thỏ. Vì những thứ như lông rùa, sừng thỏ, dù có vô lượng phương tiện khéo léo cũng chẳng sanh ra được. Tánh Phật thì có thể sanh ra, nên tuy là không nhưng chẳng giống với [lông rùa,] sừng thỏ.

“Cho nên, tánh Phật là chẳng phải có, chẳng phải không, lại cũng có, cũng không.

“Sao gọi là có? Vì tất cả chúng sanh đều có. [Tánh Phật nơi] các chúng sanh đều không đứt đoạn, không diệt mất; như ngọn đèn cháy mãi cho tới khi đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì thế nên gọi là có.

“Sao gọi là không? Vì tất cả chúng sanh hiện tại chưa có tất cả những đức thường, lạc, ngã, tịnh của pháp Phật. Vì thế nên gọi là không.

“Có và không hợp với nhau tức là trung đạo. Cho nên Phật dạy rằng: ‘Tánh Phật của chúng sanh chẳng phải có, chẳng phải không.’

“Thiện nam tử! Như có người hỏi: ‘Trong hạt giống có quả hay không có quả?’ Nên đáp một cách chắc chắn rằng: Cũng có, cũng không. Vì sao vậy? Vì nếu là ngoài hạt giống thì không thể có quả nên gọi là có; vì hạt giống thật chưa nảy mầm nên gọi là không. Vì nghĩa ấy nên nói rằng: Cũng có, cũng không.’

“Vì sao nói như vậy? Vì cho dù hoàn cảnh có khác nhưng thể chất của hạt giống vẫn là một. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy. Nếu nói: ‘Trong chúng sanh riêng có những người có tánh Phật.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Vì chúng sanh tức là tánh Phật; tánh Phật tức là chúng sanh. Chỉ là hoàn cảnh, thời điểm khác nhau nên có tịnh và bất tịnh.

“Thiện nam tử! Như có người hỏi: ‘Hạt giống có thể sanh quả chăng? Quả có thể sanh hạt giống chăng?’ Nên đáp một cách chắc chắn rằng: ‘Cũng sanh, cũng không sanh.’”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Như người đời nói rằng: ‘Trong sữa có kem sữa.’ Nghĩa ấy là thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu nói rằng trong sữa có kem sữa, đó gọi là vướng chấp; nếu nói rằng không có kem sữa thì đó là hư dối. Lià khỏi hai việc ấy, nên nói chắc chắn rằng: ‘Cũng có, cũng không.’

“Vì sao gọi là có? Vì từ nơi sữa sanh ra kem sữa; sữa là nhân, kem sữa là quả, cho nên gọi là có.

“Vì sao gọi là không? Vì hình sắc và mùi vị của hai thứ khác nhau, công dụng cũng không giống nhau. Bệnh nhiệt dùng sữa, bệnh hàn dùng kem sữa; sữa gây bệnh hàn, kem sữa gây bệnh nhiệt.

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng: ‘Trong sữa sẵn có tánh kem sữa. Sữa tức là kem, kem tức là sữa.’ Vậy tánh ấy vẫn là một, do nhân duyên gì mà sữa xuất hiện trước, còn kem chẳng sanh ra trước? Nếu có nhân duyên, vì sao tất cả người đời lại không nói được? Nếu không có nhân duyên, vì sao kem sữa không xuất hiện trước? Nếu kem sữa không xuất hiện trước, vậy ai đã tạo ra thứ tự [xuất hiện]: sữa, kem sữa, bơ sống, bơ chín, đề-hồ? Vậy nên biết rằng kem sữa vốn trước là không, sau mới có. Nếu là trước không sau có thì là pháp vô thường.

“Thiện nam tử! Nếu có kẻ nói: ‘Sữa có tánh kem sữa nên có thể sanh ra kem sữa; như nước không có tánh kem sữa nên không thể sanh ra kem sữa.’ Nghĩa ấy

cũng chẳng đúng. Vì sao vậy? Vì nước và cỏ đều có tánh của sữa, kem sữa. Vì sao? Vì nước và cỏ là nhân sanh ra sữa và kem sữa. Nếu nói rằng: ‘Trong sữa nhất định có tánh của kem sữa; trong nước và cỏ không có tánh của kem sữa.’ Đó là lời nói hư dối. Vì sao vậy? Vì tâm [phán xét] không bình đẳng nên gọi là hư dối.

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng: ‘Trong sữa nhất định có tánh của kem, trong kem nhất định có tánh của sữa.’ Vậy do nhân duyên gì mà sữa tạo thành kem nhưng kem không tạo thành sữa? Nếu không có nhân duyên thì nên biết rằng kem sữa ấy vốn trước là không mà sau mới có. Vì thế, người có trí nên nói rằng: ‘Trong sữa chẳng phải có tánh kem, cũng chẳng phải không có tánh kem.’

“Thiện nam tử! Cho nên trong kinh này Như Lai có dạy rằng: ‘Nếu nói tất cả chúng sanh nhất định đều có tánh Phật, đó là vương chấp; nếu nói rằng không có tánh Phật, đó là hư dối.’ Người có trí nên nói rằng: ‘Tánh Phật của chúng sanh cũng là có, cũng là không.’

“Thiện nam tử! Có bốn điều hợp lại sanh ra nhãn thức. Những gì là bốn? Một là con mắt, hai hình sắc, ba là ánh sáng, bốn là ý muốn [thấy]. Nhưng tánh của nhãn thức ấy không phải mắt, không phải hình sắc, không phải ánh sáng, cũng không phải ý muốn [thấy]. Do có sự hợp lại nên mới có nhãn thức. Nhãn thức ấy vốn trước là không, sau mới có; có rồi lại trở thành không. Vậy nên biết rằng không sẵn có tánh. Tánh kem trong sữa cũng là giống như vậy.

“Nếu nói rằng: ‘Vì trong nước không có tánh kem nên không sanh ra kem; vì thế nên trong sữa nhất định là có tánh kem.’ Nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao vậy?

Thiện nam tử! Tất cả các pháp, nhân khác thì quả khác; cũng không phải một nhân sanh tất cả quả, không phải tất cả quả đều do một nhân sanh ra.

“Thiện nam tử! Cũng như do nơi bốn điều kiện [hợp lại] sanh ra nhãn thức, nhưng lại không thể nói rằng do nơi bốn điều kiện ấy sanh ra nhãn thức.

“Thiện nam tử! Nếu không có các phương tiện [thích hợp] thì sữa không thể thành kem sữa, kem sữa không thể thành bơ... Cần phải có các phương tiện. Thiện nam tử! Người có trí không thể nhận thức rằng không có các phương tiện mà sữa có thể thành kem sữa. Về việc sanh ra bơ sống cũng vậy, không thể lia bỏ phương tiện mà có.

“Thiện nam tử! Cho nên trong kinh này ta nói rằng: ‘Do nhân sanh nên pháp có; do nhân diệt nên pháp không.’

“Thiện nam tử! Như muối có tánh mặn, có thể làm cho những vật không mặn trở nên mặn. Nếu những vật không mặn trước đã sẵn có tánh mặn, sao người đời chẳng gọi những vật ấy là muối? Nếu không có tánh mặn, thì nên biết rằng trước vốn không, sau mới có; vì có duyên bên ngoài nên mới thành mặn.

“Nếu nói rằng: ‘Tất cả những vật không mặn đều có tánh mặn, nhưng vì quá vi tế nên không biết được. Do tánh [mặn] vi tế ấy nên muối mới có thể làm cho vật trở nên mặn. Nếu vật không có tánh mặn, dù cho có muối cũng không thể làm cho thành mặn. Ví như hạt giống tự có bốn đại, lại nhờ bốn đại là duyên bên ngoài nên có thể tăng trưởng từ mầm mống thành thân, cành, lá cây... Tánh của muối cũng như thế.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nếu vật không mặn vốn sẵn có tánh



mặn, thì muối lã ra cũng sẵn có tánh vi tế không mặn. Nếu muối có hai tánh như vậy, vì nhân duyên gì mà ngoài những vật không mặn ra, không dùng riêng [chất muối]? Vì thế nên biết rằng muối vốn không có hai tánh. Cũng giống như muối, tất cả những vật không mặn đều không có hai tánh [mặn và không mặn].

“Nếu nói rằng: ‘Sức của bốn đại bên ngoài có thể làm tăng trưởng bốn đại bên trong.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Vì [nói như vậy chỉ] là theo thứ tự, không do nơi phương tiện. Do nơi sữa mà được kem sữa, bơ sống... cho đến tất cả các pháp cũng đều như vậy, không phải do nơi phương tiện mà được, [nghĩa ấy thật không đúng]. Bốn đại cũng giống như vậy.

“Nếu nói: ‘Do nơi bốn đại bên ngoài làm tăng trưởng bốn đại bên trong, không thấy việc do nơi bốn đại bên trong làm tăng trưởng bốn đại bên ngoài.’ Vậy [vì sao] trái thi-ly-sa<sup>(14)</sup> trước không có hình thể tính chất gì, nhưng khi sao Mão hiện thì trái ấy sanh ra, dài đến năm tấc. Như loại trái này thật không nhân nơi bốn đại bên ngoài mà tăng trưởng.

“Thiện nam tử! Như ta có nói: ‘Mười hai bộ kinh, [có khi] ta tự ý thuyết giảng, hoặc [có khi] tùy theo ý chúng sanh mà thuyết giảng, hoặc [cũng có khi] vừa là tự ý ta và cũng tùy theo ý chúng sanh mà thuyết giảng.’

“Sao gọi là ta tự ý thuyết? Như có năm trăm vị tỳ-kheo hỏi Xá-lợi-phất rằng: ‘Đại đức! Phật nói nhân sanh ra thân này là gì?’ Xá-lợi-phất đáp: ‘Các vị đại đức! Các vị mỗi người đều đạt được sự giải thoát chân chánh, lẽ ra phải tự biết việc ấy. Vì duyên cớ gì mà hỏi như vậy?’ Có một tỳ-kheo nói: ‘Đại đức! Khi tôi chưa đạt được giải

thoát chân chánh, ý tôi cho rằng vô minh là nhân sanh ra thân này. Trong khi quán xét như vậy thì tôi chứng đắc quả A-la-hán.’ Lại có người nói: ‘Đại đức! Khi tôi chưa đạt được giải thoát chân chánh, ý tôi cho rằng thọ và vô minh là nhân sanh ra thân này. Trong khi quán xét như vậy thì tôi chứng đắc quả A-la-hán.’ Cũng có người nói rằng: ‘Hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, ẩm thực, ngọa cụ... là nhân sanh ra thân này.’

“Bấy giờ, trong năm trăm tỳ-kheo, mỗi người tự nói chỗ hiểu của mình rồi, cùng nhau đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Phật, rồi đi quanh ba vòng về bên phải. Lễ bái xong liền ngồi xuống một bên theo thứ tự. Ai nấy đều đem chỗ hiểu của mình như trên mà trình lên Phật.

“Xá-lợi-phất bạch Phật: ‘Thế Tôn! Trong những vị này, ai nói đúng, ai nói không đúng?’

“Phật bảo Xá-lợi-phất: ‘Lành thay, lành thay! Trong các tỳ-kheo này, không ai nói sai cả.’

“Xá-lợi-phất thưa hỏi: ‘Thế Tôn! Ý Phật là thế nào?’

“Phật dạy: ‘Xá-lợi-phất! Ta vì chúng sanh Dục giới nên mới nói rằng: Cha mẹ là nhân sanh ra thân này.’

“Những [trường hợp nói] kinh như vậy gọi là do ta tự ý thuyết giảng.

“Sao gọi là tùy theo ý chúng sanh mà thuyết giảng? Như có lần trưởng giả Bả-trá-la đến chỗ ta nói rằng: ‘Cồ-đàm! Ông có biết sự huyền hóa chăng? Nếu ông biết huyền thì ông là kẻ đại huyền; nếu ông không biết huyền thì không phải bậc Nhất thiết trí.’



“Ta liền hỏi: ‘Trưởng giả! Người biết được sự huyền hóa có phải là kẻ huyền hóa chăng?’

“Trưởng giả nói: ‘Đúng vậy, đúng vậy! Người biết sự huyền hóa tức là kẻ huyền hóa.’

“Ta liền hỏi: ‘Trưởng giả! Trong thành Xá-vệ của vua Ba-tư-nặc có một người chiên-đà-la tên là Khí Hư, ông có biết [người ấy] chăng?’

“Trưởng giả đáp: ‘Cồ-đàm! Tôi đã biết người ấy từ lâu.’

“Ta liền nói: ‘Ông biết [người chiên-đà-la ấy] đã lâu, vậy ông có phải là chiên-đà-la chăng?’

“Trưởng giả đáp: ‘Cồ-đàm! Tuy tôi có biết người chiên-đà-la, nhưng chính thân tôi đây không phải chiên-đà-la.’

“Phật dạy: ‘Vậy ông đã hiểu được rằng: [Người] biết chiên-đà-la không phải là chiên-đà-la. Nay vì sao ta lại không thể biết được sự huyền hóa nhưng không phải kẻ huyền hóa?’

“Trưởng giả! Ta quả thật rõ biết sự huyền hóa, rõ biết kẻ huyền hóa, biết quả báo của huyền hóa, biết phương thức kỹ xảo của huyền thuật. Ta biết sự giết hại, biết kẻ giết hại, biết quả báo của việc giết hại, biết [cách] giải thoát khỏi sự giết hại; cho đến biết cả những quan điểm sai lầm tà vạy, biết những người có quan điểm sai lầm tà vạy, biết quả báo của những quan điểm sai lầm tà vạy, biết [cách] giải thoát khỏi những quan điểm sai lầm tà vạy. Trưởng giả! Nếu người không phải huyền mà gọi là huyền, người không có tà kiến mà gọi là tà kiến, ắt phải mang tội rất lớn.’

“Trưởng giả bạch rằng: ‘Cồ-đàm! Theo như ngài nói thì tôi đã mắc tội rất lớn, tài sản sở hữu của tôi ắt phải

nộp cả lên quan trên. Mong sao ngài [giấu đi] đừng cho vua Ba-tư-nặc biết việc [thưa hỏi] này.’

“Phật dạy: ‘Trưởng giả! Nhân duyên tội này không phải mất hết tài sản, nhưng do tội này sẽ phải đọa vào ba đường ác.’

“Bấy giờ, trưởng giả vừa nghe nói đến ba đường ác thì kinh khiếp hoảng sợ, liền bạch Phật rằng: ‘Thánh nhân! Nay con vô ý mắc vào tội lớn, ngài là bậc Nhất thiết trí, ắt phải biết rõ cách để giải thoát. [Xin dạy cho biết] con phải làm sao mới thoát khỏi được những cảnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh?’

“Lúc đó, ta vì trưởng giả ấy mà thuyết dạy Bốn chân đế. Nghe rồi, trưởng giả chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, sanh lòng hổ thẹn, hướng Phật sám hối: ‘Con vốn thật ngu si, Phật chẳng phải kẻ huyền hóa mà con gọi là huyền. Từ nay con xin quy y Tam bảo.’ Phật dạy: ‘Lành thay! Lành thay đó, trưởng giả!’

“Như thế gọi là tùy theo ý chúng sanh mà thuyết.

“Sao gọi là vừa tự ý ta và cũng tùy theo ý chúng sanh mà thuyết?

“Như Phật có dạy: ‘Tất cả những người có trí ở thế gian nói có, ta cũng nói có; người trí nói không, ta cũng nói không. Người trí ở thế gian nói: Trong năm món dục lạc có vô thường, khổ, vô ngã, nên dứt trừ đi; ta cũng nói là có, giống như họ. Người trí ở thế gian nói: Trong năm món dục lạc không thể có thường, lạc, ngã, tịnh; ta cũng nói là không, giống như họ.’

“Đó gọi là vừa tự ý ta và cũng tùy theo ý chúng sanh mà thuyết.

“Thiện nam tử! Như Phật có dạy: ‘Hàng Bồ Tát trụ ở địa vị thứ mười thấy được đôi chút tánh Phật.’ Đó gọi là tùy theo ý chúng sanh mà thuyết. Thế nào gọi là thấy được đôi chút? Bồ Tát trụ ở địa vị thứ mười đạt được các pháp tam-muội như Thủ-lăng-nghiêm..., ba ngàn pháp môn, cho nên tự mình rõ biết chắc chắn sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nhưng lại không thấy được rằng tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì thế nên ta nói rằng: ‘Bồ Tát trụ ở địa vị thứ mười thấy được đôi chút tánh Phật.’

“Thiện nam tử! Ta thường giảng nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’ Đó gọi là do ta tự ý thuyết.

“[Hoặc ta có nói: ‘Phật tánh của] tất cả chúng sanh không dứt đoạn, không diệt mất, cho đến khi đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’ Đó gọi là do ta tự ý thuyết.

“[Hoặc ta có nói:] ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, vì phiền não che lấp nên không thể thấy.’ Ta nói như vậy, ông cũng nói như vậy. Đó gọi là vừa tự ý ta và cũng tùy theo ý chúng sanh mà thuyết.

“Thiện nam tử! Có khi vì một pháp, Như Lai thuyết vô lượng pháp. Như trong kinh có nói: ‘[Sự gần gũi] bậc thiện tri thức là nhân của tất cả Phạm hạnh.’ Tất cả Phạm hạnh tuy có vô số nhân, nhưng [chỉ] nói đến [sự gần gũi] bậc thiện tri thức là bao gồm tất cả.

“Hoặc như ta có dạy: ‘Tà kiến là nhân của tất cả các hạnh xấu ác.’ Tuy tất cả các hạnh xấu ác có vô số nguyên nhân, nhưng [chỉ] nói đến tà kiến là bao gồm được tất cả.

“Hoặc ta có dạy: ‘Lòng tin là nhân của A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’ Nhân của Bồ-đề tuy là vô số, nhưng [chỉ] nói đến lòng tin là bao gồm được tất cả.

“Thiện nam tử! Tuy Như Lai giảng nói vô lượng các pháp, gọi đó là tánh Phật, nhưng không hề lìa khỏi ảm, nhập, giới.

“Thiện nam tử! Đức Như Lai thuyết pháp, vì chúng sanh nên dùng đến bảy cách nói: một là nói dựa vào nguyên nhân, hai là nói dựa vào kết quả, ba là nói dựa vào cả nguyên nhân và kết quả, bốn là nói dẫn dụ, năm là nói những điều không thật có [nhưng] ứng hợp, sáu là nói những điều dùng rộng rãi trong thế tục, bảy là theo đúng ý mà nói.

“Thế nào gọi là nói dựa vào nguyên nhân? Đối với nhân hiện tại, nói quả trong tương lai. Như ta có dạy: ‘Thiện nam tử! Khi thấy chúng sanh ưa giết hại... cho tới ưa làm việc tà kiến,<sup>(15)</sup> nên thấy rằng đó là những chúng sanh địa ngục. Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh không ưa giết hại... cho tới không ưa tà kiến, nên thấy rằng đó là chư thiên cõi trời.’ Đó gọi là nói dựa vào nguyên nhân.

“Thế nào gọi là nói dựa vào kết quả? Đối với quả hiện tại, nói nhân trong quá khứ. Như trong kinh có nói: ‘Thiện nam tử! Nếu thấy những chúng sanh nghèo khổ, dung mạo thô xấu, không được tự do thanh thản, nên biết rằng những người ấy nhất định [đời trước đã từng] phá giới, có lòng ganh ghét đố kỵ, sân hận, không biết hổ thẹn [đối với việc xấu]. Nếu thấy những chúng sanh giàu có, nhiều tài sản, các căn đầy đủ, oai đức tự tại, nên biết rằng những người ấy nhất định [đời trước đã từng] trì giới, bố thí, tinh cần, có lòng hổ thẹn [đối với việc xấu], không ganh ghét đố kỵ, sân hận.’

“Đó gọi là nói dựa vào kết quả.

“Thế nào gọi là nói dựa vào cả nguyên nhân và kết quả? Như trong kinh có nói: ‘Thiện nam tử! Sáu nhập, xúc là nhân của chúng sanh trong hiện tại, đó là nghiệp quả của quá khứ. Như Lai cũng nói đó là nghiệp. Do nhân duyên là nghiệp đó mà có quả trong đời vị lai. Đó gọi là nói dựa vào cả nguyên nhân và kết quả.’

“Thế nào gọi là nói dẫn dụ? Như nói sư tử chúa là ví dụ để chỉ thân Phật. Trong kinh lại có các ví dụ như Đại tượng vương, Đại long vương, cây ba-ly-chất-đa-la, núi bảy báu, biển cả, núi Tu-di, cõi đất, cơn mưa lớn, Thuyền sư, Đạo sư, Điều ngự trượng phu, lực sĩ, ngư vương, bà-la-môn, sa-môn, thành lớn, cây đa-la... Những ví dụ như vậy gọi là nói dẫn dụ.

“Thế nào gọi là nói những điều không thật có [nhưng] ứng hợp? Như ta có nói trong kinh rằng trời và đất có thể hợp lại; sông không chảy vào biển... Hoặc như ta có vì vua Ba-tư-nặc mà nói việc núi lớn từ bốn phương đi đến. Hoặc như ta vì bà ưu-bà-di Lộc mẫu mà nói rằng: ‘Nếu cây sa-la có thể thọ Tám giới ắt cũng sẽ được hưởng khoái lạc ở hai cõi trời, người.’ Hoặc nói: ‘Thà cho rằng hàng Bồ Tát trụ ở địa vị thứ mười có tâm thối chuyển, không nên bảo rằng Như Lai có nói hai lời.’ Hoặc nói: ‘Thà cho rằng hàng Tu-đà-hoàn đọa vào ba nẻo ác, không nên bảo rằng Bồ Tát trụ ở địa vị thứ mười có tâm thối chuyển.’ Đó gọi là nói những điều không thật có [nhưng] ứng hợp.

“Thế nào gọi là nói những điều được dùng rộng rãi trong thế tục? Như Phật có nói đến những điều như nam nữ, lớn nhỏ, đi đứng nằm ngồi, xe cộ, phòng xá, bình bát, y phục, chúng sanh, thường, lạc, ngã, tịnh, quân binh, rừng rú, thành ấp, tăng phường, tan hợp... Đó gọi là nói những điều được dùng rộng rãi trong thế tục.

“Thế nào gọi là theo đúng ý mà nói? Như Phật có quở trách người hủy phạm cấm giới, khiến người ấy tự trách mà [trở lại] hộ trì cấm giới. Như ta khen ngợi hàng Tu-đà-hoàn, khiến các phàm phu sanh khởi lòng lạnh; ta khen ngợi Bồ Tát vì những chúng sanh phát tâm Bồ-đề; ta nói các khổ não trong ba đường ác, vì khiến [chúng sanh] tu tập các pháp lành. Ta nói tất cả [pháp thế gian đều] như lửa dữ thiêu đốt, đó chỉ là nói tất cả các pháp hữu vi. [Ta nói lý] vô ngã cũng vậy, [đều là nói các pháp hữu vi]. Ta nói chúng sanh đều có tánh Phật, là vì khiến cho tất cả đều không buông thả, biếng nhác. Đó gọi là theo đúng ý mà nói.

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN BA MƯƠI LĂM

## CHÚ GIẢI

1. Tu sĩ Phật giáo vào thời đức Phật được gọi là tỳ-kheo hoặc sa-môn, còn các tu sĩ đạo Bà-la-môn được gọi là Phạm chí.
2. Về điểm này, trong tất cả các kinh điển Phật chỉ nói chắc chắn một điều: ‘Vị Tu-đà-hoàn không đọa vào ba đường ác.’ Vì thế, người tin vào điều này không thể gọi là có lòng nghi như lời Bồ Tát Ca-diếp vừa nói trước đó.
3. Bốn điều vừa nói là: 1. Lìa xa bạn tốt; 2. Không nghe Chánh pháp; 3. Không khéo suy xét; 4. Không thực hành đúng pháp.
4. Năm sự bố thí (ngũ sự thí): đã có nói ở đoạn trước, gồm: 1. Dùng vật chất bố thí (thí sắc); 2. Dùng công sức bố thí (thí lực); 3. Dùng sự an ổn bố thí, tức là bảo vệ người khác (thí an); 4. Dùng mạng sống để bố thí (thí mạng); 5. Dùng tài biện luận bố thí, nghĩa là dùng khả năng biện luận để giúp người được lợi lạc (thí biện).
5. Vô ký: không thuộc về thiện, cũng không thuộc về bất thiện.
6. Hai căn: ở đây chỉ bộ phận sanh dục nam và nữ.
7. Khổng tước: tên một loài chim, dịch từ Phạn ngữ là *mayūra*, dịch âm là ma-do-la (摩由羅).
8. Mạng mạng: tên một loài chim, dịch từ Phạn ngữ *jīvajīvaka*, dịch âm là kì-bà-kì-bà-ca (耆婆耆婆迦).
9. Năm căn lành: tín căn (信根), có lòng tin vào Tam bảo, vào giáo pháp Tứ đế...; tinh tấn căn (精進根) cũng gọi là cần căn (勤根), là chuyên cần tu học và thực hành các pháp lành; niệm căn (念根), thường nhớ nghĩ Chánh pháp; định căn (定根), thường giữ tâm an định, không mất chánh niệm; và tuệ căn (慧根) thường dùng trí tuệ suy xét chân lý. Vì các pháp này là cội nguồn sanh ra tất cả các pháp lành nên gọi chúng là căn (根), nghĩa là cội gốc.
10. Nguyên bản Hán văn dùng 置答 (trí đáp), các bản trước đây đều dịch là đáp bằng cách yên lặng, không đúng với ý nghĩa ở đây. Có rất nhiều trường hợp đức Phật dùng cách yên lặng mà đáp (默然而答 - mặc nhiên nhi đáp), nhưng sự yên lặng ấy có thể biểu lộ sự đồng ý, tán thành, khác với nghĩa dùng ở đây. Chữ 置 (trí) hoàn toàn không mang nghĩa “yên lặng”, mà có nghĩa là phớt lờ, gạt sang một bên, không quan tâm đến, xem như không có... Và đây mới chính là ý nghĩa của cách đáp này, vì vấn đề nêu lên có thể là không cần thiết phải giải đáp, chỉ nằm trong phạm trù hí luận mà không giúp ích gì cho sự giải thoát. Như vậy, tuy cũng là yên lặng không nói, nhưng ý nghĩa không nằm ở sự yên lặng, mà ở chỗ là không lưu tâm đến sự việc nêu ra, vì biết đó là việc vô bổ.
11. Tám nỗi khổ (Bát khổ): gồm có 1. Sanh là khổ; 2. Già là khổ; 3. Bệnh là khổ; 4. Chết là khổ; 5. Mong cầu không được là khổ; 6. Năm ấm phát triển bất thường là khổ; 7. Xa lìa người thương yêu là khổ; 8. Gặp gỡ, gần gũi kẻ oán ghét là khổ.

12. Bồ Tát thọ thân sau cùng: tức vị Bồ Tát dẫn sanh để thành Phật, không còn thọ thân sau nữa. Nguyên bản dùng ‘hậu thân Bồ Tát’, nói đủ là ‘tối hậu thân Bồ Tát’, cũng gọi là ‘Bồ Tát Nhất sanh bổ xứ’.
13. Tức là các pháp Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật và Trí tuệ Ba-la-mật. Vì năm pháp Ba-la-mật này thuộc về sự hành trì nội tâm nên ở đây gọi là bên trong.
14. Thi-ly-sa (*śīṛṣa*), dịch nghĩa là hợp hôn thọ (合昏樹), cũng dịch là hợp hoan thọ (合歡樹).
15. Câu này nói tóm ý cả Mười điều ác: 1. Giết hại, 2. Trộm cắp, 3. Tà dâm, 4. Nói dối, 5. Nói lời vô nghĩa, 6. Nói hai lưỡi, đả nhục, 7. Nói lời ác độc, 8. Tham lam, 9. Sân hận, 10. Tà kiến.



# 大般涅槃經

## 卷第三十六

### 迦葉菩薩品

#### 第十二之四

善男子。如來復有隨自意語。如來佛性則有二種。一者有。二者無。有者。所謂三十二相八十種好。十力四無所畏。三念處大慈大悲。首楞嚴等無量三昧。金剛等無量三昧。方便等無量三昧。五智印等無量三昧。是名為有。

無者。所謂如來過去諸善不善無記業因果報。煩惱五陰十二因緣。是名為無。

善男子。如有無，善不善，有漏，無漏，世間，非世間，聖非聖，有為無為，實不實，寂靜非寂靜，諍非諍，界非界。煩惱非煩惱。取非取受記。非受記。有非有三世非三世。時非時常無常我無我樂無樂淨無淨。色受想行識非色受想行識。內入非內入。外入非外入。十二因緣非十二因緣。是名如來佛性有無。乃至一闡提佛性有無。亦復如是。

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ TAM THẬP LỤC

### CA-DIỆP BỒ TÁT PHẨM

#### ĐỆ THẬP NHỊ CHI TỨ

Thiện nam tử! Như Lai phục hữu tùy tự ý ngữ. Như Lai Phật tánh, tác hữu nhị chủng: nhất giả hữu, nhị giả vô. Hữu giả sở vị: Tam thập nhị tướng, Bát thập chủng hảo, Thập lục, Tứ vô sở úy, Tam niệm xứ, Đại thừa, Đại từ Đại bi, Thủ-lăng-nghiêm đẳng vô lượng tam-muội, Kim cang đẳng vô lượng tam-muội, Phương tiện đẳng vô lượng tam-muội, Ngũ trí ấn đẳng vô lượng tam-muội. Thị danh vi hữu.

Vô giả, sở vị: Như Lai quá khứ chư thiện, bất thiện, vô ký nghiệp nhân, quả báo, phiền não, ngũ ấm, Thập nhị nhân duyên. Thị danh vi vô.

Thiện nam tử! Như hữu, vô, thiện, bất thiện, hữu lậu, vô lậu, thế gian, phi thế gian, thánh, phi thánh, hữu vi, vô vi, thật, bất thật, tịch tĩnh, phi tịch tĩnh, tránh, phi tránh, giới, phi giới, phiền não, phi phiền não, thủ, phi thủ, thọ ký, phi thọ ký, hữu, phi hữu, tam thế, phi tam thế, thời, phi thời, thường, vô thường, ngã, vô ngã, lạc, vô lạc, tịnh, vô tịnh, sắc, thọ, tướng, hành, thức, phi sắc, thọ, tướng, hành, thức, nội nhập, phi nội nhập, ngoại nhập, phi ngoại nhập, Thập nhị nhân duyên, phi Thập nhị nhân duyên. Thị danh Như Lai Phật tánh hữu, vô. Nãi chí Nhất-xiển-đề Phật tánh hữu, vô, diệc phục như thị.

善男子。我雖說言一切眾生悉有佛性。眾生不解佛如是等隨自意語。

善男子。如是語者。後身菩薩尚不能解。況於二乘其餘菩薩。

善男子。我往一時在耆闍崛山。與彌勒菩薩共論世諦。舍利弗等五百聲聞於是事中都不識知。何況出世第一義諦。

善男子。或有佛性一闡提有善根人無。或有佛性善根人有一闡提無。或有佛性二人俱有。或有佛性二人俱無。

善男子。我諸弟子若解如是四句義者。不應難言一闡提人定有佛性定無佛性。若言眾生悉有佛性。是名如來隨自意語。如來如是。隨自意語。眾生云何一向作解。

善男子。如恒河中有七眾生。一者常沒。二者暫出還沒。三者出已則住。四者出已遍觀四方。五者遍觀已行。六者行已復住。七者水陸俱行。

言常沒者。所謂大魚。受大惡業身重處深是故常沒。

暫出還沒者。如是大魚。受惡業故身重處淺暫見光明。因光暫出重故還沒。

Thiện nam tử! Ngã tuy thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh, chúng sanh bất giải Phật như thị đẳng tùy tự ý ngữ.

Thiện nam tử! Như thị ngữ giả, hậu thân Bồ Tát thượng bất năng giải, huống ư nhị thừa, kỳ dư Bồ Tát?

Thiện nam tử! Ngã vãng nhất thời, tại Kỳ-xà-quật sơn, dữ Di-lặc Bồ Tát cộng luận thế đế. Xá-lợi-phất đẳng ngũ bá Thanh văn, ư thị sự trung, đô bất thức tri. Hà hướng xuất thế Đệ nhất nghĩa đế?

Thiện nam tử! Hoặc hữu Phật tánh, nhất-xiển-đề hữu, thiện căn nhân vô. Hoặc hữu Phật tánh thiện căn nhân hữu, Nhất-xiển-đề vô. Hoặc hữu Phật tánh, nhị nhân câu hữu, hoặc hữu Phật tánh nhị nhân câu vô.

Thiện nam tử! Ngã chư đệ tử, nhược giải như thị tứ cú nghĩa giả bất ưng nạn ngôn: Nhất-xiển-đề nhân định hữu Phật tánh, định vô Phật tánh? Nhược ngôn: chúng sanh tất hữu Phật tánh, thị danh Như Lai tùy tự ý ngữ. Như Lai như thị tùy tự ý ngữ, chúng sanh vân hà nhất hướng tác giải?

Thiện nam tử! Như Hằng hà trung, hữu thất chúng sanh: nhất giả, thường một. Nhị giả tạm xuất hoàn một. Tam giả xuất dĩ tác trụ. Tứ giả xuất dĩ biến quan tứ phương. Ngũ giả biến quan dĩ hành. Lục giả hành dĩ phục trụ. Thất giả thủy lục câu hành.

Ngôn thường một giả, sở vị đại ngư, thọ đại ác nghiệp, thân trọng xử thâm; thị cố thường một.

Tạm xuất hoàn một giả, như thị đại ngư thọ ác nghiệp cố, thân trọng xử thiển, tạm kiến quang minh; nhân quang tạm xuất; trọng cố hoàn một.

出已住者。謂坻彌魚。身處淺水樂見光明故出已住。

遍觀方者。所謂鰈魚。為求食故遍觀四方。是故觀方。

觀已行者。鰈魚。遙見餘物謂是可食。疾行趣之故觀已行。

行已復住者。是魚趣已既得可食即便停住。故行已復住。

水陸俱行者。即是龜也。

善男子。如是微妙大涅槃河。其中亦有七種眾生。從初常沒乃至第七或入或出。

所言常沒者。有人聞是大涅槃經如來常住無有變易。常樂我淨終不畢竟入於涅槃。一切眾生悉有佛性。一闍提人謗方等經作五逆罪犯四重禁。必當得成菩提之道。須陀洹人斯陀含人阿那含人阿羅漢人辟支佛等。必當得成阿耨多羅三藐三菩提。聞是語已生不信心即作是念。作是念已便作是言。是涅槃典即外道書。非是佛經。是人爾時遠離善友不聞正法。雖時得聞不能思惟。雖復思惟不思惟善。不思善故如惡法住。惡法住者則有六種。一者惡。二者無善。三者污法。四者增有。五者惱熱。六者受

Xuất dĩ trụ giả, vị trì-di ngư, thân xử thiên thủy, lạc kiến quang minh, cố xuất dĩ trụ.

Biển quan phương giả, sở vị: thược ngư, vị cầu thực cố, biển quan tứ phương; thị cố quan phương.

Quan dĩ hành giả, vị thị thược ngư, dao kiến dư vật, vị thị khả thực, tật hành thú chi; cố quan dĩ hành.

Hành dĩ phục trụ giả, thị ngư thú dĩ, ký đắc khả thực, túc tiện đĩnh trụ; cố hành dĩ phục trụ.

Thủy lục câu hành giả, túc thị quy dã.

Thiện nam tử! Như thị vi diệu Đại Niết-bàn hà, kỳ trung diệc hữu thất chủng chúng sanh, tùng sơ thường một nãi chí đệ thất, hoặc nhập hoặc xuất.

Sở ngôn thường một giả, hữu nhân văn thị Đại Niết-bàn kinh. Như Lai thường trụ, vô hữu biến dịch, thường, lạc, ngã, tịnh, chung bất tất cánh nhập ư Niết-bàn. Nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Nhất-xiển-đề nhân, bàng Phương đẳng kinh, tác ngũ nghịch tội, phạm tứ trọng cấm, tất đương đắc thành Bồ-đề chi đạo. Tu-đà-hoàn nhân, Tư-đà-hàm nhân, A-na-hàm nhân, A-la-hán nhân, Bích-chi Phật đẳng, tất đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Văn thị ngữ dĩ, sanh bất tín tâm, túc tác thị niệm. Tác thị niệm dĩ, phục tác thị ngôn: Thị Niết-bàn điển, túc ngoại đạo thư; phi thị Phật kinh. Thị nhân nhĩ thời viễn ly thiện hữu, bất văn Chánh pháp. Tuy thời đắc văn, bất năng tư duy. Tuy phục tư duy, bất tư duy thiện. Bất tư thiện cố, như ác pháp trụ. Ác pháp trụ giả, tác hữu lục chủng: nhất giả ác, nhị giả vô thiện, tam giả ô pháp, tứ giả tăng hữu, ngũ giả não nhiệt, lục giả thọ

惡果。是名為沒。何故名沒。無善心故。常行惡故。不修對治故。是名為沒。

所言惡者。聖人呵責故。心生怖畏故。善人遠離故。不益眾生故。是名為惡。

言無善者。能生無量惡果報故。常為無明所纏繞故。樂與惡人為等侶故。無有修善諸方便故。其心顛倒常錯謬故。是名無善。

言污法者。常污身口故。污淨眾生故。增不善業故。遠離善法故。是名污法。

言增有者。如上三人所行之法。能增地獄畜生餓鬼。不能修習解脫之法。身口意業不厭諸有。是名增有。

言惱熱者。是人具行如上四事。能令身心二事惱熱。遠離寂靜則名為熱。受地獄報故名為熱。燒諸眾生故名為熱。燒諸善法故名為熱。善男子。信心清涼是人具。是故名熱。

言受惡果者。是人具足行上五事。死墮地獄餓鬼畜生。

善男子。有三惡事復名惡果。一者煩惱惡。二者業惡。三者報惡。是名受惡果報。

ác quả. Thị danh vi một. Hà cố danh một? Vô thiện tâm cố, thường hành ác cố, bất tu đối trị cố, thị danh vi một.

Sở ngôn ác giả, thánh nhân ha trách cố, tâm sanh bố úy cố, thiện nhân viễn ly cố, bất ích chúng sanh cố, thị danh vi ác.

Ngôn vô thiện giả, năng sanh vô lượng ác quả báo cố, thường vi vô minh sở triền nhiều cố, nhạo dũ ác nhân vi đẳng lữ cố, vô hữu tu thiện chư phương tiện cố, kỳ tâm điên đảo, thường thác mậu cố, thị danh vô thiện.

Ngôn ô pháp giả, thường ô thân, khẩu cố, ô tịnh chúng sanh cố, tăng bất thiện nghiệp cố, viễn ly thiện pháp cố, thị danh ô pháp.

Ngôn tăng hữu giả, như thượng tam nhân sở hành chi pháp, năng tăng địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ; bất năng tu tập giải thoát chi pháp, thân khẩu ý nghiệp bất yếm chư hữu, thị danh tăng hữu.

Ngôn não nhiệt giả, thị nhân cụ hành như thượng tứ sự, năng linh thân, tâm nhị sự não nhiệt. Viễn ly tịch tĩnh, tắc danh vi nhiệt. Thọ địa ngục báo, cố danh vi nhiệt. Thiêu chư chúng sanh, cố danh vi nhiệt. Thiêu chư thiện pháp, cố danh vi nhiệt. Thiện nam tử! Tín tâm thanh lương, thị nhân bất cụ, thị cố danh nhiệt.

Ngôn thọ ác quả giả, thị nhân cụ túc hành thượng ngũ sự, tử đọa địa ngục ngạ quỷ, súc sanh.

Thiện nam tử! Hữu tam ác sự, phục danh ác quả: nhất giả phiền não ác, nhị giả nghiệp ác, tam giả báo ác. Thị danh thọ ác quả báo.



善男子。是人具足如上六事。能斷善根作五逆罪。能犯四重能謗三寶用僧鬻物。能作種種非法之事。是因緣故沈沒在於阿鼻地獄。所受身形縱廣八萬四千由旬。是人身口心業重故不能得出。何以故。其心不能生善法故。雖有無量諸佛出世不聞不見。是名常沒如恒河中大魚。

善男子。我雖復說一闍提等。名為常沒。復有常沒。非一闍提何者是耶。如人為有修施戒善。是名常沒。

善男子。有四善事獲得惡果。何等為四。一者為勝他故讀誦經典。二者為利養故受持禁戒。三者為他屬故而行布施。四者為於非想非非想處故繫念思惟。

是四善事得惡果報。若人修習如是四事。是名沒已還出出已還沒。何故名沒。樂三有故。何故名出。以見明故。明者即是聞戒施定。何故還沒。增長邪見生憍慢故。是故我於經中說偈。

若有眾生樂諸有，  
為有造作諸惡業，  
是人迷失涅槃道，  
是名暫出還復沒。

Thiện nam tử! Thị nhân cụ túc như thượng lục sự, năng đoạn thiện căn, tác ngũ nghịch tội, năng phạm tứ trọng, năng báng Tam bảo, dụng Tăng man vật, năng tác chủng chủng phi pháp chi sự. Thị nhân duyên cố, trầm một tại ư A-tỳ Địa ngục; sở thọ thân hình, túng quảng bát vạn tứ thiên do diên! Thị nhân thân khẩu tâm nghiệp trọng cố, bất năng đắc xuất. Hà dĩ cố? Kỳ tâm bất năng sanh thiện Pháp cố, tuy hữu vô lượng chư Phật xuất thế, bất văn, bất kiến. Thị danh thường một như Hằng hà trung đại ngư.

Thiện nam tử! Ngã tuy phục thuyết nhất-xiển-đề đẳng, danh vi thường một. Phục hữu thường một, phi nhất-xiển-đề. Hà giả thị da? Như nhân vị hữu, tu thí, giới, thiện. Thị danh thường một.

Thiện nam tử! Hữu tứ thiện sự, hoạch đắc ác quả. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả vị thắng tha cố, độc tụng kinh điển. Nhị giả vị lợi dưỡng cố, thọ trì cấm giới. Tam giả vị tha thuộc cố, nhi hành bố thí. Tứ giả vị ư phi tưởng phi phi tưởng xứ cố, hệ niệm tư duy.

Thị tứ thiện sự, đắc ác quả báo. Nhược nhân tu tập như thị tứ sự, thị danh một dĩ hoàn xuất, xuất dĩ hoàn một. Hà cố danh một? Nhạo tam hữu cố. Hà cố danh xuất? Dĩ kiến minh cố. Minh giả, túc thị văn giới, thí, định. Hà cố hoàn một? Tăng trưởng tà kiến, sanh kiêu mạn cố. Thị cố ngã ư kinh trung thuyết kệ:

Nhược hữu chúng sanh nhạo chư hữu,  
Vị hữu tạo tác chư ác nghiệp;  
Thị nhân mê thất Niết-bàn đạo,  
Thị danh tạm xuất hoàn phục một.

行於黑闇生死海，  
雖得解脫雜煩惱，  
是人還受惡果報，  
是名暫出還復沒。

善男子。如彼大魚因見光故暫得出水。其身重故還復沈沒。如上二人亦復如是。

善男子。或復有人樂著三有。是名為沒。得聞如是大涅槃經生於信心。是名為出。何因緣故名之為出。聞是經已遠離惡法修習善法。是名為出。是人雖信亦不具足。何因緣故信不具足。是人雖信大般涅槃常樂我淨。言如來身無常無我無樂無淨。如來則有二種涅槃。一者有為。二者無為。有為涅槃無常樂我淨。無為涅槃有常樂我淨。雖信佛性是眾生有。不必一切皆悉有之。是故名為信不具足。

善男子。信有二種。一者信。二者求。如是之人雖復有信不能推求。是故名為信不具足。

信復有二。一從聞生。二從思生。是人信心從聞而生不從思生。是故名為信不具足。

復有二種。一信有道。二信得者。是人信心唯信有道。都不信有得道之人。是故名為信不具足。

復有二種。一者信正。二者信邪。言有因果有佛

Hành ư hắc ám sanh tử hải,  
Tuy đắc giải thoát tạp phiền não;  
Thị nhân hoàn thọ ác quả báo,  
Thị danh tạm xuất hoàn phục một.

Thiện nam tử! Như bĩ đại ngư, nhân kiến quang cố, tạm đắc xuất thủy. Kỳ thân trọng cố, hoàn phục trầm một. Như thượng nhị nhân, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Hoặc phục hữu nhân, nhạo trước tam hữu, thị danh vi một. Đắc văn như thị Đại Niết-bàn kinh, sanh ư tín tâm, thị danh vi xuất. Hà nhân duyên cố, danh chi vi xuất? Văn thị kinh dĩ, viễn ly ác pháp, tu tập thiện pháp, thị danh vi xuất. Thị nhân tuy tín, diệc bất cụ túc. Hà nhân duyên cố, tín bất cụ túc? Thị nhân tuy tín Đại Bát Niết-bàn: thường, lạc, ngã, tịnh, ngôn: Như Lai thân: vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Như Lai tác hữu nhị chủng Niết-bàn: nhất giả hữu vi, nhị giả vô vi. Hữu vi Niết-bàn vô: thường, lạc, ngã, tịnh. Vô vi Niết-bàn hữu: thường, lạc, ngã, tịnh. Tuy tín Phật tánh thị chúng sanh hữu, bất tất nhất thiết giai tất hữu chi. Thị cố danh vi tín bất cụ túc.

Thiện nam tử! Tín hữu nhị chủng: nhất giả tín, nhị giả cầu. Như thị chi nhân, tuy phục hữu tín, bất năng suy cầu. Thị cố danh vi tín bất cụ túc.

Tín phục hữu nhị: nhất tùng văn sanh, nhị tùng tư sanh. Thị nhân tín tâm tùng văn nhi sanh, bất tùng tư sanh. Thị cố danh vi tín bất cụ túc.

Phục hữu nhị chủng: nhất tín hữu đạo, nhị tín đắc giả. Thị nhân tín tâm duy tín hữu đạo, đô bất tín hữu đắc đạo chi nhân. Thị cố danh vi tín bất cụ túc.

Phục hữu nhị chủng: nhất giả tín chánh, nhị giả tín tà. Ngôn hữu nhân quả, hữu Phật, Pháp, Tăng; thị danh tín chánh.

法僧。是名信正。言無因果三寶性異。信諸邪語富蘭那等。是名信邪。是人雖信佛法僧寶。不信三寶同一性相。雖信因果不信得者。是故名為信不具足。

是人成就不具足信。所受禁戒亦不具足。何因緣故名不具足。因不具故所得禁戒亦不具足。

復何因緣名不具足。戒有二種。一威儀戒。二從戒戒。是人雖具足威儀等戒。不具從戒戒。是故名為戒不具足。

復有二種。一者作戒。二者無作戒。是人雖具作戒。不具無作戒。是故名為戒不具足。

復有二種。一從身口得於正命。二從身口不得正命。是人雖從身口不得正命。是故名為戒不具足。

復有二種。一者求戒。二者捨戒。是人雖具求有之戒不得捨戒。是故名為戒不具足。

復有二種。一者隨有。二者隨道。是人雖具隨有之戒不具隨道。是故名為戒不具足。

復有二種一者善戒。二者惡戒。身口意善是名善戒。牛戒狗戒是名惡戒。是人深信是二種戒俱有善果。是故名為戒不具足。

Ngôn vô nhân quả, Tam bảo tánh dị; tín chư tà ngữ, Phú-lan-na đảng; thị danh tín tà. Thị nhân tuy tín Phật, Pháp, Tăng bảo, bất tín Tam bảo đồng nhất tánh tướng; tuy tín nhân quả, bất tín đắc giả. Thị cố danh vi tín bất cụ túc.

Thị nhân thành tựu bất cụ túc tín, sở thọ cấm giới diệt bất cụ túc. Hà nhân duyên cố danh bất cụ túc? Nhân bất cụ túc cố, sở đắc cấm giới diệt bất cụ túc.

Phục hà nhân duyên danh bất cụ túc? Giới hữu nhị chủng: nhất oai nghi giới, nhị tòng giới giới. Thị nhân tuy cụ túc oai nghi đảng giới, bất cụ tòng giới giới. Thị cố danh vi giới bất cụ túc.

Phục hữu nhị chủng: nhất giả tác giới, nhị giả vô tác giới. Thị nhân tuy cụ tác giới, bất cụ vô tác giới. Thị cố danh vi giới bất cụ túc.

Phục hữu nhị chủng: nhất tòng thân, khẩu, đắc ư Chánh mạng; nhị tòng thân, khẩu, bất đắc Chánh mạng. Thị nhân tuy tòng thân, khẩu, bất đắc Chánh mạng. Thị cố danh vi giới bất cụ túc.

Phục hữu nhị chủng: nhất giả cầu giới, nhị giả xả giới. Thị nhân tuy cụ cầu hữu chi giới, bất đắc xả giới. Thị cố danh vi giới bất cụ túc.

Phục hữu nhị chủng: nhất giả tùy hữu, nhị giả tùy đạo. Thị nhân tuy cụ tùy hữu chi giới, bất cụ tùy đạo. Thị cố danh vi giới bất cụ túc.

Phục hữu nhị chủng: nhất giả thiện giới, nhị giả ác giới. Thân, khẩu, ý thiện, thị danh thiện giới. Ngưu giới, cẩu giới, thị danh ác giới. Thị nhân thâm tín thị nhị chủng giới cầu hữu thiện quả, thị cố danh vi giới bất cụ túc.

是人不能具信戒二事。所修多聞亦不能具足。

云何名為聞不能具足。

如來所說十二部經。唯信六部不信六部。是故名為聞不能具足。

雖復受持是六部經。不能讀誦為他解說無所利益。是故名為聞不能具足。

又復受是六部經已。為論議故為勝他故為利養故為諸有故受持讀誦說。是故名為聞不能具足。

善男子。我於經中說聞具足。云何具足。若有比丘身口意善。先能供養和尚諸師有德之人。是諸師等於是人所生愛念心。以是因緣教授經法。是人至心受持誦習。持誦習已獲得智慧。得智慧已能善思惟如法而住。善思惟已則得正義。得正義已身心寂靜。身心寂已則生喜心。喜心因緣心則得定。因得定故得正知見。正知見已於諸有中心生厭悔。悔諸有故能得解脫。是人無有如是等事。是故名為聞不能具足。

是人不能具如是三事。施亦不能具。

施有二種。一者財施。二者法施。是人雖復行於財施為求有故。雖行法施亦不能具足。何以故。祕不盡說畏他勝故。是故名為施不能具足。

Thị nhân bất cụ tín, giới nhị sự, sở tu đa văn diệc bất cụ túc.

Vân hà danh vi văn bất cụ túc?

Như Lai sở thuyết Thập nhị bộ kinh, duy tín lục bộ, bất tín lục bộ. Thị cố danh vi văn bất cụ túc.

Tuy phục thọ trì thị lục bộ kinh, bất năng độc tụng, vị tha giải thuyết; vô sở lợi ích. Thị cố danh vi văn bất cụ túc.

Hựu phục thọ thị lục bộ kinh dĩ, vị luận nghị cố, vị thắng tha cố, vị lợi dưỡng cố, vị chư hữu cố, trì, độc, tụng, thuyết. Thị cố danh vi văn bất cụ túc.

Thiện nam tử! Ngã ư kinh trung, thuyết văn cụ túc. Vân hà cụ túc? Nhược hữu từ-kheo, thân, khẩu, ý thiện, tiên năng cúng dường hòa thượng, chư sư, hữu đức chi nhân. Thị chư sư đẳng, ư thị nhân sở, sanh ái niệm tâm. Dĩ thị nhân duyên, giáo thọ kinh pháp. Thị nhân chí tâm thọ trì, tụng tập. Trì, tụng tập dĩ, hoạch đắc trí tuệ. Đắc trí tuệ dĩ, năng thiện tư duy, như pháp nhi trụ. Thiện tư duy dĩ tắc đắc chánh nghĩa, đắc chánh nghĩa dĩ, thân tâm tịch tĩnh. Thân, tâm tịch dĩ, tắc sanh hỷ tâm. Hỷ tâm nhân duyên, tâm tắc đắc định. Nhân đắc định cố, đắc Chánh tri kiến. Chánh tri kiến dĩ, ư chư hữu trung, tâm sanh yếm hối. Hối chư hữu cố, năng đắc giải thoát. Thị nhân vô hữu như thị đẳng sự, thị cố danh vi văn bất cụ túc.

Thị nhân bất cụ như thị tam sự. Thí diệc bất cụ.

Thí hữu nhị chủng: nhất giả tài thí, nhị giả pháp thí. Thị nhân tuy phục hành ư tài thí, vị cầu hữu cố. Tuy hành pháp thí, diệc bất cụ túc. Hà dĩ cố? Bí bất tận thuyết; úy tha thắng cố. Thị cố danh vi thí bất cụ túc.



財法二施各有二種。一者聖。二者非聖。聖者施已不求果報。非聖施已求於果報。聖者法施為增長法。非聖法施為增諸有。如是之人為增財故而行財施。為增有故而行法施。是故名為施不具足。

復次是人受六部經。見受法者而供給之。不受法者則不供給。是故名為施不具足。

是人不能具如上四事。所修智慧亦不具足。智慧之性性能分別。是人不能分別如來是常無常。如來於此涅槃經中說言。如來即是解脫。解脫即是如來。如來即是涅槃。涅槃即是解脫。於是義中不能分別。梵行即是如來。如來即是慈悲喜捨。慈悲喜捨即是解脫。解脫即是涅槃。涅槃即是慈悲喜捨。於是義中不能分別。是故名為智不具足。

復次不能分別佛性。佛性即是如來。如來即是一切不共之法。不共之法即是解脫。解脫即是涅槃。涅槃即是不共之法。於是義中不能分別。是故名為智不具足。

復次不能分別四諦苦集滅道。不能分別四真諦故，不知聖行。不知聖行故，不知如來。不知如來故，不知解脫。不知解脫故，不知涅槃。是故名為智不具足。

Tài, pháp, nhĩ thí, các hữu nhĩ chủng: nhất giả Thánh, nhĩ giả phi thánh. Thánh giả thí dĩ, bất cầu quả báo. Phi thánh thí dĩ, cầu ư quả báo. Thánh giả pháp thí, vị tăng trưởng pháp. Phi thánh pháp thí, vị tăng chư hữu. Như thị chi nhân, vị tăng tài cố, nhĩ hành tài thí; vị tăng hữu cố, nhĩ hành pháp thí. Thị cố danh vi thí bất cụ túc.

Phục thứ, thị nhân thọ lục bộ kinh, kiến thọ pháp giả, nhi cung cấp chi; bất thọ pháp giả, tắc bất cung cấp. Thị cố danh vi thí bất cụ túc.

Thị nhân bất cụ như thượng tứ sự, sở tu trí tuệ diệt bất cụ túc. Trí tuệ chi tánh, tánh năng phân biệt. Thị nhân bất năng phân biệt Như Lai thị thường, vô thường. Như Lai ư thủ Niết-bàn kinh trung, thuyết ngôn: Như Lai tức thị giải thoát. Giải thoát tức thị Như Lai. Như Lai tức thị Niết-bàn. Niết-bàn tức thị giải thoát. Ư thị nghĩa trung, bất năng phân biệt. Phạm hạnh tức thị Như Lai. Như Lai tức thị từ, bi, hỷ, xả. Từ, bi, hỷ, xả tức thị giải thoát. Giải thoát tức thị Niết-bàn. Niết-bàn tức thị từ, bi, hỷ, xả. Ư thị nghĩa trung, bất năng phân biệt. Thị cố danh vi trí bất cụ túc.

Phục thứ, bất năng phân biệt Phật tánh. Phật tánh tức thị Như Lai. Như Lai tức thị nhất thiết bất cộng chi pháp. Bất cộng chi pháp tức thị giải thoát. Giải thoát tức thị Niết-bàn. Niết-bàn tức thị Bất cộng chi pháp. Ư thị nghĩa trung, bất năng phân biệt. Thị cố danh vi trí bất cụ túc.

Phục thứ, bất năng phân biệt Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bất năng phân biệt Tứ Chân-đế cố, bất tri Thánh hạnh. Bất tri Thánh hạnh cố, bất tri Như Lai. Bất tri Như Lai cố, bất tri giải thoát. Bất tri giải thoát cố, bất tri Niết-bàn. Thị cố danh vi trí bất cụ túc.

是人具如是五事。則有二種。一增善法。二增惡法。

云何名為增長惡法。是人不見己不具足。自言具足而生著心。於同行中自謂為勝。是故親近同己惡友。既親近已復得更聞不具足法。聞已心喜其心染著。起於憍慢多行放逸。因放逸故親近在家。亦樂聞說在家之事。遠離清淨出家之法。以是因緣增長惡法。增惡法故身口意等起不淨業。三業不淨故增長地獄畜生餓鬼。是名暫出還沒暫出還沒者。

我佛法中其誰是耶。謂提婆達多。瞿和離比丘。憍手比丘。善星比丘低舍比丘。滿宿比丘。慈地比丘尼。曠野比丘尼。方比丘尼。慢比丘尼。淨潔長者。求有優婆塞。舍勒釋種。象長者。名稱優婆夷。光明優婆夷。難陀優婆夷。軍優婆夷。鈴優婆夷。如是等人名為暫出還沒。譬如大魚見明故出身重故沒。

第二之人深自知見行不具足。不具足故求近善友。近善友故樂諮未聞。聞已樂受。受已樂善思惟。善思惟已能如法住。如法住故增長善法。增善法故終不復沒。是名為住。

我佛法中其誰是耶。謂舍利弗。大目犍連阿若憍陳如等五比丘。耶舍等五十比丘。阿菟樓陀。童

Thị nhân bất cụ như thị ngũ sự, tác hữu nhị chủng: nhất tăng thiện pháp, nhị tăng ác pháp.

Vân hà danh vi tăng trưởng ác pháp? Thị nhân bất kiến kỹ bất cụ túc, tự ngôn cụ túc, nhi sanh trước tâm: ư đồng hành trung, tự vị vi thắng. Thị cố thân cận đồng kỹ ác hữu. Ký thân cận dĩ, phục đắc cánh văn bất cụ túc pháp. Văn dĩ tâm hỷ, kỳ tâm nhiễm trước, khởi ư kiêu mạn, đa hành phóng dật. Nhân phóng dật cố, thân cận tại gia; diệc nhạo văn thuyết tại gia chi sự, viễn ly thanh tịnh xuất gia chi pháp. Dĩ thị nhân duyên, tăng trưởng ác pháp. Tăng ác pháp cố, thân, khẩu, ý đẳng khởi bất tịnh nghiệp. Tam nghiệp bất tịnh cố, tăng trưởng địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Thị danh tạm xuất hoàn một.

Tạm xuất hoàn một giả, ngã Phật pháp trung, kỳ thù thị da? Vị: Đề-bà-đạt-đa, Cù-già-ly Tỳ-kheo, Uyển-thủ Tỳ-kheo, Thiện Tinh Tỳ-kheo, Trì-xá Tỳ-kheo, Mãn Túc Tỳ-kheo, Từ Địa Tỳ-kheo ni, Khoáng Dã Tỳ-kheo ni, Phương Tỳ-kheo ni, Mạn Tỳ-kheo ni, Tịnh Khiết Trưởng giả, Cầu Hữu Ưu-bà-tắc, Xá-lặc Thích chủng, Tượng Trưởng giả, Danh Xưng Ưu-bà-di, Quang Minh Ưu-bà-di, Nan-đà Ưu-bà-di, Quân Ưu-bà-di, Linh Ưu-bà-di... Như thị đẳng nhân, danh vi tạm xuất hoàn một. Thí như đại ngư, kiến minh cố xuất, thân trọng cố một.

Đệ nhị chi nhân, thân tự tri kiến hạnh bất cụ túc. Bất cụ túc cố, cầu cận thiện hữu. Cận thiện hữu cố, nhạo tư vị văn. Văn dĩ, nhạo thọ. Thọ dĩ, nhạo thiện tư duy. Thiện tư duy dĩ, năng như pháp trụ. Như pháp trụ cố, tăng trưởng thiện pháp. Tăng thiện pháp cố, chung bất phục một. Thị danh vi trụ.

Ngã Phật pháp trung, kỳ thù thị da? Xá-lợi-phát, Đại Mục-kiền-liên, A-nhã Kiều-trần-như đẳng ngũ tỳ-kheo, Da-

子迦葉。摩訶迦葉。十力迦葉。瘦瞿曇彌比丘尼。波吒羅花比丘尼。勝比丘尼。實義比丘尼。海意比丘尼。跋陀比丘尼。淨比丘尼。不退轉比丘尼。頻婆娑羅王。郁伽長者。須達多長者。釋摩訶男長者。貧須達多鼠狼長者。名稱長者。具足長者。師子將軍。優婆離長者。刀長者。無畏優婆夷。善住優婆夷。愛法優婆夷。勇健優婆夷。天得優婆夷。善生優婆夷。具身優婆夷。牛得優婆夷。曠野優婆夷。摩訶斯那優婆夷。如是等比丘比丘尼。優婆塞優婆夷。得名為住。

云何為住。常樂睹見善光明故。以是因緣若佛出世若不出世。如是等人終不造惡。是名為住。如低彌魚樂見光明不沈不沒。如是等眾亦復如是。是故我於經中說偈。

若人善能分別義  
至心求於沙門果  
若能呵責一切有  
是人名為如法住。  
若能供養無量佛  
則能無量世修道  
若受世樂不放逸  
是人名為如法住。

xá đấng ngũ thập tỳ-kheo, A-nậu-lâu-dà Đồng tử, Ca-diếp, Ma-ha Ca-diếp, Thập Lực Ca-diếp, Sáu Cù-dàm-di Tỳ-kheo ni, Ba-trá-la-hoa Tỳ-kheo ni, Thắng Tỳ-kheo ni, Thật Nghĩa Tỳ-kheo ni, Hải Ý Tỳ-kheo ni, Bạt-đà Tỳ-kheo ni, Tịnh Tỳ-kheo ni, Bát Thối Chuyển Tỳ-kheo ni, Tần-bà-sa-la vương, Úc-già Trưởng giả, Tu-đạt-đa Trưởng giả, Thích Ma-ha-nam Trưởng giả, Bần Tu-đạt-đa Thủ Lang Trưởng giả, Danh Xưng Trưởng giả, Cụ Túc Trưởng giả, Sư Tử tướng quân, Ưu-ba-ly Trưởng giả, Đao Trưởng giả, Vô Úy Ưu-bà-di, Thiện Trụ Ưu-bà-di, Ái Pháp Ưu-bà-di, Dũng Kiện Ưu-bà-di, Thiên Đắc Ưu-bà-di, Thiện Sanh Ưu-bà-di, Cụ Thân Ưu-bà-di, Ngưu Đắc Ưu-bà-di, Khoáng Dã Ưu-bà-di, Ma-ha-tư-na Ưu-bà-di. Như thị đấng tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đắc danh vi trụ.

Vân hà vi trụ? Thường nhạo đố kiến thiện quang minh cố. Dĩ thị nhân duyên, nhược Phật xuất thế, nhược bất xuất thế, như thị đấng nhân chung bất tạo ác. Thị danh vi trụ. Như trì di ngư, lạc kiến quang minh, bất trầm bất một. Như thị đấng chúng diệc phục như thị. Thị cố ngã ư kinh trung thuyết kệ:

Nhược nhân thiện năng phân biệt nghĩa,  
Chí tâm cầu ư Sa-môn quả;  
Nhược năng ha trách nhất thiết hữu,  
Thị nhân danh vi như Pháp trụ.  
Nhược năng cúng dường vô lượng Phật,  
Tắc năng vô lượng thế tu đạo;  
Nhược thọ thế lạc bất phóng dật,  
Thị nhân danh vi như Pháp trụ.

親近善友聽正法  
內善思惟如法住  
樂見光明修習道  
獲得解脫安隱住。

善男子。智不具足凡有五事。是人知己求近善友。如是善友當觀是人貪欲瞋恚愚癡思覺著我。

何者偏多。若知是人貪欲多者即應為說不淨觀法。瞋恚多者為說慈悲。思覺多者教令數息。著我多者當為分析十八界等。

是人聞已至心受持。心受持已如法修行。如法行已次第獲得四念處觀身受心法。得是觀已次第復觀十二因緣。如是觀已次得煖法。

迦葉菩薩白佛言。世尊。一切眾生悉有煖法。何以故。如佛所說三法和合名為眾生。一壽二煖三識。若從是義一切眾生應先有煖。云何如來說言煖法因善友生。

佛言。善男子。如汝所問有煖法者。一切眾生至一闡提皆悉有之。如我今者所說煖法。要因方便然後乃得本無今有。以是義故。非諸眾生一切先有。是故汝今不應難言一切眾生皆有煖法。

善男子。如是煖法是色界法非欲界有。若言一

Thân cận thiện hữu, thính Chánh pháp,  
Nội thiện tư duy, như Pháp trụ;  
Nhạo kiến quang minh tu tập đạo,  
Hoạch đắc giải thoát, an ổn trụ.

Thiện nam tử! Trí bất cụ túc, phạm hữu ngũ sự. Thị nhân tri dĩ, cầu cận Thiện hữu. Như thị Thiện hữu đương quán thị nhân tham dục, sân khuể, ngu si, tư giác, trước ngã.

Hà giả thiên đa? Nhược tri thị nhân tham dục đa giả, tức ứng vị thuyết bất tịnh quán pháp. Sân khuể, đa giả, vị thuyết từ bi. Tư giác đa giả, giáo linh sở túc. Trước ngã đa giả, đương vị phân tích Thập bát giới đẳng.

Thị nhân văn dĩ, chí tâm thọ trì. Tâm thọ trì dĩ, như pháp tu hành. Như Pháp hành dĩ, thứ đệ hoạch đắc Tứ niệm xứ quán: thân, thọ, tâm, pháp. Đắc thị quán dĩ, thứ đệ phục quán Thập nhị nhân duyên. Như thị quán dĩ, thứ đắc Noãn pháp.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhất thiết chúng sanh tất hữu Noãn Pháp. Hà dĩ cố? Như Phật sở thuyết, tam pháp hòa hiệp, danh vi chúng sanh: nhất thọ, nhị noãn, tam thức. Nhược tùng thị nghĩa, nhất thiết chúng sanh ứng tiên hữu Noãn. Vân hà Như Lai thuyết ngôn: Noãn Pháp nhân Thiện hữu sanh?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như nữ sở vấn, hữu Noãn pháp giả, nhất thiết chúng sanh, chí nhất-xiển-đề, giai tất hữu chi. Như ngã kim giả sở thuyết Noãn pháp, yếu nhân phương tiện, nhiên hậu nãi đắc, bản vô kim hữu. Dĩ thị nghĩa cố, phi chư chúng sanh nhất thiết tiên hữu. Thị cố nữ kim bất ứng nạn ngôn: nhất thiết chúng sanh giai hữu Noãn pháp.

Thiện nam tử! Như thị Noãn pháp thị Sắc giới pháp, phi Dục giới hữu. Nhược ngôn nhất thiết chúng sanh hữu giả, Dục



切眾生有者。欲界眾生亦皆應有。欲界無故當知一切不必都有。

善男子。色界雖有非一切有。何以故。我弟子有外道則無。以是義故。一切眾生不必都有。

善男子。一切外道唯觀六行。我諸弟子具足十六。是十六行一切眾生不必都有。

迦葉菩薩白佛言。世尊。所言煖法云何名煖。為自性煖為他故煖。

佛言。善男子。如是煖法自性是煖非他故煖。

迦葉菩薩言。世尊。如來先說馬師滿宿無有煖法。何以故。於三寶所無信心故是故無煖。當知信心即是煖法。

善男子。信非煖法。何以故。因於信心獲得煖故。

善男子。夫煖法者即是智慧。何以故觀四諦故。是故名之為十六行。行即是智。

善男子。如汝所問何因緣故名為煖者。善男子。夫煖法者。即是八聖道之火相。故名為煖。

善男子。譬如攢火先有煖氣次有火生後則煙出。是無漏道亦復如是。煖者即是十六行也。火者即是須陀洹果。煙者即是修道斷結。

giới chúng sanh diệt giai ưng hữu. Dục giới vô cố, đương tri nhất thiết bát tất đô hữu.

Thiện nam tử! Sắc giới tuy hữu, phi nhất thiết hữu. Hà dĩ cố? Ngã đệ tử hữu, ngoại đạo tác vô. Dĩ thị nghĩa cố, nhất thiết chúng sanh bát tất đô hữu.

Thiện nam tử! Nhất thiết ngoại đạo duy quán Lục hạnh; ngã chư đệ tử cụ túc thập lục. Thị thập lục hạnh, nhất thiết chúng sanh bát tất đô hữu.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Sở ngôn Noãn pháp, vân hà danh noãn? Vị tự tánh noãn, vị tha cố noãn?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như thị Noãn pháp, tự tánh thị noãn, phi tha cố noãn.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Như Lai tiên thuyết Mã Sư, Mãn Túc vô hữu Noãn pháp. Hà dĩ cố? Ư Tam bảo sở, vô tín tâm cố. Thị cố vô noãn. Đương tri tín tâm, tức thị Noãn pháp.

Thiện nam tử! Tín, phi Noãn pháp. Hà dĩ cố? Nhân ư tín tâm, hoạch đắc Noãn cố.

Thiện nam tử! Phù Noãn pháp giả, tức thị trí tuệ. Hà dĩ cố? Quán tứ đế cố. Thị cố danh chi vi Thập lục hạnh. Hạnh tức thị trí.

Thiện nam tử! Như nhữ sở vấn: Hà nhân duyên cố, danh vi Noãn giả? Thiện nam tử! Phù, Noãn pháp giả, tức thị Bát Thánh đạo chi Hỏa tướng, cố danh vi Noãn.

Thiện nam tử! Thí như toàn hỏa; tiên hữu noãn khí; thứ hữu hỏa sanh; hậu tác yên xuất. Thị vô lậu đạo diệt phục như thị; noãn giả, tức thị Thập lục hạnh dã; Hỏa giả, tức thị Tu-đà-hoàn quả; yên giả, tức thị tu đạo đoạn kết.

迦葉菩薩復白佛言。世尊。如是煖法亦是有法亦是有為。是法報得色界五陰是故名有。是因緣故復名有為。若是有為云何能為無漏道相。

佛言。善男子。如是如是。如汝所說。

善男子。如是煖法雖是有為有法。還能破壞有為有法。是故能為無漏道相。

善男子。如人乘馬亦愛亦策。煖心亦爾愛故受生厭故觀行。是故雖復有法有為。而能與彼正道作相。得煖法人七十三種欲界十種。是人具足一切煩惱。從斷一分至于九分。如欲界初禪乃至無所有處亦復如是。是名七十三種。

如是等人得煖法已。則不復能斷於善根作五逆罪犯四重禁。是人二種。一遇善友。二遇惡友。遇惡友者暫出還沒。遇善友者遍觀四方。

觀四方者即是頂法。是法雖復性是五陰亦緣四諦。是故得名遍觀四方。

得頂法已次得忍法。是忍亦爾性亦五陰亦緣四諦。

是人次得世第一法。是法雖復性是五陰亦緣四諦。

是人次第得苦法忍。忍性是慧緣於一諦。如是

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như thị Noãn pháp diệc thị hữu pháp, diệc thị hữu vi. Thị pháp báo đắc Sắc giới ngũ ấm, thị cố danh hữu. Thị nhân duyên cố, phục danh hữu vi. Nhược thị hữu vi, vân hà năng vi vô lậu đạo tướng?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như thị, như thị. Như nữ sở thuyết.

Thiện nam tử! Như thị Noãn pháp tuy thị hữu vi, hữu pháp, hoàn năng phá hoại hữu vi, hữu pháp. Thị cố năng vi vô lậu đạo tướng.

Thiện nam tử! Như nhân thừa mã, diệc ái, diệc sách. Noãn tâm diệc nhĩ. Ái cố thọ sanh, yếm cố quán hạnh. Thị cố tuy Phục hữu Pháp, hữu vi, nhi năng dĩ bỉ Chánh đạo tác tướng. Đắc Noãn pháp nhân, thất thập tam chủng. Dục giới thập chủng, thị nhân cụ túc nhất thiết phiền não, từng đoạn nhất phần chí vu cứu phần. Như Dục giới, Sơ thiên nãi chí Vô sở hữu xứ, diệc phục như thị. Thị danh thất thập tam chủng.

Như thị đẳng nhân đắc Noãn pháp dĩ, tắc bất phục năng đoạn ư thiện căn, tác ngũ nghịch tội, phạm tứ trọng cấm. Thị nhân nhị chủng: nhất ngộ thiện hữu, nhị ngộ ác hữu. Ngộ ác hữu giả, tạm xuất hoàn một. Ngộ thiện hữu giả, biến quan tứ phương.

Quan tứ phương giả, tức thị Đỉnh pháp. Thị pháp tuy phục tánh thị ngũ ấm, diệc duyên Tứ đế. Thị cố đắc danh biến quan tứ phương.

Đắc Đỉnh pháp dĩ, thứ đắc Nhẫn pháp. Thị nhẫn diệc nhĩ: tánh diệc ngũ ấm, diệc duyên Tứ đế.

Thị nhân thứ đắc Thế đệ nhất pháp. Thị pháp tuy phục tánh thị ngũ ấm, diệc duyên Tứ đế.

Thị nhân thứ đệ đắc Khổ pháp nhẫn. Nhẫn tánh thị tuệ, duyên ư nhất đế. Như thị nhẫn pháp duyên nhất đế dĩ, nãi

忍法緣一諦已。乃至見斷煩惱得須陀洹果。是名第四遍觀四方。四方者即是四諦。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛先說須陀洹人所斷煩惱。猶如縱廣四十里水。其餘在者如一毛滄。此中云何說斷三結名須陀洹一者我見。二者非因見因。三者疑網。

世尊。何因緣故名須陀洹遍觀四方。復何因緣名須陀洹。復何因緣說須陀洹喻以鰈魚。

佛言。善男子。須陀洹人雖復能斷無量煩惱。此三重故亦攝一切須陀洹人所斷結故。

善男子。譬如大王出遊巡時。雖有四兵世人但言王來王去。何以故世間重故。是三煩惱亦復如是。何因緣故名之為重。一切眾生常所起故微難識故。是故名重。如是三結難可斷故。能為一切煩惱因故。是三對治之怨敵故。謂戒定慧。

善男子。有諸眾生聞須陀洹能斷如是無量煩惱。則生退心便作是言。眾生云何能斷如是無量煩惱。是故如來方便說三。

如汝所問何因緣故須陀洹人喻觀四方。

chí kiến đoạn phiền não, đắc Tu-đà-hoàn quả. Thị danh đệ tứ, biến quan tứ phương. Tứ phương giả, tức thị Tứ đế.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật tiên thuyết: Tu-đà-hoàn nhân, sở đoạn phiền não, do như tủng quảng tứ thập lý thủy. Kỳ dư tại giả, như nhất mao, trích. Thủ trung vân hà thuyết đoạn tam kết, danh Tu-đà-hoàn? Nhất giả ngã kiến, nhị giả phi nhân kiến nhân, tam giả nghi võng.

Thế Tôn! Hà nhân duyên cố danh Tu-đà-hoàn biến quan tứ phương? Phục hà nhân duyên danh Tu-đà-hoàn? Phục hà nhân duyên thuyết Tu-đà-hoàn dụ dĩ thước ngư?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Tu-đà-hoàn nhân tuy phục năng đoạn vô lượng phiền não, thủ tam trọng cố, diệt nhiếp nhất thiết Tu-đà-hoàn nhân sở đoạn kết cố.

Thiện nam tử! Thí như Đại vương, xuất du tuần thời, tuy hữu tứ binh, thế nhân dân ngôn: Vương lai vương khứ. Hà dĩ cố? Thế gian trọng cố. Thị tam phiền não diệt phục như thị. Hà nhân duyên cố danh chi vi trọng? Nhất thiết chúng sanh thường sở khởi cố, vi nan thức cố, thị cố danh trọng. Như thị tam kết nan khả đoạn cố; năng vi nhất thiết phiền não nhân cố; thị tam đối trị chi oán địch cố, vị: giới, định, tuệ.

Thiện nam tử! Hữu chư chúng sanh văn Tu-đà-hoàn năng đoạn như thị vô lượng phiền não, tắc sanh thối tâm, tiện tác thị ngôn: Chúng sanh vân hà năng đoạn như thị vô lượng phiền não? Thị cố Như Lai phương tiện thuyết tam.

Như nhữ sở vấn: Hà nhân duyên cố Tu-đà-hoàn nhân dụ quan tứ phương?

善男子。須陀洹人觀於四諦獲得四事。一者住堅固道。二者能遍觀察。三者能如實見。四者能壞大怨。

堅固道者是須陀洹所有五根無能動者。是故名為住堅固道。能遍觀者悉能呵責內外煩惱。如實見者即是忍智。壞大怨者謂四顛倒。

如汝所問何因緣故名須陀洹者。

善男子。須名無漏。陀洹名修習。修習無漏故名須陀洹。

善男子。復有須者名流。流有二種。一者順流。二者逆流。以逆流故名須陀洹。

迦葉菩薩言。世尊。若從是義何因緣故。斯陀舍人阿那舍人阿羅漢人。不得名為須陀洹耶。

善男子。從須陀洹乃至諸佛。亦得名為須陀洹。若斯陀舍乃至諸佛無須陀洹。云何得名斯陀舍乃至佛。一切眾生名有二種。一者舊。二者新。凡夫之時有世名字。既得道已更為立名，名須陀洹。以先得故名須陀洹。以後得故名斯陀舍。是人亦名須陀洹亦名斯陀舍。乃至佛亦復如是。

善男子。流有二種。一者解脫。二者涅槃。一切聖人皆有是二。亦可得名須陀洹亦名斯陀舍。乃至佛亦復如是。

Thiện nam tử! Tu-đà-hoàn nhân quán ư Tứ đế, hoạch đắc tứ sự: Nhất giả trụ kiên cố đạo. Nhị giả năng biến quan sát. Tam giả năng như thật kiến. Tứ giả năng hoại đại oán.

Kiên cố đạo giả, thị Tu-đà-hoàn, sở hữu ngũ căn, vô năng động giả. Thị cố danh vi trụ kiên cố đạo. Năng biến quan giả, tất năng ha trách nội ngoại phiền não. Như thật kiến giả, tức thị nhãn trí. Hoại đại oán giả, vị tứ diên đảo.

Như nữ sở vấn: Hà nhân duyên cố danh Tu-đà-hoàn giả.

Thiện nam tử! Tu, danh vô lậu; ðà-hoàn, danh tu tập. Tu tập vô lậu cố, danh Tu-đà-hoàn.

Thiện nam tử! Phục hữu tu giả, danh lưu. Lưu hữu nhị chủng: nhất giả thuận lưu, nhị giả nghịch lưu. Dĩ nghịch lưu cố, danh Tu-đà-hoàn.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Nhược tùng thị nghĩa, hà nhân duyên cố. Tư-đà-hàm nhân, A-na-hàm nhân, A-la-hán nhân, bất đắc danh vi Tu-đà-hoàn da?

Thiện nam tử! Tùng Tu-đà-hoàn nãi chí chư Phật, diệc đắc danh vi Tu-đà-hoàn. Nhược Tư-đà-hàm nãi chí chư Phật vô Tu-đà-hoàn, vân hà đắc danh Tư-đà-hàm nãi chí Phật? Nhất thiết chúng sanh danh hữu nhị chủng: nhất giả cựu, nhị giả tân. Phàm phu chi thời, hữu thế danh tự; ký đắc đạo dĩ, cánh vị lập danh, danh Tu-đà-hoàn. Dĩ tiên đắc cố, danh Tu-đà-hoàn; dĩ hậu đắc cố, danh Tư-đà-hàm. Thị nhân diệc danh Tu-đà-hoàn, diệc danh Tư-đà-hàm; nãi chí Phật, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Lưu hữu nhị chủng: nhất giả giải thoát, nhị giả Niết-bàn. Nhất thiết Thánh nhân giai hữu thị nhị; diệc khả đắc danh Tu-đà-hoàn, diệc danh Tư-đà-hàm; nãi chí Phật, diệc phục như thị.



善男子。須陀洹者亦名菩薩。何以故。菩薩者即是盡智及無生智。須陀洹人亦復求索如是二智。是故當知須陀洹人得名菩薩。

須陀洹人亦得名覺。何以故。正覺見道斷煩惱故。正覺因果故。正覺共道及不共道故。斯陀含乃至阿羅漢亦復如是。

善男子。是須陀洹凡有二種。一者利根。二者鈍根。鈍根之人人天七返。是鈍根人復有五種。或有六五四三二種。利根之人現在獲得須陀洹果至阿羅漢果。

善男子。如汝所問何因緣故須陀洹人以喻鰈魚。

善男子。鰈魚有四事。一者骨細故輕。二者有翅故輕。三者樂見光明。四者銜物堅持。

須陀洹人亦有四事。言骨細者喻煩惱微。言有翅者喻奢摩他毘婆舍那。樂見光明喻於見道。銜物堅持喻聞如來說無常苦無我不淨堅持不捨。

猶如魔王化作佛像。首羅長者見已心驚。魔見長者其心動已即語長者。我先所說四真諦者是說不真。今當為汝更說五諦六陰十三入十九界。長者聞已尋觀法相都無此理。是故堅持其心不動。

Thiện nam tử! Tu-đà-hoàn giả, diệc danh Bồ Tát. Hà dĩ cố? Bồ Tát giả, tức thị tận trí cập vô sanh trí. Tu-đà-hoàn nhân, diệc phục cầu sách như thị nhị trí. Thị cố đương tri Tu-đà-hoàn nhân đắc danh Bồ Tát.

Tu-đà-hoàn nhân, diệc đắc danh giác. Hà dĩ cố? chánh giác kiến đạo đoạn phiền não cố, chánh giác nhân quả cố, chánh giác cộng đạo cập bất cộng đạo cố. Tư-đà-hàm nãi chí A-la-hán, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Thị Tu-đà-hoàn, phạm hữu nhị chủng: nhất giả lợi căn, nhị giả độn căn. Độn căn chi nhân, nhân, thiên thất phẫn. Thị độn căn nhân, phục hữu ngũ chủng; hoặc hữu lục, ngũ, tứ, tam, nhị chủng. Lợi căn chi nhân, hiện tại hoạch đắc Tu-đà-hoàn quả, chí A-la-hán quả.

Thiện nam tử! Như nữ sở vấn, hà nhân duyên cố Tu-đà-hoàn nhân dĩ dụ tích ngư?

Thiện nam tử! Tích ngư hữu tứ sự: Nhất giả cốt tể cố khinh. Nhị giả hữu sí cố khinh. Tam giả nhạo kiến quang minh. Tứ giả hàm vật kiên trì.

Tu-đà-hoàn nhân diệc hữu tứ sự. Ngôn cốt tể giả, dụ phiền não vi. Ngôn hữu sí giả, dụ xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Nhạo kiến quang minh, dụ ư kiến đạo. Hàm vật kiên trì, dụ văn Như Lai thuyết vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, kiên trì bất xả.

Dụ như Ma vương hóa tác Phật tượng. Thủ-la Trưởng giả kiến dĩ, tâm kinh. Ma kiến Trưởng giả kỳ tâm động dĩ, tức ngữ Trưởng giả: Ngã tiên sở thuyết Tứ Chân đế giả, thị thuyết bất chân. Kim đương vị nữ, cánh thuyết: ngũ đế, lục ám, thập tam nhập, thập cửu giới. Trưởng giả văn dĩ, tâm quán pháp tướng, đô vô thủ lý. Thị cố kiên trì, kỳ tâm bất động.

迦葉菩薩白佛言。世尊。是須陀洹先得道故名須陀洹以初果故。名須陀洹。若先得道名須陀洹者。得苦法忍時何故不得名須陀洹乃名為向。若以初果名須陀洹。外道之人先斷煩惱至無所有處。修無漏道得阿那含果。何故不名為須陀洹。

善男子。以初果故名須陀洹。如汝所問外道之人先斷煩惱至無所有處。修無漏道得阿那含。何故不名須陀洹者。

善男子。以初果故名須陀洹。是人爾時具足八智及十六行。

迦葉言。世尊。得阿那含亦復如是。亦得八智具十六行。何故不得名須陀洹。

善男子。有漏十六行有二種。一者共。二者不共。無漏十六行亦有二種。一者向果。二者得果。八智亦二。一者向果。二者得果。須陀洹人捨共十六行。得不共十六行。捨向果八智。得得果八智。阿那含人則不如是。是故初果名須陀洹。

善男子。須陀洹人緣於四諦。阿那含人唯緣一諦。是故初果名須陀洹。

以是因緣喻以鰈魚。遍觀已行。行者，即是斯陀舍人繫心修道。為斷貪欲瞋癡憍慢。如彼鰈魚遍觀

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thị Tu-đà-hoàn, tiên đắc đạo cố, danh Tu-đà-hoàn. Dĩ sơ quả cố, danh Tu-đà-hoàn. Nhược tiên đắc đạo, danh Tu-đà-hoàn giả, đắc khổ Pháp nhẫn thời, hà cố bất đắc danh Tu-đà-hoàn, nãi danh vi hướng? Nhược dĩ sơ quả, danh Tu-đà-hoàn, ngoại đạo chi nhân, tiên đoạn phiền não, chí vô sở hữu xứ, tu vô lậu đạo, đắc A-na-hàm quả, hà cố bất danh vi Tu-đà-hoàn?

Thiện nam tử! Dĩ sơ quả cố, danh Tu-đà-hoàn. Như nữ sở vấn: Ngoại đạo chi nhân tiên đoạn phiền não, chí vô sở hữu xứ, tu vô lậu đạo, đắc A-na-hàm, hà cố bất danh Tu-đà-hoàn giả?

Thiện nam tử! Dĩ sơ quả cố, danh Tu-đà-hoàn. Thị nhân nhĩ thời cụ túc bát trí cập thập lục hạnh.

Ca-diếp ngôn: Thế Tôn! Đắc A-na-hàm diệt phục như thị: diệt đắc bát trí, cụ thập lục hạnh. Hà cố bất đắc danh Tu-đà-hoàn?

Thiện nam tử! Hữu lậu thập lục hạnh hữu nhị chủng: nhất giả cộng, nhị giả bất cộng. Vô lậu thập lục hạnh diệt hữu nhị chủng: nhất giả hướng quả, nhị giả đắc quả. Bát trí diệt nhị: nhất giả hướng quả, nhị giả đắc quả. Tu-đà-hoàn nhân, xả cộng thập lục hạnh, đắc bất cộng thập lục hạnh; xả hướng quả Bát trí, đắc đắc quả Bát trí. A-na-hàm nhân, tác bất như thị. Thị cố sơ quả, danh Tu-đà-hoàn.

Thiện nam tử! Tu-đà-hoàn nhân duyên ư Tứ đế. A-na-hàm nhân duy duyên Nhất đế. Thị cố sơ quả, danh Tu-đà-hoàn.

Dĩ thị nhân duyên, dụ dĩ tích ngư biến quan dĩ hành. Hành giả tức thị Tu-đà-hàm nhân, hệ tâm tu đạo, vị đoạn tham dục, sân, si, kiêu mạn. Như bỉ tích ngư, biến quan phương dĩ, vị

方已為食故行行已復住。喻阿那含得食已住。是阿那含凡有二種。

一者現在得阿那含。進修即得阿羅漢果。

二者貪著色界無色界中寂靜三昧。是人不受欲界身故名阿那含。

是阿那含復有五種。一者中般涅槃。二者受身般涅槃。三者行般涅槃。四者無行般涅槃。五者上流般涅槃。

復有六種。五種如上。加現在般涅槃。

復有七種。六種如上。加無色界般涅槃。

行般涅槃。復有二種，或受二身，或受四身。若受二身是名利根。若受四身是名鈍根。復有二種。一者精進無自在定。二者懈怠有自在定。復有二種。一者具精進定。二者不具是二。

善男子。欲界眾生有二種業。一者作業。二者受生業。

中涅槃者。唯有作業無受生業。是故於中而般涅槃。捨欲界身未至色界。以利根故於中涅槃是中涅槃。

阿那含人有四種心。一者非學非無學。二者學。三者無學。四者非學非無學。入於涅槃。

thực cố hành. Hành dĩ phục trụ, dụ A-na-hàm, đắc thực dĩ trụ. Thị A-na-hàm, phàm hữu nhị chủng:

Nhất giả hiện tại đắc A-na-hàm, tấn tu tức đắc A-la-hán quả.

Nhị giả tham trước Sắc giới, Vô sắc giới trung tịch tĩnh tam-muội. Thị nhân bất thọ Dục giới thân, cố danh A-na-hàm.

Thị A-na-hàm phục hữu ngũ chủng: Nhất giả trung bát Niết-bàn, nhị giả thọ thân Bát Niết-bàn, tam giả hành Bát Niết-bàn, tứ giả vô hành Bát Niết-bàn, ngũ giả Thượng lưu Bát Niết-bàn.

Phục hữu lục chủng: Ngũ chủng như thượng, gia hiện tại Bát Niết-bàn.

Phục hữu thất chủng: Lục chủng như thượng, gia vô sắc giới Bát Niết-bàn.

Hành Bát Niết-bàn, phục hữu nhị chủng: hoặc thọ nhị thân, hoặc thọ tứ thân. Nhược thọ nhị thân, thị danh lợi căn. Nhược thọ tứ thân, thị danh độn căn. Phục hữu nhị chủng: nhất giả tinh tấn, vô tự tại định; nhị giả giải đãi, hữu tự tại định. Phục hữu nhị chủng: nhất giả cụ tinh tấn, định. Nhị giả bất cụ thị nhị.

Thiện nam tử! Dục giới chúng sanh hữu nhị chủng nghiệp: nhất giả tác nghiệp, nhị giả thọ sanh nghiệp.

Trung Niết-bàn giả, duy hữu tác nghiệp, vô thọ sanh nghiệp. Thị cố ư trung nhi Bát Niết-bàn. Xả Dục giới thân, vị chí Sắc giới, dĩ lợi căn cố, ư trung Niết-bàn. Thị trung Niết-bàn, A-na-hàm nhân hữu tứ chủng tâm: nhất giả phi học phi vô học, nhị giả học, tam giả vô học, tứ giả phi học phi vô học, nhập ư Niết-bàn.

云何復名中般涅槃。

善男子。是阿那含四種心中。二是涅槃，二非涅槃。是故名為中般涅槃。

受身涅槃復有二種。一者作業。二者生業。是人捨欲界身受色界身。精勤修道盡其壽命入於涅槃。

迦葉菩薩言。世尊。若言盡命入涅槃者。云何而言受身涅槃。

佛言。善男子。是人受身然後乃斷三界煩惱。是故名為受身涅槃。

善男子。行般涅槃者。常修行道有為三昧力故。能斷煩惱入於涅槃。是名行般涅槃。

無行般涅槃者。是人定知當得涅槃是故懈怠。亦以有為三昧力故。壽盡則得入於涅槃。是名無行般涅槃。

上流般涅槃者。若有人得第四禪已。是人生於初禪愛心。以是因緣退生初禪。是有二流。一煩惱流。二者道流。以道流故是人壽盡生二禪愛。以愛因緣生於二禪。至第四禪亦復如是。是四禪中復有二種。一者入無色界。二者入五淨居。

如是二人。一樂三昧二樂智慧。樂智慧者入五淨居。樂三昧者入無色界。

Vân hà phục danh trung Bát Niết-bàn?

Thiện nam tử! Thị A-na-hàm tứ chủng tâm trung, nhị thị Niết-bàn, nhị phi Niết-bàn. Thị cố danh vi trung Bát Niết-bàn.

Thọ thân Niết-bàn phục hữu nhị chủng: nhất giả tác nghiệp, nhị giả sanh nghiệp. Thị nhân xả Dục giới thân, thọ Sắc giới thân, tinh cần tu đạo, tận kỳ thọ mạng, nhập ư Niết-bàn.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Nhược ngôn tận mạng, nhập Niết-bàn giả, vân hà nhi ngôn Thọ thân Niết-bàn?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thị nhân thọ thân, nhiên hậu nãi đoạn tam giới phiền não. Thị cố danh vi Thọ thân Niết-bàn.

Thiện nam tử! Hành Bát Niết-bàn giả, thường tu hành đạo, hữu vi tam-muội lực cố, năng đoạn phiền não, nhập ư Niết-bàn. Thị danh Hành Bát Niết-bàn.

Vô hành Bát Niết-bàn giả, thị nhân định tri đương đắc Niết-bàn, thị cố giải đãi; diệc dĩ hữu vi tam-muội lực cố, thọ tận tác đắc nhập ư Niết-bàn. Thị danh Vô hành Bát Niết-bàn.

Thượng lưu Bát Niết-bàn giả, nhược hữu nhân đắc đệ tứ thiên dĩ, thị nhân sanh ư sơ thiên ái tâm. Dĩ thị nhân duyên, thối sanh sơ thiên. Thị hữu nhị lưu: nhất phiền não lưu, nhị giả đạo lưu. Dĩ đạo lưu cố, thị nhân thọ tận, sanh nhị thiên ái; dĩ ái nhân duyên, sanh ư nhị thiên. Chí đệ tứ thiên, diệc phục như thị. Thị tứ thiên trung, phục hữu nhị chủng: nhất giả nhập Vô sắc giới, nhị giả nhập Ngũ tịnh cư.

Như thị nhị nhân, nhất nhạo tam-muội, nhị nhạo trí tuệ. Nhạo trí tuệ giả nhập Ngũ tịnh cư; nhạo tam-muội giả nhập Vô sắc giới.



如是二人。一者修第四禪有五階差。二者不修。云何為五。下中上上中上上。

修上上者處色究竟天。修上中者處善現天。修上品者處善見天。修中品者處無熱天。修下品者處無煩天。

如是二人。一樂論議。一樂寂靜。樂寂靜者入無色界。樂論議者處五淨居。

復有二種。一者修熏禪。二者不修熏禪。修熏禪者入五淨居。不修熏禪者生無色界。盡其壽命而般涅槃。

是名上流般涅槃。若欲入於無色界者。則不能修四禪五差。若修五差則能呵責無色界定。

迦葉菩薩白佛言。世尊。中涅槃者則是利根。若利根者何不現在入涅槃耶。何故欲界有中涅槃色界則無。

佛言。善男子。是人現在四大羸劣不能修道。雖有比丘四大康健。無有房舍飲食衣服臥具醫藥。眾緣不具是故不得現在涅槃。

善男子。我昔一時在舍衛國阿那邠坻<sup>(1)</sup>精舍。有

<sup>1</sup> Bản chữ Vạn khắc đây là chữ 坻 (di), chắc là nhầm, vì các từ điển đều ghi tên tinh xá này là 阿那邠坻 (A-na-bân-đề), phiên âm từ chữ *Anātapindika*, là tên ông trưởng giả Cấp Cô Độc, được lấy làm tên tinh xá, tức tinh xá Kỳ viên hay Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên.

Như thị nhị nhân: nhất giả tu đệ tứ thiên hữu ngũ giai sai, nhị giả bất tu. Vân hà vi ngũ? Hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng.

Tu thượng thượng giả, xử Sắc cứu cánh thiên. Tu thượng trung giả, xử Thiện hiện thiên. Tu thượng phẩm giả, xử Thiện kiến thiên. Tu trung phẩm giả, xử Vô nhiệt thiên. Tu hạ phẩm giả, xử Vô phiền thiên.

Như thị nhị nhân: nhất nhạo luận nghị, nhất nhạo tịch tĩnh. Nhạo tịch tĩnh giả nhập Vô sắc giới; nhạo luận nghị giả xử Ngũ tịnh cư.

Phục hữu nhị chủng: nhất giả tu huân thiên, nhị giả bất tu huân thiên. Tu huân thiên giả nhập Ngũ tịnh cư. Bất tu huân thiên giả sanh Vô sắc giới; tận kỳ thọ mạng, nhi Bát Niết-bàn.

Thị danh thượng lưu Bát Niết-bàn. Nhược dục nhập ư Vô sắc giới giả, tác bất năng tu tứ thiên hữu sai. Nhược tu ngũ sai, tác năng ha trách Vô sắc giới định.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Trung Niết-bàn giả, tác thị lợi căn. Nhược lợi căn giả, hà bất hiện tại nhập Niết-bàn da? Hà cố Dục giới, hữu trung Niết-bàn, Sắc giới tác vô?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thị nhân hiện tại tứ đại luy liệt, bất năng tu đạo. Tuy hữu tỳ-kheo tứ đại khang kiện, vô hữu phòng xá, ẩm thực, y phục, ngọa cụ, y dược, chúng duyên bất cụ, thị cố bất đắc hiện tại Niết-bàn.

Thiện nam tử! Ngã tích nhất thời tại Xá-vệ quốc, A-na-bân-đề tinh xá. Hữu nhất tỳ-kheo lai chí ngã sở, tác như thị

一比丘來至我所作如是言。世尊。我常修道而不能得須陀洹果至阿羅漢果。

我時即告阿難言。汝今當為如是比丘具諸所須。

爾時阿難將是比丘。至祇陀林與好房舍。是時比丘語阿難言。大德。唯願為我莊嚴房舍淨潔修治。七寶嚴麗懸繒幡蓋。

阿難言。世間貧者乃名沙門。我當云何能辦是事。

是比丘言。大德。若能為我作者善哉善哉。若不能者我當還往至世尊所。

爾時阿難即往佛所作如是言。世尊。向者比丘。從我求索種種莊嚴七寶幡蓋。不審是事當云何耶。

我於爾時復告阿難。汝今還去隨比丘意。所須之物為辦具之。

爾時阿難即還房中。為是比丘事事具足。比丘得已繫念修道。不久即得須陀洹果至阿羅漢果。

善男子。無量眾生應入涅槃。以所乏故妨亂其心是故不得。

善男子。復有眾生多喜教化。其心忽<sup>2</sup>務不能得定。是故不得現在涅槃。

<sup>2</sup> Bản chữ Vạn khắc chữ 忽 (phấn), chắc là nhầm, vì không hợp nghĩa. Hơn nữa, đối chiếu các bản khác nhau, hoặc dùng chữ 忽 (thông), hoặc chữ 息 (thông), cũng đồng nghĩa như nhau.

ngôn: Thế Tôn! Ngã thường tu đạo, nhi bất năng đắc Tu-đà-hoàn quả chí A-la-hán quả.

Ngã thời tức cáo A-nan ngôn: Nhữ kim đương vị như thị tỳ-kheo, cụ chư sở tu.

Nhĩ thời, A-nan tương thị tỳ-kheo chí Kỳ-đà lâm, dữ hảo phòng xá. Thị thời, Tỳ-kheo ngữ A-nan ngôn: Đại đức! Duy nguyện vị ngã trang nghiêm phòng xá, tịnh khiết tu trì thất bảo nghiêm lệ, huyền tăng phan cái.

A-nan ngôn: Thế gian bản giả nãi danh sa-môn. Ngã đương vân hà năng biện thị sự.

Thị tỳ-kheo ngôn: Đại đức nhược năng vị ngã tác giả, thiện tai, thiện tai. Nhược bất năng giả, ngã đương hoàn vãng, chí Thế Tôn sở.

Nhĩ thời, A-nan tức vãng Phật sở, tác như thị ngôn: Thế Tôn! Hương giả tỳ-kheo tòng ngã cầu sách chủng chủng trang nghiêm thất bảo phan cái. Bất thẩm thị sự; đương vân hà da?

Ngã ư nhĩ thời, phục cáo A-nan: Nhữ kim hoàn khứ, tùy tỳ-kheo ý, sở tu chi vật, vị biện cụ chi.

Nhĩ thời, A-nan tức hoàn phòng trung, vị thị tỳ-kheo, sự cụ túc. Tỳ-kheo đắc dĩ, hệ niệm tu đạo, bất cửu tức đắc Tu-đà-hoàn quả, chí A-la-hán quả.

Thiện nam tử! Vô lượng chúng sanh ưng nhập Niết-bàn; dĩ sở phạp cố, phòng loạn kỳ tâm, thị cố bất đắc.

Thiện nam tử! Phục hữu chúng sanh, đa hỷ giáo hóa, kỳ tâm thông vụ, bất năng đắc định, thị cố bất đắc hiện tại Niết-bàn.

善男子。如汝所問何因緣故。捨欲界身有中涅槃色界無者。

善男子。是人觀於欲界煩惱因緣有二。一者內。二者外。而色界中無外因緣。欲界復有二種愛心。一者欲愛。二者色愛。觀是二愛至心呵責。既呵責已得入涅槃。

是欲界中能得呵責諸麤煩惱。所謂慳貪瞋妒無慚無愧。以是因緣能得涅槃。

又欲界道其性勇健。何以故。得四<sup>(3)</sup>果故。

是故欲界有中涅槃色界中無。

善男子。中涅槃者凡有三種。謂上中下。上者。捨身未離欲界便得涅槃。中者。始離欲界未至色界便得涅槃。下者。離欲界已至色界邊乃得涅槃。喻以鰓魚得食已住。是人亦爾。

云何名住。處在色界及無色界得受身故。是故名住。不受欲界人天地獄畜生餓鬼。是故名住。已斷無量諸煩惱結餘少在故。是故名住。

復何因緣名之為住。終不造作共凡夫事。是故名住。自無所畏不令他畏。是故名住。遠離二愛慳貪瞋恚。是故名住。

<sup>3</sup> Bản chữ Vạn khắc chữ 向 (huớng), e là nhầm vì không rõ nghĩa. Chữ 四 (tứ) ở đây hợp nghĩa hơn, vì trong các kinh đều nói việc chúng sinh Dục giới có thể tu tập chúng đắc Bốn thánh quả ngay trong đời này.

Thiện nam tử! Như nữ sở vấn: Hà nhân duyên cố, xả Dục giới thân hữu trung Niết-bàn, Sắc giới vô giả?

Thiện nam tử! Thị nhân quán ư Dục giới phiền não, nhân duyên hữu nhị: nhất giả nội, nhị giả ngoại. Nhi Sắc giới trung, vô ngoại nhân duyên. Dục giới phục hữu nhị chủng ái tâm: nhất giả dục ái, nhị giả sắc ái. Quán thị nhị ái, chí tâm ha trách. Kỳ ha trách dĩ, đắc nhập Niết-bàn.

Thị Dục giới trung, năng đắc ha trách chư thô phiền não, sở vị: khan tham, sân đố, vô tầm vô quý. Dĩ thị nhân duyên năng đắc Niết-bàn.

Hựu Dục giới đạo, kỳ tánh đồng kiện. Hà dĩ cố? Đắc Tứ quả cố.

Thị cố Dục giới hữu Trung Niết-bàn, Sắc giới trung vô.

Thiện nam tử! Trung Niết-bàn giả, phạm hữu tam chủng, vị: thượng, trung, hạ. Thượng giả, xả thân vị ly dục giới, tiệp đắc Niết-bàn. Trung giả, thủy ly dục giới vị chí sắc giới, tiệp đắc Niết-bàn. Hạ giả, ly dục giới dĩ, chí sắc giới biên, nãi đắc Niết-bàn. Dụ dĩ tích ngư, đắc thực dĩ trụ; thị nhân diệp nhĩ.

Vân hà danh trụ? Xử tại Sắc giới cập Vô sắc giới đắc thọ thân cố, thị cố danh trụ. Bất thọ dục giới: nhân, thiên, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, thị cố danh trụ. Dĩ đoạn vô lượng chư phiền não kết, dư thiếu tại cố, thị cố danh trụ.

Phục hà nhân duyên danh chi vi trụ? Chung bất tạo tác cộng phạm phu sự, thị cố danh trụ. Tự vô sở úy, bất linh tha úy, thị cố danh trụ. Viễn ly nhị ái khan tham, sân khuể, thị cố danh trụ.

善男子。到彼岸者。喻阿羅漢辟支佛菩薩佛。猶如神龜水陸俱行。何因緣故。喻之以龜。善藏五故。是阿羅漢乃至諸佛亦復如是。善覆五根是故喻龜。言水陸者。水喻世間陸喻出世。是諸聖等亦復如是。能觀一切惡煩惱故到於彼岸。是故喻以水陸俱行。

善男子。如恒河中七種眾生。雖有龜魚之名不離於水。如是微妙大涅槃中。從一闡提上至諸佛雖有異名。然亦不離於佛性水。

善男子。是七眾生若善法若不善法。若方便道若解脫道若次第道。若因若果悉是佛性。是名如來隨自意語。

迦葉菩薩言。世尊。若有因則有果。若無因則無果。涅槃名果。常故無因。若無因者云何名果。而是涅槃亦名沙門名沙門果。云何沙門。云何沙門果。

善男子。一切世間有七種果。一者方便果。二者報恩果。三者親近果。四者餘殘果。五者平等果。六者果報果。七者遠離果。

方便果者。如世間人秋多收穀。咸相謂言得方便果。方便果者名業行果。如是果者有二種因。一

Thiện nam tử! Đáo bỉ ngạn giả, dụ A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ Tát, Phật, do như thần quy, thủy lục câu hành. Hà nhân duyên cố, dụ chi dĩ quy? Thiện tàng ngũ cố. Thị A-la-hán nãi chí chư Phật diệc phục như thị: thiện phúc Ngũ căn. Thị cố dụ quy. Ngôn thủy lục giả, thủy dụ thế gian, lục dụ xuất thế. Thị chư Thánh đẳng diệc phục như thị, năng quán nhất thiết ác phiến não cố, đáo ư bỉ ngạn. Thị cố dụ dĩ thủy lục câu hành.

Thiện nam tử! Như Hằng hà trung, thất chủng chúng sanh. Tuy hữu quy, ngư chi danh, bất ly ư thủy. Như thị vi diệu Đại Niết-bàn trung, tòng nhất-xiển-đề thượng chí chư Phật, tuy hữu dị danh, nhiên diệc bất ly ư Phật tánh thủy.

Thiện nam tử! Thị thất chúng sanh, nhược thiện pháp, nhược bất thiện pháp, nhược phương tiện đạo, nhược giải thoát đạo, nhược thứ đệ đạo, nhược nhân, nhược quả, tất thị Phật tánh. Thị danh Như Lai tùy tự ý ngữ.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Nhược hữu nhân, tác hữu quả. Nhược vô nhân, tác vô quả. Niết-bàn danh quả; thường cố vô nhân. Nhược vô nhân giả, vân hà danh quả? Nhi thị Niết-bàn, diệc danh sa-môn, danh sa-môn quả. Vân hà sa-môn? Vân hà sa-môn quả?

Thiện nam tử! Nhất thiết thế gian, hữu thất chủng quả: nhất giả phương tiện quả, nhị giả báo ân quả, tam giả thân cận quả, tứ giả dư tàn quả, ngũ giả bình đẳng quả, lục giả quả báo quả, thất giả viễn ly quả.

Phương tiện quả giả, như thế gian nhân, thu đa thu cốc, hàm tương vị ngôn: đắc phương tiện quả. Phương tiện quả giả, danh nghiệp hạnh quả. Như thị quả giả hữu nhị chủng nhân: nhất giả cận nhân, nhị giả viễn nhân. Cận nhân giả, sở vị



者近因。二者遠因。近因者。所謂種子。遠因者。謂水糞人功。是名方便果。

報恩果者。如世間人供養父母。父母咸言我今已得恩養之果。子能報恩名之為果。如是果者因亦二種。一者近因。二者遠因。近因者。即是父母過去純善之業。遠者。即是所生孝子。是名報恩果。

親近果者。譬如有人親近善友或得須陀洹果至阿羅漢果。是人唱言我今已得親近果報。如是果者因有二種。一者近因。二者遠因。近者信心。遠者善友。是名親近果。

餘殘果者。如因不殺得第三身延年益壽。是名餘殘果。如是果者有二種因。一者近因。二者遠因。近者。即是身口意淨。遠者。即是延年益壽。是名餘殘果。

平等果者謂世界器。如是果者亦二種因。一者近因。二者遠因。近因者。所謂眾生修十善業。遠因者。所謂三<sup>(4)</sup>災。是名平等果。

果報果者。如人獲得清淨身已修身口意清淨三業。是人便說我得報果。如是果者因有二種。一者

<sup>4</sup> Bản chữ Vạn có thêm chú thích bên cạnh rằng: “三上恐遺無字” (Tam thượng khủng di vô tự - Có lẽ trước chữ tam có sót chữ vô.) Có lẽ người san định dựa vào ý nghĩa mà đoán như thế, nhưng chúng tôi cho rằng ở đây không có chữ vô mới là hợp nghĩa.

chủng tử. Viễn nhân giả, vị, thủy, phấn, nhân công. Thị danh phương tiện quả.

Báo ân quả giả, như thế gian nhân cúng dường phụ mẫu. Phụ mẫu hàm ngôn: Ngã kim dĩ đắc ân dưỡng chi quả. Tử năng báo ân, danh chi vi quả. Như thị quả giả, nhân diệc nhị chủng: nhất giả cận nhân, nhị giả viễn nhân. Cận giả, tức thị phụ mẫu quá khứ thuận thiện chi nghiệp. Viễn giả, tức thị sở sanh hiếu tử. Thị danh báo ân quả.

Thân cận quả giả, thí như hữu nhân, thân cận Thiện hữu, hoặc đắc Tu-đà-hoàn quả, chí A-la-hán quả. Thị nhân xướng ngôn: Ngã kim dĩ đắc thân cận quả báo. Như thị quả giả, nhân hữu nhị chủng: nhất giả cận nhân, nhị giả viễn nhân. Cận giả, tín tâm; viễn giả, thiện hữu. Thị danh thân cận quả.

Dư tàn quả giả, như nhân bất sát, đắc đệ tam thân diên niên ích thọ. Thị danh dư tàn quả. Như thị quả giả, hữu nhị chủng nhân: nhất giả cận nhân, nhị giả viễn nhân. Cận giả, tức thị thân, khẩu, ý tịnh. Viễn giả, tức thị diên niên ích thọ. Thị danh dư tàn quả.

Bình đẳng quả giả, vị thế giới khí. Như thị quả giả, diệc nhị chủng nhân: nhất giả cận nhân, nhị giả viễn nhân. Cận nhân giả, sở vị chúng sanh tu thập thiện nghiệp. Viễn nhân giả, sở vị tam tai. Thị danh bình đẳng quả.

Quả báo quả giả, như nhân hoạch đắc thanh tịnh thân dĩ, tu thân, khẩu, ý thanh tịnh tam nghiệp. Thị nhân tiện thuyết: Ngã đắc báo quả. Như thị quả giả, nhân hữu nhị chủng: nhất giả cận nhân, nhị giả viễn nhân. Cận nhân giả, sở vị hiện tại

近因。二者遠因。近因者。所謂現在身口意淨。遠因者。所謂過去身口意淨。是名果報果。

遠離果者。即是涅槃離諸煩惱一切善業。是涅槃因復有二種。一者近因。二者遠因。近因者。即是三解脫門。遠因者。即無量世所修善法。

善男子。如世間法或說生因或說了因。出世之法亦復如是亦說生因亦說了因。

善男子。三解脫門三十七品。能為一切煩惱作不生因。亦為涅槃而作了因。

善男子。遠離煩惱則得了了見於涅槃。是故涅槃唯有了因無有生因。

善男子。如汝所問云何沙門。云何沙門果者。

善男子。沙門那者即八正道。沙門果者從道畢竟永離一切貪瞋癡等。是名沙門那，沙門果。

迦葉菩薩言。世尊。何因緣故。八正道者名沙門那。

善男子。世言沙門名之為乏。那者名道。如是道者斷一切乏，斷一切道。以是義故。名八正道為沙門那。從是道中獲得果故名沙門果。

善男子。又沙門那者。如世間人有樂靜者亦名

thân, khẩu, ý tịnh. Viễn nhân giả, sở vị quá khứ thân, khẩu, ý tịnh. Thị danh quả báo quả.

Viễn ly quả giả, tức thị Niết-bàn. Ly chư phiền não, nhất thiết thiện nghiệp, thị Niết-bàn nhân. Phục hữu nhị chủng: nhất giả cận nhân, nhị giả viễn nhân. Cận giả, tức thị tam giải thoát môn. Viễn giả, tức vô lượng thế, sở tu thiện Pháp.

Thiện nam tử! Như thế gian pháp, hoặc thuyết sanh nhân, hoặc thuyết liễu nhân. Xuất thế chi pháp diệc phục như thị: diệc thuyết sanh nhân, diệc thuyết liễu nhân.

Thiện nam tử! Tam giải thoát môn, Tam thập thất phẩm, năng vị nhất thiết phiền não, tác bất sanh sanh nhân; diệc vị Niết-bàn, nhi tác liễu nhân.

Thiện nam tử! Viễn ly phiền não, tác đắc liễu liễu kiến ư Niết-bàn. Thị cố Niết-bàn duy hữu liễu nhân, vô hữu sanh nhân.

Thiện nam tử! Như nữ sở vấn: Vân hà sa-môn? Vân hà sa-môn quả giả?

Thiện nam tử! Sa-môn-na giả, tức Bát Chánh đạo. Sa-môn quả giả, từng đạo tất cánh vĩnh ly nhất thiết tham, sân, si đẳng. Thị danh Sa-môn na, Sa-môn quả.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Hà nhân duyên cố Bát Chánh đạo giả danh Sa-môn-na?

Thiện nam tử! Thế ngôn: Sa-môn, danh chi vi pháp; Na giả, danh đạo. Như thị đạo giả đoạn nhất thiết pháp, đoạn nhất thiết đạo. Dĩ thị nghĩa cố, danh Bát Chánh đạo vi Sa-môn-na. Tòng thị đạo trung, hoạch đắc quả cố, danh Sa-môn quả.

Thiện nam tử! Hựu Sa-môn-na giả, như thế gian nhân hữu nhạo tĩnh giả, diệc danh sa-môn. Như thị đạo giả, diệc

沙門。如是道者亦復如是。能令行者離身口意惡邪命等得樂寂靜。是故名之為沙門那。

善男子。如世下人能作上人。是名沙門。如是道者亦復如是。能令下人作上人故。是故得名為沙門那。

善男子。阿羅漢人修是道者得沙門果。是故得名到於彼岸。阿羅漢果者即是無學。五分法身戒定慧解脫解脫知見。因是五分得到彼岸。是故名為到於彼岸。到彼岸故而自說言。

我生已盡  
梵行已立  
所作已辦  
不受後有

善男子。是阿羅漢永斷三世生因緣故。是故自說。我生已盡。亦斷三界五陰身故。是故復言我生已盡。所修梵行已畢竟故。是故唱言梵行已立。又捨學道亦名已立。如本所求今日已得。是故唱言所作已辦。修道得果亦言已辦。獲得盡智，無生智故。唱言我生已盡，盡諸有結。以是義故。名阿羅漢得到彼岸。如阿羅漢辟支佛亦復如是。菩薩及佛具足成就六波羅蜜名到彼岸。是佛菩薩得阿耨多羅三藐三菩提已。名為具足六波羅蜜。何以故。得六波羅蜜果故。以得果故名為具足。

phục như thị; năng linh hành giả ly thân khẩu ý ác, tà mạng đẳng; đắc lạc tịch tĩnh. Thị cố danh chi vi Sa-môn-na.

Thiện nam tử! Như thế hạ nhân năng tác thượng nhân, thị danh Sa-môn. Như thị đạo giả, diệt phục như thị; năng linh hạ nhân tác thượng nhân cố. Thị cố đắc danh vi Sa-môn-na.

Thiện nam tử! A-la-hán nhân, tu thị đạo giả, đắc sa-môn quả. Thị cố đắc danh đáo ưu bỉ ngạn. A-la-hán quả giả, tức thị Vô học ngũ phần Pháp thân: giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Nhân thị ngũ phần, đắc đáo ưu bỉ ngạn, thị cố danh vi đáo ưu bỉ ngạn. Đáo ưu bỉ ngạn cố, nhi tự thuyết ngôn:

Ngã sanh dĩ tận,  
Phạm hạnh dĩ lập;  
Sở tác dĩ biện,  
Bát thọ hậu hữu.

Thiện nam tử! Thị A-la-hán, vĩnh đoạn tam thế sanh nhân duyên cố, thị cố tự thuyết: Ngã sanh dĩ tận. Diệt đoạn Tam giới ngũ ấm thân cố, thị cố phục ngôn: Ngã sanh dĩ tận. Sở tu Phạm hạnh dĩ tất cánh cố, thị cố xưng ngôn Phạm hạnh dĩ lập. Hựu xả học đạo, diệt danh dĩ lập. Như bốn sở cầu, kim nhật dĩ đắc. Thị cố xưng ngôn sở tác dĩ biện. Tu đạo đắc quả, diệt ngôn: dĩ biện. Hoạch đắc tận trí, vô sanh trí cố, xưng ngôn: Ngã sanh dĩ tận, tận chư hữu kết. Dĩ thị nghĩa cố, danh A-la-hán, đắc đáo ưu bỉ ngạn. Như A-la-hán, Bích-chi Phật diệt phục như thị. Bồ Tát cập Phật, cụ túc thành tựu lục Ba-la-mật, danh đáo ưu bỉ ngạn. Thị Phật, Bồ Tát, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, danh vi cụ túc lục Ba-la-mật. Hà dĩ cố? Đắc lục Ba-la-mật quả cố. Dĩ đắc quả cố danh vi cụ túc.

善男子。是七眾生不修身不修戒不修心不修慧。不能修習如是四事。則能造作五逆重罪。能斷善根犯四重禁謗佛法僧。是故得名為常沈沒。

善男子。是七人中有能親近善知識者。至心聽受如來正法內善思惟如法而住。精勤修習身戒心慧。是故得名渡生死河到於彼岸。

若有說言一闍提人得阿耨多羅三藐三菩提者是名染著。若言不得是名虛妄。

善男子。是七種人或有一人具七。或有七人各一。

善男子。若有心口異想異說言。一闍提得阿耨多羅三藐三菩提者。當知是人謗佛法僧。若有心口異想異說言。一闍提不得阿耨多羅三藐三菩提。是人亦名謗佛法僧。

善男子。若有說言八聖道分凡夫所得。是人亦名謗佛法僧。若有說言八聖道分非凡夫得。是人亦名謗佛法僧。

善男子。若有說言一切眾生定有佛性定無佛性。是人亦名謗佛法僧。

善男子。是故我於契經中說。有二種人謗佛法僧。一者不信瞋恚心故。二者雖信不解義故。

善男子。若人信心無有智慧。是人則能增長無明。若有智慧無有信心。是人則能增長邪見。

Thiện nam tử! Thị thất chúng sanh, bất tu thân, bất tu giới, bất tu tâm, bất tu tuệ. Bất năng tu tập như thị tứ sự, tác năng tạo tác ngũ nghịch trọng tội, năng đoạn thiện căn, phạm tứ trọng cấm; báng Phật, Pháp, Tăng. Thị cố đắc danh vi thường trầm một.

Thiện nam tử! Thị thất nhân trung, hữu năng thân cận Thiện trí thức giả, chí tâm thính thọ Như Lai Chánh pháp, nội thiện tư duy, như pháp nhi trụ, tinh cần tu tập thân, giới, tâm, tuệ; thị cố đắc danh độ sanh tử hà, đáo ư bỉ ngạn.

Nhược hữu thuyết ngôn: Nhất-xiển-đề nhân đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, thị danh nhiễm trước. Nhược ngôn: bất đắc, thị danh hư vọng.

Thiện nam tử! Thị thất chúng nhân, hoặc hữu nhất nhân cụ thất; hoặc hữu thất nhân các nhất.

Thiện nam tử! Nhược hữu tâm khẩu, dị tưởng dị thuyết, ngôn: Nhất-xiển-đề đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, đương tri thị nhân báng Phật, Pháp, Tăng. Nhược hữu tâm khẩu, dị tưởng dị thuyết, ngôn: Nhất-xiển-đề bất đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thị nhân diệc danh báng Phật, Pháp, Tăng.

Thiện nam tử! Nhược hữu thuyết ngôn: Bát Thánh đạo phân, phạm phu sở đắc, thị nhân diệc danh báng Phật, Pháp, Tăng. Nhược hữu thuyết ngôn: Bát Thánh đạo phân, phi phạm phu đắc, thị nhân diệc danh báng Phật, Pháp, Tăng.

Thiện nam tử! Nhược hữu thuyết ngôn: nhất thiết chúng sanh, định hữu Phật tánh; định vô Phật tánh; thị nhân diệc danh báng Phật, Pháp, Tăng.

Thiện nam tử! Thị cố ngã ư Khế kinh trung thuyết: Hữu nhị chúng nhân báng Phật, Pháp, Tăng: nhất giả bất tín, sân khuể tâm cố; nhị giả tuy tín, bất giải nghĩa cố.

Thiện nam tử! Nhược nhân tín tâm, vô hữu trí tuệ, thị nhân tác năng tăng trưởng vô minh. Nhược hữu trí tuệ, vô hữu tín tâm, thị nhân tác năng tăng trưởng tà kiến.



善男子。不信之人瞋恚心故。說言無有佛法僧寶。信者無慧顛倒解義。令聞法者謗佛法僧。善男子。是故我說不信之人瞋恚心故。有信之人無智慧故。是人能謗佛法僧寶。

善男子。若有說言一闍提等未生善法。便得阿耨多羅三藐三菩提。是人亦名謗佛法僧。

若復有言一闍提人捨一闍提。於異身中得阿耨多羅三藐三菩提。是人亦名謗佛法僧。若復說言一闍提人能生善根。生善根已相續不斷得阿耨多羅三藐三菩提。故言一闍提得阿耨多羅三藐三菩提。當知是不謗三寶。

善男子。若有人言一切眾生定有佛性常樂我淨。不作不生煩惱因緣故不可見。當知是人謗佛法僧。

若有說言一切眾生都無佛性。猶如兔角從方便生。本無今有已有還無。當知是人謗佛法僧。

若有說言眾生佛性。非有如虛空非無如兔角。何以故。虛空常故兔角無故。是故得言亦有亦無。有故破兔角。無故破虛空。如是說者不謗三寶。

Thiện nam tử! Bất tín chi nhân, sân khuể tâm cố, thuyết ngôn: vô hữu Phật, Pháp, Tăng bảo. Tín giả vô tuệ, điên đảo giải nghĩa, linh văn pháp giả báng Phật, Pháp, Tăng. Thiện nam tử! Thị cố ngã thuyết: bất tín chi nhân, sân khuể tâm cố, hữu tín chi nhân, vô trí tuệ cố, thị nhân năng báng Phật, Pháp, Tăng bảo.

Thiện nam tử! Nhược hữu thuyết ngôn: Nhất-xiển-đề đẳng, vị sanh thiện pháp, tiện đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thị nhân diệc danh báng Phật, Pháp, Tăng.

Nhược phục hữu ngôn: Nhất-xiển-đề nhân, xả nhất-xiển-đề, ư dị thân trung, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thị nhân diệc danh báng Phật, Pháp, Tăng. Nhược phục thuyết ngôn: Nhất-xiển-đề nhân năng sanh thiện căn. Sanh thiện căn dĩ, tương tục bất đoạn, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Cố ngôn: Nhất-xiển-đề đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đương tri thị nhân bất báng Tam bảo.

Thiện nam tử! Nhược hữu nhân ngôn: nhất thiết chúng sanh định hữu Phật tánh thường, lạc, ngã, tịnh; bất tác, bất sanh; phiền não nhân duyên, cố bất khả kiến. Đương tri thị nhân báng Phật, Pháp, Tăng.

Nhược hữu thuyết ngôn: Nhất thiết chúng sanh đô vô Phật tánh, do như thỏ giác. Tùng phương tiện sanh, bản vô kim hữu, dĩ hữu hoàn vô. Đương tri thị nhân báng Phật, Pháp, Tăng.

Nhược hữu thuyết ngôn: chúng sanh Phật tánh: phi hữu, như hư không; phi vô, như thỏ giác. Hà dĩ cố? Hư không thường cố; thỏ giác vô cố. Thị cố đắc ngôn: diệc hữu diệc vô. Hữu cố, phá thỏ giác; vô cố, phá hư không. Như thị thuyết giả, bất báng Tam bảo.

善男子。夫佛性者。不名一法不名十法。不名百法不名千法不名萬法。未得阿耨多羅三藐三菩提時。一切善不善無記盡名佛性。

如來或時，因中說果，果中說因。是名如來隨自意語。隨自意語故，名為如來。隨自意語故，名阿羅呵。隨自意語故，名三藐三佛陀。

### 大般涅槃經卷第三十六

終

Thiện nam tử! Phù Phật tánh giả, bất danh nhất pháp, bất danh thập pháp, bất danh bá pháp, bất danh thiên pháp, bất danh vạn pháp. Vị đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thời, nhất thiết thiện, bất thiện, vô ký, tận danh Phật tánh.

Như Lai hoặc thời, nhân trung thuyết quả, quả trung thuyết nhân. Thị danh Như Lai tùy tự ý ngữ. Tùy tự ý ngữ cố, danh vi Như Lai. Tùy tự ý ngữ cố, danh A-la-ha. Tùy tự ý ngữ cố, danh Tam-miệu Tam-phật-đà.

### Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập lục

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

## QUYỂN BA MƯƠI SÁU

### PHẨM BỒ TÁT CA-DIẾP

#### Phẩm thứ mười hai - Phần bốn

**T**hiện nam tử! Như Lai lại có những lời tự ý nói ra. Như nói: “Tánh Phật của Như Lai có hai loại: một là có, hai là không.”

“Nói có, đó là như: ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, Mười lục, Bốn vô sở úy, Ba niệm xứ, Đại từ, Đại bi, vô lượng tam-muội như tam-muội Thủ-lăng-nghiêm..., vô lượng tam-muội như tam-muội Kim cang..., vô lượng tam-muội như tam-muội Phương tiện..., vô lượng tam-muội như tam-muội Ngũ trí ấn... Như vậy gọi là có.

“Nói không, đó là như những nghiệp nhân thiện, bất thiện và vô ký, cùng những quả báo, phiền não, năm ấm, Mười hai nhân duyên của Như Lai trong quá khứ. Như vậy gọi là không.

“Thiện nam tử! Như [những pháp] có, không; thiện, bất thiện; hữu lậu, vô lậu; thế gian, chẳng phải thế gian; thánh, chẳng phải thánh; hữu vi, vô vi; thật, chẳng thật; vắng lặng, không vắng lặng; tranh chấp, không tranh chấp; thế giới, chẳng phải thế giới; phiền não, chẳng phải phiền não; chấp giữ, không chấp giữ; thọ ký, không thọ ký; hiện hữu, không hiện hữu; ba đời, chẳng phải ba đời; hợp thời, không hợp thời; thường, vô thường; ngã, vô ngã; lạc, vô lạc; tịnh, vô tịnh; sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức; các nhập

bên trong, chẳng phải các nhập bên trong;<sup>(1)</sup> các nhập bên ngoài, chẳng phải các nhập bên ngoài;<sup>(2)</sup> Mười hai nhân duyên, chẳng phải Mười hai nhân duyên...

“[Những pháp] đó gọi là hai loại có, không trong tánh Phật của Như Lai. Thậm chí hai loại có, không trong tánh Phật của hạng nhất-xiển-đề cũng là như vậy.

“Thiện nam tử! Tuy Phật dạy rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, nhưng chúng sanh không hiểu được những điều Phật tự ý nói ra như vậy.

“Thiện nam tử! Lời nói như vậy, vị Bồ Tát thọ thân sau cùng còn chưa hiểu nổi, huống chi hàng Nhị thừa và các Bồ Tát khác?

“Thiện nam tử! Có lần, tại núi Kỳ-xà-quật, ta cùng với Bồ Tát Di-lặc luận bàn chân lý tương đối của thế gian. Xá-lợi-phất và năm trăm vị Thanh văn nghe những điều ấy mà không hiểu gì cả, huống chi là chân lý tuyệt đối xuất thế?

“Thiện nam tử! Có tánh Phật mà kẻ nhất-xiển-đề có, nhưng người có căn lành lại không có; hoặc có tánh Phật mà người có căn lành có, nhưng kẻ nhất-xiển-đề lại không có; hoặc có tánh Phật mà cả hai hạng này đều có; hoặc có tánh Phật mà cả hai hạng này đều không có.

“Thiện nam tử! Các đệ tử của ta nếu hiểu được nghĩa của bốn trường hợp ấy thì không nên cật vấn rằng: ‘Hạng nhất-xiển-đề nhất định có tánh Phật hay nhất định không có tánh Phật?’ Nếu nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật’, đó là lời của Như Lai tự ý nói ra. Lời của Như Lai tự ý nói ra, làm sao chúng sanh lại cứ một mực muốn hiểu thấu?

“Thiện nam tử! Như dưới sông Hằng có bảy loài chúng sanh: một là loài thường chìm sâu, hai là loài tạm nổi lên rồi lại chìm, ba là loài nổi lên rồi ở yên [trên mặt nước], bốn là loài nổi lên rồi nhìn quanh bốn phía, năm là loài [nổi lên,] nhìn quanh rồi đi, sáu là loài đi rồi đứng lại, bảy là loài đi cả dưới nước và trên cạn.

“Loài thường chìm sâu là những cá lớn, thọ nghiệp ác lớn, thân thể nặng nề nên ở dưới sâu; vì thế thường chìm.

“Tạm nổi lên rồi lại chìm là những loài cá lớn ấy, vì thọ nghiệp ác nên thân nặng nề phải ở chỗ cạn, tạm thấy ánh sáng; nhân ánh sáng mà tạm nổi lên, nhưng vì thân thể nặng nề nên chìm trở lại.

“Nổi lên rồi ở yên [trên mặt nước] là loài cá trì-di, ở chỗ nước cạn, ưa thấy ánh sáng, cho nên nổi lên rồi ở yên.

“Nhìn quanh bốn phía là loài cá tích, vì tìm thức ăn mắt nhìn bốn hướng, cho nên nhìn quanh bốn phía.

“Nhìn khắp rồi đi là loài cá tích ấy, khi nhìn thấy những vật đằng xa cho rằng đó là vật có thể ăn, liền nhanh chóng đi đến, cho nên nhìn khắp rồi đi.

“Đi rồi lại đứng là loài cá ấy khi đi tới nơi và đã tìm được món ăn liền dừng lại, cho nên đi rồi lại đứng.

“Đi cả dưới nước và trên cạn là loài rùa.

“Thiện nam tử! Trong dòng sông Đại Niết-bàn vi diệu này cũng có bảy loài chúng sanh, từ loài thứ nhất thường chìm sâu cho đến loài thứ bảy khi chìm khi nổi.

“Thường chìm sâu là chỉ những người nghe được trong kinh Đại Niết-bàn này [có những điều như]: Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi, thường, lạc, ngã,

tịnh, không dứt bỏ tất cả mà vào Niết-bàn; tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; những kẻ nhất-xiển-đề, phỉ báng kinh Phương đẳng, làm tội năm nghịch, phạm bốn trọng cấm, thấy đều sẽ thành đạo Bồ-đề; hàng Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Phật Bích-chi, thấy đều sẽ được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nghe được những điều ấy rồi, [những người ấy] sanh lòng chẳng tin, liền khởi lên suy nghĩ rồi nói ra rằng: ‘Kinh điển Niết-bàn này là sách ngoại đạo, không phải kinh Phật.’

“Bấy giờ, những người ấy lìa xa bạn lành, không được nghe Chánh pháp; hoặc có khi được nghe nhưng không thể suy xét; hoặc có suy xét nhưng không suy xét pháp lành. Vì không suy xét pháp lành nên sống theo pháp ác. Người sống theo pháp ác ắt có sáu điều: một là xấu ác, hai là không có điều thiện, ba là pháp ô nhiễm, bốn là tăng thêm [nghiệp] hiện hữu, năm là phiền não nóng nảy, sáu là nhận chịu quả ác. Như thế gọi là chìm sâu.

“Vì sao gọi là chìm sâu? Vì không có tâm lành, thường làm việc ác, không tu tập các pháp đối trị [tâm ác] nên gọi là chìm sâu.

“Gọi là xấu ác vì [làm những việc] bị thánh nhân quở trách; vì lòng sanh lo lắng sợ sệt; vì bị người hiền lành tránh xa; vì không làm lợi ích gì cho chúng sanh. Vì thế nên gọi là xấu ác.

“Gọi là không có điều thiện vì [làm những việc] có thể sanh ra vô số quả báo xấu ác; vì thường bị vô minh vây phủ che lấp trói buộc; vì ưa thích làm bạn với kẻ xấu ác; vì không hề tu tập các phương tiện lành; vì tâm điên đảo thường sai lầm lẫn lộn. Vì thế gọi là không có điều thiện.



“Gọi là ô nhiễm pháp vì thường làm ô nhiễm thân và miệng; vì làm ô nhiễm những chúng sanh trong sạch; vì làm tăng thêm những nghiệp bất thiện; vì lìa xa các pháp lành. Vì thế nên gọi là ô nhiễm pháp.

“Gọi là tăng thêm [nghiệp] hiện hữu [vì] những việc làm thuộc ba điều trên có thể làm tăng thêm [những nghiệp hiện hữu trong các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ; không thể tu tập giáo pháp giải thoát; ba nghiệp thân, miệng, ý không biết chán lìa mọi cảnh hiện hữu. Vì thế nên gọi là tăng thêm [nghiệp] hiện hữu.

“Gọi là phiền não nóng nảy vì làm tất cả những việc thuộc bốn điều như trên có thể khiến cho thân tâm đều sanh ra phiền não nóng nảy; lìa xa cảnh vắng lặng an tĩnh nên gọi là nóng nảy; lãnh chịu quả báo địa ngục nên gọi là nóng nảy; thiêu cháy chúng sanh nên gọi là nóng nảy; thiêu cháy các pháp lành nên gọi là nóng nảy.

“Thiện nam tử! Những người như thế không có đủ lòng tin trong sạch mát mẻ nên gọi là nóng nảy.

“Gọi là nhận chịu quả ác vì những người này đã làm đủ những việc thuộc năm điều vừa nói trên, sau khi chết phải đọa vào các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

“Thiện nam tử! Có ba việc ác cũng gọi là quả ác:<sup>(3)</sup> một là việc ác do phiền não, hai là việc ác do nghiệp lực,<sup>(4)</sup> ba là việc ác do quả báo.<sup>(5)</sup>

“Như thế gọi là nhận chịu quả báo xấu ác.

“Thiện nam tử! Những người này đã làm đủ những việc thuộc sáu điều như trên, có thể dứt mất căn lành, làm năm tội nghịch, phạm bốn trọng cấm, phỉ báng Tam

bảo, lạm dụng tài vật cúng dường trực tiếp cho Tam bảo, làm mọi việc trái với Chánh pháp. Vì nhân duyên ấy, phải chìm đắm trong địa ngục A-tỳ, thọ thân hình [to lớn] ngang dọc đến tám mươi bốn ngàn do-diên! Vì nghiệp thân, khẩu, tâm của những người này rất nặng nên không thể ra khỏi [địa ngục]. Vì sao vậy? Vì tâm họ không sanh pháp lành, dù có vô lượng chư Phật ra đời, họ cũng không nghe, không thấy. Như thế gọi là thường chìm sâu, cũng như những con cá lớn dưới sông Hằng.

“Thiện nam tử! Tuy ta có nói rằng những kẻ nhất-xiển-đề thường chìm sâu, nhưng cũng có những người thường chìm sâu mà không phải nhất-xiển-đề. Đó là những người nào? Đó là những người vì [tham đắm] các cảnh giới hiện hữu mà tu tập bố thí, trì giới, làm lành. Như thế [cũng] gọi là thường chìm sâu.

“Thiện nam tử! Có bốn việc lành mang lại quả xấu ác. Những gì là bốn? Một là vì muốn hơn người khác nên đọc tụng kinh điển, hai là vì lợi dưỡng nên thọ trì cấm giới, ba là vì muốn kẻ khác lệ thuộc mình nên làm việc bố thí, bốn là vì [câu được] cảnh giới Phi tướng phi phi tướng nên chú tâm suy xét.

“Đó là bốn việc lành mang lại quả báo xấu ác. Nếu ai tu tập theo bốn việc ấy thì gọi là chìm rồi lại nổi, nổi rồi lại chìm.

“Vì sao gọi là chìm? Vì ưa thích ba cảnh giới hiện hữu.<sup>(6)</sup> Vì sao gọi là nổi? Vì thấy được ánh sáng. Ánh sáng đây là được nghe biết các pháp trì giới, bố thí, thiền định. Vì sao chìm trở lại? Vì tăng trưởng tà kiến, sanh lòng kiêu mạn.

“Cho nên trong kinh ta có thuyết kệ rằng:

*Nếu chúng sanh tham đắm hiện hữu,  
Vì tham đắm gây mọi ác nghiệp;  
Kẻ ấy lạc mất đường Niết-bàn,  
Gọi là tạm thoát lại chìm đắm.*

*Lang thang trong biển tối sanh tử,  
Tuy được giải thoát, nhiều phiền não;  
Kẻ ấy phải chịu quả xấu ác,  
Gọi là tạm thoát lại chìm đắm.*

“Thiện nam tử! Như cá lớn kia, nhờ thấy ánh sáng nên tạm ra khỏi nước; nhưng vì thân thể nặng nề phải chìm đắm trở lại. Hai hạng người vừa nói trên<sup>(7)</sup> cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Lại như có người tham đắm vướng mắc trong Ba cõi, đó gọi là chìm sâu. Nhưng nhờ được nghe kinh Đại Bát Niết-bàn này liền sanh lòng tin, đó gọi là ra khỏi. Do nhân duyên gì mà gọi rằng được ra khỏi? Vì nghe kinh này rồi liền lìa xa các pháp xấu ác, tu tập pháp lành, nên gọi là ra khỏi.

“Những người này tuy có lòng tin nhưng không đầy đủ. Vì nhân duyên gì mà lòng tin không đầy đủ? Vì những người này tuy tin rằng Đại Bát Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh, nhưng lại nói rằng thân Như Lai là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; rằng Như Lai có hai loại Niết-bàn, một là hữu vi, hai là vô vi; Niết-bàn hữu vi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; Niết-bàn vô vi là thường, lạc, ngã, tịnh. Những người này tuy tin rằng chúng sanh có tánh Phật, nhưng lại cho rằng không phải tất cả chúng sanh đều có. Vì thế nên gọi là lòng tin không đầy đủ.

“Thiện nam tử! Lòng tin có hai phần, một là tin tưởng, hai là tìm cầu. Những người này tuy có tin mà không nỗ lực tìm cầu. Vì thế nên gọi là lòng tin không đầy đủ.

“Lòng tin lại có hai loại, một là do nghe rồi tin, hai là do suy xét rồi tin. Lòng tin của những người này do nghe mà sanh ra chứ không do suy xét mà sanh ra. Vì thế nên gọi là lòng tin không đầy đủ.

“Lòng tin lại có hai phần, một là tin có Chánh đạo, hai là tin có người đạt được Chánh đạo. Những người này chỉ tin có Chánh đạo mà không tin có người đạt được Chánh đạo. Vì thế nên gọi là lòng tin không đầy đủ.

“Lòng tin lại có hai loại, một là chân chánh, hai là tà vạy. Nói rằng có nhân quả, có Phật, Pháp, Tăng; đó gọi là tin chân chánh. Nói rằng không có nhân quả, rằng tánh của Tam bảo là khác nhau; tin theo những lời tà vạy, những kẻ như [ngoại đạo] Phú-lan-na...; đó gọi là tin tà vạy. Tuy những người này tin vào Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, nhưng không tin rằng Tam bảo đồng một tánh tướng; tuy tin vào nhân quả, nhưng không tin có người nhận lãnh [quả báo]. Vì thế nên gọi là lòng tin không đầy đủ.

“Những người này đã không có lòng tin đầy đủ, lại thọ trì giới cấm cũng không đầy đủ. Vì nhân duyên gì gọi là giới cấm không đầy đủ? Do nhân không đầy đủ nên chỗ nhận được giới cấm cũng không đầy đủ.

“Lại do nhân duyên gì gọi là giới cấm không đầy đủ? Giới có hai loại, một là giới oai nghi [hình thức], hai là giới [chân thật] vâng làm.<sup>(8)</sup> Những người này tuy có giới đầy đủ các oai nghi, nhưng không có giới là sự vâng làm theo giới luật. Vì thế nên gọi là giới không đầy đủ.

“Lại nữa, giới có hai loại, một là giới tạo tác, hai là giới không tạo tác. Những người này tuy có đủ giới tạo tác nhưng không có đủ giới không tạo tác. Vì thế nên gọi là giới không đầy đủ.

“Giới lại có hai loại, một là do nơi thân, miệng mà đạt được Chánh mạng;<sup>(9)</sup> hai là do nơi thân, miệng mà không đạt được Chánh mạng. Những người này do nơi thân, miệng không đạt được Chánh mạng, vì thế nên gọi là giới không đầy đủ.

“Lại nữa, giới có hai loại, một là giới tìm cầu, hai là giới buông xả.<sup>(10)</sup> Những người này tuy có đủ những giới tìm cầu, nhưng không đạt được giới buông xả, vì thế nên gọi là giới không đầy đủ.

“Lại nữa, giới có hai loại, một là hướng theo các cảnh giới hiện hữu, hai là hướng theo Chánh đạo. Những người này tuy có đủ giới hướng theo các cảnh giới hiện hữu, nhưng không đầy đủ việc hướng theo Chánh đạo. Vì thế nên gọi là giới không đầy đủ.

“Giới lại có hai loại, một là giới hiền thiện, hai là giới xấu ác. Thân, miệng và ý đều hiền thiện, đó gọi là giới hiền thiện. Các giới [tà vạy] như giới trâu, giới chó... đó gọi là giới xấu ác. Những người này tin chắc rằng hai loại giới ấy đều có quả lành. Vì thế nên gọi là giới không đầy đủ.

“Những người này đã không có đủ hai điều là lòng tin và giới luật, chỗ tu tập nghe nhiều của họ cũng không đầy đủ.

“Thế nào gọi là nghe không đầy đủ?

“Trong Mười hai bộ kinh mà Như Lai đã thuyết, chỉ tin vào sáu bộ, còn không tin sáu bộ, vì thế nên gọi là nghe không đầy đủ.

“Tuy thọ trì được sáu bộ kinh nhưng không thể tụng đọc, vì người khác giảng nói, nên không được lợi ích gì cả. Vì thế nên gọi là nghe không đầy đủ.

“Lại nữa, tuy đã có thọ nhận sáu bộ kinh, nhưng chỉ vì sự tranh luận, vì muốn vượt hơn người khác, vì muốn được lợi dưỡng, vì [tham đắm] các cảnh giới hiện hữu nên mới giữ gìn, tụng đọc, giảng nói. Vì thế nên gọi là nghe không đầy đủ.

“Thiện nam tử! Trong kinh, ta có nói về việc tu tập đa văn đầy đủ. Sao là đầy đủ? Như có vị tỳ-kheo thân, miệng, ý hiền thiện, trước hết thường cúng dường các vị hòa thượng, các bậc thầy, những vị có đức độ. Các bậc thầy ấy liền sanh lòng thương tưởng đến tỳ-kheo ấy. Do nhân duyên này, các ngài liền truyền dạy kinh điển, giáo pháp. Vị tỳ-kheo ấy hết lòng thọ trì, tụng đọc, làm theo. Sau khi thọ trì, tụng đọc, làm theo liền đạt được trí tuệ. Đạt được trí tuệ rồi, thường khéo suy xét, sống theo Chánh pháp. Nhờ khéo suy xét nên đạt được nghĩa lý chân chánh. Đạt được nghĩa lý chân chánh rồi, thân tâm trở nên vắng lặng, an tĩnh. Thân tâm vắng lặng, an tĩnh rồi, liền sanh lòng hoan hỷ. Do nhân duyên hoan hỷ, tâm đạt được sự định tĩnh. Nhân nơi tâm an định liền đạt được sự thấy biết chân chánh. Được sự thấy biết chân chánh rồi, liền sanh lòng nhàm chán đối với các cảnh giới hiện hữu. Nhờ nhàm chán các cảnh giới hiện hữu nên đạt được giải thoát.

“Nhưng những người này không hề có được những việc như vậy. Vì thế nên gọi là nghe không đầy đủ.

“Những người này không có đủ lòng tin, trì giới, đa văn, lại cũng không đầy đủ hạnh bố thí.

“Bố thí có hai loại, một là bố thí tài vật, hai là bố thí Chánh pháp. Tuy những người này bố thí tài vật, nhưng là vì mong cầu [những điều trong] các cảnh giới hiện hữu. Tuy bố thí Chánh pháp nhưng cũng không đầy đủ. Vì sao vậy? Vì che giấu không nói ra hết, sợ kẻ khác hơn mình. Vì thế nên gọi là bố thí không đầy đủ.

“Trong hai cách bố thí tài vật và Chánh pháp, mỗi cách lại có hai loại, một là theo cách như bậc thánh, hai là không phải [như bậc] thánh. Bậc thánh bố thí tài vật rồi thì không cầu quả báo. Không phải bậc thánh thì bố thí rồi ắt mong cầu được quả báo. Bậc thánh bố thí Chánh pháp vì muốn tăng trưởng pháp. Không phải bậc thánh thì bố thí Chánh pháp vì muốn tăng thêm [ngiệp trong] các cảnh giới hiện hữu.

“Những người này vì muốn được thêm tài vật nên làm việc bố thí tài vật; vì muốn tăng thêm [ngiệp trong] các cảnh giới hiện hữu nên làm việc bố thí Chánh pháp. Vì thế nên gọi là bố thí không đầy đủ.

“Lại nữa, những người này đã thọ nhận sáu bộ kinh, khi gặp người thọ pháp thì cung cấp cho, gặp người không thọ pháp thì không cung cấp. Vì thế nên gọi là bố thí không đầy đủ.

“Những người này không có đủ lòng tin, trì giới, đa văn, bố thí, mà chỗ tu tập trí tuệ cũng không đầy đủ.

“Tánh của trí tuệ là có khả năng phân biệt. Những người này không có khả năng phân biệt Như Lai là thường hay vô thường.

“Trong kinh Niết-bàn này, Như Lai dạy rằng: ‘Như Lai tức giải thoát; giải thoát tức Như Lai. Như Lai tức

Niết-bàn; Niết-bàn tức giải thoát.’ Đối với các nghĩa ấy, những người này không thể phân biệt.

“[Hoặc nói:] ‘Phạm hạnh tức Như Lai; Như Lai tức từ, bi, hỷ, xả; từ, bi, hỷ, xả tức giải thoát; giải thoát tức Niết-bàn; Niết-bàn tức từ, bi, hỷ, xả.’ Đối với các nghĩa ấy, những người này cũng không thể phân biệt. Vì thế nên gọi là trí tuệ không đầy đủ.

“Lại nữa, những người này không thể phân biệt tánh Phật. Tánh Phật tức Như Lai; Như Lai tức pháp không chung đồng với hết thảy các pháp; pháp không chung đồng với hết thảy các pháp tức là giải thoát; giải thoát tức là Niết-bàn; Niết-bàn tức là pháp không chung đồng với hết thảy các pháp. Đối với các nghĩa ấy, những người này không thể phân biệt. Vì thế nên gọi là trí tuệ không đầy đủ.

“Lại nữa, những người này không thể phân biệt Bốn chân đế: khổ, tập, diệt, đạo. Vì không phân biệt được Bốn chân đế nên không hiểu rõ Thánh hạnh. Vì không hiểu rõ Thánh hạnh nên không rõ biết Như Lai. Vì không rõ biết Như Lai nên không rõ biết giải thoát. Vì không rõ biết giải thoát nên không rõ biết Niết-bàn. Vì thế nên gọi là trí tuệ không đầy đủ.

“Trong số những người không đầy đủ lòng tin, trì giới, đa văn, bố thí và trí tuệ, lại chia làm hai hạng: một là những người tăng trưởng pháp xấu ác, hai là những người tăng trưởng pháp lành.

“Thế nào là [những người] tăng trưởng pháp xấu ác? Những người này không tự biết là mình không đầy đủ, luôn tự cho mình là đầy đủ, bèn sanh lòng vướng mắc, đối với bạn lũ đồng tu thường tự cho mình là hơn hết. Vì



vậy nên chỉ gần gũi những bạn xấu ác giống như mình. Vì gần gũi bạn xấu nên chỉ nghe được những pháp không đầy đủ. Nghe rồi lại sanh lòng vui vẻ, tâm bị ô nhiễm, vướng mắc, khởi sanh kiêu mạn, thường buông thả, phóng túng và lười nhác. Vì buông thả phóng túng nên thường gần gũi với người tại gia thế tục, lại ưa thích nghe những chuyện của người thế tục, lìa xa pháp xuất gia thanh tịnh.

“Do những nhân duyên ấy nên pháp xấu ác tăng trưởng. Vì pháp xấu ác tăng trưởng nên thân, miệng, ý cùng sanh khởi những nghiệp bất tịnh. Vì ba nghiệp thân, miệng, ý bất tịnh nên làm tăng trưởng [nghiệp dẫn đến các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

“Như thế gọi là tạm nổi lên rồi lại chìm xuống.

“Những ai trong giáo pháp của ta thuộc hạng tạm nổi lên rồi lại chìm xuống? Đó là như: Đề-bà-đạt-đa, các tỳ-kheo Cù-già-ly,<sup>(11)</sup> Uyển-thủ, Thiện Tinh, Trì-xá, Mãn Túc, các tỳ-kheo ni Từ Địa, Khoáng Dã, Phương, Mạn, cùng với trưởng giả Tịnh Khiết, ưu-bà-tắc Cầu Hữu, ông Xá-lặc trong dòng họ Thích, trưởng giả Tượng, các ưu-bà-di Danh Xưng, Quang Minh, Nan-đà, Quân, Linh... Những người như thế gọi là tạm nổi lên rồi chìm xuống.

“Họ ví như con cá lớn kia, thấy ánh sáng liền nổi lên khỏi nước, nhưng vì thân thể nặng nề nên chìm sâu trở lại.

“Hạng người thứ hai là tăng trưởng pháp lành, luôn tự rõ biết kiến giải, công hạnh của mình chưa đầy đủ. Vì chưa đầy đủ nên luôn tìm cầu gần gũi bạn lành. Nhờ gần gũi bạn lành nên ưa thích được nghe những điều chưa nghe. Nghe rồi vui thích thọ nhận. Thọ nhận rồi

vui thích suy xét kỹ. Suy xét kỹ rồi liền sống theo đúng Chánh pháp. Nhờ sống theo đúng Chánh pháp nên tăng trưởng pháp lành. Nhờ tăng trưởng pháp lành nên không bị chìm trở lại. Như thế gọi là [nổi lên] rồi ở yên [trên mặt nước].

“Những ai trong giáo pháp của ta thuộc về hạng này? Đó là như: Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, nhóm ông A-nhã Kiều-trần-như có năm tỳ-kheo, nhóm ông Da-xá có năm mươi tỳ-kheo, Đồng tử A-nậu-lâu-đà, Ca-diếp, Ma-ha Ca-diếp, Thập Lục Ca-diếp, các tỳ-kheo ni Sáu Cù-dàm-di, Ba-trá-la-hoa, Thắng, Thật Nghĩa, Hải Ý, Bạt-đà, Tịnh, Bất Thối Chuyển... vua Tần-bà-sa-la, các trưởng giả Úc-già, Tu-đạt-đa, Thích Ma-ha-nam, Bần Tu-đạt-đa Thủ Lang, Danh Xưng, Cự Túc, Ưu-ba-ly, Dao, cùng với tướng quân Sư Tử, các ưu-bà-di Vô Úy, Thiện Trụ, Ái Pháp, Dũng Kiện, Thiên Đắc, Thiện Sanh, Cự Thân, Ngư Đắc, Khoáng Dã, Ma-ha-tư-na. Những tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di như thế gọi là [nổi lên rồi] ở yên.

“Thế nào là ở yên? Vì thường ưa thích nhìn ánh sáng lành. Do nhân duyên ấy, cho dù có gặp Phật ra đời hay không thì những người này cũng không bao giờ làm các nghiệp ác. Đó gọi là ở yên. Cũng như loài cá trì-di ưa nhìn ánh sáng nên không chìm đắm. Những người này cũng vậy. Cho nên trong kinh ta có thuyết kệ rằng:

*“Nếu ai khéo biết phân biệt nghĩa,  
Chỉ tâm cầu được quả sa-môn;  
Chê chán mọi cảnh giới hiện hữu,  
Vị ấy gọi là sống đúng pháp.  
Nếu ai cúng dường vô số Phật,  
Sẽ được nhiều kiếp tu Thánh đạo;*

*Hưởng vui thế tục, không buông thả,  
Vị ấy gọi là sống đúng pháp.*

*Gần gũi bạn lành nghe Chánh pháp,  
Suy xét nội tâm, sống đúng pháp.  
Thích nhìn chỗ sáng, tu tập đạo,  
Đạt được giải thoát, sống an ổn.”<sup>(12)</sup>*

Thiện nam tử! Trí tuệ không đầy đủ thường có năm điều. Người này đã biết vậy, liền tìm cầu gần gũi những bạn tốt hiền thiện. Người bạn tốt hiền thiện ấy sẽ quán sát những sự (1) tham dục, (2) sân khuể, (3) ngu si, (4) nhiều lo nghĩ hay (5) vướng chấp bản ngã của người này.

“Trong năm điều ấy, [phải xét xem] người này có khuynh hướng nghiêng về điều gì nhiều nhất? Nếu biết người này có nhiều tham dục, người bạn hiền ấy liền giảng cho nghe về pháp quán bất tịnh. Nếu có nhiều sân khuể, người bạn hiền ấy sẽ thuyết dạy pháp từ bi. Nếu có nhiều lo nghĩ lăng xăng, người bạn hiền ấy sẽ dạy pháp quán đếm hơi thở. Nếu vướng chấp [nhiều nơi] bản ngã, bạn hiền ấy sẽ phân tích cho nghe những pháp như Mười tám giới...<sup>(13)</sup>

“Người này được nghe [những điều từ bạn hiền] rồi liền hết lòng thọ trì. Hết lòng thọ trì rồi liền theo đúng pháp mà tu hành. Tu hành đúng pháp rồi, lần lượt đạt được các phép quán *Tứ niệm xứ: thân, thọ, tâm, pháp*. Đạt được các phép quán ấy rồi, lại lần lượt quán xét *Mười hai nhân duyên*. Quán như vậy rồi, tiếp đó đạt được *Noãn pháp*.”<sup>(14)</sup>

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Tất cả chúng sanh đều có *Noãn pháp*. Vì sao vậy? [Vì *noãn* là hơi ấm,]

theo lời Phật dạy thì có ba pháp hòa hợp gọi là chúng sanh, một là tuổi thọ, hai là hơi ấm, ba là thân thức. Nếu theo nghĩa ấy thì tất cả chúng sanh lẽ ra trước đã sẵn có hơi ấm, [tức là *noãn pháp*]. Vì sao Như Lai nói rằng nhờ [nhân duyên] bạn tốt hiền thiện mới sanh ra *Noãn pháp*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Theo như câu hỏi của ông thì tất cả chúng sanh, thậm chí hạng *nhất-xiển-đề*, đều có *Noãn pháp*. Nhưng *Noãn pháp* mà ta giảng nói hôm nay trước phải nhân nơi phương tiện, sau mới có được, cho nên trước vốn không, sau mới có. Vì nghĩa ấy nên không phải tất cả chúng sanh đều sẵn có từ trước. Do đó, ông không nên cật vấn rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có *Noãn pháp*.’

“Thiện nam tử! *Noãn pháp* [ta dạy đó] là pháp ở *Sắc giới*, không có ở *Dục giới*. Nếu nói rằng tất cả chúng sanh đều có, thì chúng sanh *Dục giới* lẽ ra cũng có. Nhưng vì chúng sanh *Dục giới* không có *Noãn pháp*, nên biết rằng không phải tất cả chúng sanh đều có.

“Thiện nam tử! *Sắc giới* tuy có *Noãn pháp* nhưng cũng không phải tất cả [chúng sanh cõi ấy] đều có. Vì sao vậy? Chỉ đệ tử Phật mới có *Noãn pháp*, ngoại đạo không có. Vì nghĩa ấy, không phải tất cả chúng sanh đều có *Noãn pháp*.

“Thiện nam tử! Tất cả ngoại đạo chỉ theo pháp quán *sáu hạnh*,<sup>(15)</sup> đệ tử Phật quán đủ *mười sáu hạnh*.<sup>(16)</sup> Mười sáu hạnh ấy không phải tất cả chúng sanh đều có.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Gọi là *Noãn pháp* đó, [noãn là nóng ấm,] vì sao gọi là nóng ấm? Vì tự tánh nóng ấm hay do [tác động] bên ngoài mà nóng ấm?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Noãn pháp này tự tánh là nóng ấm, không phải do [tác động] bên ngoài mà nóng ấm.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch: “Thế Tôn! Trước đây Như Lai có nói rằng Mã Sư và Mãn Túc<sup>(17)</sup> không có Noãn pháp. Tại sao vậy? Vì đối với Tam bảo không có lòng tin nên không đạt được Noãn pháp. Như vậy có thể biết rằng lòng tin chính là Noãn pháp.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lòng tin không phải là Noãn pháp. Vì sao vậy? Vì [điều đó chỉ có nghĩa là] nhân nơi lòng tin mà đạt được Noãn pháp.

“Thiện nam tử! Noãn pháp tức là trí tuệ. Vì sao vậy? Vì quán xét Bốn chân đế, cho nên gọi là Mười sáu hạnh. Hạnh đó chính là trí tuệ.

“Thiện nam tử! Như lời ông vừa hỏi: Do nhân duyên gì mà gọi là nóng ấm? Thiện nam tử! Noãn pháp đó tức là tướng lửa của Tám Thánh đạo, cho nên gọi là nóng ấm.

“Thiện nam tử! Ví như khi cọ xát để lấy lửa, trước hết phải có hơi nóng, kế đó mới sanh ra lửa, sau hết thì bốc khói. Thánh đạo vô lậu cũng giống như vậy. Hơi nóng đó tức là Mười sáu hạnh, lửa tức là thánh quả Tu-đà-hoàn, khói tức là việc tu Chánh đạo dứt trừ phiền não trói buộc.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Noãn pháp như vậy cũng là pháp hiện hữu, cũng là [pháp] hữu vi. [Vi] pháp này được quả báo là năm ấm ở Sắc giới, nên gọi là hiện hữu. [Do] nhân duyên [mà được] nên gọi là hữu vi. Nếu là [pháp] hữu vi, sao có thể là tướng của đạo vô lậu?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đúng vậy, đúng vậy! Quả

đúng như lời ông nói. Nhưng Noãn pháp ấy tuy là pháp hữu vi, là pháp hiện hữu, nhưng có thể ngược lại phá trừ các pháp hữu vi, các pháp hiện hữu, vì thế vẫn có thể là tướng của đạo vô lậu.

“Thiện nam tử! Như người cưỡi ngựa, tuy yêu mến ngựa nhưng cũng quất đánh ngựa. Tâm noãn cũng thế, vì có yêu mến tham ái nên phải thọ sanh, nhưng có sự chán lìa nên [tu tập] quán hạnh. Vì thế, tuy là pháp hiện hữu, pháp hữu vi nhưng cũng có thể là tướng của Chánh đạo.

“Những chúng sanh đạt được Noãn pháp có bảy mươi ba hạng. Dục giới có mười hạng, là những người có đủ tất cả phiền não, từ dứt trừ một phần cho đến chín phần [trong mười phần] phiền não. Cũng như Dục giới, từ cõi Sơ thiên cho tới cõi Vô sở hữu xứ đều là như vậy. Đó gọi là bảy mươi ba hạng [chúng sanh đạt được Noãn pháp].

“Những người đạt được Noãn pháp rồi thì không còn dứt mất căn lành, không làm năm tội nghịch, không phạm bốn giới cấm nặng. Những người như vậy lại có hai hạng: một là gặp được bạn tốt hiền thiện, hai là gặp phải bạn xấu ác. Những người gặp bạn xấu ác thì tạm nổi lên rồi lại chìm xuống; những người gặp được bạn tốt hiền thiện thì [nổi lên rồi] nhìn quanh bốn phía.

“Nhìn quanh bốn phía tức là [đạt được] Đỉnh pháp. Pháp này tuy tánh [của nó] là năm ấm nhưng cũng duyên với Bốn chân đế. Cho nên gọi là nhìn quanh bốn phía.

“Đạt được Đỉnh pháp rồi, tiếp đó đạt được Nhân pháp. Pháp nhân này cũng vậy, tánh [của nó] cũng là năm ấm, cũng duyên với Bốn chân đế.



“Tiếp đó đạt được Thế đệ nhất pháp. Tánh của pháp này cũng là năm ấm, cũng duyên với Bốn chân đế.

“Tiếp đó nữa là đạt được Khổ pháp nhãn. Tánh của pháp nhãn này là trí tuệ, duyên với một chân đế. Pháp nhãn này duyên với một chân đế rồi, cho tới thấy biết dứt trừ phiền não, chứng đắc quả Tu-đà-hoàn. Đó gọi là hạng chúng sanh thứ tư,<sup>(18)</sup> nhìn quanh bốn phía. Bốn phía đó tức là Bốn chân đế.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Trước đây Phật có dạy: ‘Chỗ phiền não đã dứt trừ của hàng Tu-đà-hoàn ví như vùng nước ngang dọc đến bốn mươi dặm, mà phiền não còn sót lại chỉ như giọt nước trên đầu sợi lông. Trong [đoạn này] sao lại nói rằng dứt trừ ba thứ phiền não trói buộc gọi là Tu-đà-hoàn? Ba thứ phiền não trói buộc ấy là: kiến chấp về bản ngã, nhận biết sai lầm về nguyên nhân và tồn tại nhiều nghi vấn.’<sup>(19)</sup>

“Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà gọi là Tu-đà-hoàn nhìn quanh bốn phía? Lại do nhân duyên gì gọi là Tu-đà-hoàn? Lại do nhân duyên gì mà ví hàng Tu-đà-hoàn với loài cá tích?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hàng Tu-đà-hoàn tuy có thể dứt trừ vô lượng phiền não, nhưng [nói như vậy là] vì ba thứ phiền não nói trên nặng nề nhất, bao gồm được tất cả những phiền não mà vị Tu-đà-hoàn đã dứt trừ.

“Thiện nam tử! Ví như một vị vua ra đi tuần du, tuy có nhiều quân binh rầm rộ nhưng người đời chỉ nói: ‘Vua đến, vua đi.’ Vì người đời xem vua là quan trọng nhất. Ba phiền não kia cũng vậy, [là nặng nề quan trọng nhất trong tất cả các phiền não]. Do nhân duyên gì mà gọi là nặng nề quan trọng? Vì tất cả chúng sanh thường khởi

sanh [những phiền não này] và vì [chúng] rất khó nhận biết nên gọi là nặng nề quan trọng.

“[Lại cũng] vì ba thứ phiền não này rất khó dứt trừ; vì chúng có thể làm nhân cho tất cả phiền não; vì chúng là oán thù đối địch của ba pháp đối trị: giới, định, tuệ, [cho nên gọi là nặng nề quan trọng].

“Thiện nam tử! Có những chúng sanh khi nghe vị Tu-đà-hoàn có thể dứt trừ vô lượng phiền não như vậy liền sanh lòng thối chuyển, nói rằng: ‘Làm sao chúng ta có thể dứt trừ nổi vô lượng phiền não như vậy?’ Vì thế, Như Lai dùng phương tiện chỉ nói đến ba [thứ phiền não].

“Như lời ông vừa hỏi: ‘Do nhân duyên gì mà ví hàng Tu-đà-hoàn với chúng sanh nhìn quanh bốn hướng?’ Hàng Tu-đà-hoàn quán Bốn chân đế đạt được bốn điều: một là trụ vững kiên cố trong Chánh đạo, hai là có thể quan sát khắp cả, ba là có thể thấy biết đúng thật, bốn là có thể làm tiêu tan mỗi oán lớn.

“Trụ vững kiên cố trong Chánh đạo, đó là năm căn của hàng Tu-đà-hoàn không động chuyển. Cho nên gọi là trụ vững kiên cố trong Chánh đạo.

“Có thể quan sát khắp cả, đó là có thể chê chán quở trách phiền não cả bên trong và bên ngoài.

“Thấy biết đúng thật, đó là [đạt được] Nhẫn trí.<sup>(20)</sup>

“Làm tiêu tan mỗi oán lớn, là nói [dứt trừ được] bốn sự điên đảo.<sup>(21)</sup>

“Như lời ông vừa hỏi: ‘Do nhân duyên gì mà gọi là Tu-đà-hoàn?’<sup>(22)</sup>

“Thiện nam tử! Chữ tu [trong Tu-đà-hoàn] có nghĩa là vô lậu; đà-hoàn nghĩa là tu tập. Vì tu tập pháp vô lậu nên gọi là Tu-đà-hoàn.



“Thiện nam tử! Lại nữa, tu nghĩa là dòng chảy. Có hai thứ dòng chảy, một là thuận dòng, hai là nghịch dòng. Vì ngược dòng chảy nên gọi là Tu-đà-hoàn.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu là theo nghĩa ngược dòng thì do nhân duyên gì mà hàng Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán không gọi là Tu-đà-hoàn?”<sup>(23)</sup>

Phật dạy: “Thiện nam tử! Từ hàng Tu-đà-hoàn cho đến chư Phật cũng đều có thể gọi là Tu-đà-hoàn. Nếu Tư-đà-hàm cho đến chư Phật không có [quả vị] Tu-đà-hoàn, sao có thể gọi là Tư-đà-hàm... cho đến chư Phật?

“Tên gọi của tất cả chúng sanh có hai loại, một là tên cũ, hai là tên mới. Khi còn là phàm phu có tên gọi của thế tục, sau khi chứng đạo rồi mới [theo quả vị] lập thành danh xưng, gọi là Tu-đà-hoàn.

“Do sự chứng đạo trước tiên nên gọi là Tu-đà-hoàn; do sự chứng đạo sau đó nên gọi là Tư-đà-hàm. Vị này gọi là Tu-đà-hoàn và cũng gọi là Tư-đà-hàm. Cho đến chư Phật cũng là như vậy.

“Thiện nam tử! Gọi là dòng đó, có hai loại: một là giải thoát, hai là Niết-bàn. Tất cả thánh nhân đều có đủ hai dòng ấy, nên có thể gọi là Tu-đà-hoàn, cũng gọi là Tư-đà-hàm... Cho đến chư Phật cũng là như vậy.

“Thiện nam tử! Tu-đà-hoàn cũng gọi là Bồ Tát. Vì sao vậy? Bồ Tát tức là Tận trí<sup>(24)</sup> và Vô sanh trí.<sup>(25)</sup> Vị Tu-đà-hoàn cũng mong cầu hướng đến hai loại trí này, nên phải biết rằng vị Tu-đà-hoàn cũng được xưng là Bồ Tát.

“Vị Tu-đà-hoàn cũng được xưng là tỉnh giác. Vì sao vậy? Vì tỉnh giác chân chánh, thấy đạo và dứt trừ phiền não; vì tỉnh giác chân chánh là nhân quả; vì tỉnh giác

chân chánh là đạo chung cùng và không chung cùng [với hàng Nhị thừa]. Từ vị Tư-đà-hàm cho đến A-la-hán lại cũng như vậy.

“Thiện nam tử! Hàng Tu-đà-hoàn có hai hạng, một là căn trí lanh lợi, hai là căn trí chậm lụt. Hạng căn trí chậm lụt phải trải qua bảy lần tái sanh trong hai cõi trời, người [mới được giải thoát]. Trong hạng căn trí chậm lụt lại phân ra làm năm loại; hoặc phân làm sáu, năm, bốn, ba, hai loại. Hạng căn trí lanh lợi thì ngay trong hiện tại chứng đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán.

“Thiện nam tử! Như lời ông vừa hỏi: ‘Do nhân duyên gì mà ví hàng Tu-đà-hoàn với loài cá tích?’

“Thiện nam tử! Cá tích có bốn tính chất: một là xương nhỏ nên nhẹ, hai là có cánh nên nhẹ, ba là ưa thích nhìn ánh sáng, bốn là cần ngậm đồ vật một cách chắc chắn.

“Hàng Tu-đà-hoàn cũng có bốn tính chất [tương tự]. Nói xương nhỏ là ví với phiền não vi tế; nói có cánh là ví với hai pháp tu chỉ và quán;<sup>(26)</sup> ưa thích nhìn ánh sáng là ví với việc thấy đạo; cần ngậm đồ vật một cách chắc chắn là ví với việc được nghe Như Lai giảng giải về vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh liền giữ mãi không bỏ mất.

“Ví như có lần Ma vương hóa làm hình Phật, trưởng giả Thủ-la nhìn thấy trong lòng kinh sợ. Ma thấy trưởng giả đã động tâm, liền bảo: ‘Bốn chân đế mà ta đã thuyết dạy là giả dối, không chân thật. Nay ta sẽ vì ông mà thuyết dạy Năm đế, Sáu ấm, Mười ba nhập, Mười chín giới.’ Trưởng giả nghe rồi liền tức thời quán tưởng pháp, thấy hoàn toàn không có những lý như vậy nên giữ lòng kiên trì, tâm không lay động.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! [Như lời Phật dạy rằng] vị Tu-đà-hoàn đó, do sự chứng đạo trước tiên nên gọi là Tu-đà-hoàn; vì là quả vị ban đầu nên gọi là Tu-đà-hoàn. Nếu do sự chứng đạo trước tiên nên gọi là Tu-đà-hoàn, vì sao khi chứng đắc Khổ pháp nhẫn chẳng được gọi là Tu-đà-hoàn, chỉ gọi là Hướng [Tu-đà-hoàn] mà thôi? Nếu vì quả vị ban đầu nên gọi là Tu-đà-hoàn, vì sao những ngoại đạo trước đã đoạn phiền não, cho đến đạt được cảnh giới Vô sở hữu, tu tập đạo vô lậu, chứng đắc quả A-na-hàm mà không gọi là Tu-đà-hoàn?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì là quả vị ban đầu nên gọi là Tu-đà-hoàn. Như lời ông vừa hỏi: ‘Vì sao những ngoại đạo trước đã đoạn phiền não, cho đến đạt được cảnh giới Vô sở hữu, tu tập đạo vô lậu, chứng đắc quả A-na-hàm mà không gọi là Tu-đà-hoàn?’

“Thiện nam tử! Vì là quả vị ban đầu nên gọi là Tu-đà-hoàn. Vị này vào lúc ấy có đủ Tám trí<sup>(27)</sup> và Mười sáu hạnh.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Người chứng đắc quả A-na-hàm cũng vậy, cũng chứng đắc Tám trí, đủ Mười sáu hạnh, sao không được gọi là Tu-đà-hoàn?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Mười sáu hạnh hữu lậu có hai loại, một là chung cùng [với hàng Nhị thừa], hai là không chung cùng. Mười sáu hạnh vô lậu cũng có hai loại, một là hướng quả, hai là đắc quả. Tám trí cũng có hai loại, một là hướng quả, hai là đắc quả.

“Vị Tu-đà-hoàn buông bỏ Mười sáu hạnh chung cùng, đạt được Mười sáu hạnh không chung cùng [với hàng Nhị thừa]; buông bỏ Tám trí hướng quả, chứng đắc Tám

trí đắc quả. Vị A-na-hàm không giống như vậy. Cho nên quả vị ban đầu gọi là Tu-đà-hoàn.

“Thiện nam tử! Vị Tu-đà-hoàn duyên với Bốn chân đế, vị A-na-hàm chỉ duyên với Một chân đế. Cho nên quả vị ban đầu gọi là Tu-đà-hoàn.

“Vì nhân duyên ấy nên ta nói ví dụ cá tích nhìn quanh rồi đi. Đi, tức là nói vị Tư-đà-hàm chú tâm vào việc tu đạo, vì đoạn trừ tham dục, sân, si, kiêu mạn. Như con cá tích kia, nhìn quanh bốn phía rồi vì tìm thức ăn mà đi. Đi rồi lại dừng là ví như vị A-na-hàm được món ăn [pháp thực] rồi liền dừng lại.

“Hàng A-na-hàm có hai hạng. Thứ nhất là hạng chứng quả A-na-hàm trong hiện tại rồi tinh tấn tu tập, liền chứng đắc quả A-la-hán. Thứ hai là hạng tham đắm vướng mắc nơi cảnh vắng lặng an tĩnh của pháp tam-muội trong hai cõi Sắc giới và Vô sắc giới. Những vị này không còn thọ thân trong Dục giới nên gọi là A-na-hàm.<sup>(28)</sup>

“Hàng A-na-hàm lại có năm hạng, một là Trung bát Niết-bàn, hai là Thọ thân Niết-bàn, ba là Hành bát Niết-bàn, bốn là Vô hành bát Niết-bàn, năm là Thượng lưu bát Niết-bàn.

“Lại có sáu hạng, gồm năm hạng kể trên, thêm vào hạng thứ sáu là Hiện tại bát Niết-bàn.

“Lại có bảy hạng, gồm sáu hạng kể trên, thêm vào hạng thứ bảy là Vô sắc giới bát Niết-bàn.

“Hàng A-na-hàm Hành bát Niết-bàn lại có hai hạng, hoặc thọ thân hai lần, hoặc thọ thân bốn lần. Nếu thọ thân hai lần gọi là căn trí lanh lợi. Nếu thọ thân bốn lần gọi là căn trí chậm lụt.

“Lại cũng có hai hạng, một là tinh tấn nhưng không có mức định tự tại; hai là biếng trễ nhưng có mức định tự tại. Lại cũng có hai hạng, một là đầy đủ cả tinh tấn và mức định tự tại, hai là không có cả hai.

“Thiện nam tử! Chúng sanh Dục giới có hai loại nghiệp, một là nghiệp tạo tác, hai là nghiệp thọ sanh.

“Hàng A-na-hàm Trung bát Niết-bàn chỉ có nghiệp tạo tác mà không có nghiệp thọ sanh, cho nên ở khoảng trung gian mà nhập Niết-bàn. Khi xả bỏ sắc thân ở Dục giới mà còn chưa lên đến cõi Sắc giới, nhờ có căn trí lanh lợi nên giữa khoảng trung gian đó họ nhập Niết-bàn.

“Hàng A-na-hàm Trung bát Niết-bàn này có bốn tâm: một là tâm chẳng phải học, chẳng phải vô học; hai là tâm học; ba là tâm vô học; bốn là tâm chẳng phải học, chẳng phải vô học.<sup>(29)</sup> [Vị A-na-hàm trải qua bốn tâm ấy rồi] nhập Niết-bàn.

“Vì sao gọi là Trung bát Niết-bàn?

“Thiện nam tử! Trong bốn tâm của bậc A-na-hàm ấy có hai tâm là Niết-bàn, hai tâm không phải Niết-bàn, cho nên gọi là Trung bát Niết-bàn.

“Hàng A-na-hàm Thọ thân bát Niết-bàn lại có hai nghiệp, một là nghiệp tạo tác, hai là nghiệp thọ sanh. Vị A-na-hàm này bỏ thân ở Dục giới liền thọ thân ở Sắc giới, tinh cần tu tập, khi thọ mạng hết thì nhập Niết-bàn.”

Bồ Tát Ca-diếp thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu nói rằng khi thọ mạng hết thì nhập Niết-bàn, vậy sao nói là Thọ thân Niết-bàn?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Những người ấy có thọ thân rồi sau mới dứt trừ phiền não trong Ba cõi, cho nên gọi là Thọ thân Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Hành bát Niết-bàn là [vị A-na-hàm] thường tu hành Chánh đạo, nhờ sức tam-muội hữu vi nên dứt trừ được phiền não, liền nhập Niết-bàn. Đó gọi là Hành bát Niết-bàn.

“Vô hành Bát Niết-bàn, là [vị A-na-hàm] biết chắc rằng sẽ được nhập Niết-bàn nên sanh ra biếng trễ, nhưng cũng nhờ có sức tam-muội hữu vi nên khi thọ mạng hết thì nhập Niết-bàn. Đó gọi là Vô hành bát Niết-bàn.

“Về hàng A-na-hàm Thượng lưu bát Niết-bàn, như có người đã chứng đắc Đệ tứ thiên lại sanh tâm ái luyến Sơ thiên. Vì nhân duyên ấy nên thọ sanh trở lại nơi cảnh giới Sơ thiên. Nơi đây phân làm hai hạng, một là theo dòng phiền não, hai là theo dòng Chánh đạo. Người theo dòng Chánh đạo, khi thọ mạng hết lại sanh tâm ái luyến Đệ nhị thiên. Vì nhân duyên ấy nên thọ sanh cảnh giới Đệ nhị thiên. Cho đến cảnh giới Đệ tứ thiên lại cũng như vậy.

“Người ở cảnh giới Đệ tứ thiên lại có hai hạng, một là sanh vào Vô sắc giới, hai là sanh vào Năm cõi trời tịnh cư.<sup>(30)</sup> Hai hạng người này, một là ưa thích tam-muội; hai là ưa thích trí tuệ. Người ưa thích trí tuệ thì sanh vào Năm cõi trời tịnh cư; người ưa thích tam-muội thì sanh vào Vô sắc giới.

“Lại nữa, hai hạng người [ở cảnh giới Đệ tứ thiên] này, một là tu tập Đệ tứ thiên với năm mức độ khác nhau, hai là không tu tập [Đệ tứ thiên]. Thế nào là năm [mức độ khác nhau]? Đó là bậc thấp, bậc vừa, bậc cao, bậc cao hơn và bậc cao nhất. Người tu bậc cao nhất sẽ sanh vào cõi trời Sắc cứu cánh. Người tu bậc cao hơn sẽ sanh vào cõi trời Thiện hiện. Người tu bậc cao sẽ sanh vào cõi trời

Thiện kiến. Người tu bậc vừa sẽ sanh vào cõi trời Vô nhiệt. Người tu bậc thấp sẽ sanh vào cõi trời Vô phiền.

“Lại nữa, hai hạng người [ở cảnh giới Đệ tứ thiên] này, một là ưa thích luận thuyết giảng giải; hai là ưa thích vắng lặng an tĩnh. Người ưa thích vắng lặng an tĩnh sẽ sanh vào Vô sắc giới. Người ưa thích luận thuyết giảng giải sẽ sanh vào Năm cõi trời tịnh cư.

“Lại nữa, hai hạng người [ở cảnh giới Đệ tứ thiên] này, một là tu tập Huân thiên,<sup>(31)</sup> hai là không tu tập Huân thiên. Người tu tập Huân thiên sanh vào Năm cõi trời tịnh cư; người không tu tập Huân thiên sanh vào Vô sắc giới. Đến khi thọ mạng hết sẽ nhập Niết-bàn. Đó gọi là Thượng lưu bát Niết-bàn.

“Nếu người muốn sanh vào Vô sắc giới thì không thể tu tập Đệ tứ thiên với năm mức độ khác nhau [như trên]. Người tu năm mức thiên này thường chê trách phép định Vô sắc giới.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Hàng A-nà-hàm Trung bát Niết-bàn đó ắt là căn trí lanh lợi. Nếu là căn trí lanh lợi, sao hiện tại không nhập Niết-bàn? Vì sao ở Dục giới có Trung Bát Niết-bàn còn ở Sắc giới thì không?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Những người này do trong hiện tại bốn đại yếu ớt, không thể tu tập Chánh đạo. Tuy có những tỳ-kheo thân thể được khỏe mạnh, nhưng vì không có chỗ ngủ nghỉ, thức ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc men... các duyên chẳng đủ nên họ không thể nhập Niết-bàn ngay trong hiện tại.

“Thiện nam tử! Có một lần, khi ta đang ở tinh xá Kỳ viên<sup>(32)</sup> tại thành Xá-vệ, có một tỳ-kheo đi đến chỗ ta

thưa rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Con thường tu tập Chánh đạo nhưng không thể chứng đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán.’

“Khi ấy ta liền bảo A-nan: ‘Nay ông nên vì tỳ-kheo này lo cung cấp đủ các thứ cần dùng.’

“Bấy giờ, A-nan đưa vị tỳ-kheo ấy đến rừng Kỳ-đà,<sup>(33)</sup> sắp xếp cho một gian phòng tốt để ở. Tỳ-kheo ấy liền bảo A-nan: ‘Đại đức! Xin ngài vì tôi trang nghiêm phòng ốc, sửa dọn sạch sẽ và trang hoàng bằng bảy món báu thật nghiêm trang, treo đủ các thứ phướn, lọng bằng lụa.’

“A-nan đáp: ‘Vì là người nghèo của thế gian mới được gọi là sa-môn,<sup>(34)</sup> làm sao tôi có thể lo được những thứ như vậy cho ông?’

“Tỳ-kheo ấy nói: ‘Nếu đại đức có thể vì tôi làm được như vậy thì tốt lắm, tốt lắm! Bằng không thể được thì tôi sẽ quay lại chỗ Thế Tôn vậy.’

“Bấy giờ, A-nan liền đến chỗ Phật thưa: ‘Bạch Thế Tôn! Thầy tỳ-kheo khi này có yêu cầu con lo đủ mọi thứ trang nghiêm bằng bảy báu, phướn, lọng. Con không biết việc này phải làm thế nào?’

“Ta lại dạy A-nan: ‘Nay ông hãy trở lại đó, tùy ý tỳ-kheo ấy cần dùng những gì thì cung cấp cho đầy đủ.’

“Bấy giờ, A-nan liền trở lại phòng tỳ-kheo ấy, cung cấp đầy đủ mọi thứ [như yêu cầu]. Tỳ-kheo ấy có đủ mọi thứ rồi liền chú tâm tu tập, không bao lâu liền chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, lần lượt cho đến quả A-la-hán.

“Thiện nam tử! Có vô lượng chúng sanh lẽ ra có thể nhập Niết-bàn, nhưng vì sự thiếu thốn gây chướng ngại, rối loạn trong tâm nên không thể đạt được.



“Thiện nam tử! Lại có những chúng sanh thường vui thích trong việc giáo hóa, hối hả [bận rộn chạy theo] nhiều việc, không thể đạt được [tâm] định, nên không thể nhập Niết-bàn ngay trong hiện tại.

“Thiện nam tử! Như lời ông vừa hỏi: ‘Do nhân duyên gì khi bỏ thân ở Dục giới có Trung [bát] Niết-bàn, còn ở Sắc giới không có?’

“Vị A-na-hàm quán xét những phiền não ở Dục giới có hai loại nhân duyên, một là bên trong, hai là bên ngoài; nhưng ở Sắc giới không có nhân duyên bên ngoài.

“Dục giới lại có hai loại tâm tham ái, một là tham muốn ái dục, hai là tham muốn hình sắc.<sup>(35)</sup> Quán xét hai tâm tham ái ấy rồi hết lòng chê trách. Chê trách như vậy rồi liền có thể nhập Niết-bàn.

“Tại Dục giới, người tu có thể chê trách các phiền não thô thiển như tham tiếc, sân hận, đố kỵ, không biết hổ thẹn... Do nhân duyên này nên có thể nhập Niết-bàn.

“Lại nữa, chúng sanh Dục giới vốn tánh mạnh mẽ. Vì sao vậy? Vì có thể đạt được cả Bốn thánh quả.

“Vì thế nên ở Dục giới có Trung bát Niết-bàn, còn ở Sắc giới thì không.

“Thiện nam tử! Trung bát Niết-bàn có ba bậc: bậc cao, bậc vừa, bậc thấp. Bậc cao là nhập Niết-bàn ngay khi bỏ thân, chưa lìa khỏi Dục giới. Bậc vừa là nhập Niết-bàn khi lìa khỏi Dục giới nhưng chưa lên tới Sắc giới. Bậc thấp là nhập Niết-bàn khi đã lìa khỏi Dục giới rồi lên đến bên cạnh Sắc giới. Ví như loài cá tích được món ăn rồi thì dừng lại, những người này cũng vậy.

“Sao gọi là dừng lại? Vì ở hai cõi Sắc giới và Vô sắc giới mà thọ thân nên gọi là dừng lại. Vì không thọ thân

trong các cõi trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thuộc Dục giới nên gọi là dừng lại. Vì đã dứt trừ vô lượng phiền não trói buộc, chỉ còn lại rất ít nên gọi là dừng lại.

“Lại do nhân duyên gì gọi là dừng lại? Vì không bao giờ tạo tác những việc chung cùng với hạng phàm phu nên gọi là dừng lại. Tự mình không còn sợ hãi và không làm cho kẻ khác sợ hãi nên gọi là dừng lại. Lìa khỏi hai tâm tham ái<sup>(36)</sup> [và các phiền não như] tham tiếc, sân khuể... nên gọi là dừng lại.

“Thiện nam tử! Nói đến bờ bên kia là ví dụ cho các bậc A-la-hán, Phật Bích-chi, Bồ Tát, Phật; cũng như rùa thần đi được cả dưới nước và trên đất liền.

“Do nhân duyên gì mà ví với loài rùa? Vì loài rùa khéo che giấu cả tứ chi và đầu. Các bậc chứng quả từ A-la-hán cho đến chư Phật cũng giống như vậy, khéo che trùm cả năm căn. Cho nên dùng rùa làm ví dụ.

“Nói dưới nước và trên đất liền; nước là ví với thế gian, đất liền ví với xuất thế. Các bậc thánh ấy lại cũng như vậy; vì có thể quán xét tất cả phiền não xấu ác nên đến được bờ bên kia. Vì thế ví như đi được cả ở dưới nước và trên đất liền.

“Thiện nam tử! Như bảy loài chúng sanh dưới sông Hằng. Tuy có những tên gọi như rùa, cá... nhưng thủy đều không lìa khỏi nước. Trong kinh vi diệu Đại Niết-bàn này, từ hạng nhất-xiển-đề lên đến chư Phật, tuy tên gọi khác nhau, nhưng thủy đều không lìa khỏi chất nước là tánh Phật.

“Thiện nam tử! Bảy loài chúng sanh ấy, như có pháp thiện hoặc pháp bất thiện, hoặc đạo phương tiện, hoặc

đạo giải thoát, hoặc đạo tuần tự, hoặc nhân, hoặc quả...  
thầy đều là tánh Phật.

“[Giảng giải những điều như thế] gọi là Như Lai tự ý nói ra.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu có nhân ắt có quả; nếu không nhân ắt không quả. Niết-bàn gọi là quả, nhưng vì Niết-bàn là thường còn nên không có nhân. Nếu không có nhân, sao gọi là quả? Nhưng Niết-bàn cũng gọi là sa-môn, cũng gọi là quả của sa-môn. Vậy thế nào là sa-môn? Thế nào là quả của sa-môn?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong thế gian cả thầy có bảy loại kết quả. Một là quả của phương tiện, hai là quả của sự báo ân, ba là quả của sự thân cận, bốn là quả của tàn dư, năm là quả bình đẳng, sáu là quả của quả báo, bảy là quả của sự xa lìa.

“Thế nào là quả của phương tiện? Như người thế gian đến mùa gặt được nhiều lúa thóc, cùng bảo nhau rằng: ‘Được quả của phương tiện.’<sup>(37)</sup> Quả của phương tiện đó gọi là quả [trực tiếp] của hành vi tạo nghiệp.<sup>(38)</sup> Quả này có hai loại nhân, một là nhân trực tiếp, hai là nhân gián tiếp. Nhân trực tiếp, chẳng hạn như hạt giống; nhân gián tiếp, chẳng hạn như nước tưới, phân bón, nhân công... Như thế gọi là quả của phương tiện.

“Thế nào là quả của sự báo ân? Như người thế gian cung kính nuôi dưỡng cha mẹ, cha mẹ đều nói rằng: ‘Nay chúng tôi đã được hưởng quả của công ơn nuôi dưỡng.’ Con cái biết báo ân cha mẹ thì gọi [sự báo ân] đó là quả. Quả này cũng có hai loại nhân: một là nhân trực tiếp, hai là nhân gián tiếp. Nhân trực tiếp là nghiệp thuận thiện trong quá khứ của cha mẹ; nhân gián tiếp là đứa

con có hiếu mà cha mẹ đã sanh ra. Như thế gọi là quả của sự báo ân.

“Thế nào là quả của sự thân cận? Như có người thân cận bạn tốt hiền thiện, [nhờ đó] chứng đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Người ấy nói rằng: ‘Nay tôi đã được quả của sự thân cận.’ Quả này cũng có hai loại nhân: một là nhân trực tiếp, hai là nhân gián tiếp. Nhân trực tiếp là lòng tin [của bản thân]; nhân gián tiếp là bạn tốt hiền thiện. Như thế gọi là quả của sự thân cận.

“Thế nào là quả của tàn dư?<sup>(39)</sup> Như [có người] do nhân không giết hại mà [về sau] được thân thứ ba sống lâu. Đó gọi là quả của tàn dư. Quả này cũng có hai loại nhân: một là nhân trực tiếp, hai là nhân gián tiếp. Nhân trực tiếp là thân, miệng, ý thanh tịnh; nhân gián tiếp là [những nghiệp lành dẫn đến]<sup>(40)</sup> sự sống lâu. Như thế gọi là quả của tàn dư.

“Thế nào là quả bình đẳng? Đó là môi trường thế giới [mà tất cả chúng sanh cùng sống trong đó]. Quả này cũng có hai loại nhân: một là nhân trực tiếp, hai là nhân gián tiếp. Nhân trực tiếp là nói chúng sanh tu Mười nghiệp lành; nhân gián tiếp là Ba tai kiếp lớn.<sup>(41)</sup> Như thế gọi là quả bình đẳng.<sup>(42)</sup>

“Thế nào gọi là quả của quả báo? Như người được [quả báo có] thân thanh tịnh rồi, lại tu tập ba nghiệp thanh tịnh về thân, miệng, ý. Người ấy có thể nói: ‘Tôi được quả [của quả] báo. Quả này cũng có hai loại nhân: một là nhân trực tiếp, hai là nhân gián tiếp. Nhân trực tiếp là thân, miệng, ý hiện tại thanh tịnh; nhân gián tiếp là thân, miệng, ý trong quá khứ [đã tu tập] thanh tịnh. Đó gọi là quả của quả báo.’<sup>(43)</sup>

“Thế nào là quả của sự xa lìa? Đó chính là Niết-bàn. [Vì sự] xa lìa các phiền não, làm tắt cả nghiệp lành là nhân của Niết-bàn. Lại cũng có hai loại nhân: một là nhân trực tiếp, hai là nhân gián tiếp. Nhân trực tiếp là nói Ba môn giải thoát,<sup>(44)</sup> nhân gián tiếp là tất cả pháp lành đã tu tập trong vô lượng kiếp.

“Thiện nam tử! Trong pháp thế gian, hoặc nói nhân sanh ra, hoặc nói nhân thành tựu. Đối với pháp xuất thế cũng vậy, cũng nói có nhân sanh ra, có nhân thành tựu.

“Thiện nam tử! [Như] Ba môn giải thoát, Ba mươi bảy phẩm [trợ đạo] có thể làm nhân sanh ra sự chấm dứt của tất cả phiền não, cũng làm nhân thành tựu của Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Lìa xa phiền não thì thấy rõ được Niết-bàn một cách sáng suốt, minh bạch, cho nên Niết-bàn chỉ có nhân thành tựu mà không hề có nhân sanh ra.

“Thiện nam tử! Theo như lời ông hỏi: ‘Thế nào là sa-môn? Thế nào là quả của sa-môn?’

“Thiện nam tử! Sa-môn<sup>(45)</sup> là Tám chánh đạo, quả của sa-môn là [tu tập] theo Chánh đạo nên rốt ráo được xa lìa vĩnh viễn tất cả [phiền não như] tham, sân, si... Như thế gọi là sa-môn và quả của sa-môn.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Tám chánh đạo gọi là sa-môn?”<sup>(46)</sup>

Phật dạy: “Thiện nam tử! Người đời dịch nghĩa sa-môn là pháp đạo, [nghĩa là đạo dứt trừ mọi sự thiếu thốn]. Như [Tám chánh] đạo là dứt trừ tất cả sự thiếu thốn, dứt trừ tất cả đạo. Vì nghĩa ấy nên gọi Tám chánh đạo là sa-môn. [Tu tập] theo Tám chánh đạo sẽ đạt được Thánh quả, nên gọi là quả của sa-môn.

“Thiện nam tử! Lại nữa, [sa-môn dịch nghĩa là tĩnh chí, là tâm ý an tĩnh, nên] người thế gian ưa thích sự vắng lặng an tĩnh cũng gọi là sa-môn. Như [Tám chánh] đạo cũng vậy, có thể giúp người tu tập lìa khỏi những điều xấu ác của thân, miệng, ý..., được cái vui vắng lặng an tĩnh, cho nên gọi [người tu tập Tám chánh đạo] là sa-môn.

“Thiện nam tử! [Sa-môn cũng dịch nghĩa là tức ác, là chấm dứt mọi sự xấu ác, nên] người đời từ chỗ thấp hèn [vươn lên] thành người cao thượng gọi là sa-môn. Như [Tám chánh] đạo cũng vậy, có thể khiến người thấp hèn thành người cao quý, cho nên gọi [người tu tập Tám chánh đạo] là sa-môn.

“Thiện nam tử! Vị A-la-hán tu tập [Tám chánh] đạo này, đạt được quả sa-môn, cho nên gọi là giải thoát. Quả A-la-hán tức là năm phần Pháp thân của bậc Vô học, gồm giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Nhân nơi năm phần [Pháp thân] này mà được giải thoát, nên gọi là bậc Giải thoát. Vì đã được giải thoát nên [vị ấy] tự nói ra rằng:

*Tử sanh nay đã dứt rồi,  
Hạnh thanh tịnh đã vun bồi thành công,  
Việc cần làm đã làm xong,  
Từ nay vĩnh viễn không còn thân sau!*

“Thiện nam tử! Vị A-la-hán này đã dứt trừ vĩnh viễn nhân duyên của sự sanh ra trong quá khứ, hiện tại và vị lai, nên tự nói rằng: ‘Tử sanh nay đã dứt.’ Lại cũng vì đã dứt trừ thân năm ấm trong Ba cõi nên nói rằng: ‘Tử sanh nay đã dứt.’

“Chỗ tu tập hạnh thanh tịnh của vị này đã rất ráo, nên nói rằng: ‘Hạnh thanh tịnh đã trọn vẹn.’ Lại cũng vì đã buông xả sự học đạo nên nói rằng: ‘Hạnh thanh tịnh đã trọn vẹn.’

“Theo như chỗ mong cầu từ xưa, nay đã đạt được nên nói rằng: ‘Việc cần làm đã làm xong.’ Việc tu tập Chánh đạo đã đạt kết quả nên cũng nói rằng: ‘Đã xong.’

“Vì đạt được Tận trí<sup>(47)</sup> và Vô sanh trí<sup>(48)</sup> nên nói rằng: ‘Tử sanh nay đã dứt, mọi phiền não trói buộc trong Ba cõi đều đã dứt sạch.’ Vì nghĩa ấy nên gọi là bậc A-la-hán, đã được giải thoát.

“Cũng giống như A-la-hán, vị Phật Bích-chi cũng vậy.

“Bồ Tát và Phật thành tựu đầy đủ Sáu ba-la-mật, gọi là ‘đến bờ bên kia’. Vì các vị đã chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề nên gọi là đầy đủ Sáu Ba-la-mật. Vì sao vậy? Vì đạt được kết quả của Sáu Ba-la-mật; vì đạt được quả nên gọi là đầy đủ.

“Thiện nam tử! Trong bảy loài chúng sanh [vừa nói trên, có những người] không tu thân, giới, tâm, tuệ.<sup>(49)</sup> Vì không thường tu tập bốn pháp ấy nên thường tạo tác năm tội nghịch, có thể dứt mất căn lành, phạm vào bốn giới cấm nặng, phỉ báng Phật, Pháp, Tăng; nên gọi [những người ấy] là thường chìm sâu.

“Thiện nam tử! Trong bảy hạng người [đã nói], nếu ai biết gần gũi bậc thiện tri thức, hết lòng lắng nghe và thọ nhận Chánh pháp của Như Lai, khéo suy xét nội tâm, sống theo đúng Chánh pháp, tinh cần tu tập thân, giới, tâm, tuệ, vì thế được gọi là vượt sông sanh tử đến bờ giải thoát bên kia.

“Nếu nói rằng hạng nhất-xiển-đề đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đó là đấm nhiễm vương chấp; nếu nói rằng không đạt được thì là hư dối.

“Thiện nam tử! Trong bảy hạng người [kể trên], có khi chỉ một người gồm đủ [tính chất của] bảy hạng ấy, hoặc có khi bảy hạng người đều có chung một tính chất [trong số đó].

“Thiện nam tử! Nếu có người trong lòng nghĩ điều quái lạ, miệng nói điều quái lạ, rằng: ‘Hạng nhất-xiển-đề đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề,’ nên biết là người ấy phỉ báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu có người trong lòng nghĩ điều quái lạ, miệng nói điều quái lạ, rằng: ‘Hạng nhất-xiển-đề không đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề,’ người ấy cũng gọi là phỉ báng Phật, Pháp, Tăng.

“Thiện nam tử! Nếu người nói rằng: ‘Tám phần Thánh đạo là chỗ đạt được của phàm phu,’ thì người ấy gọi là phỉ báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói rằng: ‘Tám phần Thánh đạo không phải chỗ đạt được của phàm phu,’ thì người ấy cũng gọi là phỉ báng Phật, Pháp, Tăng.

“Thiện nam tử! Như có người nói rằng tất cả chúng sanh nhất định có tánh Phật; hoặc nhất định không có tánh Phật, thì những người ấy cũng gọi là báng Phật, Pháp, Tăng.

“Thiện nam tử! Cho nên trong Khế kinh<sup>(50)</sup> ta dạy rằng: ‘Có hai hạng người phỉ báng Phật, Pháp, Tăng. Một là những người không có lòng tin, vì tâm sân hận [mà phỉ báng]; hai là những người tuy có lòng tin nhưng không hiểu rõ ý nghĩa [Phật pháp, nên vì ngu si mà phỉ báng.]’



“Thiện nam tử! Người có lòng tin mà không có trí tuệ thì thường làm tăng trưởng vô minh. Người có trí tuệ mà không có lòng tin thì thường làm tăng trưởng tà kiến.

“Thiện nam tử! Người không có lòng tin, vì tâm sân hận nên nói rằng: ‘Không có Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo.’ Người có lòng tin nhưng [si mê] không có trí tuệ thì giải nghĩa một cách điên đảo, khiến người nghe pháp phỉ báng Phật, Pháp, Tăng.

“Thiện nam tử! Cho nên ta nói: ‘Người không có lòng tin thì vì tâm sân hận, người có lòng tin vì [si mê] không có trí tuệ, những người ấy có thể phỉ báng Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo.’

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng: ‘Hạng nhất-xiển-đề khi chưa sanh khởi pháp lành mà đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề,’ người ấy cũng gọi là phỉ báng Phật, Pháp, Tăng.

“Nếu nói rằng: ‘Hạng nhất-xiển-đề buông bỏ tâm nhất-xiển-đề rồi, khi mang thân khác sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề,’ người [nói như vậy] cũng gọi là phỉ báng Phật, Pháp, Tăng.

“Nếu nói rằng: ‘Hạng nhất-xiển-đề [cũng] có thể sanh ra căn lành. Sanh căn lành rồi thì căn lành ấy tiếp nối mãi chẳng dứt cho đến khi đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì thế nên nói rằng hạng nhất-xiển-đề [có thể] đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’ Nên biết rằng người [nói như vậy] không hề phỉ báng Tam bảo.

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh nhất định đều có [những đức] thường, lạc, ngã, tịnh của tánh Phật; [những đức ấy] không [phải do] tạo tác, không

sanh ra, [chỉ] vì nhân duyên phiền não nên không thể thấy.’ Nên biết rằng người [nói như vậy] là phỉ báng Phật, Pháp, Tăng.

“Nếu nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều không có tánh Phật, cũng như sừng thỏ, do nơi phương tiện mà sanh ra, trước vốn không rồi sau mới có, từ có rồi trở lại thành không.’ Nên biết rằng người này là phỉ báng Phật, Pháp, Tăng.

“Nếu nói rằng: ‘Tánh Phật của chúng sanh là chẳng phải có, cũng như hư không; là chẳng phải không, cũng như sừng thỏ. Vì sao vậy? Vì hư không là thường, vì sừng thỏ là không thật có. Cho nên có thể nói là cũng có, cũng không. Vì là có nên trừ bỏ [quan niệm cho rằng tánh Phật như] sừng thỏ; vì là không nên trừ bỏ [quan niệm cho rằng tánh Phật như] hư không.’ Người nói như vậy không hề phỉ báng Tam bảo.

“Thiện nam tử! Tánh Phật đó không gọi là một pháp, không gọi là mười pháp, trăm pháp, ngàn pháp, hay vạn pháp... Khi chưa đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thì tất cả [những pháp] thiện, bất thiện, vô ký thủy đều gọi là tánh Phật.

“Đức Như Lai có khi trong nhân nói quả, có khi trong quả nói nhân. Đó gọi là Như Lai tự ý thuyết dạy. Vì tự ý thuyết dạy nên gọi là A-ra-ha. Vì tự ý thuyết dạy nên gọi là Tam-miệu Tam-phật-đà.”

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN BA MƯƠI SÁU

## CHÚ GIẢI

1. Các nhập bên trong: tức nhãn nhập, nhĩ nhập... cho đến ý nhập.
2. Các nhập bên ngoài: tức sắc nhập, thanh nhập... cho đến pháp nhập.
3. Việc ác cũng gọi là quả báo ác: gọi là việc ác vì sẽ dẫn đến quả báo ác, nhưng bản thân việc ác đó vốn là quả báo của việc làm xấu ác trong quá khứ. Như người tạo nghiệp ác phải chịu quả báo phiền não; phiền não đó lại tiếp tục tạo thành nghiệp ác, dẫn đến phải nhận chịu quả báo ác trong tương lai. Vì thế nên nói đây là những “việc ác cũng gọi là quả báo ác”.
4. Việc ác do nghiệp lực: như người sanh trong gia đình đồ tể, đánh cá, thợ săn... do nghiệp ấy mà tiếp tục làm việc giết hại để mưu sanh, rồi sự giết hại đó lại tiếp tục dẫn đến quả xấu ác trong tương lai.
5. Việc ác do quả báo: như người tạo nghiệp phải sanh làm thân súc sanh, như hổ, báo... lại do quả báo đó mà chỉ có một cách sống duy nhất là phải giết hại các loài chúng sanh khác; rồi do việc ác giết hại này lại tiếp tục phải chịu quả báo xấu ác trong tương lai.
6. Ba cảnh giới hiện hữu, tức Tam giới, gồm Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Chúng sanh do nghiệp lực nên xoay vần thọ thân trong ba cõi này. Vì thế, người không khởi tâm chán lìa ba cảnh giới này thì không thể tu tập đạt đến giải thoát.
7. Tức hai hạng người thường chìm sâu: hạng nhất-xiển-đề và không phải nhất-xiển-đề nhưng tham đắm các cảnh giới hiện hữu.
8. Nguyên bản dùng “oai nghi giới” và “tùng giới giới”. Từ điển Phật Quang giải thích về hai danh xưng này như sau: 威儀戒，雖受戒，唯外現威儀，但為名利，欲受人尊敬。從戒戒，順從佛制，清淨三業，內外相稱，如實受持戒行。(Oai nghi giới, tuy thọ giới, tuy ngoại hiện oai nghi, dẫn vị danh lợi, dục thọ nhân tôn kính. Tùng giới giới, thuận tùng Phật chế, thanh tịnh tam nghiệp, nội ngoại tương xứng, như thật thọ trì giới hạnh. - Giới oai nghi, tuy thọ giới, bên ngoài hiện tướng oai nghi, chỉ là vì danh lợi, muốn được người khác tôn kính. Giới vắng làm, thuận theo lời Phật dạy, làm thanh tịnh ba nghiệp, trong ngoài đều tương xứng, thọ trì giới hạnh đúng thật.)
9. Chánh mạng: một trong Tám chánh đạo. Chánh mạng là sanh sống bằng nghề nghiệp chân chánh, không làm tổn hại đến người khác.
10. Giới tìm cầu: đây chỉ sự mong cầu quả báo tốt đẹp trong Ba cõi, do động lực này mà trì giới; giới buông xả, tức buông xả sự hiện hữu trong Ba cõi, dựa trên sự buông xả này mà trì giới.
11. Tên vị tỳ-kheo này được phiên âm từ Phạn ngữ là Kokālika, cũng đọc là Câu-già-lợi, là đệ tử đi theo Đề-bà-đạt-đa.
12. Mười tám giới (Thập bát giới): gồm sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) trong cơ thể, gọi là nội giới; sáu trần (hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm, các pháp) bên ngoài, gọi là ngoại giới; sáu thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức) ở giữa giúp sáu căn nhận biết sáu trần, gọi là trung giới.

13. Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 33, phẩm Bồ Tát Ca-diếp thứ 24, phần thứ ba (Ca-diếp Bồ Tát phẩm đệ nhị thập tứ chi tam).
14. Noãn pháp (*uṣmagata*): Địa vị đầu tiên trong bốn thiện căn, tương đương với ngôi vị thứ nhất trong Tứ gia hành (Noãn gia hành). Hành giả khi đạt được pháp này bắt đầu có khả năng trừ diệt các kiến giải mê lầm, như Thánh trí thiêu đốt mọi tà kiến. Như lửa trước khi bốc cháy bắt đầu có hơi nóng, địa vị tu tập này bắt đầu có được hơi nóng của Thánh trí nên gọi là Noãn pháp.
15. Pháp quán sáu hạnh (Lục hạnh quán): pháp quán của trí hữu lậu dùng để đoạn trừ mê lầm. Theo phép quán này, Ba cõi có chín phần (cửu địa), được phân thành Hạ địa và Thượng địa. Hành giả quán những phần thuộc về Hạ địa là thô xấu, khổ não, chướng ngại nên sanh lòng chán lìa (yếm); quán những phần thuộc về Thượng địa là an tịnh, mẫu nhiệm, xa lìa, từ đó sanh lòng vui thích, ham muốn (hân). Do năng lực của sự chán lìa và vui thích được khởi lên trong phép quán này mà lần lượt dứt trừ được các mối mê lầm thuộc về Hạ địa. Vì thế cũng gọi phép quán này là yếm hân quán (厭欣觀).
16. Mười sáu hạnh (Thập lục hạnh): còn có các tên gọi khác như Thập lục hạnh quán (十六行觀), Thập lục hạnh tướng quán (十六行相觀), Thập lục thánh hạnh (十六聖行), Thập lục đế (十六諦), Tứ đế thập lục hạnh tướng (四諦十六行相). Hành giả khi tu tập quán xét Tứ đế thấy được mỗi chân đế đều có bốn hình tướng khác nhau, tổng cộng là 16 tướng. Nhờ quán xét rõ ràng 16 tướng này mà dứt trừ được mọi mối mê lầm, đạt được giải thoát. Cụ thể, theo Câu-xá luận quyển 26 thì Khổ đế có 4 tướng: một là vô thường (*anitya*), hai là khổ (*duḥkha*), ba là không (*sūnya*), bốn là vô ngã (*anātman*); Tập đế có 4 tướng: một là nhân (*hetu*), hai là tập (*samudaya*), ba là sanh (*prabhava*), bốn là duyên (*pratyaya*); Diệt đế có 4 tướng: một là diệt (*nirodha*), hai là tịnh (*sānta*), ba là điều (*pranīta*), bốn là ly (*niḥsaraṇa*); Đạo đế có 4 tướng: một là đạo (*mārga*), hai là như (*nyāya*), ba là hạnh (*pratipad*), bốn là xuất (*nairyāṇika*).
17. Mã Sư (tức Mã Túc - 馬宿) và Mãn Túc (滿宿): là hai vị tỳ-kheo đứng đầu trong Lục quần tỳ-kheo. Nhóm sáu tỳ-kheo này thường làm nhiều việc sai trái, quấy nhiễu Phật pháp, phạm vào cấm giới.
18. Hạng chúng sanh thứ tư: xem lại ví dụ về bảy loài chúng sanh dưới sông Hằng ở quyển trước.
19. Ba thứ phiền não này tức là: ngã kiến, phi nhân kiến nhân và nghi vọng.
20. Nhẫn trí: mức độ tu chứng đạt được cả nhẫn và trí. Theo Đại thừa thì nhẫn và trí chỉ là một đức, khởi tu quán pháp gọi là nhẫn, quán xét thành tựu gọi là trí.
21. Bốn sự điên đảo: bốn nhận thức sai lầm, trái ngược của người thế tục, vô thường cho là thường, khổ cho là vui, bất tịnh cho là tịnh và vô ngã cho là hữu ngã.
22. Tu-đà-hoàn (*Srota-āpanna*): quả vị đầu tiên trong Bốn thánh quả của hàng Thanh văn, dịch nghĩa là Nhập lưu (入流), Chí lưu (至流) hay Nghịch lưu (逆流); các nhà Tân dịch về sau dịch là Dự lưu (預流).
23. Bồ Tát Ca-diếp thưa hỏi như vậy vì thấy tất cả các quả vị này đều xứng danh “Nghịch lưu” (ngược dòng), không riêng gì quả vị Tu-đà-hoàn.
24. Tận trí (*kṣaya-jñāna*): trí tuệ khởi đầu của bậc vô học, do dứt trừ hết mọi phiền não mà khởi sanh trí tuệ nên gọi là tận trí.

25. Vô sanh trí (*anutpādayñāna*): trí tuệ rõ biết tất cả các pháp đều là vô sanh, nên gọi là Vô sanh trí.
26. Chỉ và quán: nguyên bản dùng xa-ma-tha (*samatha* - một trong 7 tên gọi khác nhau của thiền định, dịch nghĩa là chỉ 止, là tịch tĩnh 寂靜) và tỳ-bà-xá-na (*vipāśyanā* - dịch nghĩa là quán 觀).
27. Tâm trí (Bát trí): hành giả do sự quán sát Bốn chân đế chứng đắc Bốn chân đế trong phạm vi Dục giới nên đạt được Tứ pháp trí (四法智), sau đó tiếp tục chứng đắc Bốn chân đế ở hai cõi trên là Sắc giới và Vô sắc giới, đạt Tứ loại trí (四類智). Tứ pháp trí và Tứ loại trí hợp thành Bát trí, là những phần ban sơ của Vô lậu trí.
28. Vì danh xưng của quả vị A-na-hàm (*Anāgāmin*) có nghĩa là Bất hoàn (不還) hoặc Bất lai (不來).
29. Về bốn tâm này của vị A-na-hàm, Đại thừa nghĩa chương (大乘義章), quyển 17, có giải thích như sau: Tâm thứ nhất chẳng phải học, chẳng phải vô học là tâm thọ sanh; tâm thứ hai học là tâm tu học đối trị phiền não; tâm thứ ba vô học là tâm chứng quả A-la-hán; tâm thứ tư chẳng phải học, chẳng phải vô học là tâm mạng chung, tức tâm vào lúc nhập Niết-bàn.
30. Năm cõi trời tịnh cư (Ngũ tịnh cư thiên - 五淨居天, Phạn ngữ: *Suddhāvāsa*): tức năm cõi trời thanh tịnh, là nơi thọ sanh của hàng A-na-hàm, nên cũng gọi là Ngũ Na-hàm thiên hay Ngũ Bất hoàn thiên. Năm cõi trời này gồm có: 1. Vô phiền thiên (無煩天 - Phạn ngữ: *Avrha*), 2. Vô nhiệt thiên (無熱天 - Phạn ngữ: *Atapa*), 3. Thiện hiện thiên (善現天 - Phạn ngữ: *Sudrśa*), 4. Thiện kiến thiên (善見天 - Phạn ngữ: *Sudarśana*), 5. Sắc cứu cánh thiên (色究竟天 - Phạn ngữ: *Akaniṣṭha*).
31. Huân thiên (熏禪): một trong bốn pháp thiền thuộc Xuất thế gian thiên. Bốn pháp thiền này gồm có: 1. Quán thiên (觀禪), 2. Luyện thiên (練禪), 3. Huân thiên (熏禪), 4. Tu thiên (修禪). Bốn pháp này thường được gọi chung là Quán luyện huân tu (觀練薰修).
32. Nguyên bản Hán văn dùng A-na-bàn-đề (阿那邠坻), phiên âm từ Phạn ngữ *Anātapindika*, tức tinh xá Kỳ Viên, cũng gọi là Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên, một trong các trú xứ lớn của chư tăng vào thời đức Phật, tên Phạn ngữ đầy đủ là *Jetavana Anāthapiṇḍasyārāma*.
33. Rừng Kỳ-đà: nguyên khu vườn rừng này trước là sở hữu của trưởng giả Kỳ-đà, sau bán phần đất ấy cho ông Cấp Cô Độc để cúng dường đức Phật và chư tăng làm chỗ tu tập, còn vườn cây thì tự ông Kỳ-đà cũng cúng dường lên Phật, nên gọi tên là rừng Kỳ-đà. Tên Phạn ngữ là *Jetavana Anāthapindada-ārāma*.
34. Ý nói vị sa-môn đã buông bỏ hết tài sản của thế tục, làm người nghèo túng. Nếu không như thế không thể gọi là sa-môn.
35. Theo Nam bản thì chỗ này dùng “thực ái” (tham muốn sự ăn uống), chúng tôi xét thấy ý nghĩa hẹp hơn, không hợp bằng chữ “sắc ái” như trong Bắc bản đã dùng. Có thể khi thực hiện Nam bản các vị thấy rằng hình sắc cũng nằm trong “dục ái” chăng? Nhưng như vậy thì sự tham muốn các món ăn cũng không ra ngoài năm món dục (sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục và xúc dục). Theo chỗ chúng tôi hiểu thì “dục ái” ở đây hẳn chỉ cho sự tham muốn ái dục, là sự tham muốn căn bản nhất của chúng sanh trong Dục giới, và hiểu như thế thì “sắc ái” cũng có thể được tách riêng ra khỏi sự tham muốn này.

36. Hai tâm tham ái: là tham muốn ái dục (dục ái) và tham muốn hình sắc (sắc ái) vừa nói ở đoạn trước.
37. Quả phương tiện ở đây có thể hiểu là những kết quả có được nhờ sử dụng đến các phương tiện khác nhau trong quá trình tạo tác.
38. Mọi thứ quả đều do hành vi tạo nghiệp (nghiệp hành), nhưng loại quả phương tiện này là kết quả ngay trong hiện thế (gieo trồng rồi gặt hái), không đợi đến đời sau nên chúng tôi tạm gọi là trực tiếp. Thuộc loại quả này là những hành vi mang lại kết quả ngay trước mắt của chúng ta, chẳng hạn như trồng cây hái quả, bắc cầu qua sông, học hỏi thành tài...
39. Quả của tàn dư là chỉ những quả báo mà người tạo tác nhận chịu về sau, bởi hành vi đã trôi qua nhưng để lại kết quả nhận lãnh về sau nên gọi là tàn dư.
40. Theo Niết-bàn kinh sơ giải thì ở đây chỉ đến việc bố thí thức ăn và y phục cho người khác, là những nghiệp dẫn đến được sống lâu.
41. Ba tai kiếp lớn (Tam tai): gồm có thủy tai (nạn hồng thủy, lụt lớn), hỏa tai (nạn lửa thiêu) và phong tai (nạn gió bão). Ba tai kiếp này tất yếu phải xảy ra trong quá trình thành trụ hoại không của mỗi thế giới, nên là nhân gián tiếp làm thay đổi môi trường thế giới mà chúng sanh đang sống.
42. Với loại quả này thì tất cả chúng sanh ra đời trong cùng một thế giới đều lãnh chịu như nhau, nên gọi là bình đẳng.
43. Vì nhân trong quá khứ tạo thành quả hiện nay, nhưng chính quả báo hiện nay được dùng làm nhân để tạo thành quả trong tương lai, nên gọi đó là quả của quả báo.
44. Ba môn giải thoát (Tam giải thoát môn): Ba pháp môn dẫn đến sự giải thoát, gồm có Không, Vô tướng và Vô tác.
45. Sa-môn: chỉ người xuất gia tu hành nói chung, vì vào thời đức Phật, danh xưng này cũng được dùng cho các tu sĩ ngoại đạo. Tuy nhiên, về sau có khuynh hướng chỉ dùng để chỉ các tu sĩ Phật giáo mà thôi. Danh từ này phiên âm từ Phạn ngữ là *śramaṇa* nên đôi khi cũng đọc là sa-môn-na, đồng nghĩa. Các âm đọc khác là sa-văn-na (沙聞那), tang-môn (桑門), táng-môn (喪門). Về ý nghĩa cũng có rất nhiều cách dịch khác nhau như: cần lao (勤勞), công lao (功勞), cù lao (劬勞), cần khẩn (勤懇), tĩnh chí (靜志), tịnh chí (淨志), tức chỉ (息止), tức tâm (息心), tức ác (息惡), cần tức (勤息), tu đạo (修道), bần đạo (貧道), phạp đạo (乏道). Tựu trung các danh xưng này đều mô tả tính chất của sự tu tập và mục đích hướng đến của vị sa-môn.
46. Bản Hán văn có lúc dùng sa-môn, có lúc dùng sa-môn-na, đều là phiên âm từ Phạn ngữ *śramaṇa*. Chúng tôi cố gắng dựa theo ý kinh để chuyển dịch nhất quán nhằm giúp độc giả dễ theo dõi hơn.
47. Tận trí: dịch từ Phạn ngữ là *kṣaya-jñāna*, chỉ trí tuệ đạt được sau khi đã dứt trừ tất cả phiền não.
48. Vô sanh trí: dịch từ Phạn ngữ là *anutpādayñāna*, chỉ trí tuệ cao trở nhất của vị A-la-hán, thấy biết thật tánh của tất cả các pháp không có sự sanh ra.
49. Xem lại phần giảng giải về những người không tu tập bốn pháp thân, giới, tâm, tuệ này ở quyển 31.
50. Khế kinh: chỉ chung tất cả kinh điển do Phật thuyết, vì nghĩa khế hợp với căn cơ chúng sanh nên gọi là Khế kinh.

## MỤC LỤC

### PHÂN HÁN VĂN & CHÚ ÂM

#### 卷第三十一

師子吼菩薩品-第十一之五..... 6-7

#### 卷第三十二

師子吼菩薩品-第十一之六... 98-99

#### 卷第三十三

迦葉菩薩品-第十二之一... 194-195

#### 卷第三十四

迦葉菩薩品-第十二之二... 260-261

#### 卷第三十五

迦葉菩薩品-第十二之三... 328-329

#### 卷第三十六

迦葉菩薩品-第十二之四... 408-409

## PHÂN DỊCH NGHĨA

#### QUYỂN BA MƯƠI MỐT

PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỔNG

Phẩm thứ mười một - Phần năm ..... 58

#### QUYỂN BA MƯƠI HAI

PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỔNG

Phẩm thứ mười một - Phần sáu ..... 154

#### QUYỂN BA MƯƠI BA

PHẨM BỒ TÁT CA-DIẾP

Phẩm thứ mười hai - Phần một ..... 232

#### QUYỂN BA MƯƠI BỐN

PHẨM BỒ TÁT CA-DIẾP

Phẩm thứ mười hai - Phần hai ..... 298

#### QUYỂN BA MƯƠI LĂM

PHẨM BỒ TÁT CA-DIẾP

Phẩm thứ mười hai - Phần ba ..... 374

#### QUYỂN BA MƯƠI SÁU

PHẨM BỒ TÁT CA-DIẾP

Phẩm thứ mười hai - Phần bốn ..... 468